

症 雜 音 解 畧 醫

Y LƯỢC GIẢI ÂM

TẬP CHỨNG

Lý-Thái : TẠ-PHÚC-HẢI, soạn thuật

Trưởng-Nam : TẠ-ĐỨC-HẢO, tham bình

Tôn : ĐỨC-CƠ, ĐỨC-MỸ, kiểm hiệu

IN LẦN THỨ NHẤT

Soạn-giả giữ bản-quyền



hàng an, 15 II 1962

Nam-muon-hoa

1931

NHÀ IN NGÔ - TỬ - HẠ

24-46, Phố Nhà Thờ

HANOI

31100





BÀI TỰA

Đời xưa vua Thần-Nông nếm các cây thuốc, chia ra những tính nóng, lạnh, ôn, bình. Vua Hoàng-Đế hỏi ông Kỳ-Bá các thứ bệnh, ông Kỳ-Bá đáp lại các phép chữa; từ đó mới sinh ra đạo thuốc. Đến đời nhà Tần nhà Hán về sau lại có cá ông Hiên-Y nài lên phép tắc mỗi ngày càng tinh; sách vở mỗi ngày càng nhiều, nhưng mà nhà-nước không mở khoa thuốc; cho nên học-trò chẳng cần học tập chỉ những nhà làm thuốc cũ nhân sao cũ mà làm, hoặc có người biếng lười ngại những sự tra xét, cũng có người thật thà vụng chẳng biết biến thông. Đến khi xem bệnh thời trong bụng hồ đồ; thuốc men làm nhảm, thường có bệnh nhẹ hóa nặng bệnh nặng thành nguy; thực tại nghề thuốc không tinh, sao gọi là nhân thuật được?

Ngày nay vua ta trị vì bốn phương yên lặng, phong hóa mở mang, văn-minh lần tới. Vừa gặp khi nhà-nước Bảo-hộ rộng mở học-đường; lại có trang thuốc; thế thời sách thuốc của ta sao nên bỏ mà không học du!

Tôi những muốn hết lòng tra xét để thay những thói biếng lười, hết sức biến thông để đổi những lòng cầu nệ khiến cho ai ai điều hiểu nghề thuốc không mắc phải những sự nhảm nhỡ.

Vậy nên đem các pho sách thuốc, hơn hai mươi bộ, liệt kê cả ra đem ngày tra xét bỏ bớt những nhời xa xôi, chọn lấy những phép chuẩn đích đích ra tiếng nôm để cho dễ đọc. Khi sách đã làm xong gọi lên là: « **Y-Lược Giải-Âm** » để giúp cho những bậc sơ-học, lại nghĩ rằng: soạn sách một mình còn là nông nổi thảo lược những mong rằng các ông Cao-minh sửa soạn lại cho tường.

Thực là mong lắm lắm.

Kính tựa

Lý-Thái, TẠ ĐỨC HÀO

Hanoi, le 4 Janvier 1921



Phàm - lệ

Điều thứ nhất. — Quyền sách này kinh theo phép pho Bản-thảo của Vua Thần-Nông biên các hình thuốc. Pho Nội-kinh của vua Hoàng-Đế bản luận các bệnh và các phép chữa, nghĩa lý sâu xa, thực là vua thánh làm ông tổ đạo thuốc.

Điều thứ hai. — Lại kinh theo phép các pho sách thuốc của các ông Tiên-hiền biên luận bệnh chứng đặt thêm các bài thuốc chia làm 6 phép gọi rằng: Hàn, nhiệt, bổ, hòa, công, tán, lại có 8 trận phương mới thêm ra 2 trận cố, nhân, thực là thần diệu lắm.

Điều thứ ba. — Trong sách thuốc những các tên bệnh thời bực sơ-học chữa biết cho hết, vậy nên phải tường nói đáng bệnh thế nào, như là vẽ ra, để xem thời biết ngay không phải tra cứu nữa.

Điều thứ tư. — Những các bài thuốc hoặc có nhiều vị mãnh liệt, hoặc có vị nóng quá, lạnh quá, bởi vì người đời xưa tâm tính khác, bằng nay có dùng thời phải nên cho ít, hoặc là dảm đi hoặc sợ khi dùng có nhầm, mà không vớt lại được chẳng?

Điều thứ năm. — Những các vị thuốc có thật có giả, dùng vị thật thì hay, dùng vị giả thời không ích lợi gì hoặc lại có tổn phải hỏi những người kinh lịch đã lâu thì mới biện được, như vị thực-dịa phải phơi nấu đủ 9 ngày thời mới thật là chín, như vị trần-bì, bán-hạ chỉ-thực, chỉ-xác phải để lâu năm thời mới dùng được, còn những vị khí bạc phải dùng ngay, để lâu thì hỏng.

Điều thứ sáu. — Trong một bệnh, có hai ba bài thuốc, là để xét xem bài nào có vị ưa nên dùng, hoặc có vị không ưa, để mà kén chọn, lại còn phương dẫn dị, một bệnh, dùng năm, bảy phương, là để cho tùy tiện dễ tìm, hoặc có ưa hay là không ưa chẳng.

Điều thứ bảy. — Các bài thuốc lập thành, là để làm phép, nhưng mà xét bệnh tình các thứ, hoặc là ngoại nhân hay là nội nhân, bệnh ở thượng tiêu hay là ở hạ tiêu, và xem nóng lạnh nhiều ít nhường nào, thời gia dảm quyền nghi, phép ở tại mình, mỗi lúc một khác, chớ có câu nệ chấp phương khiến cưỡng mà tạm dùng.

Điều thứ tám. — Trong sách này có vị pháp-hạ, bởi hàng bào chế hiệu khác có chế vị bán-hạ y như phép trong sách đây mà làm gọi là pháp-hạ lại đem tằm dầu sữa bò gọi là tô hạ.



目 録

MỤC - LỤC

| | | | |
|------|-----------|----------|------------------------------|
| 1 經絡 | Kinh lạc | 6 望聞問切 | Vọng văn vấn thiết |
| 2 臟腑 | Tạng phủ | 7 表裏寒熱虛實 | Biểu lý hàn nhiệt hư thực |
| 3 陰陽 | Âm dương | 8 內傷外感辨 | Nội thương ngoại cảm biện |
| 4 水火 | Thủy hỏa | 9 傷風傷寒辨 | Thương phong thương hàn biện |
| 5 氣血 | Khi huyết | 10 諸虛症辦 | Chư hư chứng biện |

| | | | |
|-------|-----------------------------------|-------|---|
| 1 內傷 | Nội thương Trong mình nhọc mệt | 11 寒厥 | Hàn quyết Bệnh hàn chân tay lạnh |
| 2 傷風 | Thương phong Cảm gió | 12 熱厥 | Nhiệt quyết Bệnh nhiệt chân tay lạnh |
| 3 傷寒 | Thương hàn Cảm lạnh | 13 氣厥 | Khi quyết Tức giận ngất đi |
| 4 中風 | Trùng phong Phải gió ngã ra | 14 血厥 | Huyết quyết Bệnh huyết ngất đi |
| 5 中寒 | Trùng hàn Phải khí lạnh ngã ra | 15 痰厥 | Đàm quyết Bệnh đờm ngất đi |
| 6 中暑 | Trùng thử Trùng nắng ngã ra | 16 酒厥 | Tửu quyết Bệnh rượu ngất đi |
| 7 傷暑 | Thương thử Cảm nắng | 17 色厥 | Sắc quyết Bệnh dâm dục ngất đi |
| 8 傷濕 | Thương thấp Bị ẩm ướt | 18 食厥 | Thực quyết Ăn no quá ngất đi |
| 9 燥症 | Táo chứng Bệnh khô ráo | 19 臟厥 | Tạng quyết Tạng lạnh ngất đi |
| 10 火症 | Hỏa chứng Bệnh lửa nóng | | |



- | | | | |
|-------|--|-------|---|
| 20 蝮厥 | Hồi quyết Bệnh run làm ngất đi | 36 吐血 | Thổ huyết Nôn ra máu |
| 21 尸厥 | Thi quyết Quỷ đánh ngất đi | 37 衄血 | Nục huyết Đổ máu cam |
| 22 邪祟 | Tà tỳ Bệnh ma làm | 38 咳血 | Khái huyết Ho ra máu |
| 23 瘟疫 | Ôn dịch Bệnh thời khí | 39 咯血 | Khác huyết Khạc ra máu |
| 24 瘴氣 | Trương khí Bệnh ngã nước | 40 溺血 | Niệu huyết Đái ra máu |
| 25 瘧疾 | Ngược lạt Bệnh sốt rét | 41 便血 | Tiên huyết Ỉa ra máu |
| 26 寒熱 | Hàn nhiệt Bệnh lạnh và bệnh nóng | 42 齒齲 | Sĩ nục Khe răng chảy máu |
| 27 瘕病 | Kính bệnh Bệnh kinh trợn mắt trợn lưng | 43 舌齲 | Thiệt nục Lưỡi chảy máu |
| 28 瘵飲 | Đàm ẩm Bệnh đờm rãi | 44 臑齲 | Cơ nục Da thịt chảy máu |
| 29 停飲 | Đình ẩm Nước óc ách trong bụng | 45 汗症 | Hãn chứng Bệnh đổ mồ-hôi |
| 30 咳嗽 | Khái thẩu Ho hắng | 46 飲食 | Ẩm thực Ăn uống sinh bệnh |
| 31 喘促 | Suyễn súc Thở gấp | 47 脾胃 | Tỳ vị Bệnh tỳ vị hư |
| 32 哮喘 | Hào hống Kéo hen | 48 胃風 | Vị phong Bệnh gió vào dạ- dầy |
| 33 癆瘵 | Lao sai Ho lao | 49 惡心 | Ố tâm Lợm nôn |
| 34 肺癰 | Phế ung Buồng phổi mọc dọt | 50 噯氣 | Ái khí Ợ hơi |
| 35 肺痿 | Phế nuy Buồng phổi khô héo | 51 吞酸 | Thôn toan Nuốt chua |
| | | 52 儲雜 | Tào tạp Trưởng trong bụng không có gì |



- | | | | |
|-------|---------------------------------------|-------|--|
| 53 呃逆 | Ách nghịch Bệnh nấc | 70 健忘 | Kiến vong Hay quên |
| 54 嘔吐 | Âu thổ Nôn mửa | 71 怔忡 | Chỉnh sung Hoảng hốt |
| 55 吐水 | Thổ thủy Nôn ra nước trong | 72 驚悸 | Kinh quĩ Khiếp sợ |
| 56 吐衄 | Thổ vư Nôn ra run | 73 消渴 | Tiên khát Khát nước đi dài nhiều |
| 57 噯氣 | Uế khí Bệnh oẹ và nôn khan | 74 鬱病 | Uất bệnh Bệnh uất |
| 58 反胃 | Phiên vị Nôn mửa mãi không thôi | 75 癲狂 | Điên cuồng Dồ dại |
| 59 噎膈 | Ế cách Bệnh nghẹn | 76 癡獸 | Si ngại Ngờ ngẩn |
| 60 關格 | Quan cách Trong bụng ngăn cách | 77 癰症 | Dãn chứng Bệnh động kinh |
| 61 痞滿 | Bĩ mãn Bụng tức đầy | 78 頭痛 | Đầu thống Đức đầu |
| 62 積聚 | Tích tụ Bệnh hòn trong bụng | 79 頭風 | Đầu phong Đầu ù như sấm |
| 63 水腫 | Thủy sưng Bệnh phù nước | 80 須髮 | Tu phát Đầu tóc sớm bạc rụng |
| 64 氣腫 | Khí sưng Bệnh phù hơi | 81 面病 | Diện bệnh Mặt có bệnh |
| 65 鼓脹 | Cổ trương Bệnh cổ bụng to | 82 目痛 | Mục thống Đau mắt |
| 66 黃癰 | Hoàng đản Da bụng vàng | 83 肩病 | Mi bệnh Lông mày đau |
| 67 眩暈 | Huyền vưng Sầm tối mắt | 84 耳病 | Nhĩ bệnh Đau tai |
| 68 虛煩 | Hư phiền Buồn bức | 85 鼻病 | Tị bệnh Đau mũi |
| 69 不寐 | Bất寐 Không ngủ được | 86 口舌 | Khẩu thiệt Đau trong mồm, lưỡi |
| | | 87 唇病 | Thần bệnh Đau môi |

- | | | | |
|--------|---------------------------------------|--------|--|
| 88 齒痛 | Sĩ thống Đau răng | 105 吐瀉 | Thổ tả Miệng nôn, trôn tháo |
| 89 頰車 | Giáp sa Sưng quai hàm | 106 霍亂 | Hoắc loạn Bụng đau hoắc loạn |
| 90 咽嗑 | Yết hầu Đau trong cổ | 107 膝腫 | Tất sưng Xung đầu gối |
| 91 梅核 | Mai hạch Trong cổ như có bột mỡ | 108 脚氣 | Cước khí Xung bàn chân |
| 92 咽硬 | Yết ngạnh Bệnh hóc xương | 109 風痺 | Phong tý Bệnh ốm tê |
| 93 頸項 | Cảnh hạng Đau ngoài cổ | 110 足痿 | Túc nuy Chân héo rũ |
| 94 結核 | Kết hạch Bệnh mọc hạch | 111 陽痿 | Dương nuy Ngọc-hành héo rũ |
| 95 聲瘖 | Thanh ảm Tiếng nói khàn | 112 陽強 | Dương cường Ngọc-hành cứng mãi |
| 96 肩背 | Kiên bối Đau vai và lưng | 113 疝氣 | Sán khí Đau âm-nang |
| 97 臂痛 | Tỷ thống Đau cánh tay | 114 房室 | Phòng thất Bệnh phạm phòng |
| 98 腋臭 | Dịch xú Bệnh hôi nách | 115 遺精 | Di tinh Chảy tinh khí ra |
| 99 胸脇 | Hung hiếp Đau ngực và đau xườn | 116 白濁 | Bạch trọc Nước tiểu đục như nước cơm |
| 100 心痛 | Tâm thống Đau quả tim | 117 溺白 | Niệu bạch Nước tiểu trắng như vôi |
| 101 腰痛 | Yêu thống Đau ngang thắt lưng | 118 淋病 | Lâm bệnh Bệnh đi dái buốt |
| 102 腹痛 | Phúc thống Đau bụng | 119 遺溺 | Di niệu Són dái ra |
| 103 腹鳴 | Phúc minh Sôi bụng | 120 癃閉 | Long bế Bị tiểu tiện |
| 104 腹狹 | Phúc hiếp Trong bụng quắt lại | 121 秘結 | Bí kết Bị đại tiện |



| | | | | | |
|-----|----|--|-----|----------|---|
| 122 | 泄瀉 | Tiết tả Bệnh đi tả | 128 | 詐病 | Trá bệnh Bệnh giả cách |
| 123 | 痢疾 | Ly tật Bệnh đi ly | 129 | 反畏 | Phản úy Vị thuốc phản nhau, sợ nhau |
| 124 | 腸風 | Trường phong Đi iả ra máu | 130 | 藥性 泡製 | Dược tính bào chế Tính các vị thuốc sao tẩm |
| 125 | 交腸 | Giao tràng Đại tiện, tiểu tiện lẫn lộn (đái ra đường iả, iả ra đường đái). | 131 | 臟腑 要藥 | Tạng phủ yếu dược Thuốc hợp tạng phủ |
| 126 | 脫肛 | Thoát sang Bệnh lòi tử | 132 | 南藥 | Nam dược Thuốc nam |
| 127 | 虫病 | Trùng bệnh Trong bụng có trùng | | | |

經 絡

1. — Kinh-Lạc

十 二 經 脉

Mười hai đường mạch đi dọc

Kinh-thái-âm ở tay thuộc về buồng phổi. Sáng ngày từ ba giờ ở huyết Chung-phủ bên trên vú cách ba cái xương đi ra cánh tay xuống đến bên trong đầu ngón tay cái huyết Thiếu-thương thì thôi.

Kinh-dương-minh ở tay thuộc về ruột già, từ năm giờ sáng ở huyết Thiếu-thương giao sang bên trong đầu ngón tay chỗ huyết Thương-dương nơi cánh tay đi lên qua vai đến bên mũi huyết Nghênh-hương thời thôi.

Kinh-dương-minh ở chân thuộc về dạ-dầy từ bảy giờ sáng ở huyết Nghênh-hương giao sang ở dưới con mắt bảy phân huyết Thừa-khấp đi lên trán lại quanh xuống cổ qua ngực bụng xuống đùi đến bàn chân bên trong đầu ngón chân thứ hai huyết Lệ-đoái thời thôi.

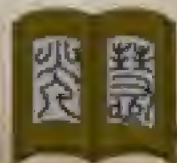
Kinh-thái-âm ở chân thuộc về lá-lách từ chín giờ sáng ở huyết Lệ-đoái giao sang bên trong đầu ngón chân cái huyết Ân-bạch nơi qua đùi đi lên bụng đến dưới nách ba tắc huyết Đại-bao thời thôi.

Kinh-thiếu-âm ở tay thuộc về quả tim từ mười một giờ trưa ở huyết Đại-bao giao sang dưới nách hai tắc huyết Cực-toàn nơi qua cánh tay đến bên trong đầu ngón tay út huyết Thiếu-sung thì thôi.

Kinh-thái-dương ở tay thuộc về ruột non từ một giờ chiều ở huyết Thiếu-sung giao sang đầu ngón tay út bên ngoài huyết Thiếu chạch nơi qua cánh tay đi lên qua vai đến mặt, trên lỗ tai huyết Thỉnh-cung thì thôi.

Kinh-thái-dương ở chân thuộc về bong bóng từ ba giờ chiều ở huyết Thỉnh-cung giao sang bên trong đầu con mắt huyết Tĩnh-minh nơi qua đầu xuống lưng lại qua đùi xuống bên ngoài đầu ngón chân út huyết Chi-âm thời thôi.

Kinh-thiếu-âm ở chân thuộc về trái cật từ năm giờ chiều ở huyết Chi-âm giao sang gan bàn chân huyết Dũng-toàn nơi



qua đầu gối lên bụng đến ngực dưới xương nhón buyệt Du phủ thì thôi.

Kinh-quyết-âm ở tay thuộc về mạng bọc quả tim từ bảy giờ chiều ở huyết Du phủ giao sang bên dưới vú hai tắc, huyết Thiên-chỉ nối qua cánh tay đến bàn tay, đầu ngón tay giữa huyết Chung-sung thì thôi.

Kinh-thiếu-dương ở tay thuộc về bọc tam tiêu từ chín giờ đêm ở huyết Chung sung giao sang bên ngoài đầu ngón tay thứ tư huyết Quan-sung nối cánh tay đi lên đến mặt, trước cửa tai huyết Nhĩ-môn thì thôi.

Kinh-thiếu-dương ở chân thuộc về trái mặt từ mười một giờ đêm ở huyết Nhĩ môn giao sang con mắt huyết Đồng-tử-liêu qua bên tai xuống vạng sườn qua đùi đến bên ngoài đầu ngón chân thứ tư huyết Khiếu-âm thì thôi.

Kinh-quyết-âm ở chân thuộc về buồng gan từ một giờ đêm ở huyết Khiếu âm giao sang đầu ngón chân cái huyết Đại-dôn nối qua đầu gối đi lên đến bụng dưới vú, đầu xương sườn thứ hai huyết Kỳ-môn thì thôi.

Đến ba giờ lại bắt đầu lại.

十 五 絡 脉

Mười lăm đường mạch đi rẽ ngang

| | | |
|------------------|--------|--------------------------------------|
| Kinh-thái-âm | ở tay | dây lạc tên là <i>Liệt-khuyết</i> |
| Kinh-thiếu-âm | ở tay | dây lạc tên là <i>Thông-lý</i> . |
| Kinh-quyết-âm | ở tay | dây lạc tên là <i>Nội-quan</i> . |
| Kinh-thái dương | ở tay | dây lạc tên là <i>Chi-chính</i> . |
| Kinh-dương-minh | ở tay | dây lạc tên là <i>Thiên-lịch</i> . |
| Kinh-thiếu dương | ở tay | dây lạc tên là <i>Ngoại-quan</i> . |
| Kinh-thái dương | ở chân | dây lạc tên là <i>Phi-dương</i> . |
| Kinh dương minh | ở chân | dây lạc tên là <i>Phong long</i> . |
| Kinh-thiếu-dương | ở chân | dây lạc tên là <i>Quang-minh</i> . |
| Kinh-thái âm | ở chân | dây lạc tên là <i>Công lôn</i> . |
| Kinh thiếu âm | ở chân | dây lạc tên là <i>Thái-trung</i> |
| Kinh-quyết-âm | ở chân | dây lạc tên là <i>Lãi-câu</i> . |
| Mạch-dương-dốc | | dây lạc tên là <i>Tràng-cường</i> |
| Mạch-âm-nhâm | | dây lạc tên là <i>Âm-hội</i> |
| Kinh-tý | | dây lạc nhón tên là <i>Đại-bao</i> . |



奇經八脉

Tám mạch kỳ kinh

Mạch đốc từ huyết Trạng-cường ở xương cùng chỗ trũng nơi xương sống lưng đi lên qua đầu óc, xuống mũi vào huyết Ngận-rao ở khe răng cửa trên.

Mạch-nhâm từ huyết Âm-hội ở trước Đàng-môn nơi qua bụng đi lên đến huyết Thừa-tương ở giữa môi dưới.

Mạch-sung từ huyết Khí-sung ở gần Tiền-âm qua bẹn nơi sống lưng sang bụng đến trong cổ quanh mồm mép.

Mạch-dương-kiêu từ trong gót chân nơi mắt cá ngoài đi lên đến huyết Phong-tri ở sau tai, mạch này đi ở sau lưng gọi là Dương.

Mạch-âm-kiêu từ mắt cá trong nơi bụng đi lên đến trong cổ, mạch này đi ở bụng gọi là Âm.

Mạch-dương duy từ huyết Kim-môn ở kinh thái-dương dưới mắt cá ngoài chỗ trũng dằng buộc các mạch dương thuộc ở ngoài.

Mạch-âm duy từ huyết Chúc-tân ở kinh thiếu-âm trên mắt cá trong dằng buộc các mạch âm thuộc ở trong.

Mạch đại từ huyết Quý-lạc ở dưới xương sườn cắt tiếp xương lưng quấn quanh khắp mình tóm các mạch như buộc đai lưng.

臟腑

2. — Tạng-Phủ

十二官

Mười hai quan

Quả tim là ngôi vua chúa.

Sự thông minh bởi đó mà ra.

Buồng phổi là chức Tể-tướng.

Quan văn coi việc cai trị trong nước



Bồng gan là chức Tướng-quân.
 Quan võ nghĩ việc mưu lược binh cơ.
 Trái mặt là quan Trung-chính.
 Ngay thẳng quyết đoán mọi việc trong ngoài.
 Trong mỗ-ác là quan nội đình.
 Những sự vui vẻ bởi đó mà ra.
 Lá-lách là chức can ngăn.
 Chủ việc khuyên giải thông biến các nhẽ.
 Dạ-dầy là chức chủ kho tàng.
 Chứa chất thóc gạo các vị.
 Quả bồ-đục là chức chủ kho.
 Tạo tác sinh ra những việc khôn khéo.
 Ruột non là chức coi máy lọc.
 Chia ra làm hai thứ: trong, đục.
 Ruột già chuyên việc vận tải.
 Các vật cho hết không để lưu lại.
 Bọng tam-tiền chủ việc khơi sông.
 Từ thượng nguồn đến hạ lưu cho thuận ròng nước chảy.
 Bong-bóng là chức giữ cửa sông.
 Tự hội hể đầy thì mới phóng ra.

五 臟 所 屬

Ngũ-tạng sở thuộc

Buồng gan thuộc hành-mộc là cây ở phương đông chủ các gân màng thông tia ra mắt những các sắc xanh, các mùi chua và khi gào thét, dạn dữ đều thuộc về buồng gan.

Quả tim thuộc hành-hỏa là lửa ở phương nam, chủ các mạch máu thông tia ra lưỡi những các sắc đỏ, các vị đắng, những khi vui cười mừng rỡ đều thuộc ở tim.

Lá-lách thuộc hành-thổ là đất ở khu giữa chủ các thớ thịt thông tia ra miệng những các sắc vàng các vị ngọt và khi ngậm hát nghĩ ngợi đều thuộc lá-lách.

Buồng-phổi thuộc hành-kim là vàng ở phương tây chủ ngoài da chân lông thông tia ra mũi, những các sắc trắng các vị cay và khi than khóc thương lo đều thuộc buồng phổi.

Trái-cật thuộc hành-thủy là nước ở phương bắc chủ các xương tủy thông tia ra tai những các sắc đen, các vị mặn và khi rên rỉ sợ hãi đều thuộc về trái-cật.



五 臟 見 症 Ngũ-tạng-hiện-chứng

Quả-tim nhân lửa uất thì hay hăm hừ.
Buồng gan nhân gió động thì hay nói.
Buồng-phổi nhân khí sung ngược hóa ra ho.
Trái cật nhân khí không nạp xuống hóa ra thổ.
Con tỳ nhân hư tổn nên hay nhai nuốt.
Lửa nóng thì thần hỏa mê, quả tim chứa thần ghét
sự nóng.
Lạnh thì tổn khí, buồng phổi chủ khí ghét sự lạnh.
Gió thì máu khô, buồng gan chủ huyết ghét sự gió.
Âm thấp thì đất nát, con tỳ thuộc thổ ghét sự ướt.
Giới hanh thì khô ráo, trái cật ưa nhuận ghét sự ráo
Quả tim chứa thần, sót sa lo nghĩ thì thương tổn tinh thần.
Lá lách chứa ý tứ, sâu khổ lắm thì tổn hại ý tứ.
Buồng gan chứa hồn, khốc lóc thồn thừc thì thương hồn.
Buồng phổi chứa vía, vui mừng quá sức thì hại vía.
Trái cật chứa tinh và chứa trí, dạn dĩ lắm thì hại trí,
sợ hãi quá thì tổn tinh.

陰 陽 3. — Âm Dương

Giới là dương, đất là âm.
Mặt trời là dương, mặt giếng là âm.
Ban ngày là dương, ban đêm là âm.
Cha là dương, mẹ là âm.
Lửa là dương, nước là âm.
Nóng là dương, lạnh là âm.
Dương chủ động cự, âm chủ yên lặng.
Dương chủ ở ngoài, âm chủ ở trong.
Dương chủ lên trên, âm chủ xuống dưới.
Dương hóa ra khí, âm thành ra hình.
Dương là giống đực, âm là giống cái.



Nhẹ nhàng là dương, nặng nề là âm.
 Mạnh khỏe là dương, yếu đuối là âm.
 Nhanh chóng là dương, chậm chạp là âm.
 Vui mừng là dương, buồn rầu là âm.
 Quả-tim, buồng-phổi là dương.
 Buồng-gan, trái-cật là âm.
 Dạ-dầy thuộc dương, lá-lách thuộc âm.

Bệnh thuộc âm phát ra chậm mà lâu khỏi. Bệnh thuộc dương phát ra chóng mà mau khỏi. Khí dương hư thì ngoài da lạnh. Khí âm hư thì trong bụng nóng. Khí âm ít, khí dương nhiều hơn cho nên mình nóng mà bụng đầy. Khí dương ít, khí âm nhiều cho nên mình lạnh như ngâm nước. Khí dương thoát mất thì mắt mờ. Khí âm thoát mất thì trông thấy ma quỷ. Tà khí cắm vào dương phận thì lửa bùng lên hóa ra bệnh cuồng. Tà khí cắm vào âm phận thì máu tụ lại hóa ra bệnh tê. Khí lạnh cắm ở ngoài dương phận thì phát sốt mà sợ lạnh. Khí lạnh cắm vào âm phận thì không sốt mà sợ lạnh.

水 火

4. — Thủy Hỏa

Quả-tim là Quân-hỏa. Mệnh môn là Tướng-hỏa. Bàng-quang là Dân-hỏa. Ba thứ ấy gọi là : Tam-muội-chân-hỏa. Như Long-hỏa, Thiếu-hỏa cũng là Tướng-hỏa. Lôi-hỏa là Can-hỏa. Tráng-hỏa là Tà-hỏa. Còn những Phế-hỏa, Vị-hỏa, Tam-tiên-hỏa trong tạng phủ đều có hỏa cả. Nhưng mà Thiếu-hỏa thì sinh ra khí. Tráng-hỏa thì tiêu mất khí đi.

Hết thấy cả như : máu, mồ, mồ-hôi, nước-bọt, nước-mắt, nước mũi, đờm, rãi, nước tiểu và tinh khí đều thuộc về thủy cả

Mệnh-môn-hỏa là gốc các thứ lửa, thận thủy là nguồn các dòng nước. Bồ-dục thuộc nước, tinh nước là trí cho nên bồ-dục chứa trí-khôn

Quả-tim là lửa, tính lửa là thần cho nên quả-tim chứa thần thiêng. quả-tim là lửa có hình thì thận thủy khắc phạt. Mệnh-môn là lửa không hình thì thận thủy sinh nuôi. Lửa



động thì nóng, lửa uất thì lạnh, lạnh quá hóa ra nóng; nóng quá hóa ra lạnh.

Lửa quả-tim đã suy thì lửa minh-môn cũng kém, ấy là nơi có bình khuy tồn đến cả chỗ không bình.

Lửa Minh-môn đã bùng thì lửa quả tim cũng cháy, thế là chốn không hình suag động đến cả nơi có hình.

Lửa dương rẽ cứu, nước âm khó cầu, vì như một tí lửa đốt được cả muôn khoảnh đồi núi. Một gáo nước khó lòng tưới được cả một xe lửa.

Lửa có hình thuộc dương phải chính trị lấy thuốc lạnh chữa nóng.

Lửa không hình thuộc âm phải tòng trị lấy thuốc nóng chữa bình nóng.

Dùng thuốc lạnh không thấy mát bởi vì thận thủy hư; dùng thuốc nóng không thấy nóng bởi vì tương hỏa suy.

Những nơi lửa nấp dấu chẳng qua ở trong tý thổ, thận thủy mà thôi.

Lửa yên ở ngôi. Nước thuận dòng chảy thì các bộ vị trong mình người ta đều sung sướng cả.

命門論

Minh-môn luận

Pho nội-kinh đức Hoàng-đế có nói: bên cạnh đốt xương sống thứ bảy trong ấy có quả-tim con là ám chỉ ngôi huyết Minh-môn. Kinh-dịch nói: phương Bắc thuộc quẻ khảm, một hào dương ở giữa hai hào âm ở hai bên thực là huyết Minh-môn ở đó. Tên Minh-môn từ ông Biền-Thước mới đặt ra trong pho Nạn-kinh đến nạn thứ ba mươi sáu có nói: hai quả bồ-đục bên tả là thận, bên hữu là Minh-môn, đến nay chữa ai hiểu được nghĩa ấy. Ông Triệu-dưỡng-Quý làm pho Y-quán có vẽ đồ huyết Minh-môn hai bên lại thêm có lỗ đen trắng, bảo rằng: lỗ trắng là tương hỏa, lỗ đen là chân thủy. Như thế thì Minh-môn đã là hỏa mà bên cạnh lại thêm tương hỏa nữa, có nhẽ dấu một kinh thận mà kiêm hai hỏa ru. Ông Cảnh-Nhạc thường nói: không phải sách ông thánh thì không nên học, cho nên Phương-bát-trận có đặt bài tả-quy, hữu-quy



là muốn theo ý pho Nạn-kinh. Nay tôi cứ theo ý pho Nội-kinh và tượng quẻ-khảm thì hai bổ-đục là chân thủy, Minh-môn ở giữa là chân hỏa, còn đến như hai lỗ đen trắng chỉ làm đối hoặc cho người ta không lấy ị làm bằng cứ.

氣 血

5. — Khí Huyết

Vinh là huyết, vinh là óa da thịt người. Vệ là khí, hộ vệ gân xương người.

Buồng-phổi chủ khí thở hơi ra, bổ-đục nạp hơi xuống, buồng-gan chủ huyết chứa máu. Con ty sinh ra máu, quả-tim tóm cả các mạch máu.

Khí thuộc dương chủ động cựa làm khơi đường cho huyết.

Huyết thuộc âm chủ yên lặng phải nương vào khí.

Khí không được huyết phụ vào thì tan ra mà không tóm lại được.

Huyết không có khí dẫn đi thì đọng lại mà không lưu thông được.

Khí hư thì ngoài da tẻ như gãi ngoài áo, huyết hư thì gân mạch cứng như gỗ.

Trong huyết phận mà không có khí thì chân tay rời rã rã.

Trong khí phận mà không có huyết thì gân mạch co quắp lại.

Khí thực thời nóng, khí hư thì lạnh, bệnh thực ưa thuốc mát, bệnh hư ưa thuốc nóng. Khí phận nhiều lắm hóa ra lửa nóng vì bằng ít ỏi thì lạnh lẽo. Phần huyết dồi dào thì hay dân dữ, nếu mà vơi cạn thì sợ hãi.

Khí như lửa nóng nhiều thì máu dễ theo lên.

Huyết như nước lạnh ít nước nên lửa càng cháy.

Phần huyết thịnh vượng hơn khí thì người béo mà yếu.

Phần khí mà bội hơn huyết thì người gầy mà thọ.

Vị khí hư không liễm được nguyên-dương ở trung cung.

Âm huyết ít không nạp được long hỏa ở hạ tiêu.

Bệnh thương hàn thì khí uất ở trong mà mình lạnh.

Chứng thương thử thì khí tán ra ngoài mà mình nóng.

Bệnh nôn mửa thì tổn dương khí, khí hư thì sợ hãi.



Chứng đi tả thì hao âm huyết, huyết hư thì kinh hoang.

Bệnh đã thất huyết rồi lại nhân ngoại cảm, dùng phát hãn cũng không có hồ-hối.

Chứng thổ huyết dùng thanh hỏa không khỏi, phải phát hãn mới được.

Người ta khi ngủ thì máu vào trong buồng gan, nếu mà huyết hư can khi liết ra thì không ngủ được lại hay đi tiểu. Khi huyết chẳng được đều hòa thì lưu đọng hóa ra ung cái. Khi huyết người ta ví như nguồn suối nhiều thì lưu thông, ít thì đọng lại.

望 聞 問 切

6. — Vọng văn vân thiết

望 法

Vọng-pháp

Phép vọng để xem hình sắc

Mặt đỏ là nhiệt. Mặt tối tăm là hàn. Mặt trắng bạch là khí hư. Mặt xanh là gan uất. Mặt đen là thận bại. Mặt vàng là tỳ hư.

Mắt đỏ là nhiệt. Mắt lim rim là hàn. Lưỡi không có rêu tả còn ở ngoài. Lưỡi có rêu trắng tả đã vào trong. Lưỡi trắng chuyển vàng tả đã thành lửa nóng. Lưỡi đen và ráp là vị hỏa nóng quá. Lưỡi đỏ mà có gai là con tâm nhiệt. Lưỡi đen mà mềm là thận hư. Môi khô nứt là âm hư. Môi sưng đỏ là nhiệt độc. Môi xám là hàn. Môi đỏ trong bụng có dun.

Mũi ngạt nước đặc là phong nhiệt. Mũi chảy nước trong là phế hàn.

Cau lông mày là rúc đầu.

Tay sờ bụng là đau vị oản. Nổi thời lắc đầu là đau trong bụng. Muốn quạt là nhiệt uất. Cầm cập môi là trong bụng lạnh. Nhược bằng tay bắt chuồn-chuồn, vuốt áo, sờ giường là bệnh nguy.

Còn như là nhân-trung sưng sưng, mũi như ống khói, quầng mắt trũng, mặt đen, môi xám, mắt mờ, răng khô, lóc



dụng, bá mồm thổ ra, quanh mồm đen xám, thổ như kéo cưa, bồ-hôi như dầu, bồ-hôi trán như hạt châu, móng tay xanh xám, lưỡi rụt, nói ngọng, đại, tiểu, són ra đều là bệnh nguy lắm cả

聞 法

Vấn-pháp

Phép vấn là đề nghe tiếng lăm

Hay cười là tâm hỏa thịnh, Kêu khóc là xương tử đau, dạn dừ hay mắng chửi là bệnh ở buồng gan; thương thời, hơi ra là bệnh uất, hơi không đủ thổ là tỷ khí hư, muốn nói không nói, nói sẽ cũng sợ là thận bệnh, nói nhỏ mà run là nội thương, hay rên-rĩ là lòng mình đau âm ỷ; vọt chốc nói khản là nhân-phong-hỏa. Ốm đau, mất tiếng là hư hỏa hun lên phổi. Tiếng nói khỏe mạnh còn là ngoại-cảm, vì mà nói nhảm không thôi, người có hơi thối đều là bệnh nguy.

問 法

Vấn-pháp

Phép vấn đề hỏi bệnh tình

Bệnh phải từ bao giờ? Đã uống thuốc đâu chưa? Trong mình nóng lạnh thế nào? Có đồ bồ-hôi không? Có rừc đâu không? Tai có ù không? Mình mảy có đau không? Ăn uống thế nào? Mồm có biết ngon không? Trong cổ có đau không? Có nôn mửa không? Vai lưng có đau không? Ngực có đầy không? Bụng có đau không? Có ngủ được không? Khi đêm có nặng hơn không? Đi tiểu có được trong không? Đại tiện có lợi không?

Đàn bà phải hỏi: kinh-nguyệt có đều không? có mang tháng nào không?



七表八裏九道脉名

Thất-biểu bát-lý cửu-đạo mạch danh

Phù, khu, hoạt, thực, huyền, hồng,
Mạch-khẩn là bảy, dương cung bình, ngoài.
Trầm, vi, trì, hoãn, mấy nơi;
Sắc, phục, nhu, nhược, tám loài bình trong.
Tế, sắc, hư, động, bốn cung;
Súc, kết, tán, đới cách chung chín đường.
Còn ba mạch: đại, đoản trường,
Sách kinh đã chép phải tường xem qua.

諸脉形狀

Chư mạch hình trạng

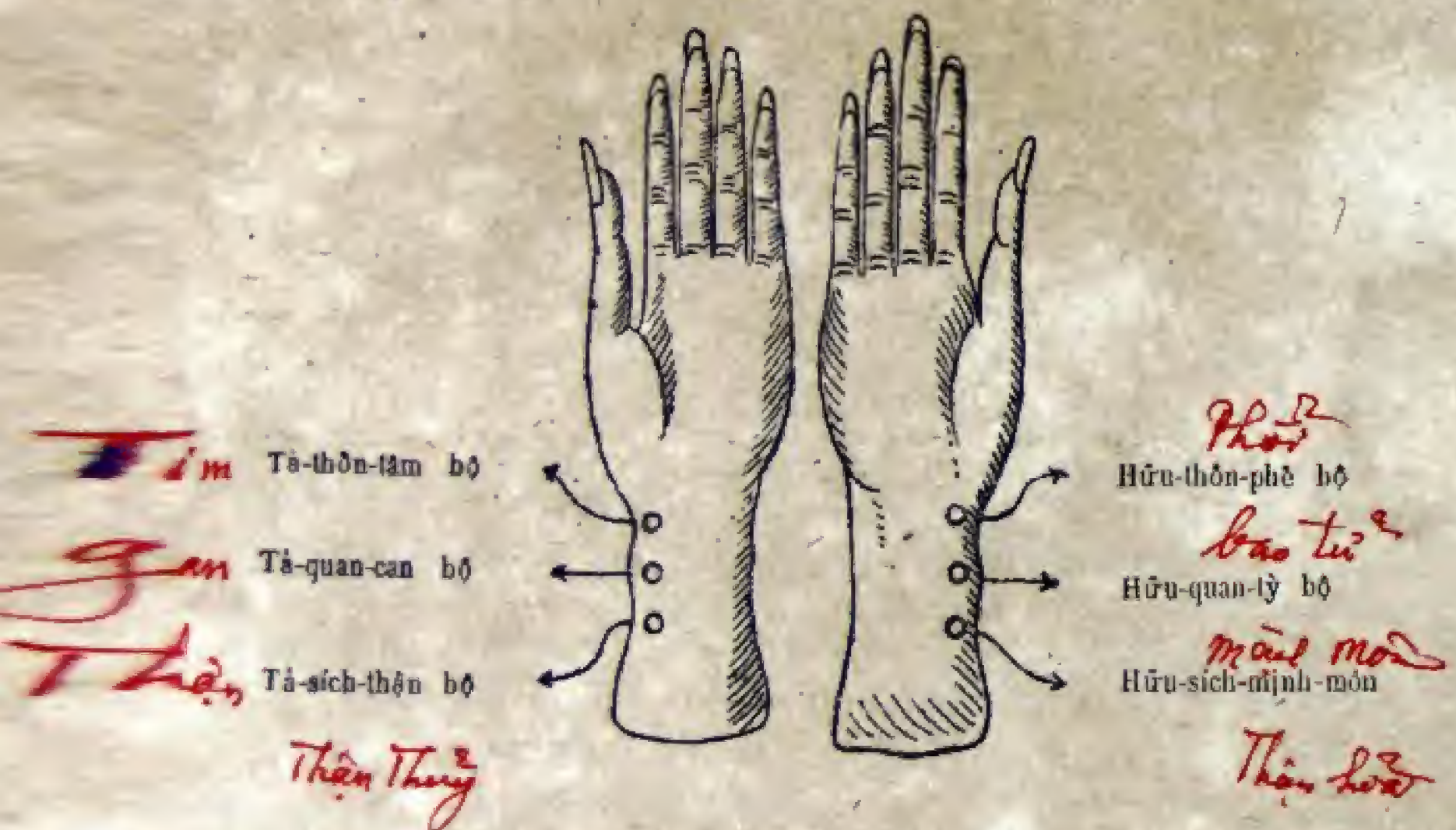
Mạch phù nổi ở ngoài da,
Mạch trầm ẩn nặng ấy là bình âm.
Mạch trì ba chỉ chờ nhằm,
Mạch sắc sáu chỉ vừa tầm một hơi.
Hoạt trơn như chuỗi hạt trai,
Mạch sắc rín rít cạo ngoài cật tre.
Mạch đại to nhôa chín ghê,
Mạch hoãn bốn chỉ đến kỳ bình yên.
Hồng như nước cả tung lên,
Mạch thực chắc chắn vững bền không chi.
Huyền như cung cứng cự kỳ.
Mạch khẩn năm chỉ bằng thì lồi dây.
Mạch trường vượt quá ngón tay,
Mạch khu lép kẹp có dây dàu ư.
Mạch vi như rện vương lơ.
Mạch tế rầu nhỏ còn sờ thấy tăm.
Mạch nhu yếu sức khôn cầm.
Mạch nhược muốn mất dễ tầm được nao.
Mạch hư rỗng tếch có đầu,
Mạch cách như thể trống châu mới bưng.



切 法

Thiết-pháp

Phép thiết để xem sáu bộ mạch



Tay chiều ba bộ mạch gì?

Tả thốn tâm bộ cùng thì ruột non.

Tả quan trái mặt buồng-gan.

Tả tích thận thủy bàng quang cũng tùy.

Ba cung tay mặt lại suy,

Hữu thốn buồng phổi kiêm chi ruột già.

Hữu quan tỳ vị hai nhà.

Hữu tích mệnh hỏa cùng là tam tiêu.

Một tay không mạch lạ điều,

Gọi là đan-phục khác chiều người ta.

Hai tay mạch chẳng hiện ra,

Gọi là song-phục dễ hòa tìm đây.

Phản quan mạch ở sau tay,

Bởi vì gân chuyển vật ngay ra ngoài.

Người đau mạch khỏe kìa ai!

Nội-hư tên gọi những người lạ thay.

Mạch bình người chẳng sao đây,

Hành-thi tên gọi dễ nay biết cùng

Động như hạt đậu từng từng.
Mạch lãn tan lác nhẹ chừng thấy hơi
Mạch phục nấp ở miền khơi,
Mạch tuyệt dứt mất đầy chơi chẳng còn.
Đoản thời ngắn ngủi còn con.
Súc thì chạy chóng lon xon lại dừng.
Kết thời thông thả cũng chừng,
Mạch đợi hồi chỉ đếm bằng như nhau.

諸脉主病 Chư mạch chủ bệnh

Trải xem các bệnh cơ mầu,
Mạch tình phải xét nóng sâu mới làm.
Phủ phong khu huyết hoạt đàm.
Huyền lao thực nhiệt, vi hàn khẩn đau.
Hồng như lửa đốt càng mau,
Trầm nhân khí uất hoãn hầu bì tê
Nhược thời xương tỷ đau é.
Mạch nhu đa hãn giả thì không sao.
Sắc thời tình huyết lộn hao,
Phục thì quan cách tri bao lạnh lưng.
Mạch trường khí huyết doanh sung,
Tế là khí thiếu đợi cùng khí suy.
Súc sắc dương thịnh nhiệt di.
Đoản trệ kết tích đại thì bệnh lên.
Hư kinh động thoát chẳng yên,
Cách là quái mạch hư hàn biến thiên.

七死脉 Thất tử mạch

Lại xem bảy mạch thành tiên,
Chim sẻ lộp bộp mổ liền năm ba.
Nhả dọt thánh thót dọt xa,
Gãy hòn đá cuội bật ra khôn tìm.



Bọn dây rối rít chẳng êm.
Thung thăng cả lợi chột liền vầy đuôi.
Cóc đi nhảy cái lại ngồi,
Lắm tấm nổi bọt nước sôi tuôn rào.

人迎氣口脉
Nhân nghênh khí khẩu mạch

Nhân nghênh ngoại cảm xem sao.
Tay chiều bộ thốn phong trào thất nghi.
Nội thương khí khẩu tường suy,
Thốn cung tay phải dòi khí thất tình.

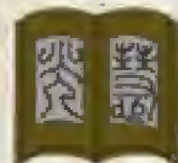
冲陽太溪脉
Sung dương thái Khê mạch

Sung dương trên huyết nội đình,
Khe ngón chân trở mạch bình động lên.
Thái Khê mắt cá trong bên,
Khe gân gót mạch động liền ứng tày.
Những người bệnh đã nguy đây,
Xem sung-khe-mạch còn nay lại bồi.
Sung-dương, tỷ vị hai ngôi,
Thái-khe thận mạch là nơi gốc nguồn.

表裏虛實寒熱

7. — Biểu lý hư thực hàn nhiệt

Biểu chứng là ngoại cảm; khi gió, rét, nắng, mưa, khô, nóng gọi là lục dâm.



Lý-chứng là nội-thương, lúc mừng, lúc giận, lo, nghĩ, thương, kinh, sợ gọi là Thất-tình. Còn như đói, no, mệt mỏi cũng là nội-thương.

Hư-chứng như là hơi thở thì ngắn, hình thể thời yếu, thường đồ mồ-hôi, tinh-thần hoảng hốt, ưa nóng ghét lạnh, tay thường ôm bụng, mạch chạy thời yếu; lại còn có âm hư, dương hư, khí hư, huyết hư, thủy hư, hỏa hư không giống nhau, phải xét cho phân minh mà dùng thuốc bổ.

Thực-chứng như là bụng không có mồ-hôi, dờm rãi nhiều quá, đồ đại trong lòng uất giận, bụng chướng móm vào đau, bụng có trướng tích, đại tiện bế kết, mạch chạy khỏe lắm, xét xem chứng ấy phải dùng thuốc tả ngay đi.

Hàn-chứng như môi trắng nhợt, miệng không khát, chân tay lạnh, nước tiểu trong, đại tiện lỏng, bụng thì lạnh, mạch trầm nên dùng thuốc nóng.

Nhiệt-chứng thì mặt đỏ, khát lại thích nước lạnh, tiểu tiện vàng đỏ, đại tiện táo kết, môi se, lưỡi khô, mạch thời hồng sắc có sức, phải dùng thuốc mát. Lại còn dương hư nóng ở ngoài, phải bổ tý cho thu dương vào. Âm hư nóng ở trong, phải bổ âm cho lửa xuống.

Giả-hàn chứng, là nóng quá hóa ra lạnh, lại hay sợ lạnh, đắp áo trùm chăn, chân tay lạnh giá, mà tay lạnh không đến khủy, chân lạnh không quá đầu gối, mạch chạy thì khỏe thử cho uống nước lạnh thì mát ruột lắm.

Giả-nhiệt chứng là lạnh quá hóa ra nóng, lại sinh những sự bệnh phiền táo; cổ khô, miệng khát mạch nhỏ mà chạy chậm, thử cho uống nước lạnh uống vào lại nôn ra.

內傷外感辨

8. — Nội-thương ngoại-cảm biện

Ông Lý-dông-Viên nói rằng: « những khi người ta ăn uống thất thường và khó nhọc quá sức là bệnh nội-thương. Những khi cảm gió lạnh vào xương thịt là bệnh ngoại cảm; hai chứng ấy tựa tựa giống nhau; mà thuốc chữa thì khác, vì bằng không biện bạch rõ, dùng thuốc nhầm lỗi thời thêm tổn hại lắm.



Bệnh nội-thương phát sốt lúc nóng, lúc khỏi, hoặc cồi trần ra cũng thấy mát mẻ.

Bệnh ngoại-cảm phát sốt chẳng lúc nào không, hễ ra được mồ-hôi thời mới khỏi sốt.

Bệnh nội-thương sợ lạnh, được vào nơi ấm áp thời thời.

Bệnh ngoại-cảm sợ lạnh dầu đắp chăn đốt lửa cũng không khỏi.

Bệnh nội-thương sợ gió, thời không sợ gió to, chỉ sợ gió lò khe cửa.

Bệnh ngoại-cảm sợ gió dù gió nhơn, gió nhỏ cũng không chịu được.

Bệnh nội-thương rức đầu, chợt đau chợt khỏi.

Bệnh ngoại-cảm rức đầu phải dùng thuốc phát tán mới khỏi, hay là tả khí truyền vào trong thời cũng khỏi.

Bệnh nội-thương trong bụng có thấp khi thì miệng không khát hoặc là tâm hỏa khắc phế-kim thời cũng khát nước.

Bệnh ngoại-cảm hoặc hai ba ngày tả truyền vào trong bấy giờ mới khát.

Bệnh nội-thương thì chân tay rời rã mỗi một hay năm.

Bệnh ngoại-cảm khắp trong mình gân xương đau đớn.

Bệnh nội-thương nguyên khí suy thì người yếu, mà nói năng biếng lười.

Bệnh ngoại-cảm tả khí thịnh thì người khỏe, mà tiếng nói dẫn dỏi.

Bệnh nội-thương thì gan bàn tay nóng, mà lưng bàn tay lạnh.

Bệnh ngoại-cảm thì gan bàn tay mát, mà lưng bàn tay nóng.

Bệnh nội-thương dù ăn được như miệng không biết ngon, nước tiểu thì vàng, đại tiện hoặc táo hoặc lỏng.

Bệnh ngoại-cảm miệng biết ngon mà không muốn ăn, đại tiện như thường.

傷風傷寒辨

9. — Thương-phong thương-hàn biện

Chứng thương-phong cảm gió lạnh, nhẹ mà nóng chỉ phạm ngoài da chân lỏng.



Chứng thương-hàn cảm gió lạnh nặng má sần truyền vào trong các mạch máu.

Chứng thương phong thuộc dương, mau phát sốt mà mũi sồ chảy nước.

Chứng thương-hàn thuộc âm, chậm phát sốt mà mũi ngạt khó rạo.

Chứng thương phong phát sốt sợ gió dầm đắp bờ-hội mạch phù mà hoãn.

Chứng thương-hàn phát sốt sợ lạnh không có bờ-hội mạch phù mà khẩn.

Chứng thương-phong thời bắt hơi luôn, trên trán bấp sốt.

Chứng thương-hàn thời mình mẩy đau rứt trên đầu vàng rức.

Chứng thương-phong thời phát sốt ho hắng hoặc có mũi ngạt tắc, tiếng nói khê.

Chứng thương-hàn thời sốt rứt phát xuyên hoặc có đau gân cổ, cứng xương lưng.

Chứng thương-phong thời mặt mũi sáng sủa chân tay hơi nóng.

Chứng thương-hàn thời mặt mũi ảm sần chân tay hơi lạnh.

Chứng thương-phong tươi rức đầu từng lúc mà hơi nặng hơi vàng.

Chứng thương-hàn thời rức đầu luôn luôn mà như búa bổ như dùi xiên.

Chứng thương-phong là nhẹ cho nên đi lại như thường, ăn uống biết ngon.

Chứng thương-hàn là nặng vậy thời nằm ngồi mỗi mệt, gân xương đau rứt.

諸虛症辨

10. — Chư hư chứng biện

Ôi! nước với lửa thuộc về tiên thiên. Khi cùng huyết thuộc về hậu thiên. Âm và dương là tóm cả tiên hậu thiên mà nói. Nước là mẹ máu Lửa là gốc khí. Âm dương là gọi tên không. Nước lửa là có hình thực. Tiên thiên là thái nguyên khí còn ở trong bụng. Hậu thiên là từ lúc sinh ra cho đến khi nhón.



Bệnh khí hư thời da thịt mát lạnh, ăn không ngon miệng, trười biếng hay nằm, làm lưng hay thở dùng thang *Tứ-quản-tử* bội nhân-sâm gia hoàng-kỳ : 2 đồng

Bệnh khí hư hạ hãm Sự hạ hãm là hư tổn quá lắm thời con mắt lim rím mè man không tỉnh, tinh thần mỏi mệt, muốn nằm không dậy dùng thang *Bổ-trung ích-khí*.

Bệnh huyết hư thời da thịt gầy đen, lông; tóc khô cứng, gân mạch co quắp, đại-tiện táo sấp dùng bài *Đại-doanh-tiên*, bài *Tiểu-doanh-tiên*.

Bệnh dương hư thời sắc mặt trắng bệch, chân tay giá ngắt việc dương chẳng dậy lên, đại-tiện lỏng nát dùng thang *Phụ-tử-lý-trung* và *Tứ vị-hồi dương âm*.

Bệnh âm hư thời cổ khô, miệng ráo, đêm thường ít ngủ nước thời khát, xương thời nóng, hễ quá trưa lại phát sốt, dùng bài *Nhất âm tiên*, bài *Gia-giảm-nhất âm-tiên*.

Bệnh thủy hư thời nước bọt khan khô thường hay khát nước, trong bụng nóng nầy, phân như cứt dê, dùng bài *Lục-vị hoán* bài *Tá-quy-âm*.

Bệnh hỏa hư thời ưa nóng sợ lạnh, ăn uống không tiêu, đầu gối lạnh đến bàn chân, sớm ngày nào cũng đi tả dùng bài *Bát-vị-hoán*, bài *Hữu-quy âm*.

Bệnh phế hư thời nói thở hển hển, ho hen nhiều đờm, chân lỏng rão, nhiều mồ hôi, tiếng nói khàn hoặc rè rè dùng thang *Ninh-phế*, bài *Lục-vị-hoán* gia a-giao 2 đồng mạch môn 2 đồng.

Bệnh tâm hư thời hoảng hốt không ngủ được hay dật mình, sợ hãi đánh trống ngực, nói trước quên sau, đại-vãi không biết, dùng bài *Bổ-tâm-thần-hiệu* thang *Quy-tỳ*.

Bệnh vị hư thời ăn uống đình tích, ợ thường chua cồ, lợm giọng nôn mửa, đau bụng đi rửa, dùng bài *Hương-sa-lục quân*, bài *Ngũ-vị-dị-tống*.

Bệnh tỳ hư thời ăn uống kém ít, trong bụng thường đầy, chân tay mỏi yếu, đại-tiện không thực, dùng bài *Dưỡng-trung-tiên*, bài *Ngũ-âm-tiên*.

Bệnh can hư thời chuột rút thường co gân, nằm ngủ hay bóng đè đau bên cạnh sườn và đau bụng dưới, đàn bà thì huyết ít kinh chậm dùng thang *Tứ-vật*, bài *Tam-âm-tiên*.

Bệnh thận hư thời mắt hoa, tai ù, lưng đau, gối mỏi, đầu bạc, răng long, đi tiểu không nhịn được dùng bài *Quy-thận-hoán*, thang *Thập-bồ hoàn*.



脾 陰 虛 辨

Tỳ âm hư biện

Hai kinh tỳ vị hư tổn mà sinh bệnh điều có lúc đầy, nhưng mà vị dương hư mà tức đầy bởi nhân ăn uống chậm tiêu thời còn dễ biết, bằng như tỳ âm hư tổn cũng sinh tức đầy, thời khó biết được.

Ông Lý-đông-Viên dùng huyết được trị tức đầy, ít người biết nhẽ ấy; mà cũng không phân biệt cho: thế nào là tỳ, thế nào là vị, bá có dùng thuốc tiêu không khỏi mà đổi ra huyết được sao cho đành. Nay tôi xin biện cho rõ ràng, để dễ hiểu.

Một thứ kinh dương-minh vị hư, thời mạch bộ quan bên hữu thấy nhu, hoãn hoặc trì, tế; Chứng thời thấy: ăn uống chẳng ngon, trong bụng thường lạnh, hoặc có nuốt chua cở, ợ hơi, bởi vì chậm tiêu sinh ra tức đầy, miệng thường không khát, ấy là dương hư, mà khí lạnh phải dùng Sâm, Truật ôn bổ cho khỏi tức đầy.

Một thứ kinh thái-âm, tỳ hư thời mạch bộ quan bên hữu thấy trầm mà khẩn, ăn uống vẫn điều hòa, trong bụng không lạnh, mà lại không có ợ chua nuốt chua chỉ những khi ăn cơm lâu rồi thời mới thấy tức đầy, hoặc có khát nước thế là tỳ âm hư mà phần máu ít, nên dùng nước tươi thời đất khô, lấy Quy, Thục mà bổ âm thời mới khỏi.

諸 火 症

Chư hỏa chứng

Phế hỏa thịnh quá thời ho ra máu hoặc đờ máu cam, dờm rãi nhiều, nói mất tiếng.

Tâm hỏa vượng hơn thời đồ đại nói nhảm, lưỡi thời đỏ tiếng nói như thét.

Can hỏa mạnh lắm thời ăn buống miệng lại đói ngay bay đau mắt đỏ.



Vị hỏa xung lên thời chân răng chảy máu, lưỡi mọc rêu trắng rêu vàng.

Long-hỏa bốc lên thời khát nước như tát, cuống lưỡi mọc rêu đen, phải tường các môn mà chữa.

列 方

Liệt các bài thuốc

四 君 子 湯

Tứ-quân-tử thang

| | | |
|------------------------|-------------------|--------------------|
| 党参五リ姜炒 | 白朮三リ土炒 | 茯苓三リ |
| Đảng-sâm 5 đồng | Bạch-truật 3 đồng | Phục-linh 3 đồng |
| 炙甘草二リ半 | 紅棗三枚 | 生姜五片 |
| Chích-thảo 1 đồng rưỡi | Hồng-táo 3 quả | Sinh-khương 5 nhát |

補 中 益 氣 湯

Bổ-trung ích-khí thang

| | | |
|------------------|-------------------|--------------------|
| 黃芪二リ炙 | 党参三リ姜炒 | 白朮二リ土炒 |
| Hoàng-kỳ 2 đồng | Đảng-sâm 3 đồng | Bạch-truật 2 đồng |
| 當歸二リ | 炙甘草一リ | 陳皮五分炒 |
| Đương-quy 2 đồng | Chích-thảo 1 đồng | Trần-bì 5 phân |
| 升麻五分 | 柴胡五分 | 生姜三片 |
| Thăng-ma 5 phân | Sái-hồ 5 phân | Sinh-khương 3 nhát |
| 大棗二枚 | | |
| Đại-táo 2 quả | | |



大營煎

Đại-doanh-tiên

熟地 六リ

Thục địa 6 đồng

杞子 二リ

Khởi-tử 2 đồng

肉桂 五分

Nhục-quế 5 phân.

當歸 三リ

Đương-quy 3 đồng

牛 必 二リ

Ngưu-tất 2 đồng

杜仲 二リ

Đỗ-trọng 2 đồng

炙 艸 一リ

Chích-thảo 1 đồng

小營煎

Tiểu-doanh-tiên

熟地 五リ

Thục-địa 5 đồng

淮山 二リ 炒

Hoài-sơn 2 đồng

當歸 二リ

Đương-quy 2 đồng

杞子 二リ

Khởi-tử 2 đồng

白芍 二リ

Bạch-thược 2 đồng

炙 艸 一リ

Chích-thảo 1 đồng

附子理中湯

Phụ-tử lý-trung thang

党参 五リ 姜 炒

Đảng-sâm 5 đồng

炙 艸 一リ

Chích-thảo 1 đồng

白朮 三リ 土 炒

Bạch-truật 3 đồng

製 附 五 分 或 一リ

Chế-phụ 5 phân hoặc 1 đồng.

乾姜 二リ 炒

Can-khương 2 đồng

四味回陽飲

Tứ vị hồi dương ẩm

洋参 五リ 姜 炒

Dương-sâm 5 đồng

製 附 一リ

Chế-phụ 1 đồng.

乾姜 三リ 炒

Can-khương 3 đồng

炙 草 二リ

Chích-thảo 2 đồng



一 陰 煎

Nhất-âm-tiên

熟地五リ

Thục-dịa 5 đồng

白芍二リ炒

Bạch-thược 2 đồng

炙艸一リ

Chích-thảo 1 đồng.

生地二リ

Sinh-dịa 2 đồng

丹参二リ

Đan-sâm 2 đồng

麥門三リ炒

Mạch-môn 3 đồng

牛必二リ

Ngưu-lất 2 đồng

加 減 一 陰 煎

Gia giảm nhất-âm-tiên

熟地五リ

Thục-dịa 5 đồng

白芍二リ炒

Bạch-thược 2 đồng

地骨皮一リ

Địa-cốt-bì 1 đồng.

生地二リ

Sinh-dịa 2 đồng

知母一リ炒

Tri-mẫu 1 đồng

麥門三リ炒

Mạch-môn 3 đồng

炙艸七分

Chích-thảo 7 phân

六 味 丸

Lục-vị hoàn

熟地八リ

Thục-dịa 8 đồng

牡丹三リ酒炒

Mẫu-dơn 3 đồng

淮山四リ炒

Hoài-sơn 4 đồng

茯苓三リ

Phục-linh 3 đồng

山茱二リ酒炒

Sơn-thù 2 đồng

澤瀉一リ鹽炒

Trạch-tả 1 đồng.



左 歸 飲

Tả-quy âm

熟地 八リ

Thục-dịa 8 đồng

淮山 四リ炒

Hoài-sơn 4 đồng

山茱 二リ酒炒

Sơn-thù 2 đồng

茯苓 三リ

Phục-linh 3 đồng

杞子 二リ

Khởi-tử 2 đồng

炙草 一リ半

Chích-thảo 1 đồng rưỡi.

八 味 丸

Bát-vị hoàn

即 六 味 丸 加

Là bài Lục-vị-hoàn gia

肉桂 一リ

Nhục-quế 1 đồng

製附五分

Chế-phụ 5 phân.

右 歸 飲

Hữu-quy âm

熟地 八リ

Thục-dịa 8 đồng

淮山 四リ炒

Hoài-sơn 4 đồng

山茱 二リ酒炒

Sơn-thù 2 đồng

杜仲 三リ 鹽炒

Đỗ-trọng 3 đồng

杞子 二リ

Khởi-tử 2 đồng

炙草 一リ半

Chích-thảo 1 đồng rưỡi

肉桂 一リ

Nhục-quế 1 đồng

製附五分

Chế-phụ 5 phân.



寧肺湯

Ninh-phế thang

| | | |
|-----------------------------|-------------------------------|----------------------------|
| 熟地五リ Thục-dịa 5 đồng | 當歸二リ Đương-qui 2 đồng | 白芍二リ炒 Bạch-thược 2 đồng |
| 川芎五分 Suyền-khung 5 phân | 沙參三リ姜炒 Sa-sâm 3 đồng | 茯苓二リ Phục-linh 2 đồng |
| 白朮二リ土炒 Bạch-truật 2 đồng | 炙草七分 Chích-thảo 7 phân | 麥門二リ炒 Mạch-môn 2 đồng |
| 五味十粒炒 Ngũ-vị 10 hạt | 桑白皮二リ炒 Tang-bạch-bì 2 đồng | 阿膠二リ炒 A-giao 2 đồng |

補心神效丸

Bồ-tâm-thần-hiệu hoàn

| | | |
|--------------------------|---------------------------|--------------------------------|
| 熟地五リ Thục-dịa 5 đồng | 沙參三リ姜炒 Sa-sâm 3 đồng | 黃芪二リ炙 Hoàng-kỳ 2 đồng |
| 茯神二リ Phục-thần 2 đồng | 棗仁二リ炒黑 Tảo-nhân 2 đồng | 栝子仁一リ去油 Bách-tử-nhân 1 đồng |
| 五味十粒炒 Ngũ-vị 10 hạt | 硃砂一リ另研 Chu-sa 1 đồng | |

歸脾湯

Quy-tỳ thang

| | | |
|-----------------------------|---------------------------|----------------------------|
| 黨參三リ姜炒 Đảng-sâm 3 đồng | 黃芪二リ炙 Hoàng kỳ 2 đồng | 當歸二リ Đương quy 2 đồng |
| 白朮二リ土炒 Bạch-truật 2 đồng | 炙草一リ Chích-thảo 1 đồng | 棗仁二リ炒黑 Tảo-nhân 2 đồng |
| 遠志一リ製 Viễn-chí 1 đồng | 茯神二リ Phục-thần 2 đồng | 龍眼二リ Long-nhãn 2 đồng |
| 木香五分煨 Mộc-hương 5 phân | 紅棗二枚 Hồng-táo 2 quả | 生姜三片 Sinh-khương 3 nhát |



香砂六君湯

Hương-sa-lục-quân thang

党参三リ姜炒
Đảng-sâm 3 đồng

炙草七分
Chích-thảo 7 phân

陳皮一リ
Trần-bì 1 đồng

白朮二リ土炒
Bạch-truật 2 đồng

藿香一リ
Hoắc-hương 1 đồng

法夏一リ姜炒
Pháp-hạ 1 đồng

茯苓二リ
Phục-linh 2 đồng

沙仁一リ炒
Sa-nhân 1 đồng

五味異功散

Ngũ-vị-dị-công tán

即四君子湯加

Là thang Tứ-quân gia

陳皮二リ炒
Trần-bì 2 đồng

養中煎

Dưỡng-trung tiên

党参五リ姜炒
Đảng-sâm 5 đồng

茯苓二リ
Phục-linh 2 đồng

淮山三リ炒
Hoài-sơn 3 đồng

乾姜二リ炒
Cạn-khương 2 đồng

扁豆三リ炒
Biển-dậu 3 đồng

炙草一リ
Chích-thảo 1 đồng

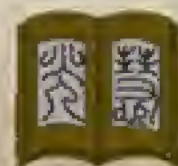
五陰煎

Ngũ-âm tiên

党参三リ姜炒
Đảng-sâm 3 đồng

白朮二リ土炒
Bạch-truật 2 đồng

茯苓二リ
Phục-linh 2 đồng



炙草一リ
Chích-thảo 1 đồng
扁豆三リ炒
Biền-dậu 3 đồng

熟地五リ
Thục-dịa 5 đồng
白芍二リ炒
Bạch-thược 2 đồng

淮山三リ炒
Hoài sơn 3 đồng
五味十粒炒
Ngũ vị 10 hột.

歸腎丸 Quy-thận hoàn

熟地八兩
Thục-dịa 8 lượng
茯苓三兩
Phục-linh 3 lượng
杜仲四兩鹽炒
Đỗ-trọng 4 lượng

淮山四兩炒
Hoài-sơn 4 lượng
當歸三兩
Đương quy 3 lượng
兒絲四兩製
Thỏ-ty 4 lượng

山茱二兩酒炒
Sơn-thù 2 lượng
杞子四兩
Khởi-tử 4 lượng

共末煉蜜丸 每服三リ
Tán nhỏ luyện mật, viên. Mỗi bữa uống 3 đồng.

十補丸 Thập-bổ hoàn

熟地八兩
Thục-dịa 8 lượng
茯苓三兩
Phục-linh 3 lượng
兒絲四兩製
Thỏ-ty 4 lượng
鹿茸二兩炙
Lộc-nhung 2 lượng

淮山四兩炒
Hoài-sơn 4 lượng
杞子三兩
Khởi-tử 3 lượng
牛必三兩
Ngưu-tất 3 lượng
或代用鹿膠四兩炒
Hoặc thay Lộc-giao 4 lượng

山茱二兩酒炒
Sơn-thù 2 lượng
杜仲三兩鹽炒
Đỗ-trọng 3 lượng
破故二兩炒
Phá-cổ 2 lượng

共末煉蜜丸 每服三リ
Tán nhỏ luyện mật, viên. Mỗi bữa uống 3 đồng.

內 傷

1. — Nội-thương

Hết thấy những bệnh nội thương bởi vì nó đối thất thường và công việc khó nhọc; như sự no, đói thời con tỳ con vị bị thương; sự khó nhọc thời huyết hư phát sốt. Chứng này có hai thứ phải chia ra mà chữa

Một thứ nhọc mệt mà không ngoại cảm thời đầu hơi vàng, mình hơi nóng, mạch chạy chậm, mỗi một lần, biếng nói hay nằm, thở hơi thời ngắn hoặc trong mình thường có bồ-hôi phải dùng thuốc bổ làm chủ

Như nguyên khí hư tổn lắm dùng bài *Đại-bổ-nguyên* và bài *Ngũ-phúc-âm*, bài *Thất-phúc-âm* bằng như khí huyết đều hư cả dùng thang *Bát-trúu*, thang *Quy-tỳ*. Như chân tay sợ lạnh dùng thang *Thập-toàn-đại-bổ* bằng như âm hư hể quá trưa thời phát sốt dùng bài *Lục-vị-hoàn* gia *Đương-quy* 2 đồng, *Bạch-thược* 2 đồng.

Một thứ nhọc mệt có hiệp ngoại cảm thời phát sốt sợ lạnh ngạt mũi, rức đầu mình mảy thì đau, hoặc ghê sốt ghê rét, mỗi một, năm không muốn dậy, như khí hư hạ hãm không thăng phát lên được dùng thang *Bổ-trung-ích-khí* nhược bằng khí hư hãm lại thêm âm huyết hư không ra được bồ-hôi dùng bài *Bổ-âm-ích-khí*

Đến những sự thất tình nội thương như khi vui mừng thương sót, lo nghĩ thời thương tâm, bồ quả tim dùng bài *Thiên-vương-bổ-tâm* hoặc quả tim nóng dùng thang *Nhị-âm-tiên*. Sự uất nộ thời thương can, giải can uất dùng bài *Tiểu-giao-tán* bồ can huyết dùng bài *Tam-âm* thang *Tứ-vật*. Việc ăn uống thất thường thì thương tỳ, bồ tỳ dùng thang *Tứ-quân-tứ* hoặc con tỳ lạnh dùng bài *Lý-trung* thang *Ngũ-quân-tứ* tiêu thực tích dùng bài *Đại-hòa-trung*, bài *Tiểu-hòa-trung*. Lúc nói to quát tháo thời thương phế, bồ phế dùng bài *Tứ-âm-tiên* bài *Tam-tật-hoàn*.

Khi sợ hãi và sự dâm dục thời thương thận, bồ thận, thủy dùng bài *Lục-vị-hoàn* bài *Tá-quy-âm* bài *Tá-quy-hoàn*, bồ thận hỏa dùng bài *Bát-vị-hoàn*, bài *Hữu-quy-âm*, bài *Hữu-quy-hoàn*



列 方

Liệt các bài thuốc

大 補 元 煎

Đại-bổ-nguyên tiên

| | | |
|-----------------|--------------------|-----------------|
| 熟地 五リ | 當歸 二リ | 党参 三リ 姜炒 |
| Thục địa 5 đồng | Đương-quy 2 đồng | Đảng-sâm 3 đồng |
| 淮山 二リ 炒 | 杞子 二リ | 杜仲 二リ 鹽炒 |
| Hoài-sơn 2 đồng | Khởi-tử 2 đồng | Đỗ-trọng 2 đồng |
| 山茱 一リ 酒炒 | 炙草 一リ | |
| Sơn thù 1 đồng | Chích-thảo 1 đồng. | |

五 福 飲

Ngũ-phúc-âm

| | | |
|-------------------|-------------------|--------------------|
| 熟地 六リ | 党参 四リ 姜炒 | 當歸 三リ |
| Thục địa 6 đồng | Đảng-sâm 4 đồng | Đương-quy 3 đồng |
| 白朮 二リ 土炒 | 炙草 一リ | 生姜 三片 |
| Bạch-truật 2 đồng | Chích-thảo 1 đồng | Sinh-khương 3 nhát |

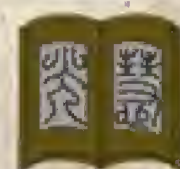
七 福 飲

Thất-phúc-âm

即 五 福 飲 加

Là bài Ngũ-phúc-âm gia

| | |
|-----------------|------------------|
| 棗仁 二リ 炒黑 | 遠志 五分 製 |
| Tảo nhân 2 đồng | Viễn chí 5 phân. |



八珍湯

Bát-trân thang

党参三リ姜炒 白朮二リ土炒 茯苓一リ半

Đảng-sâm 3 đồng Bạch-truật 2 đồng Phục-linh 1 đồng rưỡi

炙草七分 熟地三リ 當歸二リ

Chích-thảo 7 phân Thục-dịa 3 đồng Đương-quy 2 đồng

川芎五分 白芍一リ半

Suyền-khung 5 phân Bạch-thược 1 đồng rưỡi.

十全大補湯

Thập-toàn-dại-bổ thang

即八珍湯加

Là thang Bát-trân gia

黃芪二リ炙

Hoàng-kỳ 2 đồng

肉桂一リ

Nhục-quế 1 đồng.

補陰益氣煎

Bồ-âm ích-khí tiên

熟地五リ

Thục-dịa 5 đồng

淮山二リ炒

Hoài-sơn 2 đồng

陳皮一リ炒

Trần-bì 1 đồng

當歸二リ

Đương-quy 2 đồng

升麻七分

Thăng-ma 7 phân

炙艸七分

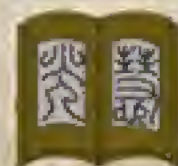
Chích-thảo 7 phân.

党参三リ姜炒

Đảng-sâm 3 đồng

柴胡一リ

Sái-hồ 1 đồng



天王補心丹

Thiên-vương-bổ-tâm-dan

| | | |
|----------------------|------------------|------------------|
| 熟地五リ | 党参三リ姜炒 | 玄参二リ |
| Thục-dịa 5 đồng | Đảng-sâm 3 đồng | Huyền-sâm 2 đồng |
| 丹参二リ | 遠志五分製 | 茯苓二リ |
| Đan-sâm 2 đồng | Viễn-chí 5 phân | Phục-linh 2 đồng |
| 桔梗一リ | 五味十粒炒 | 當歸二リ |
| Kết-cánh 1 đồng | Ngũ-vị 10 hạt | Đương-quy 2 đồng |
| 麥門二リ炒 | 天門二リ炒 | 棗仁二リ炒黑 |
| Mạch-môn 2 đồng | Thiên-môn 2 đồng | Táo-nhân 2 đồng |
| 栝子仁一リ去油 | | |
| Bách-tử-nhân 1 đồng. | | |

二陰煎

Nhị-âm-tiên

| | | |
|-----------------------|-----------------------|--------------------|
| 生地三リ | 麥門二リ炒 | 棗仁二リ炒黑 |
| Sinh-dịa 3 đồng | Mạch-môn 2 đồng | Táo-nhân 2 đồng |
| 黃連一リ | 木通一リ | 炙草七分 |
| Hoàng-liên 1 đồng | Mộc-thông 1 đồng | Chích-thảo 7 phân. |
| 玄参一リ半 | 茯苓一リ半 | |
| Huyền-sâm 1 đồng rưỡi | Phục-linh 1 đồng rưỡi | |

逍遙散

Tiêu-dao-tán

| | | |
|-------------------|---------------------|-------------------|
| 當歸三リ | 白芍二リ炒 | 白朮二リ土炒 |
| Đương-quy 3 đồng | Bạch-thược 2 đồng | Bạch-truật 2 đồng |
| 茯苓二リ | 柴胡一リ | 薄荷五分 |
| Phục-linh 2 đồng | Sài-hồ 1 đồng | Bạc-hà 5 phân |
| 炙草一リ | 生姜三片 | |
| Chích-thảo 1 đồng | Sinh-khương 3 nhát. | |



四物湯

Tứ - vật thang

熟地 六リ

Thục-dịa 6 đồng

當歸 三リ

Đương-quy 3 đồng

白芍 二リ 炒

Bạch-thược 2 đồng

川芎 一リ 炒

Xuyên-khung 1 đồng.

三陰煎

Tam-âm tiên

熟地 五リ

Thục-dịa 5 đồng

當歸 三リ

Đương-quy 3 đồng

白芍 二リ 炒

Bạch-thược 2 đồng

党参 三リ 姜 炒

Đảng-sâm 3 đồng

棗仁 二リ 炒 黑

Tảo-nhân 2 đồng

炙 艸 一リ

Chích-thảo 1 đồng.

理中湯

Lý - trung thang

党参 五リ 姜 炒

Đảng-sâm 5 đồng

白朮 三リ 土 炒

Bạch-truật 3 đồng

乾姜 二リ 炒

Can-khương 2 đồng

炙 草 一リ 半

Chích-thảo 1 đồng rưỡi.

五君子煎

Ngũ - quân-tử tiên

党参 五リ 姜 炒

Đảng-sâm 5 đồng

白朮 三リ 土 炒

Bạch-truật 3 đồng

茯苓 二リ

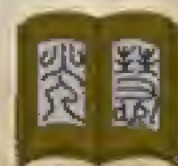
Phục-linh 2 đồng

炙 草 一リ

Chích-thảo 1 đồng

乾姜 二リ 炒

Can-khương 2 đồng.



大和中飲

Đại hòa trung ẩm

山查二リ炒黒

Sơn-tra 2 đồng

厚樸一リ半姜炒

Hậu-phác 1 đồng rưỡi

澤左一リ半盪炒

Trạch-tả 1 đồng rưỡi

沙仁一リ炒

Sa-nhân 1 đồng

麥芽二リ炒黒

Mạch-nha 2 đồng

陳皮一リ炒

Trần-bì 1 đồng

枳寔一リ炒

Chỉ-thực 1 đồng

生姜五片

Sinh-khương 5 nhát.

小和中飲

Tiểu hòa trung ẩm

山查二リ炒黒

Sơn-tra 2 đồng

扁豆三リ炒

Biển-dậu 3 đồng

茯苓二リ

Phục-linh 2 đồng

厚樸一リ半姜炒

Hậu-phác 1 đồng rưỡi

陳皮一リ半炒

Trần-bì 1 đồng rưỡi

炙草五分

Chích-thảo 5 phân

生姜五片

sinh-khương 5 nhát

四陰煎

Tứ âm tiên

熟地五リ

Thục-địa 5 đồng

沙参四リ姜炒

Sa-sâm 4 đồng

麥門三リ炒

Mạch-môn 3 đồng

百合二リ炒

Bách-hợp 2 đồng

炙草一リ

Chích-thảo 1 đồng

茯苓二リ

Phục-linh 2 đồng

白芍二リ炒

Bạch-thược 2 đồng.

三才丸

Tam-tài hoàn

| | | |
|-----------------|---------------|------------------|
| 熟地 八リ | 沙参 六リ | 姜炒 麥門 五リ |
| Thục-dịa 8 đồng | Sa-sâm 6 đồng | Mạch-môn 5 đồng. |

左歸丸

Tả-qui hoàn

| | | |
|------------------|-----------------------|-----------------|
| 熟地 四兩 | 淮山 二兩 | 杞子 二兩 |
| Thục-dịa 4 lượng | Hoài sơn 2 lượng | Khởi-tử 2 lượng |
| 山茱 一兩 | 酒炒 牛必 一兩半 | 兜絲 二兩 |
| Sơn-thù 1 lượng | Ngưu tất 1 lượng rưỡi | Thỏ-ly 2 lượng |
| 鹿膠 二兩 | 龜膠 一兩 | |
| Lộc-giao 2 lượng | Quy-giao 1 lượng. | |

共末煉蜜丸 每服 三リ
Tán nhỏ luyện mật, viên ; mỗi bữa uống 3 đồng.

右歸丸

Hữu-qui hoàn

| | | |
|------------------|-------------------|-----------------|
| 熟地 四兩 | 淮山 二兩 | 山茱 一兩 |
| Thục địa 4 lượng | Hoài-sơn 2 lượng | Sơn-thù 1 lượng |
| 杞子 二兩 | 鹿膠 二兩 | 兜絲 二兩 |
| Khởi-tử 2 lượng | Lộc-giao 2 lượng | Thỏ ty 2 lượng |
| 杜仲 二兩 | 鹽炒 當歸 二兩 | 肉桂 五リ |
| Đỗ-trọng 2 lượng | Đương-quy 2 lượng | Nhục-quế 5 đồng |
| 製附 五リ | | |
| Chế phụ 5 đồng | | |

散末煉蜜丸 每服 三リ
Tán nhỏ luyện mật, viên ; mỗi bữa uống 3 đồng.



歸脾湯

Quy-tỳ thang

補中益氣

Bổ-trung-ích-khi

左歸飲

Tả-quy âm

右歸飲

Hữu-quy âm

六味丸

Lục-vị hoàn

四君子湯

Tứ-quân-tử thang

八味丸

Bát-vị hoàn

俱在上十效

諸虛症辨

Đều ở trên số 10: Chư-hư-chứng-biến

傷風

2. — Thương-phong

Ông Cảnh-Nhạc nói rằng: « cái gió là quan thầy cho cái rét. Gió đưa rét lại. Rét theo gió vào thấu trong thịt xương vốn là một giống, cho nên khi lạnh cảm vào nóng là chứng thương phong. Hơi gió cảm vào sâu là chứng thương hàn. Bằng như chẳng nóng chẳng sâu nửa trong nửa ngoài là bệnh sốt rét.

Những chứng thương phong thời hiện ra phát sốt sợ gió ho hắng rức đầu, hắt hơi sổ mũi, có dâm-dấp mồ-hôi, mạch phù mà hoãn.

Như người khi hư, hình thể yếu đuối, sắc mặt trắng bệch, đau bụng đi dữa, má hiệp ngoại-cảm, dùng bài Gia-giảm-hương-sa-lục-quân thang.

Như người huyết hư, hình thể gầy đen, đại tiện thường táo, má hiệp ngoại cảm, dùng bài Gia-giảm-liêu-giao tán.



加減香砂六君湯

Gia giảm hương-sa-lục-quân thang

| | | |
|-------------------------|------------------|----------------------|
| 党参三リ姜炒枯 | 砂仁一リ | 淮山二リ炒黄 |
| Đảng-sâm 3 đồng | Sa-nhân 1 đồng | Hoài-sơn 2 đồng |
| 扁豆二リ炒黄 | 法夏一リ | 藿香一リ |
| Biền-dậu 2 đồng | Pháp hạ 1 đồng | Hoắc-hương 1 đồng |
| 姜活一リ | 甘草一リ | 厚樸一リ半 |
| Khương-hoạt 1 đồng | Cam-thảo 1 đồng | Hậu-phác 1 đồng rượu |
| 獨活一リ半 | 茯苓二リ | 柴胡一リ半 |
| Độc-hoạt 1 đồng rượu | Phục-linh 2 đồng | Sài hồ 1 đồng rượu |
| 蒼朮一リ半製 | 陳皮一リ炒 | 生姜三片 |
| Sương-truật 1 đồng rượu | Trần-bì 1 đồng | Gừng sống 3 nhát. |

加減逍遙散

Gia giảm tiêu - dao tán

| | | |
|------------------|--------------------|--------------------|
| 生地三リ | 當歸三リ | 白芍二リ |
| Sinh-dịa 3 đồng | Đương-quy 3 đồng | Bạch-thược 2 đồng |
| 茯苓二リ | 玄参二リ | 牡丹二リ |
| Phục-linh 2 đồng | Huyền-sâm 2 đồng | Mẫu-đơn 2 đồng |
| 梔子二リ炒焦 | 柴胡一リ半 | 姜活一リ |
| Chi-tử 2 đồng | Sài-hồ 1 đồng rượu | Khương-hoạt 1 đồng |
| 薄荷一リ | 甘草五分 | |
| Bạc-hà 1 đồng | Cam-thảo 5 phân. | |

Những người tạng-bình phải dùng thuốc bình tán. Như bài *Gia-giảm bại độc-tán* hoặc bài *Chính-sài hồ ẩm*, bằng như họ lấm, dờm nhiều dùng bài *Sâm tó-âm* hoặc bài *Hòa-giải-tán*.

Như người tạng-nhiệt mạch phù mà khẩn phải cho thuốc hơi mát dùng thang *Cửu-vị khương-hoạt*.

Như người tạng hàn thời mạch phù mà hoãn phải cho thuốc hơi nóng dùng bài *Ngũ-thch-tán*.



列 方

Liệt các bài thuốc

加 減 敗 毒 散

Gia giảm bại - độc - tán

沙 参 三 リ 姜 炒

Sa-sâm 3 đồng

茯 苓 二 リ

Phục-linh 2 đồng

川 芎 五 分

Xuyên-khung 5 phân

柴 胡 一 リ

Sài-hồ 1 đồng

前 胡 一 リ

Tiền-bồ 1 đồng

姜 活 一 リ

Khương-hoạt 1 đồng

獨 活 一 リ

Độc-hoạt 1 đồng

蘇 葉 一 リ

Tò-diệp 1 đồng

防 風 一 リ

Phòng-phong 1 đồng

桔 梗 一 小 半

Kết-cánh 1 đồng rưỡi

炙 草 五 分

Chích-thảo 5 phân

生 姜 三 片

Sinh-kương 3 nhát

或 散 末 每 服 一 匙

Hoặc tán bột, mỗi bữa uống 1 thìa.

生 姜 湯 下

Thang bằng nước gừng.

正 柴 胡 飲

Chính-sài-hồ ẩm

柴 胡 二 リ

Sài-hồ 2 đồng

白 芍 二 リ 炒

Bạch-thược 2 đồng

防 風 一 リ 半

Phòng-phong 1 đồng rưỡi

陳 皮 一 リ

Trần-bì 1 đồng

艸 炙 七 分

Chích-thảo 7 phân

加 :

Gia :

當 歸 二 リ

Đương-quy 2 đồng

姜 活 一 リ

Khương-hoạt 1 đồng.



參蘇飲

Sâm - tô ẩm

沙參三リ姜炒

Sa-sâm 3 đồng

前胡一リ半

Tiền-hồ 1 đồng rưỡi

木香三分

Mộc-hương 3 phân

土貝牡二リ姜炒

Thổ-bối-mẫu 2 đồng

茯苓二リ

Phục-linh 2 đồng

蘇葉一リ

Tô-diệp 1 đồng

陳皮一リ炒

Trần-bì 1 đồng

炙草五分

Chích-thảo 5 phân

葛根二リ

Cát-căn 2 đồng

枳壳五分炒

Chỉ-sắc 5 phân

桔更二リ

Kết-cánh 2 đồng

生姜三片

Sinh-khương 3 nhát.

和鮮散

Hòa - giải tán

茯苓三リ

Phục-linh 3 đồng

桔更二リ

Kết-cánh 2 đồng

葛根二リ

Cát-căn 2 đồng

生姜三片

Sinh-khương 3 nhát.

蘇葉一リ

Tô-diệp 1 đồng

炙草七分

Chích-thảo 7 phân

前胡一リ半

Tiền-hồ 1 đồng rưỡi

杏仁十粒

Hạnh-nhân 10 hạt

桑白皮二リ蜜炒

Tang-bạch-bì 2 đồng

陳皮一リ炒

Trần-bì 1 đồng

或散末爲散藥

每服一匙

Hoặc tán nhỏ làm thuốc bột; mỗi bữa uống 1 thìa.

生姜湯下

Thang bằng nước gừng.



九味姜活湯

Cửu-vị-khương-hoạt thang

| | | |
|--------------------|--------------------|---------------------|
| 生地 三リ | 川芎 一リ | 姜活 一リ |
| Sinh-dịa 3 đồng | Xuyên-khung 1 đồng | Khương-hoạt 1 đồng |
| 黃芩 一リ 炒 | 細辛 七分 | 炙草 五分 |
| Hoàng-cầm 1 đồng | Tế-tân 7 phân | Chích-thảo 5 phân |
| 蒼朮 一リ 製 | 白芷 一リ | 防風 一リ |
| Xương-truật 1 đồng | Bạch-chỉ 1 đồng | Phòng-phong 1 đồng. |

五積散

Ngũ-tích-tán

| | | |
|----------------------|--------------------|--------------------|
| 當歸 二リ | 白芍 二リ 炒 | 川芎 一リ |
| Đương-quy 2 đồng | Bạch-thược 2 đồng | Xuyên-khung 1 đồng |
| 党参 三リ 姜炒 | 茯苓 二リ | 炙草 七分 |
| Đảng-sâm 3 đồng | Phục linh 2 đồng | Chích-thảo 7 phân |
| 桂枝 一リ | 陳皮 一リ 炒 | 法夏 一リ 姜炒 |
| Quế-chi 1 đồng | Trần-bì 1 đồng | Pháp-hạ 1 đồng |
| 枳壳 五分 炒 | 白芷 一リ | 厚樸 二リ 姜炒 |
| Chỉ-xác 5 phân | Bạch-chỉ 1 đồng | Hậu-phác 2 đồng |
| 桔梗 一リ 半 | 蒼朮 一リ 製 | 乾姜 一リ 炒 |
| Kết-cánh 1 đồng rưỡi | Xương-truật 1 đồng | Can-khương 1 đồng |
| 柴胡 一リ | | |
| Sài-hồ 1 đồng | | |

如頭痛加

Như rức đầu, gia:

| | |
|--------------------|-----------------|
| 川芎 一リ | 白芷 一リ |
| Xuyên-khung 1 đồng | Bạch-chỉ 1 đồng |
| 蔓荆 二リ | 細辛 五分 |
| Màn-kinh 2 đồng | Tế-tân 5 phân. |

身痛加

Đau mình, gia:

| | |
|--------------------|-----------------|
| 蒼朮 一リ 製 | 獨活 二リ |
| Xương-truật 1 đồng | Độc-hoạt 2 đồng |



腹脹食不消加

Đầy bụng ăn không tiêu, gia:

厚樸 二リ 姜 炒

Hậu-phác 2 đồng

神曲 一リ 姜 炒

Thần-khúc 1 đồng

山查 一リ 半 炒 黑

Sơn-tra 1 đồng rưỡi

麥芽 一リ 黑 炒

Mạch-nha 1 đồng

如嘔吐加

Như nôn mửa, gia:

霍香 一リ

Hoắc-hương 1 đồng

沙仁 一リ 炒

Sa nhân 1 đồng

如泄瀉加

Như đi rửa lỏng, gia:

車前 一リ 炒

Xa-tiên 1 đồng

澤瀉 一リ 半 盞 炒

Trạch-tả 1 đồng rưỡi

如大便燥加

Như đại-tiên táo, gia:

當歸 二リ

Đương-quy 2 đồng

牛必 二リ

Ngưu-tất 2 đồng

肉蓯蓉 二リ 製

Nhục-thong-dong 2 đồng.

傷寒

3. — Thương-hàn

Những chứng thương hàn thời hiện ra phát sốt sợ lạnh, rức đầu, đau mình, ngạt mũi, tiếng nói khô, không có mồ hôi, mạch phù mà khẩn sác, trị chứng thương hàn này có sáu phép gọi là: hãn, thổ, hạ, ôn, thanh, bổ.

汗法

Phép hãn là cho thuốc phát tán để ra mồ-hôi. Như phát sốt không khỏi phải dùng phép hãn. Phép hãn này có chia làm ba thứ:



一 曰 溫 散

Một là phát tán dùng thuốc nóng như gặp khi giới rét mà tạng người lại lạnh xét trong bụng không có chứng gì nóng nảy chỉ cả, dầu thấy phát sốt phải dùng thuốc nóng mới được. Như cảm hàn nặng quá tả khí quẩn, quít không thôi nóng lắm sợ lạnh đắp áo trùm chăn muốn đốt than lửa, lại urya nước nóng; mạch thời trầm mà khản.

Những người khỏe mạnh dùng bài *Nhị-sái-hồ* gia dương-quy, khương-hoạt, phòng-phong, quế-chi.

Những người yếu đuối hoặc dương bệnh, hoặc bệnh hậu dùng bài *Đại-ôn-trung* khứ ma-hoàng.

Như cảm hàn không nặng lắm nóng sốt chưa khỏi. Những người phần âm huyết hư dùng bài *Lý-âm-liên* gia sái-hồ, quế-chi.

Những người phần dương khí hư dùng thang *Lý-trung* gia dương-quy, sái-hồ. Bằng như dương hư hạ hãm hàn tả không giải được dùng thang *Bồ-trung-tch-khi* gia can-khương 2 đồng ấy thể là: đem khí dương lên thời mới dễ bổ-hồi được.

二 曰 涼 散

Hai là phát tán dùng thuốc lạnh vì gặp lúc giới nực mà người lại tính nhiệt xét trong mình không có chứng gì lạnh hề thấy phát sốt phải dùng thuốc mát mới được.

Như kinh dương-minh trong dạ-dầy nóng mà ngoài sốt không khỏi bởi vì hàn uất hóa nóng cho nên ghét nóng mà yêu mát, mạch thời hồng sắc, khát nước lưỡi mọc rêu trắng dùng bài *Sái-hồ-bạch-hồ* gia trúc-diệp 20 lá, nhược bằng lưỡi trắng chuyển vàng gia Hoàng-cầm 1 đồng, Thạch-bộc 2 đồng như lưỡi có mọc gai gia Hoàng-liên 1 đồng, Mạch-môn 2 đồng. Như lưỡi vàng hóa đen gia Sinh-diệp 3 đồng, Mạch-môn 2 đồng. Như lưỡi đen rêu dày gia Đại-hoàng 1 đồng, hoặc dùng thang *Tiểu-thừa-khi* cho hạ đi. Như lưỡi đen dày mà mạch trầm lại muốn uống nước nóng dùng thang *Lý-trung* hoặc bài *Lý âm đều* gia Phụ-tử chế 1 đồng.

Bằng như trong ngoài đều nóng phiền khát muốn cho mát lại kiềm chứng tiết-tả dùng bài *Sái-cầm-tiên*.

Như trong ngoài đều nóng mà không nóng lắm dùng bài *Nhất-sái-hồ* hoặc dùng thang *Sái-cát-giải-cơ*.

Như ngoài nóng quá gia Phòng phong 2 đồng.

Trong nóng hơn gia Liên-kiều 2 đồng.

Khát nước gia Hoa-phấn 2 đồng, Cát-cần 2 đồng, Khát lắm gia thạch-cao 2 đồng, chi-mẫu 2 đồng.



Bằng như âm hư huyết ít không ra được bồ-hôi dùng thang *Tứ-vật* hợp mới bài *Tiểu-sái-hồ* hoặc dùng bài *Lục-vị* gia *Đương-quy* 2 đồng, *Bạch-thược* 2 đồng, *Sái-hồ* 1 đồng, ấy thế là, bồ âm huyết mới ra được bồ-hôi đó.

三 日 平 散

Ba là phát tán dùng thuốc bình như gặp khi khí giới mát mẻ mà tạng người cũng hòa bình chẳng nóng chẳng lạnh hoặc có ngoại cảm chỉ dùng thuốc bình-tán ấy là khí lạnh cảm vào nóng gọi là chứng thương phong đó.

吐 法

Phép thổ là cho thuốc để nôn ra. Những khi hiệp cảm phát sốt trên ngực tức đây là tà khí ở thượng tiêu tắc hơi khó thở hoặc có nhiều đờm hoặc ăn không tiêu phải dùng phép thổ để tổng cái hàn tà trong ngực ra cũng là có ý phát tán đó.

Phép dời xưa dùng bài *Qua-đế-lân* phương bát-trận: dùng hạt lú-bú tán nhỏ hòa nước sôi uống một thìa, một chốc lâu lâu thời nôn ra, hoặc dùng một dùm muối sao cho đỏ bỏ vào ấm cho một bát nước đun sấp sôi lấy dũa quấy đều, nếm hơi nhân nhát mới uống được, trước uống nửa chén, rồi dần dần uống hơn lên tự nhiên lợm dọng nôn ra.

Lại còn một phép dùng thuốc nào cũng thổ được, nhưng phải tùy bệnh chứng mà dùng thuốc thang uống rồi một chốc lấy ngón tay móc trong cổ cho nôn ra. Như nhiều đờm dùng thang *Nhị-trần*; ăn không tiêu dùng bài *Bình-vị* còn bệnh khác phỏng như thế.

下 法

Phép hạ là cho thuốc để thông đại-tiện, những chứng ngoại tả đã vào trong, thời bụng phát chương dục lên phải dùng thuốc hạ, phép hạ này cũng có ba thứ:

一 曰 熱 結

Một rằng chứng nhiệt kết: Nguyên người vốn tính nhiệt, vận kiêng những vị cay nóng, khi ngộ phải thương hàn, phát sốt hóa ra điên cuồng nói nhảm, ráo khát, cổ khô sốt nóng từng cơn, bụng thời phát chương, ấn vào thời đau; đại-tiện táo kết năm sáu ngày không đi; mạch chạy thì mạnh lắm phải dùng hạ bằng thuốc lạnh.



Như những người khỏe mạnh dùng thang *Tiểu-thừa-khi* bằng chưa hạ được phải dùng thang *Đại-thừa-khi*.

Như những người yếu hoặc dương bình, hoặc bình hậu, khi huyết đều hư dùng thang *Đào-thị-hoàng-long* nếu phải đàn bà kinh huyết không thông mà bụng chướng đau dùng bài *Ngọc-chúc-lân*, bằng như tích huyết mà bụng dưới tức đau đại-tiện sắc đen không thông dùng thang *Đào-nhân-thừa-khi*.

Còn như những người ngoài da nóng sốt chưa khỏi, trong bụng lại phát chướng lên phải kiêm cả hai phép: bắn hạ vào một bài thuốc dùng thang *Đại-sái-hồ* hoặc thang *Lục-nhất-thuận-khi*.

Bằng như chứng nhiệt kết không quá lắm mà khí huyết đều hư cả dùng thang *Thánh-dũ* gia *Đại-hoàng* 1 đồng, *Chỉ-xác* 7 phân.

Vì bằng những người yếu đuối quá, không chịu được thuốc công phạt, phải lấy thuốc bổ làm tiêu dùng bài *Nhược-tràng* thang.

二日寒凝

Hai rằng chứng hàn-ngưng: Nguyên người bản tạng hàn, không ăn được những vật sống lạnh, nhân phải chứng thương hàn, phát sốt ngực bụng tức đầy; ấn vào không đau, đại-tiện bế sáp, hoặc mười hôm không đi. Mạch trầm mà yếu, phải dùng hạ bằng thuốc nóng.

Những người khỏe mạnh, dùng bài *Bị-cấp-hoàn* gia *Mộc-hương* 1 đồng.

Như những người yếu dùng bài *Ngũ-quân-tử* gia *Đương-quy* 3 đồng; *ba-dậu* 3 hột. Còn như những người bạc nhược quá, bụng thời lúc chướng, lúc không, ấy là chứng hư bĩ hư mãn không chịu được thuốc công phạt phải dùng thuốc bổ làm tiêu, ấy là phép tặc nhân, tặc dụng, dùng bài *Bạch-truật-liên* gia *Đương-sâm* 3 đồng.

三日幽門閉

Ba rằng chứng u-môn bế: Chứng này nhân thương-hàn, bụng phát chướng, cho uống thuốc hạ, không đi bởi vì cái dạ-dầy cửa dưới ứ tắc, chẳng thông, không truyền xuống tiểu tràng được, uống thuốc hạ càng dục lên, dùng phép thông-quan lại không lên, đến lúc bấy giờ bụng càng chướng quá, thực là nguy cấp lắm phải dùng bài *Thông-u-phương* mới hạ được.



溫 法

Phép ôn là cho thuốc nóng để ấm trong bụng. Những chứng khí lạnh đã vào trong tạng phải dùng thuốc nóng để tán hàn-tà bởi khi hư thời hóa ra lạnh ngoài nóng giả mà trong lạnh thực, chân tay giá ngắt, mạch thời trầm tế, mình mảy đau lại đi dữa lỏng dùng bài *Phụ-tử-lý-trung* hoặc bài *Tứ-ngịch-gia nhân-sâm*, bằng như khi lạnh vừa vừa dùng thang *Ly-trung* bài *Ngũ-quân-tử*.

清 法

Phép thanh là cho thuốc mát để giải phiền nhiệt.

Những chứng nóng sốt má bụng không chường đại-tiền không kết có nhẽ nào dùng thuốc hạ, vì bằng không thanh giải thời khi nóng sao tán được, hoặc có khi phát sốt uổng nhằm phải thuốc hạ thời trong bụng không hư, cái tà-khi nhân hư mà vào, đến nổi bụng phát chường cũng phải dùng thuốc thanh giải nhẽ dẫu lại hạ nữa.

Như những chứng hỏa tà chứa chất ở trong, mạch thời hồng sắc, trong bụng nóng lắm, dùng bài *Trừ-tân-âm*, trong bụng nóng vừa dùng bài *Tỷ-tân-âm*.

Như kinh-dương-minh trong dạ-dầy nóng quá mà khát nước lắm dùng thang *Bạch-hồ* hoặc bài *Ngọc-toàn-tân* như nóng khát lại kiêm phần âm hư dùng bài *Ngọc-nữ-tiên*.

Như dương thịnh âm hư mà nóng sốt không lui dùng bài *Nhật-âm-tiên*, bằng như dương hỏa nóng bội quá dùng bài *Gia-giảm-nhật-âm*, như hạ tiêu thấp nhiệt thịnh quá dùng bài *Tư-âm-bát-vị*.

補 法

Phép bổ là dùng thuốc bổ cho những người yếu bệnh hư.

Như chính khí trong hình thể người đã yếu đuối thời ngoại tà gió mây càng mạnh hơn cho nên quẩn quít mãi không khỏi, bổ chính khí thời tà khí phải lui, quân tướng khỏe mạnh mới đuổi được giặc.

Những người yếu ớt lắm phải dùng thuốc đại bổ như bài *Đại-bổ-nguyên-tiên*, bài *Đại-doanh-tiên*, bài *Thập-toàn-dại-bổ*, bài *Lục-vị-hồ-dương*.

Những người yếu vừa nên dùng bình bổ, như phần khí hư dùng bài *Gia-vị-Tứ-quân-tử*, bài *Sâm-linh-bạch-truật-tân*, bài *Dương-trung-tiến* như phần huyết hư dùng thang *Tứ-vật* hoặc bài *Tam-âm*, bài *Lục-vị gia quy*, *thực*.



Xét trong sáu phép, thời phép hãn, thổ, hạ, thanh bốn phép ấy đều dùng thuốc công phạt hễ thấy khỏi bệnh thời thôi không nên uống quá. Còn hai phép ôn bổ thực là có ích uống nhiều càng hay.

列 方

Liệt các bài thuốc

二 柴 胡 飲

Nhị - sài - hồ - ẩm

陳皮 一 兩 半 炒

Trần-bì 1 đồng rưỡi

細 辛 二 兩

Tế-tân 2 đồng

乾 姜 二 兩 炒

Can-khương 2 đồng

厚 樸 一 兩 半 姜 炒

Hậu-phác 1 đồng rưỡi

柴 胡 三 兩

Sài-hồ 3 đồng

法 夏 一 兩 半

Pháp-hạ 1 đồng rưỡi

炙 草 一 兩

Chích-thảo 1 đồng

加

Gia :

當 歸 二 兩

Đương-quy 2 đồng

桂 枝 二 兩

Quế-chi 2 đồng

姜 活 一 兩

Khương-hoạt 1 đồng

防 風 二 兩

Phòng-phong 2 đồng.

大 溫 中 飲

Đại-ôn-trung-ẩm

熟 地 五 兩

Thục-dịa 5 đồng

當 歸 三 兩

Đương-quy 3 đồng

冬 朮 三 兩 土 炒

Đông-truật 3 đồng

党 参 三 兩 姜 炒

Đảng-sâm 3 đồng

柴 胡 三 兩

Sài-hồ 3 đồng

乾 姜 二 兩 炒

Can-khương 2 đồng

肉 桂 一 兩

Nhục-quế 1 đồng

炙 草 一 兩

Chích-thảo 1 đồng.



理陰煎

Lý - âm - tiên

當歸四リ
Đương-quy 4 đồng

炙草一リ
Chích-thảo 1 đồng

熟地八リ
Thục-địa 8 đồng

乾姜二リ炒
Can-khương 2 đồng.

加
Gia:

肉桂一リ
Nhục-quế 1 đồng

柴胡二リ
Sài-hồ 2 đồng.

理中湯 (Ở số 1)

Lý - trung thang

党参五リ姜炒
Đảng-sâm 5 đồng

炙草一リ
Chích-thảo 1 đồng

白朮三リ土炒
Bạch-truật 3 đồng.

乾姜二リ炒
Can-khương 2 đồng.

加
Gia:

柴胡二リ
Sài-hồ 2 đồng

當歸二リ
Đương-quy 2 đồng

柴胡白虎煎

Sài - hồ bạch - hồ tiên

柴胡二リ
Sài-hồ 2 đồng

麥門三リ炒
Mạch-môn 3 đồng

石膏三リ煨
Thạch-cao 3 đồng

生草一リ
Sinh-thảo 1 đồng.

黃芩一リ炒
Hoàng-cầm 1 đồng

加
Gia:

竹葉甘片
Trúc-diệp 20 lá.

柴芩煎

Sài - cầm tiên

柴胡三リ
Sài-hồ 3 đồng

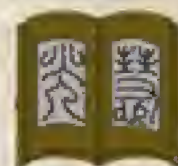
澤左二リ鹽炒
Trạch-tả 2 đồng

黃芩二リ炒
Hoàng-cầm 2 đồng

木通二リ
Mộc-thông 2 đồng

梔子二リ炒黑
Chi-tử 2 đồng

枳壳一リ炒
Chi-xác 1 đồng.



一 柴 胡 飲

Nhất-sài-hồ âm

| | | |
|-------------------|---------------------|------------------|
| 柴 胡 三 升 | 黃 芩 二 升 炒 | 生 地 三 升 |
| Sài-hồ 3 đồng | Hoàng-cầm 2 đồng | Sinh-địa 3 đồng |
| 白 芍 二 升 炒 | 陳 皮 一 升 半 炒 | 生 朮 一 升 |
| Bạch-thược 2 đồng | Trần-bì 1 đồng rưỡi | Sinh-thảo 1 đồng |

柴 葛 鮮 朮 湯

Sài-cát-giải-cơ thang

| | | |
|-------------------|----------------------|------------------|
| 柴 胡 二 升 | 葛 根 三 升 | 黃 芩 一 升 炒 |
| Sài-hồ 2 đồng | Cát căn 3 đồng | Hoàng-cầm 1 đồng |
| 白 芍 三 升 炒 | 白 芷 一 升 半 | 生 草 一 升 |
| Bạch-thược 3 đồng | Bạch-chỉ 1 đồng rưỡi | Sinh-thảo 1 đồng |
| 桔 梗 二 升 | 姜 活 一 升 | |
| Kết-cánh 2 đồng | Khương-hoạt 1 đồng. | |

四 物 合 小 柴 胡 湯

Tứ-vật-hợp-tiểu-sài-hồ thang

| | | |
|-----------------|---------------------|-------------------|
| 熟 地 五 升 | 當 歸 二 升 | 白 芍 二 升 炒 |
| Thục-địa 5 đồng | Đương-quy 2 đồng | Bạch-thược 2 đồng |
| 党 参 三 升 姜 炒 | 川 芎 一 升 | 黃 芩 一 升 炒 |
| Đảng-sâm 3 đồng | Xuyên-khung 1 đồng | Hoàng-cầm 1 đồng |
| 柴 胡 二 升 | 法 夏 一 升 半 | 生 朮 一 升 |
| Sài-hồ 2 đồng | Pháp-hạ 1 đồng rưỡi | Sinh-thảo 1 đồng |

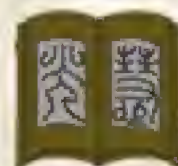
瓜 蒂 散

Qua-dê tán

| | |
|---------------|-----------------------|
| 瓜 蒂 三 升 | 赤 小 豆 三 升 |
| Qua-dê 3 đồng | Xích-tiên-đậu 3 đồng. |

共 末 每 服 一 匙 調 溫 水 下

Tán bột, uống 1 thìa, hòa nước sôi.



小承氣湯

Tiểu-thừa-khí thang

川大黃五リ煨 厚樸一兩姜炒 枳壳二リ炒
Xuyên-dại-hoàng 5 đồng Hậu-phác 1 lượng Chỉ-xác 2 đồng.

大承氣湯

Đại-thừa-khí thang

厚樸一兩姜炒 枳寔三リ炒 芒硝三リ
Hậu-phác 1 lượng Chỉ-thực 3 đồng Mang-tiêu 3 đồng
川大黃五リ煨
Xuyên-dại-hoàng 5 đồng.

二陳湯

Nhị-trần thang

茯苓五リ 陳皮二リ炒 法夏二リ姜炒
Phục-linh 5 đồng Trần-bì 2 đồng Pháp-hạ 2 đồng.
炙草一リ半
Chích-thảo 1 đồng rưỡi.

平胃散

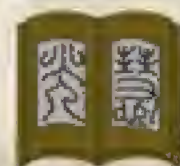
Bình - vị tán

厚樸五リ姜炒 蒼朮三リ製 陳皮二リ炒
Hậu-phác 5 đồng Xương-truật 3 đồng Trần-bì 2 đồng.
炙草一リ半
Chích-thảo 1 đồng rưỡi.

陶氏黃龍湯

Đào - thị - hoàng - long thang

當歸三リ 厚樸五リ姜炒 枳壳二リ炒
Đương-quy 3 đồng Hậu-phác 5 đồng Chỉ-xác 2 đồng
芒硝二リ 生艸一リ 洋參三リ姜炒
Mang-tiêu 2 đồng Sinh-thảo 1 đồng Dương-sâm 3 đồng
川大黃三リ
Xuyên-dại-hoàng 3 đồng.



玉燭散

Ngọc - chúc tán

熟地五リ

Thục-dịa 5 đồng

當歸三リ

Đương-quy 3 đồng

白芍二リ炒

Bạch-thược 2 đồng

川芎一リ

Xuyên-khung 1 đồng

芒硝二リ

Mang-tiên 2 đồng

生草一リ

Sinh-thảo 1 đồng

川大黃三リ煨

Xuyên-dại-hoàng 3 đồng

桃仁承氣湯

Đào-nhân-thừa-khí thang

生草二リ

Sinh-thảo 2 đồng

肉桂一リ

Nhục-quế 1 đồng

芒硝二リ

Mang-tiên 2 đồng

桃仁三リ

Đào-nhân 3 đồng

川大黃五リ煨

Xuyên-dại hoàng 5 đồng.

大柴胡湯

Đại-sài-hồ thang

黃芩一リ半

Hoàng-cầm 1 đồng rưỡi

柴胡三リ

Sài-hồ 3 đồng

枳實二リ炒

Chỉ-thực 2 đồng

法夏二リ姜炒

Pháp-hạ 2 đồng

大棗三枚

Đại-táo 3 quả

白芍三リ炒

Bạch-thược 3 đồng

生姜七片

Sinh-khương 7 nhát

川大黃五リ煨

Xuyên-dại-hoàng 5 đồng.

六一順氣湯

Lục - nhất - thuận - khí thang

白芍三リ炒

Bạch-thược 3 đồng

柴胡三リ

Sài hồ 3 đồng

黃芩二リ炒

Hoàng-cầm 2 đồng

芒硝二リ

Mang-tiên 2 đồng

枳實二リ炒

Chỉ-thực 2 đồng

厚樸五リ姜炒

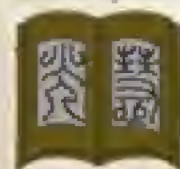
Hậu-phác 5 đồng

生草一リ

Sinh-thảo 1 đồng

川大黃五リ煨

Xuyên-dại-hoàng 5 đồng.



聖愈湯

Thánh-dũ thang

熟地 五リ

Thục-địa 5 đồng

當歸 三リ

Đương-quy 3 đồng

白芍 二リ炒

Bạch-thược 2 đồng

黃芪 二リ炙

Hoàng-kỳ 2 đồng

洋參 三リ姜炒

Dương-sâm 3 đồng

川芎 一リ

Xuyên-khung 1 đồng

加 枳壳 一リ炒

gia: Chỉ-xác 1 đồng

川大黃 二リ

Xuyên-dại-hoàng 2 đồng.

潤腸湯

Nhuận-tràng thang

當歸 五リ

Đương-quy 5 đồng

牛必 二リ

Ngưu-tất 2 đồng

肉蓯蓉 二リ製

Nhục thông-dong 2 đồng.

熟地 三リ

Thục-địa 3 đồng

枳壳 一リ炒

Chỉ-xác 1 đồng

炙草 一リ

Chích-thảo 1 đồng

桃仁 廿粒

Đào-nhân 30 hạt

備急丸

Bị - cấp hoàn

川大黃 三リ煨

Xuyên-dại-hoàng 3 đồng

巴豆 三リ去油

Ba-dậu 3 đồng

乾姜 三リ姜

Can-khương 3 đồng

加 木香 三リ

gia: Mộc-hương 3 đồng.

共末蜜丸如綠豆大每服一二丸

Tán bột luyến mật viên bằng hạt đậu xanh ; mỗi bữa uống 1, 2 viên.

五君子煎

Ngũ-quân-tử tiên

党参 五リ姜炒

Đảng-sâm 5 đồng

茯苓 二リ

Phục linh 2 đồng

白朮 三リ土炒

Bạch truật 3 đồng



炙草 一リ
Chích-thảo 1 đồng
乾姜 二リ 炒
Can-khuong 2 đồng.

加
Gia:

當歸 三リ
Đương-quy 3 đồng
巴豆 三粒 去油
Ba-dậu 3 hạt.

白朮煎

Bạch-truật tiên

冬朮 一兩 土炒
Đông-truật 1 lượng
乾姜 三リ 炒
Can-khuong 3 đồng

陳皮 二リ 炒
Trần-bì 2 đồng
肉桂 一リ
Nhục-quế 1 đồng.

加
Gia:

洋參 三リ 姜炒
Dương-sâm 3 đồng.

通幽方

Thông-u-phương

水銀 一兩 (或五六リ)
Thủy-ngân 1 lượng, (hoặc 5, 6 đồng).

吞下即挹起坐定少頃即下
Uống rồi ẩm ngồi lên, một chốc thời hạ được.

四逆加人參湯

Tứ-nghịch gia nhân-sâm thang

洋參 五リ 姜炒
Dương-sâm 5 đồng
炙草 一リ
Chích-thảo 1 đồng.

製附 一リ
Chế-phụ 1 đồng

乾姜 三リ 炒
Can-khuong 3 đồng

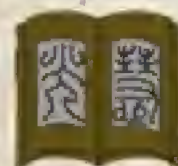
抽薪飲

Trừu-tân ẩm

黃芩 二リ
Hoàng-cầm 2 đồng
梔子 二リ 炒 黑
Chi-tử 2 đồng
澤左 二リ 鹽炒
Trạch-tả 2 đồng

石膏 二リ 煨
Thạch-cao 2 đồng
黃柏 一リ 炙
Hoàng-bá 1 đồng
生艸 一リ
Sinh-thảo 1 đồng

木通 一リ
Mộc-thông 1 đồng
枳殼 一リ 半炒
Chỉ-xác 1 đồng rưỡi.



徙薪飲

Tỷ-tân âm

黃芩 二リ 炒

Hoàng-cầm 2 đồng

茯苓 二リ

Phục-linh 2 đồng

陳皮 一リ 炒

Trần-bì 1 đồng.

麥門 三リ 炒

Mạch-môn 3 đồng

牡丹 二リ 炒

Mẫu-dơn 2 đồng

白芍 三リ 炒

Bạch-thược 3 đồng

黃伯 一リ 炙

Hoàng-bá 1 đồng

白虎湯

Bạch-hồ thang

石膏 一升 生用

Thạch-cao 1 lượng

知母 四リ

Tri-mẫu 4 đồng

生草 二リ

Sinh-thảo 2 đồng

糯米 二撮

Nhũ-mễ 2 dùm.

玉泉散

Ngọc-toàn tán

石膏 一升 煨

Thạch-cao 1 lượng

粉草 二リ

Phấn-thảo 2 đồng.

加 神砂 五分

gia : Thần-sa 5 phân.

共末 每服 三リ 溫水調下

Tán bột : mỗi lần uống 3 đồng, hòa nước sôi.

玉女煎

Ngọc-nữ tiên

石膏 三リ 煨

Thạch-cao 3 đồng

熟地 五リ

Thục-địa 5 đồng

麥門 三リ 炒

Mạch-môn 3 đồng

知母 二リ

Tri-mẫu 2 đồng

牛必 二リ

Ngưu-tất 2 đồng.



滋陰八味煎

Tư - âm - bát - vị tiên

即六味丸加

Là bài Lục - vị - hoàn gia :

知母 二リ
Tri mẫu 2 đồng

黃柏 一リ炙
Hoàng-bá 1 đồng.

六味回陽飲

Lục - vị - hồi - dương ẩm

| | | |
|-------------------|-------------------|-------------------|
| 洋參 五リ姜炒 | 乾姜 二リ炒 | 製附 二リ |
| Dương-sâm 5 đồng | Cần-khương 2 đồng | Chế phụ 1 đồng |
| 炙草 一リ | 熟地 五リ | 當歸 三リ |
| Chích-thảo 1 đồng | Thục-dịa 5 đồng | Đương-quy 3 đồng. |

加味四君湯

Gia - vị - tứ - quân thang

| | | |
|-------------------|-------------------|------------------|
| 党參 五リ姜炒 | 白朮 三リ土炒 | 茯苓 二リ |
| Đảng-sâm 5 đồng | Bạch truật 3 đồng | Phục-linh 2 đồng |
| 炙草 一リ | 扁豆 三リ炒 | 黃芪 二リ炙 |
| Chích thảo 1 đồng | Biên-dậu 3 đồng | Hoàng kỳ 2 đồng. |

參苓白朮散

Sâm - linh - bạch - truật tán

| | | |
|--------------------|-------------------|------------------|
| 党參 三リ姜炒 | 淮山 二リ炒 | 扁豆 二リ炒 |
| Đảng sâm 3 đồng | Hoài sơn 2 đồng | Biên-dậu 2 đồng |
| 蓮肉 二リ炒 | 白朮 二リ土炒 | 茯苓 二リ |
| Liên-nhục 2 đồng | Bạch-truật 2 đồng | Phục-linh 2 đồng |
| 桔梗 二リ | 薏苡 二リ炒 | 沙仁 一リ炒 |
| Kết-cánh 2 đồng | Y-dĩ 2 đồng | Sa-nhân 1 đồng |
| 炙草 一リ | | |
| Chích-thảo 1 đồng. | | |



一陰煎

Nhất-âm tiên

加減一陰煎

Gia-giảm nhất-âm tiên

附子理中湯

Phụ-tử-lý-trung thang

大營煎

Đại-doanh tiên

俱在上十效諸虛症辨

Đều ở trên số 10, mục CHƯ-HƯ-CHỨNG

補中益氣湯

Bổ-trung-ích-khí thang

六味丸

Lục-vị hoàn

大補元煎 (Số 10)

Đại-bổ-nguyên tiên

四物湯 (Số 10)

Tứ-vật thang

十全大補湯

Thập-toàn-dại-bổ thang.

三陰煎

Tam-âm tiên

俱在第一數目內傷

Đều ở số 1, mục NỘI-THƯƠNG

辨不可汗

Biện bất khả hãn

Những người mạch hiện ra: trầm, trì, vi, nhược, chạy không có sức là chứng hư hàn dầu có phát sốt không nên dùng thuốc phát tán phải dùng thuốc ôn trung thời hàn tà mới tán được. Những chứng hiện ra cổ khô miệng ráo, đại tiện bế kết hoặc di tả lỵ, những bệnh nhọt, ghẻ; những chứng ngũ lâm không nên phát hãn sợ mất tân dịch đi.

辨不可下

Biện bất khả hạ

Những người mạch hiện ra: phù, khẩn, nhu, tế mà không có thần là chứng hư bí, dầu thấy bụng phát chương không nên dùng thuốc hạ phải hòa chung thời bụng đầy mới bớt. Những chứng hiện ra trong cổ bế tắc ngực đầy khó thở, ghẻ sốt, ghẻ rét, lợm giọng, nôn khan, sợ nước lạnh bụng đầy ấn vào dễ bị, những chứng ấy không nên dùng thuốc hạ.



辨汗下俱不可

Biện hãn hạ câu bất khả

Những chứng đồ bồ-hôi nhiều và khi vong huyết, hay khi nhọt đã vỡ mủ rồi, tuổi nhiều bệnh lâu và chứng sản hậu, chân tay mát lạnh là bệnh âm hư không nên dùng thuốc phát tán và thuốc hạ.

祛風薰法

Khư - phong - huân pháp

Phép hun trừ gió độc, dùng vị khương-hoạt, độc-hoạt tễ-tân, bạc-hà, kinh-giới mỗi vị và đồng cân đốt khói mà hun.

散風蒸法

Tán - phong - chưng pháp

Phép xông tán gió độc dùng vị phòng-phong, tử-tô, bạc-hà khương-hoạt, độc-hoạt mỗi vị 1, 2 lạng bỏ vào nồi đun sôi bắc ghế ngồi trên mà xông, ngoài trùm cho kín.

蛋熨法

Đản - uất pháp

Phép đánh gió dùng 4, 5 cái trứng gà luộc chín để cả vỏ chia ba cắt một đầu để hai phần lại dương lúc nóng để trên rốn người bệnh, dùng cái trâm bằng bạc cắm suốt ngang cái trứng, một chốc lân rút ra rửa sắc đen đi, trứng nguội lại thay cái khác, bao giờ cái trâm không thấy đen nữa thời khỏi.

蘿蔔熨法

La - bạc uất pháp

Trị chứng thương hàn kết hung dùng củ-cải 6 lạng, không có củ cải dùng hột lù-bú; 3 lạng củ hành, 3 lạng gừng sống cùng băm cho nhỏ xào nóng lên, lấy khăn vải chia làm hai bọc mà chườm nguội thời lại thay.



紫蘇熨法 Tử - tô - uất pháp

Trị chứng thương hàn trong bụng có thực tích, bụng dưới kết dẫn, đại, tiểu tiện không thông dùng lá tía-tô ba lạng bỏ nồi đun sôi lấy khăn mặt dẫn vào nước nóng rồi vắt ráo nước đi nhân nóng xát vào trên rốn người bệnh cả vào bụng dưới nữa nhưng mà bàn tay phải ở trên khăn xát đi xát lại ngược thời lại thay như thế ba, bốn lần thời thông được cả. Nhược bằng đại, tiểu chưa thông phải dùng phép thông khoan mới được.

傷寒雜症 Thương hàn tạp chứng

傷寒結胸 Một thứ thương hàn kết hung, bụng dẫn chắc đại-tiểu bí, trong phải dùng *phép hạ*, ngoài dùng *La-bặc-uất-pháp*.

傷寒發斑 Một thứ thương hàn phát ban, bệnh nhẹ thời như muỗi đốt, dùng *Thanh-nhiệt-hóa-ban thang*; bệnh nặng thời từng đám như vẽ gấm, dùng *Tê-dác-địa-hoàng thang*.

傷寒發狂 Một thứ thương hàn phát cuồng, bụng chướng, đại tiện táo, dùng *Đại-thừa-khi thang*, nhược bằng không chướng không kết dùng *Trừu tân ẩm Bạch-hồ thang*.

傷寒衄血 Một chứng thương hàn nục huyết, đồ máu mũi dùng *Sài cát-tiến*.

傷寒戰汗 Một thứ thương hàn chiến hãn là đồ mồ hôi mà run rét, ấy là chính khí với tà khí tranh nhau dùng *Lục vị-hồi-duơng-âm*.

傷寒吐衄 Một thứ thương hàn thổ vư, dầu có nóng sốt kỳ dùng thuốc mát, dùng *Lý-trung-thang* gia ô-mai 2 quả, Xuyên-liêu 20 hạt.

傷寒夾食 Một thứ thương hàn giáp thực là nhân cảm mà ăn no hoặc ăn no rồi mà cảm phải dùng *Thỏ-pháp* mới khỏi.

傷寒夾色 Một thứ thương hàn giáp sắc là nhân cảm mà phạm sự dâm dục, ngoài phải gió lạnh, trong bụng đau đờn; con giai thời thận-nang co vào, đàn bà thời đầu vú rụt vào dùng *Hoa đà cứu thoát phương*.



列 方

Liệt các bài thuốc

清 熱 化 斑 湯

Thanh - nhiệt - hóa - ban thang

| | | |
|------------------|-------------------|-------------------|
| 玄 參 三 リ | 當 歸 二 リ | 花 粉 二 リ |
| Huyền-sâm 3 đồng | Đương quy 2 đồng | Hoa phấn 2 đồng |
| 升 蘇 一 リ | 荆 芥 一 リ | 黃 連 一 リ |
| Thăng-ma 1 đồng | Kinh-giới 1 đồng | Hoàng liên 1 đồng |
| 茯 苓 二 リ | 生 艸 一 リ | |
| Phục-linh 2 đồng | Sinh-thảo 1 đồng. | |

犀 角 地 黃 湯

Tê - giác - địa - hoàng thang

| | | |
|----------------------------|-------------------|----------------|
| 生 地 五 リ | 白 芍 三 リ | 牡 丹 三 リ |
| Sinh-địa 5 đồng | Bạch-thược 3 đồng | Mẫu-đơn 3 đồng |
| 犀 角 一 リ 另 磨 | | |
| Tê-gác 1 đồng. (mài riêng) | | |

柴 葛 煎

Sài - cát tiên

| | | |
|------------------|-------------------|-------------------|
| 葛 根 三 リ | 白 芍 三 リ | 柴 胡 二 リ |
| Cát-căn 3 đồng | Bạch-thược 3 đồng | Sài-hồ 2 đồng |
| 連 翹 二 リ | 黃 芩 一 リ | 生 草 一 リ |
| Liên kiêu 2 đồng | Hoàng-cầm 1 đồng | Sinh-thảo 1 đồng. |

華 陀 救 脫 方

Hoa - đà - cứu - thoát phương

Dùng bánh sống 8 lạng (dấm nhỏ sao nóng lấy khăn vải bọc chớm dưới rốn làm hai bọc thay đổi. Trong uống:

| | | |
|------------------------|-------------------|------------------|
| 製 附 三 リ | 乾 姜 三 リ | 白 朮 三 リ 炒 |
| Chế-phụ 3 đồng | Can-khương 3 đồng | Bạch-tuật 3 đồng |
| 木 香 一 リ 半 | | |
| Mộc-hương 1 đồng rưỡi. | | |

Còn các bài thuốc đều ở mục trên.



傷寒六經傳變

Thương - hàn lục - kinh truyền biến

Chứng thương hàn tà khí cảm vào kinh thái-dương thời đầu cổ đau, vai lưng cứng, mình mảy đau, phát sốt sợ lạnh, không có mồ hôi, mạch phù mà khẩn.

Truyền sang kinh dương-minh, thời mình nóng, mắt đau, mũi khó thở ráo, môi se không ngủ, lưỡi có rêu trắng, ăn không biết ngon, mạch hồng mà trường.

Truyền sang kinh thiếu-dương thời bụng ngực đau, tai ù, phát sốt, phát rét, cổ khô, mắt mờ, nôn mà miệng đắng, hoặc nôn khan, không ăn được, không có mồ-hôi, mạch huyền mà xác, ấy là chứng bán biểu, bán lý, (nửa trong nửa ngoài).

Truyền vào kinh thái-âm thời bụng đầy mà mửa, ăn không được, cổ khô, chân tay nóng, hoặc có đi rửa bụng đau, không khát nước, mạch trầm mà tế.

Truyền vào kinh thiếu-âm thời lưỡi khô miệng ráo, hoặc khát nước, ngực đau, bụng đầy, đại tiện bế kết, không muốn đắp chăn, mạch trầm mà thực.

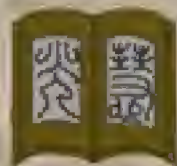
Truyền vào kinh quyết-âm thời phát phiền, tai điếc hoặc khí nghịch sung tâm, trong bụng đau nóng, khát nước, đói không muốn ăn, ăn thời nôn ra đùn, nhược bằng cho uống thuốc hạ thời đi rửa mãi không thôi, mạch trầm mà huyền.

中風

4. — Trúng - phong

Bệnh trúng phong, tuy rằng thuộc về sự gió, thực là người ấy nguyên khí hư lắm, tinh thần hư hại cho nên đứng ngồi ở chỗ thông phong thấy hơi gió thoảng, tự nhiên ngã ra như chim phải đạn cho nên gọi là trúng phong kịp dùng bài *Thông-quan-tán*, thổi vào hai lỗ mũi cho bắt hơi, lại dùng nước gừng hòa nước tiểu trẻ con cho uống. Chứng này phải chia ra làm hai thứ: bế-chứng và thoát-chứng.

Một thứ : bế-chứng thời hàm răng cắn chặt, hai tay nắm lại : ấy là chứng bế phải dùng móng tay bấm vào huyết nhân-trung và bấm hai ngón chân cái chỗ giáp thịt



giáp móng bao giờ tỉnh mới buông ra, lại nhai nhỏ gừng sống xát vào trên trán, lấy nước gừng giở vào hai đầu con mắt thì tỉnh ngay. Như hàm răng cắn chặt dùng bài *Khai-nha-tán* xát vào chân răng hàm hoặc dùng *Tứ-phong-biêm-pháp* châm chầy máu cho giải ra.

Như tắc hơi khó thở dùng một viên *Tố-hợp* hòa nước gừng nóng cho uống, nhược bằng đờm nhiều dùng một viên *Bão-long* hòa nước sôi cho uống, bằng như hơi thở nhỏ, sắc mặt thì trắng, mạch chạy trầm yếu, nguyên khi muốn thoát kịp dùng bài *Độc-sâm-thang* cho uống mới khỏi được.

Một thứ: thoát chứng thời hạ miệng, nhắm mắt, bàn tay duỗi, vãi dãi ra, miệng đùn bọt cưa, mắt trợn thì, thở như ngủ ngáy, tiếng đờm rong-róc; mạch chạy thông thả thời sống, mạch chạy nhanh thời chết, kịp dùng bài *Phụ-tử-lý-trung* một tễ lớn cho uống, lại dùng *Phép-cứu*, buyết quan-nguyên-cách dưới rốn một tắc cứu năm bảy mỗi, nhược bằng uống nhầm phải viên tố-hợp và bão-long thời không cứu được.

Bằng như cầm khẩu không nói được dùng sa-can 1 đồng giã nhỏ, trúc-diệp 1 nắm vò ra, đồng-tiện 1 chén đun nóng cho uống. Nhược bằng cơ gân dùng lá-hẹ 1 nắm sao nóng cho tì muối mà chườm.

Như đờm rãi nhiều dùng bồ-kết 2 quả, sao cháy đen, phèn-phi 5 đồng cùng tán bột hòa-nước sôi uống 2 đồng, lại dùng nhân ba-đậu bọc giấy đập lấy dầu quấn giấy làm mỗi, châm lửa thổi tắt lấy khói hun vào lỗ mũi.

Bằng như miệng méo, mắt xèch dùng hột thầu-dầu-tía 3 đồng, băng-phiến 5 phân, cùng đâm nhỏ dịt vào xương quai-hàm lệch về bên tả thì dịt bên hữu, lệch về bên hữu thì dịt bên tả, hễ trông thấy ngay rồi, rửa đi lập tức, nếu dễ chậm nó lại lệch sang bên kia.

Lại còn bài dùng hạt thầu-dầu-tía 36 hột bọc giấy đập bỏ dầu đi dùng máu lợn hòa vào bôi lên mép và bôi xương quai-hàm và bôi gan bàn tay, lệch bên tả bôi bên hữu, lệch bên hữu bôi bên tả, lại dùng lá-vông hơ nóng ấn giáy vào bên lệch, lạnh thời lại nướng rồi lại giáy trong 15 phút thời khỏi.

Lại còn bài nữa dùng nam-tinh 1 củ, thảo-ô 1 củ, khương-tám 7 con, bạch-cáp 2 đồng cùng nghiền nhỏ hòa máu con lợn thành cao mà bôi, phép bôi cũng như trên.

Như khi trúng phong mê mẩn không biết việc gì, chân tay đều lạnh dùng thang *Tiểu-tục-mệnh*.



Bằng như đại, tiểu-tiên chẳng thông dùng thang Tam-hóa, nhược bằng chân tay không cất lên được dùng thang Đại-lưu-dao, và bài Cửu-tích-dm hoặc bài Hy-đồng-hoàn, nhược bằng chân tay tê dại, bán thân bất toại trong uống bài Hoán-cốt-đan ngoài dùng bài Huân-dược-pháp.

Đời xưa nhà Đường bà thái-hậu phải bệnh trúng phong, mạch trầm sắp chết, không kịp uống thuốc, ông Hứa-Dận-Tôn lấy phong-phong, hoàng-kỳ mỗi thứ vài cân, sắc vài nồi được đề xuống dưới giường mà xông, đêm hôm ấy nói được; rồi dùng thuốc uống mà khỏi.

Lại còn ông Vương-Thủ Đạo phải bệnh trúng phong, không nói được, ông Vương-Khắc-Minh đến chữa, lấy than lửa đốt đất cho nóng, lấy những vị phong-dược sắc nước tưới vào để người bệnh nằm gác lên trên, một chốc thời tỉnh ra.

Hai phép ấy, bịnh nguy không kịp uống thuốc thực là có tài quyền biến được lắm.

列 方

Liệt các bài thuốc

通 關 散

Thông-quan-tán

皂角 二リ 炙焦
Tạo-dác 2 đồng

細辛 一リ
Tế-tân 1 đồng

或加 生半夏 一リ
Hoặc Gia: Sinh-bán-hạ 1 đồng.

共末取少許吹两鼻孔或用皂角一味亦可
Tán bột lấy một ít thổi vào 2 lỗ mũi, hoặc dùng một vị bồ-kết cũng được.

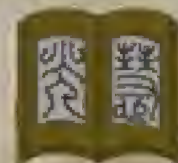
開 牙 散

Khai-nha tán

細辛 一リ
Tế-tân 1 đồng

南星 一リ
Nam-tinh 1 đồng

礞石 一リ
Phác-tiêu 1 đồng



全蝎五个炒

Toàn-yết 5 con

龍腦五分

Long-não 5 phân

姜蚕五个炒

Khương-tằm 5 con

共末每用一リ

Cùng tán bột, mỗi bận xát lấy 1 đồng.

烏梅一个水磨又加射香少許和末藥擦兩邊

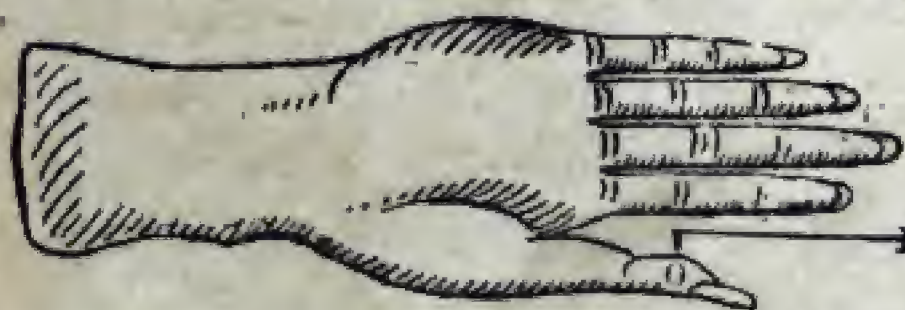
Ô-mai 1 quả mài với nước, thêm một tí xạ-hương hòa thuốc bột xát chân

大牙根 或用一味烏梅磨水擦亦可

răng hàm. Hoặc dùng một thứ ô-mai hòa nước xát cũng được.

磁鋒砭法

Từ-phong - biêm pháp



穴少傷

Huyết Thiếu-thương

Dùng mũi kim châm huyết thiếu-thương cho chảy máu ra thì khỏi, huyết ấy ở hai đầu ngón tay cái bên trong cạnh móng, trước phải vuốt từ trên cạnh tay cho máu chạy xuống rồi mới châm kim cả hai ngón tay.

獨參湯

Độc - sâm thang

洋参一兩姜炒

Dương-sâm 1 lượng

大棗三枚

Đại-táo 3 quả

生姜十片

Sinh-khương 10 nhát

水煎服

Xác nước uống.

附子理中湯

Phụ - tử - lý - trung thang (ở số 10)

洋参五リ姜炒

Dương-sâm 5 đồng

製附二リ

Chế-phụ 2 đồng

白朮三リ土炒

Bạch-truật 3 đồng

乾姜二リ炒焦

Can-khương 2 đồng

炙甘草一リ半

Chích-thảo 1 đồng rưỡi.

小續命湯

Tiểu - tục - mệnh thang

| | | |
|--------------------------|---------------------|------------------|
| 洋參 二リ 姜 炒 | 麻黃 一リ | 黃芩 一リ 炒 |
| Dương-sâm 2 đồng | Mã-hoàng 1 đồng | Hoàng-cầm 1 đồng |
| 白芍 二リ 炒 | 防己 一リ | 杏仁 十粒 |
| Bạch-thược 2 đồng | Phòng-kỷ 1 đồng | Hạnh-nhân 10 hạt |
| 生薑 五片 | 製附 一リ | 肉桂 一リ |
| Sinh-khương 5 nhát | Chế-phụ 1 đồng | Nhục-quế 1 đồng |
| 炙甘草 五分 | 川芎 一リ | |
| Chích-thảo 5 phân | Xuyên-khuang 1 đồng | |
| 防風 一リ 半 | | |
| Phòng-phong 1 đồng rưỡi. | | |

三化湯

Tam - hóa thang

| | | |
|-------------------------|-----------------|--------------------|
| 厚樸 四リ 姜 炒 | 枳實 一リ 炒 | 姜活 一リ |
| Hậu-phác 4 đồng | Chỉ-thực 1 đồng | Khương-hoạt 1 đồng |
| 川大黃 二リ | | |
| Xuyên-dại-hoàng 2 đồng. | | |

大秦茺湯

Đại - tân - giao thang

| | | |
|---------------------|------------------|--------------------|
| 秦茺 二リ | 石羔 一リ 煨 | 生草 五分 |
| Tân-giao 2 đồng | Thạch-cao 1 đồng | Sinh-thảo 5 phân |
| 川芎 一リ | 當歸 二リ | 姜活 一リ |
| Xuyên-khuang 1 đồng | Đương-quy 2 đồng | Khương-hoạt 1 đồng |
| 生地 三リ | 茯苓 二リ | 白芍 二リ 炒 |
| Sinh-địa 3 đồng | Phục-linh 2 đồng | Bạch-thược 2 đồng |
| 白朮 二リ 土 炒 | 熟地 五リ | 白芷 一リ |
| Bạch-truật 2 đồng | Thục địa 5 đồng | Bạch-chỉ 1 đồng |
| 黃芩 一リ | 細辛 一リ | 獨活 一リ |
| Hoàng-cầm 1 đồng | Tế-tân 1 đồng | Độc-hoạt 1 đồng. |
| 防風 二リ | | |
| Phòng-phong 2 đồng | | |



狗脊飲

Cẩu-tích âm

木瓜 二リ

Mộc-quả 2 đồng

桑枝 一リ 炒

Tang-chi 1 đồng

秦艽 一リ

Tần-giao 1 đồng

歸尾 一リ

Quy-vĩ 1 lượng

金毛狗脊 三リ

Kim-mao-cẩu-tích 3 đồng.

牛 必 二リ

Ngưu-tất 2 đồng

杜仲 二リ 盞 炒

Đỗ-trong 2 đồng

桂枝 一リ

Quế-chi 1 đồng

海風藤 一リ

Hải-phong-dăng 1 đồng

松節 一リ

Tùng-tiết 1 đồng

續斷 一リ

Tục-đoạn 1 đồng

熟地 五リ

Thục-dịa 5 đồng

水煎服

冲酒 一盃

Sắc nước uống, hòa 1 chén rượu.

稀桐丸

Hí-dồng hoàn

地梧桐即木芙蓉連花葉枝 八リ 晒乾

Địa-ngô-dồng, (là cây phù-dung) lấy cả hoa lá cành 8 lượng phơi khô.

稀葦草 芫荽 狂獼 四リ 炒

Hí-thiêm-thảo, (là lá chó đẻ) 4 lượng sao

共末煉蜜丸 早夕各服 四リ

Tán nhỏ luyện mật, viên, sớm tối mỗi bữa uống 4 đồng.

換骨丹

Hoán - cốt - đan

麻黃煮成膏 另外

Ma-hoàng nấu thành cao, để ngoài.

杜仲

Đỗ-trong,

槐角子

Hòe-dác-tử,

桑白皮

Tang-bạch-bì,

川芎

Xuyên-khung,

白芷

Bạch-chỉ,

葳靈仙

Uy-linh-tiên,

洋參姜炒

Dương-sâm

防風

Phòng-phong,

何首烏製

Hà-thủ-ô,

蔓荊

Mạn-kinh;

每味各 一リ

Mỗi vị đều 1 lượng.

苦参五リ

Khô-sâm 5 đồng

木香五リ

Mộc-hương 5 đồng

龍腦五分

Long-não 5 phân

射香一分

Sạ-hương 1 phân

共末和葛麻黃煉爲丸搗一萬五千杵

Cùng tán bột, hòa cao ma-hoàng, luyện làm viên, dăm 15.000 chày

每升分爲十丸用辰砂爲衣每臨臥服一丸

mỗi lạng chia làm 10 viên, lấy thần-sa làm áo. Mỗi tối uống 1 viên

酒送下

với ngum rượu.

薰藥法

Huân - dược pháp

眞降香

Trân-dâng-hương

千年健

Thiên-niên-kiện

鬧羊花 (1)

Náo-dương-hoa

生川烏

Sinh-xuyên-ô

陳艾葉

Trần-ngải-diệp

鑽地風

Toàn-dịa-phong

百草霜

每味各二リ

射香一分

Bách-thảo-xương; Mỗi vị đều 2 đồng. Sạ-hương 1 phân

共末散紙上捲作筒點火薰之漸

Cùng tán bột rắc trên mảnh giấy, quấn làm mỗi đốt lửa hun, càng

薰漸痛越痛越好何處不痛則多薰

hun càng đau, càng đau càng hay; chỗ nào không đau thì hun

之用一料全愈

nhieu vào làm 1 liệu thời khỏi.

中寒

5. — Trúng - hàn

Bệnh trúng hàn bởi khi mùa đông rét lắm lại nhân mưa phùn gió bắc, những người tạng hàn hoặc có ăn đồ sống lạnh cho nên khí lạnh trúng vào âm kinh tự nhiên ngã ra cứng hăm rõ rã, chân tay cứng thẳng hoặc có tiếng ngáy; hoặc bụng đau như đâm vào, trước phải dùng bài Thông-quan-tán thổi vào lỗ mũi cho hắt hơi, lại dùng rượu nóng hòa với nước gừng đổ vào mồm hoặc là nước tiểu hòa với nước gừng cho uống ngoài dùng than lửa đốt nhiều để cho nóng lên, nước bằng với vàng chữa kịp thuốc men gì, hãy dùng phép Thông-uất-pháp hoặc dùng Ngộ-thù-uất-pháp.

(1) Hoa cà độc-dược.

Một thứ trúng hàn đau bụng đau cả da lưng và vạng sườn đau quá tưởng chết; dùng một nắm lá ngải to bằng cái trứng, ba đồng nhục-quế, mười nhất gừng sống sắc nước uống hòa một chén rượu, phải trùm chăn cho ra mồ-hôi thời khỏi.

Một thứ hàn tả trực trúng âm-kinh chân tay co quắp, cứng hàm không nói được dùng thang *Hồi-dương-cấp-cứu* hoặc bài *Đại-ôn-trung*, như con vị lạnh, đau bụng đi tả dùng bài *Ôn-vị-âm*, thang *Phụ-tử-lý-trung*. Bểng như mạch trầm châu tay lạnh đi rửa; không khát nước dùng thang *Tứ-nghịch gia nhân-sâm*. Như rức đầu, đau mình trong ngoài đều cảm hàn tả dùng bài *Ngũ-tích-tán*.

Một thứ trúng hàn môi thời xám xanh, thận-năng rút lại; đàn-bà đầu vú rút lại, hai tay không có mạch dùng phép *Thông-uất-pháp* lại dùng hồ-tiêu nghiền nhỏ hòa rượu nóng cho uống.

Những khi hàn tả trúng vào thái-âm lý-kinh thời vị oản đau dùng thang *Phụ-tử-lý-trung*, bài *Ôn-vị-âm*. Như trúng vào thiếu âm thận-kinh thời bụng, rốn đau đớn dùng bài *Quy-khi-âm*, bài *Ngũ-tích-tán* gia ngô-thù 2 đồng. Như trúng vào quyết-âm can-kinh thời bụng dưới đau dùng thang *Tứ-nghịch*, bài *Quy-khi-âm*, bài *Noãn-can-tiến*. Nhược bằng hàn tả trúng cả ba kinh thời đầy tức, đau lắm không chịu được dùng thang *Bài-khi-âm*, thang *Hàn-thị-ôn-trung*, thang *Ngũ-vị-trầm-phụ*.

列 方

Liệt các bài thuốc

葱熨法

Thông - uất pháp

Trước dùng hành củ 4 lạng (đám nhỏ dùng khăn vải chia làm 2 bọc đốt hơ nóng, để lên trên hành tẩm lại rồi chườm vào bụng trên, bụng dưới nguội rồi lại thay). *Lại dùng:*

生附子一兩

白朮五兩

乾姜五兩

Sinh-phụ-tử 1 lạng

Bạch-truật 5 đồng

Can-khương 5 đồng

木香二兩

Mộc-lương 2 đồng.

煎湯冷服

Sắc nước để nguội uống.



吳茱萸法

Ngô - thù - uất - pháp

Dùng ngô-thù nửa cân đâm nhỏ tằm rượu chia làm hai học đốt hòn lóc để vào, tẩm lại chườm vào trên bụng và hai gan bàn chân lạnh thời lại đổi, đợi thấy hơi nóng thấm vào trong bụng, chân tay ấm áp mới thôi, hoặc thêm hành và muối càng hay.

回陽救急湯

Hồi - dương cứu - cấp thang

| | | |
|--------------------|-------------------|-------------------|
| 洋参三リ姜炒 | 白朮二リ土炒 | 茯苓二リ |
| Dương-sâm 3 đồng | Bạch-truật 2 đồng | Phục-linh 2 đồng |
| 陳皮一リ炒 | 法夏一リ | 乾姜一リ炒 |
| Trần-bì 1 đồng | Pháp-hạ 1 đồng | Can-khương 1 đồng |
| 製附一リ | 五味十粒 | 肉桂一リ |
| Chế-phụ 1 đồng | Ngũ-vị 10 hạt | Nhục-quế 1 đồng |
| 炙草五分 | | |
| Chích-thảo 5 phân. | | |

大溫中飲

Đại - ôn - trung ẩm

| | | |
|------------------|-------------------|-------------------|
| 熟地五リ | 當歸三リ | 白朮三リ土炒 |
| Thục-dịa 5 đồng | Đương-quy 3 đồng | Bạch-truật 3 đồng |
| 洋参三リ姜炒 | 炙草一リ | 柴胡二リ |
| Dương-sâm 3 đồng | Chích-thảo 1 đồng | Sài-hồ 2 đồng |
| 麻黃一リ | 肉桂一リ | 乾姜二リ炒 |
| Ma-hoàng 1 đồng | Nhục-quế 1 đồng | Can-khương 2 đồng |

溫胃飲

Ôn - vị ẩm

| | | |
|-----------------|-------------------|-------------------|
| 党参五リ姜炒 | 白朮三リ土炒 | 扁豆三リ炒 |
| Đảng-sâm 5 đồng | Bạch-truật 3 đồng | Biền-dậu 3 đồng |
| 陳皮二リ炒 | 炙草一リ | 乾姜二リ炒 |
| Trần-bì 2 đồng | Chích-thảo 1 đồng | Can-khương 2 đồng |



歸氣飲

Quy - khí âm

熟地五リ

Thục-dịa 5 đồng

茯苓三リ

Phục-linh 3 đồng

扁豆三リ炒

Biển-dậu 3 đồng

乾姜二リ炒

Can-khương 2 đồng

陳皮二リ炒

Trần-bì 2 đồng

丁香一リ

Đinh-hương 1 đồng

藿香二リ

Hoắc-hương 2 đồng

炙草一リ

Chích-thảo 1 đồng.

煖肝煎

Noãn - can tiên

當歸三リ

Đương-quy 3 đồng

杞子二リ

Khởi-tử 2 đồng

茯苓二リ

Phục-linh 2 đồng

小茴二リ

Tiểu-hồi 2 đồng

烏藥二リ

Ô-dược 2 đồng

肉桂一リ

Nhục-quế 1 đồng

沉香五分

Trầm-hương 5 phân

或代用

Hoặc thay

木香一リ

Mộc-hương 1 đồng

四逆湯

Tứ - nghịch thang

乾姜三リ炒

Can-khương 3 đồng

製附二リ

Chế-phụ 2 đồng

炙草一リ半

Chích-thảo 1 đồng rưỡi.

排氣飲

Bài - khí âm

香附二リ炒

Hương-phụ 2 đồng

澤左二リ盪炒

Trạch-tá 2 đồng

烏藥二リ

Ô-dược 2 đồng

藿香二リ

Hoắc-hương 2 đồng

陳皮一リ半炒

Trần-bì 1 đồng rưỡi

枳壳一リ炒

Chỉ-xác 1 đồng

厚樸二リ姜炒

Hậu-phác 2 đồng

木香一リ煨

Mộc-hương 1 đồng.



韓氏溫中湯

Hàn - thị - ôn - trung thang

| | | |
|-------------------|-------------------|-------------------|
| 厚樸二リ姜炒 | 陳皮二リ炒 | 乾姜二リ炒 |
| Hậu-phác 2 đồng | Trần-bì 2 đồng | Can-kương 2 đồng |
| 白朮二リ土炒 | 木香一リ煨 | 丁香一リ |
| Bạch-truật 2 đồng | Mộc-hương 1 đồng | Đinh-hương 1 đồng |
| 加 | 葱白二リ | 荊芥一リ |
| Gia: | Thông-bạch 2 đồng | Kinh-giới 1 đồng |

五味洗附湯

Ngũ - vị - trâm - phụ thang

| | | |
|-------------------|-------------------|--------------------|
| 白朮三リ土炒 | 製附一リ | 乾姜二リ炒 |
| Bạch-truật 3 đồng | Chế-phụ 1 đồng | Can-kương 2 đồng |
| 炙草一リ | 沉香五分 | |
| Chích-thảo 1 đồng | Trâm-hương 5 phân | |
| 或代用 | 木香一リ | 生姜五片 |
| Hoặc thay: | Mộc-hương 1 đồng, | Sinh-kương 5 nhát. |

四逆加人參湯

Tứ - nghịch - gia - nhân - sâm thang

| | | |
|-------------------|----------------|------------------|
| 洋參五リ姜炒 | 製附二リ | 乾姜三リ炒 |
| Dương-sâm 5 đồng | Chế-phụ 2 đồng | Can-kương 3 đồng |
| 炙草一リ | | |
| Chích-thảo 1 đồng | | |

五積散

Ngũ - tích - tán (ở số 2)

| | | |
|--------------------|-------------------|--------------------|
| 當歸二リ | 白芍二リ炒 | 黨參三リ姜炒 |
| Đương-quy 2 đồng | Bạch-thược 2 đồng | Đảng-sâm 3 đồng |
| 川芎一リ | 茯苓二リ | 蒼朮一リ製 |
| Xuyên-khung 1 đồng | Phục-linh 2 đồng | Xương-truật 1 đồng |
| 炙艸五分 | 厚樸一リ姜炒 | 乾姜一リ炒 |
| Chích-thảo 5 phân | Hậu-phác 1 đồng | Can-kương 1 đồng |
| 蘇黃五分 | 白芷一リ | 桂枝一リ |
| Ma-hoàng 5 phân | Bạch-chỉ 1 đồng | Quế-chí 1 đồng |
| 法夏一リ | 陳皮一リ炒 | 桔梗一リ |
| Pháp-hạ 1 đồng | Trần-bì 1 đồng | Kết-cánh 1 đồng |
| 枳殼一リ炒 | 加 | 吳茱二リ酒炒 |
| Chí-xác 1 đồng | Gia: | Ngô-thù 2 đồng |



中 暑

6. — Trúng - thử

Bệnh trúng nắng. — Những người đi đường xa và người làm ruộng; đương khí nắng cháy, buổi trưa, làm khó nhọc không nghỉ, tự nhiên ngã ra, rức đầu, da thịt nóng như lửa, khát nước đồ hồ-hối nhiều, mạch thời phù, hơi thở to, không vận động được; kịp dùng vài củ tỏi, một hòn đất khô, đâm ra hòa nước cho uống, nếu bàm cứng thì cạy răng đồ vào. Hoặc là dùng nước gừng hòa nước tiểu cho uống, hoặc dùng giấy quăn lại châm lửa hơi vào mồm; lại phép dùng dấm cổ kết lại để vẩy chung quanh rốn, lấy đất bóp nhỏ rắc chung quanh bên trong cổ, mượn người dúi vào rốn một chốc khi nóng vào bụng thì khỏi.

Lại còn phép dùng: lấy hai cái khăn vải dẫn nước nóng chườm vào rốn ngoài rồi lại đổi. Lại cho uống nước nóng. Bằng như cho uống nước lạnh thì chết. Rồi dùng thang *Dương-trung* ở số 10 CHƯ-HƯ-CHUNG-BIỆN, thang *Lý-trung* ở số 1 NỘI-THƯƠNG, sắc cho uống. Nhược bằng khí hư mỗi một lăm cho uống thang *Độc-sâm* ở số 4 TRÚNG-PHONG.

傷 暑

7. — Thương - thử

Chúng cảm thử nhân khi mùa hạ, cảm khí mặt trời, nóng quá cho nên mình nóng, rức đầu, khát nước, đồ hồ-hối muốn^① uống nước lạnh mạch thời hồng hoạt, đi tiểu đỏ mà đau, đại tiện táo thế là ngoài da trong bụng đều nóng phải dùng thuốc mát để giải thử độc; nhược bằng khí không hư lăm mà chỉ có chứng nóng dùng thang *Bạch-hồ* bài^② *Ngọc-toàn-tán*, bài *Hoàng-liên-hương-nhu*; nhược bằng phiền khát đồ



bồ-hôi, mạch thời phù mà khi hư dùng bài *Bạch-hồ-gia-nhân-sâm*, thang *Trúc-diệp-thạch-cao*. Nhược bằng phiền khát mà không nóng lắm dùng bài *Sinh-mạch-tán* bài *Tom-tái*. Nhược bằng cảm thử mà nôn mửa quá, cơm, thuốc không chịu, bệnh nguy quá dùng *Dương-sâm* 1 đồng, xuyên-hoàng-liên 3 phân gạo nếp một nắm sắc cho uống li một thời khỏi nôn.

Nhược bằng đau hoắc-loạn, thổ tả mà phiền khát lắm dùng bài *Súc-ti-âm*, bài *Tứ-vị-hương-nhu* có chuột rút gân thì thêm mộc-quả 3 đồng.

Nhược bằng thổ-tả mà đầu nặng hôn-mê thân-thể mỗi-một lắm dùng bài *Thập-vị-hương-nhu-âm*.

Nhược bằng mình-mảy thời nóng chân tay mỗi-một đỏ bồ-hôi, khát nước không muốn ăn uống gì đi đại rất mà vàng, đi rửa lỏng dùng bài *Thanh-thử-tch-khi*.

Nhược bằng nóng sốt phiền táo, tiểu-tiện không lợi dùng bài *Quê-linh-cam-lộ*.

陰 暑 症

Âm - thử chứng

Những khi tránh nắng cầu rợp, ở nhà rộng nơi nhiều gió chỗ bóng cây phải khi lạnh ngăn trở; thử khi không tiết ra được hóa ra phát sốt, rức đầu phiền táo không yên hễ xem dưới nách có bồ-hôi là chứng thương-thủ dùng bài *Gia-vị-hương-nhu*. Nhược bằng nóng sốt không khỏi, rức đầu sợ lạnh hễ xem dưới nách không có bồ-hôi ấy là chứng thương-bản mùa hạ, phải theo mục *Thương-bản* số 3 các phép chữa bệnh.

Nhược bằng chứng âm thử lại ăn những đồ sống lạnh, hóa ra đau bụng nôn mửa, đi rửa thế là trong ngoài đều lạnh; dùng bài *Ưc-phù-liên*, bài *Ngũ-dức-hoàn*. Nhược bằng li vị hư lắm dùng bài *Ôn-vị-âm*, bài *Lý-trung-thang*. Nhược bằng thổ-tả quá lắm, con tý con thận đều bị thương, đau cả đến bụng dưới dùng bài *Vị-quan-tiến*, bài *Cửu-khi-dan*.



列 方

Liệt các bài thuốc

黃 連 香 薷 飲

Hoàng - liên hương - nhu ẩm

川黃連 一リ半 厚樸二リ姜炒 香薷四リ
Hoàng-liên 1 đồng rưỡi Hậu-phác 2 đồng Hương-nhu 4 đồng

竹 葉 石 羔 湯

Trúc - diệp thạch - cao thang

竹葉廿片 石羔六リ煨 生草一リ
Trúc-diệp 20 lá Thạch-cao 6 đồng Sinh-thảo 1 đồng
麥門三リ炒 沙參三リ姜炒 粳米二撮
Mạch-môn 3 đồng Sa-sâm 3 đồng Cánh-mễ 2 dùm

生 脉 散

Sinh - mạch - tán

沙參一兩姜炒 麥門六リ炒 五味十五粒炒
Sa-sâm 1 lượng Mạch-môn 6 đồng Ngũ-vị 15 hạt

縮 脾 飲

Súc - tỳ - ẩm

扁豆五リ炒 葛根三リ 烏梅三个
Biển-dậu 5 đồng Cát-căn 3 đồng Ô-mai 3 quả
炙艸一リ半 沙仁一リ炒 草果五分
Chích-thảo 1 đồng rưỡi Sa-nhân 1 đồng Thảo-quả 5 phân

四 味 香 薷 飲

Tứ - vị hương - nhu ẩm

生艸一リ半 扁豆五リ炒 香薷三リ
Sinh-thảo 1 đồng rưỡi Biển-dậu 5 đồng Hương-nhu 3 đồng
厚樸三リ姜炒
Hậu-phác 3 đồng

十味香薷飲

Thập - vị hương - nhu ẩm

| | | |
|----------------------|-----------------|------------------|
| 香薷二リ | 沙参三リ姜炒 | 黄芩二リ炙 |
| Hương-nhu 2 đồng | Sa-sâm 3 đồng | Hoàng-ký 2 đồng |
| 厚朴一リ半姜炒 | 淮山二リ炒 | 茯苓二リ |
| Hậu-phác 1 đồng rưỡi | Huài-sơn 2 đồng | Phục-linh 2 đồng |
| 陳皮五分炒 | 扁豆三リ炒 | 木瓜二リ |
| Trần-bì 5 phân | Biển-dậu 3 đồng | Mộc-qua 2 đồng |
| 生草一リ | | |
| Sinh-thảo 1 đồng | | |

清暑益氣湯

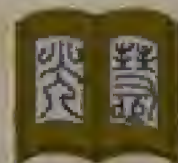
Thanh - thứ ích - khí thang

| | | |
|-------------------|--------------------|-----------------|
| 沙参三リ姜炒 | 黄芩二リ炙 | 升麻一リ |
| Sa-sâm 3 đồng | Hoàng-ký 2 đồng | Thăng-ma 1 đồng |
| 神曲一リ姜炒 | 蒼朮五分製 | 陳皮五分炒 |
| Thần-khúc 1 đồng | Xương-truật 5 phân | Trần-bì 5 phân |
| 炙甘草五分 | 淮山二リ炒 | 黄柏五分炙 |
| Chích-thảo 5 phân | Huài-sơn 2 đồng | Hoàng-bá 5 phân |
| 麥門二リ炒 | 當歸二リ | 葛根二リ |
| Mạch-môn 2 đồng | Đương-qui 2 đồng | Cát-cần 2 đồng |
| 澤左一リ鹽炒 | 青皮五分炒 | 五味十粒炒 |
| Trạch-tả 1 đồng | Thanh-bì 5 phân | Ngũ-vị 10 hạt |

加味香薷飲

Gia - vị hương - nhu ẩm

| | | |
|------------------|------------------|------------------|
| 香薷二リ | 茯苓二リ | 扁豆三リ炒 |
| Hương-nhu 2 đồng | Phục-linh 2 đồng | Biển-dậu 3 đồng |
| 厚朴二リ姜炒 | 生草一リ | 青蒿二リ炒 |
| Hậu-phác 2 đồng | Sinh-thảo 1 đồng | Thanh-hao 2 đồng |
| 知母二リ | 石膏四リ燉 | |
| Tri-mẫu 2 đồng | Thạch-cao 4 đồng | |



抑扶煎

Ức-phù tiên

厚樸 二リ 姜 炒

Hậu-phác 2 đồng

烏藥 一リ 半

Ô-dược 1 đồng rưỡi

乾姜 二リ 炒

Can-khương 2 đồng

陳皮 一リ 炒

Trần-bì 1 đồng

澤左 二リ 鹽 炒

Trạch-tả 2 đồng

吳茱 一リ 酒 炒

Ngô-thù 1 đồng

猪苓 二リ

Chư-linh 2 đồng

炙艸 一リ

Chích-thảo 1 đồng

五德丸

Ngũ-dức hoàn

破故 二リ 炒

Phá-cổ 2 lạng

乾姜 二リ 炒

Can-khương 2 lạng

吳茱 一リ 酒 炒

Ngô-thù 1 lạng

烏藥 一リ

Ô-dược 1 lạng

木香 一リ 煨

Mộc-hương 1 lạng

共末糊丸 每服 三リ 姜湯下

Tán bột luyện hồ, viên, mỗi bữa uống 3 đồng, thang bằng gừng.

胃關煎

Vị-quan-tiên

熟地 五リ 姜 炙

Thục-dịa 5 đồng

扁豆 三リ 炒

Biền-dậu 3 đồng

炙草 七分

Chích-thảo 7 phân

白朮 二リ 土 炒

Bạch-truật 2 đồng

乾姜 一リ 炒

Can-khương 1 đồng

淮山 三リ 炒

Hoài-sơn 3 đồng

吳茱 七分 酒 炒

Ngô-thù 7 phân

九炁丹

Cửu-khí-dan

熟地 四リ 炙

Thục-dịa 4 lạng

肉豆蔻 一リ 煨 去油

Nhục-dậu-khẩu 1 lạng

藜蘆 一リ 醋 炒

Tất-bát 1 lạng

製附 二リ

Chế-phụ 2 lạng

吳茱 一リ 酒 炒

Ngô-thù 1 lạng

五味 五リ 炒

Ngũ-vị 5 đồng

乾姜 一リ 炒

Can-khương 1 lạng

破故 一リ 炒

Phá-cổ 1 lạng

炙草 五リ

Chích-thảo 5 đồng

共末糊丸 每服 三リ 姜湯下

Tán bột luyện hồ, viên, mỗi bữa uống 3 đồng, thang bằng gừng.

桂苓甘露飲

Quế-linh cam-lô ẩm

滑石 八・リ

Hoạt-thạch 8 đồng

石 羔 四・リ 煨

Thạch-cao 4 đồng

淮山 四・リ 炒

Hoài-sơn 4 đồng

寒水石 四・リ 煨

Hàn-thủy thạch 4 đồng

茯苓 二・リ

Phục-linh 2 đồng

澤 左 二・リ 鹽 炒

Trạch-tả 2 đồng

猪苓 一・リ

Chu-linh 1 đồng

肉桂 一・リ

Nhục-quế 1 đồng

共 末 每 服 三

lần bột, mỗi bữa uống

溫 水 調 下

lần, hòa nước sôi.

養中煎

Dưỡng-trung tiển (ở số 10, CHƯ-HƯ-CHUNG)

理中湯

Lý-trung thang

三才丸

Tam tài hoàn

(俱在一數內傷)

(Đều ở số 1, NỘI-THƯƠNG)

白虎湯

Bạch-hổ thang

五寶散

Ngũ bảo tán

(俱在三數傷寒)

(Đều ở số 3, THƯƠNG-HÀN)

溫胃飲

Ôu-vị ẩm

(在五數中寒)

(ở số 5, TRUNG-HÀN)

傷 濕

8. — Thương - thấp

Chứng thương thấp có hai thứ: nội nhân và ngoại nhân không giống nhau, như là khi đi bị mưa ướt; nằm ở chỗ ẩm thấp hoặc mặc mãi áo có mồ-hôi không cởi ra đều là chứng ngoại nhân đó. Như là: hay ăn những các thứ hoa quả, nhất là quả dừa; hay là uống rượu, uống nước và ăn các đồ sống lạnh đều là chứng nội nhân. Đến khi bị bệnh trong mình phần dương thịnh nóng nhiều hóa ra chứng thấp nhiệt, phần âm thịnh lạnh hơn hóa ra chứng hàn thấp. Chứng hiện ra phát sốt, sợ lạnh mình thời nặng, lưng thì đau gán xương đều rức, hoặc là đầy, khó thở đờm rãi nhiều hoặc phờ sưng, da vàng, nước tiểu ít mà đỏ, đại tiện lỏng và các chứng tế thấp đau chân. Phép chữa phải bỏ tì, tiêu cơm làm dần, chứng ngoại nhân phải cho ra mồ-hôi, chứng nội nhân phải cho lợi tiểu tiện. Bệnh thấp nhiệt phải dùng thuốc mát.

Bệnh hàn thấp phải dùng thuốc nóng lại phải kiêm dùng phong được bởi vì gió hay khô được chỗ ướt.

Một thứ: chứng thấp nhiệt thời có phiền khát di tiểu ít mà đỏ, đại tiện thì lỏng, mạch thời hồng sắc, nóng vừa dùng bài *Tứ-linh-tán*, bài *Tiểu-phân-thanh*; nóng lắm dùng bài *Nhân-trần-âm*, bài *Đại-phân-thanh*. Nhược bằng đại tiện táo kết thời phải bổ huyết tư âm; nhẹ thời dùng thang *Tứ-vật* gia tri-mẫu, hoàng-bá, xương-truật đều 1 đồng; nặng thời dùng bài *Tư-âm-bát-vị* bội phục-linh, trạch-tả, gia xương-truật 1 đồng.

Một thứ hàn thấp thuộc nội nhân ắt có dờm rãi, nôn mửa, đầy bụng, đi rửa, mạch thời trầm tri bệnh nhẹ thì dùng bài *Ngũ-linh-tán*, bài *Bình-vị-tán*; nặng thì dùng bài *Lý-trung-thang* ở số 1 NỘI-THƯƠNG, bài *Thánh-truật-liên*.

Một thứ hàn thấp thuộc về ngoại nhân thời có phát sốt, sợ lạnh rức đầu, đau mình, mạch thời phù khẩn, phải nên dùng thuốc nóng mà kiêm tán dùng bài *Ngũ-linh-tán* ở số 2 THƯƠNG-PHONG, bài *Gia-vị-ngũ-linh*, bài *Bất hoán-kim-chính-khi-tán*.

列 方

Liệt các bài thuốc

四 苓 散

Tứ-linh tán

猪 苓 二 升

Chư-linh 2 đồng

澤 左 四 升 炒

Trạch-tả 4 đồng

茯 苓 三 升

Phục-linh 3 đồng

白 朮 二 升 土 炒

Bạch-truật 2 đồng

小 分 清 飲

Tiểu - phân - thanh ẩm

茯 苓 三 升

Phục-linh 3 đồng

澤 左 三 升 炒

Trạch-tả 3 đồng

猪 苓 二 升

Chư-linh 2 đồng

薏 苡 二 升 炒

Ý-dĩ 2 đồng

枳 壳 一 升 炒

Chỉ-xác 1 đồng

厚 朴 一 升 姜 炒

Hậu-phác 1 đồng

大分清飲

Đại - phân - thanh - ẩm

茯苓ニリ

Phục-linh 2 đồng

梔子ニリ炒黒

Chi-tử 2 đồng

早前一リ炒

Xa-hiền 1 đồng

澤左ニリ炒

Trạch-tả 2 đồng

猪苓ニリ

Chư-linh 2 đồng

木通ニリ

Mộc-thông 2 đồng

枳壳一リ炒

Chi-xác 1 đồng

茵陳飲

Nhân - trần ẩm

茵陳三リ

Nhân-trần 3 đồng

菊花ニリ

Cúc-hoa 2 đồng

梔子三リ炒黒

Chi-tử 3 đồng

青皮一リ炒

Thanh-bì 1 đồng

澤左三リ炒

Trạch-tả 3 đồng

生草一リ

Sinh-thảo 1 đồng

四物湯

Tứ - vật thang (ở số 1)

生地五リ酒炒

Sinh-địa 5 đồng

川芎一リ

Xuyên-không 1 đồng.

當歸三リ

Đương-qui 3 đồng

白芍ニリ酒炒

Bạch-thược 2 đồng

加 知母ニリ

Gia: Tri-mẫu 2 đồng, Hoàng-bá 1 đồng, Xương-truật 1 đồng rưỡi.

滋陰八味煎

Tư - âm - bát - vị tiên (ở số 8)

熟地八リ

Thục-địa 8 đồng

牡丹三リ酒炒

Mẫu-đôn 3 đồng

黃伯一リ炒

Hoàng-bá 1 đồng

淮山四リ炒

Hoài-sơn 4 đồng

澤左四リ炒

Trạch-tả 4 đồng

山茱ニリ酒炒

Sơn-thù 2 đồng

茯苓五リ

Phục-linh 5 đồng

知母ニリ

Tri mẫu 2 đồng

加 蒼朮ニリ製

Gia: Xương-truật 2 đồng



五苓散

Ngũ - linh tán

澤 左 四 リ 炒

Trạch-lã 4 đồng

茯苓 三 リ

Phục-linh 3 đồng

猪苓 二 リ

Chư-linh 2 đồng

白朮 二 リ 土 炒

Bạch-truật 2 đồng

肉桂 一 リ

Nhục-quế 1 đồng.

加 沉香 五 分

Gia: Trâm-hương 5 phân

平胃散

Bình - vị tán

厚樸 五 リ 姜 炒

Hậu-phác 5 đồng

蒼朮 三 リ 製

Xương-truật 3 đồng

陳皮 二 リ 炒

Trần-bì 2 đồng

炙草 一 リ 半

Chích-thảo 1 đồng rưỡi

聖朮煎

Thánh - truật tiên

冬朮 一 兩 土 炒

Đông-truật 1 lượng

陳皮 二 リ 炒

Trần-bì 2 đồng

乾姜 二 リ 炒

Can-khương 2 đồng

肉桂 一 リ

Nhục-quế 1 đồng

加味五苓散

Gia - vị ngũ - linh tán

即五苓散加

Là bài NGŨ-LINH gia :

姜活 二 リ

Khương-hoạt 2 đồng

不換金正氣散

Bất - hoán - kim - chính - khí tán

蒼朮二・リ 製
Xương-truật 2 đồng

橘紅皮二・リ 炒
Quất-hồng-bì 2 đồng

炙草一・リ
Chích-thảo 1 đồng

厚樸三・リ 姜 炒
Hậu-phác 3 đồng

茯苓三・リ
Phục-linh 3 đồng

木香七 分 煨
Mộc hương 7 phần

党参五・リ 姜 炒
Đảng-sâm 5 đồng

藿香一・リ
Hoắc-hương 1 đồng

燥 症

9. — Táo - chứng

Bệnh táo là khô ráo khi mùa thu, mùa đông những lúc không mưa, gió tây-bắc thổi, tre, gỗ đều khô nẻ, da thịt người ta khô cứng, dãn dùm không mềm mà nẻ ra ấy là chứng táo thuộc về ngoại nhân dùng Đào-nhân 1 lượng nghiền nhỏ hòa mỡ lợn bôi. Nhược bằng mũi khô, mắt đỏ, cổ khô, miệng ráo phiền khát; đại-tiện bí kết là chứng táo nội nhân bởi vì hay ăn đồ sào rán, uống rượu nhiều, hoặc đồ bồ-hôi nhiều mất cả tân-dịch cho nên huyết ráo, âm hư sinh ra chứng táo nhiệt nên dùng thuốc bổ huyết tư âm như bài *Tư-thủy-nhuận táo*, bài *Địa-hoàng âm-tử* lại còn chứng hàn táo cũng thấy trong cổ khô đại-tiện táo phải dùng thuốc ôn nhuận như bài *Thĩ-cai* phương *Trị-hàn-táo*.

列 方

Liệt các bài thuốc

滋 水 潤 燥 方

Tư - thủy nhuận - táo phương

熟地二 兩
Thục địa 2 lượng

牛 膝 五 兩
Ngưu-tất 5 đồng

煎 湯 和 牛 乳 一 碗
Sắc nước hòa sữa bò 1 chén.

天 門 五 兩 炒
Thiên-môn 5 đồng

麥 門 五 兩 炒
Mạch-môn 5 đồng



地黃飲子

Địa - hoàng - âm - tử

生地三リ

Sinh-dịa 3 đồng

熟地三リ

Thục-dịa 3 đồng

天門二リ炒

Thiên-môn 2 đồng

麥門二リ炒

Mạch-môn 2 đồng

沙参二リ炒

Sa-sâm 2 đồng

石斛一リ

Thạch-hộc 1 đồng

石羔一リ煨

Thạch-cao 1 đồng

生草五分

Sinh-thảo 5 phân

豕膏

Thỉ - cao

當歸八月 煮成膠

豕膏八月

白蜜一斤

Đương-quỳ 8 lượng, (sắc thành cao). Mỡ-nước 8 lượng, Mật-ong 1 cân

混入再煮 服三五匙

Hợp vào nấu lại; uống 5, 3 thìa.

治寒燥方

Trị - hàn - táo - phương

當歸八リ

Đương-quỳ 8 đồng

杏仁三リ搗

Hạnh-nhân 3 đồng

鹿膠三リ

Lộc-giao 3 đồng

炙草二リ

Chích-thảo 2 đồng

肉桂一リ

Nhục-quế 1 đồng

木香五分

Mộc-hương 5 phân

滋陰潤燥之品

Những vị tư - âm - nhuận - táo

生地

Sinh-dịa,

熟地

Thục-dịa,

肉蓯蓉製

Thong-dong,

當歸

Đương-quỳ,

牛必

Ngưu-tất,

天門炒

Thiên-môn

麥門炒

Mạch-môn,

鹿膠

Lộc-giao,

龜膠

Qui-giao,

丹参

Đan-sâm

沙参炒

Sa-sâm,

胡桃

Hồ-dào,

杞子

Khởi-tử,

蜂蜜

Phong-mật,

牛乳

Ngưu-nhũ



清火抑燥之品

Những vị thanh-hỏa-ức-táo

| | | | | |
|-------------|------------|-------------|------------|------------|
| 黃芩炒 | 黃芩炙 | 黃連 | 石斛 | 石羔 |
| Hoàng-cầm, | Hoàng-bá, | Hoàng-liên, | Thạch-hộc, | Thạch-cao, |
| 滑石 | 丹皮炒 | 知母 | 梔子炒黑 | 花粉 |
| Hoạt-thạch, | Đan-bì, | Tri-mẫu, | Chi-tử | Hoa-phấn, |
| 葛根 | 藕汁 | 玄參 | 梨漿 | 大黃煨 |
| Cát-căn | Ngẫu-trấp, | Huyền-sâm, | Lê-tương, | Đại-hoàng. |

火症

10. — Hòa-chứng

Ôi! Lửa nóng là khí lục dâm ở trong giới đất. Đời xưa vua Toại-nhân dúi cây lấy lửa; muôn dân được ăn đồ chín. Nhưng khi sao thuốc nhiễm nhiều hơi lửa, phải đồ xuống đất cho tả hỏa độc; những khi nấu cao thường nhiều hơi lửa, phải dùng cách thủy để tránh hỏa độc.

Những người âm hư táo nhiệt nhân khí vào bếp thời nấu phạm phải khí lửa độc, tự nhiên ngã ra gọi là bệnh trúng hỏa kịp dùng bài *Thông-quan-tán* ở số 4 TRÚNG-PHONG thời vào lễ mũi cho tỉnh ra, lại dùng đồng tiện cho uống.

Những chứng hỏa độc mà phiền táo đi tiểu ra huyết phải dùng thuốc mát cho thanh giải đi như bài *Ngọc-toàn-tán* và bài *Bạch-hồ-thang* đều ở số 3 THƯƠNG-HÀN hoặc dùng thang *Hoàng-liên-giải-độc*.

Còn như lạng phủ trong mình người ta đều có phực hỏa, lạng đó thì yên, quấy đó thì động cho nên có tên rằng: quán hỏa, tương hỏa, long hỏa, lòi hỏa. Những phép trị bệnh hỏa dùng thuốc lạnh để tả hỏa như bài *Trừu-tán-âm* ở số 3 THƯƠNG-HÀN, bài *Tam-bồ*, bài *Đại-thanh-âm* dùng thuốc bổ âm cho lửa xuống như bài *Lục-vị-hoàn*, *Tả-quy-âm* đều ở số 10 CHƯ-HƯ-CHƯƠNG-BIỆN. Nhược bằng long hỏa dấy lên, đốt cháy tam-tiểu thì nóng dữ quá phải theo tính nó mà đem về gốc dùng bài *Bát-vị-hoàn*, bài *Hữu-quy-âm* đều ở số 10 CHƯ-HƯ-CHƯƠNG-BIỆN.

Lại còn phép bổ từ thổ để thu dương hỏa vào dùng bài *Ngũ-quần-tế* bài *Lý-trung thang* đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.



黃連鮮毒湯

Hoàng - liên giải - độc thang

川黃連 黃芩炒 黃柏炙 梔子炒黑 各二リ
Hoàng-liên, Hoàng-cầm, Hoàng-bá, Chi-tử. (Đều 2 đồng)

三補丸

Tam - bổ - hoàn

黃芩炒 黃柏炙 川黃連 各二リ
Hoàng-cầm, Hoàng-bá, Hoàng-liên. (Đều 2 đồng)

大清飲

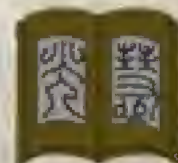
Đại - thanh - ẩm

水通 知母 石膏煨 石斛 各三リ
Mộc-thông, Tri-mẫu, Thạch-cao, Thạch-hộc. (Đều 3 đồng)
加 麥門三リ炒
gia : Mạch-môn 3 đồng.

寒厥

11. — Hàn - quyết

Chứng hàn-quyết thuộc âm, mạch thì trầm vi, không có sức sợ lạnh, muốn nóng đắp áo, trùm chăn, miệng không khát nước, tiểu-tiện thời trong, đại-tiện thời lỏng, tay chân lạnh giá, tay lạnh lên quá trên khuỷu, chân lạnh lên quá đầu gối, xét xem mạch cùng các chứng không có nóng này chỉ cả thực là chứng hàn-quyết không sai đó, dùng thang Phụ-tử lý-trung và bài Tứ-vị-hồi-dương đều ở số 10 CHƯ-HƯ-CHƯƠNG-BIỆN hoặc dùng Cửu-thoát-phương bằng như dương vong lại kiêm âm thoát dùng thang Lục-vị-hồi-dương.



救 脱 方

Cứu - thoát phương

洋参 一両 姜 炒 白朮 五リ 土 炒 製附三リ
Dương-sâm 1 lượng Bạch-truật 5 đồng Chế-phụ 3 đồng

六 味 回 陽 飲

Lục - vị hồi - dương ẩm

地 熟 五リ 當 歸 三リ 洋 参 三リ 姜 炒
Thục-dià 5 đồng Đương-quy 3 đồng Dương-sâm 3 đồng
乾 姜 二リ 炒 製 附 一リ 炙 草 一リ
Can-khương 2 đồng Chế-phụ 1 đồng Chích-thảo 1 đồng

熱 厥

12. — Nhiệt - quyết

Chứng nhiệt-quyết thuộc dương, mạch thời trầm sắc, có sức khỏe, ghét nóng muốn mát, giờ tay đập chân, nóng này không yên, đại-tiện táo kết, tiểu-tiện đồ ít, khát nước uống nhiều chân tay lạnh giá, nhưng mà tay lạnh không đến khuỷu, chân lạnh không đến đầu gối, ấy là dương cực cũng phát quyết đó, nóng vừa dùng bài *Tỷ-tán*, nóng lắm dùng bài *Trừu-tán* và thang *Bạch-hồ* đều ở số 3 THƯƠNG-HÀN. Như tại âm hư mà hóa nóng dùng bài *Nhất-âm-tiên*, nóng lắm dùng bài *Gia-dâm nhất-âm* đều ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG-BIỆN 4, 5 ngày không đi đại-tiện dùng thang *Tiêu-thừa-khí* ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

氣 厥

13. — Khí - quyết

Chứng khí-quyết bởi những người hiếu thắng, tài trí không bằng người nói khích một câu thôi tức giận mà ngã ra hoặc là tranh cạnh sự gì tức giận mà ngất đi, hàm răng nghiến lại, máu theo khí đưa lên, hoặc có thổ huyết. Bằng như những người thuần hòa khiêm thuận thời không có bệnh ấy.



chứng này không như bịnh trũng phong. Bịnh trũng-phong thời mạch phù mình nóng mà có đờm. Bịnh khí quyết thời mạch trầm mình lạnh mà không có đờm. Kíp dùng nước gừng hòa đồng tiện cho uống, bằng như chưa tỉnh phải bấm huyết nhân-trung và bấm hai ngón chân cái chỗ giáp móng giáp thịt lại dùng bài *Thông-quan-tán* thổi vào lỗ mũi cho tỉnh như hăm răng nghiêng lại dùng *Khai-nha-tán* xát chân răng hăm, 2 bài ấy đều ở số 4 TRÙNG-PHONG. Như người khỏe, nguyên khí thịnh vượng sắc mặt đỏ là chứng khí thực dùng thang *Bại-khí-âm*, bài *Bát-vị-thuận-khí-tán*, *Tứ-ma-âm*, *Tô-hợp-hoàn* ở hiệu khách có bán, như nguyên khí hư người yếu đuối, sắc mặt trắng hơi xanh là chứng khí hư dùng bài *Đại-bồ nguyên* ở số 1 NỘI-THƯƠNG, bài *Lục-vị-hồi-dương* ở 11 HÀN-QUYẾT và bài *Độc-sâm-thang* ở số 4 TRÙNG-PHONG.

排氣飲

Bài-khí-âm

香附二リ炒
Hương-phụ 2 đồng

澤左二リ炒
Trạch-tả 2 đồng

烏藥二リ
Ô-dược 2 đồng

藿香一リ半

陳皮一リ半炒

枳壳一リ炒

Hoắc-hương 1 đồng rưỡi

Trần-bì 1 đồng rưỡi

Chỉ-xác 1 đồng

厚樸一リ半姜炒

木香五分煨

Hậu-phác 1 đồng rưỡi

Mộc-hương 5 phần.

八味順氣散

Bát-vị-thuận-khí-tán

党参姜炒

白朮土炒

茯苓

青皮炒

陳皮炒

Đảng-sâm.

Bạch-truật,

Phục-linh,

Thanh-bì,

Trần-bì,

白芷

烏藥

各二リ

炙草五分

Bạch-chỉ,

Ô-dược.

(Đều 2 đồng).

Chích-thảo 5 phần.

四磨飲

Tứ-ma-âm

沉香

烏藥

枳壳

檳榔

Trầm-hương.

Ô-dược,

Chỉ-xác,

Bình-lang

各水磨煮溫服

Mỗi với nước, hăm nóng uống.

加木香

名五磨飲

Gia: Mộc-hương.

(Gọi là Ngũ-ma-âm).



血厥

14. — Huyêt - quyêt

Bệnh huyết-quyết có hai thứ: một thứ huyết thoát, một thứ huyết nghịch đều ngất đi cả.

Một thứ huyết thoát như khi thổ huyết nhiều lắm, băng huyết nhiều lắm, hoặc lá sản hậu, huyết ra nhiều lắm thời bệnh sấm tối mặt tự nhiên ngã ra, mắt nhắm miệng cam, người nhà phải im chờ có kêu khóc, nhọc bằng động tiếng, lên thời sợ người bệnh hồn vía nhân hư mà bặt mất thì không cứu được kịp bấm vào huyết Nhân-trung và bấm 2 ngón chân cái chỗ giáp thịt giáp móng, lại đốt than, tưới dấm thanh cho ngửi khói để thu khí vào lấy Dương-sâm một hai lạng sắc thang cho uống để khí không thoát được khi đã tỉnh rồi tùy chứng hàn nhiệt mà điều bổ, cấm không được dùng thuốc lạnh và những vị chỉ huyết.

Một thứ huyết nghịch bởi vì dân dữ quá máu theo khí ngược lên, máu uất mà sấm tối mặt thời cũng ngã ra; hoặc có huyết chảy ra mồm mũi, trước phải thuận khí thời huyết mới xuống dùng bài *Thông-ứ-tiên*, bài *Hóa-can-tiên* đợi cho khí huyết điều hòa rồi sau tùy chứng điều trị.

通瘀煎

Thông - ứ tiên

歸尾五リ

Quy-vĩ 5 đồng

青皮一リ半炒

Thanh-bì 1 đồng rưỡi

澤左一リ半炒

Trạch-tả 1 đồng rưỡi

山楂二リ炒黑

Sơn-tra 2 đồng

紅花二リ

Hồng-hoa 2 đồng

木香七分

Mộc-hương 7 phân.

香附二リ炒

Hương-phụ 2 đồng

烏藥二リ

Ô-dược 2 đồng

化肝煎

Hóa - can tiên

青皮炒

Thanh-bì,

陳皮炒

Trần-bì,

白芍酒炒

Bạch thược,

土貝母姜炒

Thổ bối mẫu

各二リ (Mỗi vị đều 2 đồng.)

牡丹酒炒

Mẫu-đơn,

梔子炒黑

Chi tử,

澤左炒

Trạch-tả,

各一リ半

(Đều 1 đồng rưỡi).



痰厥

15. — Đàm - quyết

Chứng đàm-quyết bởi vì nhân hỏa nhân phong cho nên đờm rãi ủng tắc khí không thông được, sấm tối ngất đi, mắt mờ, răng cắn chặt, chân tay co quắp và lạnh ngắt, kịp dùng phép để nòn đờm ra cho chóng khỏi. Những người khỏe mạnh phải dùng thuốc mạnh cho thổ đờm ra, uống bài *Hy-duyên-tán* bài *Trà điền-tán*. Những người yếu đuối dùng vị *Thuần-hòa* cho khai đờm ra lấy thang gừng muối nhân nhát cho uống dần dần, lại lấy ngón tay móc cổ để nòn ra hoặc dùng *Bảo-long-hoàn*, *Ngưu-hoàng-hoàn* hòa nước sôi cho uống, nhược bằng hàm răng còn cắn chặt dùng *Khai-nha-tán* ở số 4 TRÚNG-PHONG xát hàm răng. Như đờm nhiều lại dùng nhân ba đậu bọc giấy đập lấy dầu vào giấy, cuốn giấy làm mỗi châm lửa đốt, thời tắt lấy khói hun hai lỗ mũi, lại dùng *Sinh-bán-hạ tán* bột lấy một ít thổi vào hai lỗ mũi hoặc dùng *Trúc-lich* một chén, 10 giọt nước gừng hòa cho uống. Nhược bằng đờm chưa hết phải dùng *Cồn-đàm-hoàn* cho tiêu đi.

Như thấy bệnh đờm đã bớt phải xét bệnh căn mà chữa.

Bệnh thuộc về phần hỏa thịnh phải thanh giáng đi, dùng bài *Thanh-cách-tiên* hoặc bởi tại về nhân gió lạnh phải ôn tán đi, dùng bài *Lục-an-tiên* bởi tại âm thấp phải tiêu tán đi, dùng bài *Linh-truật-nhi-trần*.

Như tỳ hư phải bổ tỳ dùng thang *Lục-quân-tử*, thận thủy hư mà nước ứ thành đờm dùng bài *Lục-vị-hoàn*.

列方

Liệt các bài thuốc

菴涎散

Hy - duyen tán

皂角二葉炙焦

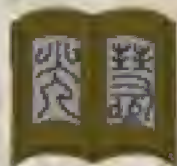
Tạo-dác 2 quả sao cháy

礬冠五リ

Phèn-phi 5 đồng

共末和溫水服二リ

Tán bột, hòa nước sôi, uống 2 đồng.



茶調散

Trà - điều tán

瓜蒂ニリ

Qua-đế 2 đồng

蓮心茶一リ

Liên-tâm-trà 1 đồng

共末每服一リ温水調下

Tán nhỏ hòa nước sôi, uống 1 đồng.

抱龍丸

Bảo-long-hoàn,

牛黃丸

Ngưu-hoàng-hoàn,

滾痰丸

Cồn-dâm-hoàn.

俱在客號發賣

Ở hiệu khách có bán.

取竹瀝法

Phép lấy trúc-lich

Dùng trúc non năm bảy gióng để trên hỏa lò đốt thời nước chảy ra.

清膈煎

Thanh - cách - tiên

土貝母ニリ姜炒

Thổ-bối-mẫu 3 đồng

胆星ニリ

Đảm-tinh 2 đồng

海石ニリ

Hải-thạch 2 đồng

陳皮一リ半炒

Trần-bì 1 đồng rưỡi

木通一リ

Mộc-thông 1 đồng

白芥子七分炒

Bạch-giới-tử 7 phân.

六安煎

Lục - an tiên

茯苓ニリ

Phục-linh 3 đồng

杏仁ニリ搗

Hạnh-nhân 2 đồng

法夏ニリ

Pháp-hạ 2 đồng

陳皮一リ半炒

Trần-bì 1 đồng rưỡi

炙草一リ

Chích-thảo 1 đồng

白芥子七分炒

Bạch-giới-tử 7 phân.



苓朮二陳煎

Linh - truật nhị - trần煎

茯苓三リ

Phục-linh 3 đồng

猪苓二リ

Chư-linh 2 đồng

白朮二リ土炒

Bạch-truật 2 đồng

澤左一リ半炒

Trạch-tả 1 đồng rưỡi

陳皮一リ半炒

Trần-bì 1 đồng rưỡi

法夏二リ

Pháp-hạ 2 đồng

乾姜一リ炒

Can-khương 1 đồng

炙草七分

Chích-thảo 7 phân

六君子湯

Lục - quân - tử thang

党参五リ姜炒

Đảng-sâm 5 đồng

茯苓三リ

Phục-linh 3 đồng

陳皮一リ炒

Trần-bì 1 đồng

法夏二リ

Pháp-hạ 2 đồng

炙草一リ

Chích-thảo 1 đồng

白朮三リ土炒

Bạch-truật 3 đồng

六味丸

Lục - vị hoàn

熟地八リ

Thục-địa 8 đồng

淮山四リ炒

Hoài-sơn 4 đồng

茯苓三リ

Phục-linh 3 đồng

牡丹三リ酒炒

Mẫu-đơn 3 đồng

山茱二リ酒炒

Sơn-thù 2 đồng

澤左一リ盪炒

Trạch-tả 1 đồng

酒厥

16. — Tửu - quyết

Bệnh tửu-quyết : bởi vì uống rượu nhiều quá không có chứng. Đương lúc trẻ trung, khỏe mạnh thì không sao. Đến khi già yếu, không vận hóa được mà sinh bệnh ra, bệnh ấy cũng như bệnh trúng phong. Nhẹ thời tai còn nghe tiếng, mắt còn trông thấy. Nặng thời mê mẩn, ngất đi, không nói được ;



hoặc dờm rãi nhiều, phát suyễn phát sốt, lo hắng hoặc có thổ huyết kip dùng bài *Thống-quan-lân* ở số 4 TRÚNG-PHONG thời 2 lỗ mũi cho tỉnh ra, rồi mới chia ra hàn nhiệt mà dùng thuốc. Như mạch chạy khỏe muốn những sự mát, đại-tiện can tào dùng bài *Trừu-tán-âm* ở số 3 THƯƠNG-HÀN; bài *Lục-dậu-âm*, bài *Lê-tương-âm* Như mạch chạy yếu muốn những sự nóng, đại-tiện thì lỏng dùng thang *Lục-quân-lê*, bài *Linh-truật-nhi-trân* ở số 15 ĐÀM-QUYẾT, bài *Cát-hoa-giải-tĩnh*.

Nhược bằng tại rượu hao tổn âm huyết, cho nên con tỳ con thận đều suy bại thành ra chứng quyết thoát âm dương đều kiệt dùng bài *Lục-vị-hồi-dương* ở số 11 HÀN-QUYẾT.

綠豆飲

Lục - đậu - ẩm

Dùng đậu xanh vài ba lễ đun cho rừ mà ăn tùy ý muốn cho muối cho đường cũng được.

梨漿飲

Lê - tương - ẩm

Dùng quả lê gọt vỏ dầm nhỏ vắt lấy nước uống. Thứ nhất lê đen ở Vân-nam (Yunnan) thứ nhì lê trắng ở Thượng-hải, thứ ba lê đỏ ở Lạng-sơn.

葛花解醒湯

Cát - hoa - giải - tĩnh thang

党参三钱 姜炒 白朮土炒 茯苓 砂仁炒

Đảng sâm 3 đồng 姜炒 Bạch-truật, Phục-linh, Sa-nhân,

白豆蔻炒 葛花

Bạch-dậu-khẩu, Cát-hoa

每味各一钱半

Mỗi vị đều 1 đồng rưỡi.

青皮炒

Thanh-bì,

陳皮炒

Trần-bì,

猪苓

Chư linh,

澤左炒

Trạch tả

每味各一钱

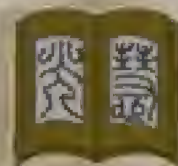
Mỗi vị đều 1 đồng.

神曲七钱 姜炒

Thần-khúc 7 phân

木香七分

Mộc hương 7 phân



色 厥

17. — Sắc - quyết

Chứng sắc-quyết bởi vì người vốn yếu đuối, nhân gặp được duyên kỳ-ngộ mà cố sức; hoặc là tưởng nhớ đã lâu mà yêu đương quá cho nên tinh khí thoát hết, hóa ra ngất đi lạnh cả chân tay; kịp bấm vào huyết nhân-trung lại khiến người đàn bà ôm lấy há hơi vào miệng người bệnh để dẫn hơi nóng vào, phải dùng ngay 1 lạng dương-sâm sắc cho uống lại dùng phương *Hoa-đà-cứu-dương-thoát* may ra mới khỏi, nếu mà hoảng hốt bối rối thời không cứu được. Khi tỉnh rồi dùng bài *Hại-bổ nguyên* ở số 1 Nội-thương bài *Lục-vị-hồi-dương* ở số 11 HẠN-QUYẾT cho uống.

Lại còn có tình dục động quá, không được thỏa chí, dục hỏa bốc lên huyết cũng theo lên; hoặc mượn chén rượu để át đi, thành ra chứng thổ huyết không khỏi hoặc đổ mồ-hôi nhiều, hơi thở mạnh, chân tay lạnh bởi vì âm hỏa xung lên hóa ra thế.

Phép chữa phải nếm hỏa xuống dùng bài *Thanh-hóa-âm*, bài *Gia-dảm-nhất-âm* ở số 10 CHƯ HƯ-CHỨNG-BIỆN.

Nhược bằng âm hư quá, lửa không đem xuống mà thổ huyết không khỏi, chân tay lạnh quá mạch tươi trầm vì dùng bài *Trấn-âm* cứu lấy. Hễ thấy bệnh đã yên thì tùy chứng mà dùng thuốc.

華 陀 救 陽 脫 方

Hoa - đà - cứu - dương - thoát phương

Trước dùng phép chườm hành, chườm trên bụng cả bụng dưới; lại dùng:

生 附 子 一 兩

Sinh-phụ-tử 1 lạng

乾 姜 五 兩 炒

Can-khương 5 đồng

白 朮 五 兩 土 炒

Bạch-truật 5 đồng

木 香 二 兩

Mộc-hương 2 đồng

水 煎 冷 服

Sắc thang để nguội uống,



清化飲

Thanh - hóa - âm

生地五リ

Sinh-dịa 5 đồng

麥門三リ炒

Mạch-môn 3 đồng

白朮三リ土炒

Bạch-truật 3 đồng

石斛二リ

Thạch-hộc 2 đồng

牡丹三リ炒

Mẫu-đơn 3 đồng

黃芩二リ炒

Hoàng-cầm 2 đồng

鎮陰煎

Trấn - âm - tiên

熟地八リ

Thục-dịa 8 đồng

炙草一リ

Chích-thảo 1 đồng

牛必三リ

Ngưu-tất 3 đồng

肉桂一リ

Nhục-quế 1 đồng

澤左二リ鹽炒

Trạch-tả 2 đồng

加

洋參三リ姜炒

Gia: Dương-sâm 3 đồng

乾姜一リ炒

Can-khương 1 đồng.

食厥

18. — Thực - quyết

Những chứng thực-quyết bởi vì ăn uống bội thực no quá con tỳ vị bị thương không vận hóa được lại nhân gió lạnh; hoặc có tức dân vệt chốc mê mẩn ngất đi chân tay rời rã và lạnh lẽo, bụng thời phát chương, miệng không nói được, mắt không trông thấy gì lập tức dùng thiang gừng muối đổ vào mồm lấy tay móc cổ cho nôn ra rồi dùng bài Đại-hòa-trung hoặc bài Bình-vị-tán đề tiên đi sau lại dùng bài Ngũ-quân-tứ đề uống cho hồi.

大和中飲

Đại - hòa - trung âm

山楂三リ炒黑

Sơn-tra 3 đồng

厚樸一リ半姜炒

Hậu-phác 1 đồng rưỡi

砂仁七分炒

Sa-nhân 7 phân.

麥芽二リ炒黑

Mạch-nha 2 đồng

陳皮一リ炒

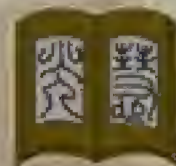
Trần-bì 1 đồng

澤左一リ炒

Trạch-tả 1 đồng

枳壳一リ炒

Chỉ-xác 1 đồng



平胃散

Bình-vị tán

在凡數傷濕

(ở số 8, THƯƠNG-THẤP)

五君子煎

Ngũ - quân - tử tiên

党参五リ姜炒

Đảng-sâm 5 đồng

白朮三リ土炒茯苓三リ

Bạch-truật 3 đồng

Phục-linh 3 đồng

炙艸一リ

Chích-thảo 1 đồng

乾姜一リ半炒

Can-khương 1 đồng rưỡi.

臟厥

19. — Tạng-quyết

Chứng tạng-quyết bởi nhân có chứng thương-hàn, sáu bộ mạch trầm vi, bốn chân tay lạnh ngắt, da thịt đều lạnh, mà giờ tay đập chân, nằm ngồi không yên, chẳng lúc nào nghỉ. Nội-kinh nói: chứng tạng-quyết thời chết bởi vì dương khí tuyệt mất. Bệnh này nguy quá kịp dùng thang *Phụ-từ-lý-trung*, bài *Tứ-vị-hồi-dương* đều ở số 10 *CHƯ-HƯ-CHỨNG*. Bệnh đã bớt dùng bài *Bát-vị-hoàn*.

八味丸

Bát - vị hoàn

熟地四兩

Thục-dịa 4 lạng

淮山二兩炒

Hoài-sơn 2 lạng

牡丹一兩炒

Mẫu-dơn 1 lạng

茯苓一兩半

Phục-linh 1 lạng rưỡi

山茱一兩酒炒

Sơn-thù 1 lạng

澤左五リ盞炒

Trạch-tả 5 đồng

肉桂五リ

Nhục-quế 5 đồng

覆附五リ

Chế-phụ 5 đồng.

共末煉蜜丸

每服三リ

煎洋參湯下

Tán bột luyện mật, viên. Mỗi bữa uống 3 đồng. Sắc dương-sâm làm thang.

蛔厥

20. — Hồi - quyết

Chứng hồi-quyết bởi vì trẻ con ăn nhiều cá, thịt con tỳ vị yếu lạnh, không vận hóa được mà sinh ra đùn, quấy động trong bụng đau quả, hôn mê mà ngất đi, chân tay lạnh lẽo. hễ xem mồi đỏ mồi thực là bệnh đùn kip dùng thang Lý-trung gia xuyên-tiêu, bình-lang bởi đùn thấy xuyên-tiêu thời đầu nép xuống; dùng 1 vị xuyên-tiêu 2 đồng tán bột hòa nước sôi uống và dùng xuyên-tiêu ngâm trong mồm thời kiến hiệu lắm. Khi đã bớt đùn Ô-mai-hoàn hoặc Ôn-tạng-hoàn để trừ bệnh đùn.

理中湯

Lý - trung thang

党参五リ姜炒

Đảng-sâm 5 đồng

白朮三リ土炒

Bạch-truật 3 đồng

乾姜二リ炒

Can-khương 2 đồng

炙甘草一リ

Chích-thảo 1 đồng

加

川椒二リ炒

Gia:

Xuyên-tiêu 2 đồng

枳榔二リ

Bình-lang 2 đồng.

烏梅丸

Ô - mai - hoàn

烏梅三十果

Ô-mai 30 quả,

党参六リ姜炒

Đảng-sâm 6 đồng

黃伯六リ炙

Hoàng-bá 6 đồng

細辛六リ

Tế-tân 6 đồng

製附六リ

Chế-phụ 6 đồng

桂枝六リ

Quế-chi 6 đồng

乾姜一朮炒

Can-khương 1 lượng

川椒四リ炒

Xuyên-tiêu 4 đồng

當歸四リ

Đương-quy 4 đồng

川黃連一朮六リ

Hoàng-liên 1 lượng 6 đồng.

共末搗烏梅加蜜煉爲丸如綵豆大

Tán bột, dấm ô-mai gia mật ong. Luyện làm viên bằng hạt đậu xanh.

每服十五丸

Mỗi bữa uống 15 viên.



溫 臍 丸

Ôn - tạng hoàn

党参二两姜炒

Đảng-sâm 2 lượng

白朮二两土炒

Bạch-truật 2 lượng

當歸二两

Đương-quy 2 lượng

白芍酒炒

Bạch-thược,

茯苓

Phục-linh,

川椒炒

Xuyên-tiêu,

史君子

Sử-quân-tử,

檳榔

Bình-lang,

樞肉

Phủ-nhục,

(各一兩)

(Đều 1 lượng).

乾姜五兩炒

Can-khương 5 đồng

吳茱五兩酒炒

Ngô-thù 5 đồng.

其末煮神曲糊煉爲丸每服二三丸

Tán bột quấy hồ thần-khúc, luyện làm viên. Mỗi bữa uống 2, 3 đồng.

如臍寒

加

製附五兩

Như tạng hàn, gia:

Chế-phụ 5 đồng

臍熱

加

川黃連五兩

Tạng nhiệt,

gia:

Hoàng-liên 5 đồng.

尸 厥

21. — Thi - quyết

Chứng thi-quyết là phải ma quỷ đánh, bởi những khi đi thăm người chết, viếng đám-ma và vào đền miếu thiêng, tự nhiên chóng mặt quay ra, chân tay lạnh đá, da thịt rét run, mặt mũi xanh xám hoặc hàm răng cắn chặt, đờm rãi kéo lên, không biết sự gì cả kịp dùng bài *Thông-quan-lân* ở số ba (3) *TRƯNG-PHONG* thổi 2 lỗ mũi cho tỉnh ra rồi cho uống bài *Tứ-vị-hồi-dương*, hoặc thang *Phụ-tử-lý-trung* ở số 10 *CHƯ-HƯ*. Nhược bằng tà khí còn ứng tắc, trong ngực không được khoan khoái dùng *Tô-hợp* 1 viên hòa nước sôi uống hoặc dùng bài *Bất-hoán-kim-chính-khí-lân* ở số 8 *THƯƠNG-THẤP*.



Hoặc như quỷ đánh mà chóng mặt quay ra, mặt đỏ, môi đỏ nói nhảm những việc ma quỷ, mồm mũi chảy máu là chứng thuộc dương dùng thang *Tê giác-địa-hoàng* hoặc thang *Bạch-hồ* ở số 3 *THƯƠNG-HÀN*. Khi đã bớt rồi dùng bài *Lục-vị-hoàn* ở số 10 *CHU-HƯ-CHƯƠNG*, bài *Nhật-âm-tiên* ở số 10 *CHU-HƯ-CHƯƠNG-BIỆN*.

Lại có một người con giai phải quỷ đánh mình có ngấn xanh đau lắm dùng hoa kim-ngân 5 đồng sắc nước uống thời khỏi.

犀角地黄湯

Tê-giác-địa-hoàng thang

生地六リ

Sinh-địa 6 đồng

白芍三リ炒

Bạch-thược 3 đồng

牡丹三リ炒

Mẫu-dơn 3 đồng

犀角一リ

Tê-giác 1 đồng (mài riêng ra).

Tô-hợp-hoàn (Hiệu Bào-chế có bán)

邪 祟

22. — Tà-tý

Tà-tý là bệnh ma làm, những chỗ cây cổ-thụ sầm uất, hay có yêu ma ẩn bóng. Những các nhà cửa lâu năm cũng có Thạch-tinh, cốt-khí cho nên những người khỏe mạnh quỷ quái không dám làm, những người yếu bóng vía thời tà ma dễ trên quở đến khi phải bệnh, hóa ra nói năng mê hoảng, hoặc như đồ dại hoặc nằm mười hôm không ăn uống gì mà bình sắc vẫn thế không sút. Hoặc khi bệnh đã nguy gần chết mà một chốc tự nhiên khỏe mạnh như xưa. Chữa bệnh này dùng thuốc bổ hư an thần làm chủ như bài *Chu-sa-an-thần-hoàn*, bài *Viễn-chí-hoàn*, *Quy-tý* thang dùng phương khu tà trục quỷ như bài *Tịch-tà-dan* phép ông *Tân-thừa-lỗ-cứu* quỷ chớ có dùng thuốc công phạt thời khí huyết hư tổn rồi ra khó chữa



列 方

Liệt các bài thuốc

硃砂安神丸

Chu - sa - yên - thần hoàn

生地 八リ

Sinh-dịa 8 đồng

當歸 四リ

Đương-quy 4 đồng

川黃連 三リ

Hoàng-liên 3 đồng

生草 二リ

Sinh-thảo 2 đồng

硃砂 三リ

Chu-sa 3 đồng

共末煉糊丸

每服 二リ

Tán bột luyện hồ viên, mỗi bữa uống 2 đồng.)

遠志丸

Viên - chí hoàn

沙參 一兩 炒

Sa-sâm 1 lượng

茯神 一兩

Phục-thần 1 lượng

茯苓 一兩

Phục-linh 1 lượng

石昌蒲 六リ

Thạch-xương-bồ 6 đồng

龍齒 六リ

Long-xỉ 6 đồng

遠志 五リ 製

Viên-chí 5 đồng

共末蜜丸 每服 二リ

Tán bột luyện mật viên, mỗi bữa uống 2 đồng.

歸脾湯 (在一數內傷)

Quy-tỳ thang (ở số 1 NỘI-THƯƠNG)

辟邪丹

Tịch - tà đan

党參 炒

Đảng-sâm,

茯神

Phục-thần,

遠志 製

Viên-chí,

鬼箭羽

Quỷ-tiến-vũ,

石昌蒲

Thạch-xương-bồ,

白朮土 炒

Bạch-truật,

蒼朮 炒

Xương-truật,

當歸

Đương-quy

每味各 三リ (Mỗi vị đều 3 đồng)

桃奴 二リ

Đào-nô 2 đồng (là quả đào khô ở trên cây)

共爲末

Cùng tán bột.



雄黃 一 分

Hùng-hoàng 1 đồng

辰沙 一 分

Thần-sa 1 đồng

牛黃 三 分

Ngưu-hoàng 3 phân

射香 一 分

Sa-hương 1 phân

另研末 又和與前末藥 煮酒糊搗

Nghiền riêng ra, rồi hòa lẫn với bột trước, quấy hồ bằng rượu

爲丸

如竜眼大 又用金箔十五片爲衣

luyện làm viên, bằng quả nhãn, lại dùng vàng lá 15 mảnh làm áo,

晒乾 臨臥辰研一丸 磨木香湯調服 又用

phơi khô. Lúc đi ngủ nghiền 1 viên, uống thang bằng mộc-hương, lại may

囊盛五七丸 掛帳中 或帶身邊 尤妙

túi bỏ vào độ 5, 7 viên, treo trong màn hoặc đeo bên mình càng hay.

除鬼丹

Trừ - quỷ - đan

虎頭骨 四 分 或代用牛頭骨

Hồ-dầu-cốt 4 đồng, (hoặc thay xương đầu trâu)

硃砂 雄黃

雌黃 鬼臼 皂角炒 蕪荑

Chu-sa, Hùng-hoàng, Thừ-hoàng, Quỷ-cửu, Táo-dác, Vu-di,

鬼箭羽 藜蘆

Quỷ-tiến-vũ, Lê-lư

各 二 分 (Đều 2 đồng)

共末煉糊丸 礮子大 囊盛一丸 繫臂上

Tán bột luyện hồ viên bằng hòn đạn, may túi đựng 1 viên, buộc trên

男左女右

或以數丸 於病人房

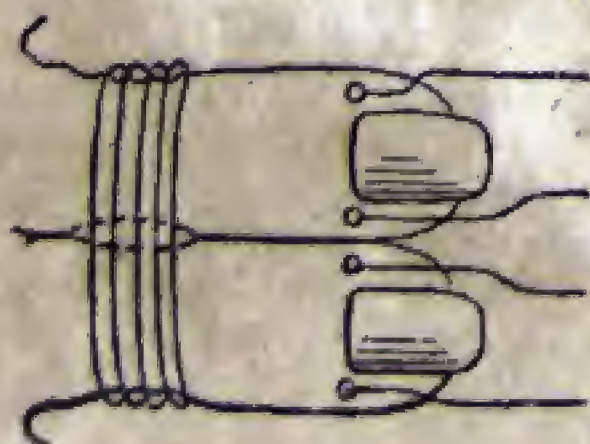
cánh tay: gái tay trái gái tay phải. Hoặc đốt vài viên đốt trong buồng

燒之

người bệnh.

秦承祖灸鬼法

Tân - thừa - tổ - cứu - quỷ pháp



Huyết Thiếu-thương

Huyết Quỷ-khốc

Huyết Quỷ-khốc

Huyết Thiếu-thương

Dùng dây gai buộc hai ngón tay cái người bệnh. Vẽ mỗi ngón-cửu bằng hột gạo nhỏ để vào hai huyết thiếu-thương, hai huyết quý-khố ở đầu ngón tay cái chỗ giáp móng giáp thịt. 4 huyết đều châm lửa đốt nếu thiếu một huyết thời không hiệu lắm bấy bạn mới khỏi.

瘟 疫

23. — Ôn-dịch

Chứng ôn dịch các pho sách thuốc đều theo như chứng thương-hàn chỉ có pho Tung-nhai bảo rằng : chứng ôn-dịch là lệ khí giới đất cảm vào mồm mũi người ta, trong không ở ruột gan, ngoài không ở mạch máu ở vào chỗ giáp xương sống, gần ngang dạ-dầy, là nửa trong nửa ngoài chỗ hoành-cách-mô đó vậy. Khi bệnh mới phát thời ghê mình sợ lạnh hoặc chân tay lạnh một chốc uất lên lại bóa ra nóng thời trong ngoài đều nóng, ấy thể là trước ghê mình sợ lạnh, rồi sau mới phát sốt không như chứng Thương-hàn phát sốt mà gồm cả sợ lạnh.

Những chứng ôn-dịch này khi mới phải trước sợ lạnh sau phát sốt rức đầu, đau mình xem mạch thời chẳng phù chẳng trầm mà chạy nhanh bởi vì tà khí ở hoành-cách-mô ; dùng có nhận là chứng thương-hàn thấy sốt mà dùng thuốc phát hãn cũng không ích gì, lại không nên dùng thuốc hạ, tà khí không ở tràng-vị ; hạ thì chỉ nhọc mệt phải trước dùng bài *Đại-nguyên-âm* cho khai thông ra bằng như sốt chẳng khỏi mà phát ban ngoài da lấm lấm đỏ dùng bài *Cử-ban-thang*. Bằng như mồ-hôi đã ra mà nóng không khỏi dùng bài *Bạch-hồ-thang* như ngoài da đã mát mà trong bụng còn nóng lắm dùng bài *Tam-tiểu-âm*, còn như thêm các chứng khác hoặc nên ôn, nên lương, nên thổ, nên hạ thời chiếu mục *Thương-hàn* số 3 mà chữa bệnh.

Một thứ chứng ôn-dịch phát sốt đầu mặt sưng sừng mắt nhắm miệng ráo gọi là chứng Đại-dầu-ôn dùng bài *Phổ-tiêu-dộc*,



Một thứ chứng ôn-dịch mình mảy mọc như nốt đậu nốt sởi giống như da cóc gọi là chứng Hà-mó-ôn dùng bài *Kinh-phong-bại-độc*.

Còn như chứng thời khí phát sốt sợ lạnh mà mạch hồng dùng bài *Cầm-liên-tiêu-độc*. Như đầy bụng đi tả dùng bài *Thán-truật-tán*. Như dịch tà vào trong phiên muộn phát cuồng nói nhảm dùng bài *Trị-dịch-thanh-lương-tán*.

列 方

Liệt các bài thuốc

達 原 飲

Đạt - nguyên âm

檳榔 三ツ

Binh-lang 3 đồng

厚樸 二ツ 炒

Hậu-phác 2 đồng

知母 二ツ

Chi-mẫu 2 đồng

白芍 二ツ 炒

Bạch-thược 2 đồng

黃芩 一ツ 炒

Hoàng-cầm 1 đồng

草果 七分

Thảo-quả 7 phân

炙草 七分

Chích-thảo 7 phân

Như đau lưng, rức đầu, đau cổ là tà lẩn ra kinh Thái-dương gia *Khương-hoạt* 1 đồng.

Như mắt đau, mũi khô không ngủ được là tà khí lẩn ra kinh dương-minh gia *Cát-căn* 2 đồng.

Như đau vạng sườn, ù tai, ghê sốt, ghê rét, nôn mửa, mồm đắng là tà khí lẩn ra kinh thiếu dương gia *Sái-hồ* 2 đồng.

羈 癰 湯

Cử - ban thang

穿山甲 二ツ 炙焦

Xuyên-sơn-giáp 2 đồng

白芍 三ツ 炒

Bạch-thược 3 đồng

柴胡 二ツ

Sái-hồ 2 đồng

白芷 一ツ 半

Bạch-chỉ 1 đồng rưỡi

升麻 一ツ

Thăng-ma 1 đồng

當歸 三ツ

Đương quy 3 đồng



白虎湯

Bạch - hồ thang

石膏 一 兩 煨

Thạch-cao 1 lượng

知母 四 兩

Tri-mẫu 4 đồng

生 草 二 兩

Sinh-thảo 2 đồng

糯米 二 撮

Gạo-nếp 2 dùm.

三消飲

Tam - tiêu ẩm

即 達 原 飲 加

là bài ĐẠT-NGUYỄN gia:

姜 活 一 兩

Khương-hoạt 1 đồng

葛 根 二 兩

Cát-căn 2 đồng

柴 胡 二 兩

Sài-hồ 2 đồng

大 黃 二 兩 煨

Đại-hoàng 2 đồng

普濟消毒飲

Phổ - tế tiêu - độc ẩm

黃 芩 二 兩

Hoàng-cầm 2 đồng

川 黃 連 二 兩

Hoàng-liên 2 đồng

沙 參 一 兩 半 炒

Sa-sâm 1 đồng rưỡi

玄 參 一 兩 半

Huyền-sâm 1 đồng rưỡi

橘 紅 皮 一 兩

Quất-hồng-bì 1 đồng

桔 梗 一 兩

Kết-cánh 1 đồng

連 翹 一 兩

Liên-kiêu 1 đồng

板 藍 根 一 兩

Bản-lam-căn 1 đồng

牛 旁 一 兩

Ngưu-bàng 1 đồng

馬 勃 一 兩

Mã-bột 1 đồng

生 草 五 分

Sinh-thảo 5 phân

姜 蚕 五 分 炒

Khương-tằm 5 phân

升 麻 五 分

Thăng-ma 5 phân

薄 荷 五 分

Bạc-hà 5 phân

或 加

防 風

當 歸

川 芎

細 辛

Hoặc gia: Phòng-phong, Đường-quy, Xuyên-khung, Tế-tân

各 一 兩

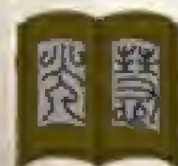
Đều 1 đồng.

如 大 便 燥 加

Như đại-tiện táo gia:

川 大 黃 二 兩 煨

Đại-hoàng 2 đồng



荆防敗毒散

Kinh - phòng bại - độc tán

| | | | | |
|------------|--------------|-------------|--------------|------------|
| 荆芥 | 防風 | 柴胡 | 姜活 | 獨活 |
| Kinh-giới, | Phòng-phong, | Sài-hồ, | Khương-hoạt, | Độc-hoạt, |
| 前胡 | 川芎 | 枳壳炒 | 砂參炒 | 茯苓 |
| Triền-hồ, | Xuyên-khung, | Chỉ-xác, | Sa-sâm, | Phục-linh, |
| 桔梗 | 甘草 | 各 一 リ | | |
| Kết-cánh, | Cam-thảo. | Đều 1 đồng. | | |

用薄荷煎湯

Lấy bạc-hà sắc nước làm thang.

芩連消毒飲

Cầm - liên tiêu - độc ẩm

| | | |
|--------------------|--------------------|------------------|
| 黃芩 二 リ 炒 | 川黃連 一 リ | 連翹 二 リ |
| Hoàng-cầm 2 đồng | Hoàng-liên 1 đồng | Liên-kiêu 2 đồng |
| 枳壳 一 リ 炒 | 柴胡 二 リ | 桔梗 二 リ |
| Chỉ-xác 1 đồng | Sài-hồ 2 đồng | Kết-cánh 2 đồng |
| 防風 二 リ | 姜活 一 リ | 荆芥 一 リ |
| Phòng-phong 2 đồng | Khương-hoạt 1 đồng | Kinh-giới 1 đồng |
| 白芷 一 リ | 川芎 一 リ | 射干 一 リ |
| Bạch-chỉ 1 đồng | Xuyên-khung 1 đồng | Sạ-can 1 đồng |
| 生草 七分 | | |
| Sinh-thảo 7 phân. | | |

神朮散

Thần - truật tán

| | | |
|---------------------|-------------------|------------------|
| 蒼朮 二 兩 製 | 陳皮 二 兩 炒 | 厚樸 二 兩 炒 |
| Xương-truật 2 lượng | Trần-bì 2 lượng | Hậu-phác 2 lượng |
| 炙草 五 リ | 藿香 五 リ | 沙仁 五 リ 炒 |
| Chích-thảo 5 đồng | Hoắc-hương 5 đồng | Sa-nhân 5 đồng |

共末每服二三リ生姜湯下

Tán bột, mỗi hện uống 2, 3 đồng. Thang bằng gừng.



治 疫 清 凉 散

Trị - dịch - thanh - lương tán

秦 艽 一 升

Tần-dao 1 đồng

赤 芍 一 升

Xích-thược 1 đồng

知 母 一 升

Tri-mẫu 1 đồng

土 貝 母 一 升 姜 炒

Thổ-bối-mẫu 1 đồng

蓮 翹 一 升

Liên-kiêu 1 đồng

薄 荷 七 分

Bạc-hà 7 phân

柴 胡 一 升 半

Sài-hồ 1 đồng rưỡi

丹 参 五 升

Đan-sâm 5 đồng

石 羔 二 升 煨

Thạch-cao 2 đồng.

瘴 氣

24. —Chướng - khí

Bệnh chướng-khí là bệnh ngã nước bởi vì rừng, núi, cỏ, cây có nhiều khí độc; những người làm quan và người buôn bán đi lại đó, thủy thổ bất phục, đất, nước không quen đều có bệnh ấy. Bệnh này có 3 thứ gọi là : Lãnh-chướng, Nhiệt-chướng, Á-chướng.

1) Bệnh Lãnh-chướng như âm khí âm thấp thời mình mẩy nặng nề, bụng đầy, đi tiểu không lợi dùng bài *Ngũ-linh-tán* ở số 8 THƯƠNG-THẤP. Nhược bằng sốt rét dùng bài *Bất-hoán-kim-chính-khí* cũng ở số 8 THƯƠNG-THẤP hoặc bài *Tiểu-sài-hồ*. Như nguyên-khí suy yếu dùng *Phụ-tử-thang* như bụng tức đầy, nôn mửa dùng bài *Gia-hòa-tán*. Như bụng đầy buồn bực, mề mẩn trên nóng dưới lạnh dùng bài *Sinh-kương-phụ-tử-thang*.

2) Bệnh nhiệt-chướng thời nóng sốt lim lìm đêm ngày như nằm trong than lửa phải dùng phép *Khiêu-thảo-tử* lại dùng đậu-xanh, bột sắn uống cho mát để giải độc không nên dùng thuốc hàn-lương, công hạ. Khi đã bớt nên dùng thang *Lý-tỳ-khước-chướng* để thường uống cho khỏi.

3) Bệnh Á-chướng là nhiệt-chướng nặng quá hóa ra cấm khẩu, mặt đỏ, bụng nóng, lưỡi nứt đỏ máu cam phải dùng phép *Khiêu-thảo-tử* rồi cho uống bài *Cục-phương-hắc-thần-tán* thời khỏi.



列 方

Liệt các bài thuốc

小 柴 胡 湯

Tiểu - sài - hồ thang

党 参 五 リ 姜 炒

Đảng-sâm 5 đồng

柴 胡 三 リ

Sài-hồ 3 đồng

法 夏 二 リ

Pháp-hạ 2 đồng

黄 芩 二 リ 炒

Hoàng-cầm 2 đồng

炙 草 一 リ

Chích-thảo 1 đồng

生 姜 五 片

Sinh-khương 5 nhát

大 棗 二 枚

Đại-táo 2 quả.

附 子 湯

Phụ - tử thang

洋 参 三 リ 姜 炒

Dương-sâm 3 đồng

白 朮 二 リ 土 炒

Bạch-truật 2 đồng

白 芍 二 リ 炒

Bạch-thược 2 đồng

茯 苓 二 リ

Phục-linh 2 đồng

製 附 五 分

Chế-phụ 5 phân

嘉 禾 散

Gia - hòa tán

党 参 姜 炒

Đảng-sâm,

白 朮 土 炒

Bạch-truật,

茯 苓

Phục-linh

炙 草

Chích-thảo.

薏 苡 炒

Ý-dĩ,

桑 白 皮 炒

Tang-bạch-bì,

大 腹 皮 炒

Đại-phúc-bì,

石 斛

Thạch-hộc,

楸 榔

Bình-lang,

法 夏

Pháp-hạ,

神 曲 炒

Thần-khúc,

杜 仲 盞 炒

Đỗ-trong,

麥 牙 炒

Mạch-nha,

黑 霍 香

Hoắc-hương,

枇 杷 葉

Tỳ-bà-diệp

各 一 リ (đều 1 đồng)

沙 仁 炒

Sa-nhân,

沈 香

Trầm-hương,

五 味 炒

Ngũ-vị,

白 豆 蔻 炒

Bạch-dậu-khẩu,

丁 香

Đinh-hương,

木 香

Mộc-hương,

青 皮 炒

Thanh-bì,

陳 皮 炒

Trần-bì,

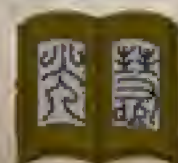
隨 風 子

Tùy-phong-tử

各 六 分 (đều 6 phân)

共 末 每 服 一 匙 約 二 リ

Tán bột, mỗi bữa uống 1 thìa, chừng 2 đồng.



生 姜 附 子 湯

Sinh - khương phụ - tử thang

生 附 子 一 兩

Sinh-phụ-tử 1 lượng

生 姜 十 片

Sinh-kương 10 nhát

Sắc thang để nguội uống.

桃 草 子 法

Khiêu - thảo - tử pháp

Dùng mũi kim nhẹ trên trán và môi trên môi dưới 5, 3 mũi, nặn cho chảy máu, lại dùng lá dương xát vào lưỡi cho chảy máu ra.

理 脾 却 瘴 湯

Lý - tỳ khước - chương thang

意 以 五 兩 炒

Ý-dĩ 5 đồng

茯 神 三 兩

Phục-thần 3 đồng

蒼 朮 二 兩 製

Xương-truật 2 đồng

梔 子 二 兩 炒

Chi-tử 2 đồng

神 曲 二 兩 炒

Thần-khúc 2 đồng

山 查 二 兩 炒 黑

Sơn-tra 2 đồng

陳 皮 一 兩 炒

Trần-bì 1 đồng

法 夏 一 兩

Pháp-hạ 1 đồng

前 胡 一 兩

Tiền-hồ 1 đồng

川 黃 蓮 一 兩

Hoàng-liên 1 đồng

黃 芩 一 兩 炒

Hoàng-cầm 1 đồng

生 草 七 分

Sinh-thảo 7 phân.

局 方 黑 神 散

Cục - phương hắc - thần tán

黑 豆 一 兩 炒

Hắc-dậu 1 lượng

熟 地 六 兩

Thục-địa 6 đồng

當 歸 二 兩

Đương-quy 2 đồng

白 芍 三 兩 炒

Bạch-thược 3 đồng

蒲 黃 二 兩 炒

Bồ-hoàng 2 đồng

生 草 一 兩

Sinh-thảo 1 đồng

肉 桂 三 分

Nhục-quế 3 phân.

水 煎 服

Sắc nước uống.



瘧疾

25. — Ngược-tật

Ngược-tật là bệnh sốt rét, vì cảm gió lạnh mà hóa ra. Khi mới phải dùng mình sờn gai ốc, đau lưng cứng xương sống, vừa sốt vừa rét; hoặc sốt trước rét sau, hoặc rét trước sốt sau, khi sốt khỏi rồi khát nước chứng ấy thuộc về kinh-thiếu-dương, trái mặt là chứng nửa trong nửa ngoài.

Một thứ rét hơn sốt dùng bài *Nhĩ-sài-hồ*. Nhược bằng rét lắm buốt đến xương dùng bài *Đại-ôn-trung*, hai bài này đều ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Như tý vị hư hàn bụng đầy ăn không tiêu dùng bài *Ngũ-quân-tử* ở số 18 THỰC-QUYẾT, như khi hư nhược mệt quá dùng bài *Bồ-trung-ích-khí* ở số 10 CHƯ-HƯ, bằng khi hư lại kèm âm huyết hư dùng bài *Bồ-âm-ích-khí* ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Một thứ sốt hơn rét dùng bài *Nhĩt-sài-hồ*, bằng nóng lắm khát nước nhiều dùng bài *Sài-hồ-Bạch-hồ* ở số 3 THƯƠNG-HÀN. Nhược bằng âm hư huyết ít dùng thang *Tứ-vật gia Sài-hồ* hoặc bài *Tam-âm-tiên*, hai bài này đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG, như khi sốt rét lạnh như nước đá, nóng như hòn than, mặt đỏ, khát nước, lúc khỏi sốt rồi không khát nước nữa dùng bài *Hòa-can-tư-thận gia Sài-hồ*. Hoặc như yếu đuối mà già cả nguyên khí hư lắm dùng bài *Đại-bồ-nguyên* ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

一柴胡飲

Nhất - sài - hồ ẩm

柴胡二リ

Sài-hồ 2 đồng

生地三リ

Sinh-địa 3 đồng

白芍二リ炒

Bạch-thược 2 đồng

黃芩一リ半炒

Hoàng-cầm 1 đồng rưỡi

陳皮一リ半炒

Trần-bì 1 đồng rưỡi

生草一リ

Sinh-thảo 1 đồng

和肝滋腎湯

Hòa-can tư-thận thang

熟地八リ

Thục-địa 8 đồng

淮山四リ炒

Hoài-sơn 4 đồng

牡丹三リ炒

Mẫu-dơn 3 đồng



茯苓三リ

Phục-linh 3 đồng

白芍二リ炒

Bạch-thược 2 đồng

加 柴胡二リ

Gia : Sài-hồ 2 đồng

澤左一リ鹽炒

Trạch-tả 1 đồng

肉桂一リ

Nhục-quế 1 đồng

當歸三リ

Đương-quy 3 đồng

經驗方

Kinh - nghiệm phương

休癆飲

Hưu - ngược ẩm

洋參三リ姜炒

Dương-sâm 3 đồng

何首烏五リ製

Hà-thủ-ô 5 đồng

白朮三リ土炒

Bạch-truật 3 đồng

炙草一リ

Chích-thảo 1 đồng

當歸三リ

Đương-quy 3 đồng

何人飲

Hà - nhân ẩm

何首烏五リ製

Hà-thủ-ô 5 đồng

陳皮二リ炒

Trần-bì 2 đồng

洋參三リ姜炒

Dương-sâm 3 đồng

煨姜五片

Ôi-khương 5 nhát

當歸三リ

Đương-quy 3 đồng

追癆飲

Truy - ngược ẩm

何首烏一羽製

Hà-thủ-ô 1 lạng

陳皮二リ炒

Trần-bì 2 đồng

炙草一リ

Chích-thảo 1 đồng

當歸三リ

Đương-quy 3 đồng

法夏二リ

Pháp-hạ 2 đồng

柴胡三リ

Sài-hồ 3 đồng

青皮一リ炒

Thanh-bì 1 đồng



木賊煎

Mộc-tặc tiên

木賊 三リ

Mộc-tặc 3 đồng

檳榔 二リ

Bình-lang 2 đồng

厚樸 三リ 炒

Hậu-phác 3 đồng

青皮 一リ 炒

Thanh-bì 1 đồng

法夏 二リ

Pháp-hạ 2 đồng

蒼朮 一リ 製

Xương-truật 1 đồng

鱉甲飲子

Biết-giáp-âm-tử

鱉甲 二リ 醋炙

Biết giáp 2 đồng

草果 一リ

Thảo-quả 1 đồng

橘紅皮 一リ 炒

Quất-hồng-bì 1 đồng

厚樸 一リ 炒

Hậu-phác 1 đồng

川芎 一リ

Xuyên-khung 1 đồng

檳榔 一リ

Bình-lang 1 đồng

白芍 一リ 炒

Bạch-thược 1 đồng

大棗 一枚

Đại-táo 1 quả

黃芪 一リ 炙

Hoàng-kỳ 1 đồng

白朮 一リ 土炒

Bạch-truật 1 đồng

炙艸 一リ

Chích-thảo 1 đồng

生姜 三片

Sinh-khương 3 nhát

Xét xem vị thường-sơn trị sốt rét như thánh dược, không biết phép chế thời hay nòn mưa, phải dùng giấm thanh tẩm 3 bận phơi khô lại sao nhỏ lửa cho chín; không cứ bài gì nên thêm vào một hai đồng, khát nước gia Thạch-cao 2 đồng, ghê rét gia Thảo-quả 1 đồng, Bình-lang 2 đồng.

寒熱

26. — Hàn-nhiệt

Bệnh hàn nhiệt bởi tại khí âm khí dương hơn kém nhau.

Lấy âm dương mà bàn : phần dương hơn thời nóng, phần âm hơn thời lạnh, phát sốt sợ lạnh là dương, không sốt mà sợ lạnh là thuộc âm.

Lấy sự trong ngoài mà bàn : cái khí lạnh, nóng ở ngoài lại là chứng ngoại cảm, khí lạnh nóng ở trong tạng phủ sinh ra là chứng Nội-thương.

Lấy sự chân giả mà bàn thời lạnh quá hóa nóng, nóng quá hóa lạnh.



Lấy việc hư thực mà bàn: dương thịnh sinh ngoài nóng, dương hư sinh ngoài lạnh. Âm thịnh sinh ngoài lạnh, âm hư sinh trong nóng.

Một thứ bệnh hàn bởi ở trong như bầm sinh yếu đuối, hoặc là tửu sắc tổn tinh thần hóa ra bệnh hàn, chân tay thường mát con tí vị không khỏe nên dùng thuốc ôn bổ bằng yếu vừa dùng bài Ngũ-quán-tứ, bài Ôn-vị-âm. Bằng yếu lắm dùng bài Đại-bổ-nguyên, bài Lục-vị-hồi-dương.

Một thứ bệnh hàn bởi ở ngoài như là gió lạnh thương hình thể ăn uống đồ sống lạnh, thương trong tạng phủ thời hóa ra chứng nôn mửa, chứng đầy bụng, chứng tiết tả, thời theo các môn ấy mà chữa.

Một thứ bệnh nhiệt bởi ở ngoài như là chứng phong hàn, truyền hóa ra nóng, và chứng thời khí, hỏa thịnh nhiệt độc phải theo các môn mà chữa.

Một thứ bệnh nhiệt bởi ở trong hoặc nhân ăn uống, no, đói quá; hoặc nhân nhọc mệt quá; hoặc nhân sự tửu sắc; hoặc nhân uống thuốc men mà hóa ra chứng nội nhiệt. Nóng vừa dùng bài Tử-tán-âm nóng lắm dùng bài Trừu-tân-âm, bài Tam-bổ-hoàn.

Chứng nhiệt uất nên sơ thông ra dùng bài Hóa-can-tiến, bài Gia-vị-tiểu-dao-tán.

Chứng nhiệt kết nên thông lợi đi dùng bài Tiểu thừa-khí, Đại-thừa-khí. Bệnh nhiệt bởi tại âm hư dùng bài Lục-vị-hoàn. Bệnh nhiệt bởi tại hỏa hư dùng bài Bát-vị-hoàn, bài Hữu quy-âm.

Còn như bệnh nhiệt thuộc về tạng phủ xét xem nóng lắm nóng vừa mà chữa.

Quả tim nóng vừa dùng bài Nhị-âm-tiến nóng lắm dùng bài Hoàng-liên-giải-độc.

Buồng phổi nóng vừa dùng bài Mạch-môn-đông thang, nóng lắm dùng bài Hoàng-cầm thanh-phế.

Buồng gan nóng vừa dùng bài Hóa-can, nóng lắm dùng bài Long-dâm-tả-can.

Con tỳ nóng vừa dùng bài Thanh-hóa. Con vị nóng lắm dùng bài Bạch-thố, bài Đại-thanh. Bồ dục nóng vừa dùng bài Nhất-âm nóng lắm dùng thang Chính-khí, bài Đan-khê bổ-âm. Bong-bóng nóng vừa dùng bài Ngũ-lâm-tán nóng lắm dùng thang Đại-phân-thanh.

Bọc-tam-tiểu nóng vừa dùng bài Tử-tán nóng lắm dùng thang Trừu-tân.

Ruột già nóng vừa dùng bài Tư-âm bát vị, nóng lắm dùng thang Đại, tiểu thừa-khí.



Một thứ chứng hàn nhiệt vắng lai ghê nóng ghê lạnh tựa như sốt rét mà không phải bệnh sốt rét, lại chia làm hai thứ: một thứ ngoại tà bất giải; một thứ dương thịnh âm hư. Hàn tà phục ở mạch máu mà ghê nóng ghê lạnh, huyết hư thì dùng bài *Tam-sai-hồ*, bài *Bồ-âm-ích-khí*. Nhược bằng khí hư dùng bài *Ngũ-sai-hồ*, bài *Bồ-trung-ích-khí*. Âm hư dương thắng mà ghê nóng ghê lạnh dùng bài *Nhật-âm*, bài *Lục-vị*, như nóng lắm dùng bài *Gia-giảm-nhất-âm*. Nhược bằng âm dương điều hư dùng bài *Bát-trần*, bài *Ngũ-phúc*, bài *Thập-toán*; nhược bằng tý thổ hư không nạp được dương khí hóa ra nóng dùng bài *Ngũ-quân-tử* bài *Ôn-vị*, bài *Lý-trung*.

列 方

Liệt các bài thuốc

五 君 子 煎

Ngũ - quân - tử tiên

| | | |
|------------------------|-------------------|-------------------|
| 党参 五リ 姜 炒 | 白朮 三リ 土 炒 | 乾姜 二リ 炒 |
| Đảng-sâm 5 đồng | Bạch-truật 3 đồng | Can-khương 2 đồng |
| 炙 草 一リ 半 | 茯苓 三リ | |
| Chích-thảo 1 đồng rưỡi | Phục-linh 3 đồng | |

溫 胃 飲

Ôn - vị ẩm

| | | |
|------------------------|------------------|-------------------|
| 党参 四リ 姜 炒 | 扁豆 三リ 炒 | 白朮 二リ 土 炒 |
| Đảng-sâm 4 đồng | Biển-dậu 3 đồng | Bạch-truật 2 đồng |
| 乾姜 一リ 半 炒 | 當歸 二リ | 炙 草 一リ |
| Can-khương 1 đồng rưỡi | Đương-quy 2 đồng | Chích-thảo 1 đồng |

大 補 元 煎

Đại - bổ - nguyên tiên

| | | |
|-----------------|-------------------|-----------------|
| 党参 三リ 姜 炒 | 熟地 五リ | 淮山 三リ 炒 |
| Đảng-sâm 3 đồng | Thục-dịa 5 đồng | Hoài-sơn 3 đồng |
| 杜仲 二リ 鹽 炒 | 當歸 二リ | 山茱 二リ 酒 炒 |
| Đỗ-trọng 2 đồng | Đương-quy 2 đồng | Sơn-thù 1 đồng |
| 杞子 二リ | 炙 草 一リ | |
| Khởi-tử 2 đồng | Chích-thảo 1 đồng | |



六味回陽飲

Lục - vị hồi - dương ẩm

熟地五リ

Thục-dịa 5 đồng

乾姜二リ炒

Can-khương 2 đồng

當歸三リ

Đương-quy 3 đồng

製附一リ

Chế-phụ 1 đồng

洋參三リ姜炒

Dương-sâm 3 đồng

炙草一リ

Chích-thảo 1 đồng

徙薪飲

Tỷ - tân ẩm

黃芩二リ

Hoàng-cầm 2 đồng

茯苓二リ

Phục-linh 2 đồng

黃伯一リ炙

Hoàng-bá 1 đồng

麥門二リ炒

Mạch-môn 2 đồng

牡丹一リ半炒

Mẫu-dơn 1 đồng rưỡi

白芍二リ

Bạch-thược 2 đồng

陳皮八分炒

Trần-bì 8 phân

三補丸

Tam - bổ hoàn

黃芩二リ炒

Hoàng-cầm 2 đồng

黃伯二リ炙

Hoàng-bá 2 đồng

川黃連二リ

Hoàng-liên 2 đồng

抽薪飲

Trừu - tân ẩm

黃芩二リ炒

Hoàng-cầm 2 đồng

梔子二リ炒

Chi-tử 2 đồng

澤左一リ半炒

Trạch-tả 1 đồng rưỡi

石斛二リ

Thạch-hộc 2 đồng

黃伯二リ炙

Hoàng-bá 2 đồng

生草一リ

Sinh-thảo 1 đồng

木通二リ

Mộc-thông 2 đồng

枳壳一リ半炒

Chi-xác 1 đồng rưỡi

化肝煎

Hóa - can tiên

土貝母二リ炒

Thổ-bối-mẫu 2 đồng

澤左一リ半炒

Trạch-tả 1 đồng rưỡi

陳皮一リ炒

Trần-bì 1 đồng

丹皮二リ

Đan-bì 2 đồng

梔子一リ半炒

Chi-tử 1 đồng rưỡi

白芍二リ

Bạch-thược 2 đồng

青皮一リ炒

Thanh-bì 1 đồng



加味逍遙散

Gia vị tiêu - dao tán

當歸 三リ
Đương-quy 3 đồng

白朮 二リ 土炒
Bạch-truật 2 đồng

白芍 二リ 炒
Bạch-thược 2 đồng

茯苓 二リ
Phục-linh 2 đồng

柴胡 一リ
Sài-hồ 1 đồng

炙草 一リ
Chích-thảo 1 đồng

薄荷 七 分
Bạc-hà 7 phân

加 丹皮 一リ 半
Gia : Đan-bì 1 đồng rưỡi

梔子 一リ 半 炒
Chi-tử 1 đồng rưỡi

大承氣湯

Đại - thừa - khí thang

大黃 五リ 煨
Đại-hoàng 5 đồng

厚樸 八リ 炒
Hậu-phác 8 đồng

枳實 二リ 炒
Chỉ-thực 2 đồng

芒硝 三リ
Mang-tiêu 3 đồng

小承氣湯

Tiểu - thừa - khí thang

即 大承氣湯 去芒硝

Là bài ĐẠI-THỪA-KHÍ bỏ vị mang-tiêu đi).

六味丸

Lục - vị hoàn

熟地 八リ
Thục-địa 8 đồng

淮山 四リ 炒
Hoài-sơn 4 đồng

山茱 二リ 酒 炒
Sơn-thù 2 đồng

澤左 一リ 半 盞 炒
Trạch-tả 1 đồng rưỡi

牡丹 三リ 炒
Mẫu-dơn 3 đồng

茯苓 三リ
Phục-linh 3 đồng

八味丸

Bát - vị hoàn

即 六味丸 加

Là bài LỤC-VỊ-HOÀN gia :

肉桂 一リ
Nhục-quế 1 đồng

製附 一リ
Chế-phụ 1 đồng



右 歸 飲

Hữu - quy ẩm

熟地 八リ

Thục-dịa 8 đồng

杞子 二リ

Khởi-tử 2 đồng

肉桂 一リ

Nhục-quế 1 đồng

淮山 四リ 炒

Hoài-sơn 4 đồng

杜仲 三リ 鹽 炒

Đỗ-trọng 3 đồng

製附 一リ

Chế-phụ 1 đồng

山茱 二リ 酒 炒

Sơn-thù 2 đồng

炙艸 一リ

Chích-thảo 1 đồng

二 陰 煎

Nhị - âm tiên

生地 五リ

Sinh-dịa 5 đồng

棗仁 二リ 炒 黑

Tảo-nhân 2 đồng

黃連 一リ 半

Hoàng-liên 1 đồng rưỡi

麥門 三リ 炒

Mạch-môn 3 đồng

茯苓 二リ

Phục linh 2 đồng

木通 一リ 半

Mộc-thông 1 đồng rưỡi.

玄參 二リ

Huyền-sâm 2 đồng

生草 一リ

Sinh-thảo 1 đồng

黃 連 鮮 毒 湯

Hoàng - liên giải - độc thang

黃芩

Hoàng-cầm,

黃柏 炙

Hoàng-bá,

黃連

Hoàng-liên.

杞子 炒 各 二リ

Chi-tử (Đều 2 đồng)

麥 門 冬 湯

Mạch - môn - đông thang

桑白皮 二リ 炒

Tang-bạch-bì 2 đồng

土貝母 一リ 半

Thổ-bối-mẫu 1 đồng rưỡi

桔梗 一リ 半

Kết-cánh 1 đồng rưỡi

五味 七粒 炒

Ngũ-vị 7 hạt

天門 二リ 炒

Thiên-môn 2 đồng

紫苑 一リ 半

Tử-uyên 1 đồng rưỡi

竹葉 廿片

Trúc-diệp 20 lá

麥門 二リ 炒

Mạch-môn 2 đồng

生地 三リ

Sinh-dịa 3 đồng

生草 五分

Sinh-thảo 5 phân



黃芩清肺飲

Hoàng - cầm thanh - phế ẩm

| | |
|-----------------------|---------------|
| 黃芩 二リ半炒 | 梔子 五リ炒 |
| Hoàng-cầm 2 đồng rưỡi | Chi-lử 5 đồng |

龍膽瀉肝湯

Long - đả - tả - can thang

| | | |
|-----------------|------------------|------------------|
| 生地 五リ | 歸尾 三リ | 龍胆 二リ |
| Sinh-địa 5 đồng | Quy-vĩ 3 đồng | Long-đả 2 đồng |
| 車前 二リ炒 | 梔子 二リ炒 | 木通 一リ |
| Xa-tiên 2 đồng | Chi-lử 2 đồng | Mộc-thông 1 đồng |
| 澤左 一リ炒 | 黃芩 一リ炒 | 生草 一リ |
| Trạch-tả 1 đồng | Hoàng-cầm 1 đồng | Sinh-thảo 1 đồng |

清化飲

Thanh - hóa ẩm

| | | |
|-------------------|-----------------|------------------|
| 白芍 二リ炒 | 麥門 二リ炒 | 牡丹 二リ |
| Bạch-thược 2 đồng | Mạch-môn 2 đồng | Mẫu-dơn 2 đồng |
| 茯苓 二リ | 生地 四リ | 黃芩 一リ炒 |
| Phục-linh 2 đồng | Sinh-địa 4 đồng | Hoàng-cầm 1 đồng |
| 石斛 一リ | | |
| Thạch-bộc 1 đồng | | |

白虎湯

Bạch - hổ thang

| | | |
|-----------------------|------------------|----------------|
| 生草 一リ半 | 石膏 八リ煨 | 知母 三リ |
| Sinh-thảo 1 đồng rưỡi | Thạch-cao 8 đồng | Tri-mẫu 3 đồng |
| 糯米 一撮 | | |
| Gạo-nếp 1 dùm | | |

大清飲

Đại - thanh ẩm

| | | |
|------------------|----------------|------------------|
| 石膏 七リ煨 | 知母 三リ | 石斛 二リ |
| Thạch-cao 7 đồng | Tri-mẫu 3 đồng | Thạch-bộc 2 đồng |
| 木通 二リ | | |
| Mộc-thông 2 đồng | | |



正氣湯

Chính - khí thang

| | | |
|-----------------------|----------------|-----------------|
| 生 艸 一 兩 半 | 知 母 五 兩 | 黃 伯 二 兩 炙 |
| Sinh-thảo 1 đồng rưỡi | Tri-mẫu 5 đồng | Hoàng-bá 2 đồng |

一 陰 煎

Nhất - âm tiên

| | | |
|-------------------|-----------------|-------------------|
| 熟 地 六 兩 | 生 地 二 兩 | 白 芍 二 兩 炒 |
| Thục-dịa 6 đồng | Sinh-dịa 2 đồng | Bạch-thược 2 đồng |
| 麥 門 二 兩 炒 | 丹 參 二 兩 | 牛 必 二 兩 |
| Mạch-môn 2 đồng | Đan-sâm 2 đồng | Ngưu-tất 2 đồng |
| 炙 草 一 兩 | | |
| Chích-thảo 1 đồng | | |

丹 溪 補 陰 丸

Đan - Khê bổ - âm hoàn

| | | |
|------------------|--|-----------------|
| 熟 地 三 兩 | 龜 板 三 兩 炙 | 知 母 二 兩 |
| Thục-dịa 3 lượng | Quy-bản 3 lượng | Tri-mẫu 2 lượng |
| 黃 伯 二 兩 炙 | | |
| Hoàng-bá 2 lượng | (Tán bột luyện mật viên, mỗi bữa uống 3 đồng.) | |

五 淋 散

Ngũ - lâm tán

| | | |
|------------------------|-----------------------|-------------------|
| 赤 苓 二 兩 | 梔 子 二 兩 炒 | 赤 芍 二 兩 |
| Xích-phục-linh 2 đồng | Chi-tử 2 đồng | Xích-thược 2 đồng |
| 木 通 一 兩 半 | 生 草 一 兩 半 | 茵 陳 一 兩 |
| Mộc-thông 1 đồng rưỡi | Sinh-thảo 1 đồng rưỡi | Nhân-trần 1 đồng |
| 滑 石 一 兩 半 | 竹 葉 一 兩 | |
| Hoạt-thạch 1 đồng rưỡi | Trúc-diệp 1 đồng | |

大 分 清 飲

Đại - phân-thanh âm

| | | |
|------------------|-----------------|------------------|
| 淡 苓 二 兩 | 澤 左 二 兩 炒 | 木 通 二 兩 |
| Phục-linh 2 đồng | Trạch-tả 2 đồng | Mộc-thông 2 đồng |



猪苓一リ
Chư-linh 1 đồng
車前一リ炒
Xa-tiên 1, đồng

梔子一リ炒
Chi-tử 1 đồng

枳壳一リ炒
Chi-xác 1 đồng

滋陰八味煎

Tư - âm bát - vị tiên

即六味丸加

Là bài LỤC-VỊ-HOÀN gia :

知母二リ
Tri-mẫu 2 đồng

黃伯二リ炙
Hoàng-bá 2 đồng

三柴胡飲

Tam - sai - hồ ẩm

當歸三リ
Đương-quy 3 đồng
陳皮一リ炒
Trần-bì 1 đồng

柴胡二リ
Sai-hồ 2 đồng
炙草一リ
Chích-thảo 1 đồng

白芍二リ炒
Bạch-thược 2 đồng
生姜五片
Sinh-khương 5 nhát

補陰益氣煎

Bồ - âm ích - khí tiên

熟地五リ
Thục-địa 5 đồng
淮山三リ炒
Hoài-sơn 3 đồng
陳皮一リ炒
Trần-bì 1 đồng

党参三リ姜炒
Đảng-sâm 3 đồng
升麻一リ
Thăng-ma 1 đồng
炙草一リ
Chích-thảo 1 đồng

當歸三リ
Đương-quy 3 đồng
柴胡一リ
Sai-hồ 1 đồng

五柴胡飲

Ngũ - sai - hồ ẩm

熟地五リ
Thục-địa 5 đồng
白芍二リ炒
Bạch-thược 2 đồng
炙草一リ
Chích-thảo 1 đồng

當歸三リ
Đương-quy 3 đồng
柴胡二リ
Sai-hồ 2 đồng

白朮二リ土炒
Bạch-truật 2 đồng
陳皮一リ炒
Trần-bì 1 đồng



補中益氣湯

Bổ - trung ích - khí thang

| | | |
|-------------------|-------------------|------------------|
| 党参 四リ 姜 炒 | 黄芩 二リ 炙 | 當歸 二リ |
| Đảng-sâm 4 đồng | Hoàng-kỳ 2 đồng | Đương-quy 2 đồng |
| 白朮 二リ 土 炒 | 升麻 一リ | 柴胡 一リ |
| Bạch-truật 2 đồng | Thăng-ma 1 đồng | Sài-hồ 1 đồng |
| 陳皮 一リ 炒 | 炙艸 一リ | |
| Trần-bì 1 đồng | Chích-thảo 1 đồng | |

加減一陰煎

Gia - giảm nhất - âm tiên

| | | |
|------------------------|---------------------|-------------------|
| 熟地 五リ | 生地 二リ | 白芍 二リ 炒 |
| Thục-địa 5 đồng | Sinh-địa 2 đồng | Bạch-thược 2 đồng |
| 麥門 二リ 炒 | 知母 一リ 半 | 炙草 一リ |
| Mạch-môn 2 đồng | Tri-mẫu 1 đồng rưỡi | Chích-thảo 1 đồng |
| 地骨皮 一リ 半 | | |
| Địa-cốt-bì 1 đồng rưỡi | | |

八珍湯

Bát - trân thang

| | | |
|--------------------|-------------------|-------------------|
| 熟地 五リ | 党参 四リ 姜 炒 | 當歸 二リ |
| Thục-địa 5 đồng | Đảng-sâm 4 đồng | Đương-quy 2 đồng |
| 白朮 二リ 土 炒 | 茯苓 二リ | 白芍 二リ 炒 |
| Bạch-truật 2 đồng | Phục-linh 2 đồng | Bạch-thược 2 đồng |
| 川芎 一リ | 炙艸 一リ | |
| Xuyên-khung 1 đồng | Chích-thảo 1 đồng | |

十全大補湯

Thập - toàn - đại - bổ thang

即 八珍湯 加

Là bài BÁT-TRÂN gia:

| | |
|-----------------|-----------------|
| 黄芩 二リ 炙 | 肉桂 一リ |
| Hoàng-kỳ 2 đồng | Nhục-quế 1 đồng |



五 福 飲

Ngũ-phúc âm

熟地 六リ

Thục-dịa 6 đồng

党参 四リ 姜 炒

Đảng-sâm 4 đồng

當歸 三リ

Đương-quy 3 đồng

白朮 三リ 土 炒

Bạch-truật 3 đồng

炙草 一リ 半

Chích-thảo 1 đồng rưỡi

理 中 湯

Lý-trung thang

党参 五リ 姜 炒

Đảng-sâm 5 đồng

白朮 三リ 土 炒

Bạch-truật 3 đồng

乾姜 二リ 炒

Cần-kương 2 đồng

炙草 一リ 半

Chích-thảo 1 đồng rưỡi

瘧 病

27. — Kinh-bệnh

Bệnh kinh nhân tại gió mây, hoặc có ra nhiều mồ-hôi; hoặc cho hạ nhiều và chứng thất huyết mất cả tân dịch, âm hư, huyết ráo hóa ra cứng gân, uốn lưng như uốn ván, lắc đầu cầm khẩu mắt trợn lên, gân cổ cứng đờ, chân tay co quắp, sốt không có mồ-hôi mà sợ lạnh gọi là cương-kinh. Nóng sốt có mồ-hôi không sợ lạnh gọi là nhu-kinh.

Chữa bệnh này phải dùng bồ khi huyết làm chủ, nếu mà quá dùng thuốc phát tán, thời khô ráo tân dịch đi mà bệnh khó khỏi được.

Một thứ bệnh cương-kinh không có mồ-hôi, sợ lạnh dùng thang Cát-cẩn, thang Qua-lâu quế-chí, bằng có âm thấp dùng bài Thần-truật thang gia Khương-hoạt, Độc-hoạt.

Một thứ bệnh nhu-kinh nóng sốt dâm dấp mồ-hôi không sợ lạnh dùng thang Quế-chí-cát-cẩn, thang Quế-chí-phòng-khung, nhược bằng kiêm âm thấp dùng thang Bạch-truật gia Hoàng-ký Quế-tám.

Một thứ nhân ra nhiều mồ-hôi hoặc cho hạ quá, thành ra bệnh kinh thời âm huyết hư dùng bài Tam-âm-tiến, bài Lục-bì-quy-thược. Nhược bằng yếu quá mà mạch trầm tế, dùng bài Đại-dương-tiến, thang Thập-toàn-dại bổ ở số 26 HÀN-NHIỆT.



Một thứ bệnh kinh mà lại ra nhiều mồ-hôi dùng thang *Sâm-quy*, thang *Nhân-sâm-kiên-trung*, nhược bằng dương khí hư lắm mà mồ-hôi ra, hoặc là vong dương chân tay lạnh dùng thang *Sâm phụ*, bài *Kỳ-phụ* hoặc thang *Tứ-vị-hồi-dương*.

Một thứ bệnh kinh lại kèm lửa nóng mạch thời hồng hoạt, bệnh thêm phiền nhiệt dùng bài *Nhất-âm*, bài *Gia-dâm-nhất-âm*; hai bài này đều ở số 26 HÀN-NHIỆT.

Một thứ bệnh kinh nhiều dờm mà nóng sốt dùng bài *Thanh-cách-tiên*, hoặc dùng *Bảo-long-hoàn* ở hiệu khách có bán.

列 方

Liệt các bài thuốc

葛 根 湯

Cát - căn thang

葛根 四リ

Cát-căn 4 đồng

白芍 二リ 炒

Bạch-thược 2 đồng

生姜 七片

Sinh-kương 7 nhát

麻黄 一リ

Ma-hoàng 1 đồng

炙甘草 一リ

Chích-thảo 1 đồng

桂枝 二リ

Quế-chi 2 đồng

大枣 二枚

Đại-tảo 2 quả

瓜 蒌 桂 枝 湯

Qua - lâu quế - chi thang

花粉 四リ

Hoa-phấn 4 đồng

炙草 一リ

Chích-thảo 1 đồng

桂枝 一リ 半

Quế-chi 1 đồng rưỡi

大枣 二枚

Đại-tảo 2 quả

白芍 三リ 炒

Bạch-thược 3 đồng

生姜 七片

Sinh-kương 7 nhát

神 朮 湯

Thần - truật thang

藁本 一リ 半

Cảo-bản 1 đồng rưỡi

川芎 一リ

Xuyên-khung 1 đồng

獨活 一リ 半

Độc-hoạt 1 đồng rưỡi

姜活 一リ

Kương-hoạt 1 đồng

蒼朮 二リ 製

Xương-truật 2 đồng

炙草 一リ

Chích-thảo 1 đồng



桂枝葛根湯

Quế-chi cát-căn thang

| | | |
|-------------------|---------------------|--------------------|
| 葛根 三ツ | 桂枝 一ツ半 | 白芍 二ツ炒 |
| Cát-căn 3 đồng | Quế-chi 1 đồng rượu | Bạch-thược 2 đồng |
| 炙草 一ツ | 大棗 二枚 | 生姜 七片 |
| Chích-thảo 1 đồng | Đại-táo 2 quả | Sinh-khương 7 nhát |

桂枝防芎湯

Quế-chi phòng-khung thang

| | | |
|-------------------------|-------------------|--------------------|
| 桂枝 二ツ | 白芍 三ツ炒 | 防風 二ツ |
| Quế-chi 2 đồng | Bạch-thược 3 đồng | Phòng-phong 2 đồng |
| 大棗 二枚 | 炙草 一ツ | 生姜 七片 |
| Đại-táo 2 quả | Chích-thảo 1 đồng | Sinh-khương 7 nhát |
| 川芎 一ツ半 | | |
| Xuyên-khung 1 đồng rượu | | |

白朮湯

Bạch-truật thang

| | | |
|-------------------|------------------------|-----------------|
| 白朮 三ツ土炒 | 防風 二ツ | 黃芪 二ツ炙 |
| Bạch-truật 3 đồng | Phòng-phong 2 đồng | Hoàng-kỳ 2 đồng |
| 桂心 一ツ | 炙草 一ツ半 | |
| Quế-tâm 1 đồng | Chích-thảo 1 đồng rượu | |

三陰煎

Tam-âm tiên

| | | |
|-----------------|------------------|-------------------|
| 熟地 六ツ | 當歸 三ツ | 白芍 二ツ炒 |
| Thục-dịa 6 đồng | Đương-quy 3 đồng | Bạch-thược 2 đồng |
| 党参 三ツ姜炒 | 棗仁 二ツ炒黑 | 炙草 一ツ |
| Đảng-sâm 3 đồng | Táo-nhân 2 đồng | Chích-thảo 1 đồng |

六味歸芍湯

Lục-vị quy-thược thang

| | | |
|-------------------|----------------------|------------------|
| 熟地 八ツ | 山茱 二ツ酒炒 | 淮山 四ツ炒 |
| Thục-dịa 8 đồng | Sơn-thú 2 đồng | Hoài-sơn 4 đồng |
| 茯苓 三ツ | 牡丹 三ツ炒 | 當歸 三ツ |
| Phục-linh 3 đồng | Mẫu-đơn 3 đồng | Đương-quy 3 đồng |
| 白芍 二ツ炒 | 澤左 一ツ半 鹽炒 | |
| Bạch-thược 2 đồng | Trạch-lá 1 đồng rượu | |



大營煎

Đại - doanh tiên

熟地六リ

Thục-dịa 6 đồng

當歸三リ

Đương-quy 3 đồng

杜仲二リ鹽炒

Đỗ-trọng 2 đồng

杞子二リ

Khởi-tử 2 đồng

牛膝二リ

Ngưu-tất 2 đồng

炙艸一リ

Chích-thảo 1 đồng

肉桂一リ

Nhục-quế 1 đồng

人參建中湯

Nhân - sâm kiến - trung thang

党参三リ姜炒

Đảng-sâm 3 đồng

桂枝一リ半

Quế-chí 1 đồng rưỡi

白芍六リ炒

Bạch-thược 6 đồng

炙艸一リ

Chích-thảo 1 đồng

大棗二枚

Đại-tảo 2 quả

生姜七片

Sinh-khương 7 nhát

膠飴五リ

Kẹo-mạch-nha 5 đồng

參附湯

Sâm - phụ thang

洋参八リ姜炒

Dương-sâm 8 đồng

製附二リ

Chế-phụ 2 đồng

芪附湯

Kỳ - phụ thang

黃芪八リ炙

Hoàng-kỳ 8 đồng

製附二リ

Chế-phụ 2 đồng

四味回陽飲

Tứ - vị hồi - dương ẩm

洋参五リ姜炒

Dương-sâm 5 đồng

乾姜三リ炒

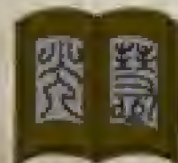
Can-khương 3 đồng

製附一リ

Chế-phụ 1 đồng

炙草一リ半

Chích-thảo 1 đồng rưỡi



清 膈 煎

Thanh - cách tiên

土貝母三リ姜炒 陳皮二リ炒

Thổ-bối-mẫu 3 đồng Trần-bì 2 đồng

胆星二リ

Đảm-tinh 2 đồng

海石二リ

Hải-thạch 2 đồng

白芥子一リ炒

Bạch-giới-tử 1 đồng

木通一リ

Mộc-thông 1 đồng

痰 飲

28. — Đàm - ẩm

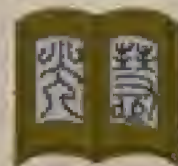
Bệnh đàm ẩm, đờm đặc như hồ là đàm, loãng như nước là ẩm đều là tân-dịch trong mình người ta, có khí huyết thì có đàm duyên dễ tẩm nhuận cho xương thịt, nhược bằng dùng thuốc tiêu hết đờm đi thời hao tổn khí huyết mà hình thể gầy gò.

Ông Cảnh-Nhạc nói rằng: đờm không sinh ra bệnh nhân có bệnh sinh ra đờm. Nhược bằng chỉ biết trị đàm mà không biết bởi tại đâu sinh ra đàm thời đờm càng nhiều, xét xem chỉ ở hai kinh: tỳ, thận mà thôi.

Một thứ đờm ở tỳ-vị thời có hư có thực như là tỳ thổ phần ẩm thấp hơn, hoặc ăn uống quá thường, không có bệnh khác hư tổn mà sinh đờm thế là bệnh ở con tỳ ẩm thấp dùng thang *Nhị-trần*, bài *Bình-vị*, bằng như con vị hàn mà sinh đờm thời phải có đầy bụng dùng bài *Hòa-vị-nhị-trần*, bài *Linh-truật-nhị-trần*. Nhược bằng con tỳ-vị yếu, không hay vận hóa mà sinh nhiều đờm thời ăn uống kém ít và tinh thần mỗi một dùng thang *Lục-quán-tử*, bài *Lục-vị-dị-công*. Nhược bằng tỳ-vị hư tổn quá mà có nôn mửa nhiều đờm dùng thang *Lý-trung*, bài *Ôn-vị*.

Một thứ đờm ở kinh thận bởi vì nhọc mệt hóa ra đờm. Con thận hư không áp chế được thủy mà nước ứa lên hóa ra đờm thời đờm loãng mà nhiều bọt trắng, dùng bài *Bát-vị*, bài *Lý-âm*. Nhược bằng âm hư hỏa động mà nước sôi thành đờm thời đờm đặc mà đục; hoặc có đái huyết dùng bài *Lục-vị*, bài *Nhất-âm-tiên*.

Một thứ đờm ở kinh phế ho bằng có đờm bởi vì ngoại cảm gió lạnh dùng bài *Lục-an-tiên*. Nhược bằng cảm nặng khí lạnh vào sâu đờm nhiều dùng thang *Tiểu-thanh-long*.



Một thứ đờm ở trên hoành-cách đờm đặc dính như keo phải cho thổ ra dùng bài *Hy duyên-tán*, *Trà điều-tán*.

Một thứ đờm ở trong ruột phải cho hạ đi dùng bài *Cồn-dâm-hoàn*. Như đờm cần ở bên vạng sườn phải thêm vị *Bạch-giới-tử* 2 đồng (白芥子二升炒)

Như đờm ở màng mỡ dùng nước *Trúc-lich* 1 chén (竹瀝一盃), hòa nước gừng nửa chén.

如熱痰用
Như Nhiệt-dâm dùng

黃芩
Hoàng-cầm,

知母
Tri-mẫu

風痰用
Phong-dâm dùng

南星
Nam-tinh,

白附
Bạch-phụ

寒痰用
Hàn-dâm dùng

肉桂
Nhục-quế,

龍涎香
Long-duyên-hương

燥痰用
Táo-dâm dùng

麥門
Mạch-môn,

花粉
Hoa-phấn

鬱痰用
Uất-dâm dùng

丹皮
Đan-bì,

梔子
Chi-tử

老痰用
Lão-dâm dùng

土貝母炒
Thổ-bối-mẫu,

青礞石煨
Thanh-mông-thạch

痰帶血用
Đàm-dải-huyết dùng

阿膠
A đao,

韭汁
Cửu-trấp

一次消痰降火用 硝石 青礞石煨
Một thứ tiêu đàm đáng hỏa dùng *tiêu-thạch*, *thanh-mông-thạch*

Mỗi vị đều và phân, cùng tán bột, hòa với đường cát trắng để gan bàn tay lấy lưới nếm rất hiệu lắm.

列 方

Liệt các bài thuốc

二 陳 湯

Nhị-trần thang

茯苓四升
Phục-linh 4 đồng

陳皮二升炒
Trần-bì 2 đồng

炙草一升
Chích thảo 1 đồng

法夏二升
Pháp-bạ 2 đồng

大棗二枚
Đại-táo 2 quả

生姜五片
Sinh-khương 5 nhát



和胃二陳煎

Hòa - vị nhị - trần tiên

| | | |
|---------------------|---------------------|-------------------|
| 茯苓三リ | 陳皮一リ半炒 | 炙草七分 |
| Phục-linh 3 đồng | Trần-bì 1 đồng rưỡi | Chích-thảo 7 phân |
| 法夏一リ半 | 乾姜一リ炒 | 砂仁七分炒 |
| Pháp-hạ 1 đồng rưỡi | Can-khương 1 đồng | Sa-nhân 7 phân |

六味異功散

Lục - vị dị - công tán

| | | |
|-------------------|-------------------|-------------------|
| 党参三リ姜炒 | 白朮二リ土炒 | 茯苓二リ |
| Đảng-sâm 3 đồng | Bạch-truật 2 đồng | Phục-linh 2 đồng |
| 炙草一リ | 陳皮一リ炒 | 乾姜一リ炒 |
| Chích-thảo 1 đồng | Trần-bì 1 đồng | Can-khương 1 đồng |

理陰煎

Lý - âm tiên

| | | |
|------------------------|------------------|-------------------|
| 熟地八リ | 當歸三リ | 乾姜二リ炒 |
| Thục-dịa 8 đồng | Đương-quy 3 đồng | Can-khương 2 đồng |
| 炙草一リ半 | | |
| Chích-thảo 1 đồng rưỡi | | |

六安煎

Lục - an tiên

| | | |
|---------------------|---------------------|-------------------|
| 杏仁二リ | 白芥子一リ炒 | 茯苓三リ |
| Hạnh-nhân 2 đồng | Bạch-giới-tử 1 đồng | Phục-linh 3 đồng |
| 陳皮一リ半 | 法夏一リ半 | 炙草一リ |
| Trần-bì 1 đồng rưỡi | Pháp-hạ 1 đồng rưỡi | Chích-thảo 1 đồng |

Còn bài *Hạ-duyên-tán*, *Trà-diệu-tán*, *Linh-truật-nhị-trần*, *Lục-quân-lữ* đều ở số 15 ĐÀM-QUYẾT, *Lý-trung-thang*, *Ôn-vị-âm*, *Bát-vị-hoàn*, *Nhất-âm-tiên* đều ở số 26 HÀN-NHIỆT.
Bình-vị-tán ở số 18 THỰC-QUYẾT.



小青龍湯

Tiểu - thanh - long thang

麻黃五分

Ma-hoàng 5 phân

桂枝二リ

Quế-chí 2 đồng

白芍三リ炒

Bạch-thược 3 đồng

乾姜二リ炒

Can-khương 2 đồng

細辛一リ

Tế-lân 1 đồng

法夏一リ

Pháp-hạ 1 đồng

炙草一リ

Chích-thảo 1 đồng

五味七粒炒

Ngũ-vị 7 hạt

CỒN-ĐÀM-HOÀN (hiệu khách có bán)

停飲

29. — Đình - ẩm

Chứng đình-ẩm là nước óc ách trong bụng như có túi đựng, bởi vì con tỳ vị hư hàn, ăn uống đồ sống lạnh không tiêu hóa được và rượu chè quá sức cho nên đình tích lại phải dùng thuốc bổ tỳ cho lợi tiêu tiện dùng thang Ngũ-linh-tán.

或用 白朮一兩土炒 澤左二兩盞炒

Hoặc dùng Bạch-truật 1 lượng

Trạch-tả 2 lượng

(Sắc nước cho uống.)

或用 白朮一兩土炒 桂心五リ 乾姜五リ炒

Hoặc dùng Bạch-truật 1 lượng Quế-tâm 5 đồng Can-khương 5 đồng

(Tán bột luyện mật viên, mỗi lần uống 2 đồng.)

Một thứ chứng đình ẩm hóa ra nôn khan hoặc nôn dờm rãi, hoặc khi đau mà có sôi bụng dùng thang Tiểu-bán-hạ gia Phục-linh.

五苓散

Ngũ - linh tán

澤左五リ炒

Trạch-tả 5 đồng

猪苓三リ

Chư-linh 3 đồng

白朮三リ土炒

Bạch-truật 3 đồng

茯苓三リ

Phục-linh 3 đồng

肉桂一リ

Nhục-quế 1 đồng



小半夏加茯苓湯

Tiểu-bán-hạ gia phục-linh thang

法夏五リ

Pháp-hạ 5 đồng

生姜二リ

Sinh-khuông 2 đồng

茯苓三リ

Phục-linh 3 đồng

再加蒼朮二リ製

名倒蒼法

Lại gia: Xương-truật 2 đồng (Gọi là phép Đảo-xương)

咳 嗽

30. — Khái-thấu

Khái-thấu là bệnh ho hằng thuộc về buồng phổi, tiếng ho không đờm gọi là khái, tiếng ho có đờm gọi là thấu. Chứng này có hai thứ: một là Ngoại-cảm hai là Nội-thương.

Chứng ho Ngoại-cảm, từ chân lòng vào phổi là dương tà dùng thuốc cay nóng phát tán mới khỏi.

Chứng ho Nội-thương ở các tạng mà chuyển vào phổi ấy là bệnh âm dùng thuốc cảm-bình bổ âm thời mới khỏi.

Một thứ nhân Ngoại-cảm phát sốt mà ho dùng bài *Sâm-lô-âm*, bài *Lục-an-tiên*, nhược bằng âm hư dùng bài *Kim-thủy-lục-quân*, hoặc bài *Tam-tái-hoàn* gia *Sinh-thảo*, *Kết-cánh*, *Tử-tô* bằng như ho mà nôn ra là trong dạ dày có phục hỏa dùng bài *Thanh-vị-âm*, bài *Tứ-âm-tiên*.

Một thứ nhân Nội-thương mà ho, buồng phổi hư thời thổ có tiếng dùng thang *Bồ-phế*, thang *Ninh-phế*; phế nhiệt gia *Hoàng-cầm* 1 đồng. Nhược bằng tỳ hư ăn uống chẳng tiêu mà ho dùng thang *Lục-quân-tử*.

Một thứ là hỏa thịnh khắc kim mà ho, tâm hỏa thịnh thời lúc ho trong ngực đau và cổ đau dùng bài *Nhị-âm-tiên* gia *Kết-cánh* 2 đồng. Can hỏa thịnh thời lúc ho hai bên vạng sườn đau và nôn ra mật xanh dùng bài *Tam-âm-tiên* gia *Mẫu-đơn*, *Chi-tử*, *Hoàng-cầm* đều 2 đồng. Nhược bằng ho lâu mà đau đến xương sống lưng hoặc có són đái, phải bổ kinh thận, âm hư dùng bài *Lục-vị*, chân dương hư dùng bài *Bát-vị-hoàn* đều gia *A-giao*, *Mạch-môn*, *ngưu-tất*, *ngũ-vị*; hoặc dùng thang *Toàn-chân-nhất-khi*.

Một thứ ho mất tiếng khi mới cảm phải thanh hỏa dùng bài *Sâm-lô-âm* gia *Hoàng-cầm*, *Hoàng-liên*. Bằng như ho lâu mà mất tiếng dùng bài *Thống-âm-tiên* hoặc bài *Lục-vị-hoàn*



cho Thục-dịa gấp hai gia A-giao, Mạch-môn, Ngưu-tất; nước bằng hỏa hủ sợ lạnh gia Nhục-quế.

Một thứ ho ra máu dùng bài *Lục-vị-hoàn*, bài *Nhất-âm-tiên* đều gia A-giao Bạch-thược sao đen đều 2 đồng, nước ngó sen một chén.

Một thứ ho khan không có đờm dùng bài *Nhuận-phê-âm*, bài *Tam-tài-hoàn* phải thêm sữa người, nước quả lê, nhân Hồ-đào, mật ong, A-giao những vị ấy.

Một thứ ho lâu không khỏi lúc đói thời trong bụng đau quá xem môi trên có nốt trắng như mốc là có con trùng cắn buồng phổi thời khiến người bệnh ho mãi mà tiếng khan dùng 1 cân *Bách-bộ* nấu cao thêm Ô-mai, Bình-lang mỗi thứ 3 lạng ngày uống ba lần, mỗi lần 2 thìa thời con trùng hạ xuống mới khỏi. Như người vẫn có bệnh ho đến mùa đông lại phát dùng phép *Thấu-yên-dòng*.

列 方

Liệt các bài thuốc

金 水 六 君 煎

Kim - thủy lục - quân tiên

當 歸 二 兩 半

Đương-quy 2 đồng rưỡi

熟 地 六 兩

Thục-dịa 6 đồng

茯 苓 三 兩

Phục-linh 3 đồng

陳 皮 二 兩 炒

Trần-bì 2 đồng

法 夏 一 兩 半

Pháp-bạ 1 đồng rưỡi

炙 草 一 兩

Chích-thảo 1 đồng

三 才 丸

Tam - tài hoàn

熟 地 八 兩

Thục-dịa 8 đồng

沙 參 六 兩 姜 炒

Sa-sâm 6 đồng

麥 門 四 兩 炒

Mạch-môn 4 đồng

加 桔 更 二 兩

Gia : Kết-cánh 2 đồng

蘇 葉 一 兩

Tô-diệp 1 đồng

炙 草 一 兩

Chích-thảo 1 đồng

清 胃 飲

Thanh - vị ẩm

生 地 三 兩

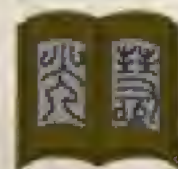
Sinh-dịa 3 đồng

牡 丹 二 兩

Mẫu-dơn 2 đồng

白 芍 二 兩 炒

Bạch-thược 2 đồng



石羔一リ 煨
Thạch-cao 1 đồng

黃芩一リ
Hoàng-cầm 1 đồng

生草一リ
Sinh-thảo 1 đồng

補肺湯

Bổ - phế thang

沙參六リ 姜 炒
Sa-sâm 6 đồng

熟地五リ
Thục-địa 5 đồng

黃芪三リ 炙
Hoàng-kỳ 3 đồng

桑白皮二リ 炒
Tang-bạch-bì 2 đồng

紫苑二リ
Tử-uyên 2 đồng

五味十粒 炒
Ngũ-vị 10 hột

寧肺湯

Ninh - phế thang

熟地五リ
Thục-địa 5 đồng

沙參四リ 姜 炒
Sa-sâm 4 đồng

當歸二リ
Đương-quy 2 đồng

白芍二リ 炒
Bạch-thược 2 đồng

白朮二リ 土 炒
Bạch-truật 2 đồng

茯苓二リ
Phục-linh 2 đồng

麥門二リ 炒
Mạch-môn 2 đồng

桑皮二リ 炒
Tang-bì 2 đồng

阿膠二リ 炒
A-giao 2 đồng

炙草一リ
Chích-thảo 1 đồng

五味十粒 炒
Ngũ-vị 10 hột

全真一氣湯

Toàn - chân - nhất - khí thang

熟地一兩
Thục-địa 1 lượng

黨參五リ 姜 炒
Đảng-sâm 5 đồng

白朮三リ 土 炒
Bạch-truật 3 đồng

麥門三リ 炒
Mạch-môn 3 đồng

牛必二リ
Ngưu-tất 2 đồng

製附一リ
Chế-phụ 1 đồng

五味十粒 炒
Ngũ-vị 10 hột

通音煎

Thông - âm tiên

款冬花一兩
Khoản-dông-hoa 1 lượng

土貝母一兩 姜 炒
Thổ-bối-mẫu 1 lượng

胡桃一兩
Hồ-đào 1 lượng

Tán bột hòa mật ong 8 lượng, hấp cơm cho chín rồi ngậm.



潤肺飲

Nhuận - phế âm

| | | | | |
|---------------------|--------------------|----|-------------------|---|
| 生地三リ | 土貝母二リ | 姜炒 | 麥門二リ | 炒 |
| Sinh-địa 3 đồng | Thổ-bối-mẫu 2 đồng | | Mạch-môn 2 đồng | |
| 橘紅皮一リ | 花粉一リ | | 桔梗一リ | |
| Quất-hồng-bì 1 đồng | Hoa-phấn 1 đồng | | Kết-cánh 1 đồng | |
| 茯苓一リ | 知母一リ | | 炙草七分 | |
| Phục-linh 1 đồng | Tri-mẫu 1 đồng | | Chích-thảo 7 phân | |

Nhất-âm-tiên ở số 10 CHƯ-HƯ-CHUNG

Tứ-âm-tiên, Tam-âm-tiên, Nhị-âm-tiên đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG

Lục-quân-tử ở số 15 ĐÀM-QUYẾT

Lục-an-tiên ở số 28 ĐÀM-ÂM

Lục-vị-hoàn, Bát-vị-hoàn đều ở số 26 HÀN - NHIỆT

嗽煙筒

Thấu - yên - đồng

款冬花二リ 驚管石二リ 雄黃二リ
Khoản-đông-hoa 2 đồng Nga-quản-thạch 2 đồng Hùng-hoàng 2 đồng

Cùng tán bột, lấy 1 nắm lá ngải-cứu vò nát ra; dùng 1 mảnh giấy, dán 1 mối ngải-cứu rắc thuốc bột lên, châm lửa hút nuốt khói vào, uống 1 hùm nước để hãm lại.

Lại còn phương nữa

佛耳草二リ 款冬花二リ 雄黃五分
Phật-nhĩ-thảo 2 đồng Khoản-đông-hoa 2 đồng Hùng-hoàng 5 phân
驚管石五分
Nga-quản-thạch 5 phân

Cùng tán bột, hòa lòng trắng trứng gà phiết vào tờ giấy phơi khô, quấn lại châm lửa hút nuốt khói, hãm bằng nước chè.

喘促

31. — Suyễn - súc

Chứng suyễn-súc thở ra hút vào đều ngắn. Nhiệt suyễn, phát về mùa hạ. Hàn-suyễn phát về mùa đông.



Những khi lâm lạng khó nhọc thời càng thở lảm; ngồi im thời bớt; trong ngực tức đầy, ăn no thời khó chịu bởi vì nguyên khí suy hư hóa ra bệnh ấy khi mới phát dùng *Hấp-yên-phương* để thông hơi trong buồng phổi rồi sau tùy chứng mà cho thuốc.

Một thứ nhiệt suyễn phải cho thuốc mát dùng bài *Nhân-sâm-cáp-giới*, *Nhân-sâm-bại-độc*.

Một thứ hàn suyễn phải cho thuốc nóng dùng bài *Gia-vi-gaê-chi*.

Một thứ âm hư phát suyễn dùng bài *Trinh-nguyên-âm*.

Một thứ dương hư phát suyễn dùng bài *Toàn-chân-nhất-khí* ở số 30.

Một thứ khí hư phát suyễn dùng *Dương-sâm* 2 đồng tán bột hòa 1 cái lòng trắng trứng gà, 1 chén nước lã rồi uống.

列 方

Liệt các bài thuốc

吸 煙 方

Hấp - yện phương

Hột cà độc-được 4 đồng. Da vàng trong mè-gà 2 đồng, xương-truật 1 đồng cùng tán bột, lại dùng hoa cà độc-được phơi khô thái nhỏ lấy mảnh giấy rái hoa cà rắc thuốc bột cuốn lại châm lửa mà hút, hoặc dùng cái diếu thuốc lão, lấy hoa cà dẹt vào nõ rắc thuốc bột lên trên châm lửa mà hút nuốt khói vào, uống hùm nước chè để hãm thời khỏi ngay.

Hoặc dùng một thứ hoa cà hút cũng được.

人 參 蛤 蚧 散

Nhân - sâm cáp - giới tán

蛤蚧一對酒炙

Cáp-giới 1 đôi, (bỏ đầu chân)

杏仁五リ

Hạnh-nhân 5 đồng

桑皮五リ炒

Tang-bì 5 đồng

土貝母五リ姜炒

Thổ-bối-mẫu 5 đồng

茯苓五リ

Phục-linh 5 đồng

沙參一兩姜炒

Sa-sâm 1 lượng

知母五リ

Tri-mẫu 5 đồng

炙艸二リ

Chích-thảo 2 đồng

Tán bột, mỗi bữa uống 3 đồng, thang bằng nước chè.



人參敗毒散

Nhân - sâm bại - độc tán

| | | | | |
|-----------------|---------------|--------------|----------|----------|
| 沙參姜炒 | 茯苓 | 川芎 | 柴胡 | 前胡 |
| Sa-sâm, | Phục-linh, | Xuyên-khung, | Sai-hồ, | Tiền-hồ |
| 獨活 | 枳殼炒 | 姜活 | 桔梗 | 甘艸 |
| Độc-hoạt, | Chỉ-xác, | Khương-hoạt, | Kết-cánh | Cam-thảo |
| 加 黃芩炒 | (各 一 リ) | | | |
| Gia : Hoàng-cầm | (Đều 1 đồng). | | | |

Tán bột, mỗi bữa uống 3 đồng; thang bằng gừng.

加味桂枝湯

Gia vị quế - chi thang

| | | |
|--------------------|--------------------|-------------------|
| 桂枝 二 リ | 白芍 三 リ 炒 | 杏仁 二 リ |
| Quế-chi 2 đồng | Bạch-thược 3 đồng | Hạnh-nhân 2 đồng |
| 防風 二 リ | 川芎 一 リ | 炙草 一 リ |
| Phòng-phong 2 đồng | Xuyên-khung 1 đồng | Chích-thảo 1 đồng |
| 大棗 二 枚 | 生姜 七 片 | |
| Đại-tảo 2 quả | Sinh-kương 7 nhát | |

貞元飲

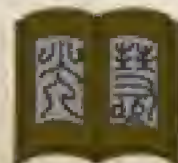
Trinh - nguyên ẩm

| | | |
|------------------------|------------------|------------------|
| 炙草 一 リ 半 | 熟地 一 兩 | 當歸 三 リ |
| Chích-thảo 1 đồng rưỡi | Thục-dịa 1 lượng | Đương-quy 3 đồng |
| 氣虛 加 | 洋參 三 リ 姜炒 | |
| Khí-hư gia : | Dương-sâm 3 đồng | |
| 火虛 加 | 肉桂 一 リ | |
| Hỏa-hư gia : | Nhục-quế 1 đồng | |

定喘驗方

Định - suyễn - nghiệm phương

| | |
|------------------------------------|----------------------------|
| 人乳 一 碗 | 童便 半 碗 |
| Sữa-người 1 chén | Đồng-tiện 5 phần chén |
| 姜汁 廿 滴 | 橙汁 十 滴 |
| Nước-gừng 3 phần chén | Nước-quả-chanh 1 phần chén |
| Hâm nóng uống, 2, 3 bữa thời khởi. | |



又方

Lại bài nữa

Cắt dê trắng phơi khô, rên cây cau. Lấy 3 dóng tre non bỏ vào cho nước ngâm một đêm bỏ bã đi lấy nước thổi cơm nếp mà ăn thời khỏi.

哮喘

32. — Háo-hông

Háo-hông là bệnh kéo hen; trong cổ hẹp nhỏ thở có tiếng dờm. Mỗi khi phát bệnh ba ngày mới khỏi, không nằm được, không ăn được thở như kéo cưa, so vai mờ mắt, bụng lóm, ngực lồi, những người nhân xương hàn mà phát còn dễ chữa, những người thành cổ tật thời khó chữa.

Những khi mới phát dùng bài *Hấp-yên-phương* hoặc bài *Chỉ-suyễn-hoàn* đều là thần hiệu cả, hoặc là có ngoại cảm phát sốt dùng bài *Định-suyễn-thang*. Khi khỏi rồi tùy bệnh mà dùng thuốc bổ. Như dương hư dùng thang *Lục-quân-tứ-tiên* ở số 15 ĐÀM-QUYẾT, thang *Lý-trung* ở số 26 HÀN-NHIỆT. Âm hư dùng bài *Nhất-âm-tiên* ở số 26 HÀN-NHIỆT hoặc bài *Lục-vị-quy-thuộc-thang* ở số 27 KINH-BÌNH.

Một thứ trong hoành-cách có ngoan đàm gặp khi lạnh thời bọc nóng ở trong nên trước khi chưa lạnh; tháng tám tháng chín nên uống nhiều bài *Cồn-dâm hoàn* ở số 28 ĐÀM-ÂM gia *Huyền-minh-phấn* 3 đồng; hoặc thang *Tiểu-thừa-khí* ở số 3 THƯƠNG-HÀN cho hạ cái nhiệt đàm đi. Đến mùa đông không có nhiệt đàm mà bao được thời bệnh hen không phát lên nữa.

Một phép chữa bệnh hen thần hiệu lắm: khi bệnh sắp phát trước 1 giờ dùng cây hoa móng-nước cả lá để bỏ vào nồi sắc nước cho đặc, lấy cái khăn vải chấm nước ấy xát vào xương sống lưng chỗ gần vai lạnh thì lại chấm nước nóng. Xát mãi bao giờ thấy nóng quá mới thôi. Lại dùng:

白芥子三升

Bạch-giới-tử 3 lạng

輕粉三升

Kinh-phấn 3 đồng

白芷三升

Bạch-chỉ 3 đồng

cùng nghiền nhỏ hòa mật ong làm bánh như đồng bạc độ 4,5 cái hơi lửa nóng dán vào đốt xương sống thứ ba ngội lại dán miếng khác, phải cố sức chịu nóng, bệnh nhẹ dán một hai ngày, bệnh nặng dán bốn năm ngày. Bánh khô lại cho



mật luyện lại không cứ là bình tân cự, lâu chóng, hàn, nhiệt đều khỏi cả thật là thần hiệu phương thứ nhất. Những vị thuốc phải y như thế không được thêm vào bớt ra.

止喘丸 Chỉ-suyễn hoàn

Thạch-tín 1 lạng tán bột, thịt thăn lợn 4 lạng đã nhỏ trộn vào với thạch-tín, bỏ vào nồi đất dày vung, lấy bùn trát vào cho kỹ đốt lửa nung đỏ, bao giờ thấy hết khói đen thời thôi, lấy ra để nguội thêm 4 lạng đậu-xanh cùng tán cho nhỏ luyện hồ làm viên bằng hạt đậu. Người nhón mỗi bận uống 4 viên; 10 tuổi 2 viên 5 tuổi 1 viên, từ 3 tuổi giở xuống không được uống.

定喘湯 Định-suyễn thang

白果廿一枚炒

Bạch-quả 21 quả (sao vàng)

麻黃一り

Ma-hoàng 1 đồng

桑皮三り炒

Tang-bì 3 đồng

蘇子二り炒

Tô-tử 2 đồng

杏仁二り

Hạnh-nhân 2 đồng

款冬花二り

Khoản-dông-hoa 2 đồng

法夏二り

Pháp-hạ 2 đồng

黃芩一り

Hoàng-cầm 1 đồng

陳皮一り炒

Trần-bì 1 đồng

生草一り

Sinh-thảo 1 đồng

癆瘵 33. — Lao-sái

Chứng lao-sái các sách gọi là hư lao, hư tổn, hư khiếp, lao thương các tên ấy đều bởi là lao tâm, lao lực và sự tửu sắc quá đà, hao tổn tinh huyết mà âm hư hỏa động, bình hóa ra nhiều thứ, nhưng mà hỏa thịnh khắc phế kim, ho lâu chẳng khỏi gọi là bệnh ho lao. Lâu ngày sinh trùng, cũng có chứng lao truyền. Chứng này có năm bệnh lao, sáu bệnh cực, bảy bệnh thương.



Chứng Ngũ-lao. — Phế lao thời thở ngắn, ho đờm, ho ra huyết, tiếng nói khàn, mũi không ngửi thấy gì. Chứng can lao thời mặt mũi khô đen, mắt hoa, tai ù. Chứng tâm lao thời hoảng hốt hay quên, không ngủ được, đồ bỏ-hỏi, trộm. Chứng tỳ lao thời ăn uống không tiêu, da thịt gầy mòn. Chứng thận lao thời phiền táo khát nước, đi tiểu vàng đỏ, hoặc lại trắng đục và di-tính.

Chứng Lục-cực. — Một là khi cực thời người yếu đuối, trong bụng hư tổn nguyên khí kém, rề cảm phong hàn. Hai là huyết cực thời người nhan sắc xấu xa, lông tóc hay rụng. Ba là can cực hay có chuột rút, móng chân lay đều đau. Bốn là cốt cực thời người ốm yếu hay đau răng, rứt xương không đứng được lâu. Năm là cơ cực thời người gầy mòn, ăn nhiều không thấy béo. Sáu là tinh cực thời người ít hơi sức, trong ngũ tạng đều suy cả.

Chứng Thất-thương. — No đói thương tỳ dạn dữ thương can, cổ sức thương thận, khí lạnh thương phế, lo nghĩ thương tâm, sợ hãi thương trí, rét nực thương hình.

Phép chữa bệnh này phải bồi thận thủy, dưỡng tâm huyết, phủ nguyên khí, kiện tỳ vị làm chủ như bài *Lục-vị-hoàn*, *Bát-vị-hoàn*, *Đại-bổ-nguyên*, *Ngũ-phúc-đam*, *Quy-tỳ-thang*, *Thập-toàn-đại-bổ* và những vị *Lộc-nhung*, *Lộc-giao*, sữa người, sữa bò. Muốn dùng cho đáng hỏa nhuận phế, tiêu đàm như bài *Lao-khái-tư-cao*, bài *Bồi-dưỡng-vinh-vệ-cao*.

Chỉ có chứng ho lao âm hư, đi rửa lồng thực là khó chữa, phải dùng pho Lãn-ông bài *Bổ-dương-tiếp-âm*, bài *Bổ-âm-tiếp-dương*. Xét xem chứng lao-sái này mỗi ngày dần dần tăng lên, không phải ngày một ngày hai hóa nên bệnh ấy, cho nên dùng thuốc không nên dán đoạn, mà chữa không chóng khỏi được. Duy người bệnh phải kiên tâm tiếc lấy tính mệnh, phải tuyệt đường dâm dục ăn uống phải kiêng khem, nhịn sự dạn dữ, bỏ sự phiền não, cẩn thận khi gió lạnh, tỉnh dưỡng vài ba năm phải uống nhiều thuốc để bồi căn bản, nhưng bằng một tí gì bất cẩn thời các bệnh nổi lên.

Bằng đến chứng thanh á nói khàn trong cổ đau ra nhiều đờm, đi rửa lồng, đồ nhiều bỏ-hỏi và thoát-nhục, dầu có thuốc tiên cũng không chữa được. Như thế thì có nên cẩn thận không???



列 方

Liệt các bài thuốc

Lục-vị-hoàn, Bát-vị-hoàn, Đại-bồ-nguyên, Quy-tỳ-thang, Thập-toàn-dại-bồ-thang (đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG).
Ngũ-phúc âm (ở số 26 HẠN-NHIỆT).

勞 咳 滋 膏

Lao - khái - tư - cao

| | | |
|-------------------|------------------|----------------------------|
| 熟地十两 | 生地四两炒 | 薏苡六两炒 |
| Thục-địa 10 lượng | Sinh-địa 4 lượng | Ỗ-dĩ 6 lượng |
| 麥門五两炒 | 丹参三两 | 牛必三兩 |
| Mạch-môn 5 lượng | Đan-sâm 3 lượng | Ngưu-tất 3 lượng |
| 款冬花 | 地骨皮 | 紫宛 (每味二兩) |
| Khoản-dông-hoa, | Địa-cốt-bì, | Tử-uuyền, (mỗi vị 2 lượng) |
| 乾姜六两 | | |
| Can-khương 6 đồng | | |

Sắc 3 nước cách thủy đúc thành cao nếu mà không cách thủy thời có hỏa độc uống thời ho lên phải vắt thuốc đi.

Lại dùng:

| | |
|-------------------|---------------------|
| 茯苓二兩 | 土貝母二兩姜炒 |
| Phục-linh 2 lượng | Thổ-bối-mẫu 2 lượng |

Cùng tán bột, lại thêm mật ong 8 lượng hòa lẫn vào, mỗi lần dùng 1, 2 thìa, hòa nước sôi uống.

培 養 榮 衛 膏

Bồi - dưỡng vinh - vệ cao

| | | |
|--------------------|------------------|--------------------|
| 熟地十二两 | 生地六两 | 麥門五两炒 |
| Thục-địa 12 lượng | Sinh-địa 6 lượng | Mạch-môn 5 lượng |
| 天門三兩炒 | 牡丹三兩 | 白芍三兩炒 |
| Thiên-môn 3 lượng | Mẫu-đơn 3 lượng | Bạch-thược 3 lượng |
| 地骨皮二兩 | 牛必二兩 | |
| Địa-cốt-bì 2 lượng | Ngưu-tất 2 lượng | |

煎三汁 隔水煮膏

Sắc 3 nước cách thủy, đúc thành cao



又加 薏苡六兩炒 党参姜炒 茯苓 茯神
Lại gia: Ý-dĩ 6 lượng Đảng-sâm. Phục-linh, Phục-thần,
阿膠炒 各三兩
A-giao (Đều 3 lượng)

Tán bột, mật-ong 6 lượng, luyện làm viên mỗi bữa uống 3 đồng, nhai nhỏ.

補陽接陰方

Bồ-dương tiếp-âm phương

布正参五兩姜炒 冬朮五兩土炒 熟地五兩炙
Bố-chính-sâm 5 đồng Đông-truật 5 đồng Thục-địa 5 đồng
炙草一兩 製附五分
Chích-thảo 1 đồng Phụ-tử-chế 5 phân.

補陰接陽方

Bồ-âm tiếp-dương phương

熟地一兩 布正参五兩姜炒 冬朮五兩土炒
Thục-địa 1 lượng Bố-chính-sâm 5 đồng Đông-truật 5 đồng
白芍三兩炒 乾姜一兩炒
Bạch-thược 3 đồng Can-khương 1 đồng

二方加減法

Phép gia giảm hai bài

汗多加

Bồ-hôi nhiều thời gia:

黃芪二兩炙 防風一兩 五味七粒炒
Hoàng-kỳ 2 đồng Phòng-phong 1 đồng Ngũ-vị 7 hạt.

泄瀉多加

Đi-rửa nhiều gia:

淮山四兩炒 肉豆蔻五分煨
Hoài-sơn 4 đồng Nhục-dậu-khẩu 5 phân

不寐加

Không ngủ được gia:

棗仁二兩炒黑 大棗二枚
Táo-nhân 2 đồng Đại-táo 2 quả



咳血加 側柏葉三リ炒 阿膠三リ炒

Ho có máu gia: Trắc-bách-diệp 3 đồng A-dao 3 đồng

渴多加 麥門三リ炒

Khát nước nhiều gia: Mạch-môn 3 đồng

火虛加 肉桂一リ磨

Hỏa hư gia: Nhục-quế 1 đồng

驗勞虫法

Phép nghiệm lao - trùng

Dùng 1 vị Nhũ-hương (乳香) đốt khói hun lưng bàn tay người bệnh, gài tay trái, gài tay phải; lấy khăn mặt lụa trùm trên lòng bàn tay, hun chừng nửa giờ có lông mọc trong bàn tay, sắc trắng rể chữa; lông đỏ khó chữa, lông đen không chữa được. Không có lông thời không có trùng.

灸勞虫法

Phép cứu lao - trùng

Lấy giấy bản giấp nước dán vào suốt xương sống xem chỗ nào khô trước thời trùng ở đó lấy mực đánh dấu cắt miếng tỏi dán vào về mỗi ngải - cứu bằng bột đậu để lên trên, châm lửa đốt 20 bận tỏi nát rồi lại thay miếng khác Phải để gần cái hỏa lò lửa, khi lao trùng ra lấy kim cặp bỏ vào lò lửa hoặc đem chôn đi không sợ bay vào mồm mũi người khác.

除勞虫法

Phép trừ lao - trùng

雄黃一リ

Hùng-hoàng 1 đồng

硃砂一リ

Chu-sa 1 đồng

硫黃一リ

Lưu-hoàng 1 đồng

射香一分

Xạ-hương 1 phân

Cùng tán bột hòa với rượu dùng củ tỏi nhón cắt bỏ để đi chấm thuốc xát vào xương sống từ dưới sát lên trên phải lần từng đốt một như có chỗ nào đau lắm hoặc chỗ nào sưng lên thời trùng ở chỗ ấy, chấm thuốc xát mãi vào cho đến khi hết thuốc thời con lao trùng chết.



童子癆

Trẻ con lao

Dùng cứt mèo ở trên mái nhà đã mốc ra lấy đất bao lại đốt ra than, đem ra lấy bát úp lại để nguội bỏ đất đi rồi tán bột hòa đường cát làm viên mỗi bận uống 3 đồng.

Một thứ lao truyền khi mới phải dùng bài Thần - thụ tán (神授散) Xuyên-tiên 3 lạng 川椒三兩炒) sao cho chảy dĩa.

Tán bột: mỗi bận uống 2 đồng hoặc lấy rượu quấy hồ làm viên bằng hạt đậu xanh mỗi bận uống 20 viên thêm lên đến 40 viên, thang bằng rượu.

肺癰

34. — Phế - ung

Bệnh phế ung là trong phổi mọc nhọt bởi khi cảm gió lạnh vào trong phổi, hoặc là làm lung khô nhọc hóa ho, tiếng nặng trong ngực hơi đau, cổ khô miệng khát. Bệnh ấy rức xương ống cả hai chân hoặc không rức, như mà ở dưới lưỡi mọc một nốt bằng hạt đậu thề là trong phổi mọc nhọt đó, dùng Kết-cánh 3 đồng (桔梗三ツ) Sinh-thảo 3 đồng (生草三ツ) sắc cho uống bằng như bệnh bứt thời là chứng phế ung không sai nữa dùng một liều thuốc Tế-hoàng-hoán thời khỏi ấy là biết ngay mà chữa đi, một trăm người đều khỏi cả, thường có chứng phế ung đã vỡ thò ra mủ trắng cũng dùng bài Tế-hoàng-hoán được khỏi cả. Nhược bằng nhà nghèo thời dùng nước dừa cái đã cũ lâu năm càng hay. Mỗi sớm ngày uống nửa chén thêm nước đậu hủ lẫn vào, uống năm bảy hôm thời trong ngực có một cục đưa lên đưa xuống vài ba bận rồi nỏn ra mủ độc, độ vài ngày nỏn hết thời khỏi.

驗肺癰法

Phép nghiệm phế - ung

Như chứng phế ung cùng chứng tràng ung đều thò ra đờm thối dùng bông cuốn vào đầu mảnh gỗ lăm đầu chắm lửa



dốt dề người bệnh trông, như chứng phế ung thời trông thấy hóa ra hai ngọn lửa, nước bằng chứng tràng ung thời chỉ thấy một ngọn lửa thôi.

Như chứng phế ung đã vỡ, ho nhỏ dờm mủ tanh hôi, trong ngực đau ngấm, cổ khô, sưng mà khát nước gân cổ cứng không chuyển được phải dùng thuốc bổ khí huyết mà kiêm bài nung dùng thang *Kết-cánh*, bài *Tử-uyên-tán*, *Tạo-dác-hoàn*.

犀黃丸

Tê-hoàng hoàn

乳香一兩炒

Nhũ-hương 1 lượng

沒藥一兩炒

Một-dược 1 lượng

射香三分

Xạ-hương 3 phân

牛黃三分

Ngưu-hoàng 3 phân

Tán bột luyện cơm, viên. Mỗi bữa uống 2 đồng, thang bằng rượu.

桔更湯

Kết - cánh thang

桔更

Kết-cánh,

桑皮炒

Tang-bì,

黃芪炙

Hoàng-kỳ,

土貝母姜炒

Bối-mẫu,

防風

Phòng-phong,

枳壳炒

Chỉ-xác,

當歸

Đương-quy,

杏仁

Hạnh-nhân,

意苡炒

Ý-dĩ,

瓜蒌仁

Qua-lâu-nhân

百合炒

Bách-hợp,

生草

Sinh-thảo

(各二リ)

(Đều 2 đồng)

加 白芷二リ

Gia: Bạch-chỉ 2 đồng

紫苑散

Tử-uyên tán

沙參三リ姜炒

Sa-sâm 3 đồng

阿膠二リ炒

A-dao 2 đồng

土貝母一リ半姜炒

Bối-mẫu 1 đồng rưỡi

桔更三リ

Kết-cánh 3 đồng

生草二リ

Sinh-thảo 2 đồng

五味十粒炒

Ngũ-vị 10 hạt

茯苓三リ

Phục-linh 3 đồng

紫苑二リ

Tử-uyên 2 đồng

知母二リ半

Tri-mẫu 1 đồng rưỡi

加 白芷二リ

Gia: Bạch-chỉ 2 đồng



皂角丸

Tạo - dác hoàn

Tạo-dác 2 lạng sao cháy (皂角二兩炒焦)

Tán bột luyện mật viên bằng bột đậu nhỏ. Mỗi bận uống 3 viên. Thang bằng táo-tàu sắc nước.

肺癰神方

Phế - ung thần phương

蛤蚧一雙酒炙 阿膠炒 鹿膠炒 犀角磨

Cáp-dới 1 đôi(bỏ dầu chân) A-dao, Lộc-dao, Tê-dác,

羚羊角磨 (各二り半)

Linh-dương-dác. (Đều 2 đồng rưỡi)

Sắc bằng nước sông; hai thứ sừng phải mài.

又方

Lại bài nữa

玄参八り

Huyền-sâm 8 đồng

天明四り炒

Thiên-môn 4 đồng

桔梗二り

Kết-cánh 2 đồng

炙甘草一り

Chích-thảo 1 đồng

Đồ nước dây đun cạn một nửa thêm:

蒲公英二り

Bồ-công-anh 2 đồng

金銀花二り

Kim-ngân-hoa 2 đồng

Lại cùng sắc nước uống. Như mới phải thời tiêu vỡ rồi thời khỏi.

又方

Lại bài nữa

黃芪一り炙

Hoàng-kỳ 1 đồng

白朮一り

Bạch-cập 1 đồng

金銀一り

Kim-ngân 1 đồng

陳皮一り二分炒

Trần-bì 1 đồng 2 phân

桔梗一り

Kết-cánh 1 đồng

薏苡五り炒

Ý-dĩ 5 đồng



甘草節一リ二分

Cam-thảo-tiết 1 đồng 2 phần

七貝母一リ六分姜炒

Thồ-bối-mẫu 1 đồng 6 phần

亭藟八分

Đình-lich 8 phần

生姜三片

Sinh-khương 3 nhát

Mọi phải bỏ Hoàng-kỳ (黃芪).

Đã vỡ, gia : Dương-sâm 2 đồng (洋參二リ姜炒).

Lâu không khỏi, gia : Vỏ cây Hồng-bụt 1 đồng (檳榔皮一リ)
hoặc dùng vỏ cây Dạ-hợp cũng được (夜合樹皮)

又方

Lại bài nữa

Ý-dĩ 4 lạng tán bột, sắc gạo nếp làm thang hòa uống. Hoặc nấu cháo Ý-dĩ mà ăn.

又方

Lại bài nữa

Vỏ cây Dạ-hợp (夜合樹皮) Bạch - liễm (白蒺)

Hai vị bằng nhau sắc nước uống.

肺痿

35. — Phễ - nuy

Chứng phễ nuy là buồng phổi khô héo, bởi vì phễ ung vỡ rồi, lâu mãi không khỏi, ho ra máu mủ tanh bối trong ngực chương đầy hóa ra thở lảm, ăn uống kém đi, không ngủ được, đồ nhiều mồ-hôi, ghê sốt, ghê rét, hình thể gầy mòn cổ đau, mất tiếng là chứng nguy lắm dùng Qua-lâu-nhân 20 hột, (瓜蒌仁廿粒) Hạnh-nhân 20 hột (杏仁廿粒). Bao đất ngoài nung đỏ cho hết khói lấy ra để nguội bỏ đất ngoài đi thêm Xuyên-bối-mẫu 20 hột (川貝母廿粒).

Cùng tán bột, mỗi bận uống 2 đồng hòa mật ong, thang bằng bắc.



薏苡散

Ý - dĩ tán

當歸

Đương-quý

黃芩

Hoàng-cầm

百部

Bách-bộ

五味九粒炒

Ngũ-vị 9 hột

白芍炒

Bạch-thược

麥門炒

Mạch-môn

(各二リ)

(Đều 2 đồng).

生姜三片

Sinh-khương 3 nhát

沙參炒

Sa-sâm

桑皮炒

Tang-bì

黃芪炙

Hoàng-kỳ

薏苡炒

Ý-dĩ

人參養肺湯

Nhân - sâm dưỡng phế thang

沙參三リ炒

Sa-sâm 3 đồng

茯苓二リ

Phục-linh 2 đồng

杏仁二リ

Hạnh-nhân 2 đồng

枳寔五分炒

Chi-thực 5 phân

阿膠二リ炒

A-dao 2 đồng

五味九粒炒

Ngũ-vị 9 hột

前胡一リ

Tiền-hồ 1 đồng

土貝母二リ姜炒

Bối-mẫu 2 đồng

桑皮二リ炒

Tang-bì 2 đồng

桔梗二リ

Kết-cánh 2 đồng

炙草一リ

Chích-thảo 1 đồng

Một thứ phế nuy thuộc hàn, mạch thời trầm yếu, chóng mặt mà không khát nước dùng thang *Lý-trung*.

理中湯

Lý - trung thang

党参五リ姜炒

Đảng-sâm 5 đồng

炙草一リ半

Chích-thảo 1 đồng rưỡi

白朮三リ土炒

Bạch-truật 3 đồng

乾姜二リ炒

Can-khương 2 đồng



血 症 論 治

Huyết chứng luận trị

Hết thầy các chứng thất huyết thời không giống nhau mà phép chữa cũng chẳng khác. Khi huyết động lên mà đi trái đường kinh mạch là nhân tại hỏa cùng khi mà thôi. Song mà hỏa có thịnh suy khí có hư thực phải xét kỹ mà dùng thuốc bổ tả. Khi mới phải bởi vì nhọc mệt động hỏa khí nghịch huyết theo trước phải dùng thuốc thanh giáng để chấn áp rồi lại xét xem như âm hư thì phải bổ dùng những vị thuần hòa, khí hư thời phải bổ dùng những vị cam ôn, còn những vị cay đẳng quá thời không nên dùng như thế mới là ổn đáng.

吐 血

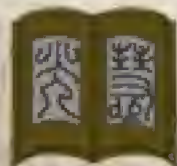
36. — Thở - huyết

Chứng thở huyết đều bởi hỏa thịnh mà bức máu đưa ngược lên; hỏa thịnh vừa dùng thang *Tế-dắc địa-hoàng* ở số 21 *THI-QUYẾT* hoặc bài *Thanh-hóa-âm* ở số 26 *HÀN-NHIỆT*; hỏa thịnh lắm dùng bài *Trừu-tân-âm* cũng ở số 26, bài *Hoàng-liên-giải-độc* cũng ở số 26 nhược bằng vị hỏa nóng lắm, thì khát nước, rức đầu dùng thang *Bạch-hồ* ở số 26 *HÀN-NHIỆT* bài *Ngọc-nữ-tiên* ở số 3 *THƯƠNG-HÀN*. Nhược bằng thở huyết nhiều quá ra cả mũi, chảy như nước suối thì nguy lắm dùng *Độc-sâm-thang* ở số 4 *TRÚNG-PHONG*, hoặc là dùng *Dương-sâm* 1 lượng tán nhỏ thêm bột ngó - sen 3 đồng, hoặc là bột sắn 3 đồng quấy như hồ loãng cho uống nhược bằng thở huyết mãi không thôi cho uống nước tiểu trẻ con 1 chén, hoặc dùng bài *Hoa-nhị-thạch-tán*; hoặc dùng là *Trắc-bách-diệp* cho đồng tiện vắt lấy nước, thêm 3 giọt rượu cho uống.

Một thứ thở huyết phiền táo muốn mát, lại khát nước, đau cổ tiểu-tiên đỏ, đại-tiên rắn dùng bài *Nhi-âm-tiên* ở số 1 *NỘI-THƯƠNG*, bài *Gia-giảm-nhất-âm* ở số 10 *CHƯ-HƯ-CHUNG*.

Một thứ thở huyết nhân có lao thương không phải hỏa động, không phải khí nghịch ấy là chân âm hư dùng bài *Nhất-âm-tiên*, bài *Lục-vị-hoàn* ở số 10 *CHƯ-HƯ-CHUNG*.

Một thứ uống rượu nhiều quá mà thở huyết dùng thang *Tỉ-tán-âm* ở số 26 *HÀN-NHIỆT*, bài *Cát-hoa-giải-tĩnh* gia *Hoàng-liên* 2 đồng *Mẫu-đơn* 2 đồng ở số 16 *TỬU-QUYẾT*.



Một thứ dân uất thương can mà thổ huyết dùng bài *Hóa-can-tiên*, bài *Thanh-hóa-âm* gia *Chi-tử* 2 đồng ; hai bài này đều ở số 26 HÀN-NHIỆT.

Một thứ lo nghĩ quá sức thương tổn tâm tỳ mà thổ huyết dùng bài *Ngũ-âm-liên*, thang *Quy-lý* đều ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG-BIỆN.

Một thứ dâm dục quá lắm âm thịnh cách dương mà thổ huyết, mạch trầm, chân tay lạnh dùng bài *Chấn-âm-liên* ở số 17 SẮC-QUYẾT bài *Bát-vị-hoán* ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG.

Một thứ nhân nằng lắm mà thổ huyết dùng bài *Sinh-mạch-tán*, bài *Hoàng-liên-hương-nhu* ở số 7 THƯƠNG-THỦ.

Một thứ thổ ra huyết đen, tỳ dương hư dùng thang *Lý-trung* ở số 1 NỘI-THƯƠNG, tỳ âm hư dùng bài *Lý-âm-tiên* ở số 3 THƯƠNG-HÀN. NƯỚC BẮNG HUYẾT ĐEN THÀNH CỤC dùng thang *Tứ-vật* ở số 1 NỘI-THƯƠNG gia *Hương-phụ*, *Nhục-quế*, *Tô-mộc*, *Hồng-hoa*. Những chứng thổ huyết lâu không khỏi dùng bài *Ngẫu-liệt-tán*, *Thập-hối-tán*, bài *Hoa-nhị-thạch-tán*, bài *Huyết-chứng-thần-phương*.

列 方

Liệt các bài thuốc

花 蕊 石 散

Hoa - nhị - thạch tán

花 蕊 石 三 月 燉

Hoa-nhị-thạch 3 lạng, nung cho đỏ để nguội, tán bột mỗi bận uống 3 đồng; hòa đồng tiền (là nước tiền trẻ con) hâm nóng uống. Đạn ông thêm 5 giọt rượu. Đạn bà thêm 10 giọt giấm thanh.

藕 節 散

Ngẫu - tiết tán

藕 汁 生 地 汁 大 薊 汁 各 一 碗

Nước ngó-sen, nước sinh-dịa, nước đại-kế (Đều 1 chén (3 vị ấy dầm ra cho thêm nước vào vắt lấy nước) Mật ong 5 lạng hòa lẫn hâm nóng, mỗi bận uống 1 chén nhỏ.



十 灰 散

Thập - hôi tán

大 薊 小 薊 栢 葉 荷 葉 茅 根 茜 根
Đại-kế, Tiểu-kế, Bạch-diệp, Hà-diệp, Mao-căn, Thiến-căn,
梔 子 牡 丹 川 大 黃 棕 櫚 皮
Chi-tử, Mẫu-dơn, Đại-hoàng, Tung-lư-bì

Các vị bằng nhau sao cháy tán bột, mỗi bận uống 2 đồng dùng Ngẫu trấp (là nước ngó sen), La-bặc-trấp (là nước củ cải) và nước mực tàu hòa lẫn mà uống. Mùa không củ cải lấy hột dâm ra cho nước vào vắt lấy nước.

血 症 神 方

Huyết chứng thần phương

Là hẹ tươi, ngó sen, lá sen tươi, lá trắch-bách-diệp tươi, củ sinh-địa 5 thứ bằng nhau dã cho nhỏ, thêm nước vào rồi vắt lấy nước, hâm nóng cho thêm hai ba mươi giọt nước mực tàu, uống độ 1 chén.

Như khi thổ huyết sắc thuốc chữa kịp dùng quy-thân 3 đồng nhai nhỏ mà nuốt, thời cũng chỉ được huyết.

衄 血

37. — Nục - huyết

Chứng nục huyết là chứng đờ máu mũi thường gọi là đờ máu cam bởi vì trong bụng lửa nóng phần nhiều ở kinh dương-minh (dạ-dầy) phải giáng hỏa thanh nhiệt làm chủ, nếu nóng ít dùng bài Thanh-hóa-âm, thang Tế-dác-địa-hoàng nóng lắm dùng bài Trừu tán-âm, bài Thiến-căn-thang, bằng có rừc dầu khát nước dùng thang Bạch hồ, bài Ngọc-nữ-tiên hoặc nóng quá mà đại tiện táo kết dùng thang Bạt-tụy-tế-dác-địa-hoàng.

Một thứ máu cam nhân ngoại cảm thời có phát sốt tả ở kinh thái-dương dùng thuốc phát tán cho ra mồ-hôi thời máu cam khỏi, phải theo mục Thương-hàn số 3 mà chữa.

Một thứ máu cam nhân nội-thương bởi vì nhọc mệt quá và sự tửu sắc điều là chứng âm hư dùng bài Nhất-âm-tiên, bài Lục-vị-hoàn.



止衄法 Phép chỉ nục

Như máu cam ra nhiều quá dùng củ tỏi đâm ra nặn bằng đồng tiền dày 1 phân, dán vào gan bàn chân. Lỗ mũi bên tả chảy máu thời dán vào bên hữu; lỗ mũi bên hữu chảy máu thời dán bên tả. Hai lỗ cùng chảy dán cả vào hai bên.

Lại dùng hoa thạch lựu và rêu tường, nút lỗ mũi, nước ngó sen hoặc nước củ cải, nước lá xa-tiên rửa vào lỗ mũi, vị long-cốt nung đỏ, hương sen khô đốt cháy đều tán bột thổi vào lỗ mũi; hoa cỏ danh sắc nước uống; than nhỏ chảo hòa nước uống.

Hoặc dùng sợi chỉ buộc ngón tay giữa, đốt thứ hai chỗ khớp, lỗ mũi bên tả buộc tay bên hữu lỗ mũi bên hữu buộc tay bên tả. Hai bên cùng chảy thì buộc cả hai. Hoặc dùng một nắm rêu tường dịt vào trên thóp, ấn thóp vào vách một chốc thời khỏi ngay.

Hoặc lấy máu cam người bệnh, vẽ giấy chấm máu rồi chấm vào đầu con mắt tả lưu điểm hữu, hữu lưu điểm tả, hai bên điểm cả hai.

Hoặc dùng lá hẹ một nắm đâm vắt lấy nước, hâm nóng cho uống.

Hoặc dùng nồi đất cũ hơ lửa cho ngửi.

衄血不止 Nục huyết bất chỉ

Như chứng đờ máu mũi mãi không cầm được dùng một sợi bắc tằm dầu chàm lửa đốt vào huyết *Thiền-thương* cầm lập tức. Huyết ấy ở bên trong đầu ngón tay cái chỗ cạnh móng. Bên tả chảy đốt tay bên tả; bên hữu chảy đốt tay bên hữu phép này bên nào đốt bên ấy. Hai bên cùng chảy đốt cả hai. Nhược bằng nửa giờ lại chảy lại cứ huyết ấy đốt lại, nhược bằng nồi phồng bọc nước, nhể nước ra lại đốt sau cho uống bài *Ngái-bách-âm*: bài này uống 2, 3 thang khỏi tiết hẳn không bao giờ phát nữa, thực là hiệu nghiệm lắm; hoặc dùng bài *Tứ-sinh-hoàn* cũng hiệu lắm.



七 竅 出 血

Thất khiếu xuất huyết

Như tai, mắt, mồm, mũi đều chảy máu cả, bệnh ấy gọi là: thương hư hạ kiệt, một chốc thời nguy, không kịp dùng thuốc; lấy nước lã phun vào mặt vài ba hùm, lại rẽ tóc ra phun vào đầu, nhước bằng không có tóc lấy giấy dơm đắp nước đắp vào thóp, khỏi rồi cho uống bài *Bồ-huyết-thang*, nhước bằng trứng độc mà thất khiếu xuất huyết dùng *Thích-vị-bì* (刺蝟皮) là da con dím đốt cháy tán bột hòa rượu uống 3 đồng.

列 方

Liệt các bài thuốc

Tê-dác địa-hoàng ở số 21 THI-QUYẾT.

Thanh-hóa âm Bạch-hồ thang. Nhất-âm tiên. Lục-vị hoàn đều ở số 26 HÀN-NHIỆT.

Ngọc-nữ tiên ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

茜 根 散

Thiên - căn tán

茜 根 二 升
Thiên-căn 2 đồng

阿 膠 二 升 炒
A-dao 2 đồng

生 地 二 升
Sinh-địa 2 đồng

栝 葉 二 升
Trắc-bách-diệp 2 đồng

黃 芩 二 升 炒
Hoàng-cầm 2 đồng

生 草 七 分
Sinh-thảo 7 phân

援 萃 犀 角 地 黃 湯

Bạt tụy tê - dác - địa - hoàng thang

犀 角 二 升 磨
Tê-dác 2 đồng

生 地 三 升
Sinh-địa 3 đồng

黃 芩 一 升
Hoàng-cầm 1 đồng

川 黃 連 一 升
Hoàng-liên 1 đồng

川 大 黃 三 升 煨
Đại-hoàng 3 đồng



艾 栢 飲

Ngải - bách ẩm

| | | |
|------------------------------------|---------------------|------------------|
| 艾 葉 一 升 半 | 淮 山 二 升 炒 | 生 地 五 升 |
| Ngải-diệp 1 đồng rưỡi | Hoài-sơn 2 đồng | Sinh-địa 5 đồng |
| 牡 丹 一 升 半 炒 | 山 茱 一 升 半 酒 炒 | 蓮 肉 二 升 炒 |
| Mẫu-đơn 1 đồng rưỡi | Sơn-thù 1 đồng rưỡi | Liên-nhục 2 đồng |
| 栢 子 仁 一 升 半 去 油 | 澤 左 一 升 盞 炒 | |
| Bách-tử-nhân 1 đồng rưỡi | Trạch-tả 1 đồng | |
| 生 荷 葉 一 張 (枯 不 用) | | |
| Lá-sen-tươi 1 tàu (Khô không dùng) | | |

四 生 丸

Tứ - sinh hoàn

| | | | |
|--------------|------------------------------------|-------------------------|-------------|
| 生 地 | 生 艾 葉 | 生 栢 葉 | 生 荷 葉 |
| Sinh-địa, | Lá-ngải tươi, | Lá-trắc-bách-diệp tươi, | Lá-sen tươi |
| (各 五 升) | | | |
| (Đều 5 đồng) | Đâm làm viên, mỗi bận uống 3 đồng. | | |

補 血 湯

Bổ - huyết thang

| | | |
|------------------|----------------------|-------------------|
| 黃 芪 一 兩 炙 | 當 歸 五 升 | 沈 香 五 分 磨 |
| Hoàng-kỳ 1 lượng | Đương-quy 5 đồng | Trầm-hương 5 phân |
| 水 煎 服 | 加 童 便 一 盃 | |
| Sắc nước uống, | hòa đồng tiện 1 chén | |

咳 血

38. — Khái - huyết

Chứng khái-huyết là ho ra máu, máu ấy ở trong tạng cho nên ho mãi mới ra máu. thực là bệnh nội-thương đã quá lắm. Song mà chứng khái huyết với thẩu huyết thực không giống nhau phải chia ra làm hai thứ mà chữa.



Một thứ khái huyết ít dờm bởi vì tân dịch khô mà ho lâu mới thấy huyết nên bổ thận nhuận phế dùng bài *Tứ-âm-tiên*, bài *Lục-vị-hoàn* cho uống.

Một thứ thấu huyết dờm nhiều bởi vì nước ứa lên thời ho chóng thấy huyết ngay. Phải ôn thận bổ tỳ dùng bài *Song-bổ-tỳ-thận-hoàn*, thang *Toàn-chân-nhất-khí*.

Xét xem chứng khái huyết cũng là bệnh lao bởi vì sự tửu sắc quá lắm cho nên dờm có khái huyết, phải nên khi mới ho trị trước đi như dùng bài *Nhất-âm-tiên*, *Tam-lai-hoàn*, bài *Tứ-âm-tiên*, bài *Lục-vị-hoàn*. Hoặc như có lửa nóng thời thêm một ít Hoàng-cầm, Hoàng-liên : phải ăn uống kiêng khem cẩn thận mới khỏi được

列 方

Liệt các bài thuốc

四 陰 煎

Tứ - âm tiên

熟地五リ

Thục-dịa 5 đồng

白芍二リ 炒

Bạch-thược 2 đồng

炙草一リ

Chích - thảo 1 đồng

加 牛 必

Gia : Ngưu-tất

麥門三リ 炒

Mạch-môn 3 đồng

百合二リ 炒

bách-hợp 2 đồng

沙参三リ 姜 炒

Sa-sâm 3 đồng

茯苓二リ

Phục-linh 2 đồng

桑皮 炒

Tang-bì

阿 膠

A-dao

(各二リ)

(Đều 2 đồng).

六 味 丸

Lục - vị hoàn

熟地八リ

Thục-dịa 8 đồng

茯苓三リ

Phục-linh 3 đồng

淮山四リ 炒

Hoài sơn 4 đồng

澤左一リ 鹽 炒

Trạch-tả 1 đồng

牡丹三リ 炒

Mẫu đơn 3 đồng

(去山茱)

(bỏ Sơn-thù đi)

加 麥門三リ 炒 牛 必 白芍炒 黑 阿 膠 炒

Gia : Mạch-môn 3 đồng Ngưu-tất Bạch-thược A-dao

(各二リ)

(Đều 2 đồng)



双補脾腎丸

Song bổ tỳ thận hoàn

熟地 六リ

Thục-dịa 6 đồng

牡丹 二リ 炒

Mẫu-dơn 2 đồng

兎絲 三リ 製

Thỏ ty 3 đồng

淮山 四リ 炒

Hoài-sơn 4 đồng

茯苓 三リ

Phục-linh 3 đồng

破故 一リ 炒

Phá-cổ 1 đồng

山茱 五分 炒

Sơn-thù 5 phân

澤左 一リ 盞 炒

Trạch-tả 1 đồng

加 杜仲 三リ 盞 炒 續斷 二リ 炒 阿膠 二リ 炒

Gia Đỗ-trọng 3 đồng Tục-doạn 2 đồng A-dao 2 đồng

全真一氣湯

Toàn-chân-nhất-khí thang

熟地 六リ

Thục-dịa 6 đồng

麥門 三リ 炒

Mạch-môn 3 đồng

五味 十粒

Ngũ-vị 10 hạt

白朮 三リ 土 炒

Bạch-truật 3 đồng

牛必 二リ

Ngưu tất 2 đồng

党参 五リ 姜 炒

Đảng-sâm 5 đồng

製附 五分

Chế-phụ 5 phân

加 破故 一リ 炒 栝葉 二リ 炒

Gia: Phá-cổ 1 đồng Trắc-bách-diệp 2 đồng

一陰煎

Nhất âm tiên

熟地 五リ

Thục-dịa 5 đồng

麥門 二リ 炒

Mạch-môn 2 đồng

炙草 一リ

Chích-thảo 1 đồng

生地 二リ

Sinh-dịa 2 đồng

丹参 二リ

Đan-sâm 2 đồng

白芍 二リ 炒

Bạch-thược 2 đồng

牛必 二リ

Ngưu-tất 2 đồng

三才丸

Tam-tài hoàn

熟地 八リ

Thục-dịa 8 đồng

沙参 六リ 姜 炒

Sa-sâm 6 đồng

麥門 四リ 炒

Mạch môn 4 đồng

加 梨漿 一盃 藕汁 一盃

Gia Lê-tương 1 chén Ngẫu-trấp 1 chén



咯 血

39. — Khác - huyết

Chứng khác huyết là khạc ra máu bởi mẩn ở trong cổ khạc một cái ra ngay, không có sự ho thở nóng sốt thời là bình nhẹ.

Một thứ nhân lửa nóng mà khạc ra máu nên thanh lý phế dùng bài *Thanh-hóa-âm*, hoặc bài *Tứ-âm-tiên* thêm hoàng-cầm hoàng-liên đều 1 đồng. Nhược bằng mỗi một mà khạc ra huyết dùng bài *Lục-vị-hoàn*, bài *Nhất-âm-tiên* gián phục thang *Quy-tỷ* thêm những vị chỉ huyết.

Một thứ sáng ngày mới dậy có nhoe ra máu, hoặc thành hòn, thành cục, bởi vì lo nghĩ uất kết hoặc tửu sắc quá độ, như mà không ho hắng thời không sợ, dùng bài *Thiên-vương-bổ-tâm* hoặc bài *Nhị-âm-tiên* sắc cho uống.

Quy-tỷ thang ở số 10 *CHƯ-HƯ-CHUNG*.

Nhị-âm tiên, *Thiên-vương-bổ-tâm* ở số 1 *NỘI-THƯƠNG*.

Thanh-hóa âm ở số 26 *HÀN-NHIỆT*.

Nhất-âm tiên, *Tứ-âm tiên*, *Lục-vị hoàn* đều ở số 38 *KHÁI-HUYẾT*.

止 血 藥

Chỉ huyết dược

阿膠炒 白芍炒黑 地榆 荆芥炒黑 續斷 栝葉

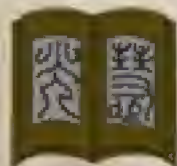
白芨 蓮藕

A-dao, Hắc-thược, Địa-du, Kinh-giới, Tục-đoạn, Bách-diệp, Bạch-cập, Liên-ngẫu

溺 血

40. — Niệu - huyết

Chứng niệu-huyết là đi tiểu ra máu, huyết ấy ra có ba thứ: hai thứ ở niệu không ra, một thứ ở tinh không ra.



Một thứ huyết ở niệu-không từ bong-bóng mà ra thì gần lúc đi tiểu thì tức mà đau, nước tiểu đỏ có máu ấy là hạ tiểu hỏa thịnh hóa ra thể phải thanh hỏa ở bàng-quang dùng bài *Thanh-niệu tán* hoặc dùng bài *Thất-chính tán*, bài *Đại-phân-thánh ẩm*, bài *Ngũ-lâm tán*.

Một thứ huyết ở niệu - không từ ruột non mà xuống thì xa khi đi tiểu không đau mà máu theo nước tiểu ra hoặc có đau âm ỷ ở trên rốn hoặc có nóng ở trong tạng phủ dùng bài *Lục-đậu ẩm* hoặc bài *Trừu - tả ẩm* bỏ hoàng-bá, thêm hoàng-liên hoặc dùng bài *Bát-chính tán*.

Một thứ huyết ở tinh-không, từ tinh cung huyết hải mà ra, gốc ở mệnh-môn bởi vì lao thương mà động huyết thời huyết ở tinh-không mà ra, phải biện bạch cho rõ Bệnh ở bàng-quang thì huyết theo niệu-không mà ra, đau ở ngọc-bành là đau ở ngoài, bệnh ở mệnh-môn thời huyết theo tinh-không mà ra đau ở bụng dưới chỗ tinh xuất là đau ở trong. Nhược bằng hỏa thịnh dùng bài *Tư-âm bát-vị* gia thiển-căn, hột-hoa, cốt-bì, sinh-địa đều 2 đồng Nhược bằng hỏa suy thời sợ lạnh mà đi rửa lỏng dùng bài *Bát-vị hoán* hoặc bài *Hữu-quy-ẩm* đều thêm tục-đoạn, bạch-diệp đều 2 đồng, ngũ-vị 10 hột.

列 方

Liệt các bài thuốc

清 濁 散

Thanh - niệu tán

生地三リ 白芍二リ炒 牛必二リ 梔子二リ炒
知母二リ 麥牙二リ炒 竜胆一リ 黄伯一リ炙
木通一リ 左澤一リ炒

加 防 己 二 リ

Sinh-địa 3 đồng, Bạch-thược 2 đồng, Ngưu-tất 2 đồng, Chi-tử 2 đồng, Tri-mẫu 2 đồng, Mạch-nha 2 đồng, Long-dởm 1 đồng, Hoàng-bá 1 đồng, Mộc-thông 1 đồng, Trạch-tả 1 đồng.

Gia: Phòng-kỷ 2 đồng



七 正 散

Thất - chính - tán

車前 木通 赤苓 梔子炒 龍胆 扁蓄 生草稍

(各二リ) 加 燈心一束 竹葉十片

Xa-tiên, Mộc-tông, Xích-linh, Chi-tử, Long-dõm, Biền-súc, Sinh-thảo sao (Đều 2 đồng).

Thêm 1 con bắc, 10 lá Trúc-diệp

五 淋 散

Ngũ - lâm - tán

赤苓二リ 赤苓二リ 梔子二リ炒黑 木通一リ半

滑石一リ半 生草一リ半 茵陳一リ 竹葉十片

Xích-thược 2 đồng, Xích-linh 2 đồng, Chi-tử 2 đồng, Mộc-thông 1 đồng rưỡi, Hoạt-thạch 1 đồng rưỡi, Sinh-thảo 1 đồng rưỡi, Nhân-trần 1 đồng, Trúc-diệp 10 lá.

八 正 散

Bát - chính - tán

車前炒 木通 滑石 梔子炒黑 麥芽炒黑 扁蓄

生草 大黃煨 (各二リ)

Xa-tiên, Mộc-thông, Hoạt-thạch, Chi-tử, Mạc - nha, Biền-súc, Sinh-thảo, Đại-hoàng (Đều 2 đồng).

Đại-phân-thanh, Trừu-tân-âm, Hữu-quy-âm, Tư-âm-bát-vị đều ở số 26 HÂN-NHIỆT.

Lục-đậu-âm : (lộc đậu xanh mà ăn).

便 血

41. — Tiện - huyết

Chứng tiện-huyết là đi đại-tiện ra huyết; phần nhiều lửa nóng ở trong ruột huyết ra trước gọi là tràng-phong, huyết ra sau gọi là tạng-dộc.



Những chứng huyết vọng hành phần nhiều thuộc về hỏa, cũng có tý, vị hư tổn mà không nhiếp được huyết, lại có khí hư hãm mà huyết cũng bãm, cũng có bình đi đường tiết mãi không khỏi mà động đến huyết, cũng có phong-tà kết vào âm-phần mà tiện-huyết, phải xét xem các chứng hư thực thế nào mà dùng thuốc.

Một thứ nhân lửa nóng mà hạ huyết, dùng bài *Ước-doanh-tiên* hoặc bài *Địa-du tán*, bài *Hỏa-hoa tán*; nhược bằng nóng quá dùng bài *Triều-tân ẩm*, bài *Hoàng-liên giải độc thang*.

Một thứ đại tràng phong nhiệt mà hạ huyết không khỏi dùng bài *Phòng-phong hoàng-cầm*, nhược bằng chứng tạng độc mà hạ huyết lâu không khỏi dùng bài *Tạng-liên hoàn*, bài *Chư-tạng hoàn*.

Một thứ tý, vị khí hư mà hạ huyết, hoặc có lợm đọng nôn mửa dùng bài *Thọ-tý tiên*, bài *Dương-trung-tiên*, nhược bằng khí hư hạ hãm mà huyết không khỏi, dùng thang *Bổ-trung-ích-khi* bài *Cử-nguyên tiên*.

Một thứ đau ốm đã lâu, già cả yếu đuối mà hạ huyết không khỏi dùng bài *Thắng-kim hoàn*, bài *Hương-mai hoàn*.

Một thứ kết âm mà tiện - huyết bởi cảm gió lạnh kết vào âm-phần không phải như chứng thương hàn dùng bài *Bình-vị-địa-du*.

Một thứ nhân uất nộ thương can mà tiện-huyết dùng bài *Hóa-can tiến* thang *Hoàng-cầm thực-dược*.

Một thứ nhân tửu độc thấp nhiệt kết vào đại-tràng mà tiện huyết dùng bài *Tụ-kim hoàn*, bài *Hỏa-giác hoàn*, nhược bằng hàn thấp trong bụng lạnh mà tiện huyết dùng bài *Nhị-truật-tiên* hoặc thang *Tứ-quán-tứ* hay là thang *Cát - hoa - giải - tỉnh* càng tốt lắm.

Một thứ nhân nội - thương nhọc mệt mà tiện huyết thời có nôn mửa, đau bụng đi rữa, ghê sốt ghê rét, ăn uống chẳng ngon, hoặc uống nhầm thuốc hàn lương thời nguyên khí hư mà hạ huyết đen thời nguy lắm phải cho ôn bổ dùng thang *Tứ-vị-hồi-dương* hoặc bài *Lục-vị hồi-dương* đề cứu đó.

列 方

Liệt các bài thuốc



約 營 煎

Ước - doanh - tiên

生地三リ 白芍二リ 續斷二リ炒 地榆二リ
槐花一リ半 荆芥一リ炒黑 黃芩一リ半
生草八分 烏梅二葉

Sinh-địa 3 đồng, Bạch-thược 2 đồng, Tục-đoạn 2 đồng, Địa-du 2 đồng, Hòe-hoa 1 đồng rưỡi, Kinh-giới 1 đồng, Hoàng-cầm 1 đồng rưỡi, Sinh-thảo 8 phân, Ô-mai 2 quả.

地 榆 散

Địa - du tán

地榆 黃連 茜根 黃芩炒 茯苓 梔子炒黑
(各二リ)

Địa-du, Hoàng-liên, Thiến-căn, Hoàng-cầm, Phục-linh, Chi-tử đều 2 đồng.

槐 花 散

Hòe - hoa tán

槐花炒 栝葉炒 荆芥炒黑 枳壳炒 (各三リ)

Hòe-hoa, Bạch-diệp, Kinh-giới, Chi-xác (đều 3 đồng).

Tán bột mỗi bữa uống 2 đồng.

防 風 黃 芩 丸

Phòng - phong hoàng - cầm hoàn

防風二兩 黃芩二兩

Phòng-phong 2 lượng Hoàng-cầm 2 lượng

Tán bột luyện hồ làm viên mỗi bữa uống 3 đồng.

臙 連 丸

Tạng-liên hoàn

黃連四兩 槐花一兩 枳壳五リ炒 防風 粉甘艸

槐角炙 牙皂每燒 木香 (各二リ半)

Hoàng-liên 4 lạng, Hòe-hoa 1 lạng, Chỉ-xác 5 đồng, Phòng-phong, Cam-thảo, Hòe-dác, Nha-tạo-dác, Mộc-hương (đều 2 đồng rưỡi).

Cùng tán bột để riêng ra; Lại dùng gạo trần-mễ 2 lạng, Hương-phụ 3 đồng (陳米二合炒 香附三リ炒) đều tán bột, dùng ruột già lợn 1 thước rửa sạch bỏ trần-mễ, hương-phụ vào thắt chặt lại, bỏ nồi ninh rừ đem ra giã nhỏ hợp với các vị kia, luyện làm viên, mỗi bận uống 3 đồng, thang bằng nước cơm.

猪 膽 丸

Chư-tạng hoàn

Dùng một khúc ruột già lợn thối phồng lên rồi phơi khô; lấy hòe-hoa 4 lạng (槐花四兩) sao vàng tán bột bỏ vào cái ruột già ấy rồi thắt hai đầu lại cho vào nồi đồ giấm thanh vào ninh rừ đem ra giã nhỏ luyện bột bánh khảo làm viên, mỗi bận uống 3 đồng.

壽 脾 煎

Thọ-tỳ tiên

党参三リ姜炒 白朮二リ土炒 當歸二リ
淮山二リ炒 棗仁一リ半炒黑 乾姜一リ炒
炙艸一リ 遠志五分製 蓮肉十粒炒
加 烏梅二果 地榆二リ

Đảng-sâm 3 đồng, Bạch-truật 2 đồng, Đương-quy 2 đồng, Hoài-sơn 2 đồng, Tảo-nhân 1 đồng rưỡi, Can-khương 1 đồng, Chỉch-thảo 1 đồng, Viên-chi 5 phân, Liên-nhục 10 hạt.

Gia: Ô-mai 2 quả, Địa-du 2 đồng.

羣 元 煎

Cử-nguyên tiên

党参五リ姜炒 黃芪三リ炙 白朮二リ土炒
升麻一リ 炙草一リ

Đảng-sâm 5 đồng, Hoàng-kỳ 3 đồng, Bạch-truật 2 đồng, Thăng-ma 1 đồng, Chỉch-thảo 1 đồng.



勝金丸

Thắng - kim hoàn

Bách-độc-tiên 3 lạng (百藥煎三兩) 1 lạng đề sống, 1 lạng sao vàng, 1 lạng sao đen. Tán bột luyện hồ làm viên, mỗi bữa uống 3 đồng. Sắc Dương-sâm 3 đồng làm thang.

香梅丸

Hương - mai hoàn

百藥煎炒焦 烏梅 白芷 (各一兩)

Bách-độc-tiên, Ô-mai, Bạch-chỉ (đều 1 lạng)

Tán bột luyện hồ viên, mỗi bữa uống 3 đồng. Sắc Dương-sâm 3 đồng làm thang.

平胃地榆湯

Bình - vị - địa - du thang

蒼朮製 厚樸炒 陳皮炒 炙艸 党參姜炒

白朮土炒 茯苓 白芍炒 當歸 升麻 葛根

神曲 乾姜炒 香附 (各一兩) 地榆二兩 生姜三片

Xương-truật, Hậu-phác, Trần-bì, Chích-thảo, Đảng-sâm, Bạch-truật, Phục-linh, Bạch-thược, Đương-quy, Thăng-ma, Cát-căn, Thần-khúc, Can-khương, Hương-phụ (đều 1 đồng). Địa-du 2 đồng, Sinh-khương 3 nhát. (Sắc nước uống)

二朮煎

Nhi-truật tiên

白朮三兩土炒 蒼朮製 白芍炒 茯苓 (各二兩)

陳皮一兩半炒 澤左一兩半鹽炒 厚樸 一兩

乾姜一兩炒 炙草一兩 木香五分

Bạch-truật 3 đồng, Xương-truật, Bạch-thược, Phục-linh (đều 2 đồng), Trần-bì 1 đồng rưỡi, Trạch-tả 1 đồng rưỡi, Hậu-phác 1 đồng, Can-khương 1 đồng, Chích-thảo 1 đồng, Mộc-hương 5 phân. (Sắc nước uống)



黃芩芍藥湯

Hoàng - cầm thược - dược thang

黃芩二リ炒 白芍六リ 生草一リ

Hoàng-cầm 2 đồng, Bạch-thược 6 đồng, Sinh-thảo 1 đồng.

聚金丸

Tụ - kim hoàn

黃芩二兩 防風二兩 黃連四兩

Hoàng-cầm 2 lượng, Phòng-phong 2 lượng, Hoàng-liên 4 lượng (2 lượng đề sống, 2 lượng tẩm rượu sao vàng).

Cùng tán bột luyện hồ viên, mỗi bữa uống 2 đồng.

槐角丸

Hòe - dác hoàn

槐角炙 黃芩 地榆 當歸 防風 枳殼炒 (各五リ)

Hòe-dác, Hoàng-cầm, Địa-du, Đương-quy, Phòng-phong, Chỉ-xác (đều 5 đồng).

Tán bột luyện hồ viên, mỗi bữa uống 2 đồng.

Dưỡng trung-tiên, Bổ-trung-ích-khi, Tứ-quân-tử-thang đều ở số 10 CHƯ-HỮ CHỨNG.

Cát-hoa-giải-tĩnh ở số 16 TỬ-QUYẾT.

Hóa-can-tiên, Lục-vị-hồi-dương đều ở số 26 HÀN-NHIỆT

Tứ-vị-hồi-dương ở số 27 KINH-BÌNH.

齒 衄

42. — Xi - nục

Chứng xỉ nục là chân răng chảy máu, lại gọi là nha-tuyên, chứng này có phong ứng, vị nhiệt, thận hư 3 thứ:

Một thứ phong-ứng thời máu ra ít dùng bài Tiểu-phong-tán ngoài lấy Tế-tân, Ngũ-bội đẳng-phèn đều 3 phân (細辛, 五倍胆礬 (各三分) Tán bột xát vào.



Một thứ vị nhiệt thời huyết ra nhiều quá, chỉ người hay uống rượu thường có bệnh ấy dùng bài *Thanh-vị-tán*,

Một thứ thận hư thời thỉnh-thoảng huyết ra một vài giọt mà răng thì đau. Những người nhiều dâm dục hay có bệnh ấy dùng bài *An-thận-hoàn*, nước bằng âm hư cực nhiệt, máu ra mãi không thôi, bằng không trị ngay thời nguy dùng bài *Lục-vị-hoàn* khứ Sơn-thủ, thật là thần phương, ngoài dùng bã-dậu-phụ đắp vào.

Một thứ tất cả hai hàm răng cùng chảy máu, 3 chứng trước chỉ có một hai cái răng chảy máu mà thôi, chứng này là mẩu sãng xuất huyết, lúc có lúc không, phải dùng Cam-châu Khởi-tử (甘州杞子)

Tán bột sắc làm thang, súc miệng rồi nuốt đi, nước bằng chưa khỏi lại dùng bã-dậu đắp vào. Hoặc dùng củ cải ngâm vào mồm nhai, nóng thời lại nhả ra thay miếng khác.

消風散

Tiêu phong tán

沙參 姜炒 炙草 防風 川芎 姜活 荆芥
薄荷 蟬蛻 姜蚕 茯苓 (各二リ)

皮陳一リ炒 厚樸一リ炒

Sa-sâm, Chích-thảo, Phòng-phong, Xuyên-khang, Khương-hoạt, Kinh-giới, Bạc-bà, Thuyền-thuế, Khương-lâm Phục linh (đều 2 đồng) Trần-bì 1 đồng, Hậu-phác 1 đồng.

清胃散

Thanh-vị tán

生地三リ 川黃連二リ 升麻一リ 當歸一リ
牡丹一リ炒

加 白芍 梔子炒黑 石羔煨 (各二リ)

Sinh-địa 3 đồng, Hoàng-liên 2 đồng, Thăng-ma 1 đồng Đương-quy 1 đồng, mẫu-đơn 1 đồng.

Gia; Bạch-thược, Chi-tử, Thạch-cao (đều 2 đồng)



安 腎 丸

An - thận hoàn

淮山三リ炒 白朮三リ土炒 茯苓三リ 肉桂
川烏 菴蓉製 巴戟 破故炒 萆薢 石斛
白茯苓 (各一リ) 桃仁十粒

Hoài-sơn 3 đồng Bạch-truật 3 đồng, Phục-linh 3 đồng, Nhục-quế, Xuyên ô, Thông-dong, Ba-kích, Phá-cổ, Tỳ-giải, Thạch-hộc, Bạch-tật-lê (đều 1 đồng), Đào-nhân 10 hạt.

Tán bột luyện làm viên, mỗi bữa uống 3 đồng, thang bằng nước muối.

Lục vị hoàn ở số 26 HÀN-NHIỆT.

舌 衄

43. — Thiệt-nục

Chứng thiệt-nục là lưỡi chảy máu, trên lưỡi tự nhiên chảy máu như sợi chỉ, hoặc như lỗ dùi dùng Hương-nbu tươi đâm vắt lấy 1 chén nước ngày uống ba bữa, không có tươi dùng Hương-nbu khô 5 đồng sắc lấy 4 chén.

Bằng như trên lưỡi chảy máu phun ra nhiều, bôi tẩm-hỏa bốc lên dùng bài *Lục-vị-hoán*, khứ Sơn-thủ, gia Hòe-hoa 3 đồng, bài này ở số 26 HÀN-NHIỆT. Ngoài dùng nhỏ chảo nghiền nhỏ bôi vào. Hoặc dùng Mao-căn (茅根), Xa-liền (車前), Loạn-phát (亂髮) đốt cháy, cùng tán bột xát vào. Hoặc dùng Hoa-hồe sao khô tán bột rắc vào, hay dùng tóc rối đốt cháy tán bột hòa dấm thanh bôi vào.

癰 衄

44. — Cơ-nục

Chứng cơ-nục là ngoài da thịt có chảy máu, những chỗ chân lông chảy máu bởi vì lửa nóng uất ở trong nên khai uất thành nhiệt, tư âm giáng hỏa dùng bài *Gia-giảm-nhất-âm*



thêm Hoàng-cầm, Hoàng-liên đều 1 đồng, bài này ở số 10 CHƯ-VU-CHUNG-BIỆN; ngoài dùng miếng thịt lợn nạc dán vào, bì lợn cũng được, hoặc dùng vẩy té-tê sao vàng, tán bột rắc vào lấy vải buộc lại, rồi lại uống bài BỒ-huyết ở số 37 NỤC-HUYẾT. Hoặc dùng giấy bịt hũ rượu xé nhỏ đắp vào, hay dùng giấy thơm đốt ra than rắc vào.

Một thứ trước ngực có một lỗ thường chảy máu gọi là tâm-lậu dùng: Lộc-nhung 1 lạng 鹿茸一月酒炙 Phụ-tử-chế 3 đồng (製附三少)

Cùng tán bột, thêm tí muối, đâm tào-tàu luyện làm viên, mỗi bữa uống 3 đồng.

Một thứ trong tai chảy máu gọi là nhĩ huyết, dùng Long-cốt (龍骨) nung đỏ tán bột rắc vào hoặc là xác rắn đốt cháy tán bột rắc vào.

Một thứ trong rốn chảy máu dùng bài Lục-vị hoàn ở số 26 HÂN-NHIỆT khứ Sơn-thù (去山茱, gia Cốt-toái 2 đồng (加骨碎二少蜜炙) Lại dùng bắc tằm dầu đốt huyết thiếu-thương.

Một thứ đánh đập hoặc ngã chảy máu bị thương quá phải uống ngay một chén đồng tiện, ngoài dùng thịt lợn, vẩy té-tê hai phương ấy. Nhược bằng trong mồm có thổ huyết ra, dùng lá sen khô tán bột thang bằng nước chè, uống 1 đồng; lại dùng 1 bát nước đường trắng uống vào càng hay lắm, rồi lại dùng Tử-vật-thang ở số 1 NỘI-THƯƠNG; Gia: Hồng-hoa, Đào-nhân, Tô mộc (đều 1 đồng).

加 紅花 桃仁 蘇木 (各一少)

汗 症

45. — Hãn - chứng

Hãn chứng là đồ mồ-hôi. Mồ-hôi là nước trong quả tim cũng là huyết đỏ. Những khi thừ mà ra mồ-hôi gọi là tự hãn, những khi ngủ mà ra mồ-hôi gọi là đạo hãn (mồ-hôi trộm).

Tự hãn thuộc dương hư, đạo hãn thuộc âm hư ấy là phép dạy đại khái, đến như bệnh biến thời không nhất định phải xét xem trong mình hỏa thịnh đồ nhiều mồ-hôi là âm hư, trong mình lạnh mà có mồ-hôi là dương hư, như thế mới phải.

Một thứ chứng âm hư tự hãn hoặc đạo hãn có bệnh nóng sốt phiền khát hoặc đại-tiện táo, yếu lạnh, ghét nóng dùng



bài *Lục-vị-hoàn*, bài *Nhất-âm-tiến*. Nhược bằng tâm hỏa động mà phiền táo dùng bài *Chu-sa-an-thần hoản* bài *Thiên-vương-bồ tâm*.

Một thứ dương hư đạo hãn hoặc tự hãn trong mình không có chứng gì nhiệt mà mạch cũng không hồng xác dùng :
Dương-sâm 3 đồng Hoàng-kỳ 2 đồng, Bạch-truật 3 đồng,
Ngũ-vị 10 hột.

洋参三リ姜炒 黄芪二リ炙 白朮三リ土炒
五味十粒炒

Nhược bằng lạnh lắm thêm Chế-phụ 5 phân (製附五分)
Hoặc dùng thang *Hoàng-kỳ-kiến-trung*. Nhược bằng khi hư hỏa suy dùng bài *Đại-bồ-nyuyên* bài *Lục-vị-hồi-dương*.

Một thứ tâm khí bất túc, tý khí cũng hư, nằm ngủ chẳng yên, ăn uống nhạt nhẽo thường đồ bồ-hôi dùng thang *Quy-tỳ bổ Mộc-hương*, (木香) gia Ngũ-vị 10 hột (五味十粒炒).

Một thứ vệ khí hư chân lông rã mà bồ-hôi rã đồ cũng là âm hư dùng thang *Hoàng-kỳ-lục-nhất*, bài *Ngọc-bình-phong-tán*, thang *Đương-quy-lục-hoàng*, thang *Kỳ-phụ*, bài *Chỉ-hãn-tán*, phương *Phác-hãn*, bài *Độc-thắng-tán*, chọn lấy mà dùng.

止汗諸味

Các vị chỉ hãn

麻黄根 烏梅 浮小麦 五味 龍骨 牡蠣
黄芪 防風 肉桂

Ma-hoàng căn, Ó-mai, Phù-tiểu-mạch, Ngũ-vị, Long-cốt, Mẫu-lệ, Hoàng-kỳ, Phòng-phong, Nhục-quế.

Những bệnh gần nguy đồ bồ-hôi mà thổ lắm : bồ-hôi như dầu, bồ-hôi trán như hạt châu đều là chứng bất trị.

列方

Liệt các bài thuốc



黃芪建中湯

Hoàng - kỳ kiến trung thang

黃芪三リ炙 桂枝二リ 白朮六リ炒 大棗二枚
炙草一リ 生姜十片 膠飴五リ

Hoàng-kỳ 3 đồng, Quế-chi 2 đồng, Bạch-thược 6 đồng, Đại-táo 2 quả, Chích-thảo 1 đồng, Sinh-khương 10 nhát, Kẹo mạch-nha 5 đồng.

黃芪六一湯

Hoàng - kỳ lục nhất thang

黃芪六リ炙 炙草一リ

Hoàng-kỳ 6 đồng, Chích-thảo 1 đồng.

玉屏風散

Ngọc - bình - phong tán

黃芪五リ炙 白朮三リ土炒 防風三リ

Hoàng-kỳ 5 đồng, Bạch-truật 3 đồng, Phòng-phong. 3 đồng

當歸六黃湯

Đương-quy lục - hoàng thang

當歸二リ 黃芪二リ炙 生地 熟地 黃芩炒

黃伯炙 川黃連 (各一リ)

Đương quy 2 đồng, Hoàng-kỳ 2 đồng Sinh-dịa, Thục địa
Hoàng-cầm, Hoàng-bá, Hoàng-liên (đều 1 đồng).

止汗散

Chỉ hãn tán

炙草一リ 党参姜炒 白朮土炒 茯苓 黃芪炙

當歸 (各二リ)

Chích-thảo 1 đồng, Đảng sâm, Bạch-truật, Phục-linh, Hoàng-kỳ, Đương quy, (đều 2 đồng).



撲汗方

Phác - hân phương

牡蠣煨 麻黃根 赤石脂煨 竜骨煨 糯米粉
(各二勺)

Mẫu-lệ, Ma-hoàng-căn, Xích-thạch-chí, Long-cốt, Cám gạo-nếp (đều 2 đồng).

Tán bột, bọc lụa đập vào soa vào.

獨勝散

Độc - thắng tán

五倍二リ炒 加 枯礬五分

Ngũ-bội 2 đồng, (tán bột) gia Khô-phèn 5 phân.

Hòa nước bột đắp vào rốn, lấy thắt lưng buộc vào cho khỏi rơi.

Lục-vị-hoàn, Nhất-âm-tiên Lục-vị-hồi-dương đều ở số 26 HÀN-NHIỆT.

Kỳ-phụ-thang ở số 27 KINH BÌNH.

Chu-sa-an-thần-hoàn ở số 22 TÀ-TÝ.

Đại-bồ-nguyên, Thiên-vương-bổ-tâm, Quy-tỳ-thang đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

飲食

46. — Âm - thực

Sự ăn uống mà sinh bệnh bởi ăn cho thích khẩu, chẳng biết kiêng khem cho nên con tỳ, vị thụ thương, những thương về các vị nóng thành ra hỏa chứng, thương về các vị lạnh hóa ra ngưng trệ, chữa bệnh này xem mới phải hay là đã lâu và hư thực thế nào mà dùng thuốc.

Một thứ đình trệ ở trung tiêu phát chương mà đau ấn vào càng đau lắm là chứng thực dùng bài Đại-hòa-trung cho tiêu đi hoặc thang Bài-khí-âm cũng hay lắm. Nhược bằng ngưng



ở thượng tiêu phải dùng *Thỗ-pháp* cho nôn ra như bài *Trá-diều-tán*. Nhược bằng ở hạ tiêu bụng dưới đau mà tức lắm phải cho hạ đi. Như trong bụng nóng dùng bài *Tiểu-thực-khi*, trong bụng lạnh dùng thang *Cảm-ứng-hoàn* hoặc *Bì-cấp-hoàn*.

Một thứ thương về những vị sống lạnh hóa ra đau bụng nôn mửa đi rửa lỏng dùng bài *Ưu-phà-tiên* hoặc bài *Hòa-vị-âm*, nhược bằng tức đầy mà đau lắm dùng bài *Thần-hương-tân*.

Một thứ vị thực tích đã tiêu hết mà tỷ vị hãy còn thụ thương, hoặc có nôn oẹ dùng bài *Hương-sa-lục-quán* hoặc thang *Lý-trung*.

Một thứ ăn nhiều mà đói luôn là can mộc thái quá lảng khắc tỷ thổ phải dùng vẩy sắt là vị *Sinh-thiết-lạc* 1, 2 đấu (生鐵落) đun lấy nước để mà sắc thuốc dùng bài *Ngũ-cị-dị-công*, thang *Tứ-quân-tứ*. Nhược bằng ăn nhiều mà gầy là vị hỏa xát cốc dùng bài *Thanh-vị-âm* gia Tri-mẫu 2 đồng Nhược bằng vị hỏa nóng quá lắm ăn bụng lại đói, uống bụng mồm lại khát, hoặc là da thịt nóng, đại, tiểu-t tiện táo kết cũng dùng bài *Thanh-vị-âm* gia Đại hoàng 3 đồng.

Một thứ tửu thấp thương lý sinh ra đờm rãi, nôn mửa, đi rửa mãi không khỏi phải nên trừ thấp lợi thủy dùng thang *Cát-hoa-giải-lĩnh* hoặc *Ngũ-linh-tân*, *Vị-linh-thang*

Một thứ tửu nhiệt thương âm hóa ra phiền táo dùng thang *Hoàng-cầm-thực-dược*, thang *Thanh-hóa*, bài *Tỷ-tân-âm*.

Một thứ ăn những vị nóng thành ra hỏa chứng dùng bài *Lục-dậu-âm* hoặc thang *Hoàng-cầm-thực-dược*.

各 味 消 食

Các vị tiêu thực

山查炒黑 麥芽炒黑 神曲姜炒 沙仁炒
厚樸姜炒 茱萸炒 蒼朮製 枳寔炒 陳皮炒
Sơn-tra, Mạch-nha, Thần-khúc, Sa-nhân, Hậu-phác, La-bặc
Xương-truật, Chỉ-thực, Trần-bì.

列 方

Liệt các bài thuốc



感應丸

Cảm - ứng hoàn

木香 丁香 肉豆蔻煨 百草霜 (各三リ)

杏仁三十粒 乾姜二リ炒 巴豆十五粒去油

Mộc-hương, Đinh-hương, Nhục-dậu-khẩu, Bách-thảo-xương (đều 3 đồng), Hạnh nhân 30 hột, Can-khương 2 đồng, Ba-dậu 15 hột.

Tán bột luyện mật viên bằng hột đậu. Mỗi bận uống 3 viên.

備急丸

Bị - cấp hoàn

巴豆去油 大黃煨 乾姜炒 (各三リ)

Ba-dậu, Đại-boàng, Can-khương (đều 3 đồng).

Tán bột luyện mật viên bằng hột đậu. Mỗi bận uống 2 viên.

神香散

Thần - hương tán

白豆蔻炒 砂仁炒 丁香 (各五リ)

Bạch-dậu khẩu, Sa-nhân, Đinh-hương, (đều 5 đồng).

Tán bột, mỗi bận uống 5 phân, hòa nước sôi.

和胃飲

Hòa - vị ẩm

厚樸 四リ姜炒 陳皮二リ炒 乾姜二リ炒

炙草一リ半

Hậu-phác 4 đồng, Trần bì 2 đồng, Can-khương 2 đồng, Chích-thảo 1 đồng rưỡi.



香砂六君湯

Hương-sa lục-quân thang

党参三リ 姜炒 白朮二リ 土炒 茯苓二リ
法夏二リ 陳皮二リ 藿香一リ 沙仁一リ 炒
炙草一リ

Đảng-sâm 3 đồng, Bạch-truật 2 đồng, Phục-linh 2 đồng, Pháp-hạ 2 đồng, Trần-bì 2 đồng, Hoắc-hương 1 đồng, Sa-nhân 1 đồng, Chích-thảo 1 đồng.

五味異功散

Ngũ-vị dị-công tán

党参四リ 姜炒 白朮二リ 土炒 茯苓二リ
陳皮一リ 半炒 炙草一リ

Đảng-sâm 4 đồng, Bạch-truật 2 đồng, Phục-linh 2 đồng, Trần-bì 1 đồng rưỡi, Chích-thảo 1 đồng.

胃苓湯

Vị-linh thang

蒼朮製 厚樸炒 陳皮炒 白朮土炒 豬苓
澤左炒 茯苓 (各二リ 炙草一リ 肉桂一リ

Xương-truật, Hậu-phác Trần-bì, Bạch-truật, Chư-linh, Trạch-lã, Phục-linh (đều 2 đồng Chích-thảo 1 đồng, Nhục-quế 1 đồng.

黃芩芍藥湯

Hoàng-cầm thược-dược thang

黃芩二リ 炒 白芍五リ 炒 生草一リ

Hoàng-cầm 2 đồng Bạch-thược 5 đồng, Sinh-thảo 1 đồng.



Ưc-phù-tiên ở số 7 THƯƠNG-THU.
Ngũ-linh tán ở số 8 THƯƠNG-THẤP.
Tiêu-thừa khí ở số 3 THƯƠNG-HÀN.
Bãi-khi-âm ở số 13 KHÍ-QUYẾT.
Cát hoá giải tình ở số 16 TỬU QUYẾT.
Đại-hòa-trung-âm ở số 18 THỰC QUYẾT.
Tứ quân-tử ở số 1 NỘI-THƯƠNG.
Lý-trung-thang, Thanh hóa-thang Tỷ-tân-âm đều ở số 26 HÀN-NHIỆT.
Thanh-vị-âm ở số 30 KHÁI-THẤU.
Trà-diều-tán ở số 15 ĐÀM-QUYẾT.

脾 胃

47. — Tỷ - vị

Con tỷ vị là cái bể chứa cơm nước sinh ra khí huyết, được mạnh khỏe cho nên người ta từ trẻ đến già đều nhờ công tỷ vị bồi dưỡng. Trong ngũ-tạng lục-phủ cũng đều được nhờ cả, thế thời con tỷ vị rất can hệ cho người ta lắm, đến khi có bệnh thời ăn uống kém ít và không tiêu hóa, chân tay mỗi mệt hoặc nôn mửa đi rửa và các bệnh khác sinh ra phải phân hư thực mà dùng thuốc.

Một thứ con vị hư ăn uống nhạt nhẽo không ngon miệng và không thấy đói, không muốn ăn dùng thang *Tứ-quân-tử* như trong bụng lạnh dùng thang *Ngũ-quân-tử*.

Một thứ tỷ dương hư mà ăn không vận hóa được dùng thang *Gia-giảm-lục-quân* hay thang *Quy-tỷ*, bằng như hỏa hư ăn uống không tiêu thường hay đi rửa lỏng mà sợ lạnh dùng bài *Bát-vị-hoán*, bài *Hữu quy âm*.

Một thứ tỷ âm hư thời ăn uống đều hòa, trong bụng không lạnh và không thấy lợm nôn chua cồ, chỉ những lúc ăn cơm rồi, dần dần đầy tức, hoặc có hơi khát nước và đi rửa thời lạnh, hoặc hơi táo nên dùng bài *Bổ-tỷ-âm*.

Một thứ nhân tích trệ mà khí hư hạ hãm, mỗi mệt hay nằm dùng thang *Bổ-trung-ích-khí*, hoặc tỷ âm hư mà đầy bụng dùng thang *Bổ-âm-ích-khí*.



Một thứ ăn nhiều vị nướng và rán cho nên vị khẩu khó ráo dùng thang *Bồi-thở-cổ-trung*, nhược bằng trong con vị có lửa nóng thời ăn vào lại nôn ngay ra dùng bài *Thanh-vị-âm*. Nhược bằng con tỷ âm thấp mà đi rửa lỏng dùng bài *Vị-linh-thang*. Nhược bằng có thực tích bụng đầy mà đau dùng bài *Đại-hòa-trung*. Nhược bằng con vị hư hàn mà có nôn oẹ dùng bài *Hương-sa-lục-quân*.

列 方

Liệt các bài thuốc

加 減 六 君 湯

Gia giảm lục-quân thang

党参三リ 姜炒 白朮二リ 土炒 陳皮一リ 炒

茯苓二リ 炙草一リ 熟地三リ 乾姜一リ 炒

Đảng-sâm 3 đồng, Bạch-truật 2 đồng, Trần-bì 1 đồng, Phục-linh 2 đồng, Chích-thảo 1 đồng, Thục-dịa 3 đồng, Can-khương 1 đồng.

補 脾 陰 方

Bổ-tỳ-âm phương

党参三リ 姜炒 冬朮二リ 土炒 淮山三リ 炒

炙草一リ 熟地五リ 炙 當歸二リ

Đảng-sâm 3 đồng, Đông-truật 2 đồng, Hoài-sơn 3 đồng, Chích-thảo 1 đồng, Thục-dịa 5 đồng, Đương-quy 2 đồng.

培 土 固 中 湯

Bồi-thở-cổ-trung thang

熟地六リ 白朮一朮 土炒 乾姜二リ 炒

炙草一リ 半

Thục-dịa 6 đồng, Bạch-truật 1 lượng, Can-khương 2 đồng, Chích-thảo 1 đồng rưỡi.



Tứ-quân-tử, Quy-tỳ-thang, Bát-vị-hoàn, Bồ-trung-ích-khí, Bồ-âm-ích-khí, Hữu-quy-âm đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.
Ngũ-quân-tử, Đại-hòa-trung đều ở số 18 THỰC-QUYẾT.
Thanh-vị-âm ở số 30 KHÁI-THẤU.
Vị-linh-thang, Hương-sa-lục-quân đều ở số 46 ÂM-THỰC.

胃 風

48. — Vị - phong

Chứng vị-phong bởi vì gió vào trong tràng vị cho nên đi rửa nguyên bột cơm không tiêu hóa dùng bài *Vị-phong-thang*. Ông Dụ-gia-Ngôn nói rằng: « gió vào trong dạ dày như là thuận gió giương buồm »; chẳng đợi vận hóa ăn vào ra ngay dùng *Quê-chi-thang*.

胃 風 湯

Vị - phong thang

党参三リ 姜炒 白朮二リ 土炒 茯苓二リ
白芍二リ 炒 當歸二リ 肉桂一リ 川芎一リ
Đảng-sâm 3 đồng, Bạch-truật 2 đồng, Phục-linh 2 đồng, Bạch-thược 2 đồng, Dương-quy 2 đồng, Nhục-quế 1 đồng, Xuyên-khung 1 đồng.

桂 枝 湯

Quế - chi thang

桂枝二リ 白芍三リ 炙艸一リ 生姜一リ
大棗二果
Quế chi 2 đồng, Bạch-thược 3 đồng, Chích-thảo 1 đồng, Sinh-kương 1 đồng, Đại-táo 2 quả



惡 心

49. — Ô - tâm

Chứng ố-tâm lợm nôn ở trong dạ-dầy dùn lên, muốn nôn mà không nôn ra được. Nhược bằng hàn, thấp, ngưng, trệ dùng bài Ôn-vị-âm, bài Hòa-vị-nhi-trần, hoặc như có ăn vị gì độc mà tanh hơi phải dùng Thổ-pháp cho nôn ra. Nhược bằng hỏa thịnh phiền táo dùng thang Trúc-diệp thạch-cao.

Thổ-pháp (dùng Trà-diều-lân ở số 15 ĐAM-QUYẾT).

和 味 二 陳 湯

Hòa vị nhị-trần thang

茯苓三リ 法夏二リ 陳皮二リ 炒 乾姜一リ 炒
砂仁一リ 炒 炙草一リ

Phục-linh 3 đồng, Pháp-hạ 2 đồng, Trần-bì 2 đồng, Can-khương 1 đồng, Sa-nhàn 1 đồng, Chích-thảo 1 đồng.

Ôn-vị-âm ở số 5 TRÚNG-HÀN.

Trúc-diệp-thạch-cao thang ở số 7 THƯƠNG-THỦ.

噯 氣

50. — Ái - khí

Ái khí là ợ hơi. Hơi ấy ở trong dạ-dầy ra những khí ăn no mà ợ thời không ngại gì, nhược bằng con vị hàn trệ thường có ợ dùng thang Thập vị-bảo-hòa, bằng có thực tích dùng bài Ôn-vị-âm ở số 5 TRÚNG-HÀN. Nhược bằng tý thận hư hàn thỉnh thoảng ợ luôn, trong bụng tức đầy dùng bài Lý-âm-tiên ở số 28 ĐAM-ÂM, bài Bát-vị-hoàn ở số 1 NỘI-THƯƠNG.



十味保和湯

Thập vị bảo hòa thang

党参三リ 姜炒 白朮ニリ 土炒 茯苓ニリ
陳皮炒 法夏 砂仁炒 藿香 香附炒 (各一リ 半)
炙草七分 木香五分 加 生姜三片

Đảng-sâm 3 đồng, Bạch-truật 2 đồng, Phục-linh 2 đồng, Trần-bì Pháp-hạ, Sa-nhân, Hoắc-hương, Hương-phụ (đều 1 đồng rưỡi). Chích-thảo 7 phần, Mộc-hương 5 phần. Gia Sinh-khương 3 nhát.

吞酸

51. — Thôn-toan

Chứng thờ toan là nhổ ra chua, ăn uống vào trong dạ-dầy khí hư không vận hóa được, đình tích đã lâu, trong âm thấp sinh ra nóng khí thấp nhiệt huân chưng cho nên thờ ra chua.

Chứng thôn toan cũng bởi cơm nước không tiêu mà ứ lên cở thờ ra không được phải nuốt vào thời thấy chua cho nên gọi là thôn-toan.

Chứng này phải xét hư thực mà dùng thuốc

Một thứ người ít tuổi, khỏe mạnh, con tỳ vị chưa suy, hoặc nhận gió lạnh, phạm vào con vị hoặc là ăn uống đình tích mà hóa ra chua dùng bài *Hỏa-vị-âm*, hoặc bài *Hoắc-hương-an-vị*. Nhược bằng thấp nhiệt quá dùng bài *Thủ-liên-hoàn*, hoặc là hàn thấp hơn dùng bài *Ngô-thù-du-hoàn*, thang *Nhị-trân-ngô-thù*

Một thứ người nhiều tuổi yếu đuối, tỳ vị khí hư ăn uống kém ít thường có chứng chua cở phải ôn bổ tỳ vị dùng thang *Lý-trung*, bài *Ôn-vị-âm*, bài *Thánh-truật*. Nhược bằng hạ tiêu hỏa suy dùng bài *Bát-vị-hoàn*, bài *Lý-âm-liên*.

和胃飲

Hòa - vị ẩm

厚樸四リ 姜炒 陳皮ニリ 炒 乾姜ニリ 炒
炙草一リ

Hậu-phác 4 đồng, Trần-bì 2 đồng, Can-khương 2 đồng, Chích-thảo 1 đồng.



藿香安胃散

Hoắc-hương an-vị tán

藿香二リ 党参五リ 姜炒 陳皮二リ 炒
丁香二リ 生姜十片

Hoắc-hương 2 đồng, Đảng-sâm 5 đồng, Trần-bì 2 đồng, Đinh-bương 2 đồng, Sinh-khương 10 nhát.

茱連丸

Thù-liên hoàn

川萸連一兩酒炒 黃芩土炒 陳皮炒 吳茱酒炒
蒼朮製 (各五リ) 加 茯苓五リ

Hoàng-liên 1 lượng, Hoàng-cầm, Trần-bì, Ngô-thù, Xương-truật, (đều 5 đồng). Gia : Phục-linh 5 đồng.

Tán bột quấy hồ thần-khúc, viên, mỗi bần uống 2 đồng.

二陳吳茱湯

Nhị-trần ngô-thù thang

吳茱五リ酒炒 茯苓三リ 法夏二リ 陳皮二リ 炒
炙草一リ

Ngô-thù 5 đồng, Phục-linh 3 đồng, Pháp-hạ 2 đồng, Trần-bì 2 đồng, Chỉch-thảo 1 đồng.

吳茱萸丸

Ngô-thù-du hoàn

吳茱一兩酒炒 麥牙炒黑 神曲 蒼朮製 陳皮炒
肉桂 (各五リ)

Ngô-thù 1 lượng Mạch-nha, Thần-khúc, Xương-truật, Trần-bì, Nhục-quế (đều 5 đồng).

Tán bột quấy hồ viên, mỗi bần uống 2 đồng.

Lý trung thang, Bát-vị-hoàn đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Ôn-vị ấm ở số 5 TRƯNG-HÀN.

Lý âm-tiên ở số 28 ĐÀM-ÂM.

聖 朮 煎

Thánh - truật tiên

冬朮 八リ 土炒 乾姜 二リ 炒 陳皮 二リ 炒
肉桂 一リ

Đông-truật 8 đồng, Can-khương 2 đồng, Trần-bì 2 đồng,
Nhục-quế 1 đồng.

饅 雜

52. - Tào - tạp

Chứng tào-tạp tưởng như trong bụng trống không như là không có vật gì, tựa hồ đói mà không đói; như là đau mà không phải đau; buồn bực không ra bình gì lúc phát lên chốc lại khỏi. Cổ phương có dùng những thuốc tiên đàm giáng hỏa; tôi trộm nghĩ rằng: trong bụng không khoáng có dờm đau mà tiêu; như đói như đau thực là tý hư nên bổ, chứng này bởi vì khí huyết tiên hao tý vị hư tổn hóa ra thế nên dùng thang Quy-tỳ ở số 1 Nội-thương hoặc thang Bát-trán ở số 26 Hàn-nhiệt, bằng có kèm chứng gì nên xét xem mà chữa.

呃 逆 噦 氣 辨

Ách - nghịch uế - khí biện

Xét xem một chứng ách-nghịch đời xưa không có tên ấy, ở pho nội-kinh vua Hoàng-đế thời gọi là uế, xem phép chữa lấy cổ đâm vào lỗ mũi thời biết là khác nhau, về sau các ông hiền-y nhân thấy ách ách liên tiếng mới gọi là chứng ách-nghịch. Nay tôi xem pho Phụng-thị bản chứng ách và chứng uế chia làm hai chứng; mà trị chứng ách thì dùng Đinh-hương thị-đế, trị chứng uế thời chế cổ phương dùng Đinh-hương thị-đế, mà không có bài khác để chữa. Pho Lãn-ông quyền Y-trung-quan-kiện cũng chia ách uế làm hai chứng mà dùng thuốc thời một thứ như nhau, khiến cho người học thuốc chẳng biết thế nào là ách, thế nào là uế, hình dáng hai bệnh ra làm sao, vậy nên tôi không được dùng, phải biện



bạch cho tường hoặc có rộng phép trông, phép nghe ở môn thuốc chẳng. Xin biện rằng: nay ôi ! chứng ứ thời gọi là ọc phải há mồm ra tức là lợm dòng nôn khan đỏ, như dân bà có nghén thời cũng ậm ọc hoặc khi ngửi phải mùi hơi lạnh cũng hóa ra ọc. Đến như chứng ách thời gọi là nấc, dầu ngậm miệng lại cũng nghe thấy tiếng, không có sự chi nôn mửa cả, dầu ngửi phải hơi mấm tòm cũng không phát nấc được. Nay tôi kinh biện đề mà dùng thuốc.

呃 逆

53. — Ách - nghịch

Ách-nghịch là bịnh nấc bởi hơi đưa ngược lên cũng có nhân hàn ngưng nhiệt uất, cũng có nhân thực trệ, khi trệ phải xét mà chữa. Nhược bằng ngẫu nhiên mà nấc, khí thuận xuống thời khỏi. Chỉ có bịnh nấc mãi không khỏi ắt là tý thân nguyên khí hư tổn lắm hóa ra thể.

Một thứ nhân khí lạnh mà nấc, hoặc nhân gió lạnh ở ngoài, hoặc nhân ăn lạnh ở trong dùng thang *Quất-bì*, bài *Tam-nhân-đỉnh-hương*, thang *Quất-bì-can-khương*. Nhược bằng lạnh lắm dùng bài *Tương-thủy-tán*, thang *Tỳ-nghịch-nhân-sâm*.

Một thứ vị hỏa xông lên nóng quá mà nấc, mạch thời hoạt thực, người khỏe mạnh, đại-tiên can táo dùng bài *An-vị-đm*.

Một thứ khí nghịch mà nấc, trên ngực chướng đầy dùng thang *Gia-dâm-nhị-trần*, gia Ô-được 2 đồng, bài *Bảo-dâm-đỉnh-hương* thí-đề, hoặc bài *Khương-hoạt-phụ-tử*, hoặc *Thần-hương tán*.

Một thứ nhân ăn không tiêu mà nấc dùng bài *Đại-hóa-trung*, gia Can-khương 1 đồng Mộc-hương 5 phân, hoặc bang *Gia-dâm-nhị-trần*, thêm Sơn-tra Ô-được (đều 2 đồng), Bạch-giới-tử 1 đồng.

Một thứ trung-tiên tý vị hư hàn mà nấc, dùng thang *Lý-trung* gia Đỉnh-hương, hoặc *Ôn-vị-đm* gia Đỉnh-hương.

Một thứ hạ-tiên can thận hư hàn mà nấc, dùng bài *Quy-khí-đm*, hoặc *Lý-âm-tiên* gia Đỉnh-hương 5 phân.

Một thứ sau khi đại bịnh hoặc yếu đuối quá mà nấc, dùng bài *Đại-bổ-nguyên*, hoặc bài *Bát-vị-hoán* gia Ngũ-vị 10 hột, Ngưu-tất 2 đồng. Nhược bằng đại bịnh dương khí muốn thoát, chân tay hơi lạnh dùng *Sâm-phụ-thang* gia Ngũ-vị 15 hột.



Một thứ cổ-phương trị bệnh nấc, bệnh ở trên thời trong ngực chướng đầy, dùng *Trà-diêu-án* cho nôn ra, bệnh ở dưới, tiểu-tiền bất lợi, dùng bài *Tiểu-phân-thanh* *Đại-phân-thanh*. Đại-tiền bất thông dùng thang *Tiểu-thừa-khí*, *Đại-thực-khí*. Những phép ấy chữa bệnh nấc thực nhiệt thời hay, nhược bằng bệnh nấc hư hàn hẳn không dùng được.

列 方

Liệt các bài thuốc

橘 皮 湯

Quất bì thang

陳皮 一兩 炒 生姜 二兩

Trần bì 1 lượng, Sinh-kương 2 lượng

Sắc nước uống.

三 因 丁 香 散

Tam nhân đinh-hương tán

丁 香 一 兩 橘 蒂 (男 人 七 个 女 人 九 个)

炙 草 五 分 高 良 姜 五 分

Đinh-hương 1 đồng. Thi-đế: (đàn ông 7 cái đàn bà 9 cái).

Chích-thảo 5 phân, Cao-lương-kương 5 phân.

Tán bột hóa nước sôi uống.

橘 皮 乾 姜 湯

Quất-bì can-kương thang

洋 參 姜 炒 乾 姜 炒 肉 桂 (各 一 兩) 陳 皮 炒

木 通 (各 一 兩 半) 炙 草 五 分

Dương-sâm, Can-kương, Nục-quế đều 1 đồng, Trần-bì

Mộc-thông đều 1 đồng rưỡi) Chích-thảo 5 phân.



漿水散

Tương - thủy tán

法夏二兩 製附 乾姜炒 肉桂 (各五兩)

高良姜三兩 炒

Pháp-hạ 2 lạng, Chế-phụ Can-khương, Nhục-quế (đều 5 đồng, Cao-lương-khương 3 đồng).

Tán bột hòa nước sôi, mỗi bữa uống 2 đồng.

四逆人參湯

Tứ nghịch nhân - sâm thang

洋參五兩 姜炒 乾姜三兩 炒 製附二兩 炙草一兩 半

Dương-sâm 5 đồng, Can-khương 3 đồng, Chế-phụ 2 đồng, Chích-thảo 1 đồng rưỡi.

安胃飲

An - vị ẩm

陳皮炒 山查炒黑 麥牙炒黑 木通 澤左炒

黃芩炒 石斛 (各二兩)

Trần-bì, Sơn-tra, Mạch-nha, Mộc-thông, Trạch-tả, Hoàng-cầm, Thạch-hộc (đều 2 đồng).

加減二陳湯

Gia giảm nhị-trần thang

茯苓三兩 陳皮二兩 炒 法夏二兩 炙炒一兩

丁香一兩 加 烏藥二兩

Phục-linh 3 đồng, Trần-bì 2 đồng, Pháp-hạ 2 đồng, Chích-thảo 1 đồng, Đinh-hương 1 đồng. Gia Ô-dược 2 đồng.

寶鑑丁香柿蒂散

Bảo giám đinh-hương thị-đế tán

丁香 柿蒂 青皮炒 陳皮炒 (各二兩) 生姜五片

Đinh-hương, Thị-đế, Thanh-bì, Trần-bì (đều 2 đồng, Sinh-khương 5 nhát).



姜活附子湯

Khương - hoạt phụ - tử thang

姜活 製附 乾姜 大茴 各一リ
木香五分 大棗 二枚

Khương - hoạt, Chế-phụ, Can-khương, Đại-hồi (đều 1 đồng)
Mộc-hương 5 phân Đại-táo 2 quả.

小分清

Tiểu - phân - thanh

茯苓 澤左炒 猪苓 (各三リ) 薏苡二リ炒
枳壳 一リ炒 厚樸 二リ

Phục-linh, Trạch-tả, Chư-linh (đều 3 đồng), Ý dĩ 2 đồng,
Chi-xác 1 đồng, Hậu-phác 2 đồng

Dại-hòa-trung ở số 18 THỰC-QUYẾT.

Ôn-vị-âm, Quý-khí-âm đều ở số 5 TRÚNG-HÀN.

Lý-trung, Lý-âm-tiên đều ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Dại bổ-nguyên ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Thần-hương tán ở số 46 ÂM-THỰC.

Bát vị-hoàn, Dại phân-thanh đều ở số 26 HÀN-NHIỆT.

Trà-diêu tán ở số 15 ĐÀM QUYẾT.

簡易方

Giản dị phương

Nước gừng 1 chén thêm nửa chén mật ong, đun sôi uống.

Hoặc dùng Lưu-hoàng (硫黃) Nhũ-hương (乳香) đều 3 đồng). Gia : Ngải-diệp 1 đồng. (艾葉一リ)

Tán bột sắc bằng rượu đề ngửi.

Hoặc dùng Hùng-hoàng 3 đồng. Cũng tán bột sắc bằng rượu đề ngửi.

* Hoặc dùng Thông-quan-tán thổi vào mũi cho hắt hơi thời khỏi, bài này ở số 4 TRÚNG-PHONG.



嘔 吐

54. — Âu - thò

Bệnh âu thò là nôn mửa. Có tiếng có thực-vật gọi là âu, có thực vật mà không có tiếng gọi là thò, có tiếng mà không có thực-vật gọi là uế tức là nôn khan. Chứng này có hư thực không giống nhau. Chứng thực như là cảm khí hàn lãnh, hoặc thương âm thực, hoặc vị hỏa bốc lên, hoặc can uất khí nghịch, hoặc đờm rãi tích tụ. Chứng hư là con vị vận yếu, hoặc nhân khí lạnh, sự khó nhọc, ăn uống chẳng điều, hóa ra nôn mửa, nhược bằng tỷ vị khỏe mạnh ăn uống tiêu ngay, không có bệnh gì nữa.

Một thứ nhân khí lạnh mà nôn mửa hoặc là hàn thấp ở ngoài, đồ sống lạnh ở trong, dùng thang *Lý-trung*, thang *Hương-sa-lục-quân*.

Một thứ nhân sự ăn uống mà hóa nôn hoặc là cơm thịt chứa tiêu bụng đầy và đau dùng bài *Đại-hóa-trung*, bài *Thân-hương-tán*. Nhược bằng thực vật đã tiêu mà vẫn nôn mửa chưa khỏi dùng bài *Ôn-vị-âm*. Bằng như ăn uống phải vị độc mà nôn mửa phải xem thứ độc nóng lạnh mà giải đi, thứ nóng giải bằng *Lục đậu-âm* thứ lạnh dùng *Thân-hương-tán*.

Một thứ hỏa ở trung-tiêu mà nôn mửa thời hàn chân bàn tay đều nóng cả, hoặc có khát nước phiền táo người thời khỏe mà nôn cũng nhiều dùng bài *Trừu-tán-âm*, bài *Đại-phân-thanh*, bằng như nóng quá mà nôn không khỏi lại kiêm rức đầu dùng thang *Bạch-hồ*, bài *Đại-thanh-âm*, bài *Ngọc-toàn-tán*.

Một thứ nhân đờm rãi lưu tích ở trong bụng mà hóa ra nôn mửa dùng bài *Hòa-vị-nhị-trần*, bài *Linh-truật-nhị-trần*.

Một thứ uất nộ thương can, khí đưa ngược lên mà nôn có vị chua, đắng trước dùng *Thù-liên-hoàn*, lại uống bài *Tiểu-đạo-tán*, khỏi rồi dùng bài *Lục-vị hoản* gia *Đương quy*, *Bạch-thược* (đều 2 đồng).

Một thứ con vị hư hàn thường có nôn mửa phải dùng ôn bổ như thang *Lý-trung*, bài *Ôn-vị-âm*, bài *Thánh-truật-tiên*, bài *Hoàng-nha-hoản*, nhược bằng con vị hàn lắm dùng thang *Phụ-tứ-lý trung*, hoặc bài *Tứ-vị hồi-dương*.

Một thứ nôn mửa mãi không khỏi hoặc nhân đại-tiện bị kết dùng phép mật đạo thông khoan cho dưới thông thời trên không tắc.



Một thứ nôn mửa, trăm thứ thuốc đều không khỏi, hãy nghĩ thấy thuốc lại nôn, phải lấy đất ở bụng ông dàu-rau bếp hòa nước gừng làm viên dát nút hai lỗ mũi rồi uống thuốc mới được.

Một thứ nôn mửa không uống được thuốc bởi có con giun ở trong bụng dùng Xuyên tiêu 20 hột sao, sắc cho uống hoặc là trong bài thuốc phải gia Xuyên-tiêu 1, 2 đồng. Ông Tôn-trân-Nhân nói rằng: «gừng sống trị nôn là thuốc thánh, Tiêu-biễn giáng hỏa thực phương tiên».

列 方

Liệt các bài thuốc

加 味 逍 遙 散

Gia vị tiêu-dao tán

白朮土炒 茯苓 白芍炒 (各二リ)
 當歸三リ 柴胡一リ 炙草一リ 薄荷七分
 加 牡丹二リ炒 梔子二リ炒黑

Bạch-truật, Phục-linh, Bạch-thược (đều 2 đồng), Đương-quy 3 đồng, Sài-bồ 1 đồng, Chỉ-thảo 1 đồng, Bạc-hà 7 phân.

Gia Mẫu-đơn 2 đồng, Chi-tử 2 đồng

黃 牙 丸

Hoàng-nha hoàn

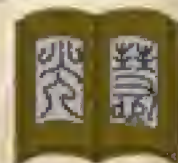
洋參二兩姜炒 乾姜五リ炒

Dương-sâm 2 lượng. Can-khương 5 đồng.

Tán bột luyện mật viên, bỏ túi áo mỏng thoáng ngâm 1 viên bằng hột nhãn.

Lý-trung thang, Trừu tân ẩm, Bạch hồ thang, Ngọc-toàn-tán, đều ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Phụ-tử-lý-trung, Tứ-vị-hồi-dương, đều ở số 10 CHƯ-HỮ CHUNG.



Ôn-vị-âm ở số 5 TRÚNG-HÀN.

Đại hòa trung ở số 18 THỰC-QUYẾT.

Linh-truật nhị-trần ở số 15 ĐÀM-QUYẾT.

Đại-phân-thanh, Đại-thanh-âm, Lục vị-hoàn đều ở số 26 HÀN-NHIỆT.

Hòa-vị-nhị-trần ở số 28 ĐÀM-ÂM.

Hương sa-lục quân, Thần hương-tán đều ở số 46 ÂM-THỰC.

Thù liên hoàn, Thánh-truật-tiên đều ở số 51 THÔN-TOÀN.

蜜 導 法

Mật - đạo pháp

Phép thông khoan, dùng 2 bát mật mía nấu cho đặc lại thành kẹo, nặn bằng ngón tay chấm dầu thông vào cốc-đạo hoặc dùng cái vật gì mềm cũng được, hoặc dùng bạch-lạp, sa-phòng cũng được.

嘔 吐 清 水

55. — Âu-thổ-thanh-thủy

Chứng âu thổ thanh thủy là nôn ra nước trong. Phép đời xưa dùng thang Nhị-truật-nhị-trần, hoặc thang Lục-quân-tử. Ông Cảnh-nhạc nói rằng: «thận thủy hư mà nước ứa lên từ dưới rốn vọt ra như vòi rồng phun nước dùng bài Lý-âm-liên cho uống khỏi ngay.

唾 津

Thóa-tân

Thóa-tân là nhổ nước bọt luôn mồm. Chứng nhổ nước bọt bởi vì trong mồm bọt rãi dần ra luôn luôn không nuốt xuống, trong một giờ đồng-hồ, nhổ hơn một trăm bận. Ông Phó thanh Chủ bảo rằng: «chứng này là thổ ra bạch huyết, để phơi sương một đêm thời hóa ra đỏ, chữa bệnh này phải bỏ thận thủy hoặc bỏ tý thổ thời mới khỏi.



Một thứ nhân thận thủy hư, nước không chảy xuôi mà đùn ngược lên hóa ra nhũ nước bọt dùng bài *Thận-khí-hoàn* như kiểm hỏa hư dùng *Bát-vị-hoàn*, hoặc bài *Lý-âm-tiên* đều thêm *Ngưu-tất* 2 đồng, *Ngũ-vị* 15 hột.

Một thứ nhân con tý thấp trệ không áp chế được nước cho nên hay nhũ nước bọt dùng thang *Lục-quân-tử*. Như con tý hàn gia *Phá-cổ* 1 đồng, *Can-khương* 1 đồng, *Hậu-phác* 2 đồng. Như con tý nhiệt gia *Hoàng cầm* 1 đồng *Chi tử* 2 đồng, *Bạch-thược* 2 đồng. *Lũng Hoài-sơn* thay *Bạch-truật*.

二 朮 二 陳 湯

Nhị - truật nhị-trần thang

蒼朮製 白朮土炒 陳皮炒 法夏 苓 茯
(各二リ) 炙甘草一リ

Xương truật, Bạch-truật. Trần-bì, Pháp-hạ, Phục-linh (đều 2 đồng) Chích-thảo 1 đồng

Lục-quân tử thang ở số 15 ĐÀM-QUYẾT.

Lý-âm tiên ở số 26 HÀN-NHIỆT

Thận-khí hoàn là bài *Lục-vị* hoàn gia *Phá-cổ* 1, 2 đồng.

吐 衄

56. — Thở - vư

Chứng thở-vư là nôn ra giun:

Một thứ nhân dạ-dầy nóng mà nôn ra giun, nôn vừa dùng bài *Trưu-tán-ôm*, nôn lắm dùng bài *Vạn-ứng-hoàn*.

Hai là nhân con vị hàn mà nôn ra giun dùng bài *Ô-ma-hoàn*.

Ba là con vị hư yếu dùng bài *Ôn-vị*, thang *Lý-trung*, bài *Thánh-truật* bằng như giun ra chẳng khỏi thêm *Ô-mai* 3 quả, (烏梅三葉) hoặc là rễ cây soan 3 đồng, (苦練根三リ) hoặc là *Hoàng-liên* 1 đồng (川黃連二リ)



萬應丸

Vạn - ứng hoàn

川大黃一兩半 檳榔一兩 苦練根六兩
黑丑八兩 炒 皂角二兩 炒焦

Đại-hoàng 1 lượng rưỡi, Bình-lang 1 lượng, Khổ-luyện-căn 6 đồng,
Hắc-sửu 8 đồng, Táo-dác 2 quả

Tán bột luyện hồ viên, mỗi bữa uống 2 đồng.

Ô-mai-hoàn ở số 20 HỒI-QUYẾT

Trừu-tân-âm, Lý-trung-thang đều ở số 26 HÀN-NHIỆT

Ôn-vị-âm ở số 5 TRUNG-HÀN.

Thánh-truật ở số 51 THÔN-TOAN.

噦氣

57. — Uê - khí

Chứng uế-khi là ọc là nôn khan bởi hơi nóng xông lên dạ-dầy hóa ra ọc. Chữa bệnh nôn khan phải cho lợi tiểu tiện làm chủ dùng bài Ngũ-linh-tán, hoặc bài Thanh-kim đạo-khi, nhược bằng trong dạ-dầy lạnh mà nôn ọc dùng bài Thần-hương-tán, bài Hương-sa lục-quản.

Một thứ nôn khan mãi không khỏi dùng 2 chén nước mía, nước gừng 1 chén đun nóng uống.

清金導氣湯

Thanh - kim đạo - khí thang

麥門四兩 炒 澤左二兩 炒 車前二兩 炒
牛必二兩 赤苓三兩 肉桂一兩 磨
五味十五粒 炒 木香五分

Mạch-môn 4 đồng, Trạch-tả 2 đồng, Xa-tiên 2 đồng, Ngưu-tất 2 đồng, Xích-linh 3 đồng, Nhục-quế 1 đồng, Ngũ-vị 15 hạt, Mộc-hương 5 phân.



Ngũ-linh tán ở số 8 THƯƠNG-THẤP.

Thần-hương-tán, Hương-sa-lục-quân đều ở số 46 ÂM-THỰC.

反胃

58. — Phiên-vị

Chứng phiên-vị là dạ-dầy lật trái lại, hoặc là tối ăn, sớm mai nôn, hoặc là sớm ăn, tối nôn phải mửa cho hết mới thôi, ngày nào cũng như thế không có khác. Chứng này là con vị hư hàn hoặc hay ăn đồ sống lạnh hoặc hay uống rượu, hoặc nhân sự lo nghĩ, cho nên dạ-dầy hư quá, xét xem bệnh mới phải hay là đã lâu mà dùng thuốc.

Một thứ mới phải khi lạnh ở trung-tiều dùng bài Ôn-vị-âm, bài Thánh-truật, thang Phụ-tử-lý-trung.

Một thứ bệnh đã lâu thời khi lạnh ở hạ-tiều dùng thang Định-vị, bài Bát-vị-hoàn gia Phá-cổ 1 đồng, Ngũ-vị 10 hạt, hoặc bài Hửu-quy-âm. Nhược bằng đại-tiện táo kết các bài nên đều thêm Ngưu-tất, Thông-dong. Lộc-dao, Đương-quy đều 2 đồng.

定胃湯

Định-vị thang

熟地一兩 山茱五兩 酒炒 茯苓三兩 肉桂一兩 另磨
Thục địa 1 lượng, Sơn-thủ 5 đồng, Phục-linh 3 đồng, Nhục-quế 1 đồng, (Sắc nước uống).

Ôn-vị-âm ở số 5 TRUNG-HÀN.

Phụ-tử-lý-trung, Hửu-quy-âm, Bát-vị-hoàn đều ở số 10 CHƯ-HƯ-CHUNG.

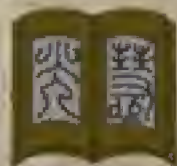
Thánh-truật-tiên ở số 51 THÔN-TOAN.

簡易方

Giản-dị phương

Mật-ong 2 thìa, Nước gừng 1 thìa, hòa nước sôi uống.

Hoặc dùng nước mía 1 bát, nước gừng 1 chén, đun sôi uống dần.



噎膈

59. — Ê-cách

Chứng ế cách là bịnh nghẹn, bởi vị khẩu ứng tắc chẳng thông, ăn không xuống được. Chứng này có hai thứ phải chia ra mà chữa.

Một thứ nhân lo nghĩ nhiều phần, hoặc là say mê lưu sắc mà âm huyết hư tổn, nước bọt khô ráo, cho nên ăn cơm thời nghẹn lâu mới xuống được dùng bài *Sinh-khương-trấp*, bài *Đại doanh-liên*, bài *Lý âm*.

Một thứ nhân con tý vị hư yếu vận hóa không mạnh mà sinh ra đờm cho nên lúc ăn cơm, hoặc trước, hoặc sau ngọ chột có ngang trái thời đàm hỏa xung lên, ăn không xuống được tất phải thổ ra, mà trong dạ-dầy đùn đùn đờm rãi vận lên lại phải thổ ra, bữa cơm ấy phải bỏ dùng bài *Ngũ-cách-khoan-trung*, bài *Nhị-trần gia Hậu-phác*, *Cần-khương* đều 2 đồng, hoặc thang *Lục-quân-lứ*.

Một thứ nghẹn mà đại-tiện táo kết dùng bài *Ngọc-trúc*, bài *Nhân-sâm-lợi-cách*.

列方

Liệt các bài thuốc

生姜汁煎

Sinh - khương trấp tiên

沙参五リ 姜炒 百合五リ炒 生姜汁 蜂蜜
牛乳 (各一升)

Sa-sâm 5 đồng, Bách-hợp 5 đồng, Nước gừng, Mật-ong, Sữa-bò (dền 1 lạng). Hai vị khô sắc thang rồi hòa 3 vị nước.

五膈寬中散

Ngũ cách khoan trung tán

青皮五リ炒 陳皮五リ炒 香附 厚樸炒

(各六リ) 炙艸 白豆蔻 砂仁炒 丁香
木香 (各一リ)

Thanh-bì, 5 đồng, Trần-bì 5 đồng, Hương-phụ, Hậu-phác,
(đều 6 đồng), Chích-thảo, Bạch-dậu-khẩu, Sa-nhân, Đinh-hương,
Mộc-hương (đều 1 đồng).

Tán bột, mỗi bần uống 1 thìa, thang bằng nước gừng.

玉燭散

Ngọc chúc tán

熟地三リ 當歸二リ 白芍二リ炒 川芎
生草 大黃 芒硝 (各一リ)

Thục địa 3 đồng, Đương-quy 2 đồng, Bạch-thược 2 đồng,
Xuyên-khung, Sinh-thảo, Đại-hoàng, Mang-tiêu (đều 1 đồng)

人參利膈丸

Nhân-sâm lợi cách hoàn

党参一兩姜炒 當歸一兩 木香七リ 檳榔七リ
枳寔八リ炒 炙草八リ 厚樸二兩姜炒
川大黃二兩

Đảng-sâm 1 lượng, Đương-quy 1 lượng, Mộc-hương 7 đồng
Bích lang 7 đồng, Chỉ-thực 8 đồng, Chích-thảo 8 đồng, Hậu-
phác 2 lượng, Đại-hoàng 2 lượng.

Tán bột luyện hồ viên, mỗi bần uống 3 đồng.

Đại-doanh-tiên ở số 10 CHƯ-HƯ-CHƯƠNG.

Lý-âm-tiên ở số 26 HÂN-NHIỆT.

Nhị-trần thang ở số 28 ĐÀM-ÂM.

Lục-quân-tử thang, ở số 15 ĐÀM-QUYẾT.

驗方

Nghiệm phương



代赭旋覆湯

Đại giả toàn phú thang

芎藭三リ 姜炒 炙草三リ 法夏五リ 生薑五リ
旋覆花三リ 大棗三果 代赭石三リ 醋煨三次

Đẳng-sâm 3 đồng, Chích-thảo 3 đồng, Pháp-hạ 5 đồng, Sinh-khương 5 đồng, Toàn-phủ-hoa 3 đồng, Đại-táo 3 quả, Đại-giả-thạch 3 đồng (nung đỏ tươi giã-thanh 3 bận, tán bột bỏ vào sau.)

牛 涎 丸

Ngưu-duyên hoàn

Gạo nếp tán bột lấy rãi trâu luyến làm viên, bỏ chỗ đồ chía mà ăn, hoặc dùng rãi trâu hòa nước uống cũng được.

Phép lấy rãi trâu

Rửa mồm con trâu cho sạch, lấy muối xát vào thời chảy rãi ra.

又 方 最 驗

Lại bài nghiệm nữa

鹿肚草 陳米炒 灶心土 (各三リ)

Lộc-dỗ-thảo, Trần-mễ, Táo-tâm, (đều 3 đồng.)

Sắc nước uống.

關 格

60. — Quan - cách

Chứng quan-cách là trong bụng ngăn cách, khí dương ngăn khí âm, khiến trên không được vào, cho nên ăn uống phải nôn ra; khí âm ngăn khí dương, khiến dưới không được xuống cho nên đại tiểu-t tiện đều bí, trong bụng như có ngăn cách, muốn lên không được, muốn xuống không xong, trên

dưới không thông ấy là âm dương ly tuyệt, trong sách bảo rằng: «chứng quan-cách không được hết tuổi giới cho, thời sợ lắm.» Lại nói rằng: «phong lao cổ cách, từ chứng nan y».

Những khi mới phải mà dần dần sinh ra bệnh quan cách dùng thang Quy-tỳ, bổ Hoàng-kỳ, gia Chích-thực 3 đồng. Như thượng-tiêu có dờm ủng tắc mà ăn uống khó vào được dùng thang Chỉ-súc-nhị-trần, để khai dờm ra.

Một thứ phần dương thịnh hơn mà chân tay mình mảy đều nóng dùng bài Thận-khí-hoàn, lại dân phục thang Quy-tỳ, bổ Hoàng-kỳ gia Thục-dịa.

Một thứ phần âm thịnh hơn mà chân tay mình mảy đều mát cả dùng bài Thông-quan-đạo-thái-thang, cũng dân phục thang Quy-tỳ, bổ Hoàng-kỳ đi. Nhược bằng tiểu-tiện bế sáp một ngày không đi mà bụng dưới tức đau dùng Thận-mộng-phương, hoặc Chuyển-báo-pháp.

Bằng như đại-tiện táo kết năm sáu ngày không đi, trong bụng chướng đầy, như nhiệt kết dùng thang Tiểu-thừa khí, nhược bằng hàn ngưng dùng bài Bị-cấp-hoàn, Thiên-kim-phương

列 方

Liệt các bài thuốc

歸脾湯

Quy - tỳ thang

党参二リ姜炒 當歸一リ半 冬 朮一リ半土炒
茯苓一リ半 聚仁一リ半炒黑 龍眼一リ半
炙草五分 遠志五分製 洗香二分磨 紅棗一果
生姜三分 (去黃芪) 加 熟地二リ酒炙

Đảng sâm 2 đồng (tầm gừng sao) Đương-quy 1 đồng rươi, đông-truật 1 đồng rươi (tầm hoàng thổ sao), Phục-thần 1 đồng rươi, Táo-nhân 1 đồng rươi (sao đen), Long-nhân 1 đồng rươi Chích-thảo 5 phân, Viễn-bí 5 phân (chế), Trầm-hương 2 phân mài), Táo-đỏ 1 quả, Gừng sống 3 phân. Bổ Hoàng-kỳ. Gia: Thục-dịa 2 đồng (tầm rượu nướng).



枳縮二陳湯

Chi-súc nhị-trần thang

枳壳一リ炒 沙仁炒 茯苓 法夏 陳皮 蘇子
瓜蒌仁 厚樸炒 香附炒 (各七分) 炙草五分
木香二分 沉香二分

Chi-xác 1 đồng, Sa-nhân, Phục-linh, Pháp-hạ Trần-bì, Tô-tử, Qua-lâu-nhân, Hậu-phác, Hương-phụ (đều 7 phân), Chiết-thảo 5 phân, Mộc-hương 2 phân, Trầm-hương 2 phân.

Dùng nước trúc-lich, mài mộc-hương, trầm-hương cho vào sau.

腎氣丸

Thận-khí hoàn

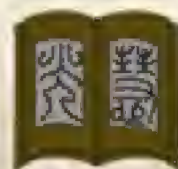
熟地四リ (浸洗香飯上蒸) 山茱一リ酒炒
牡丹一リ炒 淮山二リ米炒 茯苓一リ
澤左六分鹽炒 牛必六分 麥門一リ炒
沉香二分磨 破故五分炒

Thục-dịa 4 đồng (lấy cái giũa, giũa 1 phân trầm-hương ra bột, tẩm thục địa hấp cơm), Sơn-thủ 1 đồng (tẩm rượu sao), Mẫu-dơn 1 đồng (sao), Hoài-sơn 2 đồng sao với gạo nếp, Phục-linh 1 đồng, Trạch-tả 6 phân (tẩm muối sao), Ngưu-tất 6 phân, Mạch-môn 1 đồng (sao), Phá-cổ 5 phân (sao), Trầm-hương 2 phân (mài riêng ra sắc thuốc xong rồi máy cho vào sau).

通關交泰湯

Thông-quan-giao-thái thang

熟地三リ (浸沉香飯上蒸) 山茱九分九厘酒炒
淮山一リ八分糯米炒 茯苓五分 牡丹九分酒炒
澤左六分鹽炒 麥門一リ炒 牛必六分
製附二分 肉桂三分磨 沉香二分磨



Thực-dịa 3 đồng (tầm trầm-hương kếp cơm), Sơn-thù 9 phân 9 ly (tầm rượu sao), Hoài-sơn 1 đồng 8 phân (sao gạo nếp), Phục-linh 5 phân, mẫu-dơn 9 phân (tầm rượu sao), Trạch-tả 6 phân (tầm muối sao), Mạch-môn 1 đồng (sao vàng), Ngưu-tất 6 phân, Chế-phụ 2 phân, Nhục-quế 3 phân (mài), Trầm-hương 2 phân (mài).

Quan đã khai rồi, ăn không nôn bỏ Quế-Phụ đi. Gia : Hồ-dào 8 phân, Phá-cổ 8 phân (sao).

Uống luôn 10 thang.

神 夢 方

Thần - mộng phương

Lấy con dế có hai tay, độ 3, 4 con sao cháy, tán bột hòa rượu uống. Đi tiểu ngay lập tức.

轉 胞 法

Chuyển - bào pháp

Dùng Cam-loại 3 đồng (甘 遂 三 兩)

Tán bột hòa nước đắp vào bên dưới rốn.

Lại dùng Thảo-liết 3 đồng (草 蓀 三 兩) Sắc nước uống. Uống rồi một chốc hơi thuốc đến dưới rốn, hai vị ấy phản nhau, cái bọc chuyển ngay, nước tiểu ra như suối thực là phép cứu cấp rất hay lắm.

小 承 氣 湯

Tiểu - thừa - khí thang

厚 樸 六 兩 姜 炒 川 大 黃 三 兩 煨 枳 實 二 兩 炒

Hậu-phác 6 đồng Đại-hoàng 3 đồng, Chỉ-thực 2 đồng.

備 急 丸

Bị cấp hoàn

巴 豆 去 油 大 黃 煨 乾 姜 炒 木 香 (各 二 兩)

Ba-dậu, Đại-hoàng, Can-khương, Mộc-hương (đều 2 đồng).

Tán bột luyện mật, viên bằng hột đậu nhơn, mỗi bữa uống 2 viên hòa nước



千金方

Thiên kim phương

猪脂 姜汁 (各二升)

Nước mỡ lợn, nước gừng đều 2 chén, đun nấu cạn non nửa, thêm 1 chén rượu hòa vào chia ra làm 3, 4 bữa mà uống.

痞 滿

61. — Bí - mãn

Chứng bí-mãn là bụng tức đầy, trong bụng tức mà ngoài da không phình gọi là bí. Trong bụng đầy mà ngoài da phình gọi là mãn. Chứng này có hư thực, hai thứ không giống nhau.

Một thứ nhân sự ăn uống mà bụng đau tức đầy dùng bài Đại-hóa-trung, gia Thần-khúc 1 đồng; đau lăm dùng bài Thần hương-lân.

Một thứ chứng thực trệ phải xét xem lại ở đâu hóa ra tức đầy, bằng như âm thấp nhiều thì khí trệ dùng bài Bình-vị-tán, thang Lương-phương-hậu-phác, hoặc bài Ngũ-linh-lân. Nhược bằng hàn trệ mà tức đầy đau đờn dùng thang Hậu-phác-ôn-trung, bài Hòa-vị-âm. Nhược bằng độn dữ mà hóa ra tức đầy dùng bài Giải-can-tiến. Nhược bằng đại-tiện bất thông mà tức đầy dùng thang Hà-gian-hậu-phác.

Một thứ chứng bí mãn thuộc về hư hàn, hoặc là truyền lo ngbĩ, việc nhọc mệt, hoặc nhiều khi ăn uống thất thường hoặc uống nhầm thuốc công phạt hóa ra chứng hư bí hư mãn dùng thang Tứ-quân-tứ, thang Lý-trung, thang Q-y-tỷ, bài Thánh-truật. Nhược bằng tỷ thận hư hàn, hạ tiêu thường lạnh dùng bài Bát-vị-hoàn, bài Lý-âm-liên, lại còn một thứ âm hư huyết ít mà bụng cũng tức đầy lấy thuốc bổ huyết chữa bệnh đầy dùng thang Tứ-vật, bài Thánh-thanh-giảng-trọc.

良方厚樸湯

Lương - phương hậu - phác thang

厚樸八两 姜 炒

Hậu-phác 8 đồng. (Sắc nước uống).



和胃飲

Hòa - vị ẩm

厚樸四リ 姜炒 陳皮二リ 炒 乾姜二リ 炒
炙艸一リ

Hậu-phác 4 đồng, Trần bì 2 đồng, Can-khương 2 đồng
Chích-thảo 1 đồng.

厚樸溫中湯

Hậu - phác ôn-trung thang

橘紅 茯苓 乾姜炒 (各二リ) 厚樸三リ 姜炒
炙艸一リ 白豆蔻一リ 木香五分

Quất-hồng, Phục-linh, Can-khương (đều 2 đồng), Hậu-phác,
3 đồng, Chích-thảo 1 đồng, Bạch-dậu khấu 1 đồng, Mộc-
hương 5 phân.

鮮肝煎

Giải - can tiên

陳皮炒 法夏 茯苓 厚樸姜炒 (各二リ)
蘇葉一リ 白芍一リ 炒 砂仁七分

Trần-bì, Pháp-hạ, Phục linh, Hậu-phác (đều 2 đồng), Tô-
diệp 1 đồng, Bạch-thược 1 đồng, Sa-nhân 7 phân.

河間厚樸湯

Hà - gian hậu-phác thang

厚樸三リ 姜炒 白朮二リ 土炒 法夏二リ
陳皮二リ 炒 枳殼一リ 炒 生草七分

加 川大黃一リ

Hậu-phác 3 đồng, Bạch-truật 2 đồng, Pháp-hạ 2 đồng, Trần-
bì 2 đồng, Chỉ-xác 1 đồng, Sinh-thảo 7 phân
Gia Đại-hoàng 1 đồng.



升 清 降 濁 方

Thăng - thanh giáng - trọc phương

肉蓯蓉五リ 裹 党参三リ 姜 炒 茯苓二リ
白芍二リ 炒 澤左一リ 炒 吳茱八分 酒 炒
升麻一リ 半 沉香三分 磨 葛根一リ

Nhục-thong-dong 5 đồng, Đảng-sâm 3 đồng, Phục-linh 2 đồng, Bạch-thược 2 đồng, Trạch-tả 1 đồng, Ngô-thù 8 phân, Thăng-ma 1 đồng rưỡi, Trầm-hương 3 phân, Cát-căn 1 đồng.

Đại-hòa-trung, Bình-vị-tán đều ở số 18 Thực-QUYẾT.

Thần-hương tán ở số 46 ÂM-THỰC.

Ngũ-linh-tán ở số 8 THƯƠNG-THẤP.

Nhị-trần-thang ở số 28 ĐÀM-ÂM.

Tứ-quân-tử, Quy-tỳ, Bát-vị-hoàn đều ở số 10 CHƯ-HƯ-CHUNG.

Lý-trung-thang, Lý-âm-tiên đều ở số 3 THƯƠNG HÀN.

Thánh-truật-tiên ở số 51 THÔN-TOÀN.

Tứ-vật-thang ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

積 聚

62 — Tích - tụ

Tích-tụ là bịnh hòn. Trong pho Nạn-kinh nói rằng: «bụng ngũ tích ở ngũ tạng sinh ra, buồng gan gọi rằng phi khí ở dưới vạng sườn tay trái; quả tim gọi rằng: phục lương phát ở trên rốn; lá lách gọi rằng: bí khí ở chỗ vị oản; buồng phổi gọi rằng: bí tức ở dưới vạng sườn bên phải; bồ đục gọi rằng bốn độn phát ở bụng dưới».

Chứng lục tụ ở trong lục phủ sinh ra Chứng tích là dần dà mới thành, rắn chắc mà không di dịch.

Bịnh tụ là tạm hợp hoặc tụ hoặc tán.

Chứng tích thuộc về huyết phận, có hình thời khó tiêu.



Bệnh tụ thuộc về khí phản không bình thời rã tan.

Chứng này bởi vì khí huyết đều hư, gió lạnh cảm ở ngoài, ăn uống tích trệ ở trong, dờm rãi ngưng kết lâu mà thành bệnh : chứng, hà, bí, tích bốn chứng.

Bệnh chứng là bụng có hòn, sờ thấy rắn như hình con trai ở trong thịt nguyên một chỗ không di dịch, thường khi trên ngực tức đầy, ăn uống không hạ lợm dọng nôn mửa.

Bệnh hà bụng cũng có hòn như là vật giả không thật, lúc có, lúc không, trong ngực thường tức đầy mà đau dẫn xuống bụng dưới, hoặc lại đau xông lên quả tim không có sự lợm nôn gì.

Chứng bí là tức bụng hiện ra ở ngoài, da thời đầy, bụng, rốn thời to, thỉnh thoảng vẫn đau nhói nhói, mặt thời vàng người thì gầy.

Chứng tích là có tích kết tụ ẩn ở trong thường hay di rữa luôn luôn tựa như di lý mà không phải lý, như có giun quấy mà không phải giun, hoặc hạ máu tươi, trong bụng thường đau âm ỷ. Đại khái chữa bệnh này tích ở trong tràng vị thời dễ tiêu, tích ở ngoài mạng mỡ thời khó tan phép chữa chỉ có công, tiêu, bồ, tán 4 thứ mà thôi.

Một thứ bệnh hòn rắn chắc mà người khỏe, khi thực phải dùng côn, phạt chữa cho chóng như bài: *Bí-phương-hóa trệ*, *Hóa-thiết-dan*, hai bài này là công phạt nặng lắm. Còn như là bài *Tam-lăng-hoàn*, *Trợ-khi-hoàn* hai bài này là công phạt vừa vừa.

Như người yếu đuối khí hư không dám công kích phải dùng ôn bồ, mà dân phục thuốc tiêu đạo như bài: *Hòa-trung-hoàn*, *Đại-hòa-trung-đm*. Các bài thuốc bồ như muốn bồ tỳ vị dùng bài *Ôn-vị-âm*, *Dưỡng-trung-tiến*.

Một thứ bồ can thận dùng bài *Lý-âm-tiến*, *Thận-khi-hoàn*.

Một thứ bệnh hòn khí tụ không có bình p ải dùng tán mới khỏi như phương *Bài-khi-âm*, *Thập-hương-hoàn*.

Một thứ bệnh hòn rắn chắc ở trong da thịt phải dùng nội ấm ngoại đồ thời mới chóng khỏi dùng *Hồ-phách-cao*, hoặc *Tam-thánh-cao*.



列 方

Liệt các bài thuốc

化 滯 丸

Hóa trệ hoàn

木香 丁香 青皮炒 橘紅 黃連 (各二リ半)
三棱五リ醋炒 莪朮五リ醋炒 法夏三リ (八味共研)
巴豆六リ醋炙炒 烏梅肉五リ焙乾

Mộc-hương, Đinh-hương, Thanh-bì, Quất-hồng, Hoàng-liên (đều 2 đồng rưỡi), Tam-lăng 5 đồng, Nga-truật 5 đồng, Pháp hạ 3 đồng, (tám vị cùng tán bột), Ba-dậu-nhân 6 đồng (tầm giấm-thanh đun cạn khô tán bột), Thịt Ô-mai 5 đồng.

Sao khô tán bột hòa giấm-thanh nấu thành cao cho tất cả thuốc bột vào, thêm hồ luyện làm viên bằng hạt lú-bủ; người khỏe uống 10 viên, người yếu, trẻ con uống 5 viên.

化 鉄 丹

Hóa thiết đan

烏梅八果 巴豆十六粒 川椒四十八粒 青皮炒
丁香 木香 (各五リ)

Ô-mai 8 quả, Ba-dậu 16 hạt, Xuyên-tiêu 48 hạt, Thanh-bì, Đinh-hương, Mộc-hương (đều 5 đồng).

Cùng tán bột tầm giấm-thanh luyện hồ viên bằng hạt gạo; người khỏe uống 5 phân, người yếu, trẻ con uống 3 phân.

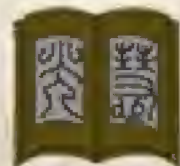
三 棱 丸

Tam lăng hoàn

陳米一升 巴豆五粒

Trần-mễ 1 lượng, Ba-dậu 5 hạt cùng sao cháy bỏ ba-dậu đi,
陳皮炒 三棱醋炒 沙仁炒 麥芽炒 黑木香 (各二リ)
Trần-bì tam-lăng, Sa-nhân, Mạch-nha Mộc-hương (đều 2 đồng).

Tán bột luyện hồ viên, mỗi bữa uống 2 đồng.



助氣丸

Trợ - khí hoàn

三棱一兩醋炒 義朮一兩醋炒 青皮炒 橘紅
白朮土炒 (各五兩) 木香 檳榔 枳殼炒 (各三兩)

Tam-lăng 1 lượng, Nga-truật 1 lượng, Thanh bì, Quất-hồng,
Bạch-truật (đều 5 đồng), Mộc-bương, Bình-lang, Chỉ-xác
(đều 3 đồng).

Tán bột luyện hồ viên, mỗi bữa uống 2 đồng.

和中丸

Hòa - trung hoàn

白朮二兩四兩土炒 厚樸二兩姜炒 陳皮一兩半炒
法夏一兩 兵榔五兩 枳實五兩炒 炙草四兩
木香三兩

Bạch-truật 2 lượng 4 đồng, Hậu phác 2 lượng, Trần-bì 1 lượng
rưỡi, Pháp-hạ 1 lượng, Bình-lang 5 đồng, Chỉ-thực 5 đồng,
Chích-thảo 4 đồng, Mộc-bương 3 đồng.

Tán bột quấy hồ nước gừng viên, mỗi bữa uống 3 đồng.

Đại-hòa-trung-âm ở số 1 NỘI THƯƠNG.

Ôn-vị-âm ở số 5 THƯỜNG-ĐÀN.

Dưỡng-trung-tiên ở số 10 CHƯ HƯ-CHUNG.

Lý-âm-tiên ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Bài-khí-âm ở số 13 KHÍ-QUYẾT

腎氣丸

Thận - khí hoàn

即六味丸

加 破故二兩炒

Là bài Lục vị-hoàn gia Phá-cổ 2 đồng.



十香丸

Thập hương hoàn

木香 洗香 丁香 小茴 香附 陳皮炒 澤左炒
烏藥 皂莢燒 荔枝炒 (各五升)

Mộc-hương, Trầm-hương, Đinh-hương, Tiểu-hồi, Hương-phụ, Trần-bì, Trạch-tả, Ô-dược, Lê bạch (đều 5 đồng).

Tán bột quấy hồ bằng rượu, luyện làm viên, mỗi bữa uống 2 đồng

琥珀膏

Hồ-phách cao

琥珀一升 丁香 桂心 硃砂 木香 松香 (各五升)

白芷 防風 當歸 木鱉 木通 (各一升)

麻油二升

Hồ-phách 1 lượng, Đinh-hương, Quế-tâm, Chu-sa, Mộc-hương, Tòng-hương, (đều 5 đồng), Bạch-chỉ, Phòng-phong, Đương-quy, Mộc-biết, Mộc-thông (đều 1 lượng), Dầu-vừng 2 cân.

Đem Hồ-phách, Chu-sa, Tòng-hương cùng tán bột để riêng ra. Còn tám vị kia thái nhỏ bỏ vào nồi đồng đun lẫn với dầu vừng, khi thuốc đen thì vớt bỏ ra, lấy vải lọc cho sạch bỏ bỏang-dơn độ hơn 10 lượng, lấy dũa sắt quấy vừa thôi thôi như đồng phải cho thêm hoàng-dơn lại cho 3 vị thuốc bột trước vào, quấy thành cao.

三聖膏

Tam-thánh cao

石灰二升 肉桂二升六升 川大黃四升 生用

Thạch-hôi 2 lượng, Nhục-quế 2 lượng 6 đồng, Đại-hoàng 4 đồng.

Trước đem thạch-hôi tán bột sao đỏ, cho giấm-thanh vào nấu thành cao. Đại-hoàng, nhục-quế tán bột rắc vào quấy cho đều mà gián, gián rồi lấy hòn lóc đốt nóng thỉnh thoảng chườm vào cho chóng lặn.



水 腫

63. — Thủy - sưng

Chứng thủy-sưng là bệnh phù nước, bệnh này thuộc âm, tính âm chậm chạp cho nên bệnh lên dần dần, thân thể chân tay đều sưng, mà sưng có phân địa giới, ấn vào thịt như bùn mà lồm xồm bởi vì tỷ thổ hư không chế được thủy cho nên thân thủy đầy rẫy khắp cả tam-tiêu ứng tắc mạch máu, phế khí cũng hư nên nước tiểu ít mà vàng; bệnh này thuộc cả 3 kinh tỷ, phế, thận, phải xét hình thể người bệnh khỏe yếu thế nào mà dùng thuốc.

Một thứ bệnh phù bình thể khỏe mạnh và tuổi còn trẻ nên dùng tiêu đạo như bài Ngũ-bì-tán, Vị-linh-thang và bài Trầm-hương-hồ-phách, bằng có tức đau, đại-tiện táo kết phải cho thuốc hạ như dùng bài Xích-kim-đậu, Bách-thuận-hoàn.

Một thứ bệnh phù mà người yếu đuối và đã có tuổi nên lấy bổ làm tiêu dùng Kim-quỹ-thận-khí dân phục với thang Quy-tỷ, hoặc là thang Bô-trung gia Xích-linh, Hậu-phác, La-bắc, Chỉ-thực (đều 2 đồng).

赤苓 厚樸 羅蔔 枳實 (各二升)

Một thứ người bản tạng nhiệt da hỏa mà phát ra bệnh phù thường vẫn khát nước muốn mát, mặt thời đỏ đại-tiện thì táo hoặc có ho thổ, hoặc đầu mặt đều sưng, mạch thời hoạt thực chạy khỏe là chứng thấp nhiệt dùng bài Lục-vị-hoàn, bội Phục-linh, Trạch-tả. Gia Xa-tiền, Ngưu-tất. Nhược bằng nóng lắm dùng bài Gia-dâm-nhất-âm cũng gia Phục-linh, Trạch-tả, Xa-tiền; nhược bằng bình sinh không ưa thực địa lấy sinh-địa thay vào.

Một thứ người ít tuổi uống rượu nhiều quá hóa ra bệnh phù, mạch chạy có sức, nguyên khí còn vượng, chữa nên dùng bổ phải cho tiêu di dùng bài Vũ-công-tán, Đạo-thủy-hoàn, Tuần-xuyên-tán.

Một thứ bệnh phù bởi tại hai kinh: tỷ, phế hư tổn, ăn uống không ngon, đại-tiện không lạnh, tiểu-tiện không lợi, dùng thang Tứ-quần-tả, thang Bô-trung, thang Quy-tỷ gia những vị lợi tiểu như: Chư-linh, Trạch-tả, Xa-tiền, Xích-linh,

猪苓 澤左沙 車前炒 赤苓



Bệnh phù các chứng nguy:

• Minh nóng như lửa. Nóng lạnh như sốt rét, mồm môi đen sẫm, mỗ ác đầy phảng, rốn to lồi lên, gan bàn chân bàn tay đều phảng, đại-tiện đường tiết, ngọc-hành sưng to, đầu gối to bằng cái dấu. Nam ky tức là mai bàn chân sưng, nữ ky mục ở dưới mắt ngựa (tâm sưng; trước khởi ở bụng sau chạy ra chân tay thời rã chữa, trước khởi sưng ở chân tay sau chạy vào bụng gọi rằng: tứ chi quy phúc thời khó chữa.

列 方

Liệt các bài thuốc

五 皮 散

Ngũ - bì tán

陳皮 炒 茯苓皮 大腹皮 炒 菱皮

桑白皮 炒 (各二リ)

Trần-bì, Phục-linh-bì, Đại-phúc-bì (là bẹ mèo cau), Khương-bì, Tang-bạch-bì (đều 2 đồng).

Vị-linh thang ở số 46 ẤM-THỰC.

Quy-tỳ-thang, Lục-vị hoàn, Tứ-quân tử, Bồ-trung-ích-khi, Gia-dâm-nhất-âm đều ở số 10 CHƯ-HỮ-CHỨNG.

沈 香 琥 珀 丸

Trầm-hương hồ - phách hoàn

沉香 五リ 郁李仁 五リ 亭 蘿 五リ 炒

橘紅 二リ半 防己 二リ半 琥珀 杏仁

紫蘇 赤芍 澤左 (各二リ)

Trầm-hương 5 đồng, Úc-lý-nhân 5 đồng, Đình-lich 5 đồng, Quất-hồng 2 đồng rưỡi, Phòng-kỷ 2 đồng rưỡi, Hồ-phách, Hạnh-nhân, Tử tô, Xích-linh, Trạch-tả (đều 2 đồng).

Tán bột luyện mật viên, xạ-hương làm áo, mỗi bận uống 2 đồng, sắc dương-sâm làm thang.



赤金豆

Xích - kim - đậu

巴豆一リ半去油 生附子二リ 皂角二リ 炒焦
輕粉一リ 丁否 天竺黃 木香 (各三リ)

Ba-dậu 1 đồng rưỡi, Sinh-phụ-tử 3 đồng, Tào-dác 2 đồng, Khinh-phấn 1 đồng, Đinh-hương, Thiên-trúc-hoàng, Mộc-hương (đều 3 đồng).

Tán bột tằm giấm-thanh luyện hồ rồi viên bằng bột thóc.
Chu-sa 2 đồng (朱砂二リ)

Tán bột làm áo, mỗi bận uống 5 viên. Muốn chóng nóng nhiều hơn, nhược bằng đi rửa không chỉ, phải uống 1 hùm nước lã thì chỉ.

百順丸

Bách - thuận hoàn

川大黃四リ煨 皂角四リ炒焦

Xuyên-dại-hoàng 4 đồng, Tào-dác 4 đồng.

Tán bột luyện hồ viên, mỗi bận uống 2 đồng.

金匱腎氣丸

Kim - quĩ - thận - khí hoàn

熟地六リ 淮山四リ炒 赤苓四リ 牡丹一リ半炒

澤左三リ盪炒 車前二リ炒 牛必二リ

肉桂一リ磨 襲附五分

Thục địa 6 đồng, Hoài-sơn 4 đồng, Xích-linh 4 đồng, Mẫu-dơn 1 đồng rưỡi, Trạch-lả 3 đồng, Xa-liên 2 đồng, Ngưu-tất 2 đồng, Nhục quế 1 đồng, Chế-phụ 5 phân. (bỏ sơn-thù đi).

禹功散

Vũ - công tán

黒丑二リ炒 小茴五リ炒 木香三リ

Hắc-sửu 2 lượng, Tiểu-hồi 5 đồng, Mộc-hương 3 đồng.

Tán bột luyện hồ viên, mỗi bận uống 3 đồng.



導水丸

Đạo-thủy hoàn

川大黃二兩煨

黃芩二兩酒炒

活石四兩

黑丑四兩

Đại-hoàng 2 lượng, Hoàng-cầm 2 lượng, Hoạt-thạch 4 lượng, Hắc-sửu 4 lượng.

Tán bột luyện hồ viên mỗi bận uống 3 đồng.

濟川散

Tuần-xuyên tán

甘遂二兩煨

郁李仁一兩

川大黃三兩煨

黑丑三兩炒

芒硝二兩

Cam-toại 2 đồng, Úc-ly-nhân 1 đồng, Đại-hoàng 3 đồng, Hắc-sửu 3 đồng, Mang-tiêu 2 đồng.

Tán bột luyện hồ viên, mỗi bận uống 1 đồng.

簡易方

Giản-dị phương

Dùng thỏ cầu là con dế có 2 tay độ 6, 7 con sao khô tán bột uống 1 đồng hòa với rượu. Hoặc dùng diên-loa là con ốc nhồi 1 rổ, đựng vào chậu đồ đầy nước thêm 1 chén dầu vừng thì ốc nhả nhiều rãi; vớt lấy rãi phơi khô tán bột hòa rượu uống 3 phân.

又方

Lại bài nữa

Nhái-xanh 2 con, con giế có hai tay 7 con vỏ quả bầu khô 5 đồng. Đều sấy khô cùng tán bột, mỗi bận uống 2 đồng Thang bằng rượu.



氣 腫

64. — Khí - sưng

Chứng khí-sưng là bệnh phù hơi bệnh này thuộc dương, tính dương nhanh chóng vậy nên bệnh phát lên mau, chân tay đều sưng, hoặc liên cả ngực sườn, hoặc suốt cả thân thể, hoặc đau vào trong tạng phủ, ấn vào da như bong-bóng, ấn xuống lại lên, bởi vì khí huyết chẳng hòa ăn uống ngưng trệ, ngoài thời mưa gió chẳng thuận, nóng lạnh trái tiết, cho nên hóa ra bệnh sưng, phải xét hư thực thế nào mà chữa; như tiểu-tiện vàng đỏ, đại-tiện táo kết, người mạnh khỏe, hoặc ít tuổi mạch thời hoạt, chạy có sức là nhiều phần thực. Như nước tiểu trong, đại-tiện lỏng, người thời yếu đã có tuổi mạch chạy chậm là nhiều phần hư.

Một thứ ăn uống tích trệ mà phù sưng dùng bài *Khước-thanh-âm*, như có đau bụng dùng phương *Bài-khi-âm*, *Thần-hương-lân*, hoặc có tức đầy, bụng rắn mà đau dùng thang *Đại-thừa-khi*, *Bách-thuận-hoàn* cho hạ đi, bằng như khí tức ở trong mà ngoài cũng đầy, dùng củ-tỏi nướng qua, chấm muối thường ăn cơm thời khỏi. Nhược bằng khí chướng mà tiểu-tiện không lợi dùng bài *Ngũ-linh-lân*, lấy mấy củ-tỏi nướng qua luyện làm viên mà uống.

Một thứ con tý vị hư hàn, ăn uống chậm tiêu mà đầy bụng dùng *Lý-trung-thang*, *Ôa-vị-âm*, *Ngũ-quán-túc*. Nhược bằng hạ-tiểu hư hàn không hay vận hóa dùng bài *Lý-âm-tiên*, bài *Kim-quỹ-thận-khi*.

Một thứ nhân ngoại cảm gió độc mà tự nhiên hóa bệnh sưng dùng bài *Chính-sái-hồ*, bài *Bại-độc-lân*. Nhược bằng nhân gió mà lửa bốc lên trong ngoài đều nóng dùng bài *Thược-độc-thanh-can*, hoặc bài *Long-đám-lã-can*.

Nhược bằng nóng chạy vào trong mà khát nước, uống nhiều dùng thang *Bạch-hồ*, bằng như tức đầy nóng quá không thấy lợi dùng thang *Đại-thừa-khi*, bài *Bách-thuận-hoàn* cho hạ đi.



列 方

Liệt các bài thuốc

廓 清 飲

Khuếch - thanh âm

茯苓三リ 澤左三リ 炒 白芥子二リ 炒
腹皮二リ 枳壳二リ 炒 厚樸一リ 半
莢蔔一リ 炒 陳皮一リ 炒

Phục-linh 3 đồng, Trạch-tả 3 đồng, Bạch-giới-tử 2 đồng,
Phúc-bì 2 đồng, Chi-xác 2 đồng, Hậu-phác 1 đồng rưỡi,
La-bặc 1 đồng, Trần-bì 1 đồng.

Bài-khi-âm ở số 13 KHÍ-QUYẾT

Thần-hương-tán ở số 46 ÂM-THỰC.

Đại-thừa-khi, Lý-âm-tiên, Lý-trung-thang Bạch-hồ-
thang đều ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Ngũ-linh-tán ở số 8 THƯƠNG-THẤP.

Ôn-vị-âm ở số 5 TRÚNG-HÀN

Ngũ-quân tử ở số 26 HÀN-NHIỆT.

Kim-quỹ-thận-khi ở số 63 THỦY-SŨNG.

正 柴 胡 飲

Chính - sai - hồ âm

柴胡二リ 白芍三リ 防風一リ 陳皮一リ 炒
炙草一リ 生姜五片

Sai-hồ 2 đồng, Bạch-thược 3 đồng, Phòng-phong 1 đồng,
Trần-bì 1 đồng, Chích-thảo 1 đồng, Sinh-kương 5 nhát.



敗毒散

Bại - độc tán

党参 姜炒 茯苓 川芎 柴胡 前胡 姜活
獨活 枳壳炒 桔梗 生草 (各三升)

Đảng-sâm, Phục-linh, Xuyên-khung, Sài-bồ, Tiền-bồ, Khương-hoạt, Độc-hoạt, Chỉ-xác, Kết-cánh, Sinh-thảo (đều 3 đồng).

Tán bột, mỗi bữa uống 2 đồng, thang bằng nước gừng.

芍藥清肝湯

Thược - dược thanh - can tán

白朮土炒 川芎 防風 姜活 桔梗 滑石
石羔煨 芒硝 (各六分) 黃芩炒 茵陳 荊芥
前胡 炙艸 白芍 (各三分) 川大黃八分煨
柴胡四分 知母四分 梔子四分炒黑

Bạch-truật, Xuyên-khung, Phòng-phong, Khương-hoạt, Kết-cánh, Hoạt-thạch, Thạch-cao, Mang-tiên (đều 6 phân), Hoàng-cầm, Bạc-hà, Kinh-giới, Tiền-bồ, Chích-thảo, Bạch-thược (đều 3 phân), Xuyên-dại-hoàng 8 phân, Sài-bồ 4 phân, Tri-mẫu 4 phân, Chi-tử 4 phân.

七味龍膽瀉肝湯

Thất vị long - đản - tả - can thang

柴胡 澤左炒 車前炒 木通 龍胆
歸尾 生地 (各二升)

Sài-bồ, Trạch-tả, Xa-tiên, Mộc-thông, Long-dảm, Quy-vĩ, Sinh-địa (đều 2 đồng)

Bách-thuận-hoàn ở số 62 Tích-tự

Hựu giản phương

La-bặc 1 lượng tán nhỏ hòa nước, vắt lấy nước; lấy sa-nhân 1 lượng tẩm một đêm, rồi sao khô như thế 7 bận, rồi tán bột uống 1 đồng hòa nước cơm.



鼓 脹

65. — Cò - chương

Bệnh cò thời mặt, mũi, chân, tay không sưng, chỉ có bụng to như cái trống, bởi vì nguyên khí đại hư, tỳ vị tổn thương quá lắm, hoặc bệnh phù sưng không khỏi thu vào trong bụng. Phó nội-kinh nói rằng: «đất phẳng thành ruộng nương, bắt cấp thành hồ ao, thái quá thành gò đồng», người đời xưa nói: phong, lao, cò, cách từ chứng nan y, thật là chứng ấy rất khó chữa. trị bệnh này nên bồi bổ khí huyết, điều hòa tỳ vị làm chủ, nhược bằng dùng thuốc công phạt mà không giữ lấy nguyên khí thời không cứu được.

Một thứ tỳ âm huyết hư thời ít ngủ mà đại tiện táo dùng phương *Bồ-tỳ-âm*, gián phục bài *Bát-vị-hoàn*.

Một thứ vị dương khí kém ít thời ăn uống không tiêu mà đại-liện đường tiết dùng thang *Gia-dảm-lục-quân*, gián phục với thang *Quy-tỳ*.

補 脾 陰 方

Bồ - tỳ - âm phương

熟地八两 冬朮一斤土炒 洋参四两姜炒 乾姜二两炒

Thục-dịa 8 lượng, Đông-truật 1 cân Dương-sâm 4 lượng, Can-khương 2 lượng.

Thái nhỏ bỏ vào nồi sắc 3 nước cách thủy đúc thành cao mỗi bận uống 1, 2 thìa. Sắc hạt sen làm thang mỗi ngày uống 3 bận

加 減 六 君 湯

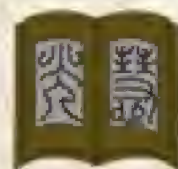
Gia đảm lục - quân thang

洋参三両姜炒 冬朮二両土炒 茯苓三両

炙草 陳皮炒 厚樸炒 蘇梗 各一両

白豆蔻一両 大棗一枚 生姜五片

Dương-sâm 3 đồng, Đông-truật 2 đồng, Phục-linh 3 đồng, Chích-thảo, Trần-bì, Hậu-phá, Tô ngạnh (đều 1 đồng), Bạch-đậu-khẩu 1 đồng Đại-táo 1 quả Sinh-khương 5 nhát.



簡易方

Giản dị phương

Kê-thi-lê là cắt gà trắng khô 1 lễ sao vàng đựng vào túi, lấy rượu sắc uống 3 chén.

又傳方

Hựu truyền phương

Vỏ quả bầu mới mà khô thái nhỏ, 1 lễ là 3 bát nước sắc uống, thêm nửa chén rượu. Uống luôn 7 ngày,

氣鼓方

Khí-cổ phương

La-bặc-tử 5 đồng dâm nhỏ hòa nước, vắt lấy nước, dùng Sa-nhân 1 lạng tằm 1 đêm sao khô như thế 7 bận, tán bột mỗi bận uống 1 đồng, thang bằng nước cơm.

水鼓方

Thủy-cổ phương

Nhái-xanh 2 con, thỏ-cẩu là con để có 2 tay lấy 7 con, vỏ quả bầu khô mới, sấy khô 5 đồng, cùng tán bột, mỗi bận uống 2 đồng thang bằng rượu.

Quy-tỷ-thang, Bát-vị-hoàn đều ở số 10 CHƯ-HƯ-CHUNG.

黃疸

66. — Hoàng-dản

Chứng hoàng-dản là da vàng, bủng như thị dục. Trong sách có chia làm 5 thứ:

Một thứ là suốt người cả trong con mắt cũng vàng như nghệ, nước tiểu cũng vàng gọi là hoàng-dản.

Một thứ bề-hỏi vàng thắm ra áo như ruộm nghệ gọi là hãn-dản.

Một thứ ăn uống thương tý mà vàng gọi là cốc-dản.



Một thứ uống rượu thương thấp mà vàng gọi là tửu-dẫn ;
 Một thứ dâm dục thương âm mà vàng gọi là sắc-dẫn.

Gồm 5 thứ dẫn ấy chẳng qua âm dương, biểu, tả, tạng, đâm
 bốn chứng mà thôi phải chia ra mà dùng thuốc.

Một thứ chứng dương dẫn bởi nhân thấp nhiệt thời mình
 nóng, khát nước, ăn nhiều đói luôn, nước tiểu ít mà đỏ,
 đại-tiên táo kết, mạch thời hồng xác có sức, nhiệt vừa dùng
 bài Nhân-trần-ấm, Đại-phân-thanh, Chi-từ-nghiệt-bì, nóng lắm
 thời dùng bài Nhân-trần-hao, bài Chi-từ-dại-hoàng.

Một thứ chứng âm dẫn bởi vì khí huyết hư, hoặc có sự
 thất tình thương ngũ tạng, hoặc có việc khó nhọc thương
 hình thể mạch thời trầm tri, chạy yếu phải dùng thuốc bổ tỳ
 thận, bổ khí huyết. Khí huyết sung túc thời sắc vàng nhạt
 dần mà khỏi, như tỳ hư dùng thang Ngũ-quân-tử, bài Thọ-
 tỷ-tiên, bài Ôn-vị-ấm, như thận hư dùng Thận-khi-hoàn, Bát-
 vị-hoàn, Lý-âm-tiên, Hữu-quy-ấm, Lục-vị hồi-dương. Nhược
 bằng có kèm hàn thấp dùng bài Ngũ-linh-tán, bài Nhân-
 trần-ngũ-linh-tán, để dần phục các bài ôn bổ.

Một thứ chứng thương hàn phát hoàng mà nóng sốt chưa
 khỏi, dùng thang Sài-linh, bài Quế-chi-gia-hoàng-kỳ, bài Nhân-
 trần-ngũ-linh. Nhược bằng trong bụng nóng lắm dùng bài
 Nhất-sái-hồ, hoặc bài Sài-cầm-tiến.

Một thứ kinh khủng phát hoàng ắt là sợ hãi mất mặt thời
 quả tim trái cật đều bị thương phải dùng thuốc đại bổ như
 bài Đại-bổ-nguyên, Thất-phúc-ấm, Lục-vị-hồi-dương, lại thêm
 những vị an thần là: Chu-sa 5 phân, Thần-sa 5 phân, liềm
 khí dùng Phá-cổ 1 đồng, Ngũ-vị 15 hột, lại phải khai đạo
 những sự lợi hại để cho giải những việc nghi hoặc, ngờ vực.

列方

Liệt các bài thuốc

Nhân-trần-ấm, Ngũ-linh-tán, Đại-phân-thanh đều ở số
 8 THƯƠNG-THẤP.

Đại-bổ-nguyên, Ngũ-quân-tử, Thất-phúc-ấm, Bát-vị-
 hoàn, Hữu-quy-ấm đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG

Nhất-sái-hồ, Lý-âm-tiên, Lục-vị-hồi-dương đều ở số 3
 THƯƠNG HÀN.

Ôn-vị-ấm ở số 5 TRUNG-HÀN.

Thận-khi-hoàn ở số 62 TÍCH-TU.



梔子萼皮湯

Chi-tử nghiệt-bì thang

梔子五リ炒黑

Chi-tử 5 đồng.

黃伯二兩炙

Hoàng-bá 2 lượng.

生薑一兩

Sinh-thảo 1 lượng.

茵陳蒿湯

Nhân-trần-hao thang

茵陳九リ

Nhân-trần 9 đồng

川大黃三リ煨

Đại-hoàng 3 đồng.

梔子二リ炒黑

Chi-tử 2 đồng.

梔子大黃湯

Chi-tử đại-hoàng thang

梔子五リ炒黑

豆豉五リ炒

Chi-tử 5 đồng.

川大黃五リ煨

Đại-hoàng 5 đồng.

枳實二リ炒

Chi-thực 2 đồng.

Đậu-xí 5 đồng.

壽脾煎

Thọ-tỳ tiên

党参三リ姜炒

潞仁炒黑 (各二リ)

遠志一リ製

Đảng-sâm 3 đồng.

Viễn-chí 1 đồng.

蓮肉十粒炒

Liên-nhục 10 hột.

白朮土炒

乾姜一リ炒

大棗二枚

Bạch-truật.

Can-khương 1 đồng.

淮山炒

Hoài-sơn.

當歸

炙草一リ

生薑五片

Đương-quy.

Chích-thảo 1 đồng.

Sinh-khương 5 nhát.

茵陳五苓散

Nhân-trần ngũ-linh tán

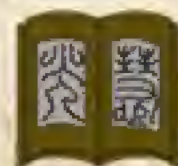
茵陳一兩散末

Nhân-trần 1 lượng (tán bột).

Hòa lẫn uống 2 đồng.

五苓散五リ

bài Ngũ-linh-tán 5 đồng.



桂枝加黃芪湯

Quế-chi gia hoàng-kỳ thang

桂枝二リ 白芍二リ 黃芪二リ炙 炙甘草一リ
生姜一リ 大棗二枚

Quế-chi 2 đồng, Bạch-thược 2 đồng, Hoàng-kỳ 2 đồng,
Chích-thảo 1 đồng, Sinh-kương 1 đồng Đại-táo 2 quả.

柴苓飲

Sài - linh âm

澤左三リ炒 柴胡 猪苓 茯苓 白朮土炒
(各二リ) 肉桂一リ磨

Trạch-tả 3 đồng, Sài-hồ, Chư-linh Phục-linh, Bạch truật
(đều 2 đồng), Nhục quế 1 đồng.

柴苓煎

Sài - cầm tiên

柴胡 黃芩炒 澤左炒 白朮土炒 梔子炒黑
(各二リ) 枳壳一リ炒

Sài-hồ, Hoàng-cầm, Trạch-tả Bạch truật, Chi-tử (đều 2 đồng),
Chỉ xác 1 đồng.

驗方

Nghiệm phương

Trị chứng âm-dẫn dùng giấy rơm lấy quánh bột lo quánh 3 lần, làm cái ống dài 3 tấc một đầu bịt kín, lấy sáp nguyên nấu cho chảy ra, phết vào chung quanh cái ống, khiến người bệnh nằm ngửa đem cái ống úp vào rốn lại lấy bột hòa nước luyên cho giẻo nặn làm cái khuyên, để giữ lấy chân ống cho khỏi đổ và cho khỏi hở hơi ra, châm lửa đốt đầu ống, cháy đến gần hết thời bỏ ra lại thay đốt ống khác xem trong rốn có nước vàng sẽ lấy giấy mà thấm đi, bệnh nhẹ lấy 7, 8 ống, bệnh nặng đốt vài chục ống, ngày đốt hai lần, lấy hết nước vàng trong rốn mới thôi, 3 ngày thì khỏi thực là tiên phương.



Trị chứng dương-dẫn dùng Mãn thiên-tinh 1 nắm cả rễ, lá thời nhỏ mà bông hay mọc ở chấu cây hoặc dưới thềm nhà, là cây cóc-mắn, đem rửa sạch giã nhỏ nấu canh thịt lợn độ 2 lạng mà ăn, ăn hai ba bữa thời khỏi, rất là thần hiệu lắm.

眩 暈

67 — Huyền-vượng

Chứng huyền-vượng là sấm tối mắt quay chuyển. Pho nội-kinh nói: khí trên không đủ, mắt hóa ra mờ, tai hóa ra ù, đầu hóa ra nghiêng, người ta khi đứng ngồi tự nhiên sấm tối mắt mà quay chuyển bởi vì gió bay quạt lửa, lửa động sinh đờm thực là bệnh âm hư huyết thiếu. Trị bệnh này tâm can huyết hư dùng bài *Ân-sâm-dương-vinh*, thang *Quy-tỳ*, *Đại-doanh-tiến*, *Tiểu-doanh-tiến*. Thận thủy suy dùng bài *Lục-vị-hoàn*, *Tả-quy-âm*. Nhược bằng chân hỏa hư dùng bài *Bát-vị-hoàn*, *Hữu-quy-âm* đều là phép viêng-đạo trị chứng huyền vượng đó vậy.

Một thứ huyền-vượng nặng quá không ngồi lên được, dùng Đại-hoàng 1, 2 đồng tẩm rượu sao, tán bột hòa nước sôi uống thời khỏi ngay.

人 参 養 榮 湯

Nhân - sâm - dương - vinh thang

| | | |
|------|--------|-------|
| 熟地六リ | 党参三リ姜炒 | 黄芪二リ炙 |
| 當歸二リ | 白朮二リ土炒 | 白芍二リ炒 |
| 茯苓二リ | 陳皮一リ炒 | 炙草一リ |
| 桂心一リ | 遠志一リ製 | 五味十粒炒 |

Thục-địa 6 đồng, Đảng-sâm 3 đồng, Hoàng-kỳ 2 đồng, Dương-quy 2 đồng, Bạch-truật 2 đồng, Bạch-thược 2 đồng, Phục-linh 2 đồng, Trần-bì 1 đồng, Chích-thảo 1 đồng, Quế-tâm 1 đồng, Viễn-chí 1 đồng, Ngũ-vị 10 hạt.

Còn bảy bài nữa đều ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG.



虛 煩

68. — Hư - phiền

Chứng hư phiền là trong bụng bồn chồn, tâm thần chẳng yên như có công việc rối rít, bởi vì tân-dịch khô ráo, hoặc là bệnh mới khỏi mà âm huyết chưa sung túc, trong bụng nóng mà sinh phiền muộn, phải dùng thuốc thanh nhiệt an tâm, tư âm bổ huyết, ninh tâm dùng *Viễn-chí-thang*, thanh nhiệt dùng *Nhị-âm-tiên*, bổ huyết dùng *Tam-âm-tiên*.

遠 志 湯

Viễn - chí thang

遠志一リ 製 生草七分 當歸 黃芪炙
石斛 聚仁炒黑 沙參姜炒 茯神
麥門炒 (各二リ)

熱多加： 知母二リ 竹葉廿片

Viễn-chí 1 đồng, Sinh-thảo 7 phân, Đương-quy, Hoàng-ky, Thạch-hộc, Tảo-nhân, Sa-sâm, Phục-thần, Mạch-môn (đều 2 đồng).

Nóng lắm gia : Tri-mẫu 2 đồng, Trúc-diệp 20 lá.

Nhị-âm-tiên, Tam-âm-tiên đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

不 寐

69. — Bất - my

Chứng bất-my là không ngủ được, như mười hôm suốt đêm không ngủ, hoặc một tháng mỗi đêm chỉ ngủ 1, 2 giờ, hoặc là bệnh mới khỏi hình thể còn yếu, hoặc là nhiều tuổi âm hư đều thuộc chứng khuy tổn phải nên dùng thuốc bổ âm tĩnh lâm chủ, bằng như có bệnh khác đau đớn mà không ngủ được phải theo chứng ấy mà chữa, hoặc trong bụng có nghĩ ngợi việc gì và buổi tối uống chè lạ thường dẫn-dạo mà không ngủ đều thuộc sự ngẫu nhiên.

養心湯

Dưỡng - tâm thang

熟地五リ 党参三リ 姜炒 生地二リ 當歸二リ
麥門二リ炒 棗仁二リ炒黑 茯神二リ
炙草一リ 川黃連五分 栝子仁五分去油
蓮肉十粒炒 燈心十根

Thục-dịa 5 đồng, Đảng-sâm 3 đồng, Sinh-dịa 2 đồng, Đương-quy 2 đồng, Mạch-môn 2 đồng, Tảo-nhân 2 đồng, Phục-thần 2 đồng, Chích-thảo 1 đồng, Hoàng-liên 5 phân, Bách-tử-nhân 5 phân, Liên nhục 10 hột, Đăng-tâm 10 sợi.

安神復歷湯

An thần phục-thụỵ thang

熟地六リ 淮山三リ炒 白芍二リ炒
當歸二リ 棗仁二リ炒黑 龍眼二リ
川芎五分 益智五分 遠志五分製

Thục-dịa 6 đồng, Hoài-sơn 3 đồng, Bạch-thược 2 đồng, Đương-quy 2 đồng, Tảo-nhân 2 đồng, Long-nhân 2 đồng, Xuyên-khung 5 phân, Ích-tri 5 phân, Viễn chí 5 phân

秘傳棗仁湯

Bí truyền tảo-nhân thang

棗仁炒黑 茯神 党参姜炒 黃芪炙
當歸 (各二リ) 茯苓一リ 炙草一リ
陳皮五分炒 遠志五分製 蓮肉十粒炒

Tảo-nhân, Phục-thần, Đảng-sâm, Hoàng-kỳ, Đương-quy (đều 2 đồng) Phục-linh 1 đồng, Chích-thảo 1 đồng, Trần-bì 5 phân, Viễn-chí 5 phân, Liên-nhục 10 hột.

Quy-tỷ-thang ở số 10 Chư hử-chương. (Bỏ vị mộc-hương di, gia thục-dịa 5 đồng).



健忘

70. — Kiện - vong

Chứng kiện-vong là vụt chốc quên mất, nghĩ mãi cũng không ra, thực là nói trước quên sau, bởi vì trong lòng hay lo nghĩ lắm cho nên thương tổn tâm tỳ, âm hư huyết ráo mà kém sự thông minh; trong Nội-kinh nói: quả tim biết việc về sau, trái cật còn ghi truyện trước. Chứng kiện-vong này phải trách ở tâm thận dùng thuốc an thần bổ huyết như thang Quy-tỳ, bài Thiên-vương bổ-tâm, lại phải dùng thuốc an thần bổ huyết như bài Lục-vị-hoàn, Tả-quy-âm khiến âm tình trên phụng dưỡng tâm quân thời trong lòng sáng suốt mà chẳng có quên sự gì cả

Lục vị-hoàn. Tả-quy-âm, Quy tỳ-thang đều ở số 10
CHU-HU-CHUNG.

Thiên-vương bổ-tâm ở số 1 NỘI THƯƠNG.

簡易方

Giản dị phương

孔聖枕中湯

Khổng - thánh chẩm - trung thang

龜板醋炙 遠志製 龍骨煨 石菖蒲 (各五リ)

Quy-bản, Viễn-chí, Long-cốt, Thạch-xương-bồ (đều 5 đồng).

Tán bột hòa rượu uống 1 đồng, 1 ngày uống 3 lần; (sáng, trưa, tối).

開心散

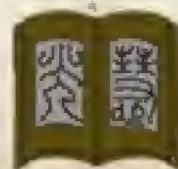
Khai-tâm tán

石菖蒲 一兩 茯神 一兩 沙參 五リ 姜 炒

遠志 三リ 製

Thạch-xương-bồ 1 lượng. Phục-thần 1 lượng, Sa-sâm 5 đồng, Viễn-chí 3 đồng.

Tán bột hòa nước gạo, rang cháy mỗi lần uống 1 đồng.



怔 忡

71. — Chình - sung

Chứng chình-sung là hoảng-hốt bịnh tại quả tim cho nên hay thấy đánh trống ngực, trong lòng sợ hãi chẳng lúc nào yên, hư vừa động ít, hư lắm động nhiều; bởi vì âm huyết khô ráo phải dùng thuốc bổ tinh huyết, nhược bằng bảo tại đàm hỏa mà dùng thuốc công phạt thời sinh ra các bịnh khác.

Một thứ tâm huyết hư dùng bài *Đại-doanh-tiến*, bài *Lý-âm-tiên*, nhược bằng tâm thần chẳng yên dùng bài *Ninh-chí-cao*, *Viễn-chí-hoàn*.

Một thứ thận thủy hư mà hoảng-hốt không khỏi dùng bài *Lự-vị-hoàn*, bài *Tả-quy-âm*, nhược bằng mệnh-môn hỏa suy dùng bài *Bát-vị-hoàn*, bài *Hữu-quy-âm*. Bằng như phiền nất lo quá, hao thương tâm huyết mà hoảng-hốt không khỏi dùng bài *Tiểu-dao-tán*, bài *Ích-doanh-thang*.

寧 志 膏

Ninh - chí cao

沙 参 五 リ 炒 棗 仁 五 リ 炒 黑 硃 砂 五 リ
乳 香 一 リ

Sa-sâm 5 đồng, Táo-nhân 5 đồng, Chu-sa 5 đồng, Nhũ-hương 1 đồng.

Tán bột luyện mật ong viên bằng hột nhãn, mỗi bận uống 2 viên, thang bằng bắc với hột sen sắc nước.

益 營 煎

Ích - doanh tiên

沙 参 姜 炒 當 歸 黃 芪 炙 茯 神 (各 二 リ)
棗 仁 炒 黑 紫 石 英 煨 白 芍 炒 栝 子 仁 去 油
(各 一 リ) 遠 志 製 木 香 炙 草 (各 五 分)

Sa-sâm, Đương-quy, Hoàng-kỳ, Phục-thần (đều 2 đồng), Táo-nhân, Tử-thạch-anh, Bạch-tuộc, Bạch-tử-nhân (đều 1 đồng), Viễn-chí, Mộc-hương, Chỉch-thảo (đều 5 phân).



Lục-vị-hoàn, Tả-quy-âm, Bát-vị-hoàn, Hữu-quy-âm,
Đại-doanh-tiên đều ở số 10 CHƯ-HƯ CHỨNG.

Lý-âm-tiên ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Tiêu-dao-tán ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Viễn-chí-hoàn ở số 22 TÀ-TÝ.

驚悸

72 — Kinh-quý

Chứng kinh-quý là khiếp sợ bởi can huyết hư không chứa được thần hồn, vậy nên khi ngủ hay có bóng dè, nhân sự sợ hãi mà thành bệnh như là có người đến bắt mình, run sợ chẳng yên phải dùng thuốc bổ huyết an thần, bằng như có đờm cũng phải tiêu đi mới khỏi.

Một thứ sợ lắm thần hồn mê mẩn dùng bài Thất-phúc-âm, bài Đại-bồ-nguyên, bằng như hỏa thịnh phiền táo chẳng yên dùng bài Nhị-âm-tiên, bài Gia-dâm-nhất-âm. Nhược bằng huyết nhiệt mà bay sợ dùng bài Chu-sa-an-thân.

Một thứ đờm mê lấp quả tim hóa ra sợ dùng thang Ôn-dâm, hoặc bài Phục-linh âm-từ, như đờm nhiều quá dùng bài Chu-sa-tiêu-dâm.

列方

Liệt các bài thuốc

溫胆湯

Ôn-dâm thang

枳實三リ 炒 竹茹三リ 茯苓三リ 陳皮四リ 炒
法夏二リ 炙草一リ

Chỉ-thực 3 đồng, Trúc-nhự 3 đồng, Phục-linh 3 đồng, Trần-bì 4 đồng, Pháp-bạ 2 đồng, Chích-thảo 1 đồng.



茯苓飲子

Phục - linh - ẩm - tử

陳皮炒 法夏 茯苓 茯神 麥門炒 (各一リ半)

生草三分 沈香一分磨

Trần-bì, Pháp-hạ, Phục-linh, Phục-thần, Mạch-môn (đều 1 đồng rưỡi), Sinh-thảo 3 phân, Trầm-hương 1 phân.

硃砂消痰飲

Chu - sa tiêu đàm ẩm

胆星五リ 朱砂一リ半 射香二分

Đảm-tinh 5 đồng, Chu-sa 1 đồng rưỡi, Xạ-hương 2 phân.

Tán bột mỗi bữa uống 1 đồng, thang bằng gừng.

Thất-phúc-ẩm, Đại-bồ-nguyên, Nhị-âm-tiên đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Gia-dảm-nhất-ẩm ở số 10 CHƯ-RỪ-CHỪNG.

Chu-sa an-thần ở số 23 TÀ-TÝ

Những chứng hư-phiền, bát-mỵ, kiện-vong, chinh-sung, kinh quý, 5 chứng ấy tên khác nhau mà bệnh giống nhau đều bởi tâm, lý, can, thận 4 kinh hiện ra chứng nặng nhẹ thời phép chữa phải tham dùng các bài thuốc

Chỉ có thang Quy-tý gồm trị cả năm chứng.

消 渴

73. — Tiêu - khát

Chứng tiêu-khát là bệnh tam-tiền bị bệnh.

Thượng-tiêu bệnh ở buồng phổi; miệng thời khát nước, đi tiểu luôn luôn đêm ngày không có chừng gọi là chứng tiêu-khát.

Trung-tiêu bệnh ở dạ-dầy; ăn nhiều đói luôn, tân dịch khô ráo mà sinh khát nước gọi là chứng tiêu-trung.



Hạ-tiêu bình ở bồ-đục thời đi tiểu luôn luôn, nước đục như hồ, nóng khát uống nhiều, mặt thời đen, tai thời khô, gọi là chứng thận-tiêu.

Ba chứng ấy đều bởi tại sự tửu sắc quá độ, hoặc hay ăn gỏi, chả nướng, hoặc hay uống đàn-sa cho nên thận thủy khô kiệt, tâm hỏa bùng lên mà hóa ra khát nước lợi tiểu quá. Chữa bệnh này xem thực nóng phải tả hỏa mới yên, nhược bằng chân thủy hư phải bổ thận mới khỏi.

Một thứ chứng thượng-tiêu thời hay khát nước lắm dùng nước thơm to cho uống hoặc là sắc kén lấy nước cho uống rất là thần hiệu, hoặc dùng bài *Ngọc-toàn-hoàn*, thang *Nhân-sâm-thạch-cao*. Nhược bằng khát nước mà nóng lắm dùng thang *Bạch-hồ* gia *Sa-sâm* 5 đồng, nhược bằng hỏa thịnh mà kiêm thủy khuỷ dùng *Ngọc-nữ-tiên*, hoặc *Gia-dâm-nhất-âm*.

Một thứ bệnh trung-tiêu thì ăn nhiều đôi luôn lại hay khát, dùng bài *Trừu-tân-âm*, bài *Mạch-đông-âm-tử* nhược bằng đại-tiện táo kết dùng thang *Điều-vị-thừa-khi*. Nhược bằng đại-tiện táo thuộc hư chứng dùng bài *Nhân-sâm-cổ-bản*.

Một thứ chứng hạ-tiêu thì khát nước mà đi tiểu đục, phải chia ra hàn, nhiệt mà chữa, như thận thủy suy dùng bài *Lục-vị-hoàn*, bài *Tả-quy-âm*, thận hỏa hư dùng *Bát-vị hoàn* *Hữu-quy-âm*, bằng như hỏa nhiệt thịnh dùng bài *Tư-âm-bát-vị-tiên*

列 方

Liệt các bài thuốc

玉 泉 丸

Ngọc - toàn hoàn

麥門 沙參 茯苓 黃芪 烏梅
生草 (各一兩) 花粉八リ 葛根八リ

Mạch-môn, Sa-sâm, Phục linh, Hoàng-kỳ Ô-mai, Sinh thảo
(đều 1 lạng) Hoa phấn 8 đồng Cát căn 8 đồng.

Tán bột luyện mật viên bằng hột nhãn ngâm 2 viên.



人參石羔湯

Nhân - sâm thạch - cao thang

沙參五リ 石羔一升煨 生草二リ 知母三リ
黃芩二リ 杏仁廿粒搗 粳米二撮炒

Sa-sâm 5 đồng, Thạch-cao 1 lượng, Sinh-thảo 2 đồng, Tri-mẫu 3 đồng, Hoàng-cầm 2 đồng, Hạnh-nhân 20 hột, Cánh-mễ 2 dùm.

麥冬飲子

Mạch - đông - âm - tử

麥門 生地 沙參炒 茯神 葛根 花粉
知母 生艸 (各一リ) 五味七粒 竹葉十四片

Mạch-môn, Sinh-dịa, Sa-sâm, Phục-thần, Cát-căn, Hoa-phấn, Tri-mẫu, Sinh-cam-thảo (đều 1 đồng), Ngũ-vị 7 hột, Trúc-diệp 14 lá.

調胃承氣湯

Điều - vị thừa - khí thang

川大黃三リ 芒硝二リ 生艸一リ

Đại-hoàng 3 đồng, Mang tiêu 2 đồng, Sinh-thảo 1 đồng.

人參固本丸

Nhân - sâm cố - bản hoàn

洋參姜炒 天門炒 麥門炒 熟地 生地
(各三リ)

Dương-sâm, Thiên-môn, Mạch-môn, Thục-dịa, Sinh-dịa (đều 3 đồng).

Bạch-hỗ-thang, Ngọc nữ-tiên, Trừu-tân-âm, Tư-âm-bất-vị-tiên đều ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Gia-dâm-nhất-âm, Lục-vị-hoàn, Tả-quy-âm, Bát-vị-hoàn, Hữu-quy-âm, đều ở số 10 CHƯ-BƯ-CHUNG.



鬱 病

74. — Uất-bệnh

Chứng ngũ-uất là thuộc về ngũ tạng : kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. Chứng lục-uất là : khí, huyết, đàm, thấp, nhiệt, thực, những chứng uất ấy kết tụ lại mà không được phát tán ra. Muốn lên không được lên, muốn xuống không được xuống mà sinh ra bệnh uất; xét xem các bệnh uất, chỉ có can uất là nhiều hơn, tâm tỷ uất thời ít.

Một thứ uất dân dữ thương can mà thành uất dùng bài *Giải-can-tiên*, *Việt-cúc-hoàn*, *Lục-uất-thang*, *Hóa-can-tiên*.

Một thứ uất lo nghĩ thương tồn lâm tỷ dùng bài *Tiên-đao-án*, *Trâm-hương-giáng-khí*, *Đại-doanh-tiên*, *Quy-tỷ-thang*.

鮮 肝 煎

Giải-can-tiên

陳皮炒 法夏 厚樸炒 茯苓 (各一リ半)
蘇葉一リ 白芍一リ炒 砂仁七分

Trần-bì, Pháp-hạ, Hậu-phác, Phục-linh (đều 1 đồng rưỡi), Tô-diệp 1 đồng, Bạch-thược 1 đồng Sa-nhân 7 phân.

越 鞠 丸

Việt-cúc-hoàn

蒼朮製 香附炒 川芎 神曲炒 梔子炒黑
(各二リ)

Xương-truật, Hương-phụ, Xuyên-khung, Thần-khúc, Chi-tử (đều 2 đồng).

六 鬱 湯

Lục-uất-thang

香附炒 蒼朮製 神曲炒 梔子炒黑 連翹
川芎 陳皮炒 法夏 枳殼炒 茯苓
生朮 蘇梗 (各一リ)

Hương-phụ, Xương-truật, Thần-khúc, Chi-tử, Liên-kiều, Xuyên-khung, Trần-bì, Pháp-hạ, Chỉ-xác, Phục-linh, Sinh-tuảo, Tô-ngạnh (đều 1 đồng).



沉香降氣散

Trâm - hương giáng - khí tán

沉香一リ半 沙仁一升 香附六两炒 炙草五リ
Trâm-hương 1 đồng ruỡi, Sa-nhân 1 lạng, Hương-phụ 6 lạng, Chích-thảo 5 đồng.

Tán bột uống 1 thìa, hòa nước sôi.

Tiêu-dao-tán ở số 1 Nội-thương.

Hóa-can-tiên ở số 26 Hàn-nhiệt.

Quy-tỳ-thang, Đại-doanh-tiên đều ở số 10 Chư-hư-chứng.

六鬱症

Lục - uất chứng

Khí uất thời ngực đau tức đầy bụng Mộc-hương-điều-khí-tán.
Một thứ huyết uất thời thổ huyết tiện huyết, đau mãi một chỗ dùng thang Đương-quy-hoạt-huyết.

Một thứ thực uất thời lợm đọng chưa cở, ngực bụng tức đầy dùng Hương-sa-bình-vị-tán.

Một thứ đàm uất phát sưng, tức ngực, ho xát dờm dùng thang Qua-lâu-chỉ-xác.

Một thứ nhiệt uất mồm đắng lưỡi khô, tiểu-tiên đỏ mà ít dùng Hỏa-uất-thang.

Một thứ thấp uất thời hay rức xương, ngộ ẩm thấp, khi giới mưa thời lại rức dùng thang Thăng-dương-trừ-thấp.

木香調氣散

Mộc - hương điều - khí tán

木香五分 沙仁五分炒 炙草三分 肉桂三分
烏藥 香附炒 枳壳炒 青皮炒 陳皮炒
川芎 厚樸炒 蒼朮製 (各一リ)

Mộc-hương 5 phân, Sa-nhân 5 phân, Chích-thảo 3 phân, Nhục-quế 3 phân. Ó-đước, Hương-phụ Chỉ-xác, Thanh-bì, Trần-bì, Xuyên-không, Hậu-phác, Xương-truật (đều 1 đồng).



當歸滑血湯

Đương - quy hoạt - huyết thang

當歸 三リ 白芍 二リ 炒 牡丹 二リ 炒
香附 二リ 炒 烏藥 二リ 川芎 一リ
桃仁 一リ 枳殼 五分 炒 紅花 五分
青皮 炒 肉桂 乾姜 炒 炙草 (各三分)

Đương quy 3 đồng, Bạch-thược 2 đồng, Mẫu-đơn 2 đồng, Hương-phụ 2 đồng, Ô dược 2 đồng, Xuyên-khung 1 đồng, Đào-nhân 1 đồng, Chỉ-xác 5 phân, Hồng-hoa 5 phân, Thanh-bì, Nhục-quế, Can-khương, Chích-thảo (đều 3 phân).

香砂平胃散

Hương - sa bình - vị tán

蒼朮 二リ 製 厚樸 二リ 姜 炒 陳皮 炒 香附 炒
山查 炒 黑 麥芽 炒 黑 神曲 (各一リ)
砂仁 炒 木香 乾姜 炒 炙草 (各五分)
枳殼 三分 炒 羅蔔 三分 炒

Xương-truật 2 đồng, Hậu-phác 2 đồng, Trần-bì, Hương-phụ, Sơn-tra, Mạch-nha, Thần-khúc (đều 1 đồng), Sa-nhân, Mộc-hương, Can-khương, Chích-thảo (đều 5 phân), Chỉ-xác 3 phân, La-bắc 3 phân.

瓜蒌枳殼湯

Qua - lâu chỉ - xác thang

瓜蒌仁 一リ 木香 五分 沙仁 五分 炒
陳皮 炒 枳實 炒 桔梗 川芎 蒼朮 製
香附 炒 杏仁 黃芩 炒 貝母 姜 炒 (各一リ)

Qua-lâu-nhân 1 đồng, Mộc-hương 5 phân, Sa-nhân 5 phân, Trần-bì, Chỉ-thực, Kết-cánh, Xuyên-khung, Xương-truật, Hương-phụ, Hạnh-nhân, Hoàng-cầm, Bối-mẫu (đều 1 đồng).



火 鬱 湯

Hỏa - uất - thang

梔子炒黑 柴胡 葛根 川芎 白芍
連翹 地骨皮 (各一り) 生草五分

Chi-tử, Sài-hồ, Cát-căn, Xuyên-khung, Bạch-thược, Liên-kiêu,
Địa-cốt-bì (đều 1 đồng), Sinh-thảo 5 phân

升 陽 除 濕 湯

Thăng - dương trừ - thấp thang

蒼朮二り製 升麻 柴胡 防風 陳皮炒
澤左炒 猪苓 神曲 麥牙炒黑 (各一り)
炙草五分

Xương truật 2 đồng. Thăng-ma, Sài-hồ, Phòng-phong Trần-bì, Trạch-tả, Chư-linh, Thần-khúc, Mạch-nha (đều 1 đồng), Chích-thảo 5 phân.

癲 狂

75. — Diên - cuồng

Bệnh diên-cuồng là đồ-dại, có âm, dương hư thực 2 thứ:
Chứng diên thuộc âm ngẩn ngơ như say rượu, sạch bản không biết như là thẹn thò, khi hát khi khóc, ăn nói thất thường, liếc mắt trông trộm như là thấy ma.

Chứng cuồng thuộc dương lấy mình tôn trọng, nhưng nháo, nói càn chẳng cứ gì ai trèo cao, hát, cười, vút áo mà chạy. Bệnh cuồng là hỏa thịnh lắm, phải dùng thuốc hạ mới khỏi. Bệnh diên là ưu sầu lắm, phải khai uất mới khỏi.

Một thứ chứng diên bởi ước ao không được thỏa lòng, lo nghĩ uất kết nên trước dùng bài Tiêu-dao-tán, thang Lục-uất, rồi cho uống thang Quy-lý gián phục với bài Hỏa-can-tu-thận.

Một thứ chứng cuồng bởi vì hỏa thịnh nóng nẩy quá, trước phải dùng bài Triêu-ân-âm bài Hoàng-liên-giải-độc, nhược bằng đại-tiện táo kết dùng thang Đại-thừa-khi. Nhược bằng thủy khuỷ hỏa thăng tâm thận lưỡng hư dùng bài



Chu-sa-an thần, bài Phục-man-tiên, bài Nhị-âm-tiên, nhược bằng vị hỏa thịnh, khát nước nhiều dùng thang Bạch-hồ, Ngọc-toàn-tán, như có đờm nhiều dùng Cồn-đàm-hoàn, Thanh-cách-âm, Bão-long-hoàn. Bằng như tâm tý nhiệt quá, kêu gào luôn luôn dùng bài Sinh-thiết-lạc-âm, Thanh-tâm-thang, Lương-cách-tán hoặc bài Dương-quy-long-hội-hoàn.

列 方

Liệt các bài thuốc

服 蠶 煎

Phục-man-tiên

生地 麥門炒 白芍 昌蒲 石斛 牡丹
茯神 (各二リ) 知母一リ半 木通一リ半
陳皮一リ炒

Sinh-địa, Mạch-môn, Bạch-thược Xương-bồ, Thạch-hộc, Mẫu-đơn, Phục-thần (đều 2 đồng), Tri-mẫu 1 đồng rưỡi, Mộc-thông 1 đồng rưỡi, Trần-bì 1 đồng.

生 鉄 落 飲

Sinh-thiết-lạc-âm

鉄落六斗

Thiết-lạc (vẩy sắt ở lò-rèn) 6 đấu đun lấy nước để sắc thuốc:

石羔六リ煨 竜齒三リ煨 茯苓三リ

防風 玄參 秦艽 (各二リ)

Thạch-cao 6 đồng, Long-xỉ 3 đồng, Phục-linh 3 đồng, Phòng-phong, Huyền-sâm, Tần-dao (đều 2 đồng).

清 心 湯

Thanh-tâm-thang

黃連 黃芩 梔子炒黑 連翹 薄荷
生艸 芒硝 大黃 (各二リ)

Hoàng-liên, Hoàng-cầm, Chi-tử, Liên-kiêu, Bạc-hà, Sinh-thảo Mang tiêu, Đại-hoàng (đều 2 đồng).



凉膈散

Lương - cách tán

大黃二リ 礮硝二リ 石羔二リ 煨 蓮薺一リ 半
梔子一リ 炒黑 黃芩一リ 生艸五分 薄荷五分
Đại-hoàng 2 đồng, Phác-tiêu 2 đồng, Thạch-cao 2 đồng, Liên-
kiều 1 đồng rưỡi, Chi-tử 1 đồng, Hoàng-cầm 1 đồng, Sinh-
thảo 5 phân, Bạc-bà 5 phân.

當歸龍薺丸

Đương - quy long - hội hoàn

當歸 龍胆草 梔子炒黑 黃連 黃柏炙
黃芩炒 (各一リ) 蘆薺五リ 大黃五リ 煨
青黛五リ 木香二リ 半 射香一分
Đương-quy, Long-dâm-thảo, Chi-tử Hoàng-liên, Hoàng-bà,
Hoàng-cầm (đều 1 đồng), Lô-hội 5 đồng, Đại-hoàng 5 đồng,
Thanh-dại 5 đồng, Mộc-hương 2 đồng rưỡi, Xạ-hương 1 phân.
Tán bột luyện hồ viên, mỗi bận nống 3 đồng.

Tiêu-dao-tán, Nhị-âm-tiên đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Bạch hồ-thang, Ngọc-toàn-tán, Đại-thừa-khi, Trừu
tân-âm đều ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Quy-tỷ-thang ở số 10 CHƯ-HƯ-CHUNG.

Hoàng-liên-giải-độc ở số 10 HỎA-CHUNG.

Thanh-cách-âm ở số 15 ĐÀM-QUYẾT

Cồn-dâm hoàn, Bão-long hoàn (ở hiệu khách đều có bán).

Hòa-can-tư-thận là bài (Lục-vị-quy-thực) ở số 27
KINH-BỊNH.

癡 獸

76. — Xi-ngai

Xi-ngai là chứng xi ngốc, tâm-tĩnh u-mê, nói-năng nhầm
lẫn, bết đứng lại ngồi, ngả-ngơ, ngơ-ngẩn, bởi vì có sự



gì trái ý, hoặc có việc gì kinh hoảng, hoặc nhân truyện gì ngờ vực mà hóa ra ngáy ngổ, phải xét xem hình thể còn khỏe, mạch chạy đều hòa dùng bài *Phục-man-tiến*, nếu đã hôn mê như người mất vía, phải dùng bài *Đại-bồ-nguyên*, bài *Thất-phúc-âm*. Bệnh này tham với bệnh điên mà chữa thuốc.

Phục man tiên ở số 75 *ĐIÊN-CUỜNG*.

Thất-phúc-âm *Đại bồ nguyên* đều ở số 1 *NỘI-THƯƠNG*.

癇 症

77. — Dàn - chứng

Dàn chứng là bệnh động kinh hoặc gọi là kinh-dần, hoặc gọi là điên dần bởi vì khí nghịch dâm trệ, lấp tia quả tim, cho nên hơi thấy gió ngồn ngột thổi ngã ra, chân tay co kéo lưng thời cứng, mắt thời trợn, hoặc có nhấm nháy miệng dừ bọt rãi, hoặc có kêu như tiếng dê lợn một chốc lại tỉnh, chứng này mới phải thì còn dễ chữa, nếu mà đã lâu thời thành cố tật. Khi tỉnh rồi phải dùng *Qua-dễ-tán*, cho thổ hết đờm ra lại dùng *Cồn-dâm-hoàn*, cho tiêu đờm đi rồi uống bài *Long-não-an-thần-hoàn*, *Ngũ-dần-hoàn*, *Uất-kim-dan* để trừ bệnh đi.

Qua-dễ-tán ở số 3 *THƯƠNG-HÀN*

Cồn-dâm-hoàn ở hiệu khách có bán.

龍 腦 安 神 丸

Long - não an - thần hoàn

党参姜炒

地骨皮

生草

麥門炒

犀角磨

硃砂

(各二升)

茯神三升

桑白皮二升蜜炒

牛黃五分

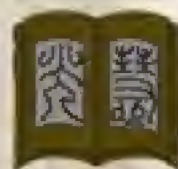
龍腦三分

馬牙硝三分

射香二升

Đảng-sâm, *Địa-cốt-bì*, *Sinh-thảo* *Mạch-môn*, *Tê-dác*, *Chu-sa* (đều 2 đồng), *Phục-thần* 3 đồng, *Tang-bạch-bì* 2 đồng, *Ngưu hoàng* 5 phân *Long-não* 3 phân *Mã-nha-tiêu* 3 phân, *Xạ-hương* 2 phân.

Tán bột luyện hồ viên bằng bột đậu. Lá vàng bạc 6, 7 tờ làm áo uống 10 viên.



五 癩 丸

Ngũ - giản hoàn

| | | |
|--------|-------|-------|
| 烏蛇肉一兩炙 | 白礬冠一兩 | 南星一兩製 |
| 姜蚕一兩半炒 | 全蝎二兩炒 | 雄黃一兩半 |
| 蜈蚣半條炙焦 | 辰砂二兩半 | 白附五兩煨 |
| 皂角二兩炒焦 | 法夏一兩 | 射香三分 |

Ô-sà-nhục 1 lượng, Bạch phàn 1 lượng, Nam-tinh 1 lượng, Khương-tâm 1 lượng rưỡi, Toàn-yết 2 đồng, Hùng-hoàng 1 đồng rưỡi, Ngô công nửa con, Thần sa 2 đồng rưỡi, Bạch-phụ 5 đồng, Tào dác 2 lượng (sao cháy), Pháp-hạ 1 lượng, Xạ-hương 3 phân.

Tán bột lấy nước gừng quấy hồ viên bằng bột đậu uống 10 viên.

鬱 金 丹

Uất - kim đan

川芎 防風 鬱金炒 皂角炒焦 白附煨 (各一兩)
蜈蚣 - 條炙焦

Xuyên khung, Phòng-phong, Uất-kim, Tào-dác, Bạch-phụ đều 1 lượng, Ngô-công 1 con.

Tán bột luyện hồ viên bằng bột đậu, mỗi bữa uống 10 viên.

驗 方

Nghiệm phương

Dùng quả chàm xanh 10 cân bỏ vào nồi đun rừ, bỏ bột đi nấu lại 3 nước hể thấy bã nhạt thời thời, bỏ bã nấu thành cao, gia phèn phi 8 đồng hòa đều, mỗi ngày sớm, tối lấy 3 đồng cao hòa nước sôi uống. Uống 1 tể thời khỏi.



Trị giản thần phương

Bồ-kết 1 cân, hột lú-bù 1 cân, cùng bỏ vào nồi đồ đầy nước đun cho cạn, bỏ bồ-kết đi

Phục-linh 8 lạng, Long-não 2 lạng, (2 vị này sao lần, cho nảo thấm vào linh).

Bạch-phân 4 lạng (sao khô), Thanh-mộc-hương 1 lạng, Chu-sa 1 lạng.

Hợp cả 6 vị lại cùng tán bột, quấy bồ nước gừng luyện làm viên bằng hạt đậu mỗi ngày sáng chiều uống 50 viên một bữa, ước chừng nặng 3 đồng cân. Uống 1 tháng thời khỏi rút.

頭痛

78. — Đầu-thống

Đầu-thống là rức đầu thực đau ở trong óc có rức ở giữa đầu, có rức ở hai bên, có rức ở hai bên thái-dương, rức nhẹ thời như người dấm, rức nặng thời như dùi xiên, như búa bổ, khổ sở khó chịu bởi vì gió lạnh cảm ở ngoài hư hỏa bốc nóng ở trong, hoặc có âm hư, dương hư mà hóa ra rức đầu. Phép chữa bệnh này phải tán phong hàn thanh nội nhiệt, dương hư thời bổ khí, âm hư thời bổ huyết, lại còn chứng rức đầu kinh niên phải dùng thuốc bổ thủy hỏa thời mới khỏi được.

Một thứ nhân gió lạnh mà rức đầu thời mũi ngạt tiếng nặng phải theo chứng thương hàn các bài thuốc gia Bạch-chỉ, Tế-tán, Mạn-kinh, Xuyên-khung 4 vị này trị rức đầu.

Một thứ nhân lửa nóng mà rức đầu phải có khát nước dùng Bạch-hồ-thang gia Sinh-địa, Mộc-thông (đều 2 đồng). Bằng như lửa nóng quá, rức đầu như búa bổ gia Đại-hoàng 2 đồng (tầm rượu sao).

Nhược bằng hỏa vượng rức đầu mà không khát nước dùng bài Gia-dâm-nhật-âm, bài Tư-âm bát-vị.

Một thứ âm hư mà rức đầu hoặc tiểu-tiện đỏ, đại-tiện táo thời phải bổ huyết dùng bài Tam-âm, bài Nhật-âm-tiên.



Một thứ dương hư mà rức đầu, hoặc có sợ lạnh, ăn uống không ngon, thời phải bỏ khi dùng bài *Tứ-quân-tử*, thang *Lý-trung*.

Một thứ rức đầu kinh niên, bởi vì thủy hỏa hư; chứng thủy suy thời đại-liên thường tảo, trong mình thường nóng mùa hạ thời rức hơn dùng bài *Lục-vị-hoàn*, bài *Tả-quy-âm*, như hỏa hư thời hay sợ lạnh, mùa đông rức hơn dùng bài *Bát-vị-hoàn*, bài *Hữu-quy-âm* đều gia Ngưu-tất 2 đồng, Ngũ-vị 10 hột.

Gia-dâm-nhất-âm, Nhất-âm-tiên, Tứ-quân-tử, Lục-vị-hoàn, Tả-quy-âm, Bát-vị-hoàn Hữu-quy-âm đều ở số 10 CHƯ-HƯ-CHUNG.

Lý-trung thang. Tam-âm-tiên đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Bạch-hồ-thang. Tư-âm-bát-vị đều ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

簡 易 方

Giản dị phương

硝石三分 人中白三分 冰片三厘

Tiêu-thạch 3 phân, Nhân-trung-bạch 3 phân, Băng-phiến 3 ly.

Tán bột thổi vào hai lỗ mũi

Hoặc dùng nước củ cải nấu nửa giờ vào hai lỗ mũi.

Hựu phương

硫黃一リ 川椒三分

Lưu-hoàng 1 đồng, Xuyên-tiên 3 phân

Tán bột luyện hồ viên, dát nút lỗ mũi; rức bên tả, nút bên tả, rức bên hữu nút bên hữu, rức giữa đầu nút hai bên.

Hựu phương

Dùng lá lốt vò ra mà ngửi; rức bên tả ngửi bên tả rức bên hữu ngửi bên hữu, rức giữa đầu ngửi cả hai bên, trước ngậm 1 hụm nước lã, ngửi 15 phút đồng-hồ nhỏ nước đi thời khỏi



頭 風

79. — Đầu - phong

Chứng đầu-phong là trong óc có tiếng ù ù như sấm, hoặc có kết hạch trên đầu, bởi vì phong nhiệt nóng quá phải dùng *phép-thở*, *phép-hạ*, hoặc có người lạng hàn không dùng hạ được thời dùng bài *Thanh-chân-thang*, nhược bằng dầu ù tại về đàm hỏa dùng *Đàm hỏa phương*.

Thở-pháp dùng Trà điều-tán ở số 15 ĐÀM-QUYẾT

Hạ-pháp dùng Thần-khung-hoàn

神 芎 丸

Thần - khung hoàn

大黃一兩煨 黃芩一兩炒 黑丑二兩炒 活石二兩

Đại-hoàng 1 lượng, Hoàng cầm 1 lượng, Hắc-sửu 2 lượng, Hoạt-thạch 2 lượng.

Tán bột luyện mật viên bằng bột đậu, mỗi bữa uống 20 viên.

清 震 湯

Thanh chân thang

升麻 蒼朮製 薄荷 (各一兩)

Thăng-ma, Xương-truật, Bạc-bà (đều 1 lượng).

Tán bột uống 3 đồng, dùng lá sen khô tán nhỏ hòa với thuốc điều nước sôi.

痰 火 方

Đàm - hỏa phương

姜蚕五兩炒 生朮二兩 法夏一兩 陳皮五兩炒

黃芩七兩炒 蓮喬五兩 白芷二兩 大黃二兩煨

桔梗五兩 天麻五兩 薄荷二兩 青礞石二兩煨

Khương-tâm 5 đồng, Sinh-thảo 2 đồng, Pháp-hạ 1 lạng, Trần-bì 5 đồng, Hoàng-cầm 7 đồng, Liên-kiều 5 đồng, Bạch-chỉ 2 đồng, Đại-hoàng 2 lạng, Kết-cánh 5 đồng, Thiên-ma 5 đồng, Bạc-hà 2 đồng, Thanh-mông-thạch 2 đồng.

Tán bột luyện hồ viên bằng bột đậu, mỗi bữa uống 2 đồng.

須髮

80. — Tu-phát

Tóc gọi là huyết dư thuộc về phần máu. Xem như phần máu ít thời tóc khô, phần máu nhiều thời tóc mỡ, tinh huyết hư tổn thời tóc hay rụng cho nên những người bệnh hậu, sản-hậu tóc hay rụng nhiều. Song mà râu thuộc thận, thận thủy suy thời râu bạc sớm; tóc thuộc tâm, tâm huyết hư thời tóc sớm bạc, tuy rằng thuộc thời khác nhau, muốn cho tóc xanh râu đen phải bổ tinh huyết mới được, dùng bài *Đại-bổ-nguyên*, *Đại-doanh*, *Tiền-doanh*, *Tam-âm*, *Lục-vị*, gia *Đỗ-trọng* *Khởi-tử*, *Lộc-nhung*, *Lộc dao*, sữa người, sữa bò.

Đại-bổ-nguyên, *Tam-âm-tiên* đều ở số 1 *NỘI-THƯƠNG*.

Tiền-doanh-tiên, *Đại-doanh-tiên*, *Lục-vị-hoàn* đều ở số 10 *CHƯ-HƯ-CHUNG*.

治髮落方

Trị phát lạc phương

Dùng cẳng cây vừng, cánh cây liễu hai thứ bằng nhau, nấu nước gội đầu.

Hoặc dùng lá nọp-nồi dầm lấy nước soa vào đầu.

Hoặc cánh táo non một bó dài 1 thước cắm vào lọ dùng cắm sát đến đáy, châm lửa đốt dầu trên để cho dầu dừ; chảy nước ra, trước dùng nước nóng gội đầu sau đem nước táo soa vào đầu.



Lại bài trị tóc rụng như trút

櫟子三果 胡桃二果 側柏葉一朊炒

Phỉ-tử 3 quả Hồ-dào 2 quả, Trắc bách-diệp 1 lạng sao).

Đám nhỏ ngâm nước thấm lược chắt dầu.

Lại bài trị tuổi trẻ bạc tóc

Phải nhổ tóc bạc đi lấy mật ong bôi vào, bằng như tóc trắng nhiều quá dùng Hồng-tàu 3 lạng, Khởi-tử 3 lạng.

Đám làm viên, mỗi ngày uống 6 đồng.

Hoặc dùng Hà-thủ-ô 3 lạng (chế), Thục-địa 1 lạng.

Sắc nước uống, uống nhiều mới hay.

Hoặc dùng bài *Thảo-linh-đan* :

草靈丹

Thảo - linh đan

川椒一朊炒 杞子二朊 小茴三リ 茯神三朊

川烏三リ煨 炙草一朊 熟地八朊 淮山四朊炒

蒼朮五リ製 鹿茸一朊酥炙

Xuyên-tiên 1 lạng, Khởi-tử 2 lạng, Tiểu-hồi 3 đồng, Phục-thần 3 lạng, Xuyên-ô 3 đồng, Chích-thảo 1 lạng, Thục-địa 8 lạng, Hoài-sơn 4 lạng, Xương-truật 5 đồng, Lộc-nhung 1 lạng.

Tán bột luyện mật viên uống 2 đồng ngày ba lần.

面病

81. — Diện - bệnh

Diện bệnh là mặt có bệnh. Mặt người ta là tinh hoa ở trong ngũ tạng hiện ra, các dương khí họp lại thực là cái bộ vị rất trong sạch, hoặc khi ở trong dạ-dầy có phong nhiệt mà mặt mũi đỏ, hoặc có hơi nặng sì sì ra, hoặc có mọc mụn, hoặc có trứng cá, hoặc sinh nóng mặt và hoặc sinh ra lạnh mặt phải tùy bệnh mà chữa.

Một thứ mặt nặng sì sì phải cho lợi tiểu-tiện dùng bài *Tứ-linh-tán*, bài *Bại-phân-thanh*.



Một thứ mặt mọc mụn là thượng tiêu lửa nóng dùng bài *Thanh-thượng phòng-phong*.

Một thứ mặt đỏ tía là trong dạ-dầy có bệnh dùng thang *Thăng-ma bạch-chỉ*.

Một thứ mặt mọc trứng cá là bởi buồng phổi có lửa nóng dùng *Thanh-phế-thang*.

Một thứ mặt nóng là dạ dày có phong nhiệt dùng thang *Thăng-ma hoàng-liên*.

Một thứ mặt thường hay lạnh là bởi dạ-dầy hư hàn dùng thang *Thăng-ma phụ-tử*.

列 方

Liệt các bài thuốc

Tứ-linh-tán, Đại-phân-thanh đều ở số 8 THƯƠNG-THẤP.

清 上 防 風 湯

Thanh - thượng phòng - phong thang

風防二リ 連 喬 白 芷 桔 梗 (各一リ 半)

梔子炒黒 荆 芥 黃 芩炒 黃 連 (各一リ)

枳 壳 炒 川 芎 薄 荷 (各七分) 生 草 五 分

Phòng-phong 2 đồng, Liên-kiêu, Bạch-chỉ, Kết-cánh đều 1 đồng rưỡi, Chi-tử, Kinh-giới, Hoàng-cầm, Hoàng-liên đều 1 đồng, Chi-xác, Xuyên-khung, Bạc-hà, đều 7 phân, Sinh-thảo 5 phân.

升 麻 白 止 湯

Thăng - ma bạch - chỉ thang

升 麻 二 リ 白 芷 二 リ 葛 根 一 リ 半

防 風 沙 參 炒 黃 芪 炙 白 朮 炒 (各一リ)

生 草 五 分 蒼 朮 三 分 製

Thăng-ma 2 đồng, Bạch chỉ 2 đồng, Cát-cần 1 đồng rưỡi, Phòng-phong, Sa sâm, Hoàng kỳ, Bạch-thược, đều 1 đồng, Sinh-thảo 5 phân, Xương-truật 3 phân.



清肺湯

Thanh phế thang

梔子炒黑 草生 川芎 白止 黃連
桑皮蜜炒 黃芩炒 苦參 荊芥 蓮翹
貝母姜炒 (各一リ)

Chi-tử, Sinh-thảo, Xuyên-khung, Bạch-chỉ, Hoàng-liên, Tang-bì, Hoàng-cầm, Khô-sâm, Kinh-giới, Liên-kiêu, Bối mẫu (đều 1 đồng).

升麻黃連湯

Thăng - ma hoàng - liên thang

白芍一リ炒 犀角五分磨 生艸五分 葛根二リ
黃芩八分炒 黃連五分 升麻二リ 白止一リ
蒼朮一リ製 川芎五分 薄荷五分 荊芥五分

Bạch-thược 1 đồng, Tế-dác 5 phân, Sinh-thảo 5 phân, Cát-cần 2 đồng, Hoàng-cầm 8 phân, Hoàng-liên 5 phân, Thăng-ma 2 đồng, Bạch-chỉ 1 đồng, Xương-truật 1 đồng, Xuyên-khung 5 phân, Bạc-hà 5 phân, Kinh-giới 5 phân.

升麻附子湯

Thăng - ma phụ - tử thang

黃芪一リ炙 葛根一リ 白止一リ 益智五分
白豆蔻五分 升麻一リ 製附五分 炙艸五分
党參三リ姜炒

Hoàng-kỳ 1 đồng, Cát-cần 1 đồng, Bạch-chỉ 1 đồng, Ích chí 5 phân, Bạch-dậu-khẩu 5 phân, Thăng-ma 1 đồng, Chế phụ 5 phân, Chích thảo 5 phân, Đảng-sâm 3 đồng.



簡易方

Giản - dị phương

Mặt mọc mụn dùng Liên-bách tán:

連栢散

Liên - bách tán

胡粉 黃柏 黃連 (各一 分)

Hồ-phấn, Hoàng-bá, Hoàng-liên (đều 1 đồng).

Tán bột hòa mỡ lợn bôi.

Hoặc dùng ốc, sên, 2, 3, con dăm nhỏ phiết giấy dán vào

Hoặc dùng sừng hươu đốt cháy tán bột hòa mỡ lợn bôi vào.

Mặt mọc trứng cá dùng Đại-hoàng 1 đồng, Lưu-hoàng 1 đồng.

Tán bột hòa nước bôi.

目痛

82. — Mục - thống

Mục thống là đau mắt. Hai con mắt là cái bâu ngọc ở trong thân thể người, ví như mặt giới, mặt giếng hoặc khi nhân gió máy u ám, hóa ra đau mắt gọi là ngoại chương, hoặc có tinh huyết hư tổn mà đau mắt gọi là nội-chương, trong con mắt có chia làm 5 thứ thuộc vào ngũ tạng: lòng trắng thuộc buồng phổi; lòng đen thuộc buồng gan, hai khoé mắt thuộc quả tim, mi trên, dưới thuộc lá-lách, con ngươi thuộc bồ-đục gọi là ngũ luân, nhưng mà chủ ở can thận 2 kinh; pho Nội-kinh nói: con mắt có âm huyết thời mới trông được, lại nói: khí thoát mắt thời mắt cũng không sáng, cho nên đau, mắt đỏ là thủy suy, đau mắt trắng là hỏa hư ví như đèn lửa to soi mới sáng, dầu cạn, bốc ra than.



Một thứ nhân gió mà đau mắt thời có rức đầu ngạt mũi, hoặc có ghê sốt, ghê rét, hoặc chảy nước mắt nhiều, hoặc có đau mình đau xương dùng bài *Khung-tân-lân*, bài *Minh-mục-lễ-lân*.

Một thứ nhân nóng mà đau mắt nên thanh hỏa không nên tán như vị Phòng-phong, Tế-tân, Kinh-giới, Thăng ma, Bạch-chỉ, Xuyên-khung, Bạc-hà. Khương-hoạt những vị này không nên dùng phải uống bài *Thược-du-ợc-thanh-can-tân*, bài *Đương-quy-long-đâm* bài *Thuyền-hoa-tân* để thanh hỏa đi.

Một thứ mắt đỏ đau dữ thuộc can hỏa, hoặc sưng mà không mở được chói mắt sợ sáng, nóng lắm dùng bài *Long-đâm-lá-can*, bài *Triêu-tân-âm*, nóng vừa dùng bài *Tỉ-lân-đm*, bài *Hoàng-cầm Hoàng-liên*. Nhược bằng bệnh lâu không khỏi thường đau luôn mà phần nóng nhiều dùng bài *Hoàng-liên-dương-can* *Cò-bản-hoàn-tinh*.

Một thứ âm hư không có hỏa chứng nóng, này, mắt trông không sáng, hoặc lơ mơ khô trông dùng bài *Tề-âm-địa-hoàng* *Tả-quy-hoàn* Nhược bằng âm hư hỏa thịnh dùng bài *Gia-dâm-nhất-âm*, bài *Tư-âm-địa-hoàng*. Nhược bằng âm hư hỏa ít dùng bài *Minh-mục-địa-hoàng*, bài *Cò-bản-hoàn-tinh*.

Một thứ đau mắt trắng như người không đau là chứng hỏa hư, trông khôn; thấy sáng phải dùng thuốc tuần bổ thời mới sáng được như bài *Đại-bồ-nguyên*, *Hữu-quy-hoàn*, *Thập-toàn-đại-bồ*, đều gia lộc-nhung, khởi-tử, sữa bò đều 2 đồng.

Một thứ nhân lạnh mà đau mắt thời buốt như kim châm. Sáu bộ mạch chạy chậm, mình mảy chân tay hơi mát là chứng dương hư phải dùng thuốc nóng không dùng thuốc mát được. Dùng thang *Phụ-tử-lý-trung* hoặc bài *Tứ-vị-hồi-dương* thời mới khỏi.

Một thứ đau mắt có màng không nên quá dùng vị thuốc lạnh sợ màng khó tiêu dùng bài *Thuyền-hoa-tân*, bài *Bát-vị-hoàn-tinh*.

Một thứ màng dày phải dùng thuốc điểm mà đánh màng đi, trong uống thuốc tiêu màng đi như vị :

石决明煨 夜明沙 草决明 蒺藜 木贼
青箱子 蜜蒙花

Thạch-quyết-minh, Dạ-minh-sa, Thảo-quyết-minh, Tật-lê, Mộc-lặc, Thanh-tương-tử, Mật-mông-hoa.

Nhược bằng đồng-tử lờ to và đồng-tử nổi thit con người hóa trắng màng trắng chùm kín thời không chữa được.



列 方

Liệt các bài thuốc

芎 辛 散

Khung - tân tán

白止一リ 半 防風二リ 川芎一リ 細辛五分
蔓荊一リ 半 生草七分

Bạch-chỉ 1 đồng rưỡi, Phòng-phong 2 đồng, Xuyên-khung 1 đồng, Tế-tân 5 phân, Mạn-kinh 1 đồng rưỡi, Sinh-thảo 7 phân

明 目 細 辛 湯

Minh - mục tế - tân thang

生地三リ 歸尾二リ 茯苓二リ 防風一リ
藥本一リ 蔓荊一リ 川芎一リ 細辛五分
姜活五分 荆芥五分 薄荷五分 花椒十五粒

Sinh-dịa 3 đồng, Quy-vĩ 2 đồng, Phục-linh 2 đồng, Phòng-phong 1 đồng, Cảo-bản 1 đồng, Mạn-kinh 1 đồng, Xuyên-khung 1 đồng, Tế-tân 5 phân, Khương-hoạt 5 phân, Kinh-giới 5 phân, Bạc-hà 5 phân, Hoa-tiểu 15 hạt.

苟 藥 清 肝 散

Thược - dược thanh - can tán

梔子一リ 炒黑 石羔一リ 煨 白苟三リ 桔梗二リ
黃芩一リ 炒 大黃五分 煨 前胡一リ 柴胡一リ
滑石一リ 生草一リ 芒硝三分 薄荷五分
荆芥五分

Chi-tử 1 đồng, Thạch-cao 1 đồng, Bạch-thược 3 đồng, Kết-cánh 2 đồng, Hoàng-cầm 1 đồng, Đại-hoàng 5 phân, Tiền-hồ 1 đồng, Sài-hồ 1 đồng, Hoạt-thạch 1 đồng, Sinh-thảo 1 đồng, Mang-tiểu 3 phân, Bạc-hà 5 phân, Kinh-giới 5 phân.



當歸龍胆湯

Đương-quy long-dảm thang

龍胆一リ半 黃芪一リ半 當歸二リ 生草五分
石羔一リ煨 黃芩一リ炒 黃連一リ 防風七分
黃伯一リ炙 白芍二リ炒 柴胡七分 升麻七分
姜活七分

Long-dảm 1 đồng rưỡi, Hoàng-kỳ 1 đồng rưỡi, Đương-quy 2 đồng, Sinh-thảo 5 phân, Thạch-cao 1 đồng, Hoàng-cầm 1 đồng, Hoàng-liên 1 đồng, Phòng-phong 7 phân, Hoàng-bá 1 đồng, Bạch-thược 2 đồng, Sài-hồ 7 phân, Thăng-ma 7 phân, Khương-hoạt 7 phân.

蟬花散

Thuyền-hoa tán

荆芥 木賊 防風 川芎 梔子炒黑 蜜蒙花
蒺藜 蟬蛻 菊花 穀星 黃芩炒 朴決明
姜活 生草 蔓荊 (各一リ)

Kinh-giới, Mộc-tặc, Phòng-phong, Xuyên-khung, Chi-tử, Mật-mông-hoa, Tật-lê, Thuyền-thuế, Cúc-hoa, Cốc-tinh, Hoàng-cầm, Thảo-quyết-minh, Khương-hoạt, Sinh-thảo, Mạn-kinh (đều 1 đồng).

Tán bột uống một thìa.

龍膽瀉肝湯

Long-dảm tả-can thang

黃芩二リ炒 天門一リ半炒 黃連一リ半
龍胆一リ半 沙參一リ半炒 柴胡二リ
知母一リ半 麥門一リ半炒 生草一リ
梔子一リ半炒黑

Hoàng-cầm 2 đồng, Thiên-môn 1 đồng rưỡi, Hoàng-liên 1 đồng rưỡi, Long-dảm 1 đồng rưỡi, Sa sâm 1 đồng rưỡi, Sài-hồ 2 đồng, Tri-mẫu 1 đồng rưỡi, Mạch-môn 1 đồng rưỡi, Sinh-thảo 1 đồng, Chi-tử 1 đồng rưỡi.



黃芩黃連湯

Hoàng - cầm hoàng - liên thang

黃芩炒 黃連 竜胆 生地 (各二リ)

Hoàng-cầm, Hoàng-liên, Long-dảm, Sinh-dịa (đều 2 đồng).

黃連羊肝丸

Hoàng - liên dương - can hoàn

黃連一兩 羊肝一具

Hoàng-liên 1 lượng. Gan dê 1 buồng.

Sấy khô cùng tán bột luyện mật viên mỗi bữa uống 2 đồng.

固本還睛丸

Cố - bản hoàn - tình hoàn

| | | |
|---------|-------|------|
| 羚羊角二リ半磨 | 麥門五リ炒 | 熟地五リ |
| 青相子一リ半 | 天門五リ炒 | 杞子五リ |
| 淮山五リ炒 | 草決明三リ | 茯苓五リ |
| 疾黎一リ半 | 川芎一リ半 | 五味一リ |
| 防風一リ半 | 甘艸一リ半 | 生地五リ |
| 犀角一リ半磨 | 沙參五リ炒 | 牛必三リ |
| 黃連一リ半 | 兎絲三リ | 石斛三リ |
| 菊花三リ | | |

Linh-dương-dác 1 đồng rưỡi, Mạch môn 5 đồng, Thục-dịa 5 đồng, Thanh-tương-tử 1 đồng rưỡi, Thiên-môn 5 đồng, Khởi-tử 5 đồng, Hoài-sơn 5 đồng, Thảo-quyết-minh 3 đồng, Phục-linh 5 đồng, Tật-lê 1 đồng rưỡi, Xuyên-khung 1 đồng rưỡi, Ngũ-vị 1 đồng, Phòng-phong 1 đồng rưỡi, Cam-thảo 1 đồng rưỡi, Sinh-dịa 5 đồng, Tê-dác 1 đồng rưỡi, Sa-sâm 5 đồng, Ngưu-tất 3 đồng, Hoàng-liên 1 đồng rưỡi, Thỏ-ti 3 đồng, Thạch-hộc 3 đồng, Cúc-hoa 3 đồng

Tán bột luyện mật viên uống 2 đồng.



濟陰地黃丸

Tề - âm địa - hoàng hoàn

淮山四リ炒 五味十粒炒 杞子二リ 巴戟二リ
山茱一リ酒炒 麥門二リ炒 熟地八リ 當歸二リ
茯苓二リ製 菊花一リ

Hoài-sơn 4 đồng, Ngũ-vị 10 hạt, Khởi-tử 2 đồng, Ba-kích 2 đồng, Sơn-thù 1 đồng, Mạch-môn 2 đồng, Thục-địa 8 đồng, Đường-quy 2 đồng, Thông-dong 2 đồng, Cúc-hoa 1 đồng.

滋陰地黃丸

Tư - âm địa - hoàng hoàn

沙參三リ姜炒 黃芩二リ炒 當歸二リ 柴胡一リ
枳壳一リ炒 生地三リ 熟地五リ 地骨二リ
天門二リ炒 黃連一リ 生艸一リ

Sa-sâm 3 đồng, Hoàng-cầm 2 đồng, Đường-quy 2 đồng, Sài-hồ 1 đồng, Chi-xác 1 đồng, Sinh-địa 3 đồng, Thục-địa 5 đồng, Địa-cốt 2 đồng, Thiên-môn 2 đồng, Hoàng-liên 1 đồng, Sinh-thảo 1 đồng.

明目地黃丸

Minh - mục địa - hoàng hoàn

生地五リ 熟地五リ 牛膝二リ 杏仁二リ
防風二リ 石斛二リ 枳壳一リ炒

Sinh-địa 5 đồng, Thục-địa 5 đồng, Ngưu-tất 2 đồng, Hạnh-nhân 2 đồng, Phòng-phong 2 đồng, Thạch-hộc 2 đồng, Chi-xác 1 đồng.

八味還睛散

Bát - vị hoàn - tình tán

艸決明一兩 疾黎七リ 防風七リ 木賊七リ
梔子七リ炒黑 生草五リ 蟬蛻二リ 青箱子三リ



Thảo-quyết-minh 1 lạng, Tật-lê 7 đồng, Phòng-phong 7 đồng, Mộc-tặc 7 đồng, Chi-tử 7 đồng, Sinh thảo 5 đồng, Thuyền-thuế 2 đồng, Thanh-tương-tử 3 đồng.

Tán bột hòa nước sôi uống 1 thìa.

點 眼 方 Điểm-nhãn phương

金 露 散

Kim-lộ tán

蘆甘石二リ 梅花片一分 硃砂五分 礪砂五分
海螵蛸一リ 人中白五分 珍珠二分 天竺黃一リ

Lô-cam-thạch 2 đồng, (nung đỏ, tui đồng-tiền 7 bản, Mai-hoa-phiến 1 phân, Chu-sa 5 phân, Bãng-sa 5 phân, Hải-phiêu-tiểu 1 đồng, Nhân-chung-bạch 5 phân, Chân-châu 2 phân, Thiên-chúc-hoàng 1 đồng.

Tán bột phết cho nhỏ chấm vào mắt.

蟾 蜍 酒

Tề-tào tửu

蟾蜍三子 川黃連三リ 丁香三ツ

Sâu-dầu 3 con, Hoàng-liên 3 đồng, Đinh-hương 3 cái.

Sắc 3 nước bỏ bã đi, thêm nước mía 1 chén lại dúc cho cạn hóa 5 chén rượu ngon.

加 梅花五厘 熊胆三厘

Gia : Mai-hoa 5 li, Mật-gấu 3 li

Hòa cho đều giỏ vào mắt luôn luôn, một giờ thì bớt.

Các bài thuốc đánh màng

煖硝一羽 紅丹二分 梅花二分

Điểm-tiểu 1 lạng, Hồng-dan 2 phân, Mai-hoa 2 phân.



Lấy cái bát bằng đồng nấu cho tan quấy đều bỏ lọ nút chặt, mỗi bên chấm một tí.

Hoặc dùng muối trắng đun sôi lọc cho sạch để một năm chấm đánh mảng.

Phép dứt nút tai

射香一分 梅花二分

Xạ-hương 1 phần, Mai-boa 2 phần.

Trộn lẫn dùng lụa bọc dứt nút tai, mắt bên nào đau nút tai bên ấy.

Phép dẹt móng tay

Để cây Xích-hoa-xà (hoặc gọi Nhạn-lai-hồng) giã nhỏ dẹt chân móng tay cái chỗ giáp thịt, bên mắt nào có mảng dẹt bên ấy.

Hai mắt quáng gà

蒼朮一ツ 石決明二ツ 火燵童便 疾黎二ツ

Xương-truật 1 đồng, Thạch-quyết-minh 2 đồng (nung đỏ), Tật-lê 2 đồng.

Tán bột dùng 1 buồng gan dê khía ra cho thuốc vào buộc lại, bỏ chỗ đồ chia làm 3, 4 bên ăn.

Hựu phương

黃蠟一ツ 蛤粉一ツ

Sáp-nguyên 1 đồng, Cáp-phấn 1 đồng.

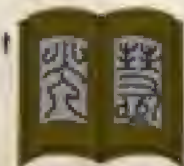
Nấu sáp hòa đều, gan-dê 2 lạng, khía ra cho thuốc vào buộc lại bỏ chỗ đồ cho chín lấy ra xông mắt một nhát rồi ăn, ngày làm 2 bên.

Mắt có lông cặm

Nhân hột gấc 1 cái nghiền nhỏ bọc lụa nút lỗ mũi. Mắt bên nào nút bên ấy, hai mắt nút cả hai. Nút 3 đêm mới khỏi.

Hựu phương

Ngũ-hội-tử tán bột hòa mật ong bôi trên mí mắt thời lông đâm ra.



Hựu phương

Mùa đông ở trên vách, lấy con nhặng khô tán bột để vào lỗ mũi hít thời lòngدام ra lập tức.

Mắt trông thấy sao bay

棗仁一朊 青相花一朊 玄明粉一朊

Tảo-nhân 1 lạng, Thanh-tương hoa 1 lạng, Huyền minh-phấn 1 lạng.

Tán bột uống 2 đồng hòa nước chè.

Mỵ mắt đỏ toét

蛤粉二リ 黃連二リ 防風二リ 荊芥二リ
苦參三リ 銅錄三分

Cáp-phấn 2 đồng, Hoàng-liên 2 đồng, Phòng-phong 2 đồng, Kinh-giới 2 đồng, Khô-sâm 3 đồng, Đồng-lục 3 phần.

Tán bột sắc nước bạch-hà làm viên bằng hột nhãn, khi dùng nghiền 1 viên hòa nước nóng rửa mắt ngày 3 bận.

Hựu phương

Lá đào non đâm nhỏ, tổi ngủ để cách lần giấy bản đắp vào mắt ba bận thời khỏi.

Bụi vào mắt

Dùng nước ngô-sen rửa vào ra ngay, hoặc dùng con sâu dâu sát vào mắt cũng ra ngay. Hoặc dùng mực lều kinh niên mài ra lấy bút chấm vào kẽ mắt bên trong cũng được.

Gia-dâm-nhất-âm ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG.

Đại-bồ-nguyên-tiên, Thập-toàn đại-bồ, Tả-quy-hoàn, Hữu quy-hoàn đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Trừu tân-âm, Tỷ-tân-âm đều ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

眉 病

83. — Mỵ - bệnh

Mỵ bệnh là bệnh đau lông mày.

Lông mày người ta là quan bảo thọ làm vắn toa cho mặt



mũi người ta; không có lông mày thời mặt không đẹp cho nên từ 40 tuổi gỡ lên lông mày dài thời được sống lâu, bộ vị ấy thuộc về hai kinh can, thận, hoặc có bệnh gì phải cứ kinh ấy mà dùng thuốc.

Một thứ xương lông mày đau là can huyết uất dùng bài Tiểu-dao ở số 1 Nội-thương giảm phục bài Lục-vị-hoàn ở số 10 CHƯ HƯ-CHƯƠNG-BIỆN.

Một thứ lông mày rụng, bởi có lở nát dùng lá trắc-bách-diệp phơi khô tán bột luyện mật viên, sớm tối đều uống 1 đồng cân, đến khỏi thời thôi. Lại dùng Thổ-ti nghiền bột hòa dầu vừng bôi. Hoặc dùng rơm rạ cũ lợp mái nhà đốt ra than hòa dầu vừng bôi.

Trên lông mày mọc ghẻ, lở dùng Bồ-kếp 5 phân sao cháy, Phèn-khô 5 phân.

Tán bột hòa dầu vừng bôi.

Lông mày không mọc dùng hoa cây vừng phơi khô tán bột hòa dầu vừng bôi. Hoặc dùng lá dâu vò nát ngày ngày xát vào. Hoặc dùng:

旋覆花 天麻 防風 (各一ツ)

Toàn-phú-hoa, Thiên-ma, Phòng-phong (đều 1 đồng.)

Tán bột hòa dầu vừng bôi.

Hoặc dùng hồng-hoàng tán bột hòa giấm-thanh bôi.

Hoặc dùng lá nhọ-nổi giã nhỏ dịt vào 3 ngày thời mọc.

耳 病

84. — Nhĩ - bệnh

Nhĩ bệnh là đau tai.

Tai là quan thám thính, chủ ở kinh thận mà thông vào óc, hợp cả nam bắc hai phương để giữ quyền thông minh hoặc khi nhân gió và lửa nóng ngăn lấp mà hóa ra ù tai, hoặc có sưng đau chảy mủ, phép chữa bệnh này phải xét trong ngoài hư thực thể nào mà dùng thuốc.

Một thứ nhân lửa nóng mà ù tai phải xét lửa nóng nhiều ít và hình thể người mạnh yếu. Lửa nóng lắm dùng bài Triều-tân, bài Đại-phân-thanh, nóng vừa dùng bài Tỷ-tân-âm, bằng như có kiêm âm hư dùng bài Gia-dâm-nhất-âm, bài Thanh-hóa-âm.

Một thứ khí sung ngược lên mà tai ù bởi có dận dữ lo nghĩ dùng bài Thông-khi tán, bài Giải-can-liên, nhược bằng



khí sung lại kiêm lửa nóng gia Mậu-dơn 2 đồng, Chi-tử 2 đồng, Loag-dảm 2 đồng, Hoa phấn 2 đồng.

Một thứ nhân cảm gió lạnh mà ù, tai điếc tai át có phát sốt rức đầu, nên xem mục Thương-hàn mà dùng thuốc.

Một thứ nhân khi huyết hư tổn mà tai ù, tai điếc hoặc là bệnh mới khỏi, hoặc là nhiều tuổi già yếu, hoặc làm khó nhọc cùng sự lưu sắc quá độ đến nỗi âm tinh kiệt hết phải dùng đại bổ mới được nường mà bệnh mới điếc thời dễ chữa, điếc đã lâu thời khó chữa lắm, như nguyên khí hư tổn dùng bài Đại-bổ-nguyên, bài Nhục-thong-dong-hoàn, thận hư thời dùng bài Lục-vị-hoàn, bài Bát-vị-hoàn gia 五味

十粒、牛必二リ Ngũ-vị 10 hột Ngưu-lất 2 đồng,

Tâm, thận hai kinh cùng hư dùng bài Cố-bản-nhi-thông, bằng như khi hư dùng thang Bồ-chưng-ích-khí, khi huyết lưỡng hư dùng thang Bát-chân, thang Thập-toàn. Một thứ lỗ tai lấp mà điếc, hoặc nhân ngoáy tai, hoặc nhân tiếng sấm, tiếng súng, hoặc nhân sưng đau chảy mủ nên dùng phép Khai-thông.

列方

Liệt các bài thuốc

Lục-vị-hoàn, Bồ-trung-ích-khí, Gia-dảm-nhất-âm, Bát-vị-hoàn đều ở số 10 CHƯ HƯ-CHỨNG-BIỆN.

Đại bổ nguyên, Bát-chân thang Thập-toàn đại-bổ, đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Tỷ-tân ấm, Trừu-tân-ấm đều ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Đại phân-thanh, Thanh-hóa-ấm đều ở số 26 HÀN-NHIỆT.

Giải-can tiên ở số 74 UẤT BỊNH.

通氣散

Thông khí tán

穿山甲二リ炒 玄胡索二リ 昌蒲三リ 川芎三リ
党参五リ 姜炒 陳皮二リ炒 蟬蛻三リ 小茴二リ
炙草一リ半 姜活一リ 木香一リ 姜蚕二リ
Xuyên-sơn-ziáp 2 đồng, Huyền-hồ-sách 2 đồng, Xương-bồ 3 đồng, Xuyên-khung 3 đồng, Đảng-sâm 5 đồng, Trầu-bì 2 đồng, Thuyền-thuế 3 đồng, Tiều hồi 2 đồng, Chích-thảo 1 đồng rưỡi, Khương-hoạt 1 đồng, Mộc-hương 1 đồng, Khương-lâm 2 đồng. (Tán bột uống 2 đồng hòa nước sôi.)



肉蓯蓉丸

Nhục - thong - dong hoàn

| | | |
|--------|-------|-------|
| 山藥五リ酒炒 | 姜活ニリ半 | 茯苓五リ |
| 党参一リ姜炒 | 黄芪五リ炙 | 防風五リ |
| 澤左ニリ半炒 | 白芍五リ炒 | 熟地二リ |
| 兎絲五リ製 | 製附一リ | 肉桂一リ磨 |
| 肉蓯蓉五リ製 | 羊腎一對 | |

Sơn thù 5 đồng, Khương-hoạt 2 đồng rưỡi, Phục-linh 5 đồng, Đảng-sâm 1 lượng, Hoàng kỳ 5 đồng, Phòng-phong 5 đồng, Trạch tả 2 đồng rưỡi, Bạch-thược 5 đồng, Thục-dịa 2 lượng, Thổ-ti 5 đồng, Chế-phụ 1 đồng, Nhục-quế 1 đồng, Nhục-thong dong 5 đồng, Bồ-dục-dê 1 đôi.

Tán bột luyện mật viên, uống 2 đồng.

固本耳聰丸

Cố bản nhĩ thông hoàn

| | | |
|--------|---------|------|
| 党参二リ姜炒 | 淮山二リ炒 | 熟地四リ |
| 茯苓一リ半 | 五味ニリ炒 | 菖蒲五リ |
| 遠志五リ製 | 栝子仁五リ去油 | |

Đảng sâm 2 lượng, Hoài sơn 2 lượng, Thục-dịa 4 lượng, Phục-thần 1 lượng rưỡi, Bạch-tử nhân 5 đồng, Sương-bồ 5 đồng, Viễn-chi 5 đồng, Ngũ-vị 2 đồng

Tán bột luyện mật viên uống 2 đồng.

Phép khai thông

Phương thận hư tai điếc

全蝎四十九子 生姜四十九片

Toàn-yết 49 con, Sinh-kương 49 miếng, (nhờn bằng Toàn-yết)

Cùng sao khô tán bột hòa rượu uống một bát cho hết ; say lắm mới thôi. Sáng ngày mai trong tai nghe như có tiếng dáo sáo. Dù điếc mười năm uống tai bạn phải khỏi.



Phương điếc đã lâu

Dùng 1 nhánh tỏi khoét 1 lỗ cho 1 nhân ba đậu hơi nóng nhét vào trong củ tỏi lấy lụa bọc nút lỗ tại ba bận thời khỏi. (Phải chọc thủng cho thông hơi)

Hoặc dùng 1 nhân ba đậu, Ban-mieu 1 con cùng đâm nhỏ bọc sáp nút tai hai bận thời khỏi hẳn. (Cũng chọc thủng cho thông hơi)

Hoặc dùng 1 nhân ba-đậu bóc bỏ màng lấy sáp bọc ngoài lấy kim dùi thủng 1 lỗ cho suốt nút vào tai chờ quay ngang. Hoặc dùng đá nam-châm 1 cục bọc lụa nút bên tai điếc lại dùng sắt vụn bọc lụa nút bên tai sáng tự nhiên thông hơi sang thời khỏi điếc.

Hoặc dùng đá nam-châm một nửa, vẩy tê-tê sao cháy 1 nửa cùng tán bột bọc lụa nút tai, trong mồm ngậm 1 cục sắt mới thời trong tai nghe ù-ù như mưa thời khỏi.

Hoặc dùng Cốt-toái-bồ gọt như đầu dũa hơi nóng nút tai. Các bài phải làm 10 hôm mới được.

Phương tai ù

Xạ-hương 2 phân, Hùng-hoàng 2 phân.

Tán bột bọc lụa nút tai thời khỏi ù.

Phương tai bẽ tắc

Bạch-giới-tử 3 phân, đâm nhỏ hòa sữa người bọc lụa nút tai ngày thay đâm bận thời khỏi tắc.

Ngoáy tai hóa đau

Dùng con dế sao cháy nghiền nhỏ thổi vào trong tai thời khỏi.

Một thứ trong tai đau lắm dùng nước mài dao rỏ vào rất là thần hiệu; nếu có sưng dùng mật gấu hòa nước rỏ vào.

Một thứ trong tai như là có sâu chạy đau lắm dùng xác rắn sao cháy tán bột lấy lông ngỗng thổi vào.

Hoặc dùng củ nghệ đâm vắt lấy nước rỏ vào trong tai, rồi nghiêng cho nước chảy ra thời khỏi.

Hoặc dùng nước cây chuối rỏ vào.

Hoặc mài nhân hột đào rỏ vào.



Một thứ trong tai chảy mủ dùng :

紅丹 一リ半 枯礬 一リ 龍骨 一リ 射香 三厘
粉 胭脂 七分

Hồng-dơn 1 đồng rưỡi, Phèn-khô 1 đồng, Long-cốt 1 đồng, Xạ-hương 3 li, Phấn-yên chi 7 phân.

Tán bột, trước lấy giấy ngoáy vào trong tai để cho sạch mủ lại dùng giấy chấm thuốc ngoáy vào.

Hoặc dùng khô-phèn, phấn yên-chi, xạ-hương 3 vị thôi, phép rửa chấm như bài trên.

Hoặc dùng quả cà muối ép lấy nước rửa vào trong tai rất hay lắm.

Hoặc dùng nhân bồ đào ép lấy dầu hòa 1 tí băng-phấn rửa vào tai rất hay.

Hoặc dùng thạch-xương-bồ tươi đâm lấy nước rửa vào. Như trong tai có mủ phải lấy giấy ngoáy cho sạch mủ rồi mới rửa thuốc.

Một thứ trong tai sưng đau gọi là lên dặng-dặng lấy lá hẹ đâm lấy nước rửa vào, hoặc rửa mật gấu hòa nước rất là thần hiệu.

Hoặc dùng lá hoa kim-ngân đã nhỏ dẹt bên trên rốn, thấy khỏi đau phải bỏ ngay đi lập tức nếu để lâu lại đau.

Một thứ ngoài vành tai ghẻ lở dùng hoàng-bá tán bột đâm rau sam lấy nước hòa bôi.

Hoặc vò lá khổ-nhĩ lấy nước bôi, hoặc đâm lá lồm dẹt vào.

Các thứ sâu vào trong tai .

Lấy dầu-vừng rửa vào trùng ra ngay, hoặc dùng nước dãi mèo rửa vào trùng cũng ra ngay rất thần hiệu.

Dùng gừng sống xát vào mũi mèo thời nó dãi; lấy lá khoai hoặc lá sen hứng lấy.

鼻 病

85. — Ty - bệnh

Ty-bệnh là mũi có bệnh. cái Mũi là quan thẩm biện thuộc về buồng phổi thở hơi ra hít hơi vào, kể phần mạch máu thời thuộc về dạ-dầy mà mạch đốc liền với kinh thái-dương



lại thông lên óc cho nên trần khí hòa bình thời lỗ mũi thông mà người biết thơm tho, nhược bằng có cảm gió lạnh, hoặc nhân lửa nóng mà hóa ra hắt hơi, ngạt mũi hoặc chảy nước trong, hoặc sinh mũi đỏ, hoặc sinh tức nhức, hoặc đỏ máu cam, phép chữa bệnh này phải chia hai thứ trong ngoài mà dùng thuốc.

Một thứ nhân gió lạnh mà mũi ngạt thời hắt hơi nhiều hoặc chảy nước trong dùng *Xuyên-khung-tán*, bài *Thần-dũ-tán*.

Một thứ nhân lửa nóng bốc lên mà mũi ngạt có nhiều nước đặc phải thanh hỏa. Lửa nóng lắm có kèm rức đầu dùng thang *Trúc-diệp-thạch-cao*, bài *Lương cách-tán*. Bằng như lửa nóng vừa dùng bài *Thanh-hóa-âm*, thang *Hoàng-cầm-chi-mẫu*. Nhược bằng ngoài gió lạnh kèm trong lửa nóng dùng bài *Phong-phong-thông-thánh-tán*.

Một thứ ngoài cảm đã khỏi mà mũi không biết mùi gì bởi vì chính khí thụ thương dùng thang *Tứ-quân-tử*, thang *Quy-tỷ* đều gia Ích chi 1 đồng, Phá-cổ 1 đồng.

Hoặc dùng bài *Lục-vị-hoán* cũng gia Ích-chí, Phá-cổ.

Một thứ trong mình lửa nóng đã khỏi mà mũi vẫn chảy nước dùng bài *Xương-nhi-tán*, hoặc bài *Phong-phong-tán*, nhược bằng đã lâu không khỏi là dương khí hư dùng thang *Bổ-trung-ích-khí*, hoặc thang *Thấp-toàn-đại-bổ*. Nhược bằng thấp nhiệt xông lên mà mũi chảy nước thối dùng bài *Não-lậu-bi-phương*, hoặc dùng *Phong-phong-thông-thánh-tán* 1 lượng gia Bạc-hà 1 đồng, Hoàng-liên 1 đồng, hoặc dùng bài *Tán-di-tán*.

列 方

Liệt các bài thuốc

川 芎 散

Xuyên-khung tán

川芎 藁本 姜活 細辛 白芷 炙草 (各五リ)

蒼朮一升 畏 加 蘇葉三リ

Xuyên-khung, Cảo bản, Khương-hoạt, Tế-tân, Bạch-chí, Chích-thảo (đều 5 đồng), Xương-truật 1 lượng. Gia:

Tô-diệp 3 đồng.

Tán bột uống 2 đồng hòa nước sôi.



神愈散

Thần dũ tán

防風 細辛 白芷 姜活 當歸 法夏
陳皮 茯苓 川芎 桔梗 (各二り)

Phòng-phong, Tế tán, Bạch-chỉ, Khương-hoạt, Đường-quy,
Pháp-hạ, Trần-bì, Phục-linh, Xuyên-khung, Kết-cánh, (đều 2
đồng).

Tán bột uống 2 đồng, thang bằng gừng.

黃芩知母湯

Hoàng - cầm tri - mẫu thang

梔子炒黑 花粉 杏仁 知母 黃芩 桑皮炒
貝母姜炒 桔梗 生草 (各一り)

Chi-tử, Hoa-phấn, Hạnh nhân, Tri-mẫu, Hoàng-cầm, Tang-
bì, Bối-mẫu, Kết-cánh, Chích thảo (đều 1 đồng).

防風通聖散

Phòng - phong thông thánh tán

梔子二り炒黑 石膏六り煨 桔梗二り 當歸三り
黃芩五り炒 川芎三り 防風三り 蓮翹三り
白芍三り炒 生草一り 荆芥一り

Chi-tử 2 đồng, Thạch-cao 6 đồng, Kết cánh 2 đồng, Đường-
quy 3 đồng, Hoàng cầm 5 đồng, Xuyên-khung 3 đồng,
Phòng-phong 3 đồng, Liên-kiều 3 đồng, Bạch-thược 3 đồng,
Sinh-thảo 1 đồng, Kinh-giới 1 đồng.

Tán bột uống 2 đồng hòa nước sôi.

蒼耳散

Xương - nhĩ tán

蒼耳子三り炒焦 辛夷五り 薄荷五り 白芷一り

Xương-nhĩ-tử 3 đồng, Tân di 5 đồng, Bạc-hà 5 đồng, Bạch-
chỉ 1 lượng.

Tán bột uống 2 đồng thang bằng gừng.



防風散

Phòng - phong tán

沙參三リ 姜炒 麥門三リ 炒 川芎二リ 防風五リ
黃芩二リ 炒 炙 艸 一リ

Sa-sâm 3 đồng, Mạch-môn 3 đồng, Xuyên-khung 2 đồng,
Phòng-phong 5 đồng, Hoàng-cầm 2 đồng, Chích-thảo 1 đồng.

辛夷散

Tân - di tán

沙參二リ 姜炒 白芍一リ 炒 當歸一リ 辛夷二リ
黃芪一リ 炙 黃芩一リ 炒 白芷一リ 川芎五分
細辛五分 生艸五分

Sa-sâm 2 đồng, Bạch thược 1 đồng, Đương-quy 1 đồng, Tân-di 2 đồng, Hoàng-kỳ 1 đồng, Hoàng-cầm 1 đồng, Bạch-chí 1 đồng, Xuyên-khung 5 phần, Tế tân 5 phần, Sinh-thảo 5 phần.

腦漏秘方

Não - lậu bí - phương

Dùng dây mướp 3 thước đến tận gốc, sao cháy tán bột hòa rượu uống 2 đồng.

Trúc điệp-thạch-cao ở số 7 THƯƠNG-THỬ.

Lương-cách-tán ở số 75 ĐIÊN-CUÔNG

Tứ-quân-tử, Quy-tỳ-thang, Lục-vị-hoàn, Bỗ-trung-ích-khí, đều ở số 10 CHƯ-HỮ-CHƯƠNG.

Thập-toàn-đại-bổ ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Thanh-hóa-âm ở số 26 HÀN-NHIỆT

Bệnh rượu mũi đỏ

四物芩伯湯

Tứ - vật cãm - bá thang

黃伯二リ 炙 黃芩二リ 炒 川芎一リ 當歸二リ



白芍三リ炒 生地五リ

Hoàng-bá 2 đồng, Hoàng-cầm 2 đồng, Xuyên-khung 1 đồng,
Đương quy 2 đồng, Bạch-thược 3 đồng, Sinh-dịa 5 đồng.

Hoặc dùng bài Lục vị-hoàn gia:

苦参三リ 當歸二リ

Khô-sâm 3 đồng, Đương quy 2 đồng.

荊芥散

Kinh - giới tán

荊芥八リ 防風二リ 杏仁二リ 姜蚕二リ
茯苓二リ 生草二リ

Kinh-giới 8 đồng, Phòng phong 2 đồng, Hạnh-nhân 2 đồng,
Khương-tâm 2 đồng, Tật-lê 2 đồng, Sinh-thảo 2 đồng,

Tán bột uống 2 đồng hòa nước chè.

Phương phế phong mũi đỏ

桑皮三リ蜜炒 連翹四リ 枇杷葉八リ
梔子八リ炒黑 玄参四リ

Tang-bì 3 đồng, Liên-kiêu 4 đồng, Tỳ-bà-diệp 8 đồng, Chi-tử
8 đồng, Huyền-sâm 4 đồng.

Tán bột uống 2 đồng, thang cam-thảo

Hựu phương

苦参四リ 當歸二リ

Khô-sâm 4 lạng, Đương-quy 2 lạng.

Tán bột luyện hồ viên uống 2 đồng.

Hựu phương

白礬 硫黄 乳香炒 (各二リ)

Bạch-phân, Lưu-hoàng, Nhũ-hương (đều 2 đồng).

Tán bột ngâm quả cà lấy nước hòa bôi.

Hựu phương

硫黄一リ 輕粉一リ 杏仁五分

Lưu-hoàng 1 đồng, Kinh-phấn 1 đồng, Hạnh-nhân 5 phân.

Tán bột hòa rượu với mật, đêm bôi sáng rửa đi.



Hựu phương

雄黃五分 枯礬一リ 法夏二リ 硫黃一リ
射香一分

Hùng-hoàng 5 phân, Khô-phèn 1 đồng, Pháp-hạ 2 đồng,
Lưu-hoàng 1 đồng, Xạ-hương 1 phân.

Tán bột hòa nước đêm bôi sáng rửa.

Trong mũi mọc thịt

黃白散

Hoàng - bạch tán

雄黃 枯礬 細辛 瓜蒂 (各五分)

Hùng-hoàng, Khô-phèn, Tế-tân, Qua-đế (đều 5 phân).

Tán bột, hòa với nước mật con chó đực luyện làm viên
nút lỗ mũi.

細辛散

Tế - tân tán

細辛一リ 瓜蒂一リ

Tế tân 1 đồng, Qua-đế 1 đồng,

Tán bột bọc lụa nút lỗ mũi.

雄黃散

Hùng - hoàng tán

雄黃五分 瓜蒂二個 綠礬一リ 射香三厘

Hùng-hoàng 5 phân, Qua-đế 2 cái, Lục-phèn 1 đồng, Xạ-hương 3 ly.

Cùng tán bột thổi vào trong mũi.

簡易方

Giản dị phương

Khô-phèn tán bột hòa mỡ lợn bọc lụa nút lỗ mũi 3 ngày
thịt rụng ra. Hoặc dùng mẩu ngó-sen tươi liền cả rễ, sấy
khô tán bột thổi vào trong mũi. Nhược bằng thịt thỏ ra
ngoài lấy băng-phiến hòa nước lã bôi.



Trong mũi mọc mụn

Dùng lá đào non đâm nhỏ lấy lựa bọc nút lỗ mũi, không có lá dùng vỏ đào cũng được. Hoặc dùng huyền-sâm già nhỏ bọc lựa nút lỗ mũi.

Trong mũi sinh trùng

Dùng bột bẹ đốt khói ngửi trùng ra ngay. Hoặc dùng hồng-hoàng tán bột, thỉnh-thoảng ngửi luôn.

Trĩ ăn trong mũi

輕粉 一リ 枯礬 二リ 杏仁 四粒

Khinh-phấn 1 đồng, Khô-phèn 2 đồng, Hạnh-nhân 4 hạt.

Đập bỏ dầu, cùng tán bột thổi vào trong mũi trĩ hóa ra nước.

Hoặc dùng:

螺壳五分 燒灰 葶烏五分 燒灰 枯礬 五分
甘遂 一リ 煨 瓜蒂 四リ

Vỏ ốc 5 phân (đốt ra gio), Thảo ô 5 phân (đốt ra gio), Khô-phèn 5 phân, Cam-loại 1 đồng, Qua-dế 4 đồng.

Tán bột hòa dầu vừng làm viên nút lỗ mũi, ngày thay 1 bận, trĩ hóa ra nước. Lại dùng Ý-dĩ sao vàng, Bí-dao sắc nước thay chè uống rất hay.

Mũi chảy nước thối

Lấy vỏ quả bầu khô mới, tán bột bọc lựa thỉnh thoảng lại ngửi hoặc Lửa vào cháo ăn càng hay.

Mũi chảy nước không khỏi

Bỏ lạt sống vào nồi rang, người có bệnh phải cho cát vào rang lấy vài 3 bận, ngửi khỏi mới khỏi.

腦漏神方

Não lậu thần phương

Lông chim bồ-câu trắng 3 đồng, vải vụn sơn sống một mảnh, cùng đốt ra than tán bột thêm một tí băng-phiến khiến người bệnh nằm ngửa lấy quần-bút chấm thuốc thổi vào lỗ mũi 3, 4 bận thời khỏi.



Mũi ngạt tắc không khỏi

Lấy nửa nhân ba-dậu tán nhỏ dùng một miếng gừng sống bằng đốt ngón tay, khoét thủng cho ba-dậu vào trong, tiêm thủng cho thông khí, nút lỗ mũi để 1 đêm thời khỏi.

Lấy giấy quấn gừng kéo cay lỗ mũi.

口 舌

86. — Khẩu - thiết

Khẩu thiết là miệng, lưỡi. — Lưỡi là mầm quả-tâm sinh ra thời nói khôn ngoan. Miệng là cửa dạ-dầy ăn uống thêm phần khỏe mạnh, đến thì có bệnh nhân nọai cảm mà lưỡi mọc rên, miệng khô, hoặc lưỡi vắng miệng đắng, lửa nóng mà lưỡi đen, miệng nứt thục bởi tại trong ruột gao thụ bệnh mà vạ lây đến miệng lưỡi.

Bệnh này tại phần nóng nhiều mà phần lạnh thời ít phải xem mạch và các chứng gì biện cho thực dịch hàn, nhiệt mà dùng thuốc.

Một thứ miệng đắng bởi vì nhân cổ ngoại cảm phát sốt. Miệng chua là buồng gan nóng mà dạ dày lạnh; miệng ngọt là tỳ hư nhiệt; miệng mặn là thận hư nhiệt; miệng nhạt là thuộc chứng hư hoặc mới ốm khỏi. Miệng khát là có lửa nóng, miệng khô là âm hư, khát mà muốn uống nước uống là hỏa hư.

Một thứ trong mồm khô như là mọc mụn dùng: Hoàng-liên 5 phân, Hoàng-bá 5 phân.

Tán bột hòa mật ong mà ngậm

Hoặc dùng Huyền-sâm thái miếng mà ngậm

Một thứ ngoài mép sinh ghẻ, lở bởi vì vị hỏa nóng quá dùng Thanh-vị-thang, hoặc bài Trúc-diệp-thạch-cao. Nhược bằng lâu mà không khỏi phải dùng bài Lý-âm, thang Lý-trung.

清 胃 湯

Thanh - vị thang

生地三リ 升麻一リ 黃連一リ 當歸二リ
牡丹二リ 炒

Sinh-dịa 3 đồng, Thăng-ma 1 đồng, Hoàng-liên 1 đồng, Dương-quy 2 đồng, Mẫu-dơn 2 đồng Sắc nước uống.



Trúc-diệp-thạch-cao ở số 7 THƯƠNG-THỬ.

Lý-âm-tiên ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Lý-trung-thang ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Thuộc bôi chóc mếp

陰陽散

Âm dương tán

黃連三リ 乾姜一リ 炒焦

Hoàng-liên 3 đồng, Can-khương 1 đồng.

Tán bột bôi.

綠雲散

Lục-vân tán

黃柏二リ 青黛二リ

Hoàng-bá 2 đồng, Thanh-dại 2 đồng.

Tán bột đề bôi.

Hựu phương

黃柏二リ 細辛二リ

Hoàng-bá 2 đồng, Tế-tân 2 đồng. Tán bột bôi

Hựu phương

黃柏二リ 姜蚕二リ

Hoàng-bá 2 đồng, Khương-tằm 2 đồng. Tán bột đề bôi.

Hựu phương

檳榔炒焦

加 輕粉少許

Bình-lang sao cháy,

Gia khinh-phấn ít. Tán bột bôi.

Hựu phương

砂仁炒焦

Sa-nhân sao cháy, tán bột bôi.

Các bài thuốc bột đề bôi lỗ, như chỗ lỗ ướt thời rắc thuốc bột hoặc hòa nước bột mà bôi, nhược bằng nổi chốc khó hòa dầu vừng bôi.



Một thứ mồm thối phải phân hàn, nhiệt, thối mà cay là nhiệt, thối mà chua như cơm thiêu là hàn. Như nhiệt thì dùng Liên-kiều tán bột, mỗi bữa uống 2 đồng, hòa nước chè, hoặc dùng hương-nhu sắc nước mà ngâm rất hay. hoặc dùng bắc-sửu tán bột xát răng, súc miệng, hoặc dùng Ô-mai ngâm. Như hàn thì dùng Ích-tri 1 lạng, Sinh-thảo 2 đồng.

Tán bột uống 2 đồng, nuốt khô.

Hoặc dùng mật sả-lăng tán bột hòa giấm thanh súc miệng. Hoặc dùng đại-bồ thính thoảng nhấm một tí.

Một thứ miệng chảy nước rãi ấy là tý hàn, dùng:

白朮五分炒焦 法夏一リ 青皮五分炒 丁香一リ
乾姜五分炒 木香一リ

Bạch-truật 5 phân, Pháp-hạ 1 đồng, Thanh-bì 5 phân, Đinh-hương 1 đồng, Can-khương 5 phân, Mộc-hương 1 đồng.

Tán bột luyện bồ viên bằng bột gạo. Trẻ con 2 tuổi uống 5 viên, người lớn uống 1 đồng.

Nhược bằng không kiến hiệu là tý nhiệt, dùng:

白朮一リ炒焦 滑石一リ 茯苓六分 石斛六分
扁豆六分炒 黃連四分 生艸四分 葛根五分

Bạch-truật 1 đồng, Hoạt-thạch 1 đồng, Phục-linh 6 phân, Thạch-hộc 6 phân, Biền-dậu 6 phân, Hoàng-liên 4 phân, Sinh thảo 4 phân, Cát-cần 5 phân.

Tán bột, trẻ con uống 1 đồng, người lớn uống 2 đồng, sắc bắc làm thang.

Một thứ trong miệng trên hàm mọc giọt dưng muối sao đỏ, phèn sao khô, 2 vị bằng nhau tán bột chấm vào.

Một thứ trong mồm mọc thịt như cái nấm dùng Xạ-hương 1 phân. Tán bột chấm vào. Hoặc đốt tóc tán bột cho uống.

Một thứ lưỡi trắng không rêu cả mồm, môi đều trắng là tý vị hư hàn dùng thang *Lý-trung*, lạnh lắm gia Phụ-tử 1 đồng, Nhục-quế 1 đồng.

Một thứ đầu lưỡi đỏ hoặc có gai là tâm hỏa nóng dùng bài *Nhị-âm-tiên*, bài *Thanh-tâm-liên-tử*.

Một thứ giữa lưỡi mọc rêu vàng là vị nhiệt dùng bài *Trúc-diệp-thạch-cao* gia Hoàng-cầm, Thạch-hộc, Tri-mẫu, Hoa-phấn đều 1 đồng.

Một thứ cả lưỡi đỏ tía mà không có rêu, hoặc dưới lưỡi cũng đỏ gọi là giáng-thiệt thuộc thận hư, dùng bài *Lục-oại-hoàn* gia Sinh-địa 2 đồng, Mạch-môn 2 đồng.



Một thứ lưỡi đỏ sẫm và đen, hoặc mọc nhiều gai lại khát nước là trong bụng nóng lắm dùng bài *Lương-cách-tán*, bài *Tê-dác-địa-hoàng*, nhược bằng lưỡi đỏ đen mà mềm ướt không phải là nhiệt bởi là tại hỏa hư, dùng bài *Lý-âm-tiên*, thang *Lý-trung*.

Một thứ lưỡi tự nhiên chảy máu gọi là thiệt-nục, bởi tâm hỏa nóng dùng bài *Kim-hoa-tán*, *Thánh-kim-tán*, *Hoàng-nghiệt-tán*, hoặc bài *Thiên-kim-khẩu-sú*.

Một thứ chùng thiệt là dưới lưỡi mọc lưỡi con; mọc thiệt là lưỡi dẫn như gỗ bởi vì huyết nhiệt phải lấy kim châm cho chảy máu ra trong uống thuốc thanh vị giáng hỏa như những vị này :

生地 石羔 黃芩 石斛 知母 麥門
花粉 梔子 生草

Sinh-địa, Thạch-cao, Hoàng cầm, Thạch-hộc, Tri-mẫu, Mạch-môn, Hoa-phấn, Chi-tử, Sinh-thảo. Ngoài dùng nhọ-nồi bôi vào Hoặc dùng Bồ-hoàng sắc nước ngâm rất hay.

Một thứ lưỡi tự nhiên sưng to đầy miệng là chứng nguy quá phải xem chỗ nào sưng hơn lấy kim châm cho chảy máu ra, dùng nhọ-nồi hòa giấm-thanh bôi cho đầy, nhược bằng lưỡi sưng không nhớn lắm chỉ dùng nhọ-nồi hòa giấm-thanh đắp cả trên, dưới lưỡi lại dùng nhọ-nồi 2 đồng tán bột hòa nước với rượu cho uống.

Hoặc dùng phèn-đen 3 đồng, để trên hòn ngói nung đỏ tán bột lấy cái thìa cạy mồm ra, hoặc dùng Ô-mai xát chân răng hàm cho bá mồm ra, lấy thuốc bột bôi trên lưỡi thì khỏi, lại dùng nhọ-nồi tán bột 2 đồng, hòa nước với rượu uống.

Hoặc dùng máu mào-gà sống xát vào trên lưỡi nuốt vào khỏi ngay.

Hoặc dùng Mai-hoa, Băng-phiến, tán bột bôi vào thời tiên ngay

Hoặc dùng dầu bạc-hà thật bôi vào trên lưỡi. Hoặc dùng Hoàn-liên 3 đồng, sắc nước cho uống.

Một thứ dầu lưỡi vỡ nát dùng Ngô-thù 4 đồng, tán bột hòa giấm-thanh dịt 2 gan bằm chân buộc chặt 1 giờ lại thay.

Một thứ lưỡi khô quắt nhỏ dùng phân khô người đốt ra than hòa mật ong bôi vào.

Một thứ lưỡi rụt tiếng ngọng dùng rau răm 7 ngọn, đàn bà 9 ngọn, nghiền nhỏ hòa 1 cái lòng trắng trứng-gà và mật ong đồ vào cho uống.



列 方

Liệt các bài thuốc

Lý-trung-thăng, Nhị-âm tiên đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Lý-âm-tiên ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Trúc-diệp-thạch-cao thang ở số 7 THƯƠNG-THỦ.

Lục-vị-hoàn ở số 10 CHỮ-HƯ-CHỨNG.

Lương-cách-tán ở số 75 ĐIÊN-CUỒNG.

Tê-dắc-địa-hoàng ở số 21 THI QUYẾT.

清 心 蓮 子 飲

Thanh - tâm - liên-tử ẩm

麥門二リ 煨 石蓮肉二リ 柴胡五分 茯苓一リ 半
黃芩一リ 半 黃芪一リ 炙 地骨一リ 車前一リ 炒
生草一リ 沙参三リ 姜炒

Mạch-môn 2 đồng, Thạch-liên-t nhục 2 đồng, Sài-lồ 5 phân, Phục-linh 1 đồng rưỡi, Hoàng-cầm 1 đồng rưỡi, Hoàng-kỳ 1 đồng, Địa-cốt 1 đồng, Xa-tiên 1 đồng, Sinh-thảo 1 đồng, Sa-sâm 3 đồng.

金 花 散

Kim - hoa tán

黃伯三リ 炙 黃連一リ 梔子二リ 炒黑

Hoàn-bá 3 đồng, Hoàng-liên 1 đồng, Chi-tử 2 đồng.

Cùng tán bột, uống 1 thìa.

聖 金 散

Thánh - kim tán

黃伯一リ 炙 青黛二リ

Hoàng bá 1 lượng, Thoa-n-dại 2 đồng.

Cùng tán bột, uống 1 thìa.



黃 蘗 散

Hoàng - nghiêc tán

Hoàng-bá tâm - mật nươg cháy tán bột uống 2 đồng.

千 金 口 臭 方

Thiên - kim - khẩu - sủ phương

Hương-nhu một nắm sắc nước ngậm rồi nuốt đi.

唇 病

87. — Thân - bịnh

Thân bịnh là đau môi. — Môi là cánh cửa ngoài mồm để che cho hàm răng tịt đầy mỏng hiện ra đỏ, chủ ở hai kinh tý vị cho nên khí hu ết vượng thời môi tươi hơn hơn, tý vị hàn thời môi trắng nhợt, hoặc môi thâm sì; trong bụng nóng thời môi khô, bụng có trùng thời môi đỏ, nóng quá thời môi nề, băng như có tích độc thời mọc đinh-rầu phải xét xem lạnh nóng các thứ mà dùng thuốc.

Một thứ môi đỏ là có trùng tích, cam tích phải xem môn ấy mà dùng thuốc.

Một thứ môi xanh trắng nhợt, hoặc có nhân mất máu phải nên bổ huyết, dùng bài *Ngũ-cật*, bài *Tam-âm tiên*, bài *Đại-doanh*

Một thứ môi sẫm đen là tý vị hư hàn ất có nòn mửa đầy bụng đi rửa, dùng thang *Lý-trung*, bài *Hương-sa-lục-quân*.

Một thứ môi khô, môi nề bởi vì trung-tiên lửa nóng dùng bài *Đại-thanh-âm*, *Ngọc-nữ tiên*, *Tỷ-lân-âm*.

Một thứ nhân-trung sưng to dùng :

蒲黃 二 分 黃 連 一 分 冰 片 一 分

Bồ-hoàng 2 đồng, Hoàng-liên 1 đồng, Băng-phiến 1 đồng.

Tán bột hòa dầu vừng bôi

Một thứ mùa đông môi nề chầy máu lấy nhân hột đào nghiền nhỏ hòa lẫn mỡ lợn bôi

Một thứ môi sưng đen đau ngứa khó chịu lấy 4 đồng tiền đồng cũ, rớt mỡ lợn vào hột đá; mài tiền lấy nước đặc bôi



Một thứ chung quanh môi sinh ghê, lở dùng Toàn-phủ
hoa sao cháy tán bột hòa dầu vừng bôi.

Một thứ môi, mồm chùm nhỏ lại không ăn uống được
lấy vải trắng mấy cuộn bằng ngón tay chấm lửa để trên
lưỡi dao, bẽ chầy nhựa chấm lấy bôi vào môi, lại dùng vải
châm cũ đốt ra gio nghiền nhỏ hòa rượu uống.

Hoặc dùng :

梶子一リ 五倍一リ

Kha-tử 1 đồng, Ngũ-bội 1 đồng.

Tán bột hòa dầu vừng bôi,

Hoặc dùng :

五倍二リ 蜜陀僧二リ 生甘草二分

Ngũ-bội 2 đồng, Mật-sà-tăng 2 đồng, Sinh-cam-thảo 2 phân

Cùng tán bột, lại lấy 1 miếng Hoàng bá đem thuốc bột
hòa nước bôi vào miếng Hoàng-bá, nướng than cho khô
lại bôi thuốc rồi lại nướng cho hết bột thuốc; lấy dao cạo
miếng Hoàng-bá ra bột rồi hòa dầu vừng bôi.

Một thứ môi mọc đinh-râu, dùng :

紫花地丁一両 白果廿个 枳莰三リ
金銀花一両 知母三リ 生草三リ

Lá Tử-hoa-địa-dinh 1 lạng Ngâm-bạch 20 quả, Kết-cánh 3
đồng, Hoa kim-ngân 1 lạng, Tri-mẫu 3 đồng, Sinh-thảo 3
đồng.

Sắc nước uống, vị bằng nặng lắm uống đến 3 thang thời
khỏi.

Hoặc dùng mán mào-gà sống bôi vào, hoặc dùng gan-cóc
đám nhỏ hòa Bàng-sa, Đinh-hương dịt vào, hoặc dùng cánh
hoa-bồng vò nát hòa mấm-tôm bôi vào.

疔瘡神方

Đinh - sang thần phương

Không cứ mọc ở đâu, gần chết cũng khỏi dùng hoa kim-cúc
trắng lấy cả lá già nhỏ vắt lấy một chén nước, hòa thêm
rượu đun nóng uống. Bã hoa dịt vào đinh; nhược bằng
không có cúc tươi dùng hoa cúc trắng khô 4 lạng, Sinh-thảo
4 đồng, sắc nước hòa rượu uống. Hoặc dùng :

Hồng-nha-đại-kích (紅牙大戟) Lấy nước chè nóng
rửa sạch bỏ lõi nhai nhỏ dịt vào, nhai xong phải súc miệng
ngay chớ có nuốt nước.



列 方

Liệt các bài thuốc

五 物 煎

Ngũ - vật tiên

白芍三リ 酒炒 當歸三リ 川芎二リ 肉桂一リ
熟地六リ

Bạch thược 3 đồng, Đương-quý 3 đồng, Xuyên-khung 2 đồng, Nhục-quế 1 đồng, Thục-địa 6 đồng.

Lý-trung-thang, Tam-âm-tiên đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Ngọc-nữ-tiên, Tỳ-tân-âm đều ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Đại-doanh-tiên, ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG-BIỆN.

Đại-thanh-âm ở số 26 HÀN-NHIỆT.

Hương-sa-lục-quân ở số 46 ÂM THỰC.

齒 痛

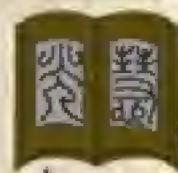
88. — Xi - thông

Xi thông là đau răng. — Răng cũng là xương thuộc về thận thủy mà cái lợi thuộc về vị thổ, nhược bằng thận hư vị nhiệt thời răng đau mà lung lay, nói đại khái: răng vị như cây, lợi như đất. Đất nước hòa bình thời gốc vững bền, đất khô thời cây héo mà hoặc sinh ra mọt. Trị bệnh này phải thanh hỏa, bổ thủy, sát trùng ba thứ mà thôi.

Một thứ trong dạ-dầy nóng mà đau răng, sưng lợi dùng bài Thanh-vị-tán, nhược bằng lửa nóng dùng bài Triệt-tân-âm, bài Đại-thanh-âm, bài Ngọc-toàn-tán, nhược bằng thận hư kiêm cả vị hỏa mà nóng khát sưng đau dùng bài Ngọc-nữ-tiên.

Một thứ nhân phong nhiệt mà chân răng sưng đau dùng bài Định-thống-khương-hoạt.

Một thứ đau răng quá rức cả lên óc, muốn mát sợ nóng, mạch thời hồng xác dùng Lương-cách-tán, bài Thạch cao-thang.



Một thứ răng đau dữ quá sợ lạnh yêu nóng dùng hải *Lý-âm-tiên*, bài *Bát-vị hoàn*.

Một thứ nguyên khí vốn hư nhân sự khó nhọc mà đau răng, phần dương hư dùng bài *Bồ-trung-tch-khí*, phần âm hư dùng bài *Bồ-âm-tch-khí*.

Một thứ răng lung lay mà đau âm ý là trong âm phận mà dương hư dùng bài *An-thận hoàn*.

Một thứ thận hư mà răng lung lay nổi lên, thủy hư dùng bài *Lục-vị hoàn*, *Tả-quy hoàn*; hỏa hư dùng *Bát-vị hoàn*, *Hữu-quy hoàn* đều gia *Cốt-toái* 2 đồng.

列 方

Liệt các bài thuốc

清 胃 散

Thanh-vị tán

青皮六分 炒 牡丹二リ 炒 生地三リ 防風一リ
石羔二リ 煨 荊芥一リ 生艸五分

Thanh-bì 6 phân, Mẫu-đơn 2 đồng, Sinh-địa 3 đồng, Phòng-phong 1 đồng, Thạch-cao 2 đồng, Kinh-giới 1 đồng, Sinh-thảo 5 phân

Bốn răng cửa hàm trên thuộc tâm, gia:

黃連八分 麥門一リ 半炒

Hoàng-liên 8 phân, Mạch môn 1 đồng rưỡi

Bốn răng cửa hàm dưới thuộc thận, gia:

知母一リ 黃柏八分 炙

Tri-mẫu 1 đồng, Hoàng-bá 8 phân.

Hai bên răng nanh hàm trên thuộc về dạ-dầy, gia:

川芎八分 白芷八分

Xuyên-khung 8 phân, Bạch-chỉ 8 phân

Hai bên răng nanh hàm dưới thuộc về ruột-non, gia:

白芍一リ 半炒 白朮八分 土炒

Bạch-thược 1 đồng rưỡi, Bạch-truật 8 phân.



Ba cái răng nhón hàm trên tay phải thuộc về ruột già, gia :

川大黃一リ煨 枳壳五分炒

Đại-hoàng 1 đồng, Chi-xác 5 phân.

Ba cái răng nhón hàm dưới tay phải thuộc về buồng phổi,

gia : 黃芩一リ炒 桔梗一リ

Hoàng-cầm 1 đồng, Kết-cánh 1 đồng.

Ba cái răng nhón hàm trên tay trái thuộc về chái mật, gia :

姜活一リ 龍胆八分

Khương-hoạt 1 đồng, Long-dâm 8 phân.

Ba cái răng nhón hàm dưới tay trái thuộc về buồng gan,

gia : 柴胡一リ 梔子一リ炒黑

Sái-hồ 1 đồng, Chi-tử 1 đồng.

定痛姜活湯

Định-thống khương-hoạt thang

石羔二リ煨 荊芥七分 落荷七分 獨活七分

升麻一リ半 細辛五分 生草五分 生地三リ

防風一リ 白活一リ 川芎一リ

Thạch-cao 2 đồng, Kinh-giới 7 phân, Bạc-hà 7 phân, Độc-hoạt 7 phân, Thăng-ma 1 đồng ruỡi, Tế-tân 5 phân, Sinh-thảo 5 phân, Sinh-dịa 3 đồng, Phòng-phong 1 đồng, Khương-hoạt 1 đồng, Xuyên-klung 1 đồng.

石羔湯

Thạch-cao thang

梔子八分炒黑 薄荷八分 茯苓八分 鹽耨八分

川大黃二リ煨 升麻一リ 知母一リ 樸硝六分

石羔二リ煨 生梓五分

Chi tử 8 phân, Bạc-hà 8 phân, Phục-linh 8 phân, Liên-kiều 8 phân, Đại-hoàng 2 đồng, Thăng-ma 1 đồng, Tri-mẫu 1 đồng, Phác-tiêu 6 phân, Thạch-cao 2 đồng, Sinh-thảo 5 phân.



安 腎 丸

An - thân hoàn

肉苁蓉二兩製 石斛一兩 茯苓一兩 破故一兩
杜仲一兩鹽炒 兒絲一兩 巴戟一兩 青鹽一兩
白蒺藜二兩 淮山一兩炒

Nhục-thong-dong 2 lạng, Thạch hộc 1 lạng, Phục linh 1 lạng, Phá cố 1 lạng, Đỗ trọng 1 lạng, Thổ ty 1 lạng, Bakhich 1 lạng, Thanh-diêm 1 lạng, Bạch-tật-lê 2 lạng, Hoài-sơn 1 lạng.

Tán bột, luyện mật viên, mỗi bữa uống 2 đồng.

Trừu-tân-âm, Ngọc-toàn-tán, Lý-âm-tiên đều ở số 3
THƯƠNG HÀN.

Bồ âm ích khí, Tả-quy-hoàn, Hữu-quy-hoàn đều ở
số 1 NỘI-THƯƠNG.

Lục-vị-hoàn, Bát-vị-hoàn, Bồ-trung-ích-khí đều ở
số 10 CHỮ-HỮ-CHỨNG.

Lương-cách tán ở số 75 ĐIÊN-CUÔNG.

Giản - dị phương

Thạch-cao 1 lạng, Tế-tân 3 đồng sắc nước ngâm.

Hoặc dùng: Hương-phụ, Ngải-diệp sắc nước ngâm.

Hoặc dùng: Nải-diệp, Tỏ-ong sắc giấm-thanh ngâm.

Hoặc dùng: Đinh-bương 5 phân, Xuyên-tiêu 5 phân,
Băng-phiến 1 phân tán bột chấm vào.

Hoặc dùng: rễ giấy lá-lốt đâm nhỏ dịt vào.

Hoặc dùng: Thăng-ma, Thạch-cao, Đại-hoàng, Tri-mẫu
đều 1 đồng sắc nước ngâm.

Hoặc dùng: Thanh-diêm, Tế-tân, Tất-bát, Xuyên tiêu
tán bột chấm vào.

Hoặc dùng: Tỏ-kén 2 đồng (đốt ra than), Ngũ-bội, Phèn-
phí, Hoàng-bá đều 1 đồng tán bột chấm vào rất là thần hiệu.

Hoặc dùng 2 nhánh tỏi, Kinh-phấn 1 đồng đâm lẫn dịt
vào huyết kinh-cử lấy cái hén để úp lên trên rồi buộc lại,
huyết ấy ở chân ngón tay cái, n ón tay chỗ chỗ khỉu sau
mạch bộ thốn, giải tay trái giải tay phải; một chốc thấy
đau, cạy ra bỏ đi; thấy mọc lên một cái bông nước, nhẹ
chảy nước ra, khỏi đau lập tức.



Răng có sâu

Dùng Ngũ-bội 3 đồng, sắc nước ngâm sâu chết ngay.

Hoặc dùng hột họ 3 đồng, sắc nước ngâm.

Hoặc dùng Ba-dậu 1 nhân Xuyên-tiểu 5 hột, tán bột luyên cơm viên, nhét vào chỗ đau.

Hoặc dùng con nhái lột da chỉ lấy 1 miếng thịt đùi, bỏ xương đi, giần cho mềm để vào chỗ đau, một chốc con sâu ra ăn lấy ra thả vào nước mà xem, vài bận thời khỏi.

Hoặc dùng dầu, cánh gà đốt ra than chấm vào chỗ sâu, một chốc súc miệng có sâu ra.

Cổ - xỉ phấp

Thường khi răng hơi có ý lồi lên thời sẽ cần cho chặt thỉnh thoảng lại cần luôn, những khi đi tiểu thời trước cần cho chặt hàm răng lại, rồi sau mới phóng giải.

Trẻ con cam răng

青黛一リ 硃砂五分 生草五分 人中白一リ

硼砂一リ 雄黄一リ 冰片一リ

Thanh-dại 1 đồng, Chu-sa 5 phân, Sinh-thảo 5 phân, Nhân-trung-bạch 1 đồng, Bồng-sa 1 đồng, Hùng-hoàng 1 đồng, Bồng-phiến 1 đồng.

Tán bột chấm vào.

Cam tàu - mã

人中白 五倍 黃連 青黛 胆礬 黃伯
柑 硃 藥 (各一リ)

Nhân-trung-bạch, Ngũ-bội, Hoàng-liên, Thanh-dại, Đàm-phèn, Hoàng-bá, Lá cam-xanh (đều 1 đồng).

Tán bột chấm vào

Chứng cam tàu-mã phải dùng đậu-xanh cho ăn luôn luôn.

Hoặc dùng lông đuôi trâu trắng, hoàng-bá, 2 vị đốt ra than, tán bột hòa mật-ong chấm vào; nếu không khỏi lấy than-khương thay hoàng-bá.

頰 車

89. — Giáp - xa

Bệnh giáp-xa là sưng quai-hàm, đau một bên gọi là sưng hàm trái, sưng cả hai bên gọi là lên quai-bì. Bệnh này có ba thứ phải chia ra mà dùng thuốc

Một thứ nhân thượng-tiên, hoành-cách nóng mà sưng hàm dùng bài *Lương-cách-tán* gia *Kết-cánh*, *Phòng-phong*.

Một thứ nhân gió lạnh vào kinh Thiếu-âm mà gât xương đau, dùng bài *Khương-hoạt-thắng-thấp* gia *Hoàng-cầm*, *Kết-cánh*.

Một thứ nhân thận thủy hư mà sưng hàm, dùng bài *Lục-vị* gia *Huyền-sâm*, *Ngưu-tất*.

Lương-cách-tán ở số 75 *ĐIÊN-CƯỜNG*

Lục-vị-hoàn ở số 10 *CHƯ-HƯ-CHỨNG*.

姜 活 勝 濕 湯

Khương - hoạt - thắng - thấp thang

| | | | |
|-------|-------|------|------|
| 藥本一斗半 | 獨活二リ | 姜活二リ | 蔓荊五分 |
| 防風二リ半 | 川芎五分 | 生草五分 | |
| 加 | 黃芩一リ炒 | 桔梗一リ | |

Cảo bản 1 đồng rưỡi. Độc hoạt 2 đồng, Khương hoạt 2 đồng. Mạn kinh ở ngoài. Phòng-phong 1 đồng rưỡi, Xuyên khung 5 phân, Sinh-thảo 5 phân.

Gia: Hoàng-cầm 1 đồng, Kết-cánh 1 đồng.

Thuốc bôi ngoài

1.) Xích-tiền-dậu 5 đồng tán bột hòa lòng trắng trứng gà bôi, hoặc hòa giấm-thanh

2.) Hạnh-nhân 5 đồng đâm nhỏ như cao đắp vào.

3.) Tế-tân 3 đồng, Thảo ô 3 đồng tán bột hòa mỡ lợn bôi, lại dùng quả Ó mai đè vào trong hàm chảy rãi ra thì khỏi sưng



4) Sưng hàm-trần dùng xương hàm con trâu đốt ra than tán bột hòa nước sôi.

5) Lén quai-bị lấy cái quai-bị cũ của ăn-máy đốt ra than hòa nước sôi vào.

咽 喉

90. — Yết-hầu

Yết-hầu là đàn trong cổ. — Hầu là cuống-họng hơi thuộc buồng phổi, ở ngoài làm cái ống hút vào thở ra. Yết là cuống-ống cơm thuộc dạ-dầy, ở trong làm cái cửa ăn uống. Quả hội-áp là cái nút ở giữa, cử việc đóng mở để cho ăn uống vào ống cơm mà không lẫn, vậy nên đức thánh Khổng-tử khi ăn không nói sợ ống hơi mở ra mà rơi cơm nước vào. Cái yết-hầu là chốn ách-yếu trong mình người ta lại làm cái cửa cho các tạng phủ như có bệnh gì ngăn trở thì tính mệnh người ta quan hệ lắm. Cổ-phương có chia làm 18 chứng như mà chỉ tại đàm hỏa sinh ra, hoặc sưng sũng, hoặc lở đau, ăn uống không được tức là sợ lắm. Trị bệnh này phải xét âm, dương, lạnh, nóng thể nào và chứng hầu-phong; chứng hầu-tý; chứng hầu-nga các bệnh mà chữa.

Một thứ hỏa chứng hầu tý trong cổ lở đau là lửa tam-tiên bốc lên kết ở trong cổ, nóng ra dầu mặt dùng bài *Tỷ-tân-âm* nó g lấm dần; bài *Triêu-tân-âm* nhược bằng cân hỏa thịnh trời mặt đỏ phải gia *Ci-tử*, *Long-dâm-thảo*, *Bạch-thược* làm chủ, nhược bằng kinh dương-minh dạ-dầy lửa nó g thời có rừe dầu, khát nước phải gia *thạch-cao* làm chủ. Nhược bằng đại-tiền táo kết phải gia *Đại-hoàng* 2 đồng, *Mau-tiên* 2 đồng.

Một thứ âm hư hầu tý trong cổ đau, miệng khát, cổ khô, môi hồng, mặt đỏ, đờm rãi nhiều, mạch thời phù xác mà không k ỏe; hoặc n ăn tức sắc hóa ra âm hư dùng bài *Tu-âm-bát-vị*, bài *Gia-dâm-nhất-âm*, nhược bằng lửa nóng ít, đi tiểu không nóng cũng không nướn mặt, dùng bài *Lục-vị-huân*, bài *Nhất-âm-tiên*, hoặc là có lo nghĩ động đến tâm hỏa dùng bài *Nhị-âm*.

Một thứ cách dương hầu tý đau trong cổ là lửa vô căn bốc lên trên cổ thời trên nóng dưới lạnh, mạch thời vị



nhược là hỏa bất quy nguyên hởi nhân sắc dục tồn tinh, hoặc nhân tiết tả thương thận, hoặc quả dùng thuốc lạnh, cho nên dương khí hư, dùng bài *Chấn-âm-tiên*, bài *Bát-vị-hoàn*, hoặc dùng phụ-tử tẩm mật nướng mà ngâm, hoặc dùng *Khương-quế-thang*.

Một thứ dương hư hần-tý nhân tại dương hư vì uống nhiều thuốc công phạt hóa ra ăn uống kém ít hình thể gầy yếu, mà tóa dương hư, dùng *Độc-sâm-thang*, cho uống luôn. Hoặc có đờm gia Trúc-lich, Khương trấp.

Một thứ chứng tảo-hầu-phong. Người ta bảo rằng: cổ đau không ăn uống được gọi là tảo-hầu-phong thực là chứng hầu tý. Nhược bằng thật đích chứng tảo-hầu-phong thời người ấy không có bệnh gì chỉ tự nhiên cổ nhỏ bé lại mà thổ không được. Không có đau sưng gì mà đến nổi hơi như sợi chỉ, tiếng như muỗi kêu kíp dùng *Tạo-dác-phương*, hoặc dùng *Đồ-g-du-phương*, cho thổ đờm ra, rồi lại dùng *Độc-sâm-thang* cho uống hoặc là có cứu được chăng.

Trẻ con tảo - hầu - phong

Dùng lá phù dung đâm vắt lấy nước độ nửa chén hòa với một cái trứng-gà nấu lên; một nửa dặt lên trên thóp, một nửa dặt vào rốn thời khỏi.

Những khi mới phải chứng hầu tý thời nuốt đau ở trong cổ dùng *Cam-kết-thang*, hoặc nước đậu-xanh, nước quả lê, hoặc nước củ cải không củ dùng hột đâm hòa lấy nước; đều gia Huyền-minh-phấn quấy đều cho uống. Nhược bằng trong cổ đau lắm uống một tí nước ăn một tí cơm không thể nuốt được dùng Sơn-đậu-căn và lá Khô-mộc nhai nhỏ nuốt nước thời khỏi; hoặc dùng nhân hột-châm khô vài ba mươi nhân nghiền nhỏ hòa mật-ong nuốt dần dần vào rất là thần hiệu.

Một thứ trong cổ sinh nhũ-nga, mọc ở hai bên gọi là song nga, -mọc một bên gọi là đơn-nga, hình nó thời tròn như hạt trai cũng là loài ung dột. Nhược bằng độc còn ít sưng còn nhỏ chưa có mủ thời dùng thuốc khoắng vào, hoặc thời vào cũng tiên đi được. Nhược bằng sưng to nguy quá phải chích cho chảy máu ra mới khỏi được. Nhược bằng chứng tảo-hầu-phong thời sưng cả mảng mà không có mủ; không dùng châm thích phải dùng thuốc giáng hỏa thời mới khỏi sưng.



針 刺 法

Phép châm-thích

Dùng cái dũa chẻ một tí để cái kim vào vừa rồi thò mũi kim ra độ hai li; lấy chỉ buộc chặt ngoài lại; dùng giấy bọc kín không cho người bệnh biết, nói dối rằng chấm thuốc, xem trứng giữa cái nốt mà thích vào.

Một thứ hầu-nga đã thành, dần ống thời từ giữa sống mũi tìm lên đến đỉnh đầu, dần bả thời từ giữa sau gáy tìm lên đến đỉnh đầu, trẻ con thời xem hồ-khẩu 2 tay như có bọc nước đổ dùng kim khêu vỡ ra thời trong cổ hầu-nga cũng vỡ.

Hoặc dùng 2 nhánh tỏi giã nhỏ dẹt vào huyết **Kinh-cử**. Huyết ấy ở cổ-tay, chân ngón tay cái, ngón tay chỏ, chỗ khủy tay hơi trũng xuống bên sau mạch **Bộ-thốn**, giai tay trái, gãi tay phải, lấy cái vỏ hến úp lên trên rồi buộc chặt, một chốc nẩy ra thấy mọc lên cái bọc nước; lấy kim khêu chảy nước ra thời khỏi, rồi lại dùng **Cam-kết-thang** cho nong.



Huyết Kinh-cử
(2 tay như nhau)

Một thứ yết-hầu sưng đầy tắc cổ xem thể nguy quá, đem 2 tay người bệnh tuốt xuống 20 cái để cho máu tụ xuống ngón tay cái, lấy chỉ buộc chặt lại rồi lấy kim đâm vào huyết thiếu-thương đâm cả 2 tay thời trong cổ khai ra được. Huyết thiếu-thương có vẽ ở số 4 **TRUNG-PHONG**.

Hựu phương

Nhân ba-dậu độ 10 nhân đâm nhỏ thêm một tí tế-tân tán bột lấy giấy quấn lại cắt đôi ra nút vào lỗ mũi, trong cổ sưng bên tả nút bên hữu, sưng bên hữu nút bên tả, sưng hai bên nút cả hai, thay đổi nút luôn thời cổ khai ra được.

Một thứ trong cổ sưng lấp hàm răng cắn chặt nói không ra tiếng dùng:

雄黃一少 巴豆二粒 鬱金五分

Hùng-hoàng 1 đồng, Ba-dậu 2 nhân, Uất-kim 5 phân.

Tán bột hòa nước lấy giấy quấn nút thời nước vào trong lỗ mũi, nước chảy xuống cổ thời người bệnh nôn oẹ, thời hàm răng há ra trong cổ thông được.

Một thứ trong cỏ sừng quả-châu, ông Đan-Khê bảo rằng :
« chứng này không phải hầu-nga, cho nên các thứ thuốc
không khỏi, ấy là trong mũi sinh ra một sợi chỉ đỏ treo
một cái bọc đen, nhón bằng quả-châu đủ xuống đến giữa cổ,
nhược bằng châm kim thời chết, kíp dùng rễ cây thồ-ngưu-
lất là cỏ-sước đâm lấy nước hòa giấm-thanh 5, 3 giọt rỏ
vào trong mũi 3 bận thời sợi chỉ đứt quả-châu vỡ thò ra
máu độc thời khỏi, lại dùng phép thích huyết thiếu-thương
cả hai tay bỏ máu độc đi càng hay.

列 方

Liệt các bài thuốc

甘 桔 湯

Cam - kết thang

金銀二リ 生艸二リ 黒丑一リ半 桔梗一リ

Kim ngân 2 đồng, Sinh-thảo 2 đồng, Hắc-sửu 1 đồng rưỡi,
Kết-cánh 1 đồng Sắc nước uống.

姜 桂 湯

Khương - quế thang

乾姜炒 炙草 肉桂 磨 (各一リ)

Can-khương, Chích-thảo, Nhục-quế đều 1 đồng. Sắc uống.

Lục-vị-hoàn, Bát-vị-hoàn, Gia-dảm-nhất-âm đều ở
số 10 CHƯ-HƯ-CHƯƠNG.

Nhị-âm-tiên ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Tỷ-tân-âm. Trừu tân âm. Tư-âm-bát vị đều ở số 3
THƯƠNG-HÀN.

Độc-sâm-thang ở số 4 TRÚNG-PHONG

Chấn âm tiên ở số 17 SẮC-QUYẾT

掃 吹 諸 方

Tào suy chư phương



皂 角 方

Tạo - dác phương

Nha-tạo-dác 5 đồng sao cháy tán bột hòa giấm-thanh, cho uống 7 phân, hoặc dùng lông cánh ngỗng chấm thuốc hòa giấm-thanh khoảng trong cổ, lại lấy thuốc bôi ngoài cổ, khô lại bôi, một cốc thổ đờm ra tời khỏi. Bài này trị hàn-phong thần hiệu thứ nhất.

桐 油 方

Đồng - du phương

Dùng nửa bát nước sôi chia đồng-du 2 thìa, lấy lông cánh ngỗng chấm dầu khoảng vào trong cổ ba bốn bận cho nôn đờm ra, lại chấm lại khoảng đến khỏi tời thôi, sau sắc nước cam-thảo uống cho giải độc.

Hựu phương

Đâm-phèn 5 phân, Mộc-hương 3 phân, tán bột, lấy rủa nhân lột gấc mài với nước hòa Mộc-hương, Đâm-phèn, thêm 3 ly mật gấu lấy lông gà chấm thuốc khoảng trong cổ.

Hựu phương

鷄內金一分半炒 枯礬一分半 胆礬二分
百炒霜三分 麝香三分

Kê-nội-kim 1 phân rưỡi, Khô-phèn 1 phân rưỡi, Đâm-phèn 2 phân, Bạch-thảo xương 3 phân, Bân-sa 3 phân.

Cùng tán bột hòa giấm-thanh thêm một tí mật-gấu lấy lông gà chấm thuốc khoảng trong cổ.

Hựu phương

Dùng một thứ nhân lột-gấc mài với giấm-thanh, lấy lông gà chấm khoảng trong cổ.

Năm bài thuốc này dùng lông-gà khoảng trong cổ, bảo người bệnh phải dưng-bằng ho khạc ra không nên nuốt vào, rồi sau lại dùng các bài thuốc thời.



七寶散

Thất - bảo tán

牙皂角一葉 姜蚕十丁 全蝎十个 硼砂一リ
雄黄一リ 枯礬一リ 胆礬五分

Nha-tạo-dác 1 quả, Khương-tâm 10 con, Toàn-yết 10 con,
Băng-sa 1 đồng, Hùng-hoàng 1 đồng, Khô-phèn 1 đồng,
Đảm-phèn 5 phân.

Cùng tán bột lấy quần bút chấm thuốc bảo người bệnh
há mồm để gần vào trong cổ mà thôi.

Hựu phương

硼砂五分 雄黄二分 芽硝一リ半
冰片二厘 姜蚕二分

Băng-sa 5 phân, Hùng-hoàng 2 phân, Nha-tiên 1 đồng rưỡi,
Băng-phiến 2 ly, Khương-tâm 2 phân.

Tán bột thổi vào trong cổ.

Hựu phương

Dùng móng-tay người sao cháy tán bột thổi vào trong cổ
thời hầu-nga vỡ.

Hựu phương

Dùng móng tay người, 10 sợi bắc cùng sao cháy thêm 10
con rệp sao cho khô cùng tán bột thổi vào trong cổ, thổ
huyết ra thời khỏi.

梅核

94. — Mai - hạch

Chứng mai-hạch khi như có cái hạt mơ ở trong cổ, khạc
không ra mà nuốt không xuống bởi vì nhân thất tình uất
kết, hoặc khi dương ăn uống mà có phạm những sự
phiền não, truyện dân dữ gì đó. Chứng này chỉ đàn bà
hay có nhiều. Phép chữa thời phải khai uất thuận khí tiêu
đám thời khỏi.



Một thứ mai-hạch thuộc hàn thời có tức đầy lợm nôn dùng *Gia-vị-tứ-thất-thang*.

Một thứ mai-hạch thuộc nhiệt phải thanh đàm giáng hỏa dùng *Đàm-khí-hạch-phương*.

加味四七湯

Gia vị tứ thất thang

厚樸 蘇梗 法夏 橘紅 沙仁 南星
神曲 檳榔 (各一リ)

白豆蔻五分 枳實五分 益智五分 茯苓二リ
青皮五分炒 生姜五片

Hậu-phác, Tô-ngạnh, Pháp hạ, Quất-hồng, Sa-nhân, Nam-tinh, Thần-khúc, Bình-lang (đều 1 đồng),

Bạch-dậu-khẩu 5 phần, Chỉ thực 5 phần, Ích-chí 5 phần, Phục-linh 2 đồng, Thanh-bì 5 phần, Sinh-kương 5 nhất.
Sắc uống.

痰氣核方

Đàm khí hạch phương

| | | |
|---------|--------|-------|
| 黃芩 一リ半炒 | 蓮喬 一リ半 | 海帶 七分 |
| 白芥子 八分炒 | 蘇子 一リ炒 | 桔梗 七分 |
| 貝母 一リ姜炒 | 枳實 五分炒 | 生草 五分 |
| 香附 七分炒 | | |

Hoàng-cầm 1 đồng rưỡi, Liên-kiêu 1 đồng rưỡi, Hải-dải 7 phần, Bạch-giới tử 8 phần, Tô-tử 1 đồng, Kết-cánh 7 phần, Bối mẫu 1 đồng, Chỉ-thực 5 phần, Sinh-thảo 5 phần, Hương-phụ 7 phần. Sắc uống.

含化丸

Thuốc ngậm

山豆根一両 硼砂二リ 龍腦三厘 射香三厘
Sơn-dậu-căn 1 lượng, Bồng-sa 2 đồng, Long-não 3 ly, Xạ-hương 3 ly.

Tán bột luyện với mật cá-trắm viên bằng hạt đậu-xanh, mỗi bần ngậm 3 viên, hoặc dùng Ô-mai, Châm-khô để ngậm.



咽 硬

92. — Yết - ngạnh

Yết-ngạnh là bệnh hóc. — Những khi ăn uống không xết, nhai xương không kỹ hoặc vội vàng nuốt ngay, xương đâm ngang trong cổ, nuốt không xuống được phải dùng thuốc gì thuộc vào vật ấy thời mới chòng khỏi, hóc thời xương cắm vào là nghịch dùng phép thổ thời xương ra theo là thuận.

Một thứ hóc xương cả dùng mỡ chim cốc mài uống. Hoặc treo chân con vịt lấy rãi cho uống. Hoặc dùng bàn tay con rái-cá cào ngoài cổ, cào ngược thời ra, cào xuôi thời vào. Hoặc dùng bột chàm mài cho đặc hòa nước sôi cho uống.

Một thứ hóc xương loài thú dùng móng tay con gấu cào ngoài cổ, cào ngược thời ra, cào xuôi thời vào. Hoặc dùng ngà voi mài đặc cho uống.

Một thứ hóc xương cầm thú, treo chân con chó húng lấy rãi cho uống. Hoặc dùng dầu con lươn chấm rãi chó khoảng vào trong cổ.

治 硬 諸 方

Các bài thuốc chữa hóc

勝 金 方

Thắng - kim phương

Mùa đông lấy một rá rỏ, treo mái dành cho khô. Mỗi bận dùng một cái sắc nước uống, một chốc nôn ra dờm, xương cũng lẻo ra, nhọc bản chữa nên cho uống thêm rượu nóng, hoặc cũng khôn. Nôn lại sắc cái nữa cho uống.

Hựu phương

Sa-nhân, Thảo quả, Uy-linh tiên đều đồng, đường trắng 1 lạng, sắc cho uống liền. Hai xương tan mất.

Hựu phương

Lấy một cục băng-sa ngậm nuốt nước vào thời khỏi.



Hựu phương

Mộc-lặc tán bột độ 1 đồng hòa lòng trắng trứng-gà cho uống khỏi ngay.

Hoặc dùng móng tay người đốt ra than tán bột thổi vào trong cổ.

Hoặc dùng rau họ lược qua gần chín đến, nuốt vào một miếng to.

Hoặc dùng một cục kẹo mạch-mha nuốt xuống.

Hoặc dùng củ tỏi nút kín hai lỗ mũi không cho thở hơi ra, hóc xương phải xuống.

Hoặc dùng vây lưng cá chép, sao khô tán bột hòa nước cho uống.

Hoặc dùng cao sơn-tra ngâm.

Hoặc dùng sơn-tra 8 đồng sắc nước cho uống nhâm-nhấp.

Hoặc dùng 1 cục hàn-the ngâm nuốt nước, xương tiêu xuống.

Phép đọc chú chữa hóc

Lấy một chén nước đứng ngoảnh vào vách để chén nước trước miệng đọc một hơi rần : « gần thì ra, xa thì vào, » không cử mấy lượt hết hơi thôi thôi ; lại hà vào chén nước cho uống thôi khỏi.

Các thứ hóc

1.) Hóc vỏ ốc dùng rãi vẹt cho uống.

2.) Hóc trâu, thóc dùng rãi ngỗng.

3.) Hóc lá tre dùng rãi trâu.

4.) Hóc cái tóc dùng lược cũ đốt ra than tán nhỏ hòa nước uống.

5.) Hóc tre, gỗ dùng sơn-mướp đốt ra than hòa rượu uống.

6.) Hóc kim, chặt đầu con cóc treo lên hươg lấy máu cho uống.

Nuốt nhằm phải các thứ

1.) Nuốt phải sắt, lấy vỏ than tán bột hòa cháo cho ăn.

2.) Nuốt phải tiền đồng, ăn vị bột-tễ cho nhiều thời tan.

3.) Nuốt phải vàng, bạc, đồng, sắt, chì, kẽm, lấy xương đùi chân trườ; còn dè chỗ khứa đốt khô tán bột hòa nước cơm nóng 3 đồng.

Hoặc dùng bột chàm đốt ra than tán bột hòa nước uống.



4.) Nuốt phải cái danh, dùng từ-thạch (dã nam-châm) 1 đồng, Phác-tiên 2 đồng, tán bột hòa mỡ lợn thêm mật-ong cho uống (Bài này của ông Cảnh-Nhạc).

5.) Nuốt phải cái kim, dùng đậu lằm nấu với rau họ mà ăn; kim theo đại-tiện ra, không đậu-tằm dùng trứng muối.

Hoặc lấy một đôi mắt con cóc xống đều nhau nuốt vào thời kim sọc vào hai mắt cóc mà ra.

頸 項

93. — Cảnh-hạng

Cảnh-hạng là đau ngoài cổ. — Cổ là tóm các gân, vốn nhờ âm huyết nuôi nấng thuộc về hai kinh: can, thận, hoặc khí ngoài nhân gió lạnh, trong mình nhân huyết ráo mà hóa ra gân cứng đau không ngoảnh đi ngoảnh lại được.

Chữa bệnh này phải tư âm bổ huyết và thêm vị khu phong thì gân được nhuận hoạt mà không đau nữa.

Một thứ can huyết hư tổn mà gân cổ cứng đau dùng thang Gia-vị-lư-vật.

Một thứ thận thủy suy, mà đau cả sau gáy dùng bài Lục-vị-gia-dâm, Như có đâm hỏa dùng thang Gia-vị-nhị-trần.

加 味 四 物 湯

Gia vị tứ - vật thang

川 芎 一 兩 半 紅 花 一 兩 半 獨 活 二 兩 赤 芍 二 兩
桃 仁 十 五 粒 防 風 二 兩 當 歸 三 兩 生 地 五 兩

Xuyên-không 1 đồng rưỡi, Hồng-hoa 1 đồng rưỡi, Độc-hoạt 2 đồng, Xích-thược 2 đồng, Đáo-nhân 15 hạt, Phòng-phong 2 đồng, Đương-quy 3 đồng, Sinh-địa 5 đồng.

六 味 加 減

Lục - vị gia - dâm

澤 左 一 兩 鹽 炒 牡 丹 三 兩 炒 茯 苓 三 兩 熟 地 八 兩
杜 仲 二 兩 鹽 炒 淮 山 四 兩 炒 當 歸 三 兩 秦 朮 二 兩



續斷二リ炒 赤芍二リ 牛必二リ

Trạch-tả 1 đồng, Mẫu-dơn 3 đồng, Phục-linh 3 đồng, Thạch-địa 8 đồng, Đỗ-trọng 2 đồng, Hoài-sơn 4 đồng, Dương-quỳ 3 đồng, Tần-giáo 2 đồng, Tục-doạn 2 đồng, Xích-thược 2 đồng, ngư-tất 2 đồng.

加味二陳湯

Gia vị nhị-trần thang

陳皮一リ半炒 茯苓三リ 生草一リ 法夏一リ 半
黃芩一リ炒 紅花一リ 姜活一リ

Trần-bì 1 đồng rưỡi, Phục-linh 3 đồng, Sinh-thảo 1 đồng, Pháp-hạ 1 đồng rưỡi, Hoàng-cầm 1 đồng, Hồng-hoa 1 đồng, Khương-hoạt 1 đồng.

Hoặc dùng lá hẹ băm nhỏ, cho tí muối sào nóng, lấy vải bọc mà chườm cho dần dần.

結核

94. — Kê-t-hạch

Kê-t-hạch là bệnh mọc hạch, kết lại rắn chắc như là cái hạt ở trong quả hoặc mọc ở sau tai, hoặc sinh bên cổ, hoặc ở dưới hàm, hoặc ở trong nách, hoặc sinh dưới bẹn, bởi vì đàm hỏa tụ lại chẳng đỡ chẳng sung, hoặc cũng có phát sốt mà đau. Phàm những chứng hạch sinh ở trên là bệnh nặng, mọc ở dưới là bệnh nhẹ. Chữa bệnh này phải cho hoạt huyết, tiêu đàm để tan khi nóng, thời hạch tự nhiên tiêu đi.

列方

Liệt các bài thuốc

鮮毒滑血湯

Giải - độc hoạt - huyết thang

厚樸二リ炒 生地五リ 當歸二リ 赤芍三リ
連翹三リ 葛根二リ 紅花二リ 柴胡一リ
生艸一リ 桃仁廿粒



Hậu-phác 2 đồng, Sinh-địa 5 đồng, Dương-quy 2 đồng, Xích-thược 3 đồng, Liên-kiền 3 đồng, Cát-cần 2 đồng, Hồng-hoa 2 đồng, Sài-hồ 1 đồng, Sinh-thảo 1 đồng, Đào-nhâu 20 hột.

消核方

Tiêu - hạch phương

| | | | |
|--------|-------|------|------|
| 大黃一リ煨 | 黃芩八分炒 | 法夏七分 | 玄參七分 |
| 梔子八分炒焦 | 牡蠣七分煨 | 花粉七分 | 桔梗七分 |
| 瓜蒌仁七分 | 姜蚕五分炒 | 橘紅一リ | 赤苓一リ |
| 連翹一リ | 生草四分 | | |

Đại-tràng 1 đồng, Hoàng-cầm 8 phân, Pháp-hạ 7 phân, Huyền-sâm 7 phân, Chi-tử 8 phân, Mẫu-lệ 7 phân, Hoa-phấn 7 phân, Kết-cánh 7 phân, Qua-lâu-nhân 7 phân, Hương-tâm 5 phân, Quất-hồng 1 đồng, Xích-linh 1 đồng, Liên-kiền 1 đồng, Sinh-thảo 4 phân.

治核傳方

Trị hạch truyền phương

| | | | | | |
|-----|----|----|------|-------|----|
| 黃芪 | 生草 | 桔梗 | 党參姜炒 | 川芎 | 桂枝 |
| 厚樸炒 | 防風 | 白芷 | 歸尾 | (各二リ) | |

加 金銀四リ.

Hoàng-kỳ, Sinh-thảo, Kết-cánh, Đảng-sâm, Xuyên-khung, Quế-chi, Hậu-phác, Phòng-phong, Bạch-chỉ, Quy-vĩ (đều 2 đồng).

Gia Kim-ngân 4 đồng.

Có câu ca rằng: « Hoàng-kỳ, cam, kết, sâm, khung, quế; Hậu-phác, phòng-phong, bạch-chỉ, quy; gia kim-ngân tứ tiền ».

內托白蘇散

Nội-thác - bạch - liễm tán

| | | | |
|-------|------|------|------|
| 乳香七分炒 | 花粉七分 | 川芎五分 | 茯苓五分 |
| 黃芩五分炒 | 柴胡五分 | 白芷八分 | 白蘇八分 |
| 瓜蒌仁八分 | 防風五分 | 桔梗五分 | 當歸一リ |
| 甘草節四分 | 連翹一リ | 赤芍一リ | |



Nhũ-hương 7 phân, Hoa-phấn 7 phân, Xuyên-khung 5 phân, Tật-lê 5 phân, Hoàng-cầm 5 phân, Sài-hồ 5 phân, Bạch-chỉ 8 phân, Bạch-liễm 8 phân, Qua-lâu-nhân 8 phân, Phòng-phong 5 phân, Kết-cánh 5 phân, Đương-quy 1 đồng, Cam-thảo-tiết 4 phân, Liên-kiều 1 đồng, Xích-thược 1 đồng.

Tán bột, mỗi bữa uống 2 đồng.

治核內消散

Trị hạch - nội - tiêu tán

| | | | |
|----|--------|----|-----------|
| 歸尾 | 蓮翹 | 赤芍 | (各五少) |
| 獨活 | 白芷 | 防風 | 川芎 (各二少半) |
| 桂枝 | 荊芥 | 藁本 | 生草 細辛 |
| 薄荷 | (各一少半) | | |

Quy-vĩ, Liên-kiều, Xích-thược (đều 5 đồng); Độc-hoạt, Bạch-chỉ, Phòng-phong, Xuyên-khung (đều 2 đồng rưỡi); Quế-chi, Kinh-giới, Cảo-bản, Sinh-thảo, Tế-tân, Bạc-hà (đều 1 đồng rưỡi).

Tán bột, mỗi bữa uống 2 đồng.

Hạch mọc dưới cằm dùng con rện nhơn độ 5, 3 con đâm nhỏ sắc bằng rượu lọc bỏ bã; đi ngủ thì uống.

Các bài dịt hạch

Dùng mật gấu bằng hột đậu xanh hòa rượu vừa uống, vừa bôi.

Hoặc dùng: Hoài-sơn sống 2 đồng, hột dầu-dầu tía 20 hột, cùng đâm nhỏ dịt vào.

Hoặc dùng lá rau sam đâm nhỏ vắt lấy nước uống một nửa, còn dịt vào chỗ đau.

Hoặc dùng cá-độc-được 1 quả (không có quả dùng 2 đồng hột, hột dầu tía 10 hột, phác-tiên, long-não đều 1 đồng, cùng đâm nhỏ hòa giấm-thanh dịt vào.

Hoặc dùng lá bồ-công anh 1 nắm, long-não 1 phân, hột-gấc 1 nhần, đâm nhỏ dịt vào.



聲 瘖

95. — Thanh - âm

Thanh-âm là tiếng nói khàn, tiếng nói thời chủ ở quả tim, phát ra ở buồng phổi, mà gốc ở bồ-đục, hoặc có ngoài nhân gió lạnh, trong nhân khí hư lộn cho nên hóa ra nói khàn; bệnh nặng thời nói không nghe tiếng. Buồng phổi ví như cái chuông đặc thời cũng không kêu, vỡ thời mất tiếng, phong hỏa ngoại tà, bế tắc là chứng thực, tình huyết trong mình suy bại là chứng hư. Phép chữa phải phân hư thực và mới, hay lâu mà dùng thuốc.

Một thứ gió lạnh cảm ở ngoài, khí nóng uất ở trong, ống còi bế tắc, ho bằng nhiều lắm mà tiếng khàn dùng bài *Sâm-tô-âm*, bài *Tiểu-thanh-long*.

Một thứ hỏa tà xâm vào buồng phổi, thượng-tiên nóng lấp, mà tiếng khàn dùng bài *Tứ-âm-tiên*, bài *Mạch-môn-đông*. Nhược bằng tâm hỏa nóng quá dùng bài *Nhị-âm-tiên*. Vị hỏa nóng quá dùng bài *Trúc-diệp-thạch-cao*. Can hỏa nóng quá dùng bài *Tiểu-giáng-khí*. Nhược bằng chứng ho lao hiệp hỏa mà tiếng khàn dùng bài *Trúc-y-mạch-đông-thang*.

Một thứ nhân sắc đục kiệt âm mà nói khàn dùng bài *Tư-kim-tráng-thủy*, bài *Đại-bồ-nguyên*.

Một thứ nhân sự sợ hãi quá mà mất tiếng dùng bài *Thất-phúc-âm*, thang *Quy-tỷ* khứ mộc-hương, gia Thục-địa 3 đồng.

Một thứ ho lâu mà mất tiếng, bởi vì nguyên khí đại hư, phế, thận 2 kinh đều bị bệnh dùng bài *Tam-tái-hoàn*, bài *Lao-khải-tư-cao*, *Thống-âm-tiên*.

Một thứ nhân gió mà cảm khàn không nói được, dùng đồng-tiên 1 chén, lấy củ xạ-can mài, lại lấy một nắm lá tre vò nát tằm vào nước tiểu, hâm nóng uống, một chốc thời nói được. Bằng như có cơ gán lấy lá hẹ dầm nhỏ sào nóng mà chườm.

Một thứ cảm khàn, cảm đã lâu dùng Thạch-xương-bồ sắc nước với nước dái rửa rửa mới khai t. anh được. Lấy kinh soi vào con rửa-rửa thời nó dái, hoặc dùng lông gáy lợn xỏ vào lỗ mũi con rửa-rửa thời nó dái, lấy lá khoai, lá sen, búng cho uống.



列 方

Liệt các bài thuốc

Sâm-tô-âm ở số 2 THƯƠNG-PHONG.

Tứ-âm-tiên, Nhị-âm-tiên, Đại-bổ-nguyên, Thất-phúc-âm, Tam-tài-hoàn đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Thông-âm-tiên ở số 30 KHAI-THẤU.

Lao-khái-tư-cao ở số 33 LAO-SÁI.

Quy-tỳ-thang ở số 60 QUAN-CÁCH.

小 青 龍 湯

Tiểu - thanh - long thang

細辛三分 白芍二リ 桔梗二リ 陳皮五分 炒
生草一リ 防風一リ 桂枝五分

Tế-tân 3 phân, Bạch-thược 2 đồng, Kết-cánh 2 đồng, Trần-bì 5 phân, Sinh-thảo 1 đồng, Phòng-phong 1 đồng, Quế-chi 5 phân.

麥 門 冬 湯

Mạch - môn - đông thang

麥門二リ 炒 天門二リ 炒 生地三リ 紫苑一リ
桑皮一リ 炒 桔梗一リ 半 生草七分 竹葉十片
五味 七粒 炒 土貝母一リ 姜 炒

Mạch-môn 2 đồng, Thiên-môn 2 đồng, Sinh-địa 3 đồng, Tử-uyển 1 đồng, Tang-bì 1 đồng, Kết-cánh 1 đồng rưỡi, Sinh-thảo 7 phân, Trúc-diệp 10 lá, Ngũ-vị 7 hạt, Bối-mẫu 1 đồng.

竹 葉 石 羔 湯

Trúc - diệp thạch - cao thang

竹葉廿片 石羔五リ 煨 薄荷五分 桔梗二リ
木通一リ 生艸一リ

Trúc-diệp 20 lá, Thạch-cao 5 đồng, Bạc-hà 5 phân, Kết-cánh 2 đồng, Mộc-thông 1 đồng, Sinh-thảo 1 đồng.



小降氣湯

Tiêu - giáng - khí thang

紫蘇三リ 烏藥三リ 陳皮一リ炒
白芍三リ 生艸一リ

Từ tô 3 đồng, Ô-đước 3 đồng, Trần-bì 1 đồng, Bạch-thược 3 đồng, Sinh-lão 1 đồng. Sắc uống.

竹衣麥冬湯

Trúc - y - mạch - đông thang

竹衣一リ 竹茹一リ 竹瀝一盃 竹葉十四片
杏仁七粒 橘紅五分 生艸五分 麥門二リ炒
茯苓一リ 桔梗一リ

Trúc-y 1 đồng (màng trắng trong cây tre), Trúc-như 1 đồng (bì xanh tre), Trúc-lịch 1 chén, Trúc-diệp 14 lá, Hạnh-nhân 7 hột, Quất-lồng 5 phân, Sinh-thảo 5 phân, Mạch-môn 2 đồng, Phục-linh 1 đồng, Kết-cánh 1 đồng.

滋金壯水方

Tư - kim - tráng - thủy phương

(là bài Lục-vị-hoàn) gia :

麥門三リ炒 牛必二リ

Mạch-môn 3 đồng (sao), Ngưu-tất 2 đồng, (bỏ sơn-thu).

簡易方

Giản dị phương

Trị bệnh mới phải mất tiếng. Đam củ-cải vắt lấy 1 chén nước, thêm 10 giọt nước gừng cho uống.

Hoặc dùng củ-cải 3 củ, bồ-kép 1 quả, bỏ hột đốt ra than sắc cho uống.

Hoặc dùng hạnh nhân 2 lạng, quế tốt 1 đồng, đâm làm viên bằng hột nhân ma nậm.

Hoặc dùng mật sà-lăng tán bột độ 5 phân, hòa nước chè uống.



肩 背

96. — Kiên bồi

Kiên, bồi thông là đau vai lưng, bồi ngoài nhân gió lạnh, hoặc trong nhân khí huyết hư, hoặc có đàm thấp ní trệ, hoặc khiêng vác khó nhọc mà hóa đau vai lưng, hoặc đau cả xương sống, hoặc đau không ngoảnh lại được, hoặc đau cả gân cổ. Trị bệnh này phải khu phong tiêu đàm, trừ thấp bồi hư lại kiêm lạnh khí hoạt huyết thì mới khỏi.

Một thứ nhân phong thấp đau vai lưng không ngoảnh lại được dùng bài *Khương-hoạt-thăng-hập*.

Một thứ nhân phong nhiệt vào phổi mà vai, lưng cứng thẳng đau đớn dùng bài *Đề-kiên-thang*, *Thông-khí-phong-phong-thang*.

Một thứ đàm khí ngưng tụ mà vai, lưng đau dùng *Tam-hợp-thang*, *Khoát-dâm-thang*.

Một thứ nhân thấp nhiệt mà vai lưng đau, kịp đến cả chân tay dùng than; *Dương-quy-niêm-thống*.

Một thứ nhân tam tiêu khí ủng, ngũ tạng bất hòa, mà vai lưng đau dùng bài *Lưu-khí-âm*.

Một thứ ghình vác khó nhọc và ngồi lâu cúi xem, dương khí hư mà vai lưng đau dùng thang *Bồ-rung-ích-khí*.

Một thứ thận thủy hư, âm hỏa bốc lên mà vai, lưng đau dùng bài *Tư-âm-bát-vị*, bài *Gia-dâm-nhất-âm*.

列 方

Liệt các bài thuốc

姜 活 勝 濕 湯

Khương - hoạt - thăng - thấp thang

藥本一リ 防風一リ 姜活一リ 川芎一リ

獨活二リ 蔓荊六分 甘草六分 加 威靈仙一リ

Cảo bản 1 đồng, Phòng-phong 1 đồng, Khương-hoạt 1 đồng, Xuyên-khung 1 đồng, Độc-hoạt 2 đồng, Mạn-kinh 6 phân, Cam thảo 6 phân, Gia uy-linh-tiên 1 đồng.



提肩湯

Đề - kiên thang

黃芩五分炒 生朮四分 川黃連五分
防風 姜活 藁朮 川芎 白芍 (各七分)

加 威靈仙 一 升

Hoàng cầm 5 phân, Sinh-thảo 4 phân, Hoàng-liên 5 phân, Phòng-phong, Khương-hoạt, Cảo-bản, Xuyên-khung, Bạch-thược (đều 7 phân).

Gia Uy-linh-tiên 1 đồng. Sắc nước uống.

通氣防風湯

Thông - khí - phòng - phong thang

沙參三升姜炒 白豆蔻二分 藁朮一升 防風一升
黃芪一升半炙 黃芩一升炒 升麻五分 柴胡五分
青皮二分炒 陳皮五分 姜活五分

Sa sâm 3 đồng, Bạch-dầu-khẩu 2 phân, Cảo-bản 1 đồng, Phòng-phong 1 đồng, Hoàng kỳ 1 đồng rưỡi, Hoàng-cầm 1 đồng, Thăng-ma 5 phân, Sài-hồ 5 phân, Thanh bì 2 phân, Trần-bì 5 phân, Khương-hoạt 5 phân. Sắc uống.

三合湯

Tam - hợp thang

陳皮炒 枳壳炒 法夏 炙草 茯苓 烏藥
乾姜炒 香附炒 姜蚕 川芎 白芷 麻黃
蒼朮製 姜活 桔梗 紫蘇 (各五分)

Trần-bì, Chỉ-xác, Pháp-hạ, Chích-thảo, Phục-linh, Ô dược, Can-khương, Hương-phụ, Khương-tâm, Xuyên-khung, Bạch-chỉ, Ma-hoàng, Xương truật, Khương-hoạt, Kết-cánh, Tử lô, (đều 5 phân). Sắc uống



豁痰湯

Khoát - đàm thang

梔子炒黑 法夏 桔梗 赤芍 生草 陳皮炒
枳壳炒 茯苓 香附 川芎 姜黃 海桐皮
蒼朮製 (各一リ)

Chi-tử, Pháp-hạ, Kết-cánh, Xích-thược, Sinh-thảo, Trần-bì,
Chỉ-xác, Phục-linh, Hương-phụ, Xuyên-khung, Khương-
hoàng, Hải-dồng-bì, Xương-truật, (đều 1 đồng). Sắc uống.

當歸拈痛湯

Đương - quy - niêm - thống thang

党参三リ姜炒 當歸二リ 知母一リ 猪苓一リ
白朮一リ土炒 苦参一リ 防風一リ 葛根一リ
蒼朮五分製 姜活五分 炙草五分 茵陳一リ
黃芩五分炒 澤左一リ炒

Đảng-sâm 3 đồng, Đương-quy 2 đồng, Tri-mẫu 1 đồng, Chư-
linh 1 đồng, Bạch-truật 1 đồng, Khổ-sâm 1 đồng, Phòng-
phong 1 đồng, Cát-cần 1 đồng, Xương-truật 5 phân, Khương-
hoạt 5 phân, Chích-thảo 5 phân, Nhân-trần 1 đồng, Hoàng-
cầm 5 phân, Trạch-tả 1 đồng. Sắc uống

流氣飲子

Lưu - khí - ẩm - tử

青皮炒 木香 兵榔 烏藥 腰皮 枳壳炒
只寔炒 茯苓 紫蘇 桔梗 防風 黃芪
陳皮炒 當歸 川芎 白芍 生草 法夏
(各三分)

Thanh-bì, Mộc-hương, Bình-lang, Ô-dược, Phục-bì, Chỉ-xác,
Chỉ thực, Phục-linh, Tử-tô, Kết-cánh, Phòng-phong, Hoàng-
kỳ, Trần-bì, Đương-quy, Xuyên-khung, Bạch-thược, Sinh-
thảo, Pháp-hạ, (đều 3 phân). Sắc uống.

Bổ-trung-ích-khí, Gia-dảm-nhất-âm đều ở số 10 Chư-
nữ-chứng.

Tư âm-bát-vị ở số 3 THƯƠNG-HÀN.



Nghiệm phương

背痛方

Bối thông phương

白朮一リ 半土炒 姜黃六リ 姜活一リ 半
生艸一リ 半

Bạch-truật 1 đồng rưỡi, Khương-hoàng 6 đồng, Khương-hoạt 1 đồng rưỡi, Sinh-thảo 1 đồng rưỡi, Sắc uống.

肩痛方

Kiên thông phương

白朮二リ 土炒 香附二リ 炒 茯苓二リ
黃芩二リ 炒 陳皮一リ 炒 法夏一リ
蒼朮一リ 製 威靈仙八リ 生艸一リ

Bạch-truật 2 đồng, Hương-phụ 2 đồng, Phục linh 2 đồng, Hoàng cầm 2 đồng, Trần-bì 1 đồng, Pháp-hạ 1 đồng, Xương-truật 1 đồng, Uy-linh-tiên 8 đồng, Sinh-thảo 1 đồng.

舒筋湯

Thư-cân thang

(Trị cả vai lưng)

白朮二リ 土炒 姜活一リ 生艸一リ 洗香三分 麻
海同皮二リ 當歸三リ 姜黃五リ

Bạch-truật 2 đồng, Khương-hoạt 1 đồng, Sinh-thảo 1 đồng, Trầm-hương 3 phân, Hải-dồng-bì 2 đồng, Đương quy 3 đồng, Khương-hoàng 5 đồng, Sắc uống.

外搽方

Bài thuốc bóp

風姜三リ 血角三リ 蒼朮三リ 桂枝二リ
大茴二リ 丁香一リ

Phong khương 3 đồng, Huyết-dác 3 đồng, Xương-truật 3 đồng, Quế-chi 2 đồng, Đại-hồi 2 đồng, Đinh-lương 1 đồng
Đấm nhỏ sáo với rượu mà bóp



臂 痛

97. — Tý - thông

Tý thông là đau cánh tay, hoặc có nhân phong thấp, hoặc có mang xách nặng thương gân. Đau mà có sưng thời bình ở thịt, đau mà không sưng thời bình ở gân, xương, đều bởi huyết chẳng dưỡng cân mà hóa ra đau. Phép chữa thời phải khu phong tán thấp, bổ huyết thư cân, chỉ có vị Khương-hoàng hay vào cánh tay và vị Tòng-tiết, vị Quế-chi hay dẫn ra hai cánh tay, ba vị này không có thiếu được.

Một thứ nhân phong hàn mà cánh tay đau dùng thang Quế-chi gia dương-quy 2 đồng, hoặc bài Ngũ-tích gia khương-hoạt 1 đồng.

Một thứ nhân phong thấp mà cánh tay đau dùng thang Quyên-tý gia xương-truật 1 đồng, hoặc dùng bài Khương-hoạt-thăng-thập.

Một thứ cánh tay đau không cất lên được, dùng Thư-cán-thang, hoặc Tứ-vật-thang gia Tần-dao, Khương-hoàng đều 2 đồng.

Một thứ cánh tay đau như dao chém, đêm ngày kêu khóc dùng bài Dưỡng-huyết-khu-phong.

Một thứ huyết khô, khí trệ mà cánh tay đau là thuộc tý hư không mấy người biết dùng thang Quy-tý gia Quế-chi 1 đồng.

Những chân tay đau người ta bảo rằng: tý kinh chủ chân tay mà không biết can mộc khắc thổ hóa ra chân tay đau, dùng bài Tiểu-dao-lân gia Mẫu-đơn, Chi-tử, Bạch-giới đều 2 đồng.

列 方

Liệt các bài thuốc

桂 枝 湯

Quế - chi thang

桂枝二リ
大棗二枚

白芍二リ

生姜二リ

生草一リ

加 當歸二リ



Quế-chi 2 đồng, Bạch-thược 2 đồng, Sinh-kương 2 đồng,
Sinh-thảo 1 đồng, Đại-táo 2 quả. Gia Đường-quy 2 đồng.

蠲痺湯

Quyên - tỷ thang

姜活 當歸 赤芍 黃芪炙 姜黃 (各二リ)
生草七分 加 蒼朮一リ製

Khương-hoạt, Đường-quy, Xích-thược Hoàng-kỳ, Khương-
hoàng (đều 2 đồng), Sinh-thảo 7 phân. Gia Xương-truật
1 đồng Sắc uống.

舒筋湯

Thư - căn thang

當歸 玄胡索 桂心 (各五リ)

Đương-quy, Huyền-hồ-sách, Quế-lâm (đều 5 đồng.)

Tán bột lấy 2 đồng hòa rượu uống.

養血祛風方

Dưỡng - huyết - khư - phong phương

杜仲二リ 鹽炒 金銀一リ 桂枝一リ 松節一リ
續斷二リ 炒 秦艽二リ 牛必二リ 當歸三リ
白芍三リ 炒 熟地一リ

Đỗ-trọng 2 đồng, Kim-ngân 1 đồng, Quế-chi 1 đồng, Tùng-
tiết 1 đồng, Tục-doạn 2 đồng Tần-giao 2 đồng, Ngưu-tất 2
đồng, Đường-quy 3 đồng, Bạch-thược 3 đồng, Thục-địa 1 lượng.

Ngũ-tịch-tán ở số 2 THƯƠNG-PHONG.

Khương hoạt-thắng-thấp ở số 96 KIÊN-BỐ.

Tứ-vật-thang, Tiêu-dao-tán đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Quy-tỷ-thang ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG.

Giản dị phương

Cành cây dâu 3 lượng bẻ nhỏ sao vàng, sắc nước uống
thời khỏi rức.



Như sung dau dùng hột dầu-dầu tía, đâm nhỏ dịt vào một đêm thời khỏi, hoặc dùng lá cây ké đâm nhỏ dịt, hoặc dùng lá phèn-đen, lá soan, lá cà độc-độc 3 thứ đâm lẫn dịt vào khỏi sung.

腋 臭

98. — Dịch - sú

Dịch-sú là bệnh hôi-nách, hoặc gọi là hồ-sú, gọi là thề-khi bởi vì hơi ở trong thịt theo chân lông phát ra không phải truyền nhiễm ở ngoài lây vào, bệnh hôi vừa thời rửa xát chân lông cũng khỏi, nếu mà hơi hôi lắm phải dùng thuốc cho hạ đi thời mới chột căn được.

Một thứ chứng nhẹ hôi vừa dùng cái bánh-chưng nóng cắt làm hai, lấy mật-sà-tăng tán bột rắc vào, mỗi bên một đồng; dương nóng áp vào nách cả hai bên nằm ngủ qua một chốc lạnh thời bỏ đi.

Hoặc dùng con rện nhơn 2 con, lấy đất bọc lại, đốt cháy thêm khinh phấn 1 đồng tán bột, ngày xát 3 bận, 2, 3 hôm thời khỏi.

Hoặc dùng :

白止 枯礬 黃丹 (各一リ) 花椒五分

Bạch-chỉ, Khô-phèn, Hoàng-đơn (đều 1 đồng), Hoa-tiêu 5 phân.

Tán bột xát vào.

Hoặc dùng :

蜜陀僧二リ 龍腦二リ 枯礬一リ 輕粉一分半

Mật-sà-tăng 2 đồng, Long-não 2 đồng, Khô-phèn 1 đồng, Khinh-phấn 1 phân rưỡi.

Tán bột xát vào.

Một thứ chứng nặng hôi lắm, dùng thịt lợn nạc 2 miếng to lấy cam-toại 2 đồng tán bột rắc trên miếng thịt áp vào 2 nách lại dùng cam-thảo 5 đồng sắc nước uống, 1, 2 giờ thời hạ uế vật, phải đào đất lấp đi, sợ người khác ngửi thấy thời rức dầu. Dùng 3 bận như thế thời chột căn.

Hoặc dùng xạ-hương 1 phân, đảm phèn 2 phân, nhân ba-đậu 3 phân, tán nhỏ, lấy ốc-nhồi 2, 3 con cạy miệng ra cho thuốc vào lấy giấy buộc tại đưng vào cái bát để một đêm hóa ra nước, dùng nước ấy xát vào hai nách luôn luôn, xát mãi thấy muốn đi đại tiện thời thôi. Đi đại-tiện



phải lấy đất lấp đi. Nhựa bằng hơi hơi chưa hết lại dùng khô-phèn, cấp-phấn đều 3 đồng, long-não 1 đồng, tán bột lại xát vào.

Những khi xát thuốc thời trước phải rửa nách cho sạch đã, để khô rồi sau mới xát thuốc vào.

胸 脇

99. — Hung hiệp

Hung là ngực, hiệp là sườn. Ở trên ngực là địa phận tim, phổi, như có khí đục vận lên hóa ra tức đầy, phải dùng thuốc thuận khí tiêu đàm. Hai bên sườn thuộc mạch lạc buồng gan cho nên gió rung, cây động, thừa cơ lấn vào, nên dùng thuốc hòa huyết, khai uất, dẫn rãng ngực với sườn bộ thuộc thời khác nhau, nhưng mà xương thịt cùng liền. Phép chữa cũng thông trị được cả.

Một thứ nhân ngoại là phát ra lạnh nóng, trong ngực tức đầy, đau đơn dùng bài *Sâm-tô-âm*, *Tứ-sái-hồ-âm*. Nhựa bằng dầu hai bên sườn dùng *Tam-sái-hồ-âm*, hoặc *Hà-gian-cát-cẩn-thang*.

Một thứ nhân khí nghịch, khí trệ mà ngực đau dùng bài *Phân-khí-tứ-tô-âm*, hoặc *Trầm-hương-giáng-khí*. Nhựa bằng hai sườn đau dùng bài *Mộc-hương-thuận-khí*, *Sái-hồ-sơ-can-tán*.

Một thứ nhân thực tích mà ngực sườn tức đầy, dùng bài *Đại-hóa-trung*, hoặc bài *Bảo-hòa-hoàn*.

Một thứ nhân đờm rãi ngưng tụ mà ngực, sườn chướng đầy, dùng *Đạo-dâm-thang* gia bạch-giới-tử 1 đồng, hoặc bài *Hóa-dâm-hoàn*, hoặc *Cồn-dâm-hoàn*.

Một thứ nhân huyết ứ, huyết trệ mà hai bên sườn đau dùng bài *Đào-nhân-hóa-trệ*. Nhựa bằng dân-bà dùng bài *Quyết-tân-tiên*, *Thuộc-độc-lân*.

Một thứ trong mình hỏa uất, đại, tiểu-tiên chẳng thông mà ngực, sườn đau dùng bài *Đương-quy-long-hội*.

Một thứ chứng nội thương khí huyết hư hoặc đàm đục thương thận mà ngực sườn đau âm ỷ dùng bài *Tiểu-doanh-tiên*, bài *Đại-bồ-nguyên*.

Một thứ đau bên sườn mà đau cả ngang lưng không nghiêng mình được dùng bài *Lục-vị-hoàn*, hoặc bài *Bát-vị-hoàn*, đều gia :

Đỗ-trọng 3 đồng, Tục-đoạn 2 đồng, Tiểu hồi 1 đồng.

杜仲三リ 鹽炒 續斷ニリ炒 小茴一リ炒



列 方

Liệt các bài thuốc

四 柴 胡 飲

Tứ - sai - hồ ẩm

當歸 三リ 柴胡 二リ 炙草 一リ 党参 五リ 姜炒
生姜 五片

Đương-quý 3 đồng, Sài-hồ 2 đồng, Chích-thảo 1 đồng, Đảng-sâm 5 đồng, Sinh-khương 5 nhát.

三 柴 胡 飲

Tam - sai - hồ ẩm

白芍 三リ 炒 當歸 三リ 柴胡 二リ 炙草 一リ
陳皮 一リ 半炒

Bạch-thược 3 đồng, Đương-quý 3 đồng, Sài-hồ 2 đồng, Chích-thảo 1 đồng, Trần-bì 1 đồng rưỡi.

河 間 葛 根 湯

Hà - dan - cát - căn thang

白芍 二リ 炒 葛根 二リ 桂枝 一リ 防風 一リ
枳壳 五分 炒 細辛 五分 炙草 五分 川芎 一リ
党参 三リ 姜炒

Bạch-thược 2 đồng, Cát-căn 2 đồng, Quế-chí 1 đồng, Phòng-phong 1 đồng, Chi-xác 5 phân, Tế-tân 5 phân, Chích-thảo 5 phân, Xuyên-khung 1 đồng, Đảng-sâm 3 đồng.

分 氣 紫 蘇 飲

Phân - khí - tử - tô ẩm

桑皮 炒 紫蘇 桔梗 草果 茯苓
陳皮 炒 腹皮 炙草 (各一リ 半)

Tang-bì, Tử-tô, Kết-cánh, Thảo-quả, Phục-linh, Trần-bì, Phúc-bì, Chích-thảo (đều 1 đồng rưỡi). Sắc uống.



Sâm-tô-âm ở số 2 THƯƠNG-PHONG.

Đại-bồ-nguyên ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Tiểu-doanh-tiên, Lục-vị-hoàn, Bát-vị-hoàn đều ở số 10
CHƯ-HƯ-CHỨNG

Đại-hòa-trung-âm ở số 18 THỰC-QUYẾT.

Trâm hương-giáng khí ở số 74 UẤT-BÌNH

Đương quy-long-hội ở số 75 ĐIỀN-CUÔNG.

柴胡疎肝散

Sài-hồ-sơ-can tán

香附一リ 半炒

柴胡二リ

陳皮二リ 炒

枳壳一リ 半炒

炙草一リ

白芍二リ 炒

川芎一リ 半

Hương-phụ 1 đồng rưỡi - Sài-hồ 2 đồng, Trần-bì 2 đồng, Chi-xác 1 đồng rưỡi, Chích-thảo 1 đồng, Bạch-thược 2 đồng, Xuyên-khung 1 đồng rưỡi. Sắc uống.

木香順氣散

Mộc-hương-thuận-khí tán

香附炒 青皮炒 陳皮炒 枳壳炒 炙草 木香

砂仁炒 厚樸炒 蒼朮製 棋榔 (各一リ)

Hương-phụ, Thanh-bì, Trần-bì, Chi-xác, Chích-thảo, Mộc-hương, Sa-nhân, Hậu-phác, Xuyên-truật, Bình-lang (đều 1 đồng). Sắc uống.

保和丸

Bảo-hoà hoàn

山楂三リ 炒黑 神曲一リ 炙 茯苓一リ 法夏一リ

陳皮一リ 炒 羅蔔五リ 炒 蓮薏五リ

Sơn-tra 3 lạng, Thần-khúc 1 lạng, Phục-linh 1 lạng, Pháp-hạ 1 lạng, Trần-bì 1 lạng, La-bạc 5 đồng, Liên-kiều 5 đồng.

Tán bột luyện hồ viên, uống 2 đồng



導痰湯

Đạo - đàm thang

白芥子一リ炒 陳皮炒 枳壳炒 法夏 茯苓 炙草
土貝母姜炒 (各一リ半) 生姜五片

Bạch-giới-tử 1 đồng. Trần-bì, Chỉ-xác, Pháp-hạ, Phục-linh, Chích-thảo, Thồ-bối-mẫu (đều 1 đồng rưỡi), Sinh-kương 5 nhát. Sắc uống.

化痰丸

Hóa - đàm hoàn

天門一兩炒 海粉一兩 橘紅一兩 連翹五リ
黃芩一兩炒 桔梗五リ 青黛三リ 芒硝三リ
瓜蒌仁一兩 香附五リ炒

Thiên-môn 1 lượng, Hải-phấn 1 lượng, Quất-hồng 1 lượng, Liên-kiêu 5 đồng, Hoàng-cầm 1 lượng, Kết-cánh 5 đồng, Thanh-dại 3 đồng, Mang-tiên 3 đồng, Qua-lâu-nhân 1 lượng, Hương-phụ 5 đồng.

Tán bột luyện mật viên bằng hột nhấm, ngậm 1, 2 viên.

滾痰丸

Cồn - đàm hoàn

青礞石一兩煨 黃芩三兩炒 沉香五リ
川大黃三兩煨

Thanh-mòng-thạch 1 lượng, Hoàng-cầm 3 lượng, Trầm-hương 5 đồng, Đại-hoàng 3 lượng.

Tán bột luyện hồ viên Dùng Thần-sa 2 đồng làm áo.
Mỗi bữa uống 1 đồng.

桃仁化滯湯

Đào-nhân-hóa-trệ thang

白芍二リ炒 香附二リ炒 紅花一リ 川芎一リ
青皮一リ炒 桃仁十五粒 柴胡一リ 歸尾三リ

Bạch-thược 2 đồng. Hương-phụ 2 đồng, Hồng-hoa 1 đồng, Xuyên-khung 1 đồng, Thanh bì 1 đồng, Đào-nhân 15 hột, Sài-hồ 1 đồng, Quy-vĩ 3 đồng. Sắc uống.



决津煎

Quyết - tân tiên

熟地六リ 菖蒲三リ 澤左一リ半盞炒
牛必二ツ 肉桂二リ 烏藥二リ

Thục-địa 6 đồng, Đương-quy 3 đồng, Trạch-tả 1 đồng rưỡi,
Ngưu-tất 2 đồng, Nhục quế 2 đồng, Ô-dược 2 đồng. Sắc uống.

苟藥散

Thược - dược tán

白苟一兩 玄胡索一兩 肉桂一兩 香附二兩炒

Bạch thược 1 lượng, Huyền-hồ-sách 1 lượng, Nhục quế 1 lượng,
Hương-phụ 2 lượng.

Tán bột, uống 2 đồng hòa nước sôi.

Giản - dị phương

吳茱三リ炒

Ngô-thú 3 đồng (sao). Tán bột hòa giấm thanh đắp vào.

Hoặc dùng :

Lá hẹ đâm nhỏ, sào nóng chườm vào ngực, sườn.

Hoặc dùng :

Gừng sống giã nhỏ quấy hồ, phết giấy dán vào chỗ nào đau.

Hoặc dùng :

白芥子三リ炒

Bạch giới-tử 3 đồng Tán bột quấy hồ phết giấy dán vào.

Hoặc: Bạch-giới-tử 2 đồng, tán bột hòa nước sôi uống.

Hoặc dùng :

石菖蒲 高良姜 香附 (各一リ)

Thạch-xương-bồ, Cao-lương-khuông, Hương-phụ đều 1 đồng.

Tán bột uống, thang bằng gừng, muối.

Hoặc dùng

小茴一兩 只壳五リ炒

Tiền-hồi 1 lượng, Chỉ-xác 5 đồng.

Tán bột uống 2 đồng, thang bằng gừng, rượu.

Đau sườn, huyết ráo dùng :

灰蓼仁一个 生草二リ 紅花七分

Qua-lâu-nhân 1 cái, Sinh-thảo 2 đồng, Hồng-hoa 7 phân.

Sắc nước uống.



心痛

100. — Tâm - thông

Tâm thông là bệnh đau tim. Quả tim là ngôi vua chúa ở trong cung, có màng bọc ở ngoài, hộ-vệ gọi là tâm-bảo-lạc. Nhưng bệnh đau tim thật là đau bảo-lạc trong mô-ác, hoặc nhân đàm hỏa khí trệ mà sinh đau đờn, phải xét xem nóng lạnh thế nào mà dùng thuốc

Một thứ khí trệ mà đau dùng bài *Tứ-ma-âm*, hoặc bài *Mộc-hương-thuận-khí*, hoặc thang *Bài-khí-âm*.

Một thứ đờm rãi ứng tắc có kèm ho hắng dùng *Cồn-dâm-hoàn*, *Hóa-dâm-hoàn*, hoặc bài *Tổ-từ-giáng-khí*.

Một thứ tả hỏa uất kết mà chợt cái đau ngay dùng *Tả-tâm-thang* bài *Tam-hoàng-hoàn*, hoặc bài *Trừu-tân-âm*.

Một thứ khí lạnh xung vào tim mà đau như xiên vào, dùng bài *Đại-trâm-hương-hoàn*, *Đinh-hương-chỉ-thông-tán*, hoặc bài *Thẳng-kim-tán*, hoặc dùng *Thảo-đậu-khẩu* nhai nhỏ mà ăn.

Một thứ mô-ác đau như xiên vào nhân đàm trệ dùng thuốc bành tán mà không khỏi nên dùng *Thở-pháp* cho nôn ra.

Một thứ tâm-thống liên miên, hoặc đau, hoặc không, mà lâu không khỏi dùng bài *Thất-tiểu-tán*, hoặc bài *Thủ-niêm-tán*.

Một thứ thật quả tim đau móng chân, tay xanh xám, mồ-bôi toát ra, lưỡi cứng không nói được, bốn chân tay lạnh dùng mật-gấu bằng hột đậu hòa rượu cho uống, hoặc dùng quế tốt 2 đồng mài cho uống, họa là muôn phần có được một tí chẳng !

列方

Liệt các bài thuốc

Tứ-ma-âm, *Bài khí-âm* đều ở số 13 *Khí-quyết*

Cồn-dâm-hoàn, *Hóa dâm-hoàn*, *Mộc-hương-thuận khí* đều ở số 9 *HUNG-MIỆP*.

Trừu-tân-âm ở số 3 *THƯƠNG-HÀN*.

Thở-pháp dùng *Trà-diêu-tán* ở số 15 *ĐAM-quyết*.



蘇子降氣湯

Tô - tử giáng - khí thang

貝母 姜炒 蘇子炒 前胡 當歸 厚樸炒 (各一り)
陳皮炒 桂心 炙草 (各五分)

Bối-mẫu, Tô-tử, Tiền-hồ, Đương-quy, Hậu-phác (đều 1 đồng).
Trần-bì, Quế-tâm, Chích-thảo (đều 5 phân) Sắc uống.

瀉心湯

Tả - tâm thang

川黃連一り

Xuyên-hoàng-liên 1 đồng; tán bột hòa nước sôi uống.

三黃丸

Tam - hoàng hoàn

川黃連 黃芩炒 川大黃煨 (各五り)

Xuyên-hoàng-liên, Hoàng-cầm, Xuyên-dại-hoàng (đều 5 đồng).
Tán bột, luyen hồ viên uống 2 đồng.

大洸香丸

Đại - trầm - hương hoàn

乾姜五り炒 沉香五り 姜黃五り 桂心五り
香附四り炒 栝香五り 甘松二り 白芷二り
白豆蔻六り 烏藥二り 炙草二り

Can khương 5 đồng, Trầm-hương 5 đồng, Khương-hoàng 5 đồng, Quế-tâm 5 đồng, Hương-phụ 4 đồng, Đàn-hương 5 đồng, Cam-tông 2 đồng, Bạch-chỉ 2 đồng, Bạch-đậu-khẩu 6 đồng, Ô-độc 2 đồng, Chích-thảo 2 đồng.

Tán bột luyen mật viên bằng bột nhão, uống 2 viên.

丁香止痛散

Đinh - hương chỉ - thống tán

高良姜二り 小茴一り半 丁香五り 炙草一り半

Cao-lương-khương 2 lượng, Tiểu-hồi 1 lượng rưỡi, Đinh-hương



5 đồng, Chích-thảo 1 lạng rượu.

Tán bột hòa nước sôi, uống 2 đồng.

勝金散

Thắng-kim tán

桂枝 玄胡索 當歸 五靈脂 (各五リ)

Quế-chi, Huyền-hồ-sách, Đương-quy, Ngũ-linh-chi (đều 5 đồng).

Tán bột luyện mật viên uống 2 đồng thang bằng nước gạo rang.

失笑散

Thất-tiểu tán

五靈脂五リ 蒲黃五リ炒

Ngũ-linh-chi 5 đồng, Bồ-hoàng 5 đồng.

Tán bột lấy 2 đồng hòa giấm thanh nấu thành cao, cho 1 chén nước hòa ra mà uống.

手拈散

Thủ-niêm tán

草果 玄胡索 沒藥 五靈脂 (各三リ)

Thảo-quả, Huyền-hồ-sách, Mốt-được, Ngũ-linh-chi (đều 3 đồng).

Tán bột uống 2 đồng hòa với rượu.

簡易方

Giản-dị phương

荔枝五リ炒焦 木香二リ

Lê-hạch 5 đồng, Mộc-hương 2 đồng.

Tán bột hòa nước sôi uống 1 đồng. Uống mãi chiet căn.

Hoặc dùng Bồ-kếp đốt ra than, tán bột hòa rượu uống 5 phân.

Đau kinh niên dùng củ-tỏi nhỏ sắc bằng giấm-thanh cho chín mà ăn thời khỏi hẳn.

獨步散

Độc-bộ tán

香附一リ醋炒

乾姜二リ炒

高良姜二リ酒炒

麝附二リ



Hương-phụ 1 lạng (tầm giảm-thanh sao), Cao-lương-khương 2 đồng (tầm rượu sao), Chế-phụ 2 đồng, Can-khương 2 đồng.
• Cùng tán bột uống 2 đồng, thang bằng gừng, muối. Uống bảy tám bận thì triệt căn.

腰 痛

101. — Yếu - thống

Bệnh yếu thống là đau ngang thắt-lưng. Lưng là cung phủ kinh thận, chống đỡ ở trên, chuyển bát ở dưới, làm một cái rất khỏe ở trong mình người ta, hoặc nhân tửu sắc thương tinh, sự khó nhọc tổn huyết, hoặc nhân khí lạnh, hoặc nhân thấp nhiệt mà hóa ra đau lưng, phải xét bệnh trong ngoài và hư thực thể nào chia ra mà chữa, nhưng mà phần hư tổn thời nhiều nên trọng dụng ôn bổ làm chủ.

Một thứ nhân gió lạnh ngoài cảm, hoặc khó nhọc khí trệ mà đau lưng, như kiêm dương hư dùng thang *Bổ-trung-ích-khí*. Bằng kiêm âm hư dùng bài *Bổ-âm-ích-khí*.

Một thứ nhân trong mình tinh huyết khuỷu tổn, hoặc là tửu sắc, hoặc nhân lo nghĩ cho nên thận hư mà đau lưng, dùng bài *Dương-quy-dịa-hoàn*, hoặc *Tả-quy-hoàn*, *Hữu-quy-hoàn*, *Lục-vị-hoàn*, *Bát-vị hoàn*. Nhược bằng bệnh nhẹ đau vừa, dùng *Thanh-ngà-hoàn*, *Ỗi-thận-tán*, *Bổ-tỷ-dan*, *Nhị-chí-hoàn*.

Một thứ nhân thấp mà đau lưng, hoặc phải nước mưa, hoặc nằm ngồi chỗ ướt dùng bài *Độc-hoạt-kỳ-sinh*. Nhược bằng thấp trệ đi tiểu không lợi dùng bài *Ngũ-linh*, thang *Vị-linh* đều gia xương-truật 1 đồng. Nhược bằng thấp mà kiêm nhiệt dùng bài *Dương-quy-niệm-thống*, bằng thấp mà kiêm hàn, dùng bài *Tê-sinh-truật-phụ*, bài *Ngũ-tch tán*, ngoài đốt hột lóc mà chườm mấy ngải-cứu, hoặc dùng đậu-đen sao với muối cho vào ruột-tượng mà thắt lưng.

Một thứ âm hư hỏa động mà đau lưng dùng bài *Tư-âm-bát-vị*, hoặc thang *Tứ-oạt* gia:

黃 伯 一 升 炙 知 母 二 升 梔 子 二 升 炒 黑
黃 芩 一 升 炒

Hoàng bá 1 đồng, Tri mẫu 2 đồng, Chi-tử 2 đồng, Hoàng cầm 1 đồng.



Nhược bằng hỏa tả chưa kết lại, đau quá mà khát nước lắm, đại, tiểu-tiên bế kết dùng bài *Đại-phân-thanh* gia :

黃伯一リ 炙 龍胆一リ

Hoàng-bá 1 đồng, Long-dâm 1 đồng

Hoặc dùng bài *Ngọc-toàn-tán*.

Một thứ bị ngã hay bị đánh mà đau lưng, dùng bài *Tứ-vật* gia :

桃仁十五粒 紅花一リ 乳香一リ 炒

沒藥一リ 炒 牛必二リ 肉桂五分

Đào-nhân 15 hạt, Hồng-hoa 1 đồng, Nhũ-hương 1 đồng,

Một dược 1 đồng, Ngưu-tất 2 đồng, Nhục quế 5 phân.

列 方

Liệt các bài thuốc

當歸地黃飲

Đương-quy-địa-hoàng âm

山茱二リ 酒炒 淮山三リ 炒 熟地六リ 當歸三リ

杜仲二リ 鹽炒 牛必二リ 炙草一リ

Sơn-thù 2 đồng, Hoài-sơn 3 đồng, Thục-địa 6 đồng, Đương-quy 3 đồng, Đỗ-trọng 2 đồng, Ngưu-tất 2 đồng, Chích-thảo 1 đồng.

青娥丸

Thanh-nga hoàn

胡桃五兩 杜仲四兩 鹽炒 破故二兩 炒

Hồ-dào 5 lượng, Đỗ-trọng 4 lượng, Phá-cổ 2 lượng,

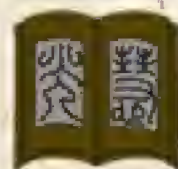
Tán bột luyện mật viên, uống 3 đồng.

煨腎散

Ôi-thận tán

洋參姜炒 菴蓉製 破故炒 當歸 巴戟

杜仲鹽炒 鹿角霜 秋石煨 (各一リ)



Dương-sâm Thông-dong, Phá-cổ, Dương-quy, Ba-kích, Đỗ-trọng, Lộc-dác-xương, Thu-thạch (đều 1 đồng).

Cùng tán bột, dùng quả bồ-đục lợn, thái nhỏ, trộn một nửa thuốc bột bỏ vào cái liễn nhỏ thêm 1 chén rượu, nấu cách thủy cho chín mà ăn, uống thêm vài chén rượu nữa.

補髓丹

Bồ tủy đan

杜仲五兩鹽炒

破故五兩炒

鹿茸二兩酥炙

Đỗ-trọng 5 lượng,

Phá-cổ 5 lượng,

Lộc nhung 2 lượng.

Cùng tán bột.

胡桃十五个

Hồ-đào 15 quả, dầm nhỏ cùng luyện hồ viên, mỗi bữa uống 2 đồng.

二至丸

Nhị-chí hoàn

杜仲二兩鹽炒 破故二兩炒 襲附五两 桂心五两

鹿角霜五两 鹿茸五两炙 青盐三两

Đỗ-trọng 2 lượng, Phá-cổ 2 lượng, Chế-phụ 5 đồng, Quế-tâm 5 đồng, Lộc-dác-xương 5 đồng, Lộc-nhung 5 đồng, Thanh-diêm 3 đồng.

Tán bột luyện hồ viên, uống 2 đồng.

獨活寄生湯

Độc-hoạt ký-sinh thang

党参二两姜炒 熟地三兩 當歸二兩 茯苓二兩

杜仲二兩鹽炒 獨活一兩 川芎一兩 牛膝一兩

桑寄生一兩 防風一兩 秦艽一兩 炙草五分

白芍二兩炒 細辛五分 桂心五分

Đảng-sâm 2 đồng, Thục-dịa 3 đồng, Dương-quy 2 đồng, Phục-linh 2 đồng, Đỗ-trọng 2 đồng, Độc-hoạt 1 đồng, Xuyên-khung 1 đồng, Ngưu-tất 1 đồng, Tang-ký-sinh 1 đồng, Phòng-phong 1 đồng, Tần-giao 1 đồng, Chích-thảo 5 phân, Bạch-thược 2 đồng, Tế-tân 5 phân, Quế-tâm 5 phân. Sắc uống.



濟生朮附湯

Tế sinh truật phụ thang

白朮三リ土炒 杜仲二リ鹽炒 製附一リ

Bạch-truật 3 đồng, Đỗ-trọng 2 đồng, Chế-phụ 1 đồng.

Bồ-trung-ích-khí, Lục-vị-hoàn, Bát-vị-hoàn, đều ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG.

Bồ-âm-ích-khí, Tả-quy-hoàn, Hữu-quy-hoàn, Tứ-vật-thang đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Ngũ-tích-tán ở số 2 THƯƠNG-PHONG.

Ngọc-toàn-tán, Tư-âm-bát-vị đều ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Ngũ-linh-tán, Đại-phân-thanh đều ở số 8 THƯƠNG-THẤP.

Vị-linh-thang ở số 46 ÂM-THỰC.

Đương-quy-niêm-thống ở số 96 KIÊN-BỒI.

簡易方

Giản dị phương

Xuyên-ô 3 củ dễ sống giã nhỏ thêm tí muối, phiết giấy dán vào lưng.

Hoặc dùng:

Bồ-dục 1 quả, Tiểu-hồi 2 đồng, tán bột. Bỏ đôi bồ-dục cho thuốc vào bọc giấy nướng cho chín, bỏ thuốc bột đi rồi ăn.

Hoặc dùng:

Uy-linh-tiên là thuốc thánh trị đau gân xương, lấy 2 đồng tán bột, dùng 1 quả bồ-dục cho thuốc vào quần giấy ướt, lúi vào gió nóng cho chín mà ăn cả thuốc.

Những chứng yêu-thống ai cũng bảo là thận hư, mà không biết tý thấp cũng đau lưng như đeo đá nặng, dùng:

白朮五リ土炒 蒼朮三リ製 薏苡一升半炒

Bạch-truật 5 đồng, Xương-truật 3 đồng, Ý-dĩ 1 lạng rưỡi.

Sắc nước uống.



腹 痛

102. — Phức - thông

Phức-thống là đau bụng. Bụng vốn là đất trung-châu bốn phương họp tập, muôn vật chứa đầy, chủ ở hai kinh tý, vị, hoặc nhân sự gì mà trong bụng chẳng yên, hoặc có thực tích, hoặc có trùng tích, hoặc nhân nhiệt uất, hàn ngưng mà hóa ra trong bụng tức đầy, hoặc nôn mửa, hoặc đi ngoài. Phép chữa bệnh này phải phân hư thực và lạnh nóng thế nào mà dùng thuốc, bụng đau rữ rội là thực nhiệt, đau âm ỷ là hư hàn, ấn vào thì tức là thực, ấn vào dễ chịu là hư, ấn nó mà khó chịu là thực, ấn nó dễ chịu là hư, đau ở trong ruột là thực, đau ran ra lưng là hư. Đời xưa có nói: đau bụng mà hạ được thì bớt, lại nói: thông lợi được thì không đau ấy là nói về bệnh thực nhiệt, nếu mà chứng hư hàn thì sự thông lợi càng không nên dùng lắm.

Một thứ nhân thực tích mà đau bụng thì có tức đầy, nên tiêu đi dùng bài *Hòa-vị-đam*, bài *Đại-hòa-trung*.

Một thứ nhân trùng tích mà đau bụng, thời lúc đau lúc khỏi, mắt trắng môi đỏ dùng bài *Táo-trùng-tiên*, hoặc *Tiêu-mai-thang*, bài *Hóa-trùng-tán*. Nhược bằng trùng tích kiên cố dùng bài *Lạp-trùng-hoàn*, *Bách-luận-hoàn*.

Một thứ hàn trệ mà đau bụng, có ăn uống vật sống lạnh phải dùng *Thỏ-pháp* cho nôn ra bằng như thực vật đã tiêu mà khí lạnh ấy còn, hoặc là ngoài nhân mưa gió lạnh mà tâm phúc đau như thắt ruột lại, hoặc thổ, hoặc tả dùng bài *Hoắc-hương-chính-khí*, bài *Hương-sà-lục-quán*. Nhược bằng trên không nôn được, dưới không hạ được, bụng đau rối-rít, gọi là chứng can hoắc loạn, xem đau ở thượng-tiêu thì dùng *Phép-thỏ*, lấy khô-phèn và muối đều 5, 7 phân hòa nước uống một vài bận, lấy tay móc cổ cho nôn ra, bằng như đau ở trung-tiêu, hoặc ở hạ-tiêu dùng thang *Bài-khí-đam*, *Thập-hương-hoàn*, nhược bằng khí lạnh đau lắm mà giá cả chân tay dùng bài *Phụ-tử-lý-trung*.

Một thứ nhân hỏa tả nhiệt uất mà đau bụng, như lửa nóng ở thượng-tiêu phải có khát nước, muốn cho mát dùng bài *Lục-nhất-tán*, bài *Trừu-tán-đam*, bài *Tý-tân-đam*, ngoài dùng đồng, sắt, vật lạnh chườm vào, hoặc chườm nước đá. Nhược bằng lửa nóng ở hạ-tiêu nước tiểu ít mà đỏ dùng bài *Đại-phân-thanh*, bài *Nhân-trần-đam*. Nhược bằng đại-tiện táo kết dùng bài *Đại*, *tiểu-thừa-khí*.



Một thứ nhân trong mình khí huyết hư hàn không ôn dưỡng được tâm tỳ mà đau bụng, hoặc có sự phạm khí lạnh, hoặc ăn uống không được điều hòa, hóa ra chứng hư-thống liên miên mãi chẳng khỏi, dùng bài *Đại-doanh-tiên*, *Lý-âm-tiên* lại phải trọng dụng dương-sâm để bổ khí, gia quế, phụ đề trợ dương khí. Chớ có cầu nệ các bệnh đau không dùng thuốc bổ.

Một thứ âm hư can phúc thống lúc đau lúc khỏi. Đau bụng kinh niên dùng *Bát-vị-hoàn* gia tiểu-hồi 1, 2 đồng, trầm-hương 5, 3 phân.

Một thứ âm hàn phúc thống, nhân khi dâm dục lại cảm khí lạnh mà bụng đau quá lắm kịp dùng gừng với hành đốt hơon lổe chườm vào rốn, lại dùng bài *Lý-âm-tiên*, thang *Lý-trung* sắc cho uống.

Một thứ khí thống xung ngược lên đau lắm, hoặc thở hơi lạnh, bổ hơi lạnh dùng :

烏藥 小茴炒 青皮炒 高良姜 (各三升)

Ô dược, Tiểu-hồi, Thanh-bì, Cao-lương-khương (đều 3 đồng).

Tán bột uống 2 đồng hòa với rượu hay đồng-tiên mà uống. Hoặc dùng chế-phụ 3 đồng sắc nước, mai trầm-hương 5 phân hòa cho uống.

Một thứ huyết thống như là ứ huyết, không thông hành được mà đau bụng, và đàn-bà huyết trệ, huyết tích mà đau bụng dùng bài *Thống-ứ-tiên*, hoặc thang *Tứ-vật* gia đào-nhân, hồng-hoa, xích-thược đều 2 đồng. Hoặc dùng nước lá-hẹ hòa rượu cho uống, nhược bằng đau đờn quá mà đại-tiên bí kết dùng bài *Ngọc-trúc-tán*, bài *Đào-nhân-thừa-khí*, bài *Bách-thuận-hoàn*.

Một thứ tâm phúc đều tức đầy, đau đờn nguy quá dùng nhục-quế 2, 3 đồng mai ti nước lã, không có quế dùng can-khương 1 lạng sắc nước uống.

Một thứ ngực, bụng đau như thắt, và chứng can hoắc-loạn đau quá gần nguy, thuốc nước không vào miệng được phải dùng phép *Quát-xa* thì mới khỏi.

括痧法 Quát - xa pháp

Dùng 1 bát nước nóng cho vài thìa dầu vừng vào, chọn 1 cái bát nhỏ miệng cho nhấn dúng vào nước nóng, dùng 2 tay cầm bát úp vào trên giữa lưng người bệnh, sẽ sẽ cạo xuống, dần dần mạnh tay, chén lạnh hoặc khô lại lăm vào nước nóng lại cạo một chốc lâu lâu thấy trong bụng bớt đau như có hạ xuống được thời khỏi.



列方

Liệt các bài thuốc

掃虫煎

Tảo-trùng tiên

青皮一リ炒 小茴一リ炒 吳茱一リ炒
共榔一リ半 烏藥一リ半 樗子肉三リ
烏梅二葉 炙草八分

Thanh-bì 1 đồng, Tiêu-hồi 1 đồng, Ngô-thù 1 đồng, Bình-lang 1 đồng rưỡi, Ô-dược 1 đồng rưỡi, Phỉ-tử-nhục 3 đồng, Ô-mai 2 quả, Chích-thảo 8 phân.

硃砂五分 雄黃五分

Chu-sa 5 phân Hùng-hoàng 5 phân.

Hai vị này tán bột, sắc thuốc xong rồi cho vào mà uống.

椒梅湯

Tiêu-mai thang

川椒炒 枳實炒 砂仁炒 烏梅 棋榔 木香
香附炒 厚樸炒 乾姜炒 川練 肉桂 炙草
(各一リ) 生姜三片

Xuyên-tiêu, Chi-thực, Sa-nhân, Ô-mai, Bình-lang, Mộc-hương, Hương-phụ, Hậu-phác, Can-khương, Xuyên-luyện, Nhục-quế, Chích-thảo (đều 1 đồng), Sinh-khương 3 nhát. Sắc uống.

化虫散

Hóa-trùng tán

雷丸二ヶ 棋榔二ヶ 鶴虱一リ 使君七ヶ
輕粉三厘

Lôi-hoàn 2 hột, Bình-lang 2 hột, Hạc-xất 1 đồng, Xử-quân 7 quả, Khinh-phấn 3 ly.

Cùng tán bột chia làm 2 bữa, dùng thịt lợn nạc 1 lạng, thái nhỏ trộn thuốc, nướng chín ăn, phải nhịn bữa cơm sáng, 13 giờ mới ăn bữa.



獾 虫 丸

Lạp trùng hoàn

乾 漆 燒 灰 蕪 荑 雷 丸 桃 仁 雄 黃
皂 角 炒 焦 錫 灰 楸 榔 使 君 (各 一 分)
細 權 肉 三 分 輕 粉 一 分

Can-tát, Vu-di, Lôi-hoàn, Đào-nhân, Hùng-hoàng, Táo-dác, Tích-hối, Bình-lang, Xử-quân (đều 1 đồng), Tế-phỉ-nhục 3 đồng, Khinh-phấn 1 phân.

Cùng tán bột, luyện hồ viên, uống 5 phân.

百 順 丸

Bách - thuận hoàn

川 大 黃 二 兩 煨 牙 皂 角 三 分 炒 焦
Xuyên-dại-hoàng 2 lạng, Nha-lạo dác 3 đồng.
Tán bột, luyện mật viên, uống 2 đồng.

藿 香 正 氣 湯

Hoắc - hương - chính - khí thang

腹 皮 炒 藿 香 紫 蘇 桔 梗 白 芷 (各 一 分)
陳 皮 炒 法 夏 茯 苓 炙 草 白 朮 土 炒
厚 樸 炒 (各 八 分) 大 棗 一 枚 生 姜 三 片

Phúc-bì, Hoắc-hương, Tử-tô, Kết-cánh, Bạch-chỉ (đều 1 đồng), Trần-bì, Pháp hạ, Phục-linh, Chích-thảo, Bạch-truật, Hậu-phác (đều 8 phân), Đại-táo 1 quả, Sinh-khương 3 nhát.

Sắc uống.

十 香 丸

Thập - hương hoàn

荔 核 炒 焦 陳 皮 炒 小 茴 丁 香 烏 藥 降 香
皂 角 炒 焦 香 附 炒 木 香 (各 三 分)

Lê-hạch, Trần-bì, Tiễn-hối, Đinh-hương, Ô-dược, Trầm-hương, Táo-dác, Hương-phụ, Mộc-hương (đều 3 đồng).

Cùng tán bột, luyện hồ viên bằng bột nhão, mài rượu uống 3 viên.



六一散

Lục - nhất tán

滑石 一 月 二 日

生草 二 日

Hoạt-thạch 1 lạng 2 đồng, Sinh-thảo 2 đồng.

Tán bột uống 2 đồng hòa nước sôi.

通瘀煎

Thông - ứ tiên

香附 二 日 炒

紅花 二 日

烏藥 二 日

青皮 七 分 炒

歸尾 五 日

木香 七 分

山楂 二 日 炒黑

澤左 一 日 半 鹽 炒

Hương-phụ 2 đồng, Hồng-hoa 2 đồng, Ô-dược 2 đồng, Thanh-bì 7 phân, Quy-vĩ 5 đồng, Mộc-hương 7 phân, Sơn-tra 2 đồng, Trạch-lã 1 đồng rưỡi.

玉燭散

Ngọc - trứé tán

生艸

川芎

生地

當歸

白芍 炒

芒硝

川大黃 煨

(各 二 日)

Sinh-thảo, Xuyên-khung, Sinh-địa, Đương-quy, Bạch-thược, Mang-liêu, Xuyên-dại-hoàng đều 2 đồng. Sắc uống.

Hòa vị-ấm, Hương-sa-lục-quân thang đều ở số 46 Ấm-thực.

Đại-hòa trung-ấm ở số 18 Thực-quyết.

Bài-khí-ấm ở số 13 Khí-quyết

Phụ tử-lý-trung-thang, Đại-doanh-tiên, Bát-vị-hoàn đều ở số 10 Chư-hư-chứng.

Tỷ-tân ấm, Trừu-tân ấm, Đại-phân-thanh-ấm đều ở số 26 Hàn-nhiệt.

Nhân-trần ấm ở số 8 Thương-thấp.

Tiểu thừa-khí, Lý-ấm tiên, Đào-nhân-thừa-khí đều ở số 3 Thương-hàn.

Lý trung thang ở số 1 Nội-thương.



Giản-dị phương

Hồ-tiên, Can-khương (sao), Đinh-hương đều 3 đồng.

Tán bột uống 7 phân, thang bằng nước muối.

Hoặc dùng: Ngải-cửu 3 đồng, vỏ-dừa 5 đồng, sắc nước uống.

Hoặc dùng: Cao-lương-khương, Bình-lang đều 5 đồng.

Tán bột uống 2 đồng, thang bằng nước gạo rang

Hoặc dùng: Ô-đước mài cho đặc, độ 1 chén hãm nóng uống.

Hoặc dùng: Hương-phụ 1 lạng (sao), Ô-đước 5 đồng, Chích-thảo 2 đồng.

Tán bột uống 2 đồng, thang bằng nước muối.

Hoặc dùng: Tô-tử, Cao-lương-khương, Thanh-bì (đều 4 đồng). Tán bột uống 2 đồng, thang bằng rượu.

Hoặc dùng: Cáp-phấn, Hương-phụ (sao) đều 1 lạng.

Tán bột uống 2 đồng hòa nước sôi

Hoặc dùng: Mẫu-lê (nung đỏ), tán bột hòa với rượu, uống 2 đồng.

腹 鳴

103. — Phúc - minh

Phúc-minh là sôi bụng.

Một thứ nhân lửa nóng quanh trong ruột mà sôi bụng dùng bài Nhị-trần gia :

黃芩五分 炒 黃連五分 梔子一り 炒 黑

Hoàng-cầm 5 phân, Hoàng-liên 5 phân, Chi-tử 1 đồng.

Bằng có kiềm vắt trệ dùng Tiêu-dao tán.

Một thứ nhân trong ruột trống không mà sôi bụng dùng Ngũ-vị-dị-công-tán, Lục-quân-tử.

Một thứ hạ-tiêu hư hàn có tiếng nước róc rách dùng bài Bát-vị-hoàn, Hữu-quy-âm.

Nhị-trần-thang ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Tiêu-dao-tán ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Ngũ-vị-dị công ở số 46 ÂM-THỰC.

Lục quân-tử ở số 15 ĐÀM-QUYẾT.

Bát-vị-hoàn, Hữu-quy-âm đều ở số 10 CHƯ-HƯ-CHƯƠNG



腹 狹

104. — Phức-hiệp

Phức-hiệp là bụng hẹp nhỏ — Những khi trong bụng hẹp nhỏ như quắt lại, bởi lo nghĩ, buồn rầu cho nên âm huyết khuy tổn, nên dùng thuốc nhuận bổ cho khoan khoái. Nhược bằng có đàm thấp khi không thăng giáng mà bụng bé nhỏ phải dùng tiêu đàm hành khí cho thông lợi mới khỏi.

Một thứ người gây âm huyết hư tổn mà lo nghĩ tưởng trong bụng khô nhỏ dùng *Tứ-vật-thang* hoặc bài *Lục-vị-hoàn*.

Một thứ người đầy nhán có đàm thấp, khi trệ mà trong bụng hẹp nhỏ dùng *Nhị-trần-thang* gia xương-truật 1 đồng (chế), Hương-phụ 1 đồng (sao). Nhược bằng lý hư tức đầy dùng *Lục-quân-tử-thang*.

Tứ-vật-thang ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Lục-vị-hoàn ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG.

Nhị-trần-thang ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Lục-quân-tử-thang ở số 15 ĐÀM-QUYẾT.

吐 瀉

105. — Thồ-tả

Thồ tả là miệng nôn, trôn tháo, bởi đau hoặc-loạn trong bụng đau như quấy loạn, rối rít chẳng yên. Trên nôn, dưới tả bởi vì ngoài nhân gió lạnh, trong có thương thực, hoặc nhân mưa nắng thương lý mà đau, hoặc nhân trúng độc sa khí mà hóa ra thể; tóm lại xem chỉ là khi lạnh cảm vào trong tạng phủ mà thôi. Chữa bệnh này phải dùng ôn hóa lý vị làm chủ, dần có khát nước cũng cấm dùng thuốc hàn lương.

Một thứ đau hoặc-loạn thồ tả mới phải dương khí âm dương rối rít, tả chính chữa phân, trước dùng *Thống-quan-tán*: Bồ-kếp đốt cháy bỏ hạt, Tế-tân cùng tán bột thổi vào mũi cho hắt hơi, rồi cho uống *Đạm-riêm-thang*: lấy một rúm muối để vào lưỡi dao đốt cho đỏ hòa với âm dương thủy (là nước nửa nóng nửa lạnh, 1 chén cho uống dần dần



lại dùng thang *Hoắc-hương-chính-khi*, cấm không được cho ăn cơm, cháo, sợ tà khí tụ lại, nhược bằng nôn chưa khỏi dùng *Hòa-vị-âm*, *Thần-hương-tán*. Nhược bằng đi tả chưa khỏi dùng bài *Ngũ-linh-tán*, *Vị-linh-thang*, *Linh-truật-nhị-trần-tiên*.

Một thứ thổ tả mà bụng không chướng đầy chỉ nôn mửa mãi không khỏi ấy là tý, vị hư hàn dùng bài *Hương-sa-lục-quân* bài *Ôn-vị-âm*. Nhược bằng âm-phận hư hàn nhân đi tả mà nôn mửa không khỏi, ngực bụng chướng đầy dùng bài *Lý-âm-tiên*, khứ dương-quy, gia dương-sâm 3 đồng

Một thứ thổ tả gân bị chuột rút, phải lấy vị mộc-quả làm chủ, bởi nhân vị khí thương mà can huyết ráo hóa ra co gân. Nhược bằng tả trệ chưa khỏi dùng bài *Hòa-vị-âm* gia mộc-quả 5 đồng, nhục-quế 1 đồng. Nhược bằng khí hư dùng thang *Tứ-quân-tứ* gia mộc-quả 5 đồng, dương-quy 2 đồng, nhục-quế 1 đồng, hậu-phác 2 đồng. Nhược bằng âm hư huyết ít dùng bài *Lý-âm-tiên* gia mộc-quả 5 đồng, nhục-quế 1 đồng, hoặc bài *Đại-doanh* gia mộc-quả 5 đồng.

Phép chữa eo gân chuột rút

Đàn-ông lấy tay nắm dương-vật mà kéo, đàn-bà thời lấy hai tay nắm vú mà kéo thật là phép hay lắm.

列方

Liệt các bài thuốc

Hoắc hương-chính-khi ở số 102 *Phúc-thống*.

Hòa-vị-âm, *Thần-hương-tán*, *Vị-linh-thang*, *Hương sa-lục-quân*, đều ở số 46 *Âm-thực*.

Ngũ-linh-tán ở số 8 *Thương-thấp*.

Linh-truật-nhị-trần ở số 15 *Đàm-quyết*.

Ôn-vị-âm ở số 5 *Trùng-hàn*.

Đại-doanh-tiên ở số 10 *Chư-hư-chung*.

理陰煎

Lý-âm tiên

乾姜二リ 炒

熟地五リ

炙草一リ



加 洋参三リ 姜 炒 (去 當 歸)

Cau-khương 2 đồng, Thục-dịa 5 đồng, Chích-thảo 1 đồng,
Gia: Dương-sâm 3 đồng, bỏ Đương-quy đi.

和 胃 飲

Hòa - vị âm

陳皮二リ 炒 厚樸三リ 姜 炒 炙草一リ
乾姜二リ 炒 加 肉桂一リ 木灰五リ

Trần-bì 2 đồng, Hậu-phác 3 đồng, Chích-thảo 1 đồng, Can-khương 2 đồng. Gia: Nhục-quế 1 đồng, Mộc-quả 5 đồng.

四 君 子 湯

Tứ - quân - tử thang

党参四リ 姜 炒 白朮二リ 土 炒 茯苓三リ 炙草一リ
加 木灰五リ 當歸二リ 厚樸二リ 炒 肉桂一リ

Đảng sâm 4 đồng, Bạch truật 2 đồng, Phục linh 3 đồng, Chích thảo 1 đồng.

Gia: Mộc-quả 5 đồng, Đương-quy 2 đồng, Hậu-phác 2 đồng, Nhục-quế 1 đồng.

Giản dị phương

藿香五リ 陳皮五リ 炒

Hoắc-hương 5 đồng, Trần-bì 5 đồng, lấy 2 lạng hoàng-thô ngâm nhỏ hòa nước để lắng trong lấy nước sắc thuốc.

Dùng muối để vào rốn cho đầy lấy lá ngải-cứu vè bằng hột nhãn để trên muối mà đốt, đốt mười lăm bận thấy khỏi đau thời thôi.

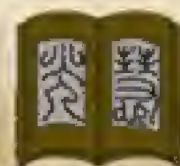
Hoặc dùng:

Củ-tỏi nhón đâm nhỏ dịt hai gan bàn chân

Hoặc dùng:

藿香三リ 蘇梗三リ

Hoắc-hương 3 đồng, Tô-ngạnh 3 đồng sắc nước uống.



Hoặc dùng:

胡椒 綠豆 燈心 (各七寸)

Hồ tiêu, Lục-đậu, Đăng tâm (đều 7 cái), đàn-bà 9 cái, sắc nước, thêm một nửa nước lã rồi uống.

Bảnz như có khát nước dùng:

葛根五リ 生草二リ

Cát-cần 5 đồng, Sinh-thảo 2 đồng, sắc nước uống.

Lại xem kỹ trên lưng người bệnh như có nốt chấm đen lấy kim nhể cho hết, chảy máu ra thời khỏi.

家傳治吐瀉法

Gia truyền trị thổ tả pháp

Một thứ dương chứng thổ nhiều, tả nhiều đòi uống nước lã, uống rồi lại nôn, nôn như vôi rỗng, thuốc thang không chịu, miệng thời khát nước uống nhiều, dưới thời đi tả luôn luôn, chân tay lạnh giá, mạch thời trầm vi, trong bụng nóng rạo, nằm ngời dẫn dọc chẳng yên dùng:

熟地三リ炙乾 洋参一リ姜炒 麥門一リ炒黃
牛必五分

Thục-dịa 3 đồng (tầm gừng rửa nướng khô), Dương-sâm 1 đồng (tầm gừng sao khô), Mạch-môn 1 đồng (sao vàng), Ngưu-tất 5 phân, cùng sắc nước cho uống. Mỗi bận uống 5, 7 giọt để cho ướt cổ, một chốc lại rõ luôn luôn phải khuyên bảo người bệnh cố nhịn đừng uống nước, độ 1 giờ đồng-hồ thời khát cũng bớt mà tả cũng khỏi, lại uống thêm 1 thang hoặc 2 thang nữa, bớt dần dần thêm nhiều lên, cho uống cũng thêm nhiều lên. Nhược bằng tả chưa bớt gia: hoài-sơn 3 đồng; bằng có chuột rút gân, gia: mộc-quả 2 đồng

Một thứ âm chứng thượng thổ, hạ tả vừa vừa không mạnh lắm; chỉ có khát nước, muốn uống nước nóng uống nước lạnh lại nôn ra, bốn chân tay lạnh, sáu bộ mạch tít mất, nôn mửa lợm giọng, phiền táo chẳng yên dùng:

洋参二リ姜炒 生姜五片 或加 胡椒一粒研

Dương-sâm 2 đồng (tầm gừng sao khô), sinh-khương 5 nhát. Hoặc gia: Hồ tiêu 1 hạt, sắc nước uống. Dùng 1, 2 thang thấy bớt lại dùng:



洋参一リ 姜炒 淮山二リ 炒 茯苓一リ
杜仲一リ 鹽炒 乾姜三分 炒 五味五粒 炒
炙熟三リ

Dương-sâm 1 đồng, Hoài-sơn 2 đồng, Phục-linh 1 đồng, Đỗ-trọng 1 đồng, Can-khương 3 phân, Ngũ-vị 5 hột, Chích-thực 3 đồng.

Như vị hàn, đả-dây lạnh gia: Chế-phụ 2 phân.

Như bụng dưới đau gia: Khởi-tử 1 đồng. Sắc nước uống.

Hai phép ở bên trên này đều dùng thang thuốc nhỏ ít, bởi vì sự nôn mạnh quá vậy nên phải dùng 5, 7 giọt thuốc để ướt cổ khiến cho khỏi khát mà không nôn được, nếu mà uống 1 chén thời lại nôn ra hết không có ích gì.

Như thấy khát đã bớt nôn cũng yên mà tả cũng chỉ, lại xem trong mình được ôn hòa, mạch dần hiện ra thời mới là khỏi. Nhược bằng mạch hiện ra mau quá mà chạp mạnh có sức, hơi thở thời to, ấy là khỏi giả chưa khỏi thực; lại định hai phương để cứu như sau này:

Như phần âm hư hơn dùng bài *Tư-âm liễm dương*.

Như phần dương hư hơn dùng bài *Tàng-dương nạp âm*.
Bớt rồi dùng bài *Đại-bổ-nguyên*, *Quy-lý-hãng*, bài *Ngũ-phúc-âm*

滋陰欽陽方

Tư - âm liễm - dương phương

洋参一リ 姜炒 麥門一リ 炒 炙熟三リ
淮山二リ 炒 山茱五分 炒 牛必五分
五味五粒 炒 炙草三分

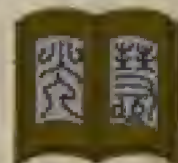
Dương-sâm 1 đồng, Mạch-môn 1 đồng, Chích-thực 3 đồng, Hoài-sơn 2 đồng, Sơn-thu 5 phân, Ngưu-tất 5 phân, Ngũ-vị 5 hột, Chích-thảo 3 phân.

藏陽納陰方

Tàng - dương nạp - âm phương

洋参二リ 姜炒 淮山二リ 炒 炙熟三リ
杜仲一リ 鹽炒 麥門一リ 炒 牛必五分
五味七粒 炒 乾姜三分 炒 製附二分

Dương-sâm 2 đồng, Hoài-sơn 2 đồng, Chích-thực 3 đồng, Đỗ-trọng 1 đồng, Mạch-môn 1 đồng, Ngưu-tất 5 phân, Ngũ-vị 7 hột, Can-khương 3 phân, Chế-phụ 2 phân.



Đại bổ-nguyên, Ngũ-phức-âm đều ở số 1 Nội thương.
Quy-tỳ-thang ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG.

霍亂

106. — Hoắc-loạn

Chứng can hoắc-loạn rất là nguy quá, trên muốn thổ mà không ra, dưới muốn hạ mà không đi được, trong bụng đau như loạn-xạ rồi-rít, bởi trong bụng có ăn uống tích tụ, ngoài nhân gió lạnh ngăn lấp phải dùng ngay nước muối nhạt thêm khó phen cho uống lấy tay móc cho thổ ra thời thanh khí được lên, trọc âm cũng xuống, lại dùng thang Bài-khi-âm, hoặc dùng thang Thần-hương-tán, hoặc dùng bài Cục-phương-thất-khi. Nhược bằng kháng-cự uống không vào mà thể nguy quá, phải dùng phép Quát-xa thời mới khỏi được.

Bài-khi-âm ở số 13 Khí quyết.

Thần-hương-tán ở số 46 Âm thực.

Quát-xa-pháp ở số 102 Phúc-thống.

局方七氣湯

Cuộc - phương - thất - khí thang

党参姜炒 厚樸炒 白芍炒 法夏 茯苓 (各二リ)

肉桂 橘紅 紫蘇 (各一リ)

Đảng-sâm, Hậu-phác, Bạch-thược, Pháp-hạ, Phục-linh (đều 2 đồng), Nhục-quế, Quất-hồng, Tử-tô (đều 1 đồng).

膝腫

107. — Tật-sưng

Tật-sưng là sưng đầu gối, bởi vì trong nhân huyết ráo, ngoài nhân phong thấp mà hóa ra sưng đau, phần gió nhiều hơn thời cái đau nó chạy đi chạy lại, hoặc chạy lên chạy



xuống, phần lạnh nhiều hơn thời đau như xiên vào, phần thấp nhiều hơn thời sưng to, bệnh ở gân thời không co duỗi được. Bệnh ở xương thời không động cựa được. Nhược bằng lâu mãi không khỏi thời ngày ngày to lên, mà đùi trên đùi dưới ngày dần bé đi, chỉ có sưng đau mà sắc không biến thì thành ra chứng Hạc-tất.

Chữa bệnh này phải tán phong hàn, tiêu thấp nhiệt mà phải dùng dưỡng khí huyết, bổ gân xương làm chủ.

Một thứ mới sưng dùng *Thông uất-pháp* cho tiêu đi, hoặc dùng bài *Cam-tiêu-căn* dịt vào.

Một thứ phần gió nhiều mà cái đau nó chạy dùng bài *Đại-phong-phong*, bài *Ngũ-tích-tán*. Nhược bằng phần lạnh hơn thời đau như búa bổ, đùi xiên dùng bài *Tam-khí-âm*. Nhược bằng phần thấp nhiều hơn thời sưng đỏ dùng bài *Ngũ-linh-tán*, thang *Lý-trung*, như phần nóng nhiều hơn dùng bài *Bảo-âm-tiên*, thang *Đại-lân-giao*. Nhược bằng dương khí hư mà đau bại chân tay dùng *Bát-vị-hoàn*, *Hữu quy-hoàn* gia:

杜仲 鹽炒 續斷 炒 秦艽 木瓜 牛必 (各二升)

Đỗ-trọng, Tục-đoạn, Tần-dao, Mộc-quạ, Ngưu-tất (đều 2 đồng).

Một thứ tỷ, vị hư tổn mà ăn uống kém ít dùng bài *Bổ-trung-ích-khí*.

列 方

Liệt các bài thuốc

葱熨法

Thông - uất pháp

Dùng hành khô băm nhỏ thêm tí muối để vào khăn vải dốt hòn lóc để lên trên tởi rồi chườm.

甘蕉根方

Cam - tiêu - căn phương

Dùng củ-chuối 1 nắm, hành-khô 1 củ, tỏi-khô 2 nhánh, gừng 10 nhát, băm nhỏ cho giấm-thanh 1 chén sào lên cho nóng mà dịt vào ngoài lấy lá bọc lại.



大 防 風 湯

Đại-phòng phong thang

白朮土炒 杜仲鹽炒 防風 姜活 各二リ)
白芍炒 黃芪炙 川芎 牛必 (各一リ)
肉桂 製附 炙炒 (各五分)
党参三リ 姜炒 熟地五リ 加 當歸二リ

Bạch-truật, Đỗ-trọng, Phòng-phong, Khương-hoạt đều 2 đồng),
Bạch-thược, Hoàng-kỳ, Xuyên-không, Ngưu-tất (đều 1 đồng),
Nhục-quế, Chế-phụ, Chích-thảo (đều 5 phân), Đảng-sâm 3
đồng, Thục-diệp 5 đồng, Gia: Đương-quy 2 đồng.

三 氣 飲

Tam - khí âm

杜仲二リ鹽炒 熟地六リ 當歸二リ 杞子二リ
白芍一リ半炒 白芷一リ 細辛一リ 肉桂一リ
牛必一リ半 茯苓一リ半 炙草一リ 製附五分

Đỗ-trọng 2 đồng, Thục-diệp 6 đồng, Đương-quy 2 đồng, Khởi-tử 2 đồng, Bạch-thược 1 đồng rưỡi, Bạch-chỉ 1 đồng, Tế-tân 1 đồng, Nhục-quế 1 đồng, Ngưu-tất 1 đồng rưỡi, Phục-linh 1 đồng rưỡi, Chích-thảo 1 đồng, Chế-phụ 5 phân.

保 陰 煎

Bảo - âm tiên

黃伯一リ半炙 白芍二リ炒 生地三リ
續斷一リ半炒 淮山二リ炒 熟地三リ
黃芩一リ半炒 生朮一リ

Hoàng-bá 1 đồng rưỡi, Bạch-thược 2 đồng, Sinh-diệp 3 đồng,
Tục-đoan 1 đồng rưỡi, Hoài-sơn 2 đồng, Thục-diệp 3 đồng,
Hoàng-cầm 1 đồng rưỡi, Sinh-thảo 1 đồng.

大 秦 茺 湯

Đại-tân-giao thang

秦茺一リ 石羔一リ煨 細辛五分



白芍炒 生地 熟地 當歸 川芎 茯苓
黃芩炒 白芷 炙草 防風 姜活 獨活
白朮土炒 (各七分)

Tân-giao 1 đồng, Thạch-cao 1 đồng, Tế-tân 5 phân, Bạch-thược, Sinh-dịa, Thục-dịa, Đường-quy, Xuyên-khung, Phục-linh, Hoàng-cầm, Bạch-chỉ, Chích-thảo, Phòng-phong, Độc-hoạt, Khương-hoạt, Bạch-truật, (đều 7 phân).

Ngũ-tích-tán ở số 2 THƯƠNG-PHONG.

Lý-trung, Hữu-quy-hoàn đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Ngũ-linh-tán ở số 8 THƯƠNG-THẤP.

Bát-vị-hoàn, Bồ-trung-ích khí-thang đều ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG.

鶴 膝 驗 方

Hạc - tất nghiệm - phương

土茯苓六リ炒 南參三リ炒 防己三リ 血角三リ
白粉根三リ炒 蒼朮三リ製 千年健三リ 生草二リ
骨氣五リ炒 車前四リ炒

Thỏ-phục-linh 6 đồng, Nam-sâm 3 đồng, Phòng-kỷ 3 đồng, Huyết-dác 3 đồng, Bạch-phấn-căn 3 đồng (là củ Thia-vôi), Xương-truật 3 đồng, Thiên-niên-kiện 3 đồng, Sinh-thảo 2 đồng, Cối-khí 5 đồng, Xa-liền 4 đồng.

Cùng cho vào lọ sành đổ hai chai rượu nấu cách thủy chặt ra một nửa trên nước trong gia :

熟地一兩 大棗十葉

Thục-dịa 1 lượng, Đại-táo 10 quả.

Ngâm vào mà uống còn nửa rượu dưới dục soa bóp chỗ đau.

脚 氣

108. — Cước - khí

Cước khí là bệnh đau chân, hoặc sưng chân đau đến đau gối hoặc rất gán, hoặc co gán, đau như búa bổ, hoặc



phát sốt, phát rét, hoặc có khi sung ngược lên trên mỗ-ác gọi là cước-khi sung-tâm, nhược bằng đau mà không sung gọi là can cước-khi thời tẻ lạnh, mỗi ngày thít dần dần gầy đi mà khô nhô chân lại đều bởi vì ngoài nhân hàn thấp, trong nhân uống rượu, hoặc ăn vị độc hóa ra đau chân, có bồ-hôi mà sung đau, chạy lên, chạy xuống là phần phong nhiều, bằng không có bồ-hôi, co gân cứng gân là phần hàn nhiều, sung sưng là thấp, khô nóng là nhiệt. Chữa bệnh này phải phân hàn, nhiệt, phong, thấp, nhưng mà phải tuần bổ can huyết làm chủ.

Một thứ sung chân khi mới phải sung đau nặng nề nên phân lợi tiểu-tiện dùng bài *Tiểu-phân-thanh*, *Trĩ-thấp-thang*, bằng có kèm hàn dùng *Ngũ-linh-tán*, như có kèm nhiệt dùng bài *Đại-phân-thanh-âm*.

Một thứ nhân hàn thấp, hoặc mưa ướt mà sưng chân, đau khó chịu lắm dùng bài *Kê-minh-tán*, nhược bằng hàn thấp chạy vào trong hóa ra phù sưng hoặc cứng rắn, đau đờn không động cựa được dùng bài *Độc-hoạt-thang*, nhược bằng hàn thấp ngưng tụ, mạch máu chẳng hòa, mà gân xương mềm yếu, hoặc co quắp đau đờn dùng bài *Tam-khi-âm*, bài *Từu-tâm-ngưu-tất*. Nhược bằng hàn thấp ủng sưng, khi trẻ chẳng thông dùng bài *Lập-hiệu-tán*, bài *Hoạt-lạc-âm*.

Một thứ nhân rượu chè ăn uống chẳng có tiết độ hóa ra sưng chân không khỏi dùng bài *Phong-kỷ*, hoặc *Nhị-diệu-tán*, *Gia-vị-nhị-diệu-hoàn*. Nhược bằng khi thấp nhiệt sung ngược lên trên ngực, bụng phiền muộn khát nước, rức đầu miệng khô dùng bài *Hoạt-nhân-tê-dắc*, nhược bằng khi thấp nhiệt chạy khắp kinh lạc, mạch chạy mau mà chân tay mình mẩy đau đờn sưng nóng dùng thang *Đương-quý-niêm-thống*. Nhược bằng can, thận âm hư huyết nhiệt, hai chân gầy mòn đau đờn, đi lại nan nan dùng bài *Tục-đoạn-hoàn*.

Một thứ cước-khi sung tâm rất là bệnh nguy, khi sung ngược lên không thở được, hoặc có nôn mửa dùng bài *Bình-lang*, bài *Tứ-ma-ấn*. Nhược bằng khi lạnh vào bụng bất tỉnh nhân sự, dùng thang *Thủ-du-mộc-quả*, hoặc *Cứu-dương-thang*, thời mới khỏi được. Bệnh đã lui phải dùng bài *Bát-vị-hoàn*, *Toàn-chân-thang*, gia *Đỗ-trọng* 3 đồng.

Một thứ sưng chân có thực tà hoặc chương đầy bế kết dùng thang *Khương-hoạt-đạo-trĩ-thang*, *Chỉ-thực-dại-hoàng*.



列 方

Liệt các bài thuốc

Tiểu phân thanh, Ngũ-linh-tán, Đại phân thanh đều ở số 8 THƯƠNG-THẤP.

Tam-khí-âm ở số 107 TẮT-SŨNG

Đương-quy-niêm-thống, ở số 96 KIÊN-BỒI.

Tứ-ma-âm, ở số 13 KHÍ-QUYẾT.

Bát-vị-hoàn, ở số 10 CHƯ-HƯ-CHŨNG-BIỆN.

除 濕 湯

Trừ - thấp thang

陳皮一リ半炒 厚樸二リ炒 法夏二リ 茯苓二リ
霍香 一リ半 蒼朮二リ製 炙草一リ

Trần-bì 1 đồng rưỡi, Hậu-phác 2 đồng, Pháp-hạ 2 đồng, Phục-linh 2 đồng, Hoắc-hương 1 đồng rưỡi, Xương-truật 2 đồng, Chích-thảo 1 đồng.

鷄 鳴 散

Kê - minh tán

吳茱三リ炒 棋榔七枚 橘紅一両 木灰一両
蘇葉三リ 桔梗五リ 生姜五リ

Ngô-thư 3 đồng, Bình-lang 7 hột, Quất-hồng 1 lạng, Mộc-quả 1 lạng, Tô-diệp 3 đồng, Kết-cánh 5 đồng, Sinh-kương 5 đồng.

Sắc bài nước đổ lẫn vào cái bát để dầu giương, chia làm 3, 4 hần độ 3 giờ sáng uống nguội, uống không hết để đến hôm sau lại uống.

獨 活 湯

Độc - hoạt thang

| | | | | | |
|------|-----|----|----|-------|----|
| 党参姜炒 | 黃芪炙 | 牛必 | 川芎 | 獨活 | 麻黃 |
| 白朮土炒 | 乾姜炒 | 肉桂 | 茯苓 | 當歸 | 木香 |
| 杜仲鹽炒 | 白芍炒 | 炙草 | 製附 | (各五分) | |



Đảng-sâm, Hoàng-ký, Nguru-tất, Xuyên-khung, Độc-hoạt, Ma-hoàng, Bạch-truật, Can-khương, Nhục-quế, Phục-linh, Dương-quy, Mộc-hương, Đỗ-trọng, Bạch-thược, Chích-thảo, Chế-phụ (đều 5 phân)

酒浸牛必丸

Tửu-tâm nguru-tất hoàn

牛必三升 川椒五升 虎骨五升 附子一枚

Nguru-tất 3 lượng, Xuyên-tiên 5 đồng, Hồ-cốt 5 đồng, Phụ-tử 1 củ,

Cùng nấu rượu cách thủy mà uống còn bã dầm ra làm thuốc viên lại uống.

立效散

Lập-hiệu tán

陳皮炒 吳茱炒 紫蘇 木瓜 (各一升)

檳榔七粒 生姜二升

Trần-bì, Ngô-thù, Tử-tô, Mộc-qua (đều 1 lượng), Bình-lang 7 hạt, Sinh-khương 2 lượng.

Tán bột uống 2 đồng hòa với rượu

滑絡飲

Hoạt-lạc ẩm

炙草一升 當歸 川芎 姜活 獨活

白朮土炒 (各一升半)

Chích-thảo 1 đồng, Dương-quy, Xuyên-khung, Khương-hoạt, Độc-hoạt, Bạch-truật, (đều 1 đồng rưỡi).

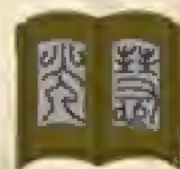
防已飲

Phòng-kỷ ẩm

甘草炙 黃柏炙 犀角 生地 川芎 防已

白朮土炒 蒼朮製 檳榔 木通 (各一升)

Cam-thảo, Hoàng-bá, Tê-dắc, Sinh-địa, Xuyên-khung, Phòng-kỷ, Bạch-truật, Xương-truật, Bình-lang, Mộc-thông, (đều 1 đồng).



二 妙 散

Nhị - diệu tán

蒼朮製一兩

黃伯炙一兩

Xương-truật 1 lượng, Hoàng-bá 1 lượng.

Tán bột uống 2 đồng, thang bằng nước gừng.

加 味 二 妙 丸

Gia - vị - nhị - diệu hoàn

蒼朮四兩製

當歸一兩

牛必一兩

黃伯二兩炙

葶藶一兩炒

龜板一兩

防已一兩

Xương-truật 4 lượng, Đương quy 1 lượng, Ngưu-tất 1 lượng,

Hoàng-bá 2 lượng, Tỳ-dải 1 lượng, Quy-bản 1 lượng, Phòng-kỷ

1 lượng. Tán bột luyện hồ viên uống 2 đồng.

活 人 犀 角 散

Hoạt - nhân - tê - giác tán

犀角七分磨

沉香七分

兵榔一兩

枳壳七分炒

麥門一兩炒

赤苓一兩

紫蘇一兩

生石膏二兩

木香五分

防風五分

Tê-giác 7 phân, Trầm-hương 7 phân, Bình-lang 1 đồng, Chi-

sắc 7 phân, Mạch-môn 1 đồng, Xích-linh 1 đồng, Tử-tô 1

đồng, Sinh-thạch cao 2 đồng, Mộc-hương 5 phân, phòng-

phong 5 phân, điều tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng

續 斷 丸

Tục - đoạn - hoàn

防風

薏苡

五加皮

姜活

續斷炒

牛必

(各一兩半)

生地二兩半

仲杜二兩半盞炒

木灰四兩

葶藶二兩

Phòng-phong, Ý-dĩ, Ngũ-gia-bì, Khương-hoạt, Tục-đoạn,

Ngưu tất (dầu 1 lượng rượu) Sinh-dịa 2 lượng rượu, Đỗ-trọng

2 lượng rượu, Mộc qua 4 lượng, Tỳ-dải 2 lượng.

Rượu ngon 2 bát nấu với Thanh-diêm 1 lượng rượu (靑盞

一兩半) thành cao, các vị trên đều tán bột, luyện cao

4am viên uống 2 đồng.



棋榔湯

Binh-lang thang

陳皮炒 兵榔 蘇葉 木灰 炙草 香附炒
五加皮 (各一リ)

Trần-bì, Binh-lang, Tô-diệp, Mộc-quả, Chích-thảo, Hương-phụ, Ngũ-gia-bì, (đều 1 đồng)

吳茱木瓜湯

Ngô-thù mộc-quả thang

吳茱二リ炒 木灰四リ 棋榔四リ 生姜五片
Ngô-thù 2 đồng, Mộc-quả 4 đồng, Binh-lang 4 đồng, Sinh-kương 5 nhát.

救陽湯

Cứu-dương thang

洋參五リ姜炒 乾姜二リ炒 炙草一リ
白朮四リ土炒 五味三分炒

Dương-sâm 5 đồng, Can-kương 2 đồng, Chích-thảo 1 đồng, Bạch-truật 4 đồng, Ngũ-vị 3 phân.

全真湯

Toàn-chân thang

白朮三リ土炒 熟地一兩 牛必二リ 麥門三リ炒
洋參四リ姜炒 五味七粒 製附五分

Bạch-truật 3 đồng, Thục địa 1 lượng, Ngưu-tất 2 đồng, Mạch môn 3 đồng, Dương-sâm 4 đồng, Ngũ-vị 7 hạt, Chế-phụ 5 phân.

姜活導滯湯

Khương-hoạt đạo-trệ thang

姜活一リ半 獨活一リ半 防己一リ 當歸二リ
枳實七分炒 川大黃一リ煨

Khương-hoạt 1 đồng rưỡi, Độc-hoạt 1 đồng rưỡi, Phòng-ký 1 đồng, Đương-quy 2 đồng, Chỉ-thực 7 phân, Xuyên-dại-hoàng 1 đồng.



枳實大黃湯

Chỉ-thực đại-hoàng thang

姜活一リ半 薑歸二リ 枳寔五分
川大黃二リ煨

Khương-hoạt 1 đồng rưỡi, Đương-quy 2 đồng, Chỉ-thực 5 phân,
Xuyên-dại-hoàng 2 đồng.

驗方

Nghiệm phương

1° Cam-tiên-cẩn-phương ở số 107 TẮT-SƯNG.

2° Hai chai rượu thuốc thấp đổ vào chậu đồng hâm nóng
ngâm chân nguội thì hâm lại, 1 ngày thì khỏi.

Một thứ cước khí xung tâm thổ gần sắp nguy dùng:

松節二リ 桑皮二リ 紫蘇二リ 兵榔一リ
生草一リ 燈心廿根 生姜三片

Tông-tiết 2 đồng, Tang-bì 2 đồng, Tử-tô 2 đồng, Binh-lang
1 đồng, Sinh-thảo 1 đồng, Đẳng-tâm 20 sợi, Sinh-khương 3
nhát.

Sắc nước uống thêm 1 chén đồng-tiện, lại dùng 3 con gà
sống lấy dao mổ dặng lưng ấp ngay vào ngực để hút khí
độc ra; một chốc lại đổi con khác, ước chừng 2 giờ đổi
lần 3 con thời khỏi, gà ấy phải vất đi chớ có ăn kéo độc
lắm.

Một thứ cước khí sung ngược lên tức đầy lăm, bên sườn
mọc một cục rắn như đá, mé mẩn không biết gì sắp nguy
dùng: Tông-tiết 1 lạng, Lá-quít 12 lá, Binh-lang 2 hột, sắc
nước uống thêm 1 chén đồng-tiện.

Một thứ cước khí sung tâm bất tỉnh nhân sự dùng Binh-
lang 3 phân, Lá-quít 2 phân sắc nước uống thêm Xạ-hương
3 li, đồng-tiện 1 chén hòa lẫn uống.



風 痺 X

109. — Phong - tý

Phong-tý là bệnh tê hoặc gọi là Thống-phong bởi vì phong hàn, thấp ba khi bế lại mà mạch máu không lưu thông, hóa ra tê; bệnh tê có năm thứ:

1 là bì-tê, gãi vào da không biết, lấy quế-chi, sinh-kương giã nhỏ hòa rượu soa.

2 là nhục-tê, như kiến cắn trong thịt.

3 là mạch-tê, các mạch máu không thông được.

4 là cân-tê thời gân lỏng lẻo không nắm xuống được.

5 là cốt-tê thời xương rục như gà mổ không động cựa được.

Chữa bệnh này phải phân hàn, nhiệt dùng thuốc bổ khí dưỡng huyết, nhược bằng quá dùng thuốc phong thấp thời sợ hao huyết mà bệnh lâu khỏi.

Một thứ chứng tê phần gió nhiều hơn dùng bài *Bại-độc-tán*, *Ô-dược-thuận-khí-tán*; nhược bằng gió kiêm lửa nóng dùng *Đại-lân-giáo-thang*, *Cửu vị-kương-hoạt-thang*, nhưng mà gió hay quạt lửa, lại hay ráo chỗ ướt nên gia:

生地五リ 當歸三リ 黃芩一リ 炒

Sinh-địa 5 đồng, Đương-quy 3 đồng, Hoàng-cầm 1 đồng.

Một thứ bệnh tê phần lạnh nhiều hơn dùng *Ngũ-lịch-tán*, *Tiểu-tục-mạnh-thang*; nhược bằng lạnh lắm dùng *Cam-thảo-phụ-từ-thang*, *tam-nhân-phụ-từ-thang*; nhưng mà khí lạnh thì đọng lại mà không tan phải gia Quế-chi 1 đồng, Xuyên-khung 1 đồng.

Một thứ tê phần thấp nhiều hơn nên cho lợi tiểu-tiên dùng *Ngũ-linh-tán*, bằng có đàm thấp dùng *Lục-quân-từ-thang* như có phong thấp dùng *Kương-hoạt-thăng-thấp-thang*. Như hàn thấp dùng *Chân-vũ-thang*. Muốn cho hành khí tiêu thấp dùng *Điều-khí-bình-vị-tán*, nhưng mà phần thấp có chia lạnh, nóng hai thứ: như chứng thấp nhiệt dùng *Đương-quy-niêm-thống-thang*, hoặc *Nhị-diệu-tán*, *Giá-vị-nhị-diệu-hoàn*.

Những các chứng tê nên dùng thuốc bổ, có đau như hùm cắn cho nên có tên rằng: Bạch hổ lịch tiết phong thống dùng *Tam-khí-âm*, *Đại-phong-phong-thang* thời mới chóng khỏi.



列 方

Liệt các bài thuốc

敗 毒 散

Bại - độc tán

芫 參 姜 炒 茯 苓 姜 活 獨 活 柴 胡 前 胡
枳 壳 炒 川 芎 桔 梗 甘 艸 (各 一 兩)

Đảng-sâm, Phục-linh, Khương-hoạt, Độc-hoạt, Sài-hồ, Tiền-hồ, Chi-xác, Xuyên-khung, Kết-cánh, Cam-thảo (đều 1 đồng).

烏 藥 順 氣 散

Ô - dược thuận - khí tán

枳 壳 分 五 炒 烏 藥 一 兩 川 芎 一 兩 橘 紅 一 兩
姜 盞 五 分 炒 白 芷 一 兩 桔 梗 一 兩 生 草 五 分
乾 姜 五 分 炒 麻 黃 五 分

Chi-sắc 5 phân, Ô-dược 1 đồng, Xuyên-khung 1 đồng, Quất-hồng 1 đồng, Khương-tâm 5 phân, Bạch-chỉ 1 đồng, Kết-cánh 1 đồng, Sinh-thảo 5 phân, Can-khương 5 phân, Ma-hoàng 5 phân.

甘 草 附 子 湯

Cam - thảo phụ - tử thang

甘 草 二 兩 製 附 二 兩 桂 枝 三 兩 白 朮 三 兩 土 炒
Cam-thảo 2 đồng, Phụ-tử chế 2 đồng, Quế chi 3 đồng, Bạch-truật 3 đồng.

三 因 附 子 湯

Tam - nhân phụ - tử thang

芫 參 姜 炒 白 朮 炒 生 草 製 附 茯 苓
白 朮 土 炒 乾 姜 炒 桂 心 (各 一 兩)

Đảng-sâm, Bạch-thược, Sinh-thảo, Phụ-tử-chế, Phục-linh, Bạch-truật, Can-khương, Quế-tâm (đều 1 đồng).



真武湯

Chân - vũ thang

白芍三リ炒 茯苓三リ 生姜三リ 製附一リ

白朮二リ土炒

Bạch-thược 3 đồng, Phục-linh 3 đồng, Sinh-kương 3 đồng,
Chế-phụ 1 đồng, Bạch-truật 2 đồng.

調氣平胃散

Điều - khí bình - vị tán

厚樸一リ炒 陳皮一リ炒 木香一リ 烏藥一リ

白豆蔻一リ 白朮香一リ 炙草七分 藿香一リ半

砂仁一リ炒 蒼朮一リ半製

Hậu-phác 1 đồng, Trần-bì 1 đồng, Mộc-hương 1 đồng, Ô-
duộc 1 đồng, Bạch-dâu-khẩu 1 đồng, Bạch-dàn-hương 1 đồng,
Chích-thảo 7 phân, Hoắc hương 1 đồng rưỡi, Sa-nhân 1 đồng,
Xương-truật 1 đồng rưỡi.

Đại-tân-dao-thang, Tam-khí-âm, Đại-phòng-phong đều
ở số 107 TẤT-SŨNG.

Cửu-vị-khương-hoạt, Ngũ-tịch-tán, đều ở số 2 THƯƠNG-
PHONG.

Tiểu-tục-mệnh-thang, ở số 4 TRÚNG-PHONG.

Ngũ-linh-tán, ở số 8 THƯƠNG-THẤP.

Lục-quân-tử-thang, ở số 15 ĐÀM-QUYẾT.

Khương-hoạt-thắng-thấp, Dương-quý-niêm-thống đều
ở số 96 KIẾN BỒI.

Nhị-diệu-tán, Gia-vị-nhị-diệu-hoàn, đều ở số 108
CƯỚC-KHÍ.

風濕酒

Phong - thấp tửu

| | | | | |
|------|-----|----|----|-------|
| 當歸四リ | 千年健 | 牛必 | 續斷 | 獨活 |
| 杜仲鹽炒 | 威靈仙 | 木瓜 | 防風 | (各二リ) |
| 蒼朮炒 | 五加皮 | 川芎 | 白止 | 姜活 |
| 桑寄生 | 細辛 | 桂枝 | 秦朮 | (各一リ) |



Đương-quy 4 đồng, Thiên-niên-kiện, Ngưu-tất, Tục-doạn, Độc-hoạt, Đỗ-trọng, Uy-linh-tiên, Mộc-quả, Phòng-phong (đều 2 đồng) Xương-truật, Ngũ-gia-bì, Xuyên-khung, Bạch-chỉ, Khương-hoạt Tang-ký-sinh, Tế-tảo, Quế-chỉ, Tần-dao, (đều 1 đồng).

Không có Tang-ký-sinh dùng cánh dâu 2 đồng. Ngâm rượu nấu cách thủy đề 10 hôm vừa uống vừa soa.

神傳酒

Thần-truyền tửu

Triều nhà Lê niên hiệu *Chính-hòa* nhà vua phải bệnh tê thấp có người dùng phương thuốc ngâm rượu uống khỏi vua thưởng 50 lạng bạc truyền cho thiên-hạ biết bài thuốc này:

Vương-tôn là rễ-gấm 6 đồng.

Ngũ gia-bì là cây chân-chim 5 đồng.

Nam-đẳng là giấy lung-lúc 4 đồng.

Hoàng-chỉ-dẳng 4 đồng.

Nam-đương-quy là quy-bàn 3 đồng.

Kim-anh-đẳng là chiêng-chiêng 3 đồng.

Ô-dược 2 đồng.

Nam-ngưu-tất là rễ cỏ-sước.

Bạch-dồng-nam là rễ bán-trắng.

Xích-dồng-nữ là rễ bảo-đỏ.

Cát bối-căn là rễ bươi-bung.

Tang-ký-sinh là tâm-gửi cây giầu.

Hồ-diệp-căn là rễ bướm-bướm.

Tỳ-giải là củ kim-cương.

Mã-tiên-thảo là cỏ-roì-ngựa.

Tiên-hồ là cây-chỉ-thiên (đều 2 đồng).

两手麻痺方

Lưỡng-thủ ma-tí phương

| | | | |
|-------|------|------|------|
| 香乳三リ抄 | 玄参三リ | 天麻二リ | 鉤藤二リ |
| 葳靈仙三リ | 昌蒲二リ | 防風二リ | 丹参二リ |
| 何首烏一リ | 荆芥一リ | 苦参一リ | 杞子一リ |
| 白菊花一リ | | | |



Nhũ-hương 3 đồng, Huyền-sâm 3 đồng, Thiên-ma 2 đồng, Câu-dăng 2 đồng, Uy-linh-tiên 3 đồng, Xương-bồ 2 đồng, Phòng-phong 2 đồng, Đan-sâm 2 đồng, Hà-thủ-ô 1 đồng, Kinh-giới 1 đồng, Khổ-sâm 1 đồng, Khởi-tử 1 đồng, Bạch-cúc-hoa 1 đồng,

Sắc nước uống 3 thang thời khỏi.

足 痿 ✕

140. — Túc - nuy

Túc-nuy là chân héo dữ bởi bệnh tê nặng mà hai chân mềm yếu không đi được; ngón chân cũng không cựa được hoặc cả hai tay không cầm được bởi vì khí, huyết hư tổn cho nên mùa lạnh cảm vào. Những người dân-bà mới sinh nở, khi ra vào gặp phải mưa gió hay có bệnh tê đến khi đã mắc phải thời nửa năm hoặc 1 năm, nằm ngời, liệt ở giường không phải năm mười hôm mà chữa khỏi ngay được.

Trị bệnh này phải phân hàn, nhiệt mà dùng thuốc, lại nên dùng rượu thuốc trong uống ngoài xoa thời mới chóng khỏi được. Chứng nuy cùng với bệnh tê dùng thuốc cũng thông trị được cả.

Một thứ hàn thấp mà chân tê đại thời mạch chạy chậm yếu dùng bài *Khởi-nuy-đan*, bài *Hữu-quy-âm* gia *Đương-quy* 3 đồng, *Ngưu-tất*, *Mộc qua* (đều 2 đồng).

Một thứ thấp nhiệt mà chân tê đại thời mạch chạy hồng hoạt, trong bụng nóng nầy dùng bài *Tu-âm-bát-đị*, bài *Đan-khê-bồ-âm-hoàn*.

Một thứ chứng nuy bởi can thận âm huyết hư tổn dùng bài *Tả-quy-hoàn*, *Lục-vị-hoàn* đều gia *Đỗ-trọng*, *Khởi-tử*, *Mộc-qua*, *Ngưu-tất* (đều 2 đồng) phải gián phục với thang *Bồ-trung* và thang *Quy-tý* thời mới chóng khỏi.

Một thứ phép chườm túc - nuy

Dùng một hòn gạch mới nung đỏ tươi rắc than vào, lấy vải bọc chườm vào chân nguội thời nung lại.



Một thứ phép xông chân tê

Đào một cái hố sâu 1 thước, rộng 1 thước để vừa hai chân lấy củi giãu đốt trong hố cho đỏ, dùng giấm thanh hoặc nước tiểu tưới xuống hố, lại lấy lá soan rải xuống hố rồi bỏ hai chân lên trên lá soan mà xông thấy ngộp thời thôi, làm ba bận thế mới khỏi.

列方

Liệt các bài thuốc

起痿丹

Khởi - nuy đan

兜絲二兩 桂枝八兩 沙苑 茯苓 萆薢
杜仲鹽炒 肉蓯蓉製 牛必 防風 杞子
破故布 胡蘆巴 (各一兩)

Thỏ-ty 2 lạng, Quế-chi 8 đồng, Sa-uyên, Tật-lê, Tỳ-giải, Đỗ-trọng, Nhục-thong-dong, Ngưu-tất, Phòng-phong, Khởi-tử, Phá-cổ, Hồ-lô-ba, đều 1 lạng

Tán bột luyện mật viên, uống 2 đồng.

丹溪補陰丸

Đan - khê bổ - âm hoàn

白芍二兩炒 當歸二兩 牛必二兩 熟地四兩
陳皮一兩炒 瑣陽一兩 知母一兩 龜板四兩
黃柏一兩炙 虎骨一兩

Bạch-thược 2 lạng, Đương-quy 2 lạng, Ngưu-tất 2 lạng, Thục-dịa 4 lạng, Trần-bì 1 lạng, Tỏa-dương 1 lạng, Tri-mẫu 1 lạng, Quy-bản 4 lạng, Hoàng-bà 1 lạng, Hồ cốt 1 lạng.

Tán bột, lại dùng 4 lạng thịt dê băm nhỏ, hòa rượu làm viên, uống 2 đồng.

Hữu-quy-âm, Lục-vị-hoàn, Quy-tỳ-thang, Bổ trung-ích-khi-thang đều ở số 10 CHƯ-HƯ CHỨNG-BIỆN.

Tư-âm bát-vị ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Tả-quy-hoàn ở số 1 NỘI-THƯƠNG.



手足自搖方

Thủ - túc tự - dao phương

(là bệnh gân tê, chân, tay rung động)

| | | |
|---------|---------|-------|
| 鹿茸 四リ 炙 | 胡麻仁 三リ | 丹参 三リ |
| 桑寄生 三リ | 威靈仙 三リ | 茯苓 三リ |
| 乳香 二リ 炒 | 天麻 一リ 半 | 續斷 三リ |
| 虎骨 一リ 半 | 肉桂 一リ 半 | 茯神 二リ |
| 川烏 一リ 半 | 牛必 一リ 半 | 木瓜 二リ |
| 獨活 一リ 半 | 沒藥 二リ | |

Lộc-nhung 4 đồng, Hồ-ma-nhân 3 đồng, Đan sâm 3 đồng, Tang-ký-sinh 3 đồng, Uy-linh tiên 3 đồng, Tật-lê 3 đồng, Nhũ-hương 2 đồng, Thiên-ma 1 đồng rưỡi, Tục-doan 3 đồng, Hồ-cốt 1 đồng rưỡi, Nhục quế 1 đồng rưỡi, Phục-thần 2 đồng, Xuyên-ô 1 đồng rưỡi, Ngưu-tất 1 đồng rưỡi, Mộc-quả 2 đồng, Độc-hoạt 1 đồng rưỡi, Mộc-dược 2 đồng.

Tán bột luyện mật viên uống 2 đồng. Nhược bằng âm hư bổ Nhục-quế, Xuyên-ô; gia: Đương-quy 3 đồng, Ngũ-gia-bì, Xuyên-khung đều 2 đồng.

陽痿

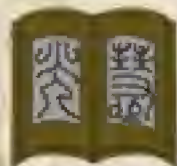
111. — Dương - nuy

Dương-nuy là bệnh luyệt dương. những người còn giai ngọc-hành héo dũ bởi vì cung-mệnh môn-hỏa suy, tinh khí hư lạnh, hoặc nhân sự thất tình nhọc mệt hóa ra bệnh luyệt dương.

Ông Khải Huyền-Tử nói rằng: Không có dương khí thời âm huyết không sinh được; không có âm huyết thời dương khí không hóa được, xem như thể thời sức dương cường phải nhờ âm huyết làm lưng; phép chữa bệnh này trong phương Cháng-dương-bổ-khí phải thêm vị bổ huyết từ âm mới thực là rất phải.

Một thứ nhân hỏa hư mà luyệt dương dùng bài Hữu-quy-hoàn, Tán-dục-dần, nhược bằng hỏa chữa suy lẫm mà chỉ vì khí huyết bạc nhược dùng Tả-quy-hoàn, Ban-long-hoàn.

Một thứ nhân lo nghĩ sợ hãi, hóa ra tý thận tổn thương mà luyệt dương dùng bài Thất-phúc-âm, Quy-tý-thang.



Nhược bằng lo sợ quá thời phải bỏ hòa dùng *Thật-phúc-âm* gia :

杞子二升 肉桂五分 製附五分

Khởi-tử 2 đồng, Nhục-quế 5 phân, Chế-phụ 5 phân.

Một thứ can thận thấp nhiệt cho nên lỏng gân hóa ra huyết dương phải xem mạch và chứng bệnh thực là nóng dùng bài *Tư-âm-bát-vị-hoàn*, *Đan-khê-bồ-âm-hoàn* Nhược bằng can kinh thấp nhiệt dùng thang *Long-dâm-lá-can*.

列 方

Liệt các bài thuốc

贊 育 丹

Tán - dục đan

冬朮四兩土炒 熟地四兩 當歸三兩 韭子二兩炒
杜仲二兩鹽炒 巴戟二兩 杞子三兩 淫羊藿二兩
肉苁蓉二兩製 仙茅二兩 肉桂五升 蛇床一兩炒
山茱一兩酒炒 製附五升

Đông-truật 4 lượng, Thục-dịa 4 lượng, Đương-quy 3 lượng, Cửu-tử 2 lượng, Đỗ-trọng 2 lượng, Ba-kích 2 lượng, Khởi-tử 3 lượng, Dâm-dương-hoắc 2 lượng, Nhục-thông-dong 2 lượng, Tiên-mao 2 lượng, Nhục-quế 5 đồng, Sà-sàng 1 lượng, Sơn-thù 1 lượng, Chế-phụ 5 đồng.

Tán bột luyện mật viên uống 3 đồng.

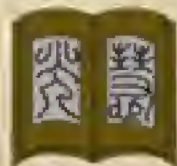
斑 龍 丸

Ban - long hoàn

鹿膠二兩炒 破故一兩炒 兒絲二兩 熟地二兩
鹿角霜二兩 茯苓一兩 栢子仁二兩去油

Lộc-giao 2 lượng, Phá-cổ 1 lượng, Thố-ty 2 lượng, Thục-dịa 2 lượng, Lộc-dắc-xương 2 lượng, Phục-linh 1 lượng, Bách-tử-nhân 2 lượng

Tán bột luyện mật viên uống 2 đồng.



Hữu quy-hoàn, Tả quy hoàn, Thất phúc âm đều ở số 1
NỘI-THƯƠNG.

Quy-tỳ-thang ở số 10 CHƯ-HƯ-CHUNG

Tư-âm-bát-vị ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Đan-kê-bồ-âm ở số 110 TÚC-NUY.

Long-đâm-tả-can ở số 82 MỤC-THỐNG.

簡 易 方

Giản dị phương

兕 絲 四 兩 蛇 床 二 兩 炒 五 味 七 兩

Thỏ-ty 4 lạng, Sà-sàng 2 lạng, Ngũ-vị 7 đồng.

Tán bột luyện mật viên, uống 2 đồng thang bằng rượu.

Thịt chim sẻ nấu ăn rất hay

Hoặc Tồ-ong đốt cháy tán bột uống 2 đồng, trong uống
ngoài bôi mới hay.

Hoặc dùng : Con ngải 1 lạng bỏ dầu, chân, cánh sao khô
tán bột luyện mật làm viên bằng hạt đậu xanh, đi ngủ
uống 1 viên ; nhược bằng cường quá phải dùng thạch-
xương-bồ ngâm rượu uống 1 chén thời không cường nữa.

Hựu phương

高 麗 參 或 花 棋 參 五 兩 姜 炒 乾 荔 枝 七 枚

淫 羊 藿 三 兩 熟 地 五 兩 杞 子 五 兩 丁 香 三 兩

Cao-ly-sâm hoặc Hoa-kỳ-sâm 5 đồng, Vải-khô 7 quả, Dâm-
duơng-hoắc 3 đồng, Thục-địa 5 đồng, Khởi-tử 5 đồng, Đinh-
hương 3 đồng.

Dùng rượu ngon 1 chai ngâm ba ngày rồi nấu cách thủy
độ 2 giờ lấy ra ngâm nước một ngày, uống 1 chén chia
lăm vài mươi hùm dần dần tí một rất thần hiệu.

陽 疆

112. — Dương - cường

Dương cường bất đảo là ngọc hành cứng mãi không ngã,
bởi vì tướng hỏa vọng động phải nên di-mới được dùng;



黃伯炙 龍骨煨 生地 知母 川大黃煨
壳枳炒 (各一リ半)

Hoàng-bá, Long-cốt, Sinh-dịa, Chi-mẫu, Xuyên-dại-hoàng,
Chi-xác (đều 1 đồng ruỗi).

Sắc nước uống.

Nhược bằng lý vị hư, ăn uống kém ít thời dùng;

黃伯炙 砂仁炒 炙草 (各一リ)

Hoàng-bá, Sa-nhân, Chích-thảo (đều 1 đồng)

Sắc nước uống.

疝 氣

113. — Sán - khí

Sán-khí là đau âm-nang hoặc gọi hạ-nang có sưng sưng
mà đau cả hai hòn và dẫn vào trong bụng dưới

Chứng này có bảy thứ:

1 là Hàn-sán thời âm-nang lạnh rã như đá, ngo: - hành
không cã được, hai hòn đều đau.

2 là Thủy-sán thời hạ-nang trong như thủy-tinh, ngứa gãi
mà chảy ra nước vàng.

3 là Cấn-sán thời gân co lại hoặc buông chể ra, nước tiểu
trắng đục.

4 là Khí-sán thời âm-nang sưng đau, khí xung ngược lên
đau cả hai quả bồ-đục.

5 là Huyết-sán hình như quả chuối ở bên bụng dưới, sờ
sần mà không tiêu, kết lăm cái nhọt.

6 là Hồ-sán bình như hòn ngói ở trong âm-nang, nằm
thời chạy vào trong bụng, đứng lên lại ra.

7 là Đồi-sán âm-nang sưng to bằng cái dấm, chẳng ngứa
mà cũng chẳng đau mà khó chữa cho nhỏ lại được.

Bởi vì nhân sự tửu, sắc, hoặc nhân dạn dữ, nhân việc
khó nhọc hoặc nhân phong thấp, hàn nhiệt mà phát ra.
Phép chữa phải xem tại cái gì mà dùng thuốc thời mới
khỏi.



Một thứ khí-sán, khí nghịch lên mà đau, nhược bằng đau dữ quá dùng bài *Lệ-hương-tán*, khí thực trệ nhiều dùng bài *Bảo-dám-xuyên-luyện-tán*, hoặc *Thiên-thai-ô-dược-tán*. Nhược bằng khí hư kiêm hàn dùng bài *Noãn-can-tiên*. Như khí nghịch đau quá, không chịu được dùng bài *Ngũ-tích-tán* gia :

生姜五片 吳茱一リ鹽炒 小茴一リ炒
葱白一頭

Sinh-khương 5 nhát, Ngô-thù 1 đồng (tầm muối sao), Tiểu-hồi 1 đồng (sao), Hành 1 củ.

Một thứ hàn-sán rất hay đau, nhân cảm khí lạnh hoặc ăn vật lạnh; yếu nóng sợ lạnh, đại, tiểu tiện bình thường dùng bài *Thần-đăng-tán* hoặc *Thần-khi-hoàn*. Nhược bằng lạnh lắm dùng bài *Hồ lô-ba hoàn*, bài *Trầm-hương-quế-phụ hoàn*.

Một thứ nhiệt-sán cũng hay đau lắm, nhân hỏa tả mà đau thời khát nước muốn lạnh, đại-tiện bí, tiểu-tiện đỏ; hoặc có tức đầy dùng bài *Đại-phân-thanh-âm*, bài *Nhân-trần-âm* đều gia :

小茴一リ 川練一リ

Tiểu-hồi 1 đồng, Xuyên-luyện 1 đồng

Hoặc dùng bài *Gia-vị-thông-tâm-âm*, bài *Quy-lức-thang*. Nhược bằng can kinh thấp nhiệt, ngọc-hành sưng đau gân cơ quắp, hạ-nang sưng, nước tiểu đục là chứng Cán-sán dùng bài *Long-đảm-lá-can-thang*.

Một thứ thấp-sán hay sa nặng sưng to như có đau thời theo chứng hàn-sán, nhiệt-sán mà chữa.

Nược bằng không đau mà hạ-nang to nhón là chứng đỗi-sán dùng *Gia-vị-ngũ-linh-tán*, *Xương-truật-tán*, *Tâm-tống-hồi-hương-hoàn*, lại phải kiêng sự tửu sắc mới khỏi được.

Một thứ bịnh sán khí ngộ uống rượu mà phát là tại thấp nhiệt dùng bài *Đại-phân-thanh-âm* gia :

小茴一リ 川練一リ

Tiểu-hồi 1 đồng, Xuyên-luyện 1 đồng.

Nược bằng hàn thấp dùng bài *Ngũ-linh-tán* hoặc *Cát-hoa-giải-tĩnh thang*.

Một thứ sán-khi ngộ sắc đục mà phát là chứng âm hư. Nhược bằng âm hư hỏa động dùng bài *Lục-vị-hoàn* gia :

知母 黃柏炙 梔子炒黑 小茴 川練 (各一リ)

Tri-mẫu, Hoàng-bá, Chi-tử, Tiểu-hồi, Xuyên-luyện, (đều 1 đồng).



Nhược bằng âm hư vô hỏa mà đau lạnh dùng *Lý-âm-tiên*, *Bát-vị-hoàn* gia:

小茴 杞子 (各一リ)
Tiền-hồi Khởi-tử (đều 1 đồng)

Hoặc dùng bài *Noãn-can-tiên*.

Một thứ huyết-sản là máu kết ở bụng dưới rắn mà có hình, đại-tiên táo mà đen, tiểu thủy thông lợi, hẳn là chứng huyết tích dùng bài *Ngọc-trúc-tán*.

Một thứ bệnh sản-khi đã lâu tất nhiên thuộc hư phải lấy mạch chứng mà xét, như âm hư dùng bài *Lý-âm-tiên*, bài *Noãn-can-tiên*, bài *Bổ-âm-ích-khi-thang*

Nhược bằng dương hư dùng bài *Ôn-vị-âm*, bài *Bổ-trung-ích-khi-thang*. Nhược bằng dương hư lắm dùng bài *Lục-vị-hồi-dương-đm* gia: Nhục-quế 1 đồng.

Một thứ chứng đới-sản cao hoàn nhơn nhỏ, thiên-trụy đau lắm dùng thang *Hòa-can ôn-thận*.

列 方

Liệt các bài thuốc

荔 香 散

Lệ-hương tán

荔枝 五リ 炒焦 小茴 炒五リ

Lệ-hạch 5 đồng, (sao hơi cháy) Tiền-hồi 5 đồng (sao).

Tán bột hòa rượu uống 2 đồng.

川 練 散

Xuyên-luyện tán

木香 一兩 小茴 一兩 川煉 一兩

Mộc-hương 1 lượng, Tiền-hồi, 1 lượng (sao với muối,) Xuyên-luyện 1 lượng, sao với 15 hạt ba-dầu đập rập sao vàng bỏ ba-dầu đi.

Tán bột hòa rượu uống 2 đồng.



烏藥散

Ô - dược tán

小茴炒 烏藥 木香 良姜 青皮炒 (各五リ)

檳榔二枚 川楝十果

Tiêu hồi, Ô-dược, Mộc-hương, Lương-khương, Thanh-bì, (đều 5 đồng) Bình-lang 2 hột, Xuyên-luyện 10 quả

Ba-dầu 70 hột đập rập sao lẫn với Xuyên-luyện thêm ít bột sao đen bỏ ba-dầu với bột đi.

Cùng tán bột hòa rượu nồng 1 đồng.

神應散

Thần - ứng tán

玄胡索 胡椒 小回炒 (各五リ)

Huyền-hồ-sách, Hồ-tiên, Tiêu-hồi (sao) (đều 5 đồng).

Cùng tán bột hòa rượu nồng 2 đồng.

腎氣丸

Thận - khí hoàn

小茴五リ炒 破故五リ炒 吳茱五リ炒

胡蘆巴八リ 木香三リ

Tiêu-hồi 5 đồng, Phá-cổ 5 đồng, Ngô-thù 5 đồng, Hồ-lô-ba 8 đồng, Mộc-hương 3 đồng.

Tán bột luyện hồ viên uống 2 đồng, thang bằng nước muối.

葫蘆巴丸

Hồ - lô - ba hoàn

胡蘆巴一兩半 大戟五リ 川烏五リ

小茴二兩炒 吳茱一兩炒 川楝二兩

Hồ-lô-ba 1 lạng rưỡi, Đại-kích 5 đồng, Xuyên-ô 5 đồng, Tiêu-hồi 2 lạng, Ngô-thù 1 lạng, Xuyên-luyện 2 lạng.

Cùng tán bột luyện hồ viên uống 2 đồng, thang bằng rượu.



沈香桂附丸

Trầm - hương quế phụ hoàn

乾姜炒 良姜炒 沉香 製附 肉桂
小茴炒 吳茱炒 川烏 (各一リ)

Can-khương, Lương-khương, Trầm-hương, Chế-phụ, Nhục-quế, Tiểu-hồi, Ngô-thù, Xuyên-ô (đều 1 đồng).

Tán bột, quấy hồ bằng giấm-thanh luyện làm viên uống 2 đồng.

加味通心飲

Gia - vị thông - tâm ẩm

梔子炒黑 黃芩炒 木通 連翹 川練
瞿麥炒黑 枳壳炒 生草 (各一リ)

Chi-tử, Hoàng-cầm, Mộc-thông, Liên-kiêu, Xuyên luyện, Cồ-mạch, Chi-xác, Sinh-thảo, (đều 1 đồng).

葵子湯

Quỳ - tử thang

生草五分 葵子炒 只實炒 猪苓 赤苓 木通
瞿麥炒黑 黃芩炒 車前炒 滑石 (各一リ)

Sinh-thảo 5 phần, Quỳ-tử, Chỉ-thực, Chư-linh, Xích-linh, Mộc-thông, Cồ-mạch, Hoàng-cầm, Xa-tiên, Hoạt-thạch, (đều 1 đồng).

加味五苓散

Gia - vị ngũ - linh tán

澤左五リ炒 猪苓三リ 茯苓三リ 肉桂一リ
白朮三リ土炒 加 姜活二リ

Trạch-lả 5 đồng, Chư-linh 3 đồng, Phục-linh 3 đồng, Nhục-quế 1 đồng, Bạch-truật 3 đồng. Gia: Khương-hoạt 2 đồng.

Tán bột uống 2 đồng.



蒼朮散

Xương - truật tán

Xương-truật 1 cân (蒼朮一斤)

Thái dày ngâm nước gạo 3 ngày mỗi ngày một lần thay nước, phơi khô rồi chia ra làm sáu phần : 1 phần sao mảy gạo ; 1 phần tẩm rượu sao ; 1 phần tẩm muối sao, 1 phần tẩm nước quả giấm sao ; 1 phần sao với đại-hồi ; 1 phần sao với tiểu-hồi ; cùng tán bột uống 2 đồng chiêu hục rượu.

三層茴香丸

Tam - tầng hồi - hương hoàn

Đại-hồi 1 lạng rưỡi (大茴一兩半) lấy 5 đồng muối cùng sao vàng cháy cân lấy một lạng cả muối lẫn hồi và

川 椒 党 参 姜 炒 木 香 (各一兩)

Xuyên-luyện, Đảng-sâm, Mộc hương (đều 1 lạng), tán bột luyện hồ viên uống 2 đồng mỗi ngày 2 lần thang bằng rượu. Nhược bằng chưa khỏi lại dùng liều thứ hai cũng như bài trước thêm :

藜 蘆 一 兩 兵 榔 五 兩

Tất-bát 1 lạng, Bình-lang 5 đồng.

Tán bột luyện hồ viên phép uống như bài trước.

Nhược bằng chưa khỏi lại dùng liều thứ ba như bài thứ hai lại thêm :

茯 苓 四 兩 製 附 五 兩

Phục-linh 4 lạng, Chế-phụ 5 đồng.

Tán bột luyện hồ viên, phép uống cũng như bài trước hoặc thêm lên 1 ít, bệnh lâu lắm cũng khỏi, rất là thần hiệu.

和肝溫腎

Hòa - can ôn - thận

白朮一兩土炒 白芍二兩炒 當歸二兩 柴胡一兩
梔子一兩炒黑 牡丹一兩炒 獨活一兩 川芎七分
吳茱七分炒 小茴五分炒 橘核七分 烏藥五分



Bạch-truật 1 đồng, Bạch-thược 2 đồng, Đương-quy 2 đồng, Sài-hồ 1 đồng, Chi tử 1 đồng, Mẫu-đơn 1 đồng, Độc-hoạt 1 đồng, Xuyên-khung 7 phân, Ngô-thù 7 phân, Tiểu-hồi 5 phân, Quất-hạch 7 phân, Ô-dược 5 phân.

Noãn-can-tiến ở số 62 Tích-tự

Ngũ-tích-tán ở số 2 THƯƠNG-PHONG.

Đại-phân-thanh, Nhân-trần-âm, Ngũ-linh-tán đều ở số 8 THƯƠNG-THẤP.

Lông-dâm-tả-can ở số 82 MỤC-THỐNG.

Cát-hoa-giải-tĩnh ở số 16 TỬU-QUYẾT.

Lục-vị-hoàn, Bát-vị-hoàn, Bồ-trung-ích-khi đều ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG.

Lý-âm-tiến ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Ngọc-trúc-tán ở số 59 Ế-CÁCH.

Ôn-vị-âm ở số 5 TRÚNG-HÀN.

Bồ-âm-ích-khi ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Lục-vị-hồi-dương ở số 11 HÀN-QUYẾT.

簡易方

Giản dị phương

Muối trắng sào nóng bọc vải mà chườm.

Củ-bánh dấm nhỏ sào nóng bọc vải mà chườm.

Sán khí co gân, khí xung lên ngực hơi tắc gần chết, dùng:

荔枝七枚炒焦 陳皮二リ炒 硫黄一リ製

Lê-hạch 7 hột, Trần-bì 2 đồng, Lưu-hoàng 1 đồng.

Tán bột, nước muối quấy hồ luyện làm viên bằng hột đậu xanh, uống chín viên thang bằng rượu, uống 3 bận thời khỏi.

Sán-khi hạ nang sưng và thiên chùy dùng:

荔枝一リ炒焦 小茴一リ炒 棋榔五リ 益智七リ

梔子一リ炒黑 青皮五リ炒 橘核一リ醋炒

Lê-hạch 1 lạng (sao cháy), Tiểu-hồi 1 lạng (tẩm muối sao),

Bình-lang 5 đồng, Ích-tri 7 đồng, Chi-tử 1 lạng (sao đen),

Thanh-bì 5 đồng (sao), Quất-hạch 1 lạng tẩm giấm-thanh sao).

Tán bột uống 2 đồng thang bằng rượu, muối.



Hựu phương

小茴炒 青皮炒 荔枝炒焦 (各五リ)

Tiêu-hồi, Thanh-bì, Lệ-hạch đều 5 đồng.

Tán bột lấy 1 đồng hòa rượu uống.

Chứng Sán-khí đau quanh rốn xung lên ngực, lấy xơ-mướp sao cháy tán bột uống 2 đồng thang bằng rượu.

Chứng Sán-khí đau rồi lên chạy vào thân-kinh, bỏ dục, dùng Đại-bồi đàm nhỏ sao nóng, chia làm 2 bọc thay đổi mà chườm.

Sán-khí thiên-chuyết eo gân chạy vào bụng, dùng giấy tơ-hồng, vỏ cây xoan 2 thứ bằng nhau đàm nhỏ cho một tí long-não dịt vào.

Sán-khí thiên chuyết đau ở ngoài dẫn vào trong bụng dùng Đại-bồi 1 lạng, Tiêu-hồi 1 lạng.

Tán bột lấy 1 cái bong-bóng lợn đực để vẩy cả nước cho thuốc bột vào buộc chặt lại, nấu bằng rượu cho chín rồi đàm nhỏ luyện làm viên bằng hột đậu, uống 30 viên thang bằng nước sôi, rất hay.

Hạ nang sưng đau dùng lá phủ dung tươi • hoàng-bá đều 3 đồng, hột gấc 1 nhân cùng đàm nhỏ hòa giấm-thanh dịt vào.

Hựu phương

Mã-tiên-thảo. (馬鞭草)

Đàm nhỏ hòa giấm-thanh sao nóng bọc vải mà chườm.

Hựu phương

Lá nhọ - nôi 5 đồng sắc bằng rượu uống.

Hoặc dùng : Hùng-hoàng 5 phân (雄黃五分)

Tán bột hòa nước gừng uống.

Hoặc dùng : Thuyền-thuế 5 đồng (蟬蛻五リ)

Sắc nước rửa.

Hoặc dùng : Bàng-sa 5 đồng (硼砂五リ)

Sắc nước rửa.



Chứng đời-sán nhờn bằng cái dầu dùng :

Ỗ-dĩ 4 lạng, (意 改 四 月 妙) lấy đất vách cũ sao lẫn, rồi bỏ đất đi nấu đờ như cao uống luôn thời khỏi.

Nhược bằng âm-nang to đau lắm dùng :

雄黃 二 兩 白礬 二 兩 生草 一 兩

Hùng-hoàng 2 lạng, Bạch-phèn 2 lạng, Sinh-thảo 1 lạng.

Sắc nước ngâm rửa luôn luôn.

Âm-nang, ngọc-hành cả giang-môn, ngựa gãi không nhìn được, dùng vỏ quả bầu cũ sao cháy tán bột xát vào thời khỏi ; hoặc dùng vỏ ốc đốt ra than 1 lạng, hột chàm đốt ra than 2 đồng, Hàn-thủy-thạch 2 đồng 寒水石 二 兩

Cùng tán bột, bỏ lọ nút chặt, khi dùng lấy 2 đồng hòa 1 phân bằng-phiến với dầu-vừng bôi vào.

房 室

114. — Phòng - thất

Phòng-thất là bệnh phạm-phòng bởi vì dân-ông, dân-bà có bệnh chưa thật khỏi, khí huyết chữa bằng cũ mà đi lại với nhau, dục hỏa động lên hóa ra phạm-phòng. Nhược bằng bệnh phát rữ lắm thời dầu nặng, hoặc cấm khẩu, chân tay co quắp bụng dưới tức đầy mà nóng, hoặc mình cũng nóng, bí tiểu-tiện mê mẩn không tỉnh. Như bệnh phát chậm thời hơi thở ngắn, sức yếu, da vàng, bụng to, ăn ít phải dùng thuốc chữa ngay cho khỏi sinh ra chứng khác.

Một thứ phạm phòng phát rữ lấy một nắm lá chàm, cắt, chuột dực 21 hột, (2 đầu nhọn là chuột dực) sao cháy, sắc nước uống, đồ mồ hôi ra thời khỏi.

Hựu phương

Hoặc rễ rau họ 1 nắm, phân chuột-dực 14 hột sao cháy sắc nước uống đồ mồ-hôi thời khỏi, nếu chưa đồ mồ-hôi lại uống thang nữa.

Một thứ chứng phòng-thất bụng dưới tức đau, thận-nang rút lại, mồ-hôi lạnh, chân tay đều lạnh dùng thang Phụ-tử-lý-trung lại dùng hành củ giã nhỏ sao nóng, lấy 2 cái khăn vải thay đổi bọc hành mà chườm ; lại dùng 21 củ hành giã nhỏ sắc bằng rượu uống.



Một thứ bình phong-thất âm - nang sưng đau, bụng dưới tức đầy, lấy năm củ hành dâm nhỏ hòa giấm-thanh cho uống 1 chén. Hoặc dùng hột cải nghiền nhỏ hòa nước đắp vào rốn.

Một thứ bình phong-thất phát rữ sắp nguy dùng:

梔子 一ツ 炒 黒 葛根 一ツ 生草 五分
南参 一ツ 姜 炒 韭子 五分

Chi-tử 1 đồng, Cát-căn 1 đồng, Sinh-thảo 5 phân, Nam-sâm 1 đồng, Hột-hẹ 5 phân. phân chuột dực (2 đầu non là chuột dực) 10 hột sao cháy sắc nước uống hễ đồ mồ-hôi thời khỏi.

Hoặc dùng lá hẹ Chi-tử, phân chuột dực 3 vị cũng hay.

Một thứ chứng phong chậm phát dùng *Bình-vị-tán*; khí hư dùng *Tứ-quân-tử-thang*; huyết hư dùng *Tứ-vật-thang* đều gia:

五靈脂 二ツ 炒 茵陳 二ツ

Ngũ linh-chi 2 đồng, Nhân-trần 2 đồng.

Hựu phương

Là cối-say 1 lạng sao vàng. bẹ mè cau 5 đồng sao vàng, cùng sắc nước uống.

Phụ-tử-lý-trung ở số 4 TRÚNG-PHONG

Bình-vị-tán ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Tứ-quân-tử ở số 10 CHƯ-HƯ CHỨNG.

Tứ-vật-thang ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

遺 精

115. — Di-tinh

Di-tinh là bình chầy tinh khí ra, lúc ngủ mà chầy ra là mộng-di, lúc thức mà chầy ra gọi là tự-di. Chứng thời không giống nhau mà tổn hại cũng thể bởi vì tư tưởng mà di-tinh, hoặc nhân khó nhọc lo nghĩ mà di-tinh, những người ít tuổi khỏe mạnh thời cũng không sợ, bằng như người yếu đuối mảnh mót mà di tinh thật là tổn thọ.

Chữa bệnh này, tâm hỏa thịnh phải thanh đàng, tương hỏa viêm thời phải bổ thủy, khí hư phải thăng đề, tinh hoạt phải cố sáp mà lại phải dùng bổ ích làm chủ, không nên dùng vị hàn lương thời bại thận nên phải dẫn đó.



Một thứ mộng - di, tự - di bởi tại tinh hoạt-dùng *Linh-truật-thổ-ty-hoàn* và *Tiểu-thổ-ty-hoàn*.

Một thứ tâm hỏa thịnh mà di-tinh dùng *Nhị-âm-liên* hoặc *Thiên-vương-bồ-lâm-đan*.

Một thứ tương hỏa động mà di-tinh bởi can thận đa nhiệt dùng *Cổ-tinh-hoàn*, *Tứ-âm-bát-vị-hoàn*.

Một thứ lo nghĩ hoặc khó nhọc mà di-tinh dùng *Quy-tỳ-thang* khứ Mộc-hương, gia Ngũ-vị 7 hột. Hoặc dùng bài *Bí-nguyên-liên*.

Một thứ tiên thiên bất túc bẩm sinh yếu đuối nguyên dương bất cố, thường nhiều di-tinh dùng *Tả-quy-hoàn*, *Hữu-quy-hoàn*, *Lục-vị-hoàn*, *Bát-vị-hoàn* đều gia Phá-cổ 1 đồng.

Một thứ nhân thấp nhiệt có phục hỏa mà di-tinh dùng *Tứ-linh-tán*, *Tiểu-phân-thanh-âm*; nóng nhiều dùng *Đại-phân-thanh*.

Một thứ uống nhiều thuốc lạnh cho nên dương khí bất cố mà di-tinh dùng *Ngũ-quân-tử-tiên*, *Gia-cứu-tử-hoàn*.

列 方

Liệt các bài thuốc

苓朮兔絲丸

Linh-truật-thổ-ty-hoàn

| | | |
|---------|-------|------|
| 白朮二兩土炒 | 蓮肉二兩炒 | 茯苓二兩 |
| 淮山一兩半炒 | 五味二兩炒 | 炙草三兩 |
| 杜仲一兩半鹽炒 | 兔絲五兩製 | |

Bạch-truật 2 lạng, Liên-nhục 2 lạng, Phục linh 2 lạng, Hoài-sơn 1 lạng rưỡi, Ngũ-vị 2 đồng, Chích-thảo 3 đồng, Đỗ-trọng 1 lạng rưỡi, Thổ-ty 5 lạng

Cùng tán bột quấy hồ hoài sơn luyện làm viên uống 3 đồng thang bằng nước chè



小 兜 絲 丸

Tiểu thỏ - ty hoàn

兜絲五兩製 石蓮肉二兩炒 茯苓三兩
淮山三兩炒

Thỏ-ty 5 lạng chế, Thạch-liên-nhục 2 lạng, Phục-linh 3 lạng,
Hoài-sơn 3 lạng.

Tán bột, quấy hồ hoài-sơn luyện làm viên uống 2 đồng
thang nước chè.

固 精 丸

Cố - tinh hoàn

牡蠣煨 龍骨煨 蓮須 芡寔炒 山茱炒 蓬志製
茯苓 (各三兩) 知母一兩 黃柏一兩炙

Mẫu-lê, Long-cốt, Liên-tu, Khiêm-thực, Sơn-thú, Viễn-chí,
Phục-linh (đều 3 đồng), Tri mẫu 1 lạng, Hoàng-bá 1 lạng.

Tán bột, quấy hồ hoài-sơn luyện làm viên uống 2 đồng.

秘 元 煎

Bí - nguyên tiên

黨參三兩姜炒 淮山二兩炒 芡實二兩炒
棗仁二兩炒黑 茯苓一兩半 蓬志五分製
白朮一兩半土炒 五味十粒炒 炙草一兩
金櫻二兩

Đảng sâm 3 đồng, Hoài-sơn 2 đồng, Khiêm-thực 2 đồng,
Táo nhân 2 đồng, Phục-linh 1 đồng rưỡi, Viễn-chí 5 phân,
Bạch-truật 1 đồng rưỡi, Ngũ-vị 10 hạt, Chỉ thảo 1 đồng,
Kim-anh 2 đồng. Sắc uống.

家 韭 子 丸

Gia cửu - tử hoàn

韭子三兩炒 鹿茸一兩炙 巴戟二兩
肉蓯蓉二兩製 兜絲三兩製 熟地六兩



杜仲二月盞炒

續斷一月炒

當歸二月

桂心五リ

乾姜五リ炒

Cử tử 3 lạng, Lộc-nhung 1 lạng, Ba-kích 2 lạng, Nhục-thong-dong 2 lạng, Thổ-ty 3 lạng, Thục-diệp 6 lạng, Đỗ-trọng 2 lạng, Tục-đoạn 1 lạng, Đương-quy 2 lạng, Quế-tâm 5 đồng, Can-khương 5 đồng.

Tán bột luyện hồ viên uống 2 đồng.

Nhị-âm-tiên, Thiên-vương-bồ-tâm đan, Tả-quy-hoàn, Ngũ-quân-tử, Hữu-quy-hoàn đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Tư-âm-bát-vị ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Quy-tỷ-thang, Lục-vị-hoàn, Bát-vị-hoàn, đều ở số 10 CHƯ-HỮU-CHUNG.

Tứ-linh-tán, Tiểu-phân-thanh, Đại-phân-thanh đều ở số 8 THƯƠNG-THẤP.

驗 方

Nghiệm phương

加 減 地 黃 丸

Gia - giảm địa - hoàng hoàn

淮山四月炒 山茱二月炒 熟地八月 連須一月

牡丹二月炒 芡實二月炒 魚鱉四月 茯苓二月

Hoài-sơn 4 lạng, Sơn-thù 2 lạng, Thục-diệp 8 lạng, Liên-tu 1 lạng, Mẫu-dơn 2 lạng, Khiếm-thực 2 lạng, Ngư phiêu 4 lạng, Phục-linh 2 lạng.

Tán bột luyện mật viên uống 3 đồng.

益 腎 湯

Ích - thận thang

白芍二リ炒 熟地一月 茯苓二リ 生薑仁五リ

山茱二リ炒 當歸二リ 茯神二リ 五味三分炒

白芥子一リ炒 肉桂三分 黃連三分 白朮五リ土炒



Bạch-thược 2 đồng, Thục-diệp 1 lượng, Phục-linh 2 đồng, Tảo-nhân sống 5 đồng, Sơn-thù 2 đồng, Dương-quy 2 đồng, Phục-thần 2 đồng, Ngũ-vị 3 phân, Bạch-giới-tử 1 đồng, Nhục-quế 3 phân, Hoàng-liên 3 phân, Bạch-truật 5 đồng.

Uống 1 thang thời chỉ. Uống 10 thang thời triệt căn.

保 精 湯

Bảo - tinh thang

聚仁二リ炒黒 芡寔一月炒 淮山一月炒
党参一リ姜炒 蓮肉五リ炒 茯苓二リ

Tảo-nhân 2 đồng, Khiếm thực 1 lượng, Hoài-sơn 1 lượng, Đảng-sâm 1 đồng, Liên-nhục 5 đồng, Phục-thần 2 đồng.

Sắc 1 nước uống rồi thêm đường trắng 5 đồng nấu ăn cả bã. Mỗi ngày một thang, 10 ngày thật khỏi hẳn.

白 濁

116. — Bạch-trọc

Chứng bạch-trọc là nước tiểu như hồ loãng, hoặc như nước cơm, ở tinh cung khí quản theo lẫn với nước tiểu mà ra, như có dải-huyết hơi đỏ gọi là Xích-trọc. Xích-trọc ở tâm kinh mà ra, bởi có sự lo nghĩ. Bạch-trọc ở thận kinh mà ra bởi tại sự dâm-dục, như mà trọc cũng là tinh không có đặc lắm. Trị chứng bạch-trọc nên tham với chứng di-tinh mà dùng thuốc.

Một thứ bạch-trọc đi tiểu không đau; trong thùng tiểu lắng xuống như keo dùng bài *Bì-nguyên-tiên*, bài *Thỏ-tỳ-tiên*, hoặc như khi hàn ngưng trệ mà không khỏi dùng bài *Tỳ-giải-phân-thanh-âm*.

Một thứ xích-trọc đi tiểu có đau ắt nhân Lỏa động dùng bài *Đại-phân-thanh-âm*, hoặc bài *Trừu-lân-âm-gia*:

Xuyên-hoàng-liên 1 đồng (川 黄 連 一 リ) Khử Hoàng-bà (去 黄 伯)



兜絲煎

Thỏ - ty tiên

梔仁 一リ半 炒 黑

兜絲 四リ 製

依山 二リ 炒

兌參 三リ 姜 炒

當歸 一リ半

茯苓 一リ半

遠志 四分 炒

炙草 一リ

Tảo-nhân 1 đồng rưỡi, Thỏ-ty 4 đồng, Hoài-sơn 2 đồng, Đảng-sâm 3 đồng, Đương-quy 1 đồng rưỡi, Phục-linh 1 đồng rưỡi, Viễn-chi 4 phân, Chích-thảo 1 đồng.

Sắc nước uống, mỗi bận uống thêm Lộc-dác-xương tán bột 2 thìa.

萆薢分清飲

Tỳ - giải phân - thanh âm

川萆薢

益志仁

石菖蒲

烏藥

(各二リ)

Xuyên-tỳ-giải, Ích-tri-nhân, Thạch-xương-bồ, Ô-đước (đều 2 đồng).

Bí nguyên-tiên ở số 115 DI-TINH.

Đại-phân-thanh ở số 8 THƯƠNG-THẤP.

Trừu-tân-âm ở số 3 THƯƠNG-HÀN

溺白

117. — Niệu - bạch

(là nước tiểu trắng)

Một thứ nước tiểu trắng như vôi ở bàng-quang niệu-quản mà ra hoặc có đau buốt là bệnh nhiệt thời phải có hỏa chứng, hỏa mạch mới thực là nhiệt; nhược bằng đi tiểu xong rồi mới phóng ra một tí phần trắng không đau đờn gì là chứng hư hàn phải dùng thuốc nóng.

Một thứ nước tiểu đỏ như nước nâu đi ít mà đau phải có nhiệt chứng, nhiệt mạch mới thực là nhiệt. Nhược bằng đương có bệnh mà thấy nước tiểu đỏ ít như không đau đờn, xét xem không có nhiệt chứng, nhiệt mạch là bệnh hư hàn phải dùng thuốc ôn bổ.



Một thứ tiểu-tiên hoặc đỏ hoặc trắng nhân chứng nhiệt
• dùng bài *Lục-đậu-âm* rất hay; hoặc bài *Lục-nhất-tán*, bài
Đạo-xích-tán, bài *Đại-phân-thanh-âm*.

Một thứ nước tiểu hoặc trắng hoặc đỏ nhân bình hàn dùng
bài *Ngũ-linh-tán* hoặc bài *Kim-quỹ-thận-khí-hoàn*.

綠豆飲

Lục - đậu âm

Nấu đậu-xanh mà ăn.

導赤散

Đạo - xích tán

麥門三リ炒 生地三リ 木通一リ 導前一リ半炒
赤苓一リ半 生草五分 竹葉十片

Mạch-môn 3 đồng, Sinh-địa 3 đồng, Mộc-thông 1 đồng, Xa-
tiền 1 đồng rưỡi, Xích-linh 1 đồng rưỡi, Sinh-thảo 5 phân,
Trúc-diệp 10 lá

Lục-nhất-tán ở số 102 *Phúc-thống*.

Đại-phân-thanh, Ngũ-linh-tán đều ở số 8 *Thương-thấp*.

Kim-quỹ-thận-khí ở số 63 *Thủy-sùng*.

淋病

118. — Lâm - bệnh

Lâm bệnh là đi tiểu buốt, một điềm một giọt, rí-rỉ không
dứt, đau khổ khó chịu, muốn đi không đi, muốn thôi không
thôi. Chứng này có năm thứ:

1° Khí-lâm đi tiểu ít mà đau đi rồi lại còn sót vài giọt

2° Huyết-lâm ngọ nóng thời phát nước tiểu có giọt máu,
tia máu, đau lắm tời ra nhiều máu, xem thấy biến sắc vàng
ở đầu mũi thời biết đi tiểu khó.

3° Xa-lâm thời nước tiểu có cát hoặc có đá. Nghe ở trong
mình cung mệnh-môn có lửa phun xuống bàng quang nước
tiểu khó lại hóa ra đá

4° Cao-lâm nước tiểu như dầu như mỡ.



5*) Lão-lâm như có lao lực hoặc phòng sự thời phát đau dẫn vào bụng dưới, nước tiểu trắng như vôi. Những các chứng ấy bởi vì tích nhiệt hoặc ăn những vị nóng, uống rượu; nhập phòng uất kết thành bịnh. Phép chữa chứng này khi mới phải đều thuộc nhiệt, bằng đã lâu thời hoặc có hàn phải xem mạch cùng chứng mà chữa mới khỏi nhâm.

Một thứ bịnh lâm mới phải bởi vì tích nhiệt dùng bài *Bát-chính-tán* hoặc bài *Đại-phân-thanh* gia *Hồ-phách*, *Đẳng-tâm*.

Một thứ bởi can-kinh thấp nhiệt ngọc-bánh, âm nang đau gần dùng *Long-đảm-lả-can-thang*. Nhược bằng tỷ phế táo nhiệt hoặc có ho đờm mà đi tiểu đau dùng *Hoàng-cầm-thanh-phế-thang*. Nhược bằng lao lực mà đi tiểu đau là thuộc tỷ hư dùng *Bổ-trung-ích-khi-thang* gia *Hoài-sơn* 3 đồng, *Ngũ-vị* 7 hột.

Nược bằng bàng-quang kết nhiệt uống thuốc bổ lại đau hơn dùng bài *Ngũ-lâm tán*. Nhược bằng thận hư âm nuy lại kêm đau lưng dùng bài *Tư-thận-hoàn* hoặc bài *Lục-vị-hoàn* gia *Xa-tiền*, *Ngưu-tất* (đều 2 đồng).

Nược bằng thận kinh dương hư mà sợ lạnh dùng bài *Lý-âm-tiền*, bài *Hữu quy âm* hoặc bài *Kim-quỹ-thận-khi-hoàn*.

列 方

Liệt các bài thuốc

黃 芩 清 肺 湯

Hoàng - cầm thanh phế thang

梔 子 二 升 炒 黑

黃 芩 一 升 炒

Chi-tử 2 đồng, Hoàng-cầm 1 đồng.

Nược bằng chưa được khoan khoái gia đậu xị muối 20 hột.

滋 腎 酒

Tư-thận hoàn

黃 伯 一 兩 炙

知 母 一 兩

肉 桂 一 升

Hoàng-bá 1 lượng, Tri-mẫu 1 lượng, Nhục-quế 1 đồng.

Tán bột luyện hồ viên uống 2 đồng.



Bát-chính-tán, Ngũ-lâm-tán đều ở số 40 NIỆU-HUYẾT.

Đại-phân-thanh ở số 3 THƯƠNG-THẤP

Long-đảm-tả-can-thang ở số 82 MỤC-THỐNG.

Bồ-trung ích-khi, Lục vị-hoàn, Hửu-quy-âm đều ở số 10

CHƯ-HƯ-CHỨNG.

Lý-âm-tiên ở số 3 THƯƠNG HÀN.

Kim-quỹ-thập-khi ở số 63 THỦY-SŨNG.

驗 方

Nghiệm phương

Chứng Lao-lâm dùng bài :

玉鎖丹

Ngọc tỏa đan

五倍八兩 茯苓二兩 龍骨一兩 煨

Ngũ-bội 8 lạng, Phục-linh 2 lạng, Long-cốt 1 lạng

Tán bột luyện hồ viên thang bằng nước muối uống 2 đồng

牛必湯

Ngưu tất thang

牛必一兩 乳香一兩 炒

Ngưu-tất 1 lạng, Nhũ-hương 1 đồng

Sắc nước uống thêm chén rượu trị cả bệnh huyết lâm.

Chứng Khi-lâm dùng: ngọn cây mía sắc nước uống thêm chén rượu

Chứng Nhiệt-lâm dùng bài :

Lục-nhất-tán ở số 102 PHÚC-THỐNG.

Chứng Huyết-lâm dùng

Đạm đậu-xị 5 đồng.

淡豆豉五兩

Sắc nước uống rất hay.

Hoặc dùng tóc rối đốt ra than hòa với nước ngô-sen uống.
Hoặc dùng hột binh-lang nhón dầu sắc nước hòa mật ong uống.

Chứng Thạch-lâm dùng :

Ngân-tiên 1 lạng (銀硝一兩)

Bỏ vào nồi rang lót giấy dười sao cháy giấy mới được tán bột dùng 2 đồng. Gia :

Hoạt-thạch 2 đồng (滑石二兩) hòa nước sôi uống rất hay.

五淋通治

Ngũ lâm thông trị

Ngân-tiên 1 đồng (銀硝一兩)

Sao, tán bột thang Mộc-thông.

Hoặc dùng Thiên-môn, đàm lấy nước nửa chén uống khỏi ngay

遺溺

119. — Di-niệu

Di-niệu là vãi dái. Khi dái ra mà không biết, trách tại quả tim u-mê. Dái ra mà không nhận được, trách tại thận kinh bất cố, khi ngủ mà dái rầm, trẻ con thường nhiều.

Năng đi mà ít là nhiệt, đi luôn mà nhiều là hàn.

Chữa bệnh này phải xét các tạng mà dùng thuốc chỉ chủ ở phế, thận 2 kinh.

Một thứ dái mà không biết dùng bài Cổ-phao-hoàn, trách ở tâm kinh vì bằng người ấy có bệnh phải theo bệnh ấy mà chữa, kiêm dùng thuốc trị tâm kinh như là các vị này :

棗仁 遠志 昌蒲 黃連

Táo-nhân, viễn-chí, Xương-bồ, Hoàng-liên.

Một thứ vãi dái không giữ được hoặc đi nhiều quá phải trách ở thận kinh dùng bài Lục-vị-hoàn (khử Trạch-là gia :

益智一兩 破故一兩 砂 五味十粒 炒

Ich-chí 1 đồng, Phá-cố 1 đồng, Ngũ-vị 10 hột



Như hỏa hư sợ lạnh gia :

肉桂五分 附子製五分

Nhục-quế 5 phân, Phụ tử chế 5 phân.

Hoặc dùng bài *Gia cửu-tử-hoàn*, bài *Củng đề-hoàn*.

Một thứ dương ngũ vĩ dài là hạ tiêu hư hàn, khí không cầm ngăn được dùng bài *Ngũ-tử hoàn*, bài *Súc-toàn-hoàn*

Một thứ nhân khiếp sợ mà vĩ dài là tâm khí bất túc liên cấp can thận dùng bài *Đại-bổ-nguyên-tiên*, bài *Thất-phúc-âm*.

Một thứ tý phế khí hư không nhận được mà vĩ dài dùng bài *Bổ-trung-ích-khí-thang* Gia :

淮山三リ炒 五味十粒炒

Hoài-sơn 3 đồng, Ngũ-vị 10 hột.

列方

Liệt các bài thuốc

固脬丸

Cố - phao hoàn

兒絲三兩製 小茴五リ炒 製附五リ
桑螵蛸五リ 戎鹽一リ

Thỏ-ty 3 lạng, Tiểu-hồi 5 đồng, Chế-phụ 5 đồng, Tang-phiêu-tiêu 5 đồng, Nhung-diêm 1 đồng.

Tán bột quấy hồ bằng rượu luyện làm viên uống 1 đồng.

鞏隄丸

Củng - đề hoàn

白朮二兩土炒 熟地四兩 益智一兩
兒絲二兩製 茯苓一兩 製附三リ
破故一兩炒 韭子一兩炒 五味二リ

Bạc - truật 2 lạng, Thục-địa 4 lạng, Ích-trí 1 lạng, Thỏ-ty 2 lạng, Phục-linh 1 lạng, Chế-phụ 3 đồng, Phá-cổ 1 lạng, Cửu-tử 1 lạng, Ngũ-vị 2 đồng.

Tán bột luyện hồ viên uống 2 đồng.



五子丸

Ngũ-tử hoàn

兒蘇二兩製

韭子五兩炒

益智五兩

蛇床五兩炒

小茴五兩炒

Thỏ-ty 2 lạng, Cửu-tử 5 đồng, ích-tri 5 đồng, Sà-sàng 5 đồng, Tiểu-hồi 5 đồng, .

Tán bột luyện hồ viên uống 1 đồng thang bằng nước muối

縮泉丸

Súc - toàn hoàn

烏藥二兩

益智一兩

Ô-dược 2 lạng, Ích-tri 1 lạng.

Tán bột luyện hồ viên uống 2 đồng.

Gia cửu-tử hoàn ở số 115 DI-TINH.

Lục-vị-hoàn, Bồ-trung-ích-khí đều ở số 10 CHƯ-HỮ-CHUNG

Đại-bồ-nguyên, Thất-phúc-âm đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

簡易方

Giản dị phương

益智廿四粒

Ích-tri 24 hạt. Sắc nước uống thêm tí muối.

Hoặc dùng :

萹藤四兩

Tỳ-giải 4 lạng, Sắc nước uống thay chè.

Hoặc dùng :

胡桃三个

Hồ-đào 3 quả, lúc đi ngủ sẽ ăn.

Hoặc dùng :

萹藤二兩

Tỳ-giải 2 lạng, sao với muối, bỏ muối đi rồi tán bột uống 2 đồng,

Hoặc dùng :

Bong-bóng dê, hoặc bong-bóng lợn, luộc chín mà ăn.



癃 閉

120. — Long-bê

Long-bê là bí tiểu-tiên, hoặc nhân lửa nóng kết tụ mà không thông, hoặc nhân tinh huyết ủng tắc mà không thông, hoặc nhân khí thực, hoặc khí hư. Chữa bệnh này phải phân các thứ mà dùng thuốc thời mới chóng khỏi.

Một thứ nhiệt kết bàng-quang, hoặc tinh huyết ngăn lấp mà tiểu thủy không thông, phải xét có hỏa chung, hỏa mạch hoặc ngọc-hành đau buốt mới thực là nhiệt, dùng bài *Lục-đậu-âm*, bài *Ngọc-toàn-tán*, bài *Lục-nhất-tán*, hoặc bài *Đại-phân-thanh-âm*.

Một thứ khí thực mà ngăn lấp tiểu-tiên không thông. Nhược bằng dận dữ uất kết, can kinh, khí nghịch nên hành khí, phá khí, dùng bài *Tứ-linh-tán* gia :

香附一リ 炒 枳壳一リ 炒 烏藥一リ 洗香三分
Hương-phụ 1 đồng, Chi-xác 1 đồng, Ô-đước 1 đồng, Trầm-bương 3 phân.

Nhược bằng khí hãm ở dưới mà bí tiểu-tiên dùng bài *Bổ-trung-ích-khí* như lực thuốc chưa đến phải móc tay vào cổ cho thổ ra đem khí lên thời nước mới xuống được. Nhược bằng khí bế, khí nghịch dùng bài *Đại-phân-thanh*, uống rồi móc cổ cho thổ ra, nhược bằng huyết hư dùng thang *Tứ-vật*, uống rồi lại móc cổ cho thổ ra, nhược bằng đàm khí, trệ nghịch dùng thang *Nhị-trán*, uống rồi móc cổ cho thổ ra. Như thế là có thang thời mới giáng, trên thông thời dưới cũng thoát là lẽ thế vậy.

Một thứ khí hư mà tiểu-tiên bế bởi vì nhiều sự chác lảng hoặc già yếu, khí kiệt mà không hóa được rất là chứng nguy, như thủy suy dùng bài *Lục-vị-hoán*, bài *Tả-quy-âm*, đều gia :

車前二リ 炒 牛必二リ

Xa-tiên 2 đồng, Ngưu-tất 2 đồng.

Như hỏa hư dùng bài *Kim-quỹ-thận-khí-hoán*, hoặc bài *Hữu-quy-âm* gia :

車前二リ 炒 牛必二リ

Xa-tiên 2 đồng, Ngưu-tất 2 đồng.

Vì bằng bầm sinh trong tạng phủ nóng không ra thuốc ôn

bồ, thủy suy thời dùng bài *Hóa-âm-liên*, hỏa hư dùng bài *Tư-thận-hoàn*.

Phạm chứng đại, tiểu đều bị cả trước phải thông đại-tiểu rồi tiểu-tiến cũng thông, dùng bài *Bát-chính-tán*.

Một thứ đản-bà có mang vì thái khí dè xuống mà tiểu-tiến không thông, dùng thang *Bồ-trung* để nung lên.

列 方

Liệt các bài thuốc

Lục đầu-âm ở số 117 NIỆU-BẠCH.

Ngọc-toàn-tán ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Lục nhất tán ở số 102 PHÚC-THỐNG

Đại phân-thanh, Tứ-linh-tán đều ở số 8 THƯƠNG-THẤP

Bồ trung-ích khí, Lục-vị-hoàn, Tả-quy âm, Hữu-quy-âm đều ở số 10 CHƯ-HƯ CHƯNG-BIỆN.

Kim quý-thận-khí ở số 63 THỦY-SƯNG

Tư-thận-hoàn ở số 118 LÂM BÌNH.

Bát-chính-tán ở số 40 NIỆC-HUYẾT.

Nhị trần thang ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

化 陰 煎

Hóa-âm tiên

生地ニリ 熟地ニリ 澤左ニリ炒 黃伯ニリ炙
牛 必ニリ 猪苓ニリ 龍胆一リ半 車前一リ炒
知母ニリ 絲豆三リ

Sinh-dịa 2 đồng, Thục-dịa 2 đồng, Trạch-tả 2 đồng, Hoàng-bá 2 đồng, Ngưu-tất 2 đồng, Chư-linh 2 đồng, Long-dảm 1 đồng rưỡi, Xa-tiên 1 đồng, Tri-mẫu 2 đồng, Lục-đậu 3 đồng

Thông niệu bế pháp

Dùng bong-bóng lợn bỏ nước đi, lấy xe điều thời phồng lên, buộc lại, dùng cuống lông-ngỗng 1 đầu cắm vào cái bong-bóng, 1 đầu cắm vào chỗ đi tiểu rồi cỡi buộc ra lấy tay bóp cho hơi thông vào thời tiểu-tiến thông ngay.

(Đản-ông dùng cuống lông-ngỗng, Đản-bà dùng ống-sậy).

Một thứ phép thông, tinh huyết kết lại, ngắt, lấp đường đi tiểu, bảo người bệnh nằm ngửa dùng cuống lòng-ngỗng cắm vào mã-khẩu, lấy thủy-ngân 1, 2 đồng dần dần giót vào lấy tay vuốt xuống thời chỗ ngắt lấp phải thông, nước tiểu ra được, thủy-ngân cũng theo ra.

Một thứ phép ngâm rửa thông tiểu-tiện dùng Táo-dắc bồ-kếp), Thông-bạch (hành-khô), Vương-bất-lưu-hành đều 3 lượng.

Sắc 1 nồi đồ ra chậu lớn, khiến người bệnh ngồi vào mà ngâm và lấy tay rửa, một chốc thời tiểu-tiện thông. Nhược bằng đàn-bà lấy mấy củ-hành lấp âm-hộ lại rồi ngâm rửa càng chóng thông.

Lấy tia-tô sắc 1 nồi ngồi lên trên mà xông. Lại lấy muối sao ấp vào rốn buộc chặt lại.

Một thứ bí tiểu tiện các thứ thuốc không khỏi dùng rễ cây cúc-trắng đâm nhỏ hòa rượu lọc bỏ bã rồi uống 1 chén. Nhược bằng không có rễ cây cúc nhỏ trắng dùng rễ cúc nào cũng được.

Hựu phương

Cam-toại 1 đồng. (甘遂 一 分)

Tán bột hòa nước bói dưới rốn 1 tấc, lại lấy cam-thảo 3 đồng sắc nước uống. Một chốc 2 thứ thuốc gặp nhau thời tiểu tiện thông.

Hựu phương

(Thần mộng)

Bắt con giế 3, 4 con sao cháy tán bột hòa rượu uống

Hựu phương

La Xa-tiên đâm vắt lấy 1 chén nước hòa tí mật-ong uống hoặc thêm nước bí đao, nước lá dâu đều là hay cả.



秘 結

121. — Bí - kết

Bí kết là đại-tiện không thông bí kết lại, hoặc nhân lửa nóng mà tân-dịch khô kiệt, hoặc nhân tửu sắc mà tinh huyết khô ráo, hoặc nhân ăn uống vị nóng, hoặc nhân thời tiết táo bỏa; chứng này đều rằng nhiệt kết, nhưng mà cũng có hàn ngưng. Phép chữa phải phân âm dương hư thực mà dùng thuốc.

Một thứ dương kết là bạo bệnh bí kết hoặc nhân lửa nóng, những người mạnh khỏe phải có nhiệt chứng nhiệt mạch mới thực là bệnh dương kết. Lửa nóng lắm dùng: *Đại-thừa-khi-thang* hoặc bài *Bách-thuận-hoàn*; bằng như kết ít nóng vừa dùng bài *Thanh-lương-âm-tử*, bài *Nguyên-nhung-tứ-vật-thang*. Nhược bằng hỏa thịnh quá không giải ra được dùng bài *Lương-cách-tán* bài *Đại-hoàng-tiểu-thạch-thang*.

Bằng như hỏa thịnh thủy suy âm hư mà đại-tiện táo dùng bài *Tư-âm-bát-vị-hoàn*, bài *Đan-kê-bổ-âm-hoàn*.

Một thứ chứng âm kết, là dần dần bí kết, là chứng thuộc hư, hoặc là yếu đuối, yếu nóng sợ lạnh, lại xét không có hỏa chứng, hỏa mạch mới thực là âm kết phải phân làm hai mà chữa.

Một là âm thủy suy thời tinh huyết khô ráo mà bế kết dùng bài *Lục-vị-hoàn*, bài *Tả-quy-âm* đều gia: *Thong-dong* 2 đồng, *Ngưu-tất* 2 đồng.

Một là âm trung dương hư, thì dương khí không hành, không truyền tống lực, hóa ra ngưng kết dùng bài *Hữu-quy-âm*, bài *Bát-vị-hoàn* đều gia: *Thong-dong*, *Ngưu-tất*.

Một thứ đại tiện không táo kết mà ba bốn hôm không đi hoặc có đi mà ít cũng không khô rắn ấy là xấp tràng không có thông hoạt bởi vì nhân sự thất tình nhọc mệt hóa ra thể xem tý hư dùng bài *Lý-trung-thang*, bài *Quy-tỳ-thang*; thận hư dùng bài *Lý-âm-tiên*, bài *Đại-bổ-nguyên-tiên*.

Một thứ người già mà đại tiện táo kết nhiều, về phần âm hư, huyết ráo dùng bài *Đạo-trệ-thông-u-thang*, bài *Chỉ-cao* rất thần hiệu.

Một thứ những người yếu đuối, nguyên khí hư nhược, hoặc mới ốm khỏi, dẫu 10 hôm không đi ngoài cũng không sao, bằng như có tức tối khó chịu dùng bài *Tế-xuyên-tiên* mới được.



列 方

Liệt các bài thuốc

清 凉 飲 子

Thanh-lương-ẩm-tử

川大黃煨 當歸 白芍炒 甘艸 (各一リ半)

Xuyên-dại-hoàng, Đương-quy, Bạch-thược, Cam-thảo (đều 1 đồng rưỡi)

元 戎 四 物 湯

Nguyên nhung tứ-vật thang

熟地 川大黃煨 川芎 白芍炒 當歸
桃仁 (各一リ半)

Thục-dịa, Xuyên-dại-hoàng, Xuyên-khung, Bạch-thược, Đương-quy, Đào-nhân, (đều 1 đồng rưỡi).

大 黃 硝 石 湯

Đại-hoàng-tiêu-thạch thang

川大黃三リ煨 芒硝三リ 黃伯三リ炙
梔子二リ炒黑

Xuyên-dại-hoàng 3 đồng, Mang-tiêu 3 đồng, Hoàng-bá 3 đồng, Chi-tử 2 đồng.

導 滯 通 幽 湯

Đạo trệ thông u thang

熟地五リ 當歸三リ 生地二リ 升麻一リ
炙草五分 紅花五分 桃仁十五粒

Thục-dịa 5 đồng Đương-quy 3 đồng, Sinh địa 2 đồng, Thăng-ma 1 đồng, Chích-thảo 5 phân, Hồng-hoa 5 phân, Đào-nhân 15 hạt.



濟川煎

Tễ-xuyên-tiên

澤左一リ炒 當歸五リ 從蓉三リ
枳壳七分炒 牛必二リ 升麻一リ
Trạch-tả 1 đồng, Đương-quy 5 đồng, Thông dong 3 đồng,
Chỉ-xác 7 phân, Ngưu-tất 2 đồng, Thăng-ma 1 đồng, Sắc uống

Đại-thừa-khi, Tư-âm bát-vị-hoàn Lý-âm-tiên đều ở số 3
THƯƠNG-HÀN.

Bách-thuận-hoàn ở số 102 PHỤC-THỐNG.

Đan-khê-bồ-âm ở số 110 TỨC-NUY.

Lục-vị-hoàn, Tả-quy-âm, Bát-vị-hoàn, Hưu-quy-âm, Quy
tý-thang đều ở số 10 CHƯ-HƯ CHỨNG-BIỆN.

Đại-bồ-nguyên Lý-trung-thang đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Chỉ-cao ở số 9 TÁO-CHỨNG.

簡易方

Giản dị phương

Tô-tử, (蘇子) Chi-ma (芝麻) đều rửa lẹ nghiền nhỏ,
cho nước vào lại nghiền lại rồi lọc lấy 1 chén nước đặc
nấu cháo ăn.

Hựu phương

苦楝子八分 穿山甲八分炙 小茴八分炒
黑丑一リ半炒

Khô luyện-tử 8 phân, Xuyên-sơn-giáp 8 phân, Tiểu-hồi 8
phân, Hắc-sửu 1 đồng rưỡi.

Sao với muối. Cùng sắc nước uống.

Phép thông đại-tiện: lấy 1 cái mật-lợn bòa ít giấm thanh
cho vào trong cốc-dạo.

— Hoặc dùng bồ-kếp đốt cháy tán bột hòa dầu vừng dùng cái
vật mềm chấm dầu thông vào cốc-dạo.



Lại có một chứng đại-tiện bề, các thứ thuốc không hiệu dùng thông khoan cũng chẳng hiệu, uống thuốc hạ thời bụng dục lên, phải dùng Thủy-ngân 1 lạng hoặc 5 đồng cho uống ẩm ngồi lên thời thông ngay được cũng giống như phép thông tiểu-tiện thực là diệu lắm.

泄 瀉

122. — Tiết - tả

(là bệnh đi tả)

Nội-kinh gọi là san-tiết, nhu-tiết.

Các sách có chia làm 8 chứng: gọi là thấp, đàm, hàn hỏa, khí uất, thực-tích, tý-tiết, thận-tiết. Nhưng mà ngoài nhân mưa nắng, trong nhân ăn uống vật sống lạnh, hóa ra đi tả thì nhiều hơn, bởi vì tý hư, không vận hóa được, ruột-non không lắng ra trong, dục mà nước dồn về đại-tràng. Chữa bệnh này xét xem hàn, nhiệt thể nào mà phải cho lợi tiểu-tiện làm chủ.

Một thứ nhân lạnh mà đau bụng đi tả, hẳn có ăn uống vật sống lạnh hoặc nhân mưa ướt, mạch thời trầm tế chạy không khỏe, nói năng tiếng nhỏ, mỗi một tiếng lười, yêu nóng, ghét lạnh thực là chứng hàn dùng bài Ngũ-linh-tán, bài Vị-linh-thang, như có đau bụng đều phải gia các vị này:

砂仁炒 霍香 木香 白豆蔻 香附炒
乾姜炒 (各一り)

Xa-nhân, - Hoắc-hương, Mộc-hương, Bạch-dậu-khẩn, Hương-phụ, Can-khương (đều 1 đồng).

Nhược bằng hàn trệ mà đau bụng lắm dùng bài Ưc-phù-tiên, bài Ôn-vị-âm.

Một thứ nhân nóng mà đi tả hoặc có đau bụng từng cơn, đau như xiên vào, hẳn trong có uất hỏa hoặc có khí nghịch, thực trệ, mạch thời cường vượng, tiếng nói khỏe mạnh, muốn lạnh ghét nóng, thực là chứng nhiệt tả dùng bài Đại-phân-thanh-âm, bài Tử-linh-tán, như có khát nước dùng bài Ích-nguyên-tán, bài Nhân-trần-âm, hoặc như đi tả như giọt nước, khí xung ngược lên dùng thang Bài-khi-âm.



Một thứ tý hư tiết tả bình ở trung-tiêu, tý khí hư nhược vận hóa không mạnh, như không kiêng khem hóa ra tiết tả hoặc lâu không khỏi dùng bài Ôn-vị-âm (khứ Đương-quy), hoặc dùng bài Dương-trung-tiến, bài Ngũ-quân-tứ. Nhược bằng tý khí hư hàn lắm dùng bài Truật-phụ-thang, bài Tứ-vị-hồi-dương.

Một thứ thận hư mà tiết tả, bình ở hạ-tiêu, bởi là âm hư; dưới rốn thường đau âm ỷ hoặc sớm ngày đi tả vài bận, hoặc ăn không tiêu, hay nôn mửa, thường có mấy tháng hoặc một năm không khỏi dùng bài Vị-quan-tiến, bài Cửu-khí-dan. Nhược bằng mệnh môn hỏa suy lâu mãi chẳng khỏi dùng bài Bát-vị hoản

Một thứ đại tả, nhiều như gội nước, nguyên khí gần thoát, chân tay hơi lạnh kíp dùng bài Tứ-vị-hồi-dương-âm hoặc bài Cửu-thoát-phương.

Một thứ bệnh rệu mà hay đi tả phải phân hàn nhiệt 2 thứ: nhiệt thời dùng bài Đại-phân-thanh-âm, bài Tiểu-chưng-hoàng-liên-hoản; hàn thời dùng bài Lục-quân-tứ-thang, bài Lý-trung-thang đều phải gia:

葛花 二升 枳椇 二升

Cát hoa 2 đồng Chi-cụ 2 đồng, để giải tửu độc.

列 方

Liệt các bài thuốc

Ngũ-linh-tán, Đại-phân-thanh, Tứ-linh-tán, Nhân-trần-âm đều ở số 8 THƯƠNG-THẤP.

Vị-linh-thang ở số 46 ÂM-THỰC

Ưc-phù-liên, Vị-quan-tiến, Cửu-khí-dan đều ở số 7 THƯƠNG-THỦ

Ôn-vị-âm ở số 5 TRUNG-HÀN

Bài-khí-âm ở số 13 KHÍ-QUYẾT.

Ngũ-quân-tứ, Lý-trung-thang đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Dương-trung-tiến, Tứ-vị-hồi-dương, Bát-vị-hoản đều ở số 10 CHƯ-HƯ CHỨNG.

Ich-nguyên-tán là bài (Lục-nhất-tán) ở số 102 PHÚC THỐNG.

Cửu-thoát-phương ở số 11 HÀN-QUYẾT.

Lục-quân-tứ ở số 15 ĐÀM QUYẾT.



酒蒸黃連丸

Tửu chưng hoàng-liên hoàn

Hoàng-liên 8 lạng tán bột, Rượu ngon 2 bát tầm vào bỏ chỗ dờ cho chín, phơi khô tán bột luyện hồ viên uống 2 đồng.

朮附湯

Truật-phụ thang

白朮五リ土炒 朮附二リ 炙草一リ
Bạch-truật 5 đồng, Chế-phụ 2 đồng, Chích-thảo 1 đồng.

簡易方

Giản dị phương

Ngải-cứu sào với rượu nặn làm bánh dẹt vào rốn buộc lại.

Hoặc dùng: 2 củ tỏi đâm nhỏ dẹt hai gan bàn chân buộc lại.

Hoặc dùng: nửa nhân hột gấc, 4 hột đinh-hương, 1 tí xạ-hương cùng tán bột hòa nước bột làm viên dẹt vào rốn ngoài dùng thuốc cao dán dè lên; chữa cả bệnh lý.

Hoặc dùng:

白朮一升土炒 車前五リ炒
Bạch-truật 1 lạng, Xa-tiền 5 đồng.

Sắc nước uống khỏi ngay.

Hoặc dùng: hồ-tiêu tán bột luyện cơm làm bánh dán vào rốn.

Hoặc dùng: muối sao nóng ấp vào rốn lấy thắt-lưng buộc lại.

痢疾

123. — Lý-tật

Bệnh đi lý là trong bụng quặn đau, giang-môn bắt rắn đi ra những máu mủ, trắng đỏ lẫn lộn; nội kinh gọi là tràng-tích bởi vì ngoài nhân thấp nhiệt, trong nhân thực tích hóa ra đi lý. Phép chữa phải phân hàn nhiệt mà dùng thuốc. Bằng không chữa khỏi ngay hóa ra ngũ-sắc lý; hư.



tức lý; khâu-cấm lý, trong bụng sôi như sấm và hạ những mầu cục thời khó chữa khỏi.

Những bệnh lý phải kiêng, cấm không được ăn các thứ cá; các thứ thịt chim, muông và các thứ thanh bông hoa quả.

Bằng như xấp trệ rặn lắm cấm dùng Thục-địa, Hoài-sơn, Bạch-truật, Liên-nhục, Khiếm-thực.

Nhược bằng hoạt thoát đi tuần tuột cấm dùng Sinh-địa, Dương-quy, Bình-lang, Chỉ xác, Ngưu-tất, Đại-hoàng, Ba-dậu.

Một thứ cấp - lý là thực nhiệt thời đi luôn luôn không có chướng, ngày 3, 4 mươi bận đi ra đồ nhiều; mạch thời hoạt xác người thời nóng dùng bài *Tiêu-trệ-bí-phương*, bài *Thược-độc-thang*, bài *Hương-liên-hoàn*.

Một thứ hoãn - lý là hư hàn, mỗi ngày chỉ đi 2, 3 bận đi ra nhiều trắng mạch thời hoãn nhược, thân thể thì mát dùng bài *Bổ-trung-ích-khi-thang*, bài *Ngũ-quân-tứ-tiên*, bài *Lục-quân-tứ-thang*. Như có thực tích ăn sống lạnh dùng bài *Ức-phủ-tiên*, bài *Đại-hỏa-rung-âm*. Nhược bằng lạnh lắm bụng đau âm ỷ dùng bài *Vị-quan-tiên*, bài *Ôn-vị-âm*, bài *Lục-vị-hồi-dương-âm*.

列 方

Liệt các bài thuốc

消 滯 秘 方

Tiêu - trệ - bí phương

黄芩一リ炒 厚朴一リ炒 黄連一リ 檳榔一リ
白芍二リ炒 枳壳二リ炒 當歸二リ 地榆一リ
青皮六分炒 南木香二リ 紅花八分 木香六分
生草一リ 桃仁一リ 山楂三リ炒黑

Hoàng-cầm 1 đồng, Hậu-phác 1 đồng, Hoàng-liên 1 đồng, Bình-lang 1 đồng, Bạch-thược 2 đồng, Chỉ xác 2 đồng, Dương-quy 2 đồng, Địa-du 1 đồng, Thanh-bì 6 phân, Nam-mộc-hương 2 đồng, Hồng-hoa 8 phân, Mộc-hương 6 phân, Sinh-thảo 1 đồng, Đào-nhân 1 đồng, Sơn-tra 3 đồng.

Đàn-bà có mang, bỏ Đào-nhân, Hồng-hoa đi, không uống được.



芍藥湯

Thược - dược thang

| | | |
|------|------|--------|
| 當歸二リ | 黃芩一リ | 白芍五リ炒 |
| 檳榔二リ | 生草一リ | 川黃連一リ半 |
| 肉桂五分 | 木香五分 | 大黃五分 |

Đương-quy 2 đồng, Hoàng-cầm 1 đồng, Bạch-thược 5 đồng, Bình-lang 2 đồng, Sinh-thảo 1 đồng, Xuyên-hoàng-liên 1 đồng rưỡi, Nhục-quế 5 phân, Mộc-hương 5 phân, Đại-hoàng 5 phân.

香連丸

Hương - liên hoàn

木香二リ半 川黃連一リ

Mộc-hương 2 đồng rưỡi, Xuyên-hoàng-liên 1 lượng thái bằng bột đậu sáo lẫn với Ngô-thù 5 đồng, rồi bỏ ngô-thù đi.

Cùng tán bột luyện hồ viên uống một đồng thang bằng nước chè với.

Bổ-trung ích-khi-thang ở số 10 CHƯ-HƯ-CHUNG-BIỆN.

Ngũ-quân-từ-tiên, Đại hòa-trung-âm đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG

Ức phù-tiên, Vị-quân-tiên đều ở số 7 THƯƠNG-THỬ.

Ôn-vị-âm ở số 5 THUNG-HÀN.

Lục-vị-hồi-dương ở số 11 HÀN-QUYẾT.

驗方

Nghiệm phương

Một thứ trị cấp-lỵ dùng :

羅荀子二リ炒 白芍五リ炒 當歸五リ 檳榔一リ
枳壳一リ炒 車前一リ炒 生草一リ

La-bách-tử 2 đồng, Bạch-thược 5 đồng, Đương-quy 5 đồng, Bình-lang 1 đồng, Chỉ-xác 1 đồng, Xa-tiên 1 đồng, Sinh-thảo 1 đồng.



Một thứ trị hoạt - lý dùng bài *Tứ-quán-lử thang* ở số 10
CHU-HU-CHUNG gia:

赤石脂二リ 醋煨 瑤餘糧二リ 醋煨

Xích-thạch-chi 2 đồng, Vũ-dư-lương 2 đồng

Một thứ trị lý tật kiêm thủy tả đản bà có mang không
uống được

杏仁廿四粒 蒼朮二兩製 姜活一兩

大黃三リ炒 艸烏三リ炒

Hạnh-nhân 24 hột, Xương-truật 2 lạng, Khương-hoạt 1 lạng,
Đại-hoàng 3 đồng, Thảo-ô 3 đồng.

Cùng tán bột bỏ lọ nút chặt.

3, 4 tuổi uống 1 phân.

8, 9 tuổi uống 1 phân rượu,

10 13 tuổi uống 2 phân,

20, 30 tuổi uống 3 phân,

40, 50 tuổi uống 2 phân rượu,

60, 70 tuổi uống 1 phân rượu.

Thang bằng nước gừng.

Hựu - phương

巴豆一粒 緣豆三粒 胡椒三粒

Ba-dậu 1 nhân, Đậu-xanh 3 hột, Hồ-tiên 3 hột.

Bọc vải đập nhỏ dùng Hồng-táo 2 quả (紅棗二枚)
đam làm viên dẹt vào rốn

Hựu phương

胎糞三分 雄黃一分 梅花片二厘

Cứt chẻ con mới đẻ (sấy khô) 3 phân, Hùng-hoàng 1 phân,
Mai-hoa-phiến 2 li.

Cùng nghiền cho thật nhỏ hòa nước lấy cái bút mới chấm
thuốc điểm vào 2 đầu con mắt dầu nguy cũng khỏi.

Hựu phương

Sinh-phụ-lử 1 củ (生附子一頭)

Thái từng miếng dán vào trên vó-cần-bỏa, đợi nóng, lấy
dán vào rốn lạnh lại đổi miếng khác 9 bận thời khỏi.

Phép lấy vó-cần-hỏa dùng một cục vôi lớn để lên trên
nước lạnh thời có khí nóng bốc lên.



Hựu phương

雄黃三分 硃砂三分 巴荳十粒 萆薢子十粒

Hùng-hoàng 3 phân, Chu-sa 3 phân tán bột, Ba-đậu 10 hạt, Tỷ-ma-tử 10 hạt

Đám làm viên nặn làm bánh bằng đồng su, dán vào huyết ấn-đường, huyết ấy ở trên xống mũi khoảng giữa, lông mày hai bên. Dùng một tí xạ-bương hòa nước sôi vào trước rồi mới dịt, ngoài dùng thuốc cao dán chùm lên, không cứ cao gì, dán bỏ cũng được. Chừng 1 giờ đồng-hồ thì trong bụng sôi, biết đói muốn ăn.

Hựu phương

細辛一リ 皂角一リ 炒焦 葱白一頭
酒麴半升 田螺一子

Tế-tân 1 đồng, Bồ-kếp 1 đồng, Hành-khô 1 củ, Men-rượu nửa bánh, Ốc-nhồi 1 con.

Cùng đám nhỏ dịt vào rốn.

Hựu phương

Ngô-thù 3 đồng (吳茱三リ酒炒)

Tán bột hòa giấm-thanh dịt 2 gan bàn chân lấy vải buộc lại.

至聖丹

Chí-thánh đan

Nha-dâm-tử (鴉胆子)

Bỏ vỏ lấy nhân, nhân nào đập vỡ không dùng, khô cũng không lấy. Dùng long-nhãn bọc lấy, người nhón mỗi bọc 7 nhân, lý nặng nuốt 7 bọc, lý nhẹ nuốt 5 bọc; trẻ con mỗi bọc 5 nhân, lý nặng uống 5 bọc, lý nhẹ uống 3 bọc. Khi uống thì nuốt chửng chớ có nhai, uống rồi ăn cơm, hoặc ăn cháo dè lên, chỉ uống một lần thì khỏi.

Một thứ trị ngũ sắc lý dùng:

乳香一リ 炒研 金銀花三リ 川黃連二リ
木香五分 炒研 白芍五リ 炒 當歸五リ

Nhũ-hương 1 đồng, Kim-ngân-hoa 3 đồng, Xuyên-hoàng-liên 2 đồng, Mộc-hương 5 phân, Bạch-thược 5 đồng, Đương-quy 5 đồng. Sắc nước uống



Một thứ trị khẩu cấm ly (không ăn được cơm) dùng:

洋參 三 分 姜 炒 川 黃 連 二 分

Dương-sâm 3 đồng, Xuyên-hoàng-liên 2 đồng.

Xuyên-hoàng-liên sao lẫn với ngô-thù rồi bỏ ngô-thù đi; như
mẽ 2 dấm, cùng sắc nước uống thêm mười giọt nước gừng

Một thứ trị hư-tức ly (lâu năm không khỏi) dùng một con
ươn mỡ bỏ ruột, xắt khúc để lên trên hòn ngói đốt ra than
lấy 2 đồng cân tán bột hòa với đường-cát uống thang bằng
rượu.

Một thứ trị thủy ly (đi ra nước nâu) Thủy-ly thì sắc đỏ.
Thủy-tả thì sắc vàng dùng lá kim-ngân sắc nước uống.

腸 風

124. — Trạng - phong

Chứng trạng-phong là đi ra máu tươi, bởi tả khí cảm vào
mạch máu trong bụng không đau mà mạch thời phù phải
dùng thuốc khứ phong chỉ huyết. Nhược bằng nhân nhiệt
thì phải thanh hỏa. Chứng tạng-độc thì đi ra huyết đen bởi
vì tửu sắc hoặc nhân khó nhọc hoặc đi xa xôi, bệnh đã lâu
ngày, khí nóng tích lại thành ra xào huyết cho nên máu tím
đen trong bụng có đau mà mạch thời trầm, phải dùng thuốc
thanh nhiệt lương huyết

Một thứ trạng-phong thời máu đỏ tươi dùng bài Ước-
doanh-tiên gia: Hoàng-liên, Chi-tử (đều 1 đồng)

Nhược bằng lửa nóng lắm dùng bài Trừ-tán-âm.

Một thứ tạng-độc thời huyết tím đen dùng bài Cừ-nguyên-
tiên gia Địa-du 2 đồng.

Nhược bằng khí hư dùng bài Bỏ-trung-tch-khi thang gia
Tục-đoạn, Địa-du (đều 2 đồng).

Hoặc hư hàn gia Ngũ-vị 10 bột, Tiêu-khương 1 đồng.

Nhược bằng lâu ngày âm hư dùng Bỏ-âm-tch-khi thang
Nhược bằng hạ tiêu can thận hư tổn dùng bài Vị-quan-tiên



列 方

Liệt các bài thuốc

Ước-doanh-liên, Cừ-nguyên-liên đều ở số 41 TIỆN-HUYẾT.

Trừu-tân-âm ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Bồ-trung-ích-khi ở số 10 CHƯ-HƯ-CHUNG.

Bồ-âm-ích-khi ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Vị-quan-tiên ở số 7 THƯƠNG-THỦ.

驗 方

Nghiệm phương

Trị chứng tràng-phong dùng bài:

黃 連 散

Hoàng-liên tán

川黃連 烏梅 雞冠花 貫眾 大黃煨
(各六リ) 炙草三リ

Xuyên-boàng-liên, Ô-mai, Kê-quan-hoa, Quán-chúng, Đại-boàng (đều 6 đồng, Chích-thảo 3 đồng.

Cùng tán bột, uống 2 đồng thang bằng nước gạo rang.

Hựu phương

檮皮一升 党参一升 姜炒

Hu-bì 1 lượng, Đảng-sâm 1 lượng.

Tán bột uống 2 đồng thang nước gạo-rang.

Trị chứng tạng-dộc dùng: Xa-tiên cả lá, cắng, rế-một nắm, gừng sống 7 nhát cùng đâm nhỏ thêm nước vào lọc bỏ bã lấy nước hâm nóng uống.

Hựu phương

Hoàng-liên 2 lượng thái nhỏ tẩm rượu 3 ngày rồi phơi khô, tán bột. Ô-mai 3 lượng, đâm, luyện làm viên bằng bột đậu uống 20 viên.



交 腸

125. — Giao - tràng

Chứng giao-tràng là đại, tiểu-liện đổi chỗ mà phóng ra: tiểu ra đẳng đại; đại ra đẳng tiểu, bởi vì có sự dạn dũ quá, hoặc khi no say quá, cho nên trong ruột lẫn lộn chẳng theo lối thường.

Phép chữa phải dùng *Thở-pháp* cho thông khí hoặc dùng bài *Bồ-trung* để đem khí lên, hoặc dùng bài *Ngũ-linh-tán* cho thông lối bàng-quang hoặc dùng bài *Nguyên-nhung-tứ-vật* cho thông đường cốc-dạo.

Thở-pháp ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Bồ-trung-ích-khí ở số 10, CHƯ-HƯ-CHƯƠNG.

Ngũ-linh-tán ở số 8 THƯƠNG-THẤP.

Nguyên-nhung-tứ-vật ở số 121 BÍ-KẾT.

脱 肛

126. — Thoát - giang

Chứng thoát-giang là lòi tử, hoặc nhân tả lý, thương lý, khí hư, hạ hãm mà thoát ra, hoặc nhân tửu sắc tổn tinh, thận hư bất cố, thoát ra, hoặc nhân trung khí hư hàn mà thoát ra, hoặc nhân hạ-tiểu thấp nhiệt mà thoát ra, hoặc nhân đại-tiện táo kết dẫn mả mà thoát ra. Phép chữa phải xét tại cái gì mà dùng thuốc phải kiêm lấy thăng để làm chủ.

Một thứ tử dương hư, hạ hãm mà thoát ra dùng *Bồ-trung-ích-khí-thang* bội Thăng-ma, hoặc dùng *Cử-nguyên-tiên*.

Nhược băng tử âm hư dùng *Bồ-âm-ích-khí-thang*.

Một thứ trung khí hư hàn mà thoát ra dùng bài *Ngũ-quân-tứ*, bài *Ôa-vị-âm* gia Thăng-ma 2 đồng, Ngũ-vị 15 hột.

Một thứ hạ-tiểu can, thận hư hàn mà thoát ra dùng bài *Đại-bồ-nguyên-tiên*, bài *Lý-âm-tiên*.

Một thứ thấp nhiệt xa xuống mà đau dùng bài *Trừu-lân-âm*, bài *Đại-phân-thanh-âm*.



Bồ-trung-ieh-khí ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỪNG.

Cử-nguyên-tiên ở số 41 TIỆN-HUYẾT.

Bồ-âm-ieh-khí thang, Ngũ - quân-tử, Đại bồ-nguyên
đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG

Ôn vị-âm ở số 5 TRÚNG-HÀN.

Lý-âm-tiên, Trừu-tân-âm đều ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Đại-phân-thanh ở số 8 THƯƠNG THẤP.

簡易方

Giản dị phương

五倍三炒 枯礬二炒

1º) Ngũ-bội 3 đồng, Phèn-phí 2 đồng, sắc nước nóng rửa thời thu ngay.

2º) Lá giâu, là đào sắc nước cho ít phèn phí vào; ngâm rửa thời kéo ngay lên.

3º) Hột dầu-dầu tia 15 bột đám nhỏ dẹt trên đỉnh đầu thì kéo lên.

4º) Con ốc-sên sấy khô tán bột hòa mỡ-lợn bôi vào.

5º) Con ốc-nhồi bỏ 1 phân băng-phiến vào miệng nó để chảy nước ra lấy nước mà bôi.

6º) Con rện nhơn bỏ đầu chân đi, sấy khô tán bột hòa dầu-vừng bôi vào.

7º) Thuyền-thuế tán bột hòa dầu-vừng bôi rất hay lắm.

8º) Mộc-tặc sao cháy tán bột rắc vào ấn lên thời khỏi.

9º) Vôi bột sao nóng lấy vải bọc ngồi gác lên trên, nguội thời sao lại.

10º) Đầu cá-tiểu sấy khô tán bột hòa dầu-vừng bôi, lấy giấy nung lên diệu lắm.

11º) Hai cân sắt, sắc nước nóng mỗi ngày rửa vài, ba bận, kinh ni ên cũng khỏi.

12º) Nhược bằng giải hai ba tắc dùng Xích-thạch-chi nung đỏ tui giấm-thanh ba bận, tán bột rắc vào, lấy giấy dầu nung lên.

13º) Hành sống nửa cân sắc nước để trong thùng ngồi lên trên mà xông.

14º) Ngũ-bội tán bột rắc vào giấy cuốn lại, châm lửa đốt bỏ vào thùng ngồi trên mà hơi.

15º) Cây vôi-vôi phơi khô tẩm giấm-thanh để trên lò than đốt khói quạt vào.



Âm hư thoát giang

熟地 一 升 烏 梅 三 升

Thục-địa 1 lạng (nướng khô nỏ), Ô-mai 3 đồng (sao khô nỏ).

Cùng nghiền cho rõ nhỏ lại dùng Phòng-phong, Thăng-ma đều 3 đồng, sắc nước đặc hòa thuốc bột bôi vào lập tức thu lên.

虫 病

127. — Trùng - bệnh

Trùng bệnh là trong người có sâu, như ngủi phải khi độc hoặc bệnh lao truyền thời trùng vào trong phổi hóa ra ho lao ; bằng như ngủi hoa, hoặc vật đã mục nát như là Lộc-nhung thời trùng vào trong óc hóa ra chửi mũi, lại khi ăn uống sinh trùng, như ăn tiết-canh, ăn gỏi sống, ăn thịt tái ; trùng sinh ở trong dạ dày hóa run hóa sản, như mà những người ti vị khỏe mạnh ăn thì tiêu ngay. Những người ti vị yếu ăn uống chậm tiêu thời dễ sinh trùng cho nên yếu trẻ con phải giữ gìn việc ăn uống mới khỏi cam.

Một thứ lao-trùng và chửi-mũi tìm ở mục Lao-sái và Ty-bệnh mà chữa.

Một thứ chứng trùng tích hay đau bụng ăn uống kém ít, gầy gò hoặc hay nôn mửa, hoặc đau mà đứng ngồi không yên, mặt xanh trắng nhợt, nhưng má môi đỏ môi thực là bệnh trùng tích

Phàm những bệnh trùng phải ôn dưỡng tỳ vị khiến cho tạng khí cường thịnh, trùng không ở được cũng không sinh ra được dùng bài *Ôa-tạng-hoàn*.

Một thứ trùng-tích, khi đưa ngược lên, tám phúc đau lắm dùng bài *Tảo-trùng-liên*. Nhược bằng trùng tích kiên cố lắm dùng bài *Lạp-trùng hoản*, bài *Ngộ-tiên-dan*, bài *Mộc-hương-bình-lan hoản*, bài *Bách thuận hoản*. Nhược bằng trùng tích thể hoãn mà người yếu dùng bài *Vu-gi tán*, bài *Hóa-trùng-tán*.

Những khi uống thuốc trị trùng phải nhịn bữa cơm chiều cho trùng đói sáng hôm sau, hoặc lấy vị thơm, hoặc nướng chấy ăn một chút để kéo trùng lên rồi sau bác chứng gà hóa với thuốc uống một chốc lại uống thêm thang nước hành hoặc uống nước lã để tống thuốc xuống, độ hơn 1 giờ đồng hồ thời ăn cháo đậu-xanh để giải đi rồi sau mới ăn cơm.



Xét xem trong một tháng có ba tuần : thượng tuần đầu trùng hướng lên, trung tuần đầu trùng quay ngang, hạ tuần đầu trùng cúi xuống thử nghiệm như trâu, bò để thượng tuần con đi trước mẹ; trung tuần con đi ngang mẹ; hạ tuần con đi sau mẹ; như thế thời dùng thuốc trị trùng phải uống chừng mồng ba mồng bốn tháng âm-lịch :

Một thứ vưu-trùng là hồi-trùng như con giun, các thứ trùng thời vưu nhiều hơn dùng thuốc sát trùng rồi mà nó lại sinh ra không phải phép hay chỉ có ôn dưỡng tỳ vị như bài *Ôn-vị-âm*, bài *Ngũ-quán-tử*, bài *Lý-trung-thang*, *Lý-âm-tiên* gia những vị sát trùng như :

使君 兵榔 川椒 烏梅

Sử-quân, Binh-lang, Xuyên-tiên, Ô-mai

thời tỳ vị khỏe, trùng không sinh ra được nữa hoặc dùng bài *Ôn-tạng-hoàn* càng diệu lắm. Chứng này phải tham khán với mục *Hồi-quyết* số 20.

Ông Ngoại-dài dùng *Khô-luyện-thang* trị vưu-trùng thần phương thứ nhất.

Một thứ bạch thốn trùng dài 1 tấc là con xán; mẹ đẻ, con đẻ ra lâu thời dài 1, 2 trượng dùng *Phỉ-tử-tiên* hoặc dùng :

錫灰 蕪荑 兵榔

Tích-hôi, Vu-gi, Binh-lang.

Tán bột sắc thang rễ lựu; uống 2 đồng hoặc dùng *Hồng-dăng-căn* ngâm nước 3 ngày rồi uống.

Một thứ cam trùng trẻ-con hay ăn cá thối hóa ra cam-tích thời mình nóng bụng to, mặt vàng, my mắt đỏ, lỗ mũi đỏ, lợi chảy máu, hơi mồm hôi, mới đỏ dùng bài *Cửu-vi-lô-hội-hoàn*, bài *Truy-trùng-hoàn*, bài *Tử-vị-phì-nhi-hoàn*, bài *Thất-vị-phì-nhi-hoàn*.

Một thứ ừng-thanh trùng người bình nói gì thì trong bụng con trùng cũng nói theo như thế. Có vị đạo-sĩ bảo lấy pho Bản-thảo đọc tên các vị thuốc, vị nào mà trùng không nói theo thời dùng mà uống, người bình đọc đến vị *Lôi-hoàn* trùng nín mất bèn lấy vị ấy uống rồi khỏi.

九 類 虫

Cửu - loại trùng

10) Phục-trùng dài 4 phân dùng dầu các thứ trùng.

20) Vưu-trùng dài 1 thước bình như con giun.



30) Bạch-trùng là con xán dài 1 tấc; con cháu đẻ ra, mẹ dài 4, 5 trượng.

40) Can-trùng hình như quả mận nát khiến người ta phiền đầy.

50) Phế-trùng dáng như con tằm thời người hay ho

60) Vị-trùng dáng như con nhái khiến người hay nôn ọe.

70) Nhược-trùng bình như hột dưa khiến người hay nhổ vặt.

80) Xích-trùng hình như miếng thịt khiến người hay sôi bụng.

90) Nghiêu trùng nhỏ bé li ti ở trong ruột-già.

列 方

Liệt các bài thuốc

Tảo trùng-tiên, Lạp trùng-hoàn, Bạch-thuận-hoàn, Hoá trùng-tán đều ở số 102 PHÚC THỐNG.

Ôn-vị-âm ở số 5 TRÚNG-HÀN

Ngũ quân-tử, Lý-trung-thang đều ở số 1 NỘI-THƯỜNG.

Lý-âm-tiên ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

溫 臟 丸

Ôn - tạng hoàn

党参 三 两 姜 炒

當歸 二 两

白芍 一 两 炒

白朮 二 两 土 炒

茯苓 一 两

細樞肉 一 两

使君子 一 两

檳榔 一 两

吳茱 五 分 炒

川椒 一 两

乾姜 五 分

Đảng-sâm 3 lạng, Đương-quy 2 lạng, Bạch-thược 1 lạng, Bạch-triết 2 lạng, Phục-linh 1 lạng, Tế-phỉ-nhục 1 lạng, Sử-quân-tử 1 lạng, Bính-lang 1 lạng, Ngô-thù 5 đồng, Xuyên-tiên 1 lạng, Can-khương 5 đồng

Táo bột, quấy hồ thần-khúc, luyện làm viên, uống 2 đồng.

遇 僊 丹

Ngộ - tiên đan

三棱 五 分 醋 炒

木香 三 分

川大黃 一 分

義朮 五 分 醋 炒

黑丑 二 分

檳榔 二 分



Tam-lăng 5 đồng, Mộc-hương 3 đồng, Xuyên-dại-hoàng 1 đồng, Nga-truật 5 đồng, Hắc-sửu 2 đồng, Bình-lang 2 đồng.

Tán bột, sắc nước bồ-kếp quấy hồ luyện làm viên uống 1 đồng.

木香棋榔丸

Mộc - hương bình - lang hoàn

棋榔 一升 木香 五リ 鶴虱 五リ 買衆 五リ
錫灰 五リ 使君 五リ 輕粉 一リ 雷丸 二リ
巴豆 二リ 乾漆 五リ 燒

Bình-lang 1 lượng, Mộc-hương 5 đồng, Hắc-sắt 5 đồng, Quán-chúng 5 đồng, Tích-bôi 5 đồng, Sử-quân 5 đồng, Khinh-phấn 1 đồng, Lôi-hoàn 2 đồng, Ba-đậu 2 đồng, Caq-lất 5 đồng.

Tán bột luyện hồ viên bằng hột vừng mỗi bận uống 20 viên thang bằng rế lựu. Trước ăn chả nướng để dẫn trùng lên rồi sau uống thuốc.

蕪荑散

Vu - di tán

棋榔 二リ 蕪荑 二リ 木香 一リ

Bình-lang 2 đồng, Vu-di 2 đồng, Mộc-hương 1 đồng.

Tán bột uống cả một bận thang bằng rế lựu, trước uống nước thịt để kéo dầu trùng lên rồi sau uống thuốc.

苦練湯

Khổ - luyện thang

Lấy rế cây soan cạo vỏ bỏ đi; dùng vỏ trắng 2 lượng, sắc nước, trước ăn thịt nướng chả để kéo dầu trùng lên rồi mới uống thuốc.

榧子煎

Phỉ - tử tiên

Tế-phỉ-tử 49 hột (細榧子四十九粒)

dùng nửa chén nước đường, nấu cạn mà ăn, mỗi ngày ăn 7 hột, chín ngày sán hóa ra nước

Hựu phương

Dùng Tế-phỉ-tử 100 hột ăn hết cả thời tốt bằng không ăn hết chỉ ăn 50 hột cách một đêm thời sán tiêu hết.



九味蘆薈丸

Cửu-vị lô-hội hoàn

川黃連 盧薈 撫夷 木香 白朮丸
胡黃連 龍胆 鶴虱 (各五リ)

Xuyên-hoàng-liên, Lô-hội, Vu-di, Mộc-hương, Bạch-lôi-hoàn (đập ra thấy trong đồ thì không dùng), Hồ-hoàng-liên, Long-dâm, Hạc-sắt, (đều 5 đồng).

Tán bột luyện hồ bánh-chưng làm viên bằng hột vừng, mỗi bữa uống 1 đồng. Ông Lập-Trai lấy long-dâm thay thanh-bì hổ xạ-hương mới hay).

追虫丸

Truy-trùng hoàn

黑丑八リ 兵榔八リ 雷丸一リ 木香一リ
Hắc-sửu 8 đồng, Bình-lang 8 đồng, Lôi-hoàn 1 đồng, Mộc-hương 1 đồng, cùng tán bột, lại dùng:

苦練根一両 茵陳二両 皂角一両 炒焦
Khô-luyện-căn (Vỏ rễ-soan) 1 lạng, Nhân-trần 2 lạng, Tạo-dác (Bồ-kếp) 1 lạng, sắc nước đặc.

Luyện làm viên; người nhớn uống 2 đồng; trẻ con uống 1 đồng thang bằng nước đường

四味肥兒丸

Tứ-vị phì-nhi hoàn

麥芽炒黑 撫夷 黃連 神曲炒 (各一両)
Mạch-nha, Vu-di, Hoàng-liên Thần-khúc đều 1 lạng)

Cùng tán bột lấy nước mật-lợn, luyện làm viên bằng hột gạo uống 20 viên, sắc mộc-hương làm thang.

七味肥兒丸

Thất-vị phì-nhi hoàn

肉豆蔻一両煨 川黃連七リ 木香七リ 檳榔七粒
麥芽二両炒焦 神曲七リ炒 使君 羽
Nhục-dậu-khấu 1 lạng Xuyên-hoàng-liên 7 đồng, Mộc-hương 7 đồng, Bình-lang 10 hạt, Mạch-nha 2 lạng Thần-khúc 7 đồng, Sứ-quân 2 lạng.

Cùng tán bột luyện hồ viên bằng hột vừng uống 30, 40 viên thang bằng nước gạo rang



詐病

128. — Trá - bệnh

Trá bệnh, giả cách ốm để cho người ta sợ bởi vì hoặc nhân sự danh lợi, hoặc nhân việc kiện cáo đánh nhau và truyen vợ cả, vợ lẽ ghen tuông mà giả làm bệnh tật. Nhược bằng thầy thuốc không xét kỹ thời mắc người ta nói dối; chỉ có cái mưu dối lại dối giả lại người bệnh thời tình thực lộ ngay ra mà bệnh giả cách tự nhiên khỏi.

Ông Trọng-Cảnh có nói: người bệnh nằm ngoảnh mặt vào vách nghe thầy thuốc đến không rở dậy mà lại liếc mắt nhìn. Nói một câu thì nghỉ ba bận, khi xem mạch thời nuốt nước giải, lại hay nhồm ra, hoặc có ngáp, đều là không bệnh.

Một phép trông hai mắt dấu ti-hí nhưng có tinh thần; hai là phép nghe tiếng thở, dấu có rền-rĩ rồi sau nghe có ý rộng rãi khoan hòa; ba là phép xem mạch, sần bộ điều hòa thật là không bệnh.

Thầy thuốc phải bảo rằng: bệnh này cảm nặng lắm, ta khi đã vào sâu phải dùng: trong uống thuốc hạ ngoài phải châm cứu 20, 30 huyết thời mới khỏi, nay tôi mới chế một thứ thuốc viên (cho thuốc gì cũng được) hãy thử uống xem bằng như không khỏi rồi uống thuốc hạ và dùng phép châm cứu.



反畏

129. — Phản - úy

Những vị này kỵ nhau :

Nhân-sâm, Huyền-sâm, Sa-sâm, Khổ-sâm, Đan-sâm, Tử-sâm, Tế-tân, Thổ-độc-Tám vị này kiêng không được dùng với vị Lê-lư.

Bạch-cập, Bán-hạ, Bạch-liễm Qua-lâu, Thổ-bối-mẫu, Xuyên-bối-mẫu Năm vị này không được dùng chung với hai vị : Ô-dầu và Ô-chủy.

Đại-kích Nguyên-hoa, Hải-tảo, Cam-toại. Bốn vị này không được uống chung với vị Cam-thảo.

Mật-ong, Sáp-vàng, Sáp-trắng. Ba vị này kiêng không được dùng lẫn với củ Hành.

Lưu-hoàng kỵ Phác-tiên.

Thủy-ngân kỵ Phê-sương.

Lang-dộc kỵ Mật-xà-tăng.

Ba-dậu kỵ Khiên-ngư.

Đinh-hương kỵ Uất-kim (củ-nghệ).

Nha-tiên kỵ Tam-lăng.

Xuyên-ô, Thổ-ô kỵ Tế-dác.

Nhân-sâm kỵ Ngũ-linh-chi.

Quan-quế kỵ Thạch-chi

Ca cấm kỵ

Có thai cấm những vị nào :

Ngưu-tất, Quế-Phụ, Nhân-dào, Can-khương.

Mang-tiên, Ba-dậu, Xạ-hương,

Mạch-nha, Thông-thảo cùng phượng Hòe-hoa.

Tam-lăng, Đại-giã, Bàng-sa,

Bìm-bìm, Bồ-kếp vốn là trụy thai.

Mẫu-đơn, Bán-hạ chớ nài,

Sấn tàu, Ý-dĩ một loài như nhau.



藥 性

130. — Dược - tính

炮 製 法

Phép bào chế

Những các vị thuốc trước phải rửa sạch; như vị Đỗ-trọng có vỏ dây phải cạo đi. Như vị Tri-mẫu, Hương-phụ có lông phải nhổ đi hoặc đốt đi, như vị gì rắn phải ngâm cho mềm, có lõi phải bỏ đi. Các vị đều thái nhỏ phơi khô để dùng. Như vị gì lông tóc thời phải đốt ra than hoặc sao cháy, vị gì da có vẩy thời phải nướng, vị xương sừng phải mài; các thứ đá phải nung; nhân thì phải dã; hột thì phải nghiền.

Một thứ tằm rượu sao để cho hành huyết, cho dẫn lên và cho dầm tính lạnh đi như:

| | | | | | |
|-----|-----|-----|-----|-----|-----|
| 黃 芩 | 黃 連 | 大 黃 | 白 芍 | 赤 芍 | 牡 丹 |
| 吳 茱 | 生 地 | 車 前 | 五 味 | 川 芎 | 續 斷 |

Hoàng-cầm, Hoàng-liên, Đại-hoàng, Bạch-thược, Xích-thược, Mẫu-dơn, Ngô-thù, Sinh-dịa, Xa-tiên, Ngũ-vị, Xuyên-khung, Tục-doạn.

Một thứ tằm gừng sao để cho tiêu dờm như:

| | | | | |
|-------|-----|-----|-------|-----|
| 參 高 麗 | 党 参 | 砂 参 | 參 花 棋 | 洋 参 |
| 布 政 参 | 南 参 | 厚 樸 | 貝 母 | 神 曲 |

Sâm-caó ly, Đảng-sâm, Sa-sâm, Sâm-hoa-kỳ, Dương-sâm, Bồ chính sâm, Nam-sâm, Hậu phác, Bối-mẫu, Thần-khúc.

Một thứ tằm muối sao để cho nhập thận như:

| | | |
|-----|-----|-----|
| 杜 仲 | 澤 左 | 巴 戟 |
|-----|-----|-----|

Đỗ-trọng, Trạch-tả, Ba-kích.

Một thứ tằm đồng-tiện sao để cho dánh hỏa như:

| | | |
|-----|-----|-----|
| 梔 子 | 乾 姜 | 白 芍 |
|-----|-----|-----|

Chi-tử, Can-khương, Bạch-thược.

Một thứ tằm giấm thanh sao để cho thu liễm lại như:

| | | | | | | | |
|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|
| 常 山 | 地 榆 | 三 棱 | 義 朮 | 荆 芥 | 鱉 甲 | 雷 丸 | 白 芍 |
|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|

Thường-sơn, Địa-du, Tam-lăng, Nga-truật, Kinh-giới, Biết-dáp, Lôi-hoàn, Bạch-thược.

Một thứ tằm mật-ong nướng hoặc sao như:

| | | | | |
|-----|-----|-----|-----|-----|
| 黃 芪 | 甘 州 | 桑 皮 | 骨 碎 | 黃 伯 |
|-----|-----|-----|-----|-----|

Hoàng-kỳ, Cam thảo, Tang-bì, Cốt-loái, Hoàng-bá.



Một thứ sao với gạo nếp, để cho nhập tỷ như:

淮山

麥門

Hoài-sơn

Mạch-môn.

Như các thứ sâm trước tằm gừng sau sao với gạo.

Một thứ sao với bột, hoặc bột lộc-dắc-xương, để cho khỏi dính như:

阿膠

鹿膠

A-dao.

Lộc-dao.

Một thứ sao đen như:

荔枝 棗仁 山查 麥牙 炭姜 梔子 皂莢 乾漆

Lê-hạch (Hột-vải) Tảo-nhân, Sơn-tra, Mạch-nha, Thán-khuong, Chi-tử, Tảo-dắc (Bờ-kếp), Can-tất (Sơn-khố).

Một thứ sao vàng như:

薏苡 扁豆 陳皮 青皮 乾姜 淮山 麥門

Ý-dĩ, Biền-dậu, Trần-bì, Thanh-bì Can-khuong, Hoài-sơn, Mạch-môn.

Một thứ sao khô như:

天門 百合 砂仁 破故 枳壳 枳實 五味 車前

Thiên-môn, Bách-hợp Sa-nhân, Phá-cổ, Chỉ-xác, Chỉ-lực, Ngũ-vị, Sa-tiên

Một thứ nung đỏ như:

代赭石 (火煨醋淬七次) 瑤餘糧 (火煨醋淬七次)

赤石脂 (火煨醋淬三次) 石信 (爲末和蜚蠊煎)

石羔 牡蠣 石決明 龍骨 青礞石 石甘藍 (火煨童便九次)

Đại-dả-thạch, nung đỏ túi giấm-thanh 7 lần.

Vũ-dư-lương nung đỏ túi giấm-thanh 7 lần.

Xích-thạch-chi, nung đỏ túi giấm-thanh 3 bận.

Thạch-tin tán bột luyện với đất cứt-dun nung cho hết khói đen.

Thạch-cao, Mẫu-lê, Thạch quyết-minh, Long-cốt, Thanh-mông-thạch, Thạch-cam-lồ, nung đỏ túi đồng-tiện 9 lần.

Một thứ mài với nước như:

沉香 肉桂 木香 犀角 虎骨 象牙 羚羊角

Trâm-hương, Nhục-quế, Mộc-hương, Tế-dắc, Hồ-cốt, Tượng-nha (ngà-voi), Linh-dương-dắc.

Một thứ nấu với rượu như:

山茱

肉蓯蓉

Sơn-thù,

Nhục-thong-dong.



Một thứ bột giấy đập bỏ dầu như:

栢子仁 巴豆 肉豆蔻

Bách-tử-nhân, Ba-đậu Nhục đậu-khẩu.

Một thứ bột giấy ướt lúi bếp do như:

川大黃 肉豆蔻

Xuyên-dại hoàng, Nhục-đậu-khẩu.

製蒼朮

Chế xương - truật

Thái dày ngâm nước gạo năm ngày mỗi ngày một lần thay nước, phơi khô sao vàng.

製白朮

Chế bạch - truật

Ngâm nước gạo 2 ngày, thái mỏng tẩm hoàng-thỏ phơi khô sao vàng.

製乳香并沒藥

Chế nhũ-hương và một-đượ

Thái nhỏ sao với bắc thời mới khô, tán bột.

製蓬志

Chế viên - chí

Dùng đậu-đen cam-thảo sắc lấy nước bỏ viên-tri vào đun cho cạn; bỏ lõi phơi khô, tẩm gừng sao vàng.

製附子

Chế phụ - tử

Thái dày, lấy nước nóng rửa qua để khô, dùng nước đậu-đen, cam-thảo bỏ vào nấu cho cạn, phơi khô.

製香附

Chế hương - phụ

Trước tẩm đồng-tiên sao khô lại tẩm giấm-thanh sao khô, lại tẩm nước muối sao khô lại tẩm rượu sao khô.

製何首烏

- Chế hà - thủ - ô

Sắc đỏ là giống đực, sắc hơi trắng là giống cái, phải hợp hai thứ mới hay, ngâm nước gạo 3, 4 ngày, lại đồ cho mềm thái mỏng, phơi khô lấy nước đậu-đen cùng nấu cho cạn rồi phơi khô để dùng.



製肉從蓉

Chế nhục - thông - đông

Tầm rượu, cạo bỏ vỏ, bỏ lõi trắng đun với rượu phơi khô để dùng.

製熟地

Chế thực - địa

Chọn sinh-địa nõn da mà mềm rửa sạch đất để khô tầm rượu bỏ vào đồ để vào trong chỗ, dưới đồ để chậu hứng tiết, bắc chỗ lên trên miệng nồi, chắt kín cho khỏi phi hơi, trên đây nắp kín, vai nồi phải khoan 1 lỗ để xem nước và giọt nước cho khỏi cạn. Đem nấu ngày phơi đủ chín ngày mới chín.

製半夏

Chế bán - hạ

Thái dày dùng nước sôi, ngâm rửa chắt bỏ nhựa đi đem phơi khô, hôm sau lại rửa lại phơi; 9 ngày phơi rửa, mới hết nhựa độc: tán bột luyện hồ viên bằng quả ổi, lấy rơm, rạ đặt mốc ủ 6, 7 ngày, mốc lông ra phơi khô tầm gừng và nước trưc-lich sao khô. Bán-hạ chế rồi gọi là pháp-hạ sau lại tầm sữa bò gọi là tó-hạ.

製胆星

Chế đảm - tinh

Dùng nam-tinh tán bột, hòa với mật bò, gói giấy dầu đan phen ép 2 mặt, treo mái dành cho khô tán bột bỏ lọ đựng.

製玄明粉

Chế huyền - minh - phấn

Mùa đông lấy phác-tiên 1 cân, củ-cải 1 cân bỏ vào nồi đun rừ lấy ra lọc bỏ bã, phơi sương một đêm, kết thành băng.

制神曲

Chế thần - khúc

Mồng sáu tháng sáu, hoặc trong tam phục ngày dần:

麥草三月 青蒿六月 蒼耳六月

Lục-thảo (nghe-dâm 3 lạng, Thanh-hao 6 lạng, Xương-nhi (quả Ké 6 lạng; cùn dâm nõn vắt lấy nước lại lấy:



杏仁一升 白麵二斤 赤小豆一鉢

Hạnh-nhân 1 lạng đậm nhỏ, Bột-mỳ 2 cân, Xích-tiểu đậu 1 bát nấu chín bỏ vỏ đậm nhỏ

Hợp tất cả lại, luyện thành bánh nặn từng miếng bằng nửa cái bao diêm, lấy rơm rạ đặt mốc ủ 5, 6 ngày mọc rêu trắng phơi khô để dùng.

製硫黃

Chế lưu - hoàng

Lưu-hoàng 1 cân tán bột, đậu-đen 1 cân, bỏ nổi cho nước, đun cho rừ lấy ra đãi cho sạch đậu; lại dùng củ-cải 2 cân thái nhỏ cùng nấu thấy lưu-hoàng đen đổ ra đãi sạch củ-cải đi. Nấu với đậu 2 lần, nấu với củ-cải cũng hai lần. Lại dùng bèo-tia sống 3 cân đậm vắt lấy nước bỏ lưu-hoàng vào lại nấu cho cạn đem rửa sạch, như lưu-hoàng có đóng lại, phải đem tán bột, lại dùng đậu-xanh 2 cân bỏ nổi cùng nấu cho rừ, lại đãi sạch đậu đi; lại dùng thạch-xương-bồ 1 cân thái nhỏ bỏ nổi cùng nấu lại đãi xương-bồ đi, lại dùng lá thông, lá trắc-bách-diệp đều 1 cân bỏ nổi cùng nấu, lại đãi lá thông và lá trắc-bách-diệp đi, lại dùng ngó-sen 2 củ thái nhỏ cùng nấu cho rừ rồi lại bỏ ngó-sen đi, rửa sạch tán bột bỏ vào ruột-già lợn buộc lại nấu cho rừ rồi lấy ra rửa sạch để âm can dùng phơi nắng, rồi để mà dùng.

製人中黃

Chế nhân - trung - hoàng

Tháng một, tháng chạp lấy ống-tre đem cưa để một mẩu, tước hết cật tre ngoài đi cho một khúc cam-thảo vào trong ống-tre nút cho chặt lại đem để dưới đáy thùng sia ngâm 1 tháng lấy ra treo mái danh.

燒燈心炭

Phép đốt than bắc

Dùng ống-tre tươi cho bắc vào tong cho chặt, lấy mẩu tre nút lại rấm trấu 1 đêm thời thành ra than.



性 藥

Tính được

人參 Nhân-sâm như bình người tính nóng khi thơm vị ngọt và đắng đại bổ dương khí, bổ cả ngũ tạng, yên hồn vía, khỏi khát nước trị băng huyết. Tầm gừng sao khô kỹ phơi nắng. Chỉ có chứng niệu-huyết, đau bụng nhiệt và trẻ con lên sỏi không uống được sâm.

高麗參 Sâm-cao ly thời trong trẻo sáng suốt như thịt khô giáp cuống có hoành-văn mới thực là tốt.

花旗參 Sâm-hoa-kỳ phải có nhiều hoành-văn, cắt ra có mắt ngỗng thịt đỏ thì ngọt, nếu thịt trắng thì chua.

洋參 Dương-sâm tức là sâm hoa-kỳ.

須參 Sâm-tu là rễ sâm-cao-ly.

二紅參 Sâm-nhi-hồng là rễ dương-sâm.

防黨參 Sâm-phòng-dảng chủ giải cảm, khu phong và kiêm bổ huyết.

明黨參 Sâm-minh-dảng thời bình bổ tỳ vị, phải như gân hươu mới tốt.

布政參 Sâm-bố-chính ở Nghệ-an khi thời thơm vị thì nhạt phải thêm hoàng-kỳ mới hay.

南參 Sâm-nam thời khi vị đều nhạt phải bội dụng mới được.

Các thứ sâm đều phải tầm gừng sao: Sâm cao-ly hơi lửa thời mềm, sâm hoa-kỳ phải hấp cơm mới mềm.

Bảng như trị bình băng huyết và chứng vong dương chân tay lạnh giá phải dùng sâm cao-ly hoặc sâm hoa-kỳ đều 1 lạng hay là tạm dùng sâm bố-chính 3 lạng thêm hoàng-kỳ 1 lạng, cũng được.

黃芪 Hoàng-kỳ tính ôn, bổ khí liễm mồ-hôi, trị ung nhọt, sinh ra thịt nhưng mà tính trệ; ăn ít cơm chớ dùng; tầm mật ong nướng cho chín.

茯苓 Phục-linh tính bình, vị nhạt, thâm thấp, tiêu đàm lợi tiểu-tiện.



赤茯苓 Xích-phục-linh thời phá khí, lợi tiểu-tiện hơn, vô phục linh càng lợi tiểu-tiện lắm.

白朮 Bạch-truật tính ôn và táo sắc, đại bổ tỳ vị, ăn được nhiều cơm, trừ thấp, tiêu đàm, an thai, cố thai, làm hoàng-thỏ sao mà dùng; chỉ có chứng ngoại cảm và đại-tiện táo với bệnh lý không dùng bạch-truật được.

甘草 Cam-thảo vị ngọt, tính ôn, điều hòa các vị thuốc, nướng thời bổ tỳ, dễ sống thời tả hỏa giải độc.

當歸 Đương-quy tính ôn, vị cay, ngọt, đại bổ can huyết. Quy-vỹ chực ứ huyết; chứng tiết-tả chớ dùng đương-quy.

白芍 Bạch-thược vị hàn, tính hay thu liễm, dễ sống thì bình can, sao đen thời bổ huyết; sao vàng thì bổ tâm.

赤芍 Xích-thược lạnh vừa, phá huyết tích, trị đau bụng, dân-bà sản hậu chớ dùng.

生地 Sinh-địa tính lạnh, vị ngọt, bổ âm huyết, nhuận đại-trang, trừ nóng nảy; bệnh tiết-tả chớ dùng.

熟地 Thục-địa tính ôn, vị ngọt, đại bổ thận thủy, trợ âm huyết, bổ tinh khí, nhuận da thịt, ích gân xương; bằng như nhiều đờm phải tẩm gừng rượu nướng khô; nhưng mà tính trệ, bệnh lý chớ dùng.

川芎 Xuyên-khung tính ôn vị cay, hành trệ khí, tiêu ứ huyết, tính dẫn, đưa lên trên khỏi rức đầu và trị bệnh tê thấp.

麥門 Mạch-môn tính bình, vị ngọt, bổ phế, khởi ho, thanh tâm khỏi khát, rút bỏ lõi sao vàng.

天門 Thiên-môn tính lạnh, vị ngọt, tiêu đàm, trị chứng phế ung và chứng nhiệt suyễn, bỏ lõi sao khô.

黃連 Hoàng-liên vị đắng tính lạnh, tả tâm hỏa, trừ thượng tiêu nóng, trị bệnh đau mắt đỏ và bệnh đi lý, trẻ con bệnh cam tâm rượu sao.

黃芩 Hoàng-cầm vị đắng tính lạnh, tả phế hỏa, tiêu đàm, trừ dạ-dầy nóng và ngoài da thịt nóng, cả dưới bàng quang nóng, tẩm rượu sao.

黃柏 Hoàng-bá vị đắng, tính lạnh, tả thận hỏa, trừ hạ tiêu thấp nhiệt, giải cả ngũ tạng nóng nảy, tẩm mật nướng.



梔子 Chi-tử vị đắng, tính mát, tả phế hỏa, giải phiền uất, đắng hỏa thông tiểu-tiện, tâm đồng-tiện sao đen.

石膏 Thạch-cao lạnh lắm, tả vị hỏa, giải nóng khát, khỏi rức đầu lưỡi nứt, răng đau và trúng thử đi tiểu đau buốt.

滑石 Hoạt-thạch lạnh vừa, giải nóng khát, thông hoạt cả tạng phủ, lợi tiểu-tiện bế và đàn-bà khó sinh.

知母 Tri-mẫu đắng, lạnh, bổ huyết mẫu, tả thận hỏa, nhuận phế, tiêu đàm, khỏi ho, trừ nóng nầy, đốt bỏ lông.

貝母 Bối-mẫu vị đắng, đắng hỏa, tiêu đàm, thanh phế nhiệt khỏi ho hắng, giải phiền uất.

土貝母 Thò-bối-mẫu lạnh vừa.

川貝母 Xuyên-bối-mẫu lạnh hơn tâm gừng sao khô

大黃 Đại-hoàng tính lạnh lắm, trừ trong dạ-dầy nóng, phá tích tụ, tiêu ứ huyết, bụng phát trướng, thông đại-tiện.

芒硝 Mang-tiêu tính lạnh lắm, trong bụng nóng quá, phát trướng kết bung, hạ đại-tiện rất mạnh.

柴胡 Sài-hồ tính mát, tả can hỏa, trị chứng thương-hàn, ra được mồ hôi, trị bệnh sốt rét và ghê sốt ghê rét.

前胡 Tiền-hồ tính mát, dẹp khí xuống, tiêu đàm khỏi ho, trừ trong ngực tức đầy và rức đầu hoặc ghê sốt ghê rét.

升麻 Thăng-ma tính lạnh vừa, mát trong dạ-dầy, giải khí độc, trị chứng thương hàn phát sốt, chứng dương hãm ở dưới, không thăng lên được và trị bệnh đau răng.

桔梗 Kết-cánh vị đắng ít, trừ phế nhiệt và trong cơ thể sưng đau, đem các vị thuốc thăng lên, khai thông đờm tắc ở trên ngực.

蘇葉 Tô-diệp lá lá tia-tô vị cay, đồ mồ-hôi, khỏi phát sốt.

蘇梗 Tô-ngạnh lá cành tia-tô, dẹp khí xuống, thông trên ngực.

蘇子 Tô tử là bột tia-tô tiêu đàm khỏi thở.

麻黃 Ma-hoàng tính ôn, trị bệnh trúng phong thành bệnh kéo hen nhân cảm hàn, chứng thương hàn sốt nặng ra được mồ hôi, nhưng má nhiều quá như mưa ra mãi năm sáu ngày, áo quần ướt như ướt, gây mất cả thịt cho nên cần Lăn - Ông không dùng.



麻黃根 Ma-hoàng-căn (Rễ ma-hoàng) thời hay liễm được mồ-hôi lại.

葛根 Cát-căn vị ngọt, tính bình, trị chứng ngoại cảm ra được mồ-hôi khỏi sốt, lại hay khỏi khát nước.

Cát-hoa rễ men rượu, giải tửu độc.

薄荷 Bạc-hà vị cay, trừ gió lạnh, ra mồ-hôi, mát trên đầu khỏi đau bụng.

防風 Phòng-phong tính ôn, trị các thứ gió, phát sốt, rức dầu, đau mình trừ bệnh thấp, liễm mồ-hôi, giải các vị độc.

荊芥 Kinh-giới tính ôn trị các chứng nhọt, ghẻ ngoài da ngứa gãi, trừ gió lạnh, ra mồ-hôi, sao đen thời chỉ huyết, bình khát nước không nên dùng.

細辛 Tế-tân tính ôn, trị chứng thương hàn, rức dầu, trừ bệnh phong thấp, thông lỗ mũi, bắt hơi.

姜活 Khương-hoạt tính ôn, trừ chứng thương phong rức dầu, trị bệnh tê thấp, mình mẩy gân xương đau rức.

獨活 Độc-hoạt vị đắng, ngọt, trừ chứng phong hàn tê thấp, gân cổ cứng đau và trị tai chân không đi được.

白芷 Bạch-chỉ tính ôn, trị phong tà khỏi rức dầu, ngoài da ngứa gãi, các thứ ung nhọt, hay hút mủ, mọc thịt khỏi đau.

藁本 Cảo-bản tính ôn, trừ rức trên đỉnh đầu, kiêm trị cả chứng phong hàn thấp.

香附 Hương-phụ tính ôn, tán hàn, giải uất, khoan khoái, tiêu cơm, điều-kinh huyết.

烏藥 Ô-dược tính ôn, trừ đau bụng lạnh, dẹp hơi xuống lợi tiểu-tiện.

枳實 Chỉ-thực vị hàn, tính mãnh liệt, tiêu đàm, phá tích mạnh như bắn súng.

枳壳 Chỉ-xác tính mát, trên ngực khoan khoái, tiêu đàm, lợi thủy, trừ bụng trướng đầy:

青皮 Thanh-bì vị đắng, phá khí trệ, tiêu thực tích, bình can khí, trị bụng dưới đau sán.

陳皮 Trần-bì vị ôn tiêu đàm hành trệ, khoan khoái trong bụng, khỏi nôn mửa, chỉ liết-tả.

蒼朮 Xương-truật tính ôn, kiện tỳ, thẩm thấp, trên bụng trướng đầy, tiêu đàm, trừ lam sơn trướng khí và ôn dịch.



厚樗 Hân-phác tính ôn, trừ bụng tức đầy, hạ đàm, đáng khí, khỏi đau bụng, trị chứng tả-ly.

南星 Nam-tinh tính nhiệt, trị bệnh trúng phong, nhiều dờm, và trẻ con kinh phong hàm răng cắn chặt.

半夏 Bán-hạ tính ôn, trừ bệnh đàm thấp trảng kiện tỳ vị, trị chứng đàm-quyết, rức đầu và bệnh ho hắng nôn mửa.

霍香 Hoắc-hương tính ôn, tán khí lạnh, khỏi nôn mửa, trị đau bụng hoắc-loạn.

檳榔 Bình-lang tính ôn, phá khí trệ, sát trùng, trị bệnh lý,

大腹皮 Đại-phúc-bì vị ôn, hạ khí trong ngực, yên tỳ vị, lợi tiểu-tiền, tiêu chứng phù sưng.

香薷 Hương-nhu vị ôn, thanh phế hỏa, giải nóng ngực, lợi tiểu, trị mồm thối, khỏi đau bụng.

扁豆 Biền-dậu tính bình, bổ tỳ vị, giải khí giới năng, rã men rượu độc, trị chứng hoắc-loạn.

猪苓 Chư-linh tính bình, lợi tiểu-tiền, tiêu bệnh phù sưng, trừ chứng thấp-nhiệt.

澤瀉 Trạch-tả tính mát, thông tiểu-tiền và nước đong ở tam-tiêu, trừ bệnh phù sưng.

木通 Mộc-thông tính hàn, tả tâm hỏa, trị phiền nhiệt, thông tiểu-tiền bế.

通艸 Thông-thảo tính bình, lợi tiểu-tiền, thông hành các kinh ra nhiều nước, sữa.

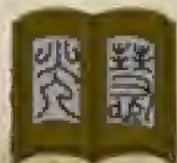
車前 Xa-tiền tính hàn, lợi tiểu-tiền, trị tiết-tả, trừ can phong, trị đau mắt đỏ.

地骨皮 Địa-cốt-bì tính hàn, bổ âm, trừ xương thịt nóng, quá chưa hấp sốt.

木瓜 Mộc qua tính ôn, bổ gân xương, trừ bệnh thấp, gỏi mỏi, chân sưng, trị chứng đau bụng hoắc-loạn.

葳靈仙 Uy-linh-tiên tính ôn, trị chứng tê thấp, đau các gân xương, chân tê không đi được.

牡丹 Mẫu-đơn vị hàn, bổ tinh thần, dưỡng khí huyết, tả âm hỏa, thông ứ huyết.



玄参 Huyền-sâm vị hàn, tả hư hỏa, tiêu hạch trên cổ, tan hòn trong bụng lại kiêm bổ thận.

沙参 Sa-sâm tính mát, trừ ngoài da nóng, buồng phổi nóng, trị ung nhọt, ghẻ lở.

丹参 Đan-sâm tính lạnh, bổ huyết điều kinh, tiêu ung nhọt sang độc.

苦参 Khổ-sâm tính lạnh, trị ung nhọt, ghẻ lở, nóng nẩy sưng đau và chứng tiện-huyết.

龍胆 Long-dâm tính lạnh, giải buồng gan nóng, trị đau mắt đỏ, giải hạ tiêu nóng và sát trùng.

五加皮 Ngũ-gia-bì tính bình, trị bệnh tê thấp, lưng đau gối mỏi, chân không đi được và trị chứng âm sang, lở ngứa.

防己 Phòng-kỷ tính bình, trị chứng phong thấp, sưng chân, dưới bàng quang kết nóng, tiểu-tiện không thông.

地榆 Địa-du tính lạnh vừa, trị các chứng huyết, tiện huyết, băng huyết, thổ huyết, nọc huyết.

茯神 Phục-thần tính bình, bổ tâm thần, yên hồn vía, khỏi sợ hãi, tỉnh hay quên và lợi tiểu-tiện; (trong ruột có nhiều thờ ngang dọc như sợi tơ mới thật phục-thần).

遠志 Viễn-trí tính ôn, bổ tâm hỏa, an thần, khỏi sợ hãi, nhớ lâu không quên.

棗仁 Tảo-nhân tính bình, liễm bổ-hồi vào, bổ tâm can, yên giấc ngủ; ngủ nhiều dễ sống, ít ngủ sao đen.

石菖蒲 Thạch-xương-bồ tính ôn, khai tâm khiếu, trừ bệnh cảm có thể nói ra tiếng, trừ gió lạnh tê thấp.

柏子仁 Bách-tử-nhân tính bình, bổ tâm, chỉ huyết, khỏi sợ hãi, tráng dương khí; (bọc giấy đập bỏ dầu)

益智 Ích-trí tính ôn, an thần bổ khí, khỏi nôn mửa, cổ tỉnh khí, khỏi vãi dãi.

甘松 Cam-lồng mùi thơm, trị chứng đau bụng, lại trừ uế khí, tắm gội thơm tho.

小茴 Tiểu-hồi tính ôn, làm chao nóng trong dạ-dầy trị đau bụng, đau lưng và trừ sản-khí, cước khí, dưới bàng-quang âm-nang sưng đau.



大茴 Đại-hồi (tám cánh tính ôn, mùi hắc lẫm, chuyên trị chứng đau lưng nặng, lại trừ bệnh đời-sán to bằng cái dẫu.

乾姜 Can-khương tính nóng dễ sống tán phong hàn, sao vàng ôn tỳ vị, sao đen chỉ huyết.

附子 Phụ-tử nóng lẫm trừ hàn thấp, trị chứng đau bụng lạnh, trị chứng vong dương chân tay lạnh giá.

烏頭 Ô-dầu nóng lẫm trừ gió vào xương, bán thân bất toại, trị bệnh hàn thấp tê đau và phá tích tụ, hờn cục.

木香 Mộc-hương vị ôn, tán khí trệ, hòa tỳ vị khỏi đau bụng, trị sản-khi và hạ đàm.

沉香 Trầm-hương tính ôn, đáng khí bổ dương, trị đau bụng, thổ tả, tiêu khí trệ khắp trong mình người.

丁香 Đinh-hương tính nóng, trừ dạ-dầy lạnh, khỏi nôn mửa, và trị chứng đau bụng lạnh, lại khỏi bệnh nấc.

沙仁 Sa-nhân tính ôn, làm cho nóng dạ-dầy, tiêu ăn uống trừ đau bụng khỏi thổ tả, lại khai uất và an thai.

肉桂 Nhục-quế tính nóng mùi thơm, vị ngọt, bổ mệnh môn-hỏa, thông các mạch máu, trị đau bụng lạnh, kiêm trừ bách bệnh. Quế ở Thanh-hóa ở Trịnh-vạn là nhục nhất; quế ở Yên-tử, ở Quý-châu là nhục nhì còn như quế xứ khác, hơi như bột suýt, mùi cay xé không dùng được. Dùng quế mới phải gọt lấy dầu thái nhỏ, giót nước sôi lấy giấy thấm bọt bỏ đi, thời mới uống được.

桂心 Quế-tâm trị tâm thống, trướng sản-khi, chỉ có chứng ong dương chân tay lạnh giá không uống được.

桂枝 Quế-chí tính nóng, giải tan gió lạnh, dẫn lên cánh tay, trị bệnh tê thấp lại liễm mồ-hôi vào.

吳茱 Ngô-thù tính ôn, trong bụng đau lạnh nuốt chua, nhò chua, ôn hạ-tiểu, trừ sản-khi.

玄胡索 Huyền-hồ-sách tính ôn trị tâm khí thống, hoạt huyết điều kinh nguyệt.

白豆蔻 Bạch-dậu-khẩu tính ôn, trừ khí lạnh trên ngực; làm cho nóng trong dạ-dầy, khỏi nôn mửa và trị đau bụng.



肉豆蔻 Nhục-dậu-khẩu tính ôn, tiên đàm, đáng khí, trừ đau bụng hoắc-loạn và chứng tiết-tả.

草豆蔻 Thảo-dậu-khẩu tính ôn, trừ dạ - dày đau lạnh, khỏi nôn mửa và ăn được ngon cơm.

蓮肉 Liên-nhục tính bình, bổ tỳ vị, trị tiết-tả.

蓮須 Liên-tu sáp tính khi.

石蓮肉 Thạch-liên-nhục tính lạnh, thanh tâm an thần,

薏苡 Ý-dĩ tính bình, trừ bịnh thấp, gân xương đau rức, bổ khí, ăn ngon cơm, trừ chứng phế ung.

淮山 Hoài-sơn tính ôn bình, bổ tỳ, khỏi đi tả, bổ thận, chỉ di-tinh bổ cả ngũ tạng.

山茱 Sơn-thù tính ôn, bổ can, ích thận, cố tinh khí, tai ù, lưng đau đều khỏi; bịnh ngoại cảm chớ dùng.

何首烏 Hà-thủ-ô tính bình, bổ tinh khí, đen râu tóc, khỏe gân xương thêm tuổi thọ.

黃精 Hoàng-tinh tính bình đại bổ, thanh tâm phế, hòa tỳ vị, ăn luôn mười năm thì sống lâu.

杞子 Khởi-tử tính ôn, đại bổ tinh khí, sáng tai mắt, khỏe gân xương, hưng dương đạo; uống lâu nhẹ mình thêm tuổi thọ.

杜仲 Đỗ-trọng tính ôn, mạnh gân, khỏe xương, lưng đau, gối mỏi, trị đi tiểu còn sót lại.

兒絲 Thử-tý tính bình, trị thận hư, chỉ di-tinh, nhuận tâm phế, bổ tỳ vị.

牛膝 Ngưu-tất tính bình, bổ thận, khỏe gân xương, giảng hỏa, lợi tiểu, bịnh di-tinh cấm dùng.

肉蓯蓉 Nhục-thông-dong tính ôn, bổ mệnh-môn-hỏa, đại bổ tinh huyết, trị chứng âm-nuy đại tiện táo kết.

續斷 Tục-đoạn tính ôn, chỉ huyết khỏi di-tinh, an thai, nối xương tiếp gân, (ngã què đánh gãy).

破故 Phá-cổ tính ôn, bổ thận, hưng dương, lưng đau, gối mỏi, cố sáp tính khi.

巴戟 Ba-kích tính ôn đại bổ dương khí, cứng mạnh gân xương, khỏi chứng di-tinh.



鹿茸 Lộc nhung tính nóng, đại bổ tinh huyết, ích khí, tráng dương, những người yếu đuối và người già nên dùng, chứng tiện-buyết cấm dùng.

鹿膠 Lộc đao là cao ban-long tính ôn, bình bổ tinh huyết những người yếu đuối, những bệnh thất huyết nên thường dùng.

鹿角霜 Lộc-dắc-xương chỉ bệnh di-tinh.

阿膠 A-dao tính ôn đại bổ phế khí, trị bệnh ho-lao và ho ra máu, an thai, cố thai trị bệnh kéo ben

胆朮 Ôt-nột-tê, là rái chó bề bề tỷ thận, tráng dương khí, trừ ma quỷ, trị bệnh ho-lao truyền thi.

芡實 Khiếm thực tính bình, bổ tỷ vị, ích tinh khí trị chứng lê thấp, lưng mỏi chân đau.

竜眼 Long-nhãn tính ôn, bổ tỷ, an tâm thần, thêm khôn ngoan, uống nhiều càng thông minh.

人乳 Nhân-nhũ là sữa người tính bình, bổ âm huyết, ích tinh khí, nhuận da thịt, người gầy gò nên dùng.

牛乳 Ngưu-nhũ là sữa bò tính nóng, bổ ích cũng như sữa người.

大棗 Đại-tảo là táo tàu tính bình, điều hòa các vị thuốc, bổ tỷ vị, hòa tâm phế.

生姜 Sinh-khương là gừng sống tính ôn, trừ gió lạnh, ôn tỷ vị, khỏi đau bụng, trị nôn nữa khỏi ngáy.

訶子 Kha-tử tính ôn tiêu đàm, khỏi ho, dãn hỏa, khỏi thở và chỉ tả-lỵ.

枳果 Thao-quả tính ôn, trừ hàn thấp, khỏi sốt rét, giải ôn dịch, chương khí.

常山 Thường-sơn tính hơi lạnh, trị bệnh sốt rét, tiêu đàm trừ chứng thủy sưng.

高良姜 Cao-lương-khương tính ôn, trị nôn mửa, tiết tả, tiêu thực tích, rã men rượu.

山楂 Sơn-tra tính bình, tiêu các thứ thịt, trừ bụng đầy, chỉ bệnh lỵ, đàn-bá đau dạ-con.

神曲 Thần-khúc tính ôn, hoá tỷ vị, ăn nhiều cơm, tiêu đờm rãi, khỏi đau bụng đi rửa.



麥牙 Mạch-nha tính bình, tiêu cơm khoan khoái trong bụng, trụy thai và cạn sữa, đàn-bà có thai phải kiêng.

白芥子 Bạch-dôi-tử tính ôn, tiêu đờm ở trên ngực và đờm ở trong da thịt, trị chứng nôn mửa.

甘遂 Cam-toại tính hàn có độc, tiêu bình phù, trừ bệnh hèn trong bụng, trị chứng kết hung.

大戟 Đại-kích tính hàn có độc, tiêu cả mười hai chứng phù sưng, phá bình hèn, đuổi ứ huyết, trừ ôn dịch.

芫花 Nguyên-hoa tính hàn có độc, tiêu phù sưng, trị ho hắng trừ đờm rãi, phá bình hèn.

海藻 Hải-tảo tính hàn, lợi tiểu tiện, tiêu phù sưng trừ chứng mọc hạch, phá bình hèn.

牽牛 Khiên-ngưu là hạt bím-bím lợi tiểu-tiện, tiêu phù sưng hạ khí xuống, trừ ruột già nóng.

亭陸 Đình-lịch tính lạnh vừa, tả buồng phổi nóng, khỏi ho thở tiêu đàm và tiêu bình phù.

五靈脂 Ngũ-linh-chi tính ôn, trị ngực bụng đau như xiên, dễ sống thời hành khí, sao cháy thời chỉ huyết.

瞿麥 Cồ-mạch tính lạnh, trị chứng bế tiểu-tiện và phá huyết tích thông kinh nguyệt, trụy thai, đàn-bà có mang phải kiêng.

三棱 Tam-lăng tính bình, phá ứ huyết, tiêu bình hèn trong bụng, trị chứng khí trệ, bụng đau tức đầy.

莪朮 Nga-truật tính ôn, tiêu máu đọng, phá bình hèn thôn kinh nguyệt tán khí trệ.

乾漆 Can-tất là sơn-sống khô tính ôn, trừ máu đọng đã lâu năm, sát trùng mạnh lắm, kiêm trừ tích, thông kinh-nguyệt.

蒲黃 Bồ-hoàng là cỏ nền tính bình, tiêu máu đọng thì dễ sống, bổ huyết, chỉ huyết thời phải sao khô.

蘇木 Tô-mộc là gỗ vang tính bình, trị chứng xản-hậu, máu đọng, thông kinh-huyết và trị chứng bị ngã, bị đòn.

桃仁 Đào-nhân tính lạnh, nhuận đại-tràng, thông kinh nguyệt, phá máu cục.

紅花 Hồng-hoa tính ôn, tiêu máu nóng dùng nhiều thì thông huyết, dùng ít thời hoạt huyết, trẻ con thổi tai hòa nước đỏ vào.



姜黃 Khương-hoàng tính lạnh, phá huyết tiêu ung nhọt bụng đau nổi cục, hạ khí mạnh lắm

爵金 Uất-kim là củ-nghệ tính hàn, phá huyết tụ, mọc da thịt, trừ bệnh uất và đi tiêu ra máu.

金銀花 Kim-ngân hoa tính bình, trị ung nhọt, ghẻ lở hay thứ nhất, lá nó trị bình lý.

漏蘆 Lâu-lư tính ôn, trừ nhọt, ghẻ, hút mủ mọc da thịt.

白蒺藜 Bạch-tật-lê tính mát, trừ ghẻ lở, sưng ngứa, trẻ con chốc đầu, đau mắt có màng.

白芨 Bạch-cập tính bình, thu miệng nhọt lại và chỉ huyết bị ngã bị đòn, ngoài da nứt nẻ vị này chỉ dùng để bôi bên ngoài.

蛇牀子 Sà-sàng-tử tính ôn trừ ghẻ lở, trị âm nang đau lạnh và chứng âm-nuy, dùng bôi ngoài.

天麻 Thiên-ma tính ôn, trừ các chứng phong, chân tay tê dại, gối mỏi, lưng đau, cơ gân.

白附 Bạch-phụ tính ôn, trị đầu, mặt hắc-lão, chân tay tê lạnh và đau bụng lạnh.

全蝎 Tuyền-yết tính bình, trị trúng phong, dờm lấp cổ, trẻ con kinh phong, lại trừ thận hư tai điếc.

蝉蜕 Thuyền-thuế là xác con ve sấu tính mát, trị đầu ù, mắt có màng, ngoài da gãi ngứa, trẻ con khóc dạ-dề.

姜蚕 Khương-tằm là tằm khô, trị chứng trúng phong dờm lấp cổ, chứng hầu-ti và tiêu-nhi kinh phong.

蜈蚣 Ngô-công là con rết có độc, giải các chứng sang độc, trẻ con lở mồm, đốt cháy hòa dầu-vừng bôi.

木鱉 Mộc-biết là bột gấc tính ôn, trừ nhọt độc tiêu sưng sưng, rửa hậu-môn, bình trị sưng đau.

蜂房 Phong-phòng là tổ ong trị đau răng và tràng-ung, nhũ-ung, trị bình tràng-nhạc đẹo vỡ đốt cháy, hòa mỡ-lợn bôi.

白花蛇 Bạch-hoa-sà là rắn hổ-mang-hoa tính ôn, trị bình trúng phong, bán thân bất toại và bình tê thấp, trị bình hủi.

蛇退 Sà-thoái là xác rắn không độc, trị trẻ-con các thứ sài, trị chứng ghẻ lở và bình trĩ, đốt cháy tán bột rắc vào



槐花 Hoè-hoa tính bình, thanh phế, nhuận tràng, da thịt gẻ ngứa, đại tiện có huyết.

牛蒡 Ngưu-bàng tính ôn, tiêu đờm rãi, trừ ghẻ ngứa lở khắp mình mẩy, và giải đậu độc trẻ con.

茵陳 Nhân-trần tính lạnh, trừ chứng da vàng bủng, tiểu thấp nhiệt, lợi tiểu-tiện, phải kiêng sao lửa.

蔓荆子 Mạn-kinh-tử tính mát, trừ rức đầu, khỏi đau mắt và nhiều nước mắt, trị chứng tê thấp cơ gân.

馬兜零 Mã-đầu-linh tính lạnh, trừ buồng phổi nóng, khỏi ho thở, tiêu đờm rãi và dốt khói hun bình trị.

百合 Bách-hợp tính bình, thanh phế nhiệt, an tâm thần, trừ bụng đầy, lợi tiểu-tiện, tiêu phù sưng và trị ung nhọt.

五味 Ngũ-vị tính ôn, liễm phế khí, khỏi ho thở, bổ thận giải khát; chứng ngoại cảm chớ dùng.

紫苑 Tử-uyên tính ôn, bổ phế, khỏi ho thở, tiêu đờm rãi và trị chứng phế ung nhổ ra máu mủ.

款冬花 Khoản-đông-hoa tính ôn, nhuận tâm phế, trị chứng ho-lao, tiêu đàm giải khát.

旋覆花 Toàn-phú-hoa tính hàn, tiêu đàm chỉ nôn mửa, lợi tiểu tiện, tiêu phù sưng.

桑白皮 Tang-bạch-bì tính mát, thanh phế nhiệt, khỏi ho hắng, tiêu đờm và ho đờm có máu.

杏仁 Hạch-nhân tính ôn, nhuận phế, khỏi ho khản tiếng, trị chứng thương phong đồ được bồ-hôi ra thông lợi đại tiện.

烏梅 Ô-mai tính bình liễm phế khí, chỉ khát khỏi ho, tiêu đờm, trị chứng đau bụng nôn ra giun và chỉ tả lỵ.

花柳 Hoa-phấn tính hàn, trừ nóng giải khát, thông kinh huyết nhiều sữa và trị chứng ung nhọt.

瓜蒌仁 Qua-lâu-nhân tính lạnh, nhuận phế, giải khát, tiêu đàm, khỏi ho hắng, khoan khoái trong bụng.

蜜蒙花 Mật-mông-hoa tính bình, trị đau mắt và nhiều nước mắt hoặc mắt có màng và trẻ con cam mắt.

菊花 Cúc-hoa tính ôn, trừ phong, trị tròng mắt, trị đau mắt đỏ và nhiều nước mắt.



木賊 Mộc-tặc tính bình, đồ bồ-hôi rất mau, trị mắt có màng, trị chứng tiện-huyết và lậu-huyết.

草决明 Thảo-quyết-minh tính bình, trị rức đầu và đau mắt đỏ, tiêu màng mắt và khỏi đờ máu cam.

秦艽 Tần-giao tính bình, trị phong hàn tê thấp, gân xương đau đờn; bổ huyết dẫn gân.

犀角 Tê-dắc tính lạnh, trị nóng nảy phát cuồng, trị rức đầu và thổ huyết, giải các thứ độc, trị ung dọt, hóa mủ ra nước và trị trẻ con đậu độc.

羚羊角 Linh-dương-dắc tính lạnh, trị chứng thời khí nóng ở ngoài da, thanh phế nhiệt, chỉ huyết ly, trừ khi ngủ bóng dè.

龟板 Quy-bản tính lạnh, đại bổ âm huyết khỏe mạnh gân xương, trị bệnh đau lưng, và trẻ con không kín thóp.

鳖甲 Biết-giáp là mai ba-ba tính bình, trị xương nóng gầy gò chỉ bệnh sốt rét, phá bệnh hờn tiêu máu đọng.

海螵蛸 Hải-phieu-tiêu hoặc gọi **烏賊骨** Ô-lặc-cốt là mai mằm-mực, tính bình, trị tai điếc mắt có màng và dọt ghẻ không có mủ tán bột rắc vào.

桑寄生 Tang-ký-sinh là tầm-gởi cây giâu tính bình, trị chứng phong thấp rức xương, chỉ băng huyết, an thai và nhiều sữa.

火麻仁 Hỏa-ma-nhân tính bình nhuận đại-tràng táo kết, thông tiểu-tiện, phá huyết tích dễ đẻ ra nhiều sữa.

山豆根 Sơn-đậu-cẩn tính mát, trong cổ sưng đau dùng má nhai rồi nuốt nước, trên đầu có vẩy trắng mài nước bôi vào.

益母草 Ích-mẫu-thảo tính ôn tiêu huyết đọng, sinh huyết mới, đàn bà có thai và sản hậu uống vào rất hay.

紫草 Tử-thảo tính mát, thông các tia lỗ suốt trong lục phủ, tiêu bụng chướng đầy và lợi tiểu-tiện trị trẻ con đậu không mọc được.

澤蘭 Trạch-lan là màn tưới tính ôn tiêu phù sưng, lợi tiểu tiện trừ huyết cũ sinh huyết mới, trị các bệnh đàn-bà.

皂角 Tào-dắc là quả bồ-kếp tính ôn, sao cháy tán bột thổi lỗ mũi để bắt bụi, hòa nước bôi khỏi sưng đau và cho thổ đàm ra rất mau.



蕪荑 Vu-di tính bình, sát trùng, tiêu tích, trị đau bụng sôi bụng, trẻ-con cam tích ngoài bôi ghẻ lở.

雷朮 Lôi-hoàn tính lạnh, sát trùng mạnh lắm, trị trẻ-con cam tích, nhiệt tích, phải tẩm nước cam-thảo một ngày rồi đun với rượu, sấy khô để mà dùng.

胡麻仁 Hồ-ma-nhân tính bình, bổ cả ngũ tạng, cứng gân khỏe xương, yên thần, bổ khí.

蒼耳子 Sương-nhĩ-tử là quả ké, tính ôn, trừ chứng phong thấp, trị bệnh ghẻ ngứa, (sao cháy, dằm bỏ gai, mà dùng)

青箱子 Thanh-tương-tử là hạt mào gà dại, tính mát trừ buồng gan nóng, trị đau mắt đỏ, tiêu màng mọng

穀星草 Cốc-tinh-thảo tính bình, trị đau răng, màng mắt và chứng hầu-tỷ.

青蒿 Thanh-bao tính mát, trị xương nóng và chứng tả lỵ, trị đồ bồ-hôi trộm rất hay.

茅根 Mao-căn tính bình, chỉ các chứng huyết, trừ trong ruột nóng và lợi tiểu-tiện.

大薊 Đại-kế **小薊** Tiểu-kế tính bình, trị các bệnh huyết, tiêu huyết cũ, sinh huyết mới.

枇杷葉 Ty-bà-diệp tính bình, thanh buồng phổi, trị chứng ho lâu gần thành lao và chứng nôn mửa mãi không khỏi

胡桐淚 Hồ-đồng lệ đại hàn, trị đau răng và trong ngực bụng nóng nẩy.

射干 Sạ-can là củ lười-đồng hoặc gọi cây rẻ quạt tính lạnh; tiêu vị ăn nóng, phá huyết, khỏi sưng đau, trừ mọc hạch và trị trong cổ đau ăn uống không được.

夏枯草 Hạ-khô-thảo là cây cải-rừng tính lạnh, trị chứng tràng-nhạc, chứng anh-lưu, mọc thịt; phá bình hờn trong bụng, trị đau chân tê-thấp.

馬鞭草 Mã-tiên-thảo là cỏ roi-ngựa, tính mát, phá huyết thông kinh, trừ bệnh hờn, chứng mọc hạch đau và chứng âm sưng, dằm nhỏ dịt vào).

鶴虱 Hạc-sắt tính bình, trừ khi trệ và trẻ-con có bệnh giun cần bụng đau, tán bột hòa nước thịt cho uống.



白頭翁 Bạch-đầu-ông tính ôn, chỉ đồ máu-cam và đi lý ra máu, trị bệnh sốt rét và chứng sán-khi, trị các đau xương đau đòn.

旱蓮草 Hạm-liên-thảo hoặc gọi **鯉腸草** Lý-tràng-thảo là lá nhỏ-nổi tính bình, chỉ chứng huyết lý và dao đâm chảy máu vẩy nước bôi dầu cho tóc đen.

山慈姑 Sơn-từ-cô có độc ít, trị chứng ung nhọt, bệnh tràng nhạc, trong uống ngoài bôi và da mặt đen sạm.

鈎藤 Câu-dằng tính mát, trị trẻ-con mười hai thứ sài-kinh và khi nóng sốt rất mình.

菰蔞草 Hy-thiên-thảo là lá chó đẻ tính lạnh, trị chứng phong thấp chân tê, mạnh gân khỏe xương, đàn-bà dùng hay lắm.

辛夷 Tân-di là búp đa-lông trị đau rức mắt sưng, trị da mặt đeo, thông lỗ mũi hay ngạt.

側柏葉 Trắc-bách-diệp tính ôn, chỉ các chứng huyết đau không mọc tóc tán bột hòa dầu - vùng bôi.

椶櫚子 Tung-lư-tử là hạt cây móc tính bình, chỉ các thứ bệnh huyết và trị đi tả.

淫羊藿 Đàm-dương;-hoắc tính bình, bổ thận, trị chứng âm-nuy luyệt dương, cứng gân mạnh xương và thêm sức khỏe.

覆盆子 Phú-bồn-tử tính ôn, chỉ tiểu-tiên đi nhiều, bổ thận ích tính, trị chứng đau mắt có màng.

合歡 Hợp-hoan tính bình, vui vẻ lòng người, yên trong ngũ tạng, sáng con mắt, bớt lo nghĩ.

金櫻子 Kim anh-tử tính bình, bổ thận, trị chứng đi-tính, trị bệnh tả lý.

蜜陀僧 Mật-sá-tăng tính bình, trị ghẻ lở và bệnh trĩ bệnh hôi nách, tán bột bôi vào.

扶瀝肝 Phục-long-can là đất bụng đầu-dau tính ôn, trị chứng đau bụng nôn mửa và chỉ huyết; khi thiên thời đàn bà thai không yên.

石灰 Thạch-hôi là vôi-bột tính ôn, bôi nhọt độc và dao đâm chảy máu, hòa nước lấy nước trong rửa chứng thoát-sang và chứng âm-sưng; giải cả các thứ độc.



穿山甲 Suyên-sơn-giáp trị các chứng ung dột, trong ống ngoài tán bột bôi và trị tà ma yêu quái.

蚯蚓 Khâu-dẫn hoặc gọi là :

土龍 Thổ-long là con giun tính mát, trừ nóng nẩy, trị chứng ngã-nước ; cắt giun bôi mụn nhọt sưng nóng.

蜘蛛 Chi-thù là con rện tính mát, trị các chứng ung nhọt và chứng lởĩ tỷ, bệnh hôi-nách, (đốt ra than tán bột bôi vào).

蟾蜍 Thiềm-thừ hoặc gọi là :

鱉蝦蟆 Lại hà-mô là con cóc tính mát, trị chứng ung thư nhọt độc mọc dang lưng và trị trẻ-con bệnh cam. Gan cóc dầm nhỏ dịt đinh-râu rất hay.

刺蝟皮 Thích-vị-bì là da con rím tính bình, chỉ chứng nôn mửa, tiêu bụng đầy ; khoan khoai trong bụng, trị chứng trĩ lậu chứng âm-sưng và kiem chỉ huyết.

蛤蚧 Cáp-giới là con cập-kê tính bình, đại bổ phế khí, trị chứng ho-lao ; khối kéo hen và thông huyết mạch, lợi tiểu-tiên.

蠍蛄 Lâu-cô là con dế có hai tay bơi, trị chứng phù-sưng lợi tiểu-tiên và mũi gai đâm ở trong thịt, (dã nhỏ dịt vào thì gai ra).

蜗牛 Oa-ngưu là con ốc-sên, trị chứng thoát-giang, đốt cháy hòa mỡ lợn bôi và lấy nước bôi chỗ con rết cắn.

田螺 Điền-loa là con ốc-nhồi tính lạnh, trị chứng đau mắt đỏ, trừ trong bụng nóng nẩy lợi cả đại, tiểu-tiên.

水蛭 Thủy-diệt hoặc gọi là :

螞蝗 Mã-hoàng là con đĩa dể hút ung nhọt. Lấy quần bút đựng vào rồi dể trên miệng nhọt phải dùng đĩa-dối thì hút mới mạnh.

海粉 Hải-phấn là bột bề tính mát, trị buồng phổi nóng tiêu đờm đặc ; khối ho thổ. (Chim yến ngâm lên làm tổ gọi là yến sào không phải là rãĩ con chim yến dẫu).

海石 Hải-thạch là đá-bột, trị chứng ho đờm nóng. Tán bột hòa mật-ong ngâm.

青礞石 Thanh-mông-thạch tiêu đờm nóng và tiêu thực tích rất thần hiệu, (nung lửa nửa ngày dể dùng).



礞石 Từ-thạch là đá nam-châm tính lạnh, chuyên hút sắt; trị bệnh tai điếc, bỏ thận tráng dương, (nung lửa mà dùng).

花蓋石 Hoa-nhi-thạch tính lạnh, trị dao đâm chảy máu; tán bột rắc vào, chỉ huyết rất hay và trị chứng sản-hậu huyết ứ.

代赭石 Đại-giả-thạch tính lạnh, trị các chứng huyết; trấn bình kinh trẻ-con và bệnh cam; dân-bà có thai chớ dùng.

骨碎補 Cốt-toái-bồ tính ôn, hay phá huyết lại hay chỉ huyết, trị chứng rập gãy; bỏ thận, khỏi ù tai, đau răng.

茜根 Thuyền-căn tính lạnh, mát quả tim, buồng phổi, chỉ các bệnh huyết, trừ da vàng bủng, trị chứng tê thấp.

萆麻子 Tỳ-ma-tử là hạt dầu dầu tía, hay hút khí độc rút ngòi dinh nhọt. Bệnh thoát giang dẹt trên đỉnh đầu thời thu lên, dân-bà để rau chàm ra dẹt gan bàn chân thời ra.

藜蘆 Tất-bát là lá lốt tính ôn, hạ khí, tiêu đàm, trị chứng đau bụng đi tả; nút lỗ-mũi khỏi rức đầu.

百部 Bách-bộ tính bình, trừ buồng phổi nóng và xương nóng, khỏi ho hắng, sát trùng gỏi đầu thì không có chấy nữa.

京墨 Kinh-mặc là mực-tàu, chỉ các bệnh huyết và trị bệnh đau tim và sưng lưỡi.

女貞子 Nữ-trinh-tử tính bình, bổ âm huyết yên ngũ tạng, trừ gió mây khỏi các bệnh.

仄帝 Qua-đế là cuống quả-dưa tính hàn hay nón mửa, trị bệnh động-kinh, chứng hầu-lý và đàm-tích, thực-tích ở trong ngực phải dùng để cho thổ ra.

瞿粟壳 Cồ-túc-xác là vỏ quả thuốc-phiện tính ôn, trị chứng ho lâu và bệnh tả-lý đã lâu lại trị bệnh di-tính;

巴豆 Ba-dậu tính nóng, mùi cay thông lợi đại-tiện, trừ trong dạ-dầy lạnh và tức đầy, phá bình hờn, thông kinh nguyệt (bọc giấy đập bỏ dầu mà dùng).

班搗 Ban-miêu là con sâu cây đậu-xanh có độc; phá huyết thông kinh, trị các sang độc, bệnh tràng-nhạc, trị lâm-bệnh đi tiểu đau buốt.

胡黃連 Hồ hoàng-liên tính bình, bỏ can, sáng mắt, trừ xương nóng, trị trẻ-con cam lý.



使君子 Sử-quân-tử là quả-dun tính ôn, sát trùng, trị trẻ-con bình cam ; chỉ đi tả và tiêu-tiên trắng đục.

赤石脂 Xích-thạch-chi tính ôn, sáp trắng, chỉ đi lý và trị chứng di-tinh, trị dọt vỡ, hút mủ, mọc thịt.

青黛 Thanh-dại tính mát, giải buồng gan nóng, tiêu cơm, giải các thứ độc, trị trẻ-con bình cam.

白礬 Bạch phan là phèn-chua, tính lạnh, giải nóng tiêu đàm và trị răng đau, thối tai, trong mũi mọc thịt.

五倍 Ngũ-bội tính bình, trị ghẻ lở, trẻ con cam răng, cam mũi, mắt đỏ, lở mồm trong uống ngoài bôi.

玄明粉 Huyền-minh-phấn tính lạnh, phá kết, tiêu đàm, khoan khoái trong ngực, tiêu rờ bần trong ruột.

石斛 Thạch-hộc tính mát, trừ trong bụng nóng ngoài da nóng, trị hai chân tê-thấp.

牡蠣 Mẫu-lệ là vỏ con hàu tính mát, liễm bồ-hôi lại chỉ bình di-tinh và đàn-bà bình xích, bạch-dải.

川練子 Xuyên-luyện-tử tính mát, trị chứng thương hàn sốt rữ; trong bụng đau rữ và trị chứng sản-khi, lợi tiểu, sát trùng.

革薺 Ty giải là củ kim-cương tính bình, trị bồ-đục lạnh, chứng dương-nuy đi tiểu nhiều và trị chứng tê-thấp.

龍骨 Long cốt tính bình, trị chứng tràng-ung, các dọt vỡ không thu miệng, trị bình di-tinh và chỉ huyết, chỉ hãn lại an hồn via khỏi chiêm bao mơ màng.

血餘 Huyết-dư là tóc, chỉ các chứng huyết, đàn-bà sản hậu, chứng huyết vụng, trẻ con thai kinh nóng sốt.

楓香 Phong-hương tính bình, trị chứng ung dọt, ghẻ ngứa và trị đau răng.

檀香 Đàn-hương là trầm-bạch tính ôn, hòa tỳ vị, ăn ngon cơm khỏi đau bụng, trừ mùi hôi tanh.

安息香 An-lức-hương tính bình, trừ tà sát quỷ, chỉ bình di-tinh, chiêm bao mơ màng.

蘇合香 Tô-hợp-hương tính ôn, trị bình trúng phong, chứng khí-quyết, đàm-quyết, trừ ma quỷ năm ngũ bóng đè



熊胆 Hùng-dâm là mật-gấu tính lạnh, thông kinh tán huyết, trừ màng mắt, hơi dột độc ; khỏi chứng da vàng, trị trẻ-con kinh phong và khi ngã đánh máu tụ lại.

硼砂 Băng-sa tính nóng, phá huyết, tiêu đàm, trừ các ung dột, thối thịt ; hóc xương ngậm nuốt thời khỏi.

硃砂 Chu-sa tính mát, thanh quả tim nhuận buồng phổi, yên thần hồn, trừ tà khí giải lên đậu độc.

硫黃 Lưu-hoàng tính nóng có độc sát dột ghẻ có trùng, bỏ thận hỏa, tráng dương khí, trừ lãnh khí.

龍腦 Long-não tính ôn, trị đau mắt và chứng hầu-tỷ trừ phong, tiêu đàm.

盧會 Lô-hội gọi là mật-voi tính lạnh, trị trẻ-con bịnh cam và chứng kinh-dẫn và trị sâu răng ngứa mũi.

天竺黃 Thiên-chúc-hoàng là phần-nửa tính bình, trị chứng phong nhiệt, mát quả tim, sáng con mắt, trị trẻ con sai kinh.

射香 Sạ-hương tính ôn, sát trùng, trừ khí độc, thông các tia lỗ vào trong xương tỷ, thôi sinh, truy thai rất mạnh.

乳香 Nhũ-bương tính ôn, trị các chứng ung dột, khỏi sưng đau, trị chứng đau bụng ; sao với bắc nghiên nhỏ dùng.

沒藥 Một-được tính bình, trị các chứng ung nhọt, tán huyết khỏi đau và trị khi bị ngã bị đánh hay dao đâm, sao với bắc nghiên nhỏ dùng.

阿魏 A-uy tính ôn, sát trùng tiêu cơm thịt, phá bịnh hòn, trừ ma quỷ.

水銀 Thủy-ngân tính lạnh, trị ghẻ ngứa, sát trùng và trị bịnh tiêm-la.

輕粉 Kinh-phấn tính lạnh, có độc, sát trùng, ghẻ lở, ngứa nhỏ bôi vào, lại bôi bịnh tràng-nhạc và bịnh mũi đỏ.

靈砂 Linh-sa hoặc gọi là **靈丹** Linh-dan tính ôn, trị trong ngũ tạng lạnh lẽo, yên thần hồn, thông mạch máu thêm sức khỏe.



砒霜 Phê-sương là thạch-tín hoặc gọi là nhân-ngôn rất độc lắm trị ung nhọt độc, tràng-nhạc, hòa thuốc để bôi. Luyện cất giun nung đỏ cho hết khói, trị chứng kéo hen và mọc nhiều dọt.

雄黃 Hùng-hoàng tính bình, trừ tà giải độc, trị ghẻ lở sát trùng.

珍珠 Trân-cầu tính mát, trị đau mắt có màng, nứt lỗ tai khỏi điếc, trị trẻ-con sài kinh, nóng sốt.

牛黃 Ngưu-loàng tính mát, trị chứng trúng phong đờm tắc cổ và trị trẻ-con ho đờm sốt nóng.

琥珀 Hồ-phách tính bình, yên-hồn vía trừ trôn bụng tích tụ; thông lợi tiểu-tiện rất mạnh.

血竭 Huyết-kiệt tính bình, trị chứng ung dọt, thu miệng lại, mọc thịt ra, trị ngã đánh lán huyết khỏi đau, trị đàn-bà chứng bạch-đái.

石鍾乳 Thạch-trung-nhũ tính ôn, bổ phế, khỏi ho và bổ thận ra nhiều sữa

陽起石 Dương-khởi-thạch tính ôn, trị đàn-ông chứng âm nuy, luyệt dương rất hay; Đàn bà ấm áp trong dạ-con.

蒲公英 Bồ-công-anh tính bình trị vú mọc dọt và lên đinh sưng đau; trị mũi gai đâm vào ở trong thịt, vắt nước bôi vào.

扁蓄 Biền-súc là thái-lài, trị ghẻ mủ bình trị, trẻ-con giun cắn trong bụng; đàn-bà chứng âm-sang.

鷄內金 Kê-nội-kim là da vàng trong mề-gà tính mát, trị chứng di-tình và vãi đái, chỉ chứng băng-lậu, trừ nóng này, chỉ đi lỵ.

蓮藕 Liên-ngẫu là ngô-sen tính mát, trừ nóng, giải khát, chỉ thổ huyết, ho ra huyết; vắt lấy nước uống, nấu chín bỏ tý tiêu cơm.

乾柿 Can-thị là hồng-tầu tính bình, nhuận tim, mát phổi khỏi ho, tiêu đờm, bổ tý vị.

石榴皮 Thạch-lựu-bì là vỏ quả lựu tính bình, xấp tràng chỉ bình lỵ và chỉ lậu tính lại trị gân cơ chân đau.



陳米 Trần-mễ là gạo để lâu năm tính bình, hòa tỳ vị chông, tiêu hóa, giải nóng khỏi khát, chỉ tả lý; (sao cháy dùng).

蘿蔔子 La-bặc-tử là hạt củ-bí tính ôn, thổ phong đàm khỏi ho thở, trừ tức đầy, lợi đại, tiểu-tiện.

萊菔根 La-bặc-căn là củ cải tính bình, hoan-khoái trong bụng, nhuận buồng phổi, hóa đàm, tiêu cơm, chỉ ho ra máu.

蘇油 Ma-du hoặc gọi là **香油** Hương du tính mát, giải nóng trừ độc, trừ đau cổ thông lợi đại - tràng.

白果 Bạch-quả tức là vị **銀杏** Ngân-hạnh tính lạnh, mát buồng phổi, tiêu đờm khỏi ho, yên thở kéo hen.

胡桃 Hồ-dào tính ôn, bổ phế khỏi ho hắng, bổ thận, khỏi đau lưng, đen râu tóc.

榧子 Phỉ tử tính bình, trừ các bệnh trĩ, trị bụng có sạn hóa ra nước và tiêu cơm ăn được nhiều.

竹茹 Trúc-nhự là tinh tre tính mát, chỉ nôn mửa và chỉ bệnh huyết, yên buồn bã, không ngủ được.

竹葉 Trúc-diệp tính bình, trừ nóng giải khát, khỏi ho, tiêu đàm lợi tiểu-tiện.

竹瀝 Trúc-lich là nước măng-vòi tính mát, bổ âm khỏi khát giải nóng, tiêu đàm trị trẻ con nóng sốt nhiều đờm.

燈心 Đăng-tâm là bắc tính lạnh, mát quả tim, lợi tiểu-tiện, nhai nhỏ dặt dứt tay, đốt ra than thổi chứng đau cổ.

艾葉 Ngải-diệp là lá ngải-cứu tính nóng trị trong bụng đau lạnh, đau hoắc-loạn, chỉ băng huyết, lậu huyết, an thai, ấm dạ-con.

緣荳 Lục-dậu là đậu-xanh tính mát, giải các thứ độc, trừ nóng, khỏi khát, nghiền sống hòa nước uống, trị đau bụng nhiệt, lợi tiểu-tiện.

川椒 Xuyên-tiên là hạt đấng-cay, tính nóng, trị đau răng đau mắt, trong bụng đau lạnh, trị trẻ-con bụng có giun.

胡椒 Hồ-tiên tính nóng, trừ dạ-dầy lạnh ngực bụng đau lạnh nóng trong ngũ tạng tiêu cơm hóa đờm, chớ nên ăn nhiều.



蜂蜜 Phong-mật là mật-ong tính bình, bổ tỳ nhuận phế, trừ nóng, khỏi khát, trị các bệnh trong mồm lưỡi giải các thứ độc, nhuận đại-tràng, trị bỏng nước bỏng lửa.

馬齒莧 Mã-sĩ-nghiễn là rau-sam tính lạnh, giải khát lợi tiểu, dịt chứng ung dột.

葱白 Thông-bạch là củ hành tính bình, trị chứng thương phong rức dầu phát sốt, ra được mồ-hôi, dịt dột sưng đau.

胡荽 Hồ-tuy là hột-mùi tính ôn, khỏi rức dầu, tiêu cơm rượu, nhai nhỏ phun trẻ-con cho mọc dậu được tốt.

韭菜 Cửu-thái là lá họ tính nóng, ấm trong bụng, trừ đau bụng, lạnh, vắt nước uống tiêu máu đọng.

韭子 Cửu-tử là hột-hẹ, trị bệnh di-tính.

大蒜 Đại-toán là củ-tỏi tính ôn, tiêu ung dột, giải bệnh trúng thử, tiêu ăn cá thịt, chỉ chứng hoắc loạn, trừ sơn lam chương khí.

食鹽 Thực-diêm là muối tính bình, hay nôn đờm ra hay mềm chỗ sưng rần, bền răng sáng mắt.

茶茗 Trà-dinh là chè.

烏龍 Ô-long tính bình.

蓮心 Liên-tâm tính lạnh, điều hay mát quả tim, tỉnh con mắt, nhuận buồng phổi tiêu đàm lợi tiểu-tiện.

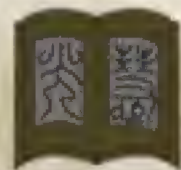
松圓 Tông-viên là chè-hột tính bình Lá chè tươi tính mát.

漫後 Mạn-hậu là chè mạn-hảo tính ôn, tiêu cơm, trừ đầy bụng rạo huyết, chỉ tả.

酒 Tưu là rượu tính hay bốc nóng, có độc, hành khí, tán huyết, uống ít tiêu cơm, uống nhiều sinh bệnh.

醋 Thổ là giấm-thanh tiêu sưng sưng, phá bệnh bòn cục đàn bà sản-hậu, chứng huyết vụng, tươi vào than lửa xông lấy khói.

淡荳豉 Đạm-dậu-sị tính mát trị chứng thương-hàn rức dầu phát sốt, trị trong lòng phiền não. Bã dậu dịt ung dột sưng đau.



童便 Đồng-tiên là nước tiểu trẻ con tính lạnh, giáng hỏa rất mau, trị chứng thổ-huyết, nục-huyết, và trị ngã đánh, trị đàn-bà sản hậu hay tiểu ứ huyết.

枳椇子 Chi-cụ-tử tính bình vị ngọt, giải độc rượu, (các nhà nấu rượu, vườn có cây ấy, thì rượu nhạt).

三七 Cù-tam-thất khi lạnh, vị đắng, tán huyết hóa ra nước, giải đờ thì nóng, đánh đám chảy máu thì bôi dịt.

虎骨 Hồ-cốt tính ôn, trừ chứng phong thấp thần hiệu và mạnh gân khỏe xương.

白前 Bạch-tiên tính bình, bổ phế, trị ho lâu, tiêu đàm khỏi thở.

葛花 Cát-hoa và **豆花** Đậu-hoa hai vị liền lẫn uống một thìa bao nhiêu rượu cũng không say.

蜻蛚 Tề-tào là con sâu-giâu, dựa nó chấm khối màng mắt mũi gai đâm mắc ở trong thịt, đâm nó dịt vào thì hút ra được.

椰菜 Gia-quả là quả dừa, nước dừa giải khát, cùi dừa bỏ tỳ, dầu dừa bôi tóc.

萱花 Huyền-hoa là hoa-hiên vị ngọt, nhẹ mình sáng mắt vui vẻ khỏi phiền, mát mẽ khỏi nóng.

蚕蛾 Tầm-nga con ngái, trị bệnh di-tính, nóng quả bỏ dục, tráng dương thần hiệu.

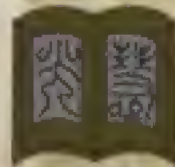
活鹿草 Hoạt-lộc-thảo là cây xương-xông xát ghê trừ độc, bột nó trừ giun cần trong bụng.

蘆甘石 Lô-cam-thạch trị các thứ đau mắt, (nung đỏ tui đồng-tiên bảy bận tán bột dùng).

飴糖 Gi đường là kẹo mạch-nha tính ôn, bổ phế khí, hóa tỳ-vị tiêu đàm khỏi ho.

甘蔗 Cam-giá là cây mía tính bình, nhuận phế tiêu đàm, điều hòa tỳ vị.

冬瓜 Đông-quả là quả bi-đao tính mát trừ nóng nẩy lợi tiểu-tiên, người nào ốm đã lâu chớ dùng.



竹笋 Trúc-duần là mang-tre, lợi tiểu-tiền, mang-khô thời trẻ lý, trong bụng có bình hòn và chứng đau chân không nên ăn.

荔枝 Lê-chi là quả vải tính bình, sinh tân-dịch kiện tỳ vị, bột vải trị bệnh sản - khi.

栗子 Lật-tử là bột dễ tính ôn, bổ thận trị đau lưng đầu gối mỏi, cứng gân khỏe xương.

橄欖 Cầm-lãm là quả chám tiêu cơm đã rượu khỏi hóc xương cá, nhân-chám bôi môi nứt.

菱角 Lăng-dác là củ ấu tính mát, không bổ ích gì, tồn dương bại âm bụng đầy hóa lý.

榴櫚 Quân-tiền là quả hồng đỏ tính mát đã rượu và khỏi khát.

梨果 Lê-quả tính mát đã rượu khỏi khát, tiêu đàm khỏi ho, lại trừ nóng nẩy.

猪肉 Chu nhục là thịt lợn tính bình, bổ móng-giò rất bổ, ruột-lợn lâu tiêu, thủ-lợn có độc.

水牛肉 Thủy-ngưu-nhục là thịt trâu tính mát, bổ tỳ lợi tiểu.

黃牛肉 Hoang-ngưu-nhục là thịt bò tính nóng, ôn tỳ vị, những người tính nóng bệnh nóng chớ dùng.

羊肉 Dương-nhục thịt dê nóng lắm, đại bổ dương khí mạnh gân khỏe xương những người yếu đuối nên dùng.

狗肉 Cẩu-nhục là thịt chó có độc, tính nóng bổ dương, những người âm hư và đàn-bà có mang phải kiêng.

熊掌 Hùng-chưởng là bàn-tay con gấu rút là vị ngon, không sợ gió mây, mật-gấu tán huyết bị ngã bị đòn nung thực hay.

鹿肉 Lộc-nhục là thịt hươu tính nóng, bổ các bệnh hư, tiết hươu trị chứng phế-ung và trị bệnh âm-nuy dương luyệt.

兔肉 Thỏ-nhục là thịt thỏ tính bình, nhạt nhẽo chẳng bổ ích gì, bại dương tồn khi, hóa vàng da hại tinh thần.

香狸 Hương-ly là cây-hương thịt ăn ngon lắm, dưới rốn thịt thơm gọi là xạ-nam.



狐肉 Hồ-nhục là thịt cáo, bổ các bệnh hư, những chứng hay quên và sợ hãi, bệnh ghẻ lở; thịt ăn rất ngon khỏi cả các bệnh.

鷄肉 Kê-nhục là thịt gà tính ôn, bổ khí, những bệnh nóng phải kiêng, thịt gà già rất độc.

鷄卵 Kê-noãn là trứng-gà tính ôn, lòng-đỏ bổ khí huyết, lòng trắng thì mát, hay tiêu nóng nẩy.

鰥肉 Nga-nhục là thịt ngỗng tính mát, nóng nẩy nên ăn, ngỗng trắng ngỗng xanh đều có độc cả; người yếu phải kiêng.

鴨肉 Áp-nhục là thịt vịt tính lạnh bình, bổ lợi tiểu, chứng hàn thấp không nên ăn, trứng-vịt thời lạnh.

斑鳩 Ban-cưu là chim gáy, bổ âm bổ dương, những người gầy gò yếu đuối nên ăn.

白鴿 Bạch-cáp là chim bồ câu trắng tính bình, bổ tinh khí, giải các thứ độc, bệnh ghẻ lở nên dùng.

竹鷄 Trúc-kê là gà-ác, thịt lạnh không độc, bổ các bệnh hư hàn-bà nên dùng.

雀肉 Tước-nhục là thịt chim sẻ tính ôn, đại bổ dương khí, cắt chim sẻ gọi là bạch-đỉnh-hương; trị mắt có mủ, trị chứng ung dột.

鯉魚 Lý-ngư là cá chép tính bình, an thai tiêu sưng, những chứng ho thổ bệnh dột ghẻ không nên ăn.

鱧魚 Lễ-ngư là cá chuối có độc, người có bệnh phải kiêng, mật nó trị chứng hầu-tý đau cổ.

鰱魚 Túc-ngư là cá riếc bổ tý; (nhồi phen vào bụng nó đốt ra than trị chứng tiện-huyết).

鯖魚 Thanh-ngư là cá chắm tính bình, ngon lành không độc, bổ tâm trừ thấp tạng nóng nên dùng.

鱣魚 Liên-ngư là cá mè tính bình bổ tý vị hòa khí huyết; cá tươi thực ngon.

鱖魚 Quý-ngư là cá rô rất lạnh không độc, có phần bổ ích cho người yếu đuối, mật cá rô trị bệnh hóc xương; nấu rượu cho uống nôn ra khỏi ngay.



魮魚 Niêm-ngư là cá nheo tính lạnh không độc, lợi tiêu-tiến.

魴魚 Phương-ngư là cá vền, tính lạnh không độc, hòa tỳ vị, tiêu cơm.

鯪魚 Diêu-ngư là cá dầu tính bình không độc.

比目魚 Ty-mục-ngư là cá lờa-bơn tính lạnh, bình, bổ.

鱈魚 Tê-ngư là cá lạnh-canh, tuy rằng sạch sẽ không bổ ích gì.

鰕 Hà là con tôm có độc ít, chứng phong thấp, bình ho phải kiêng.

田鷄 Điền-kê là con ếch, hoặc gọi gà-dồng, nấu ăn rất ngon; người có bệnh phải kiêng.

善鳴 Thiện minh là con châu tính mát mà lạnh, và giải nhiệt.

田蟹 Điền-hải là cua đồng, giải uất kết thông mạch máu (gạch cua hòa vào sơn sống hóa ra nước).

海蟹 Hải-bãi là cua bể tính lạnh, hay động thấp khi người máu lạnh phải kiêng.

黃鱔 Hoàng-thiện là con lươn tính lạnh, bổ âm, người tạng hàn chớ dùng.

蚌蛤 Bạng-cáp là con trai tính mát, trừ phiền tiêu nóng.

蚶氏 Cam-ngõa là con sò tính ôn, bổ khí huyết, kiện tỳ vị tiêu cơm.



臟腑要藥

131. — Tạng-phù-yêu-dược

心 部

Tâm - bộ

補 心

Bồ tâm

潯仁 遠志 丹參 竜眼 菖歸 茯神 麥門 五味
Tảo-nhân, Viễn-chí, Đan-sâm, Long-nhãn, Dương-quy, Phục-thần, Mạch-môn, Ngũ vị.

瀉 心

Tả tâm

黃連 苦參 木通 犀角 昌蒲 梔子 車前 連翹
Hoàng-liên, Khổ-sâm, Mộc-thông, Tế-dác, Sương-bồ, Chi-tử, Xa-tiên Liên-kiêu

溫 心

Ôn tâm

肉桂 吳茱 藿香 蘇子
Nhục-quế, Ngô-thù, Hoắc-hương, Tô-tử.

涼 心

Lương tâm

生地 白芍 燈心 牛黃 竹葉 通草 蓮子心 竹捲心
Sinh-địa, Bạch-thược, Đăng-tâm, Ngưu-hoàng, Trúc-diệp, Thông-thảo Liên-tử-tâm, Trúc-quyển-tâm.

肝 部

Can - bộ

補 肝

Bồ can

當歸 生地 山茱 木灰 杞子 五味 烏梅
兒絲 白芍 川芎 鱉甲 龍骨 何首烏



Đương-quy, Sinh-địa, Sơn-thù, Mộc-quả, Khởi-tử, Ngũ-vị,
Ô-mai, Thổ-ty, Bạch-thược, Xuyên-khung, Biệt-giáp, Long-
cốt Hà-thủ-ô.

瀉 肝

Tả can

青皮 白芍 柴胡 前胡 青黛 鬱金 川蘆子 白葵藜
桃仁 莪朮 沉香 梔子 赤芍 鉤藤 玄胡索

Thanh bì, Bạch-thược Sài-hồ, Tiền-hồ, Thanh-dại, Uất-
kim, Xuyên-luyện tử, Bạch-tật-lê, Đào-nhân, Nga-truật, Trầm-
hương, Cbì-tử, Xích-thược, Câu-dưỡng, Huyền-hồ-sách.

溫 肝

Ôn can

木香 肉桂 陳皮 檳榔 吳茱 藜蘆 肉豆蔻
細辛 胡椒 艾葉 香附 骨碎 小茴

Mộc-hương, Nhục-quế, Trần-bì, Bình-lang Ngô-thù Tật-bát,
Nhục-dậu khấu, Tế-tân, Hồ-tiêu Ngải-diệp Hương-phụ, Cốt-
toái Tiều hồi.

涼 肝

Lương can

胡黃連 龍胆 菊花 夏枯艸 石決明
艸決明 青蒿 車前

Hồ-hoàng-liên, Long-dảm, Cúc-hoa Hạ-khô-thảo, Thạch-
quyết minh, Thảo-quyết minh, Thanh-bào, Xa-tiền.

脾 部

Tỳ - bộ

補 脾

Bổ tỳ

白朮 黃精 淮山 扁豆 薏苡 大棗
甘草 芡寔 人參 黃芪 茯苓 蓮肉

Bạch-truật Hoàng-tinh Hoài-sơn, Biền-dậu, Ý-dĩ, Đại-tào,
Cam-thảo, Khiếm-thực, Nhân-sâm, Hoàng-kỳ, Phục-linh, Liên-
nhục.



瀉脾

Tả tỳ

大黃 枳實 羅蔔 山查 麥芽 枳壳
腹皮 使君 白芷 陳皮 檳榔

Đại-hoàng, Chỉ thực, La-bặc, Sơn-tra, Mạch-nha, Chỉ-xác,
Phúc-bì, Sứ-quân, Bạch-chỉ, Trần-bì, Bình-lang.

溫脾

Ôn tỳ

製附 乾姜 葶藶 蒼朮 胡椒 木香 煨姜 白豆蔻
霍香 益智 砂仁 川椒 蕪荑 神曲 厚樸

Chế-phụ, Can-khương, Thảo quả, Xương-truật, Hồ-tiên, Mộc-
hương, Ôi-khương, Bạch-dậu-khẩu, Hoắc-hương, Ích-trí, Sa-
nhân, Xuyên-tiên, Vu-di, Thần-khúc, Hậu-phác.

涼脾

Lương tỳ

黃芩 黃伯 梔子 知母 金銀 連翹 白芍 滑石

Hoàng-cẩm, Hoàng-bá, Chí-tử, Tri-mẫu, Kim-ngân, Liên-
kiêu, Bạch-thược, Hoạt-thạch.

肺 部

Phế bộ

補肺

Bồ phế

沙參 百合 黃芪 阿膠 麥煎 五味 訶子 蛤蚧

Sa-sâm, Bách hợp, Hoàng-kỳ, A-dao, Mạch môn, Ngũ-vị,
Kha-tử, Cáp-dối.

瀉肺

Tả phế

亭藎 桔梗 蘇子 牛蒡 杏仁 前胡

升麻 貝母 竹茹 桑皮 白芥子

Đình-lich, Kết-cánh, Tô-tử, Ngưu-bàng, Hạnh-nhân, Tiền-hồ,
Tăng-ma, Bối-mẫu, Trúc-nhự, Tang-bì, Bạch-giới-tử.



溫 肺

Ôn phế

蘇 梗 生 姜 乾 姜 肉 桂 白 豆 蔻 款 冬 花

Tô-ngạnh, Sinh-khương, Can-khương, Nhục-quế, Bạch-dậu-khẩu, Khoăn-dông-hoa.

涼 肺

Lương phế

石 羔 黃 芩 竹 瀝 知 母 花 粉 天 門
玄 參 梔 子 苳 荷 海 石 地 骨 皮

Thạch-cao, Hoàng-cầm, Trúc-lich, Tri-mẫu, Hoa-phấn, Thiên-môn, Huyền-sâm, Chi-tử, Bạc-hà, Hải-thạch, Địa-cốt-bì.

腎 部

Thận - bộ

補 腎

Bổ thận

熟 地 杞 子 巴 戟 杜 仲 龜 板 女 貞 海 參 何 首 烏
鹿 茸 藥 茸 鹿 膠 牛 必 續 斷 虎 骨 麋 膠 骨 碎 補

Thục-dịa, Khởi-tử, Ba-kích, Đỗ-trung, Quy-bản, Nữ-trinh, Hải-sâm, Hà-thủ-ô, Lộc nhung, Mi-nhung, Lộc-dao, Ngu-tát, Tục-doan, Hồ-cốt, Mi-dao, Cốt-toái-bồ.

瀉 腎

Tả thận

猪 苓 澤 左 知 母 黃 伯 白 苓 赤 苓

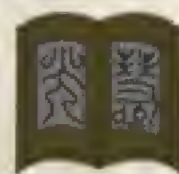
Chư-linh, Trạch-tả, Tri-mẫu, Hoang-bá, Bạch-linh, Xích-linh.

溫 腎

Ôn thận

破 故 兒 絲 小 茴 艾 葉 洗 香 製 附 肉 桂 烏 藥

Phá-cổ, Thổ-ty, Tiên-hồi, Ngải-diệp, Trầm-hương, Chế-phụ, Nhục-quế, Ô-dược.



凉 腎

Lương thận

樸硝 苦參 生地 牡丹 地骨 玄參 知母 玄明粉

Phác-tiêu, Khô-sâm, Sinh địa, Mẫu-dơn, Địa-cốt, Huyền-sâm, Tri-mẫu, Huyền-minh phần.

胃 部

Vị - bộ

補 胃

Bồ vị

人參 白朮 黃芪 紅棗 大棗 扁豆 淮山 炙草
龍眼 芡寔 蓮肉 山查 麥芽 神曲 百合 陳皮

Nhân-sâm, Bạch-truật, Hoàng-kỳ, Hồng-táo, Đại-táo, Biền-dậu, Hoài-sơn, Chích-thảo, Long-nhân, Khiếm-thực, Liên-nhục, Sơn-tra, Mạch-nha, Thần-khúc, Bách-hợp, Trần-bì.

瀉 胃

Tả vị

大黃 芒硝 巴豆 枳實 枳殼 白芥子 羅蔔子 蘇梗

Đại-hoàng, Mang-tiêu, Ba-dậu, Chích-thực, Chích-xác, Bạch-dối-tử, La-bặc-tử, Tô-ngạnh.

溫 胃

Ôn vị

丁香 豆蔻 香附 煨姜 木香 藿香 厚樸 益智
臭菜 乾姜 枳實 胡椒 川椒 良姜 砂仁 烏藥

Đinh-hương, Đậu-khẩu, Hương-phụ, Ủi-khương, Mộc-hương, Hoắc-hương, Hậu-phác, Ích-tri, Ngô-thù, Can-khương, Thảo-quả, Hồ-tiêu, Xuyên-tiêu, Lương-khương, Sa-nhân, Ô-dược.

凉 胃

Lương vị

石羔 葛根 犀角 石斛 連翹 萆薢 花粉
知母 竹葉 滑石 黃芩 梔子 芩根 升麻

Thạch-cao, Cát-căn, Tê-dác, Thạch-hộc, Liên-kiêu, Tỷ-dải, Hoa-phấn, Tri-mẫu, Trúc-diệp, Hoạt-thạch, Hoàng-cầm, Chi-tử, Mao-căn, Thăng-ma.



胆 部

Đảm - bộ

補 胆

Bồ đảm

烏梅 棗仁 龍胆 木通 胡黃連
Ô-mai, Táo-nhân, Long-đảm, Mộc-thông Hồ-hoàng-liên

瀉 胆

Tả đảm

青皮 香附 柴胡 秦艽 桔梗 川芎
Thanh-bì, Hương-phụ, Sài-hồ, Tần-dao, Kết-cánh Xuyên-
khung.

溫 胆

Ôn đảm

陳皮 生薑 肉桂 山茱 細辛 川芎
Trần-bì, Sinh-khương, Nhục-quế Sơn-thù, Tế-tân, Xuyên-
khung.

涼 胆

Lương đảm

竹茹 黃連 青蒿 槐實
Trúc-nhự, Hoàng-liên, Thanh-hao, Hòe-thực.

心 胞 絡

Tâm - bào - lạc

補 胞 絡

Bồ bào-lạc

人參 黃芪 肉桂 菴蓉 兕絲 破故 沉香
Nhân sâm, Hoàng-kỳ, Nhục quế, Thông dong, Thỏ-tỳ, Phá-
cổ, Trâm-hương.

瀉 胞 絡

Tả bào-lạc

大黃 芒硝 只壳 梔子 黃伯 烏藥
Đại-hoàng, Mang-liêu, Chỉ xác, Chi-lử, Hoàng-bá, Ô-dược



溫 胞 絡

Ôn bào-lạc

製附 乾菱 川芎 益智 豆蔻 小茴

Chế phụ, Can-khương, Xuyên-khung, Ích-trí, Đậu-khẩu, Tiểu-hồi.

涼 胞 絡

Lương bào-lạc

黃芩 知母 黃連 梔子 石羔 滑石

Hoàng-cầm, Tri-mẫu, Hoàng-liên, Chi-tử, Thạch-cao, Hoạt-thạch.

命 門

Mạnh-môn

補 命 門

Bổ mạnh-môn

肉桂 製附 沉香 硫黃 菴蓉 黃芪 胡蘆巴

Nhục-quế, Chế-phụ, Trầm-hương, Lưu-hoàng, Thông-dong, Hoàng-kỳ, Hồ-lô-ba.

瀉 命 門

Tả mạnh-môn

知母 黃芩 大黃 只壳

Tri-mẫu, Hoàng-bá, Đại-hoàng, Chỉ-xác.

溫 命 門

Ôn mạnh-môn

川芎 破故 臘 朮 臍

Xuyên-khung, Phá-cổ, Ôt-nột-lê.

涼 命 門

Lương mạnh-môn

黃連 梔子 黃芩 石羔

Hoàng-liên, Chi-tử, Hoàng-bá, Thạch-cao.

三 焦

Tam-tiêu

補 三 焦

Bổ tam-tiêu

淫羊藿 藟 藟 黃芪 黃芪 黃芪

瀉三焦

Tả tam-tiêu

青皮 木香 柴胡 香附
Thanh-bì, Mộc-hương, Sài-hồ, Hương-phụ.

溫三焦

Ôn tam-tiêu

烏藥 胡桃 白豆蔻 肉豆蔻
Ô-đước, Hồ-đào, Bạch-đậu-khẩu, Nhục-đậu-khẩu.

涼三焦

Lương tam-tiêu

梔子 麥門 黃伯 地骨 青蒿 連翹
Chi-lử, Mạch-môn, Hoàng-bá, Địa-cốt, Thanh-bao, Liên-kiêu.

小腸

Tiểu-tràng

補小腸

Bổ tiểu-tràng

沉香 肉桂 生地 牡蠣 石斛 草稍
Trầm-hương, Nhục-quế Sinh-dịa Mãn-lệ, Thạch-hộc, Thảo-sao.

瀉小腸

Tả tiểu-tràng

木通 荔枝 川練 赤芍 燈心 蘇葉 赤苓
Mộc-thông, Lê-hạch, Xuyên-luyện, Xích-thược, Đăng-tâm, Tô-diệp, Xích-linh.

溫小腸

Ôn tiểu-tràng

巴戟 烏藥 大茴 小茴
Ba-kích, Ô-đước, Đại-hồi, Tiểu-hồi.

涼小腸

Lương tiểu-tràng

通草 花粉 黃芩 茅根
Thông-thảo, Hoa-phấn, Hoàng-cầm, Mao căn.

膀胱

Bàng-quang

補膀胱

Bổ bàng-quang

益智 橘核 昌蒲 龍骨 續斷
Ích trí, Quất-hạch, Sương-bồ, Long-cốt, Tục-đoạn.



瀉 勝 胱

Tả bàng-quang

防已 木通 豬苓 澤左 姜活 防風 亭瀝 蒲黃
Phòng-kỷ, Mộc-thông, Chư-linh, Trạch tả, Khương-hoạt,
Phòng-phong, Đình-lịch, Bồ-hoàng.

溫 勝 胱

Ôn bàng-quang

吳茱 小回 洗香 肉桂 烏藥 製附
Ngô thù, Tiểu-hồi, Trầm-hương, Nhục-quế, Ô-dược, Chế-phụ.

涼 勝 胱

Lương bàng-quang

黃伯 梔子 車前 艸稍 茵陳 竜胆
Hoàng-bá, Chi-tử, Xa-tiên, Thảo sao, Nhân-trần, Long-dâm.

大 腸

Đại-tràng

補 大 腸

Bồ đại-tràng

粟壳 訶子 百合 五倍 蓮肉 荳蔻
Túc-xác, Kha-tử, Bách-hợp, Ngũ bội, Liên-nhục, Đậu-khẩu

瀉 大 腸

Tả đại-tràng

大黃 芒硝 巴豆 桃仁 石斛 黑丑
枳壳 腹皮 檳榔 白芷
Đại-hoàng, Mang-tiêu, Ba-dậu, Đào-nhân, Thạch-hộc, Hắc-sửu,
Chi-xác, Phúc-bì, Bính-lang, Bạch-chỉ

溫 大 腸

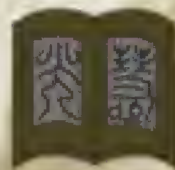
Ôn đại-tràng

胡椒 吳茱 破故 乾姜 杞子 肉桂 當歸 木香
Hồ-tiêu, Ngô-thù, Phá-cổ, Can-khương, Khôi-tử, Nhục-quế,
Đương-quy, Mộc-hương

涼 大 腸

Lương đại-tràng

黃芩 玄參 黃伯 地榆 槐花 知母 花粉 連翹
Hoàng-cầm, Huyền-sâm, Hoàng-bá, Địa-du, Hòe-hoa, Tri-mẫu,
Hoa-phấn, Liên-kiêu.



南 藥

432. — Nam dược

烏白木 Ô-cửu-mộc là cây sồi.

旱蓮 Hạm-liên, 鯉腸艸 Lý tràng-thảo cùng là lá nhỏ nổi

南烏藥 Nam-ô dược là cây tầm-xong.

南木香 Nam-mộc hương là vỏ - rui.

夏枯草 Hạ-khô-thảo là cây cải rừng

截路草 Tiết lộ-thảo là giấy sột-sạt.

鷄腸草 Kê-tràng-thảo, 鳳凰腸 Phượng-hoàng-tràng đều là giấy ruột-gà.

鳳凰巢 Phượng-hoàng-xào là vỏ trứng-gà ấp.

鳳凰衣 Phượng-hoàng-y là mạng vỏ trứng-gà ấp

紫棕竹 Tử-tông-trúc là cây huyết dụ.

游龍菜 Du-long-thái là rau dừa mọc dưới nước

南牛膝 Nam-ngưu-tất là rễ cỏ xước.

南生地 Nam-sinh-địa là củ mồng-tơi.

鳳仙花 Phượng-tiên-hoa là hoa móng-nước

急性子 Cấp-tính-tử là hạt móng-nước.

地菰 Địa-tùng, 天名精 Thiên-danh-tinh 活鹿草
Hoạt-lộc-thảo đều là cây xương-xông.

石胡荽 Thạch-hồ-tuy là lá cóc-mần.

南柴胡 Nam-sái-hồ là rễ cúc-tần.

白童男 Bạch-dồng-nam là cây mần-trắng.

赤童女 Xích-dồng-nữ là cây mần đỏ.

胡荽 Hồ-tuy là rau mùi.



- 小茴 Tiều-hồi là hột thì-là.
三柰 Tam nại là củ địa-liễn.
木鱉子 Mộc-biết-tử là hột - gáo.
兒絲 Thử-sỹ là giấy tơ - hồng.
防已 Phòng-kỷ là rễ-gấc.
棕竹 Tông-trúc là cây lụi.
椶櫚子 Tông-lư-tử là hột cây móc.
蒲黃 Bồ-hoàng là cỏ-nến.
山茨根 Sơn-phục-căn là củ dây-sơn-thực
千年健 Thiên-niên-kiện là rễ củ sơn-thực.
白粉藤 Bạch-phấn-dăng là dây thìa-vôi.
蒼耳子 Xương-nhĩ-tử là quả ké
王不留行 Vương-bất-lưu-hành là cây ké.
地梧桐 Địa-ngô-dồng 臭梧桐 Sú-ngô-dồng, 木芙蓉 Mộc-phù-dung cùng là cây phù-dung.
菰蔞草 Hy-thiên-thảo là lá chó-dẻ.
酸漿 Toan-lương là chua me đất
忍冬藤 Nhẫn-dông-dăng là da kim ngân
西河柳 Tây-bà-liễn, 水楊 Thủy-dương đều là cây-
và hoặc cây gạo-nước.
草決明 Thảo-quyết-minh là hột muồng-muồng.
石決明 Thạch-quyết-minh là vỏ trai cứu-không.
芸薹菜 Vân-đài-thái là cây dầu dậu tía.
葶麻子 Tỳ-ma-tử là hột dầu dậu tía.
鮫鯉甲 Giao-lý-giáp, 穿山甲 Xuyên-sơn-giáp đều
là vảy lè-lè.
天將軍 Thiên-lương-quân là con ong-bụt.
地將軍 Địa-lương-quân, 螻蛄 Khương-lang đều là
con bọ-bung



蜜 望 Mật-yọng là quả muôm,

夭 桃 Yếu đào là quả soài

菴 羅 Am-la là quả thị.

大 柰 Đại nại là quả mít.

栗 Lật là hạt dẻ to nhơn của tây.

桂 林 權 Quế-lâm-chùy là hạt-dẻ An-nam nhỏ bé.

萊 Lai là lá sả

黃 蜡 Hoàng thổ 黃 占 Hoàng chiêm 黃 蠟 Hoàng-lạp
đều là sáp ong vàng.

血 餘 Huyết dư 亂 髮 Loạn-phát đều là tóc người.

廣 茂 郎 莪 朮 Quảng-mậu là Nga-truật.

管 仲 郎 貫 眾 Quán-trọng là Quán chúng.

棠 毬 郎 山 查 Đường-cần là Sơn-tra (bồ quân)

茺 蔚 郎 益 母 Sung-úy là Ích-mẫu

水 律 郎 胡 桐 淚 Mộc-luật là Hồ-dồng-lệ.

阿 梨 勒 郎 訶 子 A-lê-lặc là Kha-tử

辛 夷 Tân-di là búp da lòng.

魚 腥 菜 Ngư-tinh thái là lá rấp.

苣 Nghiễn là rau dền.

馬 齒 莧 Mã-sĩ-nghiễn là rau sam.

梔 子 Chi-tử là quả giảnh.

葛 根 Cát căn là củ sắn.

王 灰 Vương-quả là quả rom.

扁 蓄 Biền súc là thái-lài

車 前 Sa-tiền là cây má-dề.

甘 蕉 根 Cam-tiêu căn là củ chuối.

射 干 Xạ-can là củ lười - dòng hoặc cây rẽ - quạt.

使 君 Sử-quân là quả dụn.

犬 腹 皮 Đại-phúc-bì là bộ mèo cau.



- 薯蕷 Thự-dự là củ-mài.
燈心草 Đẳng tâm-thảo là bắc.
亭蕷 Đình-lic là rau đay.
蝻 蝻 Tề-tào là sâu-giâu.
蜚蠊 Phi-liêm là con rân.
田鷄 Điền-kê, 水鷄 Thủy kê đều là gà-dồng, (con ếch).
廣虫 Giá trùng là con rân đất.
海鰮 鰮 Hải-phiêu-tiểu, 鰮 魚 Tắc ngư đều là con
mắm mực.
烏賊骨 Ô-tặc-cốt là mai mắm-mực.
班蝥 Ban-mâu 斑貓 Ban miêu đều là con sâu-dậu.
蝸牛 Oa-ngưu là con ốc-sên.
蜾蠃 Hà-mô là con Ình-ương.
天牛 Thiên-ngưu là con xéu-tóc.
天龍 Thiên-long, 蚣 蜈 Ngô-công đều là con rết.
蠍 蝦蟆 Lại-hà-mô, 蟾 蜍 Thiềm-thừ đều là con cóc.
蛙 蛤 Oa-cáp là con ếch.
螻 蛄 Lâu-quắc, 善 鳴 Thiện-minh đều là con châu-
chuộc.
田螺 Điền-loa là con ốc-nhồi.
螃 蟹 Bạng-hải là con cua.
蚌 Bạng là con trai.
蚌 Cam là con sò.
蜆 Nghiễn là cái hến.
馬 刀 Mã-đao là con trùng-trục.
蝦 Hà là con tôm.
土 蟻 Thổ-hà, 火 虫 Hỏa-trùng đều là con rươi.

製桂論

醫藥首重大味。凡味補水火之二神劑也。就中惟肉桂最難求。誤用者反益病。貽命之職。豈甘束手乎。此製桂之不可不論也。夫人生有賢愚之不同。草木有良毒之各異。城市之人多清驥。村野之人常鄙猥。勸之以羅綺者。鄙艷粧。服之以麻葛者。總醜陋。教之以詩書者。皆聰明。習之以耕耨者。盡魯鈍。草木之類亦然。且觀夫肉桂產於清化者。紋理細膩。味甘而馨香。出於雜山者。體質粗頑。味辛而臭惡。書云。天生人。人成天。又云。習與性成。聖賢同歸。則愚蠢者。教訓之可以進乎明敏。醜陋者。粧點之可以壯其容儀。人生能變化其氣質。而況於肉桂可無製煉乎。去辛臭以反其甘香。除惡毒而轉為良善。所謂盜賊化為君子。信然矣。海上懶先生有製桂法。徒使歛降而未殺其毒。譬猶收醜陋存何堪應用。從事斯道者。當熟思之。

